

HỒ SƠ QUYỀN LỰC

Gorbachev

MARTIN MCCAULEY

**Dây cương chính trị
đã tuột khỏi tay Gorbachev
như thế nào?**

 **alpha books**
Knowledge is power



NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

Lời nói đầu

Chú giải về Đảng và Chính quyền

CHƯƠNG 1. Bối cảnh: Đất nước bình yên

CHƯƠNG 2. Ngôi sao đang lên

CHƯƠNG 3. Perestroika giai đoạn I: 1985-1987

CHƯƠNG 4. Perestroika giai đoạn II: 1987-1989

CHƯƠNG 5. Chính sách perestroika giai đoạn III: 1990-1991

CHƯƠNG 6. Cuộc đảo chính và hồi kết

CHƯƠNG 7. Phần kết

CHÚ GIẢI

NIÊN BIỂU CÁC SỰ KIỆN

LỜI GIỚI THIỆU

(cho bản tiếng Việt)

Có hai nhân vật làm nên diện mạo nước Nga và các quốc gia thuộc Liên Xô cũ, đó là Gorbachev và Boris Yeltsin. Mikhail Sergeevich Gorbachev* sinh ngày 2/3/1931. Ông là nhà lãnh đạo Liên bang Xô viết từ năm 1985 tới năm 1991. Những nỗ lực thực hiện cải cách của ông đã góp phần chấm dứt Chiến tranh Lạnh, nhưng cũng làm quyền uy tối cao của Đảng Cộng sản Liên Xô kết thúc và làm tan rã Liên bang Xô viết. Nhưng ông cũng lại được nhận giải Nobel Hoà bình năm 1990.

Sinh ra trong một gia đình nông dân tại làng Privolnoe gần Stavropol và dù thành phần gia đình bình thường, nhưng Mikhail Gorbachev luôn tỏ ra xuất sắc trong lao động và học tập. Ở trường, ông được coi là học sinh thông minh nhất lớp, đặc biệt trong môn lịch sử và toán học.

Nhờ trí tuệ đó mà ông thăng tiến nhanh chóng trên con đường sự nghiệp. Ông trở thành ủy viên Ban Chấp hành Trung ương năm 1971; trở thành đại biểu Xô viết Tối cao năm 1974; vào Bộ Chính trị năm 1979. Trong giai đoạn này, ông được đánh giá cao và có uy tín lớn. Ông đã cùng với Andropov thay 20% số quan chức cao cấp, các bộ trưởng trong Chính phủ cũng như các thống đốc địa phương bằng những người trẻ tuổi. Chính trong thời gian này, những nhân vật như Grigory Romanov – ủy viên chính thức Bộ Chính trị, Nikolai Ryzhkov – Phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô và Egor Ligachev – Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng... bắt đầu được cất nhắc và trở thành những đồng minh thân cận của ông.

Thời kỳ làm Tổng Bí thư, Gorbachev đã tạo ra nhiều biến động nhất. Được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 11/3/1985, sau khi Konstantin Chernenko qua đời, Mikhail Gorbachev lúc này 54 tuổi đã tìm cách thay đổi tình trạng trì trệ của Đảng Cộng sản Liên Xô cũng như của nền kinh tế bằng cách đưa ra những mô hình glasnost (“công khai”), perestroika (“cải tổ”) và uskoreniye (“tăng tốc”) với nghĩa phát triển kinh tế. Những chương trình này lần đầu tiên được đưa ra tại Đại hội lần thứ 27 Đảng Cộng sản Liên Xô tháng 2/1986. Ông hy vọng qua các chương trình này sẽ cải thiện đời sống nhân dân, năng suất sản xuất, nhưng nhiều biện pháp cải cách của ông bị những thành viên lãnh đạo trong Chính phủ Xô viết vào thời điểm ấy coi là cực đoan.

Trên trường quốc tế, Gorbachev tìm cách cải thiện mối quan hệ chính trị và thương mại với phương Tây. Ông thiết lập mối quan hệ thân thiết với nhiều nhà lãnh đạo phương Tây, như Thủ tướng Đức Helmut Kohl, Tổng thống Hoa Kỳ Ronald Reagan và Thủ tướng Anh Margaret Thatcher. Gorbachev cũng có đóng góp to lớn trong việc giải trừ vũ khí hạt nhân tầm trung ở châu Âu, chấm dứt chạy đua vũ trang với Hoa Kỳ, và phần nào đó chấm dứt cuộc Chiến tranh Lạnh.

Tuy nhiên, những cải cách trong nước cũng như xu hướng thân phương Tây của ông và nền kinh tế khó khăn, ảm đạm khiến một bộ phận lớn nhân dân và những người cộng sản cứng rắn vẫn là một lực lượng mạnh bên trong Đảng Cộng sản và Quân đội bất bình. Sự tan rã của đất nước Xô viết, sự lên ngôi của chủ nghĩa tư bản, của phe Yeltsin và sự khủng hoảng toàn diện về đời sống kinh tế chính trị xã hội của Nhà nước Liên Xô khiến Gorbachev phải từ giã vũ đài chính trị vào ngày 25/12/1991, khi Liên bang Xô viết chính thức sụp đổ.

Những ý kiến đánh giá về di sản của Gorbachev rất trái ngược nhau. Ở phương Tây, Gorbachev giành được thiện cảm như là người góp phần chấm dứt Chiến tranh Lạnh. Tại Đức, ông được hoan nghênh vì đã đồng ý với

việc thống nhất nước Đức. Thế nhưng tại nước Nga và các quốc gia SNG, ông mang tiếng xấu như là kẻ làm sụp đổ đất nước Liên Xô và phải chịu trách nhiệm về cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra sau đó. Tuy vậy, những cuộc điều tra sau này cho thấy, phần lớn người Nga hài lòng với những mục tiêu của chính sách hướng tới cá nhân con người – di sản lập pháp chính của Gorbachev – và sự tự do mà quá trình đó mang lại. Nhưng những người khác, đặc biệt những người sống ở Liên Xô cũ, tin rằng Liên bang Xô viết thời kỳ ấy không phải là ở vào tình trạng khủng hoảng kinh tế tồi tệ như từng được tuyên bố và coi Gorbachev là một chính trị gia kém cỏi đã đưa ra những cải cách sai lầm. Trong những năm cuối đời, Lazar Kaganovich đã nói trong một cuộc phỏng vấn rằng thời kỳ cầm quyền của Gorbachev chính là sự phá hủy trực tiếp đất nước Liên Xô. Có nhiều giai thoại về vết bớt màu đỏ trên cái trán hói của ông. Một số người còn so sánh vết bớt này và hai ngón tay cụt trên bàn tay trái của Boris Yeltsin với một đoạn trong Kinh Thánh nói rằng quỷ Satan vẫn đánh dấu những đứa con của mình trên trán và trên bàn tay.

Cũng như hầu hết các nhân vật lịch sử khác, Gorbachev đã để lại những di sản mà hậu quả còn kéo dài, gây những phản ứng, đánh giá mâu thuẫn, trái ngược nhau. Tất cả những đánh giá đó còn cần rất nhiều thập kỷ nữa mới có thể trở nên chính xác và khách quan.

Nhưng chính những mâu thuẫn, những hành động khác thường, những hậu quả khó lường mà các chính trị gia luôn trở thành tâm điểm cho sự chú ý của xã hội. Thông qua cuốn sách này, Công ty Sách Alpha và Trung tâm Hợp tác Trí tuệ Việt Nam (VICC) mong muốn cung cấp cho độc giả những thông tin cần thiết, để nhìn nhận rõ hơn lịch sử và sự thăng trầm của một đất nước có quan hệ mật thiết với dân tộc Việt Nam.

Tháng 9 năm 2008

NGUYỄN CẢNH BÌNH

Giám đốc Công ty Sách Alpha

Lời nói đầu

Bảy nhân vật tên tuổi đã tạo nên rồi phá hỏng Perestroika (Công cuộc cải tổ của Liên bang Xô viết) gồm Mikhail Gorbachev, Eduard Shevardnadze, Aleksandr Yakovlev, Egor Ligachev, Nikolai Ryzhkov, Boris Yeltsin và Georgy Razumovsky. Sau đó chỉ còn lại sáu người, khi Ligachev qua đời vào mùa hè năm 1988. Sau này còn lại năm, khi Yeltsin rời bỏ ê-kíp. Cuối cùng, chỉ còn lại một mình Mikhail Sergeevich Gorbachev. Ông đã rời bỏ mọi người hay mọi người rời bỏ ông? Quanh ông, chỉ còn lại những người bạn phù thịnh, thực dụng như Anatoly Lukyanov, Vladimir Kryuchkov, Sergei Akhromeev, Boris Pugo, Valentin Pavlov, Gennady Yanaev, Dmitry Yazov, Valery Boldin, Oleg Shenin và nhiều nhân vật khác nữa. Nhưng họ đã phụ lòng tin của ông hay theo cách biện bạch của họ rằng họ đang cố giải thoát Liên bang Xô viết khỏi tay Gorbachev? Các nhà cố vấn đến rồi lại đi, nhưng hai nhân vật có ảnh hưởng nhất vẫn ở lại là Anatoly Chernyaev và Georgy Shakhnazarov. Gorbachev hay nổi nóng. Ligachev, Shevardnadze, Ryzhkov và Yeltsin đều cảm thấy khó chịu về cách đối xử của ông. Họ cảm thấy bị ông coi thường ra mặt. Một số thì nghĩ khác. Shevardnadze và Yakovlev cố hàn gắn quan hệ với Gorbachev đã nhưng quá muộn.

Một con người như vậy hẳn là phi thường. Ông lãnh đạo Đảng rồi tự nguyện từ chức Tổng Bí thư. Nhưng chính ông cũng là người làm suy giảm sức mạnh của Đảng và Nhà nước. Tất cả những điều đó chứng tỏ những tư chất đặc biệt của nhà lãnh đạo này, có tài hấp dẫn, thuyết phục, khéo né tránh vấn đề, giỏi che đậy, giỏi vận động, khôn ngoan và có kỹ năng chiến thuật. Ông còn là người gặp thời. Ông đạt được kỳ tích phi thường là một nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Xô viết, trở thành nhân vật nổi tiếng ở nước ngoài nhiều hơn ở trong nước. Ông là người nổi tiếng nhất khi sang thăm Mỹ, vùng đất của chủ nghĩa tư bản, kẻ thù không đội trời chung của

chủ nghĩa cộng sản. Ông làm mê hoặc hai vị tổng thống Mỹ là Reagan và Bush, những người sinh ra đã sẵn có dòng máu chống cộng, và họ đã đạt được nhiều thỏa thuận, sự kiện mà không ai tin nổi vào thời điểm 1985. Những bài phát biểu của ông ở nước ngoài đều mang một ý nghĩa nào đó. Ông tuyên bố Liên bang Xô viết muốn rút quân đội khỏi Afghanistan. Các quan chức tình báo CIA không tin ông nói thật và đánh cược là quân đội Liên Xô sẽ tiếp tục ở lại đây. Ông cũng thuyết phục Margaret Thatcher – một người theo xu hướng thị trường tự do – đến mức bà trở thành người ủng hộ nhiệt tình cải cách trong nước của ông.

Nhưng ông đã thất bại. Ông tiến hành cải cách mà không hiểu rõ về nó và thiếu một tầm nhìn giúp ông nhận biết mình đang lái con tàu cải cách theo hướng nào. Những cải cách lúc đầu của ông là dựa trên những giả định sai. Điểm yếu nhất của ông là chính sách cải cách kinh tế và vấn đề dân tộc, sắc tộc. Ông phải trả giá đắt vì thiếu sáng suốt và thiếu sự thông cảm với các dân tộc không phải Nga. Nhưng vì sao ông lại nắm được quyền lãnh đạo lâu đến vậy? Nhân tố chính giúp ông là sự tự tin, ông tin mình có tài thuyết phục mọi người làm theo ý mình; ông cũng tin mọi việc ông làm đều đúng, sớm muộn gì người ta cũng sẽ nhận ra điều đó. Ông đủ tinh táo để nhận ra ông phải bắt kịp thời đại, rằng thời thế và thế giới chẳng chờ đợi ai.

Rất khó để đánh giá hết những việc ông làm. Có rất nhiều nguồn tư liệu và những ghi chép về ông nhưng tính cách của ông vẫn còn là một ẩn số. Ông là một người khó gần và khó hiểu. Tính chuyên quyền của ông làm nhiều người khó chịu. Ông cũng rất cục cằn với các trợ lý và các nhà chức trách. Ông không mấy để ý tới cảm nhận của họ. Ông không bao giờ khen các đồng sự hoặc khuyến khích họ đạt nhiều thành công hơn. Ông không phải là nhà quản lý đội bóng có hiệu quả, có khả năng nhận biết các điểm yếu và lựa chọn các cầu thủ giỏi, vì vậy đội bóng của ông là một tập thể rời rạc, lối chơi phụ thuộc vào một vài cá nhân. Ông sẵn sàng lắng nghe người nước ngoài nhưng lại không chịu nghe người trong nước. Ông được ví như là F. W. de Klerk¹ của Liên Xô, một nhà lãnh đạo lớn thời kỳ quá độ. Cả hai

đều cho rằng hệ thống các giá trị mà họ theo đuổi đều sai. Do vậy, họ không ngần ngại làm những việc họ cho là đúng.

Nghiên cứu này không có ý định xét lại giai đoạn lịch sử thời kỳ 1985-1991. Cuốn sách chỉ đề cập những khía cạnh góp phần làm sáng tỏ chặng đường sự nghiệp của Gorbachev, không bao gồm các khía cạnh rộng lớn về tri thức, văn học, tôn giáo, khoa học. Gorbachev là con người làm thay đổi thế giới. Chẳng bao giờ có hai người nhất trí về di sản mà ông để lại cho thế giới. Không phải chính trị gia nào cũng thành công nhưng một số người này vấp phải sai lầm nghiêm trọng hơn những người khác. Nếu Gorbachev thất bại thì ông thất bại kinh hoàng.

Nguồn tài liệu chính để viết cuốn sách này là các bài viết của Gorbachev, đặc biệt là cuốn Hồi ký của ông cùng các cuốn sách của Archie Brown và Jack F. Matlock Jr.

Chú giải về Đảng và Chính quyền

Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết là một nhà nước do Đảng và chính quyền lãnh đạo. Phần dưới đây ghi chi tiết các đặc điểm chính trong mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền. Sự tương đương giữa cơ quan Đảng và chính quyền được phân theo từng cấp.

Đảng	Chính quyền
Bộ Chính trị (Đoàn Chủ tịch 1952-1966), Đảng Cộng sản Liên Xô (CPSU)	Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Ban Chấp hành Trung ương	Hội đồng Bộ trưởng Liên bang Xô viết
Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô	Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao
Ban Bí thư Đảng của nước cộng hòa (VD: Ukraine)	Hội đồng Bộ trưởng nước cộng hòa
Ban Chấp hành Trung ương Đảng nước cộng hòa	Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao nước cộng hòa
Đại hội Đảng nước cộng hòa	Xô viết Tối cao nước cộng hòa
Đảng ủy địa phương (khu, tỉnh)	Xô viết tỉnh, thành, khu
Hội nghị Đảng ủy địa phương	Không có cấp tương đương
Các cơ quan Đảng cấp huyện	Xô viết cấp huyện
Hội nghị Đảng bộ cấp quận huyện	Không có cấp tương đương
Các tổ chức Đảng cơ sở (xí nghiệp, nông trang tập thể)	Không có cấp tương đương
Đảng viên	Các cử tri

CHƯƠNG 1

Bối cảnh: Đất nước bình yên

Sự nghiệp Gorbachev gắn liền với những biến động chính trị của Liên bang Xô viết. Chương này đem đến cho độc giả một cái nhìn tổng quan về hệ thống chính trị Xô viết từ khi thành lập năm 1917. Lenin thay đổi tư duy nhiều lần để chèo lái con thuyền đất nước phát triển, nhưng khi việc cải tổ cơ cấu hệ thống Xô viết còn dang dở thì ông qua đời năm 1924. Những người kế nhiệm ông đã hoàn thành tốt chương trình cải cách giai đoạn đầu vào thập niên 1920 nhưng sự thăng thế của Stalin đã đánh dấu chấm hết cho nền kinh tế thị trường, mở đầu nền kinh tế kế hoạch tập trung. Với cơ chế này, quyền hành kinh tế, chính trị tập trung ở Moskva, nằm trong tay Stalin và những người cùng phe cánh. Cơ chế kinh tế mới ngày càng tỏ ra kém hiệu quả nhưng mãi đến khi Stalin mất năm 1953, ý tưởng cải cách cơ chế kinh tế cũ mới xuất hiện. Khrushchev cố gắng tiến hành các cải cách triệt để nhưng ông không bao giờ có thể vượt qua áp lực dồn ép từ nền kinh tế phân tán và quyền hành chính trị tập trung. Kosygin đã cố gắng mạnh dạn trao cho các xí nghiệp quốc doanh quyền quyết định nhiều hơn nữa, nhưng các sự kiện diễn ra ở Tiệp Khắc năm 1968 làm cho những ý niệm của ông bị tê liệt hoàn toàn.

Liên bang Xô viết là một quốc gia chịu sự lãnh đạo của Đảng, còn về hành pháp thì các Hội đồng Xô viết lãnh đạo và giám sát Ủy ban nhân dân địa phương cùng cấp. Việc giải quyết các mối quan hệ đan xen phức tạp này đánh dấu từng bước tiến của Gorbachev.

DI SẢN CỦA CHỦ NGHĨA LENIN

Trong bài viết về các nền kinh tế giai cấp¹, Karl Marx không bao giờ đề cập yếu tố dự đoán. Ông là người thuộc về thời kỳ trước năm 1914, khi con người chỉ dám mơ một ngày nào đó họ có thể biết được mọi điều họ cần và hòa bình sẽ thế chỗ chiến tranh. Niềm tin con người có thể khám phá mọi quy luật sinh tồn đã đưa Marx đến nhận thức về cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, giữa giới chủ và giới làm thuê, nó tựa như một vở kịch mà các nghệ sĩ trên sân khấu nhập vai đã định trước và họ không có quyền thay đổi vai diễn. Đoạn kết của vở kịch là cuộc cách mạng, kết quả tất yếu và không thể tránh khỏi. Weltanschauung, hay thế giới quan này đã được Lenin và những người Bolshevik khai thác và vận dụng một cách háo hức với lòng tin như tin vào Chúa. Họ tin là có thể kiến tạo được tương lai và tương lai là sự vươn lên của quá khứ và hiện tại, chỉ ngày càng tốt đẹp hơn. Quan trọng hơn nữa, họ cho là họ có thể định hướng một tương lai theo ý thích của riêng mình. Nhân tố nổi bật là Lenin đã xây dựng được một ý chí, ông tin mình và Đảng Bolshevik có thể dệt nên một bức tranh nước Nga theo ý muốn. Ông đã nghĩ như thế nào về tương lai của nước Nga phát triển qua các giai đoạn? Người ta cho rằng Nikolai Bukharin và Lev Trotsky có tác động đến quan điểm của Lenin, vì vậy nước Nga thời đó có thể được coi là tác phẩm của ba nhân vật cầm quyền này.

Lenin chịu nhiều ảnh hưởng của mô hình phát triển kinh tế Đức thời chiến và ông nhận ra các điểm mạnh của chủ nghĩa tư bản, coi đó là tiền đề quan trọng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa tư bản lập ra công cụ quản lý kinh tế thông qua hệ thống ngân hàng, tập đoàn tư bản và các dịch vụ viễn thông... Không có giới ngân hàng, chủ nghĩa xã hội không tồn tại... Các ngân hàng lớn chính là công cụ của nhà nước, cái mà chúng ta cần áp dụng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, và chúng ta cần tiếp thu cái có sẵn của chủ nghĩa tư bản... Một ngân hàng nhà nước riêng, ngân hàng lớn nhất trong hệ thống ngân hàng, theo đó là hệ thống chi nhánh ngân hàng địa phương được thành lập ở

mỗi vùng nông thôn, trong mỗi nhà máy sản xuất đã tạo ra chín phần mười bộ máy hoạt động của chủ nghĩa xã hội.

Quan điểm về một nhà nước gắn với giới công chức đã dần mờ nhạt và Lenin chủ trương phá bỏ mô hình nhà nước đó. Theo ông, phải xây dựng một mô hình hoàn toàn mới. Một nhà nước công xã sẽ thay thế nhà nước cũ, nhà nước công xã này sẽ lập ra các Xô viết, hợp tác xã, công đoàn, ban lãnh đạo nhà máy và các tổ chức đại diện cho nhân dân để điều hành. Các nhà chức trách do dân bầu ra đại diện cho quyền lợi của nhân dân sẽ điều hành công việc của nhà nước, chịu trách nhiệm trước cử tri bất kỳ lúc nào và được trả mức lương như người lao động bình thường. Quan niệm về chủ nghĩa xã hội này gắn xã hội với nhà nước. Năm 1918, tên Đảng Bolshevik được đổi thành Đảng Cộng sản toàn Nga nhằm khẳng định quyết tâm của giới lãnh đạo trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không có nhiều người quan tâm đến quá trình tiến hành bầu cử, tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng, quyền miễn trừ của người đại diện ứng cử và các quyền dân sự. Sở dĩ như vậy là vì Lenin không xem nhà nước hay chính trị (Lenin hiểu nó cũng như các mối quan hệ giữa giới tư bản và người lao động) là bất biến, tồn tại mãi mãi vì cả nhà nước và chính trị đều biến mất cùng với sự biến mất của việc người bóc lột người. Mục tiêu hàng đầu trong chính sách của Lenin là xóa bỏ sự bóc lột, nghĩa là xóa bỏ sự tồn tại của các giai cấp trong xã hội. Khi loài người đạt được mục tiêu này sẽ không cần đến nhà nước và chính trị. Xã hội sẽ trở thành một xã hội tự trị và tự quản.

Năm 1920-1921, Lenin, Bukharin và Trotsky xây dựng lại quan điểm của họ về nhà nước. Họ cùng đi đến kết luận rằng chủ nghĩa xã hội không đồng nhất với sự tham gia của đông đảo quần chúng vào việc quản lý các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội. Việc quản lý công nhân, các ủy ban điều hành nhà máy, các tổ chức công đoàn, Xô viết, lực lượng dân quân và các hợp tác xã được đưa lên hàng đầu, đây là giai đoạn phá bỏ cơ chế cũ của cách mạng. Quần chúng đã không tạo ra nhân tố tích cực, mà trên thực tế họ còn góp phần đưa nước Nga Xô viết đến chỗ tan rã. Lenin kết luận chủ

nghĩa xã hội không còn được gắn kết với các mối quan hệ quyền lực mà nó được chuyển hóa thành khả năng sản xuất, do vậy tăng trưởng kinh tế sẽ dẫn đến sự giàu có. Lần đầu tiên, những người lãnh đạo Bolshevik xác định rõ sự khác biệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, mặc dù cho đến nay, những thuật ngữ này vẫn được sử dụng hoán đổi cho nhau. Nền chuyên chính của giai cấp vô sản được tái xác lập và không phải toàn thể tầng lớp lao động đều có thể thực hiện quyền chuyên chính đó. Chỉ có đội tiên phong trong tầng lớp công nhân mới có khả năng lãnh đạo và điều hành nhà nước. Đội tiên phong đó ở chính ngay trong Đảng.

Giai cấp vô sản vẫn còn bị chia rẽ, bị thoái hóa, một bộ phận thậm chí bị mua chuộc... một tổ chức đại diện cho toàn bộ giai cấp vô sản không thể thực hiện được chuyên chính vô sản. Nền chuyên chính vô sản đó chỉ có thể được thực hiện bởi một đội ngũ tiên phong hội đủ phẩm chất cách mạng, đại diện cho giai cấp đó.

Những người cộng sản chiếm thiểu số và điều này làm sáng tỏ thêm định nghĩa của Lenin về nền chuyên chính: “Không một thứ luật pháp nào hay một quy định nào có thể ngăn cản được nền chuyên chính nếu không trực tiếp dựa vào quyền lực”.

Chỉ nhận được ít sự ủng hộ công khai, quan điểm này dẫn đến tâm lý lo ngại. Lenin bộc trực thừa nhận ông và những người Bolshevik đang lặp lại đúng mô hình nhà nước đế quốc mà họ muốn phá hủy. Chừng nào cuộc xung đột giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội còn tiếp diễn, những người Bolshevik sẽ không thể hứa hẹn bất kỳ “sự tự do hay dân chủ nào”. Công nhân cần phải được củng cố thành một giai cấp và để đạt được điều này, họ phải được tập hợp lại thành một chính đảng duy nhất. Lenin phát biểu ngắn gọn: “Từ nay trở đi, ít chính trị là chính trị nhất”.

Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 2, lần đầu tiên Lenin đưa ra cơ cấu tổ chức của đảng cộng sản. Cốt lõi là cơ chế tập trung dân chủ, có nghĩa là không một thành viên nào hoặc một tổ chức nào có quyền chống lại

đường lối chỉ đạo của một cơ quan quyền lực tối cao. Những ai chống đối có thể bị khai trừ. Năm 1921, tại Đại hội Đảng lần thứ 10, khi bị phê phán, Lenin bực tức đã nổi đóa: “Chúng ta không phải là câu lạc bộ tranh luận”. Một nghị quyết đã được thông qua và cấm chủ nghĩa bè phái (chống đối).

Như vậy, theo quan điểm Lenin, cần loại bỏ dần chính trị khỏi đời sống xã hội. Nhiệm vụ hàng đầu của đảng và chính quyền là soạn thảo kế hoạch quốc gia nhằm khai thác tối đa nguồn vốn và lao động sẵn có trong nước. Dưới thời Cộng sản thời chiến (1918-1920), một cơ quan quốc gia chịu trách nhiệm điều hành nền kinh tế là Ủy ban Kinh tế Quốc gia Tối cao (VSNKh) được thành lập nhưng cơ quan này đã không thực hiện tốt vai trò và chức năng của mình vì nội chiến. Chính sách kinh tế mới (NEP) áp dụng từ tháng 3/1921, được coi là bước thụt lùi của chủ nghĩa xã hội và mô hình một nhà nước duy ý chí cấp tiến.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua chủ trương cấm tư tưởng bè phái nhằm khai trừ những thành viên có tư tưởng chống đối các nghị quyết của Đảng. Stalin áp dụng nhuần nhuyễn tư tưởng Lenin nhằm loại bỏ những nhân vật có tư tưởng chống đối ông khỏi hàng ngũ lãnh đạo. Với sự khôn ngoan sắc sảo trong cách nhìn nhận vấn đề, Lenin áp dụng chủ trương này và coi đó là một trong những nghị quyết quan trọng vì nó dập tắt được cuộc tranh cãi trong giới lãnh đạo chóp bu và ở tất cả các cấp cơ sở Đảng. Thật ra, Lenin áp dụng chủ trương cấm tư tưởng bè phái như một giải pháp tạm thời cho đến khi Đảng tạo dựng được uy tín của mình thông qua những thành công của Chính sách kinh tế mới, chính sách này bị coi là một bước dừng tạm thời trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thật không may, Lenin từ trần năm 1924 và ông không có cơ hội đưa nghị quyết này vào thực tế.

Nhiều người bị thuyết phục bởi khả năng dự đoán của Lenin và chủ trương cấm bè phái là một chủ trương quan trọng trong những suy tính chính trị của ông. Ông sinh ra trong thời kỳ thế giới tương đối ổn định –

thời kỳ trước năm 1914. Phần còn lại của châu Âu, Thế chiến thứ nhất làm tan vỡ giấc mơ về việc con người có thể biết được mọi điều và mở ra một kỷ nguyên mới chứa đựng nhiều bất ổn. Thời kỳ sau năm 1918, tình hình chán chường nặng nề ở châu Âu gợi lên những tư tưởng cấp tiến, mới mẻ và các giải pháp mới. Nó đánh dấu bằng sự bùng nổ tri thức thời kỳ đó làm cho cuộc sống vốn đã bất ổn lại trở nên bất ổn hơn và kết quả là thế giới ngày càng khó đoán định. Năm 1917, những người Bolshevik chủ động tách nước Nga khỏi châu Âu để tiếp tục duy trì sự ổn định của mình. Quyết định định mệnh này đẩy nước Nga đến chế độ chính trị cực quyền, khi Đảng của những người Bolshevik ít được ủng hộ, buộc họ phải có cách nhìn nhận về tương lai của tầng lớp lao động và các tầng lớp khác trong xã hội.

Tin chắc vào nhận thức của mình, Lenin và những người Bolshevik bị lôi cuốn vào cuộc đấu tranh mà cốt yếu là với những người Nga có quyền hành động tự do. Song đó không phải là khái niệm Marxist chính thống khi Engels cho rằng chỉ khi con người bị áp bức, họ mới có khát vọng tự do mãnh liệt². Tư tưởng này củng cố thêm niềm tin của những người Bolshevik, và Stalin hé lộ sự hiểu biết của mình về điều mà công chúng phản ứng bằng cách đưa ra khẩu hiệu “chủ nghĩa xã hội trong một quốc gia”. Nga là một nước đặc biệt và có khả năng lãnh đạo thế giới. Ông nhấn mạnh trong bài diếu văn tại lễ tang Lenin rằng đảng viên là những người ưu tú: “Chúng ta – những người cộng sản, phải là những con người đặc biệt mẫu mực. Chúng ta cũng chính là những người làm nên sự mẫu mực đó”.

Nước Nga Xô viết trở thành một nhà nước Liên bang và Lenin hiểu sâu sắc quyền tự quyết của các dân tộc. Họ có quyền rút khỏi Liên bang khi họ muốn. Tuy nhiên, đây là dấu tích của giai đoạn dân chủ công xã trong thời kỳ phát triển của nước Nga. Trong diếu văn của mình, Lenin thẳng thắn chỉ ra:

Có nhiều trường hợp khi quyền tự quyết xung đột với những quyền khác, quyền lợi cao hơn – quyền lợi của giai cấp lao động – giai cấp lao động cần đoàn kết để khẳng định sức mạnh của mình. Trong những trường hợp như vậy – người ta phải xác định rõ – quyền tự quyết không thể và cũng không bao giờ là vật cản đối với giai cấp lao động trên con đường đấu tranh thực hiện chuyên chính.

Dựa vào đó, giới lãnh đạo Đảng Cộng sản xác định rõ quyền lợi tối cao của giai cấp lao động, và trên hết họ xác định rõ những người cộng sản Nga sẽ giữ vai trò quyết định xem điều gì là tốt nhất cho các dân tộc không phải dân tộc Nga. Trên văn bản, Đảng Cộng sản là Đảng Cộng sản Liên bang nhưng thực tế, nó do Moskva định đoạt. Tháng 3/1918, tại Đại hội Đảng lần thứ 8, tư tưởng này được cụ thể hóa như sau:

Mọi nghị quyết của Đảng Cộng sản toàn Nga và các cơ quan lãnh đạo bất luận thuộc tổ chức Đảng của nước cộng hòa nào đều phải được thực hiện vô điều kiện. Những người cộng sản Latvia, Lithuania và Ukraine trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều có quyền tham gia Đảng bộ địa phương và đều phải tuyệt đối tuân thủ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản toàn Nga.

Do vậy, cách tổ chức Đảng không thông qua hai giai đoạn mà chính quyền vẫn làm: tập trung dân chủ và chuyên chính vô sản. Đảng vận hành theo cơ chế tập trung dân chủ, thể hiện ở việc nắm quyền của cơ quan trung ương.

TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ NỀN KINH TẾ

Nền kinh tế hỗn hợp tỏ ra hưng thịnh trong suốt thập niên 1920 và nhân tố này khiến chủ nghĩa xã hội quay trở lại với chương trình nghị sự. Nước Nga là một quốc gia đang phát triển, chiếm 80% dân số sinh sống trên toàn Liên Xô. Để bảo vệ quyền lợi của mình trước các áp lực chính trị, những người cộng sản đã cấm thành lập các đảng phái chính trị khác. Cuộc

đấu tranh quyết liệt giành quyền kế nhiệm Lenin đã chấm dứt năm 1929 với chiến thắng của Stalin. Ông rất khôn khéo khi lập liên minh chống lại những đối thủ chính của mình, đầu tiên là những người theo tư tưởng Trotsky, đồng thời ông cũng vô cùng khôn ngoan che đậy tham vọng đích thực của mình: trở thành nhà lãnh đạo đầy quyền lực ở Nga. Với Lenin, việc cơ cấu lại chính phủ đã thu phục được lòng dân. Trên cương vị Chủ tịch Hội đồng nhân dân (Sovnarkom), ông tìm cách dồn mọi nguồn lực vào việc thành lập chính phủ. Năm 1922, nắm vị trí Tổng Bí thư Đảng, Stalin dồn hết mọi nguồn lực xây dựng một bộ máy Đảng phục vụ việc củng cố địa vị cũng như phe cánh chính trị của mình. Từ năm 1921, Bộ Chính trị trở thành cơ quan quyền lực tối cao có chức năng ban hành các quyết sách và vào những năm 1920, trong Bộ Chính trị đã diễn ra mạnh mẽ nhiều cuộc luận chiến. Stalin được coi là một nhà lãnh đạo chuyên chế từ năm 1934. Ông điều hành bộ máy Đảng và chính quyền một cách độc đoán như một Nga hoàng (thực tế ông là người có tư tưởng Đại Nga, sinh ra ở vùng Gruzia) và thu tóm vào tay mình mọi quyền lực ở Moskva. Chủ nghĩa Stalin là sự pha trộn giữa tư tưởng Đại Nga với các nét văn hóa chính trị, kinh tế thời Xô viết.

Nền kinh tế kế hoạch (còn gọi là nền kinh tế chỉ huy) phát triển sau năm 1928 và được nhân cách hóa lên cho phù hợp. Nó dựa trên sự giả định logic là nếu tất cả mọi nguồn lực quốc gia được huy động tập trung và được phát huy một cách tối ưu thì kết quả sẽ ưu việt hơn bất cứ thành tựu nào của nền kinh tế thị trường. Marx viết về sự phát triển của thị trường: Nền kinh tế kế hoạch tập trung ưu việt hơn chăng? Hàm chứa trong mô hình kinh tế của Stalin còn có một niềm tin vững chắc rằng không một nhân tố nào (như các nhà quản lý, công nhân) dung dưỡng những lợi ích khác với lợi ích của Đảng, của chính quyền. Vì vậy, lợi ích riêng và lợi ích chung sẽ luôn song hành, cùng tồn tại. Điều này chứng tỏ sai lầm cơ bản về nhận thức lặp lại trong thời kỳ Gorbachev.

Stalin vận dụng chủ nghĩa Marx để hợp thức hóa việc tập trung quyền lực ở Trung ương. Chỉ giới lãnh đạo của Đảng Cộng sản mới có kiến thức để thực thi các quy luật phát triển con người và chỉ khi nó có đầy đủ thông tin để tác động tới quá trình này. Các cơ quan và tổ chức khác chỉ được tiếp cận một phần thông tin; tất cả đều tập trung ở cấp Trung ương. Các Kế hoạch năm năm là sự kéo dài hiển nhiên những cố gắng của Ủy ban Kinh tế Quốc gia Tối cao (VSNKh) điều chỉnh nước Nga trở thành một đầu tàu kinh tế duy nhất. Những người Bolshevik cấp tiến thậm chí cho rằng họ không còn bị gò bó trước các quy tắc toán học nữa. Họ không chấp nhận những ý kiến mới của Francis Galton³, chẳng hạn như khái niệm giảm dần tới giá trị trung bình. Ông chứng minh rằng sự tịnh tiến từ giới hạn bên ngoài vào trung tâm là hiển nhiên, dễ nhận thấy và có thể dự đoán được. Động lực luôn hướng tới giá trị trung bình, hay hướng tới việc phục hồi chiều hướng phục hồi trạng thái bình thường. Tất nhiên, cách thức ở mỗi giai đoạn sẽ thay đổi. Không mấy ngạc nhiên khi những người Bolshevik thẳng thắn phản bác những kết luận của Galton. Trong suốt những năm 1930, họ không mấy quan tâm đến những số liệu thống kê, tâm lý học, xã hội học và các ngành kiến thức khác liên quan đến đánh giá xã hội. Stalin và ê-kíp của mình không coi trọng việc đánh giá các chuyển biến trong xã hội mà họ đang sống, họ tập trung vào việc xây dựng một thế giới mới.

Các kế hoạch năm năm là những cố gắng giải quyết bất ổn hiện tại bằng cách lập ra Luật Kế hoạch. Chính phủ ban hành các nghị định chi tiết nhằm thực hiện những kết luận của các nhà lập kế hoạch. Họ đang cố sức thận trọng loại bỏ rủi ro. Bằng cách làm này, các doanh nghiệp không cần quan tâm đến cách điều hành của họ dựa vào những định luật xác suất, họ chẳng cần tốn công tính toán các loại sản phẩm của đầu ra tối ưu. Kế hoạch quy định họ được sản xuất cái gì và cung cấp sản phẩm cho ai. Nhà nước cũng quyết định cả sản lượng đầu ra cho họ. Vì các nhà lập kế hoạch Bolshevik không tin (sau năm 1936 khi xã hội chủ nghĩa được xây dựng) là có thể sẽ nảy sinh những mâu thuẫn đối lập (tức là diễn ra quá trình xung đột về lợi ích giữa cơ chế quản lý và người lao động, điều có thể làm kế

hoạch thất bại) nên họ không quan tâm đến động lực của người lao động hay các nhà quản lý cũng như tác động ảnh hưởng của động lực ấy đến năng suất lao động ra sao. Một vấn đề then chốt đối với các nhà hoạch định của Stalin là làm sao tăng năng suất lao động, đẩy lùi tình trạng thất nghiệp. Phong trào thi đua lao động, cạnh tranh xã hội và những phong trào khác đều được khơi mào với mục đích tăng thêm nhiều của cải cho xã hội dựa vào những nguồn lực sẵn có trong nước. Stalin nói về các tổ chức công đoàn giống như các tổ chức trung chuyển giữa Trung ương và người lao động nhằm đạt năng suất lao động cao hơn. Phong trào thi đua tăng năng suất ngày càng mở rộng dẫn đến tình trạng ưu tiên số lượng hơn chất lượng.

Chất lượng sản phẩm giảm sút không khuyến khích người lao động quan tâm đến việc tìm kiếm sáng kiến cải tiến sản xuất. Họ e ngại nếu một sáng kiến áp dụng không đạt hiệu quả, xí nghiệp có thể bị phạt. Do vậy, chiều hướng tránh nguy cơ trên dẫn đến việc ngại áp dụng sáng kiến. Cho đến cuối những năm 1930, các vấn đề kinh tế nghiêm trọng đã bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế, người ta mới đề cập vấn đề giao thêm quyền tự quản cho các xí nghiệp. Thực tế cho thấy các nhà lập kế hoạch lại không phải là những người trực tiếp sản xuất để hiểu tường tận tình hình. Tuy nhiên, chiến tranh đã chấm dứt các cuộc tranh cãi và chính sách kinh tế thời chiến cho phép các xí nghiệp có quyền vạch ra những quyết sách của mình nhằm đẩy mạnh sản xuất sản phẩm tối đa dựa trên nguồn lực sẵn có.

Sự thụ động trong quản lý và lao động là mối quan tâm thường trực của Khrushchev (1953-1964). Ông nhanh chóng nhận biết xã hội Xô viết đang thiếu gì và phát động nhiều chính sách cải cách nhằm đạt được hiệu quả to lớn hơn. Ông xoa đi sự e ngại và tâm lý rụt rè trong dân chúng, vì tin rằng tâm lý đó sẽ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển. Tất cả những cải cách của ông đều tập trung vào việc nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, kể từ khi thành lập, Liên Xô cho rằng môn tâm lý không có mấy tác dụng, Khrushchev phủ nhận cách tiếp cận từ các nghiên cứu động lực thúc đẩy xã hội. Chính điều này cứu ông tránh được những sai lầm nghiêm trọng hơn.

Ông không cho phép bản thân quá phụ thuộc vào xác suất hay dự đoán. Ông cũng quyết định cần cái gì và hy vọng thực hiện được. Ông tin là có thể đạt được chủ nghĩa cộng sản (hưởng theo nhu cầu, làm theo năng lực), và năm 1961 ông đã tiên đoán chủ nghĩa cộng sản sẽ bắt đầu được xây dựng vào năm 1980. Ông quả là một con người có khả năng đoán định tương lai! Nếu nghe lời Francis Galton, ông sẽ biết tỷ lệ tăng trưởng đang có chiều hướng tăng – nhân tố tối quan trọng trong việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản – chỉ kéo dài trong một thời gian nhất định và sau đó nó sẽ suy giảm theo thuyết về giá trị trung bình. Thực tế, không thể tiên đoán gì về sự xuất hiện của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Khrushchev ngấm ngầm làm xói mòn nhận thức về cải cách và chủ nghĩa cộng sản. Sau đó, quan điểm này chỉ được sử dụng có chừng mực và đến thời Gorbachev, nó chỉ còn là một từ vựng được dùng trong giới lãnh đạo mà thôi.

Những cố gắng cải cách kinh tế cấp tiến thời hậu Stalin diễn ra trong năm 1965 do Thủ tướng⁴ Aleksei Kosygin tiến hành. Cải cách này cho phép giao thêm quyền tự quyết cho các xí nghiệp quốc doanh, các xí nghiệp này được phép liên hệ với những người sử dụng sản phẩm cuối cùng và có thể cho công nhân dư thừa nghỉ việc. Việc đưa quân vào Tiệp Khắc tháng 8/1968 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các cải cách này và nền kinh tế tập trung lại một lần nữa thẳng thối. Liên tục có những tranh cãi trong suốt những năm 1970 về vấn đề điều chỉnh cơ chế kinh tế. Điều này liên quan đến việc tăng sản lượng trong cơ chế kinh tế cũ đang tồn tại. Một vấn đề then chốt – quyền sở hữu – lại không được đề cập. Những đề xuất về hình thức hợp tác xã hoạt động hiệu quả hơn xí nghiệp quốc doanh và các trang trại cá thể lại làm ăn tốt hơn các nông trang tập thể hay nông trường quốc doanh đều bị Đảng phủ nhận. Không tồn tại hình thức tư hữu phương tiện sản xuất dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thời kỳ Brezhnev được coi là giai đoạn ổn định. Vào đầu những năm 1970, nước Mỹ biết đến sức mạnh hạt nhân của Liên bang Xô viết và lúc này Liên Xô được coi là một cường quốc. Thật tuyệt vời vì điều đó làm

thỏa mãn cái tôi của người Nga, nhưng niềm tự hào này không kéo dài. Tốc độ tăng trưởng nhờ nguồn lợi từ dầu mỏ che lấp một thực tế là nền kinh tế Liên Xô có chiều hướng phát triển chậm lại. Bệnh tự mãn là nguồn gốc phát sinh tham nhũng, và giới lãnh đạo Trung ương trở nên yếu thế sau năm 1976. Khi Brezhnev chìm trong nghiện ngập, bộ máy lãnh đạo của ông tự thỏa mãn với chính mình. Nên chính trị cũng như bộ máy chính trị Xô viết cần có một lực đẩy, còn nguy cơ thì đã quá rõ ràng. Nước Nga những năm 1970 là hình ảnh một chế độ xã hội thụ động trái với mong đợi. Sự suy nhược của giới lãnh đạo Xô viết từ năm 1979 phản ánh rất rõ sự suy yếu của đất nước này. Quay lại với Francis Galton, việc thay thế các nhà lãnh đạo lớn tuổi, ốm yếu chắc chắn sẽ diễn ra và thay thế phải là một người có tố chất, tạo nên một diện mạo mới.

ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC XÔ VIẾT

Tìm hiểu về cơ cấu mà Gorbachev vận hành, phải xét đến ba tổ chức: Đảng, chính quyền và Xô viết. Theo Điều lệ Đảng, cơ quan hoạch định chính sách cao nhất là Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô, nhóm họp bốn hoặc năm năm một lần, nhưng thời kỳ đầu sau cách mạng được tiến hành nhóm họp hàng năm. Các kỳ đại hội được sắp đặt tỉ mỉ và mỗi bài phát biểu đều được kiểm tra đi kiểm tra lại. Mọi việc như được định đoạt sẵn và không có gì được sửa đổi. Giữa các kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng là cơ quan hoạch định chính sách cao nhất có nhóm họp phiên toàn thể, các nhà lãnh đạo Đảng đứng sau Stalin đều tham dự nghiêm chỉnh. Trong khi đó dưới thời Khrushchev, họp khá thường xuyên; dưới thời Brezhnev, cuộc họp này được triệu tập hai hoặc ba lần mỗi năm và dưới thời Gorbachev cũng theo nếp như vậy. Nó cho thấy tổ chức này không điều hành đất nước dựa trên thiết chế thường ngày. Vai trò này do Ban Bí thư thuộc Ban Chấp hành Trung ương thực hiện. Bộ máy này gồm các ban, hầu hết các ban này tồn tại song song với các bộ thuộc chính quyền. Mỗi ban lại có một lãnh đạo và các bí thư của Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ giám sát. Một số bí thư Ban Chấp hành Trung ương cũng

là ủy viên Bộ Chính trị và việc nắm giữ các vị trí có nhiệm vụ chức năng như vậy, họ trở thành những nhân vật có quyền lực (hiếm khi là phụ nữ) và là các nhà lãnh đạo Đảng tương lai. Mối quan hệ giữa bí thư trong Ban Chấp hành Trung ương và bộ trưởng thay đổi theo thời gian. Sau năm 1957, bí thư Ban Chấp hành Trung ương có quyền cao hơn bộ trưởng. Bí thư đứng đầu được gọi là Tổng Bí thư, chịu trách nhiệm về mọi việc của Ban Bí thư, thực tế là của Đảng.

Khi Stalin qua đời năm 1953, có sự không rõ ràng, rằng Đảng hay Chính quyền giành nắm quyền ưu tiên? Khi phải lựa chọn, Malenkov quyết định làm thủ tướng và mở đường cho Khrushchev thăng tiến và củng cố cơ sở chính trị của mình trong Đảng. Sau thất bại của Khrushchev năm 1957, nhóm chống đối Đảng – sở dĩ gọi như vậy vì họ chống lại việc tập trung quyền lực vào tay các nhà lãnh đạo Đảng trong nền kinh tế, người có vị trí tối cao trong Chính quyền cũng là người đứng đầu Đảng Cộng sản. Tình trạng này vẫn diễn ra cho đến khi Gorbachev được bầu làm tổng thống năm 1990. Năm 1988, trước khi Gorbachev tiến hành cắt giảm nhằm loại bỏ vai trò của Ban Bí thư khởi hoạt động quản lý kinh tế, có khoảng 20 ban thuộc Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Ban Tổng hợp phối hợp chặt chẽ với Tổng Bí thư, dự thảo chương trình nghị sự cho các cuộc họp của Bộ Chính trị và chuẩn bị các văn bản cần thiết có liên quan. Ban Tổ chức Cán bộ chịu trách nhiệm về lực lượng cán bộ nòng cốt hay bố trí sắp xếp nhân sự. Ban Tổ chức Hành chính giữ vai trò giám sát Bộ Hàng không Dân sự, Bộ Quốc phòng, Ủy ban An ninh Quốc gia (KGB), Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát, Tòa án Tối cao và bộ máy quốc phòng toàn dân.

Mỗi một nước cộng hòa lại thành lập một đảng cộng sản riêng, ngoại trừ việc thành lập Đảng Cộng sản Liên bang Nga mãi đến năm 1990 mới có. Một tổ chức do Ban Chấp hành Trung ương bầu ra tại mỗi kỳ Đại hội lãnh đạo các nước cộng hòa (riêng ở Ukraine, tổ chức này được gọi là Bộ Chính trị). Cũng có Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương và các bí thư chuyên trách. Người đứng đầu trong Đảng nước cộng hòa là bí thư thứ nhất.

Các cuộc họp của Ban Chấp hành Trung ương giữa kỳ Đại hội gọi là Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, diễn ra ở các cấp của Liên bang. Các nước cộng hòa được chia thành những khu vực hành chính trực thuộc, gọi là tỉnh (oblast) hay khu (krai), trong mỗi khu thường có một vùng tự trị không phải là người Slavơ. Ví dụ, vùng Stavropol có một khu dành cho thiểu số không phải là người thuộc dân tộc Slavơ sinh sống. Các khu hành chính, tỉnh, thành phố được phân chia thành các huyện và quận. Trong cơ quan Đảng tại các cấp độ hành chính này, người lãnh đạo Đảng cũng được gọi là bí thư thứ nhất, nắm quyền phụ trách và chịu trách nhiệm. Bí thư thứ nhất của các khu vực hành chính, các tỉnh, thành phố, thị trấn thuộc Trung ương được gọi là kraikom, obkom, gorkom (khu ủy, tỉnh ủy, thành ủy). Cột trụ trong cơ chế hoạt động chính của Đảng chủ yếu dựa vào các bí thư thứ nhất khu ủy và tỉnh ủy. Đoàn Thanh niên Cộng sản (Komsomol) là phiên bản tổ chức của Đảng Cộng sản và thường các quan chức bắt đầu sự nghiệp của họ đều từ trong tổ chức Komsomol, họ chứng tỏ bản thân và sau đó được đề bạt làm công tác Đảng. Việc đỡ đầu là rất quan trọng trong tổ chức Komsomol và Đảng Cộng sản. Các quan chức có triển vọng đều tập hợp xung quanh mình những đảng viên đáng tin cậy và có hiệu quả (và một số phụ nữ), khi họ có cơ hội thăng tiến thì những người thân cận quanh họ cũng được quan tâm và có cơ hội thăng tiến theo. Kulakov và Andropov là hai người đỡ đầu cho Gorbachev. Khi Gorbachev trở thành Tổng Bí thư, ông kéo theo nhiều quan chức từ vùng Stavropol về Moskva để cùng làm việc.

Các tổ chức nhà nước gồm chính quyền và các Xô viết. Tổ chức này tuyên bố quyền lực tối cao của chính quyền tùy thuộc vào Xô viết Tối cao Liên bang – tổ chức này bầu ra chính phủ và ban hành mọi pháp luật quan trọng. Trên thực tế, Bộ Chính trị là cơ quan hoạch định chính sách tối cao, Tổng Bí thư có quyền cao hơn Thủ tướng. Cho đến khi tiến hành cải cách năm 1989, chỉ một ứng cử viên được đề cử cho mỗi vị trí để bầu vào Xô viết các cấp. Xô viết Tối cao Liên Xô tổ chức họp hai lần mỗi năm, trong vòng một tuần để xem xét và thông qua các quyết sách. Các Xô viết ở địa

phương dưới cấp Xô viết Cộng hòa phải chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương, được Moskva cấp kinh phí và phụ thuộc vào lãnh đạo Đảng ủy địa phương. Nếu Bí thư Đảng biết các Xô viết không thực hiện nhiệm vụ được giao thì vị đó có quyền phán quyết và ra lệnh cách chức họ.

Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô chính là chính quyền Xô viết và ở mỗi nước cộng hòa và cộng hòa tự trị đều thành lập một Hội đồng Bộ trưởng riêng. Một số bộ là bộ Liên bang, nói cách khác, chịu trách nhiệm trước toàn thể Liên bang Xô viết. Tất cả các bộ chủ chốt đều là bộ Liên bang: Bộ Quốc phòng, Bộ Thiết kế máy công nghiệp nhẹ (chuyên chế tạo vũ khí hạt nhân cho quân đội), v.v... Các bộ khác là các bộ Cộng hòa Liên bang, các bộ thành lập và hoạt động độc lập trong từng nước cộng hòa nhưng vẫn trực thuộc vào một bộ thuộc Liên bang. Bộ Nông nghiệp là một minh chứng cho cơ cấu tổ chức này. Các Bộ Kinh tế và các xí nghiệp trực thuộc Bộ là những cơ quan quyền lực giống như các tổ chức độc quyền. Rất khó tiến hành cải cách các xí nghiệp này vì không có thị trường và tất cả các bộ công nghệ cao đều liên kết chặt chẽ với các tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Họ đánh bại ý đồ của Khrushchev muốn họ phải chịu nhiều trách nhiệm hơn trước giới lãnh đạo Đảng, dưới thời Kosygin (1964-1980) không một cải cách nào có thể đe dọa quyền lợi của họ.

Giai cấp cầm quyền ra sức bảo vệ các đặc quyền của mình. Đầu những năm 1970, Viện sĩ hàn lâm Andrei Sakharov rầu rĩ đánh giá bản chất của xã hội Xô viết như sau:

Xã hội chúng ta đầy rẫy sự thờ ơ vô tình, thói đạo đức giả, tính ích kỷ nhỏ nhen và sự tàn bạo trắng trợn. Phần lớn những người đại diện cho tầng lớp trên – các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, giới trí thức thành đạt – nắm giữ những bí mật riêng và nghiêm nhiên được hưởng các đặc quyền đặc lợi. Họ thật sự bàng quan với những xâm phạm quyền con người, tiến bộ xã hội, an ninh quốc phòng và tương lai thế giới.

CHƯƠNG 2

Ngôi sao đang lên

Khả năng thay thế một lãnh đạo có tư tưởng cải cách cấp tiến trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô giai đoạn này rất mong manh khi giới lãnh đạo nước này còn đang tự mãn với những thành quả cách mạng của mình. Khả năng này có chiều hướng rõ rệt hơn khi ê-kíp lãnh đạo mới được lựa chọn cho rằng đang xuất hiện một cuộc khủng hoảng trong chính cơ chế hiện hành. Cơ hội của Gorbachev kế nhiệm Leonid Brezhnev trong năm 1982 là khoảng một trong bốn, kế nhiệm Yury Andropov trong năm 1983 là một trong hai và có thể là sáu chia cho bốn kế nhiệm Konstantin Chernenko tháng 3/1985. Lợi thế giảm dần theo thời gian không vì người ta cho rằng nước Nga đang rơi vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng mà vì Gorbachev chính là một cán bộ cự phách nhất có khả năng tiếp tục điều khiển cơ chế hiện hành. Mọi người đều cho rằng cải cách là cần thiết nhưng chỉ nên tiến hành cải cách bên trong phạm vi hệ thống hay là cải cách trong nội bộ hệ thống cũ mà thôi. Cải cách này chẳng khác gì sắp xếp lại đồ đạc trong nhà, không vứt chúng đi để thay mới. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu người lãnh đạo mới của Nhà nước Xô viết nhận ra rằng nước Nga đang trong thời kỳ khủng hoảng về cơ cấu, và liệu cuộc khủng hoảng này có đe dọa đến sự sống còn của trật tự hiện tại hay không? Những người bầu cho Gorbachev năm 1985 không nhấn mạnh vấn đề này vì theo tính toán của họ, khả năng xảy ra khủng hoảng là rất nhỏ. Các nhà lãnh đạo Xô viết khác đều cảm nhận được cuộc khủng hoảng cơ cấu này và họ cho rằng cả Lenin và Stalin là những người phản ứng nhanh với kiểu khủng hoảng này. Người ta cho rằng Lenin và Stalin đều rất triệt để trong các giải pháp của họ. Người ta có thể đoán trước được Lenin và Stalin sẽ trở thành những nhà cải cách hệ thống nội bộ do hoàn cảnh chính trị và trí tuệ mà hai ông đang sống sản sinh ra,

đó là thế giới ổn định ở châu Âu trước năm 1914. Còn Gorbachev thì khác. Gorbachev bị ảnh hưởng tới mức nào bởi trật tự thế giới bất ổn sau 1914? Một khi ập ú sự bất ổn, giới lãnh đạo không thể xử lý hết các vấn đề. Các vai diễn khác của tấn kịch này là nhân dân phải được tham khảo ý kiến, và trong khi tiến hành cải cách họ sẽ tác động tới kết quả cuối cùng. Không ai dự đoán được màn kịch này sẽ kết thúc ra sao. Tại Liên bang Xô viết và kể cả các nhà phân tích phương Tây đều dự đoán khả năng khi trở thành một nhà cải cách cấp tiến, Gorbachev sẽ tiến hành cải cách mạnh mẽ; những cải cách này sẽ vượt ra khỏi những giới hạn cho phép của thể chế hiện hành. Khả năng ấy là chưa đầy 10%. Ở phương Tây, duy nhất có Archie Brown, một học giả Anh có dự đoán khả năng này cao hơn¹.

GORBACHEV VÀ GIA ĐÌNH

Mikhail Sergeevich Gorbachev sinh ngày 2/3/1931 trong một gia đình nông dân tại làng Privolnoe, Stavropol, Bắc Capca. Ông được làm lễ rửa tội tại làng Letnitsk, tên khai sinh là Viktor được ông nội đổi lại thành Mikhail. Mẹ ông là một con chiên đạo Chính thống. Bà chưa bao giờ học đọc, học viết. Bà mất năm 1995. Họ nội của Mikhail Sergeevich xuất thân từ vùng Voronezh ở Nga, còn mẹ ông sinh ra ở Chernigov thuộc Ukraine. Ông ngoại của Mikhail Sergeevich – ông Pantelei – gia nhập Đảng Cộng sản năm 1928, có vai trò trong việc tổ chức nông trang tập thể và trở thành chủ tịch đầu tiên của một nông trang tập thể. Nhưng do vợ ông là một tín đồ trung thành của đạo Chính thống nên Pantelei bị bắt vào tháng 7/1937 và bị kết tội là “thành viên cánh hữu Trotskyist phản cách mạng”. Những người hàng xóm bắt đầu tránh xa ngôi nhà của họ như thể tránh một căn bệnh truyền nhiễm khủng khiếp. Những cậu bạn trong làng cũng xa lánh Gorbachev. Bất kỳ ai liên hệ với gia đình này đều bị coi là “kẻ thù của nhân dân” và bị bắt bớ giam cầm.

Gorbachev ghi lại rằng “sự việc đó thật sự là một cú sốc ghê gớm, hằn sâu vào ký ức tôi từ lúc đó”. Thậm chí khi ông trở thành Bí thư thứ nhất của

Stavropol và ngay cả sau khi trở thành Bí thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông cũng không đòi bản sao của vụ việc đó. “Chỉ sau vụ đảo chính tháng 8/1991, tôi mới yêu cầu Vadim Bakatin lục lại những ghi chép ấy cho tôi”. Bị tra tấn, vị chủ tịch ban chấp hành Xô viết khu đã không chịu nổi, khai tên 58 người đồng mưu, có cả ông của Gorbachev. Ông của Gorbachev bị buộc tội gây cản trở các vụ thu hoạch gây thất thu ngũ cốc, giết hại đàn gia súc vì đã cày lật đồng cỏ làm giảm nguồn thức ăn gia súc, và đàn áp phong trào nông dân tiên tiến trong nông trang tập thể. Ông còn bị kết tội là kẻ thù của Đảng Cộng sản Liên Xô và chế độ Xô viết về tội tiến hành các hoạt động lật đổ theo chỉ thị của tổ chức Trotskyist phái hữu chống lại chính quyền Xô viết. Thủ tục điều tra xét xử kéo dài 14 tháng và ông bị kết tội vào tháng 9/1938. Thẩm phán quyết định không đủ bằng chứng kết tội ông theo điều 58 Bộ luật Hình sự. Nếu theo điều khoản này chắc chắn ông bị khép vào tội chết, ông chỉ bị kết tội theo điều 109 của bộ luật này về hành vi sai trái, chịu án tù chung thân. Sau cuộc thanh lọc trong lực lượng công an mật, ông được trả tự do tháng 12/1938 và được bầu lại làm chủ tịch nông trại năm 1939. Sau khi được tự do, ông đã kể lại những bất hạnh phải gánh chịu trong nhà tù. Đôi mắt ông bị mù vì ánh đèn thẩm vấn chói lóa, bị đánh đập tàn nhẫn, gãy tay vì bị kẹp vào cửa và ông đã bị quấn vào một cái áo khoác lông cừu ướt rồi cho lên lò nướng quay tròn. Nhưng ông không hề oán trách chế độ vì những bất hạnh của mình, ông tin Stalin hoàn toàn không biết sự việc sai trái của lực lượng công an mật này. Gorbachev nhớ là ông ngoại mình qua đời ngay sau khi ra tù, lúc 59 tuổi.

Ông nội của Gorbachev ông Andrei cũng có va chạm với chính quyền. Ông không gia nhập nông trang tập thể trong thời kỳ tập thể hóa nông nghiệp và vẫn là một nông dân cá thể. Trong nạn đói khủng khiếp năm 1933, hậu quả trực tiếp của việc tập thể hóa nông trại là ba trong sáu đứa con của ông đã chết đói (đến một nửa số dân trong vùng Privolnoe đã chết đói). Năm 1934, ông bị bắt vì không hoàn thành kế hoạch gieo hạt như đã giao cho các gia đình nông dân cá thể, đơn giản chỉ vì ông không có hạt giống để gieo. Ông bị gán là phần tử phá hoại và bị bắt đi chặt cây tại vùng

Irkutsk, Siberia. Cha của Gorbachev là ông Sergei phải làm chủ hộ trong gia đình chẳng còn một ai. Tuy nhiên, năm 1935, ông nội được thả trước thời hạn vì ông đã chứng tỏ mình là một lao động mẫu mực. Sau đó, ông gia nhập nông trang tập thể. Ông của bà Raisa Maksimovna Titorenko, vợ tương lai của Gorbachev, cũng gặp cảnh không may như vậy. Ông là một nông dân vùng Altai ở Tây Siberia, bị kết tội công khai ủng hộ phe phản cách mạng trong nông trang tập thể chống lại chế độ Xô viết và chống phong trào công nhân tiên tiến (Stakhanovite), bị bắt năm 1937. Ông bị kết án tử hình nhưng được minh oan vào tháng 1/1988.

Sergei Gorbachev được gọi nhập ngũ tháng 8/1941 và Mikhail Sergeevich phải gánh vác nhiều trách nhiệm gia đình hơn. Mùa đông năm 1941-1942 vô cùng khắc nghiệt, tuyết rơi lần đầu vào ngày 8/10 và làng Privolnoe chìm ngập trong tuyết. Không có đài phát thanh trong làng và thi thoảng chỉ có một vài tin tức từ tờ Pravda. Mikhail Sergeevich đọc tin cho những bà mẹ, những người vợ và dân làng. Tháng 8/1942, quân Đức Quốc xã tấn công làng Privolnoe và để một đơn vị đóng tại đây. Xuất thân là một gia đình cộng sản, gia đình Gorbachev có nguy cơ bị sát hại và nghe phong thanh về tin cuộc thám sát có chủ định vào ngày 26/1/1943. Mikhail Sergeevich đã trốn tránh trong một trang trại ngoài làng Privolnoe. May mắn cho mọi người, trước đó năm ngày, làng Privolnoe được giải phóng. Người Đức cử Zaitsev làm lãnh đạo. Ông cự tuyệt sự bổ nhiệm này nhưng dân làng đã thuyết phục ông nhận chức để bảo vệ làng xóm và người dân. Sau khi ngôi làng nhỏ này được giải phóng, ông đã bị bắt. Bất chấp dân làng nhiều lần viết thư trình bày rõ sự việc nhưng ông vẫn bị kết án mười năm tù với tội mưu phản. Ông qua đời trong tù và bị coi là kẻ thù của nhân dân. Nạn đói vào mùa đông và mùa xuân năm 1944 hoành hành khắp ngôi làng nhỏ. Gia đình Gorbachev sống sót là nhờ mẹ ông đem quần áo của chồng đi đổi lấy ngô ở Kuban. Mùa hè năm 1944, một lá thư và các tài liệu gửi về xác nhận rằng thượng sĩ Sergei Gorbachev đã hy sinh tại mặt trận ở vùng Carpat. Trước đó, ông đã thoát chết trong nhiều tình huống nguy hiểm và ba lần được tặng thưởng huân chương. Sau đó, có một bức thư khác của

Sergei Gorbachev, đề ngày 27/8/1944, được cho là ông viết nó trước khi hy sinh. Một tài liệu khác đề ngày 31/8 cho biết ông vẫn còn sống. Ông bị thương nặng khi ở Tiệp Khắc và kết thúc chiến tranh, ông vẫn nằm trong một bệnh viện quân y. Ông qua đời vào tháng 2/1976. Trong tâm trí của Mikhail Gorbachev, ký ức về thời gian chiến tranh tồi tệ nhất là mùa xuân năm 1943. Sau khi tuyết tan, ông và những người bạn khác thu nhặt những tử thi đã thối rữa, một phần bị động vật ăn, những đầu lâu vẫn còn trong những chiếc mũ sắt gỉ nhem, những mảnh xương trắng, những nòng súng trường nhô lên khỏi ống tay, những chiếc áo lính bốc mùi hôi tanh. Những người lính Hồng quân được chôn trong một ngôi mộ tập thể. Khi chiến tranh kết thúc, ông mới 14 tuổi và vẫn được coi là con người thuộc thế hệ thời chiến. “Chiến tranh đã đốt cháy chúng tôi, để lại dấu ấn trong tính cách và trong thế giới quan của chúng tôi.”

Trường học là nơi trú ngụ tránh hiểm nguy và sự thiếu thốn trong thời chiến. Mikhail Sergeevich đi học, ông thích môn vật lý, toán và văn học, trở thành bí thư Đoàn Komsomol và là một nghệ sĩ nghiệp dư đầy nhiệt huyết. Nghỉ hè, ông cùng cha làm việc trên cỗ máy liên hợp gặt đập, và từ cuối tháng 6 đến cuối tháng 8, ông đi làm xa nhà. Vào kỳ thu hoạch cao điểm, ông phải làm việc 20 tiếng một ngày, lịch làm việc khiến một thanh niên đang ở tuổi mới lớn kiệt sức. Cuộc sống đồng ruộng rất vất vả cực nhọc, không khác gì đời sống nông dân trong chế độ nông nô. Những người bạn có lần đã đùa bỡn đưa cho ông một cốc rượu vodka nhưng thật ra đó chỉ là cồn. Kể từ đấy Gorbachev đam mê rượu mạnh. Vụ mùa năm 1948 là một vụ bội thu. Những người thu hoạch được 800 tấn lương thực đều được thưởng Huân chương Lenin. Cha của Mikhail Sergeevich cũng được trao tặng huân chương này, còn Mikhail được tặng thưởng Huân chương Lao động Cờ đỏ khi 17 tuổi. Với ông, đây là một phần thưởng vô cùng cao quý và có ý nghĩa đối với một người còn rất trẻ. Năm 1950, ông học hết cấp hai cơ sở ở vùng Krasnogvardeisk, nơi ông ở trọ cùng các học sinh khác cùng làng. Ông được tặng thưởng huy chương bạc (sau này ông hãnh diện nói rằng trong khi ông được thưởng huy chương bạc thì Raisa Maksimovna lại

được thưởng huy chương vàng). Năm 19 tuổi, ông mới học xong lớp mười bởi đã bị mất hai năm vì chiến tranh. Khát vọng thoát khỏi cảnh lam lũ vất vả của đời nhà nông và trở thành người có tước quyền như các vị quan tòa, thẩm phán đã thôi thúc ông nộp đơn thi vào khoa Luật của trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva. Ông được đặc cách tuyển thẳng và còn được nhận học bổng đặc biệt (nhưng trong năm thứ nhất ông vẫn phải ở chung với 22 sinh viên khác). Với xuất thân nông dân, Gorbachev gặp may là ông đã là cảm tình Đảng và được nhận phần thưởng cao quý của Nhà nước. Cũng phải nói rằng vào thời đó, trường đại học này đang muốn tuyển những sinh viên không xuất thân từ tầng lớp trí thức.

THỜI THANH NIÊN CỦA GORBACHEV

Moskva là miền đất hứa đối với chàng thanh niên tỉnh lẻ. Trường đại học đã mở ra trước mắt ông một viễn cảnh chưa từng mơ thấy. Đối với ông, đó là nơi tu luyện học hành. Sau năm năm dùi mài kinh sử, ông tốt nghiệp đại học năm 1955, được đánh giá là xuất sắc. Sau đó ông trở thành thành viên ưu tú trong ban lãnh đạo của đất nước. Khi tham gia Bộ Chính trị năm 1979², ông là một trong những người có học vấn cao nhất ở đây. Thực tế, còn có Thủ tướng Kosygin, vốn là một nhà kỹ thuật tài năng nhưng ông này còn thiếu kiến thức tổng quát mà chỉ có văn bằng Luật học cao mới bù đắp được. Lúc đấy, đó là một trong những tấm bằng hiếm hoi ở Nga. Những kiến thức về các nước tư bản chủ nghĩa và thậm chí tiếng Latin đều nằm trong chương trình giảng dạy. Nghĩ cho kỹ, Gorbachev lúc đó chỉ trích khá gay gắt các chuẩn mực tri thức đó. Theo ông, “việc học chỉ nhằm mục đích tẩy não cho tầng lớp thanh niên ngay từ những tuần đầu ở nhà trường, che mắt không cho họ vươn tới những tư tưởng tự do, có đầu óc phân tích và so sánh các sự kiện”. Ông quá ngây thơ lên tiếng chỉ trích một thầy giáo dạy mình. Một người bạn cùng khóa khôn ngoan khuyên ông nên kiềm chế hành vi của mình cho đến khi tốt nghiệp. Song, vị giáo sư đó đã trả thù và Gorbachev bị cắt học bổng.

Gorbachev nộp đơn gia nhập Đảng Cộng sản năm 1952 và người ta để ý tới hai điểm trong lý lịch của ông. Ông sẽ giải trình ra sao khi cả ông nội và ông ngoại đều bị đi tù và bị buộc tội là kẻ thù của nhân dân? Ông đã giải trình được những thắc mắc của Đảng bộ địa phương và được giới thiệu kết nạp Đảng. Từ va vấp trước đây với giảng viên trong trường đại học, ông vẫn chưa rút ra được kinh nghiệm. Mùa thu năm 1952, Gorbachev đã phàn nàn với một thầy giáo là bài giảng của vị giảng viên này về *Các vấn đề chủ nghĩa xã hội ở Liên bang Xô viết* chỉ là sự gộp lại các bài phát biểu của Stalin mà thôi. Theo Mikhail Sergeevich, đây là sự lãng phí thời gian vì ông đã đọc tác phẩm này. Vị giảng viên này vô cùng tức giận và báo cáo sự việc lên ban giám hiệu. Sau này, Gorbachev tin rằng mình là một công nhân và thành phần nông dân đã cứu ông thoát nạn. Tuy vậy, là Phó Bí thư Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản của khoa, lẽ ra ông phải biết điều này rõ hơn!

Đầu năm 1953, trong “Kế hoạch Tiến sĩ” (sự thật là phong trào bài Do Thái) đang triển khai, Gorbachev bắt gặp người bạn Volodya Liberman đang ở trong tình trạng cực kỳ tuyệt vọng. Anh ta phải chịu đựng những lời lăng mạ, không được lên tàu điện, mặc dù có thời anh ta được trao tặng danh hiệu cựu chiến binh. Mikhail Sergeevich nhớ lại, ông thật sự bị sốc trước sự việc này. Ông ra sức bảo vệ người bạn Do Thái của mình trong các cuộc họp ở trường đại học và cuối cùng tình trạng ngược đãi với người bạn này chấm dứt. Một bạn đồng niên khác trong trường là Zdenek Mlynar – đảng viên Đảng Cộng sản Tiệp Khắc – lãnh đạo phong trào Mùa xuân Praha trong năm 1968 đã nhớ lại rằng trong các cuộc thảo luận Gorbachev chỉ quan tâm đặc biệt đến lịch sử chính trị và luật pháp. Năm 1991, một người bạn nói với Mikhail Sergeevich rằng đối với các sinh viên hồi đó ông bị coi là kẻ bất đồng chính kiến! Gorbachev cảm thấy đất nước sẽ phải hứng chịu bi kịch khi Stalin qua đời vào ngày 5/3/1953. Cùng với các sinh viên khác, Gorbachev đi suốt đêm, qua các con phố để có thể đến viếng Stalin. Trước đó, ông chưa bao giờ gặp Stalin.

Giờ đây... Lần đầu tiên tôi có thể tận mắt nhìn ông, Stalin nằm đó ngay gần chỗ tôi đứng. Một khuôn mặt nghiêm nghị, nhợt nhạt, nhưng không chút lo âu vương vấn cuộc đời. Tôi lần theo những gì đã làm nên sự nghiệp của ông, chỉ có cái gì đó làm ông bận tâm, chính điều đó đã tạo ra cảm giác lẫn lộn.

Năm 1951, Raisa Maksimovna Titorenko, một nữ sinh khoa Triết (nghiên cứu chủ nghĩa Marxist Leninist) đã làm đảo lộn thế giới nội tâm của Mikhail Sergeevich. Mikhail yêu Raisa ngay từ cái nhìn đầu tiên, còn Raisa lại không như vậy, thậm chí có lúc cô không muốn mối quan hệ này, nhưng sự kiên trì của Mikhail Sergeevich khiến cô mềm lòng và họ dự định kết hôn vào tháng 6/1952. Mikhail cùng cha lao động cật lực. Bán hết số lương thực đã thu hoạch và với tiền lương đi làm của hai bố con, họ cũng dành dụm được món tiền kha khá, 1.000 rúp – vào thời điểm đó là cả một gia tài. Lúc này, Mikhail Sergeevich và Raisa có thể tổ chức đám cưới. Hôn lễ của họ được tổ chức ngày 25/9/1953 và nhân dịp này, Mikhail Sergeevich đã mua cho mình bộ com-lê đầu tiên. Tuy vậy, họ không thể sống chung trước con mắt tò mò ở trường đại học. Họ sống ở hai khu ký túc riêng và cứ vào khoảng 11 giờ khuya, chuông điện thoại trong phòng Raisa lại reo, một giọng nói rần rori vang lên, lúc nào cũng là câu nói: “Người bị cấm vào phòng em đây!” Mọi việc thay đổi vào tháng 12/1953 khi Đoàn thanh niên Komsomol có ý kiến và sau đó họ được phép sống chung. Cha ông yêu thương con dâu hết lòng nhưng mẹ ông lại có thái độ thờ ơ, lãnh đạm.

Năm 1955, Gorbachev tốt nghiệp xuất sắc nhưng ông không nhiệt tình với luận văn tốt nghiệp của mình, nói về tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa so với nền dân chủ tư sản. Về trình độ học vấn, Raisa vượt trội hơn Mikhail, cô tốt nghiệp sớm một năm và sau đó học lên tiến sĩ. Mikhail cũng được mời tham gia nghiên cứu luật cho nông trang tập thể nhưng ông từ chối vì cho rằng đó không phải là lĩnh vực ông quan tâm. Tuy vậy, là một cán bộ Đoàn Thanh niên Komsomol, ông còn là thành viên của ủy ban chuyên trách phân công việc cho những sinh viên mới ra trường. Cùng 12

người bạn nữa, ông được phân công đến làm việc tại Viện Kiểm sát Liên bang, vào một bộ phận mới thành lập chịu trách nhiệm giám sát các tổ chức an ninh của Nhà nước. Nhưng khi ông được giới thiệu lên Viện, họ trả lời thẳng rằng họ không thể nhận ông. Rõ ràng có một quy định ngầm cấm tuyển dụng các cử nhân luật vừa tốt nghiệp vì họ chưa đủ kinh nghiệm đảm nhận các công việc có tính nhạy cảm cao như phục hồi công bằng xã hội. Điều đó làm tiền đề sự nghiệp của Mikhail Sergeevich tiêu tan, cuối cùng Raisa và ông quyết định trở về quê hương Stavropol và thử vận may của mình ở đấy. Cuộc gặp gỡ với bố mẹ Raisa khá căng thẳng vì cô không thể thuyết phục họ chấp nhận đám cưới của mình. Cũng có tin “tốt lành”, đó là Raisa quyết định từ bỏ sự nghiệp nghiên cứu sau đại học của mình ở Moskva.

Suốt mùa hè năm 1953, Gorbachev làm việc trong Viện Kiểm sát ở vùng Krasnogvardeisk, quê hương ông, nhưng ông không lấy đó làm vui. Trong một lá thư gửi Raisa, ông thừa nhận mình đang thật sự ”thất vọng” và nhận thấy mọi thứ xung quanh thật ”ghê tởm”. Sở dĩ ông có tâm trạng đó một phần vì sống xa vợ, phần nữa vì ông quá hãi hùng trước cách đối xử của các quan chức địa phương. Ông hiểu phải tuân thủ và lệ thuộc vào tục lệ, với mọi thứ đã được sắp xếp trước, thấy hành vi láo xược công khai của các quan chức và tính ngạo mạn đến khó chịu của họ. “Khi em nhìn vào một trong các quan chức địa phương, em chẳng thấy cái gì nổi trội ngoài cái bụng phệ”. Đây là những lời nhận xét đầu tiên của một thanh niên đầy tự tin và nhiệt huyết. Không kể đến thâm niên công tác, ông dễ dàng nắm một chức vụ trong văn phòng thuộc Viện Kiểm sát vùng Stavropol vào ngày 5/8/1955. Ông đã nhờ người tìm nhà trọ và phải trả họ 50 rúp. Theo luật Xô viết, số tiền này bị coi là tiền không do lao động kiếm ra, vì vậy nó là tiền bất hợp pháp. Nơi ở trọ là một căn phòng tồi tàn, chỉ với 11m², riêng lò sưởi đã chiếm một phần ba diện tích nhà. Nước phải bơm và không có nhà vệ sinh trong phòng. Một tháng 250 rúp, đồ đạc không có gì ngoài một chiếc giường sắt. Cuối cùng Raisa quyết định rời Moskva và họ bắt đầu cuộc sống gia đình tại đây.

SỰ NGHIỆP CHÍNH TRỊ LÚC KHỞI ĐẦU

Mikhail Sergeevich sớm nhận ra luật pháp không đứng về phía ông dù một số người bạn trong Ban Chấp hành Komsomol vùng này luôn dang tay chào đón ông. Ông đành phải gặp cán bộ kiểm sát phụ trách vùng xin chuyển công tác. Vị luật sư này cho rằng đây là một bước lùi trong sự nghiệp nhưng Gorbachev sẽ còn tiến xa hơn. Gorbachev dùng tháng lương đầu tiên 840 rúp để mua một đôi giày loại tốt, loại chuyên dụng cho các đoạn đường xấu trong vùng này. Nhiệm vụ của ông là kêu gọi thanh niên chăm chỉ rèn luyện trở thành công dân hiện đại và sống có ích. Công việc này đòi hỏi ông phải cuốc bộ quanh vùng nông thôn, thậm chí trong các làng xã, không có chỗ mua thức ăn cũng như không có chỗ ngủ tử tế. Mikhail choáng váng khi chứng kiến đời sống nghèo nàn khổ cực của người dân. Sau cùng, ông đến vùng Krasnodar là một trong những vùng màu mỡ của nước Nga. Người ta hào hứng tụ tập để nghe ông phát biểu vì chuyến đến thăm của ông là một sự kiện soi sáng cuộc đời tối tăm, lạc hậu của họ. Một số người ngồi phía sau cần hạt hướng dương, còn mọi người đều chăm chú theo dõi như nuốt lấy từng lời ông nói. Đây là cơ hội ông thực hành khả năng diễn thuyết trước công chúng, khả năng trình bày giải quyết một vấn đề trước những con người chưa bao giờ có điều kiện nghe đài, xem tivi hay đọc sách báo. Ông nhanh chóng phát hiện ra Komsomol là một tổ chức hậu bị trẻ tuổi của Đảng và thành công về chính trị được đánh giá bởi thành quả về kinh tế. Nếu các kế hoạch được thực hiện đầy đủ thì công tác chính trị được coi là tốt, ngược lại sẽ rất tồi tệ, họ buộc phải quy trách nhiệm cho ai đó. Ông cũng biết một trong những nguyên tắc của nền chính trị Nga hay nền chính trị thế giới là tự vận động trước khi người ngoài can thiệp vào. Ông được rất nhiều đồng sự trong Komsomol đánh giá là người tinh nhanh, hoạt bát. Bài học ông rút ra được ở đây là sự thông minh, nhanh nhẹn của một người đôi khi còn phải bao hàm cả việc không nên tự khoe mình là người thông minh.

Việc Khrushchev đả kích Stalin trong Đại hội Đảng lần thứ 20 khiến Gorbachev thật sự bị sốc. Nhiệm vụ của ông là phải giải thích cặn kẽ bài diễn văn này cho thế hệ trẻ và khuyến khích, động viên họ tham gia các cuộc đối thoại thay vì chỉ tổ chức các buổi phát biểu đơn thuần. Ông cũng đối mặt với rất nhiều phản ứng khác nhau. Bộ máy hoạt động của Đảng đang bị suy yếu và không có nhiều người tin Khrushchev nữa. Trong tầng lớp thanh niên, một số người vẫn có tâm lý do dự, một số khác thì cho rằng nên đối mặt với thực tế Stalin để lại, số khác nữa còn phân vân về mục tiêu công khai làm trong sạch Đảng và thậm chí một số thanh niên cho rằng Stalin chỉ trừng phạt những kẻ áp bức nhân dân mà thôi. Họ cũng cho rằng “những kẻ đó đáng phải trả giá cho sự đau khổ của chúng ta”. Đây là quan điểm khó khăn nhất khi vùng Stavropol phải trả giá quá đắt thời Stalin cầm quyền. Đối với Gorbachev, sự thật này dễ cảm nhận vì bản thân gia đình ông từng là nạn nhân. Tuy nhiên, người ta còn ngờ ngợ về bài phát biểu này. Nó được viết ra một cách khôn khéo nhằm đánh vào tình cảm con người, nhưng lại quy tất cả những điều xấu xa của thời kỳ ấy vào khuyết điểm về tính nết của Stalin mà không phân tích những quá trình chuyển biến ngầm ngấm bên trong.

Mikhail Sergeevich ngay lập tức tạo được ấn tượng và vào năm 1956, ông được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Komsomol vùng Stavropol. Ông thành lập một câu lạc bộ tranh luận với quan điểm mới mẻ mà người ta chưa bao giờ được nghe đến, đồng thời chủ trì mọi cuộc họp thảo luận về các chủ đề như sở thích và văn hóa. Người nào có phản ứng, tất nhiên sẽ bị chặn lời ngay. Ở đây ông đã xây dựng được niềm tin ngày càng vững chắc và luôn giành phần thắng trong các cuộc tranh luận nhờ kiến thức ông học được. Tình trạng thất nghiệp ở thị trấn khá cao, tội phạm gia tăng. Các nhóm thanh niên tình nguyện được thành lập nhằm giúp chính quyền địa phương nhưng Gorbachev nhanh chóng phát hiện ra rằng họ không bao giờ lấy được lòng tin của nhân dân vì họ sử dụng luật pháp một cách cứng nhắc. Trong thị trấn xuất hiện những bức ảnh đả kích các nhà máy trì trệ, các quan chức luôn say mèm.

Tháng 1/1957, Gorbachev đón chào con gái đầu lòng, cô bé Irina. Đôi vợ chồng trẻ thật sự hạnh phúc. Tuy nhiên, họ không thể chỉ dựa vào một nguồn thu nhập và Raisa vừa phải đi làm, vừa phải về nhà cho con bú vì lúc đó không có thức ăn bột cho trẻ. Sau đó, họ chuyển tới một căn hộ có hai phòng, bếp và nhà vệ sinh chung.

Ngày 25/4/1958, Mikhail Sergeevich được bầu làm Bí thư thứ hai Ban Chấp hành Kosomol vùng Stavropol; tháng 3/1961, ông được bầu làm Bí thư thứ nhất. Lúc này ông có thể sử dụng ô tô đến những vùng mình muốn và với đôi ủng dã chiến, ông lại tới những nơi mà ô tô không thể vào được. Điều đó tạo cho Gorbachev cơ hội nghiên cứu cách lãnh đạo của các vị bí thư thứ nhất ở mỗi vùng trên nước Nga. Khiến ai đó phải sợ hãi và chịu sự trừng phạt là cách lãnh đạo của các bí thư thứ nhất sau Đại hội Đảng lần thứ 20. Tiếp đến là Lebedev, một chuyên gia vận động có thể làm mọi điều miễn là mang lại kết quả. Ông là một người ngoan ngoãn vâng lời cấp trên và ngại cải tiến. Năm 1956, ông đòi thực hiện mệnh lệnh của Moskva, tiến hành thu hoạch theo hai giai đoạn: gặt rồi sau đó gom lại và đập. Vì mùa hè đó ẩm ướt, đập lúa mì ngay thì tốt hơn nhưng vị lãnh đạo này không chịu nghe và hàng nghìn héc ta lúa mì đã trôi sông trôi bể. Chẳng ai phải chịu trách nhiệm cả. Không những thế, vị Bí thư Đảng này còn được tặng thưởng Huân chương Lenin vì “áp dụng thành công phương pháp thu hoạch hai giai đoạn”. Gorbachev được nhìn thấy Khrushchev lần đầu tiên vào tháng 10/1958 khi ông đến trao huân chương Lenin cho vùng ấy. Cung cách bình dân của Khrushchev không gây ấn tượng với Gorbachev, với cung cách như vậy có thể sa đà đến thô lỗ, nói năng tục tằn và rượu chè say sưa. Vấn đề quan trọng hơn của Khrushchev là trình độ văn hóa thấp. Lebedev nịnh bợ các quan chức cao cấp khi họ đến thăm nhưng lại tranh giành địa vị khi có người bị thất sủng. Lebedev ra sức đôn Nikolai Bulganin vào chỗ khốn khổ sau khi ông này bị cách chức Thủ tướng và bị điều về Stavropol. Lebedev được tặng thưởng Huân chương Lenin lần thứ hai vào năm 1957 và lần thứ ba vào năm 1958. Không để người Mỹ vượt lên, Khrushchev đã phát động một chiến dịch vào cuối năm 1958 nhằm bắt kịp và vượt sản

lượng thịt và sữa tính theo đầu người của Mỹ. Năm 1959, vùng Stavropol thi đua với tỉnh Riazan, là tỉnh đã giao nộp lượng thịt của ba năm trong một năm. Stavropol chỉ cung cấp được sản lượng thịt bằng hai năm rưỡi. Nhưng cái gì cũng có giá của nó. Tất cả những con vật có bốn chân, kể cả ngựa, đều bị giết cho đủ số lượng, và gia súc của nông dân cũng bị giết hại. Phải mất nhiều năm mới bù đắp được tai họa này. Lebedev đã bị loại khỏi chính trường: năm 1960 ông về hưu “vì lý do sức khỏe”.

Một bước ngoặt trong sự nghiệp chính trị của Mikhail Sergeevich chính là Đại hội Đảng lần thứ 22 vào tháng 10/1961. Đây là bài học đầu tiên khi bước vào hoạt động chính trị ở cấp Trung ương và Khrushchev phải rút lui hoàn toàn. Bài diễn văn thuyết phục nhất là của D. A. Lazurkina, một đảng viên trước năm 1917 có mối quan hệ thân thiết với Lenin: “Ngày hôm qua, tôi còn xin ý kiến Lenin, như thể Người còn sống, đang đứng trước mặt tôi, và Người nói: “Tôi không chung chí hướng với Stalin vì ông ấy mang lại quá nhiều tai họa cho Đảng”.

Bài phát biểu này đã giải thích chỉ thị của Lenin với một ý nghĩa mới và các đại biểu phải thực hiện đúng đắn. Linh cữu của Stalin được chuyển khỏi Lăng Lenin-Stalin trên Quảng trường Đỏ và Stalin được chôn cất gần bức tường Điện Kremlin, người ta lấy lại tên cũ: Lăng Lenin. Gorbachev nhận thấy rằng đã kích tệ sùng bái cá nhân (Stalin) không ngoài mục đích nhằm ca ngợi Khrushchev. Các đại biểu đua nhau ca ngợi lãnh đạo hết lời. Có người từng gọi bài phát biểu thiếu học thức của Khrushchev là một “bản giao hưởng đầy ấn tượng”. Có người lại nói là ông đã nhận thức sâu sắc về các xu hướng cơ bản của cuộc sống. Khrushchev thích điều này, còn Gorbachev thì phát bực vì nó. Tâm trạng như vậy có thể bắt nguồn từ tình cảm riêng tư, tự nhiên của ông nhưng trước mọi người ông vẫn đồng tình cổ vũ và mỉm cười hài lòng. Thái độ của ông đối với Khrushchev yêu ghét lẫn lộn, không rõ ràng. Một mặt, Khrushchev là người đi đầu phản đối hiện tượng Stalin và phát động các thế lực ngầm ngầm mà hai thập niên sau đó đã bị lộ diện. Mặt khác, ông chưa bao giờ có ý định giải quyết tận gốc rễ

vấn đề và thường độc đoán khi ra quyết định. Thậm chí, các lãnh đạo trong Đảng là những người cứu sống ông vào năm 1957 cũng muốn hạ bệ ông vào tháng 10/1964.

Vận may mỉm cười với Mikhail Sergeevich khi Fedor Kulakov được bổ nhiệm làm Bí thư thứ nhất của Stavropol năm 1960. Họ hoán đổi vị trí cho nhau rất nhanh chóng và tháng 3/1962, Kulakov đề nghị Gorbachev chuyển sang làm công tác Đảng. Ông được giao chịu trách nhiệm ba vùng nông nghiệp và nhận nhiệm vụ sau một cuộc chất vấn của Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương ở Moskva. Gorbachev được đề bạt giữ chức vụ trong Đảng, đây là bước ngoặt đánh dấu nấc thang danh vọng, giúp ông có cơ hội tiến đến vị trí cao trong hàng ngũ lãnh đạo, cụ thể là chức Tổng Bí thư Đảng. Tháng 11/1962, Kulakov chọn Gorbachev làm trưởng ban phụ trách các cơ quan Đảng của vùng này. Ở vị trí này, ông chịu trách nhiệm sắp xếp nhân sự trong Đảng, bố trí các chức vụ cấp cao trong lĩnh vực công nghiệp, nông trường quốc doanh và nông trang tập thể. Ngoài ra, ông còn có nhiệm vụ giám sát các Xô viết, các tổ chức công đoàn và Komsomol. Với vị trí đầy quyền lực, ngày 1/1/1963, ông bắt đầu thực hiện nhiệm vụ. Đối với Mikhail Sergeevich, Kulakov là một nhà lãnh đạo kiểu mẫu. Kiểu lãnh đạo của ông kết hợp cương nhu, vừa chan hòa, cởi mở, nhã nhặn nhưng lại vừa khôn khéo, sắc sảo như một con cáo – Gorbachev gọi đó là “sự láu lỉnh của nhà nông”. Kulakov tham gia âm mưu chống Khrushchev tháng 10/1964 và được trọng thưởng bằng việc đề bạt làm Bí thư Ban Chấp hành Trung ương phụ trách Nông nghiệp và chuyển về Moskva. Do vậy, Mikhail đã nhận được sự che chở, giúp đỡ ngay tại cấp Trung ương. Ở Moskva, không ai ca ngợi tài năng của ai, mà cũng có rất ít cơ hội làm việc đó trong giới lãnh đạo.

Người kế nhiệm Kulakov ở vùng Stavropol là Leonid Efremov. Việc chuyển đến làm việc ở vùng này đối với ông là một sự giáng chức; vì quá thân cận với Khrushchev nên Efremov đã bị cách ly hoàn toàn với Trung ương. Năm 1962, với nỗ lực củng cố các tổ chức Đảng, Khrushchev tách bộ

máy Đảng thành hai nhánh: công nghiệp và nông nghiệp. Tháng 11/1964, khi Brezhnev lên cầm quyền, quyết định hợp nhất hai nhánh và sau này các quan chức trung thành được khôi phục chức cũ. Vì các tổ chức mới hợp nhất nên số người ít hơn nhiều so với cơ cấu cơ quan hai tổ chức cũ, nhiều người cảm thấy mình bị gạt ra ngoài lề.

Lúc đó, Gorbachev đang nắm cương vị lãnh đạo các tổ chức Đảng trong nông nghiệp, có một vai trò quan trọng nên ông tránh tham gia cuộc xung đột vô bổ về địa vị và đặc quyền.

Efremov là một người có tính cách khác biệt hẳn với Kulakov. Ông là người có học thức, có kiến thức văn hóa, chính trị và là một sản phẩm điển hình của chế độ cộng sản. Efremov luôn ấp ủ hy vọng được gọi về Moskva, đối với ông, bất kỳ nơi nào khác đều là thảm họa chính trị. Ông luôn làm cho giới lãnh đạo của Moskva cảm mến. Khi Leonid Brezhnev, lúc đó đang là Tổng Bí thư, đi nghỉ tại khu nghỉ mát Stavropol, Efremov lấy cớ đi công tác để tham gia vào đoàn quan chức này và ra sức tạo ấn tượng tốt với ông chủ mới của Điện Kremlin. Efremov coi Đại hội Đảng lần thứ 23 vào tháng 4/1966 là một cơ hội lớn để trở lại Trung ương. Ông đã ca ngợi hết lời giới lãnh đạo hiện tại. Ông đưa Gorbachev về Moskva, bố trí ở khách sạn trong thời gian diễn ra Đại hội. Mỗi lần nghỉ giải lao Efremov đều gọi điện cho Gorbachev nhấn mạnh những điểm quan trọng trong bài phát biểu của mình, bài phát biểu mà Mikhail Sergeevich phải chỉnh lý lại toàn bộ. Tuy nhiên, Efremov hoàn toàn thất vọng khi ông không được mời lên đọc diễn văn trước Đại hội. Cú sốc mạnh mẽ và cay đắng khiến ông tự thừa nhận mình là con người của quá khứ và sau này ông đã dốc toàn bộ sức lực và tài năng ở vùng Stavropol. Mikhail Sergeevich nghiên cứu cách ngoại giao của ông tựa như một đề tài lâu dài và rút ra được rất nhiều bài học chính trị quý giá từ trường hợp của Efremov. Ngày 26/9/1966, Gorbachev được bầu làm Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Stavropol hay còn gọi là Thành ủy. Thực chất, đây là sự giáng chức, vì chức vụ cũ của Gorbachev cao hơn so với chức vụ mới được bổ nhiệm, hơn nữa, lương bổng cũng cao hơn nhiều. Nhưng ông chấp

nhận ngay chức vụ này, không chút do dự vì nó sẽ đem lại cho ông nhiều cơ hội để thực hiện những ý tưởng to lớn hơn. Một kế hoạch phát triển tổng thể được phác thảo nhưng vấn đề nan giải là sự khan hiếm các nguồn lực khiến nó không có tính khả thi.

Gorbachev phát hiện điểm yếu cơ bản trong cơ chế kinh tế kế hoạch tập trung: không có nhân tố để phối hợp tất cả các kế hoạch riêng lẻ và hợp nhất chúng thành một kế hoạch có tính khả thi cao. Gorbachev hoàn toàn thất vọng trước cung cách điều hành quản lý của các vị bộ trưởng, họ chỉ quan tâm đến quyền lợi cục bộ. Các tổ chức Đảng ở các vùng chỉ tập trung và nhất nhất thực thi tốt các chỉ thị của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (Liên Xô). Không ai trong giới lãnh đạo Trung ương quan tâm tới việc vạch ra kế hoạch hay áp dụng một chính sách khuyến khích nào ở vùng Stavropol xa xôi. Đã có những cố gắng nhằm cải thiện tình hình và vào tháng 2/1967, đã xuất hiện một bài viết trên tờ Novy Mir (Thế giới mới), một tờ báo tiến bộ, trong đó Gennady Lisichkin chủ trương cần phải có những thay đổi mạnh mẽ trong nông nghiệp, có hướng phát triển đúng đắn các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh mà khi đó đang rất tùy tiện trong sản xuất. Toàn bộ những ví dụ ông nêu lên đều có nguồn gốc từ vùng Stavropol. Nếu chủ trương này được thông qua, các nông trang tập thể sẽ dần dần được giao quyền quyết định sản xuất sản phẩm gì. Về bản chất, điều đó đồng nghĩa với việc chấm dứt cơ chế kế hoạch trong sản xuất nông nghiệp. Bộ máy của Ban Chấp hành Trung ương Moskva tất nhiên không chấp nhận đề xuất đó và Barakov Bí thư vùng này, người đang triển khai những cải cách cấp tiến bị cách chức vào tháng 1/1967. Đến tháng 9/1967, Efremov có bài viết đáp trả trên báo Selskaya Zhizn – tờ báo nông nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương – bác bỏ bài tranh luận và chủ trương của Lisichkin. Gorbachev nhận thấy đây là một ví dụ điển hình và đặc trưng nhất của bộ máy Đảng, họ đang ra sức bảo vệ những đặc quyền của mình chứ không chịu thay đổi một cơ chế kinh tế hiệu quả. Nếu các nông trang được phép áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật của mình thì nền nông nghiệp Xô viết sẽ sản xuất được một khối lượng lương thực cao gấp nhiều lần so với thời kỳ Brezhnev

và tiết kiệm cho đất nước hàng tỷ đôla nhập khẩu lương thực. Gorbachev nhận xét: “Đây là một bài học khó khăn với tôi”.

Một bài học nữa với Gorbachev là sự tác động mạnh mẽ của KGB. Mùa hè năm 1967, Zdenek Mlynar, một người bạn cùng trường đại học, đã đến thăm ông sau khi ông này tới Moskva để thuyết trình về tư tưởng cải cách chính trị ở Tiệp Khắc. Ông này cũng cho Mikhail Sergeevich biết những tóm tắt chi tiết về tình hình ở Tiệp Khắc. Sau đó Mlynar được bầu làm Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Tiệp Khắc (CPC), đóng vai trò lãnh đạo trong việc dự thảo Chương trình Hành động của CPC và khởi đầu bằng một chuỗi sự kiện mà được nhắc đến nhiều nhất là sự kiện Mùa xuân Praha. Gorbachev như được tiếp thêm sức mạnh, ông viết thư cho Mlynar nhưng không nhận được hồi âm. Vị thủ trưởng cơ quan KGB bóng gió hé lộ thư trả lời đã được lưu trong hồ sơ KGB. Đây là cách ngầm báo hiệu rằng từ trước đến nay, không có vị Bí thư thứ nhất nào của vùng Stavropol có quyền trao đổi thư từ với những người cộng sản nước ngoài.

Mùa hè năm 1968, Bí thư thứ nhất tỉnh Karachai Cherkess (một phần của vùng Stavropol) bị cách chức vì tội ngoại tình và bỏ vợ. Người ta cho rằng chính việc ngoại tình đã làm xói mòn sức mạnh của Đảng. Bí thư thứ hai của vùng Stavropol được kế nhiệm. Vì thế vị trí Bí thư thứ hai vùng này bị khuyết. Mikhail Sergeevich cho rằng ông không thích hợp chạy đua vào vị trí này và muốn đi nghỉ nhưng Efremov yêu cầu ông ở lại. Một vài ngày sau, Gorbachev được gọi đến gặp Efremov tại văn phòng và không để ý đến sự bức bối của Gorbachev, Efremov thông báo Gorbachev sẽ đi Moskva. Gorbachev đủ thông minh không hỏi ông sẽ đi gặp ai ở đó. Ban tổ chức thuộc Ban Chấp hành Trung ương chất vấn ông bởi vì “có rất nhiều người ở đây ủng hộ ông”. Đặc biệt là Kulakov, người đã hết lời ca ngợi tài năng Gorbachev. Chính vì vậy, ông đã được bổ nhiệm làm Bí thư thứ hai vùng Stavropol vào ngày 5/8/1968. Việc đề cử của Efremov bị giới lãnh đạo Moskva phản đối là điềm báo không tốt cho tương lai của ông ở Stavropol.

Dù việc này làm ảnh hưởng đến quyền lực của Efremov, Gorbachev và ông ta vẫn giữ mối quan hệ.

Hiệp ước Warsaw xâm chiếm Tiệp Khắc bắt đầu vào ngày 21/8/1968 là một cú sốc đối với cá nhân Gorbachev. Khi Efremov đi vắng, Gorbachev chủ trì các cuộc họp, ủng hộ những biện pháp mang tính quyết định và kịp thời nhằm bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội ở Tiệp Khắc. Cá nhân Gorbachev có những băn khoăn khi đánh giá về sự việc này. Những gì diễn ra tại Praha có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự phát triển của những tư tưởng cấp tiến tại Nga. Mệnh lệnh từ Moskva là phải nhanh chóng dập tắt những quan điểm không đúng đắn, xa rời quan điểm của Trung ương. Đầu năm 1969, F. B. Sadykov, một phó giáo sư ngành triết (Marx-Lenin), công tác tại Viện Nông nghiệp Stavropol đã xuất bản cuốn sách có tiêu đề *Sự đoàn kết của nhân dân và những mâu thuẫn của chủ nghĩa xã hội*. Bản thảo cuốn sách được hệ thống xét duyệt thường lệ chấp nhận và được trình lên Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương ở Moskva. Sadykov viết một bài báo cùng chủ đề như vậy in trong Voprosy Filosofii (Những vấn đề triết học). Ông này dám dùng cụm từ “những mâu thuẫn của chủ nghĩa xã hội” và minh họa cho quan điểm này bằng chính không khí chính trị hồi đầu và giữa những năm 1960. Các mâu thuẫn trong chủ nghĩa Marx chính là các vấn đề tồn tại trong suốt quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội. Chúng có thể thuận chiều hoặc trái ngược nhau. Những mâu thuẫn đồng thuận có thể gây ra sự bất ổn trong xã hội nhưng không đe dọa trật tự xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn đối kháng là những vấn đề nếu không điều chỉnh hợp lý, có thể dẫn tới tình thế cách mạng. Sadykov đã chỉ rõ những mâu thuẫn đồng thuận và Moskva quyết định lấy ông làm bài học răn đe. Tháng 5/1969, họ tấn công vào “những sai lầm nghiêm trọng” trong cuốn sách của Sadykov và ông rơi vào tình thế nguy cấp. Những nhà tư tưởng lớn trong chính quyền ra lệnh khai trừ ông khỏi Đảng, điều đó đồng nghĩa với việc đánh dấu chấm hết trong sự nghiệp của ông. Sau này khi rời khỏi Stavropol, Gorbachev đã lấy Sadykov làm gương nhưng ông ghi nhớ những kiến nghị của Sadykov và một số kiến nghị được áp dụng trong chính sách cải cách sau này (cải tổ). Cách đối xử

với Barakov và Sadykov ít nhiều còn để lại dư vị cay đắng cho Gorbachev. Ông cảm thấy “căn rút lương tâm về sự đối xử thô bạo mà lẽ ra những người này không đáng phải gánh chịu”. Rõ ràng sự rạn nứt của chủ nghĩa xã hội ở Tiệp Khắc đã nhen lên hy vọng về quá trình cải cách hệ thống kinh tế ở nước Nga. Đối với Gorbachev, đây là thời kỳ kinh tế nước Nga bắt đầu giai đoạn trì trệ.

Mikhail Sergeevich được Raisa cung cấp thông tin về mức sống của nông dân trong các nông trường tập thể và với công trình nghiên cứu này, cô đã hoàn thành bằng tiến sĩ tại trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva năm 1967. Cũng trong năm này, ông đã giành được một văn bằng về kinh tế nông nghiệp tại Viện Nông nghiệp Stavropol, với tư cách là sinh viên ngoại trú. Ông viết luận văn về đề tài sản xuất sữa. Vị giám đốc viện này là Aleksandr Nikonov³ tác động tới ông về phương pháp tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp.

Mong muốn quay trở lại Moskva của Efremov trở thành sự thật vào đầu năm 1970 và Mikhail Sergeevich được bầu làm Bí thư thứ nhất vùng Stavropol vào

tháng 4/1970, một tháng sau sinh nhật lần thứ 39 của ông. Một nghi thức trang trọng cho vị Bí thư thứ nhất này được tổ chức với sự chứng kiến của các vị bí thư thành ủy, tỉnh ủy và khu ủy. Các bí thư Ban Chấp hành Trung ương đã thu thập thông tin về ông, chất vấn ông và cuối cùng ông cũng được thông báo đến gặp Tổng Bí thư. Các cuộc chất vấn chỉ mang tính hình thức vì quyết định phụ thuộc Brezhnev. Ông chủ Điện Kremlin rất tự hào về đội ngũ trợ lý của mình. Vì bản thân ông cũng được bổ nhiệm thông qua hình thức đồng thuận nên ông không muốn cấp dưới không tuân lệnh hoặc có thái độ chống đối. Ông mong có sự ổn định và luôn tìm cách hạn chế nguy cơ tiềm ẩn. Brezhnev có kỹ năng nhưng lại hoàn toàn sáo rỗng trong các vấn đề nội bộ và chính sách đối ngoại. Trong cuộc đối thoại diễn

ra vài giờ, Gorbachev phát hiện thấy Brezhnev rất chất phác và dễ tin người. Đây là giai đoạn Brezhnev đang làm Tổng Bí thư.

CÁC CHUYẾN CÔNG DU NƯỚC NGOÀI

Mốc đáng lưu ý của nhà lãnh đạo Komsomol đầy triển vọng này là được mời tham gia đoàn đi thăm một nước xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm nước ngoài đầu tiên của Gorbachev là tới Cộng hòa Dân chủ Đức (GDR) năm 1966. Thời kỳ đó, Cộng hòa Dân chủ Đức đang tiến hành mạnh mẽ cải cách kinh tế, những cải cách kinh tế cấp tiến và nhanh hơn nhiều so với những cải cách của Kosygin ở Liên bang Xô viết, đáng để nghiên cứu và học hỏi. Ngay từ đầu, Mikhail Sergeevich cảm thấy sự lạnh giá và khung cảnh điêu tàn ở Đông Berlin, một nhận xét thường trực của những khách du lịch đến từ phía Tây. Lãnh đạo của Đông Đức lúc đó là Erich Honecker kế nhiệm vị trí lãnh đạo Đảng của Walter Ulbricht năm 1971, sự tự tin của Honecker đã gây ấn tượng mạnh đối với Gorbachev. Năm 1969 và 1974, Gorbachev có các chuyến thăm Bulgaria. Về mặt nông nghiệp, dường như đây được mệnh danh là vườn địa đàng nhưng chính lúc đó người Nga lại không hay biết Bulgari đang sống chật vật và khó khăn. Kinh nghiệm đau đớn nhưng bổ ích nhất được rút ra từ chuyến viếng thăm nước Tiệp Khắc năm 1969. Đây là lần đầu tiên Gorbachev gặp mặt Egor Ligachev, một thành viên trong đoàn. Mục đích của chuyến thăm này là làm thế nào giành được sự ủng hộ của giới sinh viên Tiệp Khắc, nhưng họ đã thất bại. Đoàn đại biểu Xô viết cảm nhận được thái độ thù địch công khai tại Tiệp Khắc và họ biết giới lãnh đạo Tiệp Khắc cũng có thái độ e ngại trước phản ứng của công chúng. Khi đi thăm một xí nghiệp ở Brno, công nhân ở đây không muốn tiếp chuyện với Gorbachev và những người cùng đoàn. Lo sợ bị tấn công, những người Nga phải cẩn trọng suốt ngày đêm. Gorbachev không có cơ hội tiếp kiến Zdenek Mlynar, nhân vật bị tẩy chay ở Moskva. Chuyến thăm này là một kinh nghiệm đáng kể đối với Gorbachev nhưng nó cũng cho thấy một số hình ảnh tương phản trong tình hình nội trị của Liên Xô. Trong chuyến viếng thăm các nước tư bản, Gorbachev cũng đã rút ra được

một số bài học. Chuyến viếng thăm đầu tiên tới Bỉ năm 1972, tiếp đó là ghé qua Hà Lan. Trên đường đi lần đầu tiên ông gặp Anatoly Chernyaev. Trong những năm 1970, Gorbachev còn đi thăm Pháp, Italia và Cộng hòa Liên bang Đức. Ông thật sự sửng sốt trước mức sống của những nước này, cao hơn hẳn mức sống của người Nga. Khả năng này thật sự xảy ra dưới chế độ chủ nghĩa tư bản chẳng? Người Nga cũng đã sửng sốt trước sự cởi mở, trước sự nhân nhượng lẫn nhau khi tranh luận về chính trị và các vấn đề khác. Những người đối thoại với họ, phần lớn là những người cộng sản, thường không nhất trí với nhau. Điều này làm cho Mikhail Sergeevich tự vấn xem xét lại niềm tin của mình rằng liệu nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có thật sự ưu tú hơn nền dân chủ tư sản. Ngược lại, đoàn đại biểu Nga luôn đồng nhất một quan điểm và vì vậy các thành viên trong đoàn không bao giờ đoán biết được người này hoặc người kia thật sự đang nghĩ gì. Ông buồn rầu nghĩ đến những ông già trong Điện Kremlin, những người chẳng mấy quan tâm đến các vấn đề như vậy, việc duy nhất họ quan tâm là tìm ra cách biện minh hợp lý lẽ để giữ nguyên hiện trạng.

Trong chuyến thăm Canada tháng 5/1983, Mikhail Sergeevich còn rút ra một kinh nghiệm nữa. Ông phát hiện rằng dù nông nghiệp Canada đạt được sản lượng rất cao nhưng nó phụ thuộc rất nhiều vào sự trợ giá của nhà nước. Quan trọng hơn là ông đã gặp Aleksandr Yakovlev, Đại sứ Liên Xô tại Canada, người sau này trở thành cha đẻ của chính sách “glasnost” (công khai). Trên đường trở về nước, Gorbachev lại tiếp tục tranh luận vấn đề liệu khu vực nông nghiệp có cần thêm trợ cấp của nhà nước hay không. Ông quyết định không nói đến mô hình nông nghiệp Canada với mọi người vì chắc chắn chuyện đó chỉ làm nản lòng họ.

QUYẾT SÁCH BAN ĐẦU VÀ BƯỚC TIẾN CHÍNH TRỊ

Bản chất của nền chính trị Xô viết đòi hỏi một người có tư chất, phải đưa ra được nhiều sáng kiến. Gorbachev là một người biết chấp nhận rủi ro

nhưng cũng cần đến một chút may mắn. Bước đi đầu tiên của ông là dự thảo kế hoạch cải cách nông nghiệp đầy tham vọng cho vùng.

Trong thế kỷ trước, năm 1870, ở vùng này đã có

52 năm bị hạn hán. Do vậy, việc cung cấp nước trở nên tối quan trọng. Một con kênh ở vùng Stavropol đã được xây dựng nhưng theo tính toán của Mikhail Sergeevich, công trình phải mất một thiên niên kỷ hoặc thậm chí có thể lâu hơn nữa mới hoàn thành. Ông đã suy nghĩ và cuối cùng đưa ra sáng kiến, còn kinh phí thực hiện vẫn phải đợi Moskva rót xuống. Bước đi đầu tiên là tranh thủ Bộ trưởng Khai hoang và Quản lý Nước của Nga khi ông này tình cờ đang đi nghỉ ở vùng này. Không giải quyết được gì nếu không trực tiếp gặp được ông ấy. Khi Brezhnev đến Baku dự lễ trao huân chương và Gorbachev may mắn được đứng cạnh ông trên khán đài. Mikhail Sergeevich không để tuột mất cơ hội này và đã nhanh chóng bắt chuyện với lãnh đạo. Brezhnev tỏ ra rất hào hứng, triệu tập ngay một cuộc họp khẩn trong Bộ Chính trị và quyết định triển khai kế hoạch này. Kế hoạch do Ban Dự án Komsomol thực hiện, vì vậy đảm bảo được nguồn cung cấp nhân lực và vật lực. Kênh đào được hoàn thành vào năm 1978. Sau đó, vấn đề nổi lên là quyết định trồng hoa màu gì trên khu đất được tưới tiêu. Moskva muốn trồng các loại cây lương thực trên từng mét vuông nhưng Gorbachev cho rằng tốt nhất nên làm giàu đất hàng năm, nghĩa là cho đất luân phiên nghỉ. Đề nghị của Gorbachev không thuyết phục được giới lãnh đạo Trung ương. Tuy nhiên, vận may đã mỉm cười với ông. Vào năm 1975-1976, xuất hiện một nạn hạn hán nghiêm trọng chưa từng thấy. Cuối tháng 5/1976 khoảng một nửa mùa màng bị thiệt hại. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Nga lúc đó vô cùng sợ hãi và lệnh cho cấp dưới phải giết cừu và các gia súc vùng này vì lý do thiếu cỏ. Gorbachev lên tiếng phản đối và sự việc này cuối cùng được Kulakov, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương chuyên trách về nông nghiệp ở Moskva quyết định. Khi ông này gọi điện, Mikhail Sergeevich đã đưa ra những lý lẽ thuyết phục nhưng Kulakov lên tiếng cảnh báo ông sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu sự việc phát triển theo chiều hướng xấu đi. Mọi

người trong khu vực đã được huy động thu gom cỏ khô trên các con đập, vệ đường và trên các bãi cỏ nông trang. Gorbachev bay tới Moskva và nhận lệnh khẩn cấp thu gom 60 nghìn tấn cỏ khô. Sau đó mưa như trút nước, cả vùng được cứu sống. Với thành công này, Gorbachev quyết định tiếp tục vận động thực hiện việc bỏ hóa đất trong vùng. Câu trả lời của Kulakov vẫn như trước: chờ ý kiến của lãnh đạo. Brezhnev đang đi nghỉ ở Crime. Chính phủ Nga kịch liệt phản đối việc bỏ hóa này, tuy vậy có một nghị quyết của Bộ Chính trị về mở rộng diện tích lương thực ở vùng nông thôn. Thời kỳ này, Gorbachev luôn trong tâm trạng lo lắng và căng thẳng. Năm 1977, người ta đã chứng kiến một vụ mùa bội thu và năm 1978 thậm chí còn bội thu hơn. Vận may đã nghiêng về những người dũng cảm. Một phần do may mắn, một phần dựa trên khả năng tính toán, ông cho rằng nếu năm 1975 và 1976 là những năm hạn hán mất mùa, khả năng bội thu mùa màng vào năm 1977 là rất cao. Do vậy, thời gian tiến hành bỏ hóa đất đai trông trọt là năm 1977. Một vấn đề khác trong vùng này phải lưu ý là nguồn cung cấp thịt. Khoảng 75% sản phẩm thịt được phân phối cho các vùng khác, vì thế sản lượng này phải tăng lên rất nhanh. Gorbachev quyết định thử liều một phen và ông thực hiện ý định một mình. Ông tăng cường mở rộng các trang trại chăn nuôi gia cầm và sản lượng gà đã tăng lên đáng kể. Một trong những người tham gia chính là Viktor Postmikov, giống như Gorbachev, cũng sinh ra ở Privolnoe, sau này được Mikhail Sergeevich cho phép, ông ta đã thành lập và mở rộng một nông trang chăn nuôi gia cầm và bán thịt cho vùng Stavropol. Đến năm 1983, nhờ có sự hậu thuẫn của Gorbachev trong tổ chức chính quyền, ông này đã rất thành công.

Vùng Stavropol có nền nông nghiệp phát triển và một số người đã để mắt tới vùng này nhằm tiến xa hơn trong sự nghiệp chính trị. Fedor Kulakov rất cần đưa ra sáng kiến được lòng công chúng và ông phát hiện có vấn đề xảy ra hàng năm trong vụ thu hoạch. Một phần bị thất thu do không thu hoạch được. Sự việc càng trở nên cấp thiết khi giá nhập khẩu lương thực từ Bắc Mỹ ngày càng tăng, người dân Nga không cung cấp đủ lương thực trong nước cho người và gia súc. Vùng được chọn là Ipatovsky, một

vùng đất bằng phẳng và thích hợp trồng lúa mì mùa đông. Mô hình dự án được hoàn chỉnh năm 1976 và triển khai năm 1977. Vùng này được phân chia thành 54 khu vực, mỗi khu vực đều được trang bị máy gặt đập liên hợp, ô tô tải và 15 đảng viên để nhấn mạnh rằng đó là sáng kiến của Đảng. Vụ thu hoạch tiến hành suốt ngày đêm. Thời tiết cũng rất thuận lợi. Việc thu hoạch hoàn thành trong vòng chín ngày (thường phải mất hai đến ba tuần) và vào đầu tháng 7, 200 nghìn tấn lương thực được chuyển về Trung ương như lời hứa của các quan chức Đảng. Ngày 20/7, tờ Pravda có bài báo ca ngợi hết lời thắng lợi này và kêu gọi cả nước noi gương. Tháng 2/1978, Kukulov được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động Xã hội Chủ nghĩa, danh hiệu cao quý nhất ở Liên bang Xô viết. Gorbachev được nhận Huân chương Cách mạng Tháng Mười và nhiều danh hiệu khác. Vụ thu hoạch năm 1978 ở vùng Ipatovsky thậm chí còn bội thu hơn nhiều, nộp cho Nhà nước 240 nghìn tấn lương thực. Những lời ca tụng chúc mừng lắng đọng khi Kukulov qua đời ngày 17/7/1978. Gorbachev phát biểu trong lễ tang của Kukulov và lần đầu tiên người dân Nga nhìn thấy vị lãnh đạo tương lai của mình. Nhưng ông đã sững sốt vì Brezhnev và các ủy viên Bộ Chính trị không đến dự lễ tang. Ông thấy rõ là các đồng chí lãnh đạo lại xa rời nhau một cách khó mà tin được, đúng là xa rời nhân dân.

Phương pháp thu hoạch mùa màng tại Ipatovsky lắng xuống cùng với cái chết của Kukulov. Nó chính là một ví dụ điển hình về mối liên hệ mật thiết giữa kinh tế và chính trị. Hóa ra mục đích không phải là năng suất cao, tính hiệu quả của nền nông nghiệp Nga, đó chỉ là biện pháp nhằm tăng cường địa vị chính trị mà thôi. Phương thức sản xuất này không được áp dụng cho các vùng khác của nước Nga. Cây trồng gieo vào mùa xuân, chín vào thời gian khác nhau và thu hoạch vào mùa mưa sẽ không hợp lý nếu các phương tiện sấy khô không được đáp ứng đầy đủ. Tình hình này không được đề cập trong hồi ký của Gorbachev. Ông nhận được sự ủng hộ khi hình thành một hệ thống gắn kết chặt chẽ trong nông nghiệp, theo đó các nhóm làm việc sẽ được trả công tương xứng với kết quả lao động và cùng nhau hợp tác lao động từ khâu gieo hạt đến thu hoạch và bán sản phẩm. Áp

dụng mô hình sản xuất này khiến ông suy nghĩ về sự chín muồi của chủ nghĩa cộng sản. Tại sao các sáng kiến ở cấp dưới rõ ràng là làm lợi cho cả xã hội lại bị Trung ương không những không khuyến khích mà còn thẳng thừng bác bỏ? Nếu các sáng kiến của giới lãnh đạo Trung ương thất bại thì không ai phải chịu trách nhiệm cả. Nếu một sáng kiến mà phát đi từ cấp cơ sở, những người liên quan sẽ có kết cục chí ít là vào tù. Mikhail Sergeevich kết luận rằng không thể làm được điều gì tốt nếu người ta chấp hành tất cả các luật lệ và quy định.

Cuối năm 1977, Gorbachev ở Moskva và cùng Kulakov tham gia cuộc tranh luận về việc khen thưởng và động viên các nông trường. Cái tôi của Kulakov trỗi dậy sau khi được biết Aleksei Kosygin được bổ nhiệm làm trưởng ban trụ bị của phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương sắp tới về nông nghiệp, hơn thế nữa, ông thật sự bị xúc phạm và tổn thương khi không có tên trong danh sách thành viên của ban này. Ngay lập tức, ông đề nghị Gorbachev thảo ra những việc ông đã làm. Gorbachev đã làm hết sức và đệ trình lên Kulakov một bản ghi nhớ dày 72 trang vào ngày 31/12/1977. Kulakov đề nghị gửi bản ghi nhớ đó đến tất cả các ủy viên Bộ Chính trị. Gorbachev có chút lưỡng lự nhưng rồi cũng đệ trình một bản ghi nhớ có nội dung ngắn gọn hơn, trong đó giữ lại tất cả các lý lẽ quan trọng nhất, và chuyển đi vào tháng 5/1978. Tại kỳ họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương ngày 4/7/1978, Gorbachev lần đầu tiên được tham dự tại kỳ họp toàn thể của Ban Chấp hành Trung ương và phát biểu về các vấn đề vô cùng nghiêm trọng mà nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa đang phải đối mặt. Ông nghiêng nhiều về việc giao quyền cho các nông trang tập thể và hợp tác xã. Một vài ý kiến trong bản ghi nhớ sau này được đưa vào chương trình cải tổ và người ta vẫn thấy được ảnh hưởng của Nikonov trong đó. Sau bài phát biểu, Bộ trưởng Nông nghiệp Nga nói rằng ông hãy lưu ý đến ý kiến của mình và tránh những chủ đề không đích xác. Hóa ra Mikhail Sergeevich không nhận ra một thực tế là đang diễn ra một cuộc đấu tranh phe phái trong nội bộ Bộ Chính trị. Gorbachev rất sơ hở khi hết lời ca ngợi cuốn sách *Malaya Zemlya* (Đất nhỏ) của Brezhnev viết về giai đoạn chiến tranh. Cuốn

sách này do người khác viết và là một thành công đáng nghi ngờ về mặt văn chương. Bài phát biểu của Gorbachev đã được gạt ra khỏi tuyển tập các bài viết của ông. Tuy vậy, ông ngày càng lo lắng trước hố sâu ngăn cách giữa cách nói năng của giới lãnh đạo chỉ nhấn mạnh đến thành công và bỏ qua thực tế nền kinh tế đang trì trệ.

Nếu Kulakov là người duy nhất ủng hộ Mikhail Sergeevich ở Moskva thì ưu thế đó đã dần phai mờ cùng với sự ra đi vào cõi vĩnh hằng của Kulakov. Thực tế ông sẽ là người kế nhiệm Kulakov làm Bí thư Ban Chấp hành Trung ương về Nông nghiệp, để lộ ra những người hậu thuẫn có ảnh hưởng khác. Họ bao gồm Yury Andropov – lãnh đạo cơ quan KGB từ 1967-1982, Mikhail Suslov – người bảo vệ các tư tưởng chính thống và đã phải từ chức giống như một cỗ máy cũ không có dầu bôi trơn, và Aleksei Kosygin – Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng từ 1964-1980. Andropov và Suslov cũng có những mối quan hệ ở vùng Stavropol và Kosygin thường đến đó để nghỉ ngơi. Tháng 8/1978, Andropov đề nghị gặp Gorbachev tại khu nghỉ mát thuộc vùng Stavropol. Sự việc trở nên rõ ràng đối với Gorbachev là Andropov đang thử thách và đánh giá ông. Vị lãnh đạo cấp trung ương này rất quan tâm đến nhà lãnh đạo trẻ ở vùng Stavropol. Andropov lắng nghe ý kiến và những phàn nàn của ông về đội ngũ lãnh đạo đã lớn tuổi cũng như mong muốn có sự thay đổi nhân sự từ bên trong. Sau này, Gorbachev nhớ lại một câu nói vui tại Đại hội Đảng lần thứ 26 năm 1981: Đại hội Đảng lần thứ 27 sẽ khai mạc như thế nào? Các đại biểu sẽ đứng dậy chào trong khi các ủy viên Bộ Chính trị ngồi trên xe lăn! Một câu chuyện khác nữa là tham vọng của mỗi ủy viên trong Bộ Chính trị là sẽ chết trên cương vị Tổng Bí thư. Tháng 9/1978, Brezhnev, Chernenko và Andropov đến Mineralny Vody và Gorbachev đã tiếp đón họ. Rất khó tiếp chuyện với Brezhnev liên tục. Thịnh thoảng Brezhnev lại hỏi ý kiến Andropov về bài diễn văn của mình. Bao giờ câu trả lời cũng phải là “rất tốt, rất hoàn chỉnh”. Sau này, khi Gorbachev hỏi Andropov tại sao lại phải vậy thì ông tiết lộ lúc đó mình hiểu sai ý lãnh đạo. Brezhnev muốn hỏi về cách mà ông ấy phát biểu, kể từ sau khi ông ta gặp khó khăn trong việc phát biểu trước công chúng. Một ủy

viên Bộ Chính trị, A. P. Kirilenko, ghé thăm nhưng rõ ràng đến có mục đích. Gorbachev chỉ trích chuyến thăm của ông này là có thâm ý. Điều quan tâm là Suslov không nghĩ Gorbachev đang ấp ủ nhiều ý định về cách quản lý kinh tế và xã hội của Đảng. Ông rất có tài làm hài lòng mọi người. Ngay từ đầu năm 1973, một đối thủ khác là Nikolai Shchelokov, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đầy quyền lực cùng với những người của mình đã bắt đầu tấn công vào Gorbachev. Vị Bộ trưởng này và nhiều quan chức cảnh sát tham nhũng nhận thấy Gorbachev không phải là một người dễ đe dọa. Dưới thời Chernenko, ông ta rất lo sợ những bước tiến của Gorbachev và thường nói với các chiến hữu rằng nhất định trước sau ông ta cũng sẽ phá Gorbachev.

Mặc dù Kulakov qua đời từ tháng 7/1978, nhưng cũng không ai được bầu kế nhiệm ông trước khi phiên họp toàn thể của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khai mạc vào tháng 11/1978. Là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Gorbachev được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội Đảng lần thứ 24 năm 1971), ông đến Moskva và có mặt trong cuộc họp của Đảng. Các trợ lý của Konstantin Chernenko cố gắng tìm và gọi điện xem ông ở đâu. Đáp lại những cuộc điện thoại này luôn là câu nói: “Nhằm số”. Đến năm 1978, sự việc đã ngã ngũ, người kế nhiệm Brezhnev sẽ là Chernenko. Người La Mã có câu ngạn ngữ: “Người nói ít là người khôn ngoan”. Chernenko là một người trầm tĩnh, ít cởi mở, Gorbachev biết cần phải thận trọng với kiểu người lặng lẽ nhưng rất cứng rắn này. Chernenko chỉ thông báo ngắn gọn rằng Brezhnev đã lựa chọn ông ta làm bí thư mới của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chuyên trách về nông nghiệp. Khi Gorbachev hỏi liệu ông có được phát biểu trong phiên họp toàn thể không, Chernenko nói mĩa mai rằng điều đó không cần thiết vì ông đã có bài phát biểu rồi. Đây không phải là lần đầu tiên giới lãnh đạo nghĩ đến việc chuyển Gorbachev về Moskva. Đầu năm 1970, người ta đã hỏi ông liệu ông có muốn trở thành lãnh đạo ban tuyên truyền của Ban Chấp hành Trung ương hay không. Ông đã khôn khéo né tránh vấn đề. Ông cho rằng cả hai chức vụ này chẳng mấy hấp dẫn. Ông có thể sẽ được cử giữ chức Bộ trưởng Nông nghiệp Xô viết và thậm chí làm Chánh án, cương vị cao nhất trong hệ thống

luật pháp của đất nước. Lại là một đêm không ngủ. Trong phiên họp toàn thể ngày 27/11/1978, Gorbachev được Brezhnev đề bạt giữ chức Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và quyết định này được đa số thông qua như đã thông qua một số thay đổi nhân sự khác. Ngày tiếp theo, dù không được mời dự, ông đã gọi điện cho Brezhnev. Vị lãnh đạo này không mấy quan tâm đến cuộc nói chuyện, chỉ khẳng định: “Thật tiếc cho Kulakov, vì ông ta là người có khả năng.” Sau đó Suslov triệu tập Gorbachev. Ông ta là người thích nắm bắt mọi việc, nói ngắn gọn. Gorbachev hỏi ý kiến của Suslov về người thay thế vị trí của ông ở Stavropol và đề cử Vsevolod Murakhovsky. Suslov đồng ý và cuộc nói chuyện kết thúc. Sau đó Gorbachev gọi điện thuyết phục các bí thư khác trong Ban Chấp hành Trung ương và các đồng sự của họ. Ông cảm thấy mình hoàn toàn là một người xa lạ; những người cùng làm việc với ông trong nhiều năm giữ khuôn mặt lạnh lùng khi gặp ông. Đây là cảm giác lạnh đến gai người khi lần đầu tiên làm việc ở một căn phòng rộng.

Rõ ràng Brezhnev hoàn toàn không còn khả năng lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Sau một kỳ họp của Bộ Chính trị, Mikhail Sergeevich đã nói điều băn khoăn của mình với Andropov. Andropov ngay lập tức nắm lấy cơ hội và nói thẳng với Gorbachev rằng ông ta không muốn làm đảo lộn mọi việc. Phần lớn các ủy viên trong Bộ Chính trị và chính quyền đều muốn vậy vì có như thế họ mới rảnh tay để tiến hành các hoạt động khác trong phạm vi của mình. Cũng có một điểm là khi đứng đầu cơ quan KGB, cơ hội kế nhiệm Brezhnev của Andropov là rất mong manh. Ông cần phải vào được Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng thì mới có cơ hội kế nhiệm thật sự. Chừng nào mà Suslov, người đứng đầu Ban Bí thư, còn nắm quyền thì cơ hội cho việc kế nhiệm này hầu như không có. Bộ máy lãnh đạo ngày càng trở nên bảo thủ. Ngay trật tự chỗ ngồi trong các cuộc họp của Bộ Chính trị cũng được giám sát rất chặt chẽ và nghiêm ngặt (là Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Gorbachev cũng có quyền tham dự). Chẳng hạn bên phải của Brezhnev sẽ là ghế của Suslov, bên trái ông là Kosygin, và sau năm 1980 là Tikhonov. Bên trái của Suslov là chỗ ngồi của Kirilenko và

một số người khác nữa. Đối diện với Brezhnev là chỗ ngồi của Gromyko, Andropov, Ustinov, Chernenko và cuối cùng mới là Gorbachev. Vì Gorbachev ngồi quá xa, Brezhnev càng không nghe rõ ông ngay cả khi điều kiện hoàn toàn thuận lợi nhất. Khi ông ấy quay đầu lại hỏi ý kiến người khác thì không thể nghe được là ông ấy đã nói gì. Ngồi kế bên Chernenko cũng giống như ngồi cạnh một quả bom nổ chậm. Ông thường nhảy dựng lên, chồm về phía Brezhnev và to tiếng, nói rằng mục đó đã được quyết rồi hoặc đã bị gạt ra khỏi chương trình nghị sự. Giống như mọi người được phân công phụ trách, ông chỉ quan tâm đến chính sách riêng thuộc lĩnh vực của mình.

Gạt hái đầu tiên của Gorbachev tại Moskva năm 1979 là sự thất vọng. Đầu tháng 9, ông đã thảo và gửi một bức thư tới Bộ Chính trị yêu cầu tăng cường nguồn lực và ước tính số lượng thâm hụt lương thực phải nhập khẩu từ Bắc Mỹ. Kosygin đã phản bác và nói thẳng với Gorbachev rằng không kiếm đâu ra ngoại tệ và phải nghiêm khắc hơn nữa, đồng thời yêu cầu các nông trang phải nộp đủ số lương thực đã đề ra. Câu trả lời cộc lốc của Gorbachev là nếu Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho rằng cách điều hành của Đảng thất bại, ông ấy nên lệnh cho các bộ trưởng đi thu gom lương thực. Brezhnev ủng hộ Gorbachev, gọi điện phê bình Kosygin và yêu cầu ông này trình kiến nghị lên Bộ Chính trị. Gorbachev cảm thấy không ổn vì cãi cọ với Kosygin, người mà ông rất kính trọng. Tuy nhiên trong cái rủi cũng có cái may. Mikhail Sergeevich có tiếng là người mạnh mẽ và bản lĩnh và cuối mùa thu năm 1979, Suslov điện cho ông để thông báo ông được chọn ứng cử vào Bộ Chính trị. Một số người thậm chí còn muốn ông trở thành ủy viên chính thức nhưng Suslov cho rằng điều này không nên vì ông còn chưa đủ kinh nghiệm.

Gorbachev đóng vai trò đến đâu trong quyết định tiến quân vào Afghanistan hiện còn là một đề tài gây tranh cãi. Là thành viên cao cấp của Bộ Chính trị, ông có thể biết những cuộc tranh luận của giới lãnh đạo chớp bu: Brezhnev, Gromyko, Ustinov, Andropov, Suslov và Chernenko. Vai trò

và ảnh hưởng của Gorbachev ngày càng tăng sau khi Mỹ từ chối giao lương thực đã cam kết bán cho Liên Xô như một đòn trừng phạt ngay từ đầu cuộc chiến. Tình thế đó buộc người ta phải tiến hành nghiên cứu cân nhắc và bắt đầu triển khai Chương trình Lương thực vào năm 1982. Đó quả thật là một nhiệm vụ gai góc và khó khăn, phải tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất nông nghiệp. Ý kiến phổ biến là nông nghiệp đang bị thất bát, phải chi cho nó nhiều hơn là nó sản xuất ra. Bộ trưởng Tài chính thường than phiền là không có tiền đầu tư cho nông nghiệp. Một vấn đề nghiêm trọng nữa là các con số thống kê. Ủy ban Thống kê Nhà nước (Goskomstat), Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và các cơ quan khác không áp dụng phương pháp so sánh để tính toán con số thống kê. Các con số thống kê thì luôn thể hiện những thời hạn chung chung. Gorbachev tiến hành một cuộc nghiên cứu kỹ lưỡng, chi tiết thực trạng nền nông nghiệp Xô viết và ông thật sự sửng sốt khi phát hiện ra các nguồn lãng phí, sự lãnh đạm, thờ ơ, vô trách nhiệm và sự kiệt quệ ở các vùng nông thôn. Ông tốn nhiều thời gian và công sức cùng các chuyên gia phối hợp làm việc trong nhiều cuộc khảo sát. Aleksandr Nikonov, lúc đó đang ở Moskva, đã giúp ông rất nhiều. Gorbachev nhận thấy nông nghiệp chiếm đến 28% tổng thu nhập quốc gia, do vậy cũng không sai khi cho rằng nông nghiệp là hố đen của nền kinh tế. Ông công khai các số liệu và các nghiên cứu của mình trên tờ *Kommunist* (Người cộng sản), tập san chính thức của Ban Chấp hành Trung ương. Các cuộc nghiên cứu về kinh tế hé lộ sự thật chi tiêu cho quốc phòng đang ngày càng tăng nhanh hơn tổng sản phẩm quốc dân. Có thể cắt giảm ngân sách quốc phòng không? Nicolai Baibakov, Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, gợi ý Gorbachev nêu vấn đề này trước Bộ Chính trị (Baibakov không phải là ủy viên Bộ Chính trị). Ông này đặt vấn đề liệu Gorbachev có can đảm đưa vấn đề này ra thảo luận trong Bộ Chính trị không. Câu trả lời là không. Ông và Baibakov nhất trí nếu đưa một vấn đề như vậy ra thảo luận trong Bộ Chính trị thì chỉ nhận được một kết quả là họ sẽ sớm trở thành những người ra đi. Quốc phòng và an ninh là hai lĩnh vực cấm kỵ mà Brezhnev và Ustinov đều quan tâm chú trọng.

Chương trình Lương thực là vấn đề chính mà Gorbachev luôn canh cánh trong thời gian này. Các điều kiện thương mại đều không mang ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp khi giá thu mua nông sản tăng chậm hơn so với nguyên liệu công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Các khoản vay hàng năm đều được gia hạn tạo điều kiện cho nông dân có thể trả nợ. Nếu tình trạng này tiếp tục diễn ra thì toàn bộ khu vực kinh tế này sẽ ở bên bờ vực sụp đổ. Tikhonov lúc này đang là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (vì Kosygin từ chức năm 1980) vẫn rất bình tĩnh và tiếp tục cho rằng không có sẵn tiền mặt. Chương trình này được phối hợp tiến hành cùng Ủy ban Công nghiệp và Nông nghiệp Quốc gia (Gosagroproms) trên lãnh thổ địa phương và ở cấp trung ương. Mikhail Sergeevich mất hàng giờ trình bày ý kiến với Tikhonov và thậm chí vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã không ngần ngại để lộ ý kiến phản đối của mình: ông ngờ rằng Gorbachev đã lấy ủy ban này ra làm giảm địa vị và uy tín của ông trên cương vị người đứng đầu chính phủ. Thậm chí còn có những tin đồn rằng Gorbachev đang lợi dụng chương trình này như một chiến thuật nhằm vào vị trí Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Lại một lần nữa các thành công trong lĩnh vực kinh tế của một dự án lớn có nguy cơ bị hủy hoại vì mưu đồ chính trị cá nhân. Gorbachev xua tan các tin đồn về Ủy ban Công nghiệp và Nông nghiệp Quốc gia, do vậy đã nhận được sự ủng hộ của Tikhonov. Nói cách khác, không có một cơ quan nào có khả năng phối hợp lãnh đạo chương trình này. Các bộ trưởng có nhiệm vụ giám sát, họ là những người được rất ít lợi lộc khi chương trình này thành công, hơn nữa, họ cho rằng nếu chương trình thành công sẽ chỉ có lợi cho sự thăng tiến của Gorbachev mà thôi. Ngày 24/5/1982, chương trình này được cấp trên thông qua và triển khai thực hiện tới tận năm 1990.

NHỮNG NỖ LỰC TRONG BỘ CHÍNH TRỊ

Hầu hết các chính trị gia trên thế giới đều tận dụng cơ hội giao tế xã hội để kết hợp trao đổi ý kiến với nói chuyện phiếm. Giới lãnh đạo Xô viết lại không như vậy. Tháng 11/1980, ngay sau khi trở thành ủy viên Bộ Chính

trị, Gorbachev mời Andropov và phu nhân đến dùng bữa tối vì hai người từng là hàng xóm của nhau. Andropov từ chối và cho Gorbachev biết ông không thể gặp riêng các ủy viên Bộ Chính trị được vì nếu cuộc gặp này đến tai lãnh đạo cấp cao, họ sẽ cho rằng hai người đang bàn mưu chống lại lãnh đạo tối cao. Gorbachev có lẽ còn nhiều đề xuất, ý tưởng về phương thức cải cách nông nghiệp nhưng tất cả những ý tưởng đó đều không được triển khai bởi nó đụng chạm đến nhiều người. Bộ Chính trị không hoạt động giống như tổ chức nội các của Chính phủ. Các thành viên làm việc trực tiếp với Brezhnev sẽ không làm méch lòng ông để nhận lấy một kết cục đáng buồn. Đúng như trật tự phân hạng của các ủy viên Bộ Chính trị, các bà vợ của họ cũng được phân hạng như vậy. Raisa từng bị phu nhân của Kirilenko xếp vào vị trí cuối. Đây là diện mạo nghi thức trong bối cảnh xã hội Moskva. Nhưng Mikhail và Raisa lại thích một cuộc sống bình thường, không theo nghi thức rườm rà. Họ thích tới các nhà hát, phòng tranh và phòng hòa nhạc của thủ đô. Sự giản đơn cộng thêm trí tò mò của giới trí thức biến họ khác hẳn so với những ủy viên khác.

Mikhail Suslov lúc đó là Bí thư thứ hai dưới thời Brezhnev nhưng lại không bao giờ có tham vọng trở thành nhà lãnh đạo cao nhất. Sự ra đi của ông vào ngày 25/1/1982 làm đảo lộn mọi mối quan hệ trong Bộ Chính trị. Theo đánh giá của Brezhnev, có hai ứng cử viên xứng đáng vào chức vụ này vì họ đã đề xuất nhiều chính sách lớn. Đó là Konstantin Chernenko và Yury Andropov. Gromyko gọi điện cho Andropov và trao đổi với vị lãnh đạo cơ quan KGB này về việc chuyển công tác lên Ban Bí thư và giữ địa vị thứ hai. Mối quan tâm chủ yếu của Gromyko là giữ và củng cố địa vị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của mình. Ustinov là người ngưỡng mộ Andropov. Ngày 24/5/1982, Andropov được bầu vào Ban Bí thư Trung ương Đảng. Andropov không giữ ghế chủ tịch mà chỉ được bầu làm bí thư thứ hai. Chernenko và Kirilenko tiếp tục thay nhau giữ vị trí chủ tọa phiên họp. Sau đó, tháng 7/1982, Andropov nắm lấy quyền chủ động ngồi vào bàn chủ tịch. Chernenko thừa nhận thất bại. Sự thật là Brezhnev đã gọi điện cho Andropov tối hôm trước và hỏi tại sao ông không chủ trì các cuộc họp Ban

Bí thư. Ustinov ngay lập tức thực hiện theo lệnh của Brezhnev. Andropov đem lại một bộ mặt mới cho Ban Bí thư nhưng ông lại là người đứng ngoài lề. Không có cơ sở khẳng định ông làm méch lòng đồng sự chỉ vì ông để mắt đến ghế chủ tịch. Các buổi họp của Bộ Chính trị thường kéo dài 15-20 phút và phần thảo luận rất hạn chế. Các ban được lập ra nhằm giải quyết vấn đề mà Bộ Chính trị phải thảo luận quyết định.

Brezhnev đột ngột qua đời ngày 10/11/1982 và khi Gorbachev gặp Andropov, ông hỏi thẳng rằng Andropov có biết về nhóm Ustinov, Gromyko và Tikhonov không. Andropov gật đầu và báo cho Gorbachev biết Chernenko đã thất thế, còn nhà lãnh đạo mới lại là một trong những người hâm mộ Gorbachev. Trong suốt mùa hè năm 1982, Gorbachev phác thảo một bản ghi nhớ về các chính sách kinh tế, là thành quả nhờ sự tư vấn của cả một nhóm chuyên gia. Ông đề nghị lập ra một ban thuộc Bộ Chính trị chuyên trách chính sách kinh tế và Andropov ủng hộ đề nghị này. Tiếp đến là Chernenko và các phụ tá riêng của Brezhnev ủng hộ, nhưng họ đã chôn vùi dự thảo này bởi họ coi đó là một trong những nỗ lực của Mikhail Sergeevich muốn vươn cao. Gorbachev dự thảo lại chính sách kinh tế này và đệ trình lên Brezhnev, người rất quan tâm đến bản dự thảo nhưng lại phản đối việc thành lập Ban Kinh tế thuộc Bộ Chính trị. Thay vào đó, họ lập một ban chuyên trách giải quyết các vấn đề kinh tế trong Ban Bí thư thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Người ta gợi ý Gorbachev đề cử người lãnh đạo ban này. Đó là một trong những đề tài ông thảo luận với Andropov trên cương vị lãnh đạo. Gorbachev muốn một người có năng lực, trẻ trung, mới mẻ và không thuộc Ban Bí thư. Họ nhất trí chọn Nikolai Ryzhkov, Phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô, người có thâm niên trong ngành công nghiệp. Ngày 22/11/1982, tại phiên họp toàn thể đầu tiên của Ban Chấp hành Trung ương do Andropov làm chủ tọa, Ryzhkov được bầu làm Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Vị lãnh đạo mới này muốn thiết lập một ê-kíp đáng tin cậy và thân thiện quanh mình, vì vậy, Gorbachev và Ryzhkov có thể cùng hợp tác chặt chẽ trong công việc. Tháng 12/1982, Andropov sa thải Nikolai Shchelokov, Bộ trưởng Bộ Nội

vụ với tội danh tham ô. Trước kia ông không có quyền sa thải hoặc chuyển vị bộ trưởng này vì ông ta nằm trong vòng tay che chở của Brezhnev. Brezhnev từng chuyển vị trí lãnh đạo cơ quan KGB của Andropov cho Vitaly Fedorchuk và vị lãnh đạo mới Andropov đã bổ nhiệm Fedorchuk làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, còn người thân tín của ông là Viktor Chebrikov làm Giám đốc KGB. Kirilenko về nghỉ hưu. Kirilenko quá mệt mỏi và ốm yếu đến nỗi Andropov phải thảo hộ đơn xin từ chức và đưa tận tay cho ông ta để ông ta viết lại. Andropov bắt đầu xây dựng một ê-kíp riêng cho mình trong Bộ Chính trị. Gaidar Aliev, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Azerbaijan, được bầu làm ủy viên chính thức của Bộ Chính trị. Gorbachev tỏ ra e dè và lo ngại ông này, nhưng nguyên là thủ trưởng của KGB Azerbaijan, ông ta là người thân tín của Andropov. Grigory Romanov, Bí thư thứ nhất Thành ủy Leningrad và là ủy viên chính thức Bộ Chính trị, người mà Gorbachev đánh giá là nhỏ nhen, quý quyết và độc đoán, được bổ nhiệm vào vị trí Bí thư Ban Chấp hành Trung ương để giúp đỡ cho Ustinov. Ustinov không phản đối quyết định này vì Romanov không bao giờ phát biểu gì trong các cuộc họp tại Bộ Chính trị. Egor Ligachev được đưa vào hàng ngũ lãnh đạo theo đề xuất của Gorbachev vào tháng 4/1983, ông này được bầu làm người đứng đầu Ban Tổ chức Trung ương, ban này chuyên trách về các vấn đề nhân sự của Đảng. Đến tháng 12/1983 Ligachev được bầu làm Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Khi còn là Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Tomsk, Ligachev ở quá xa Moskva nên ông chỉ dựa vào sự ủng hộ của Andropov. Ê-kíp khác bao gồm cả Tikhonov, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, người cho rằng Andropov không chịu đề bạt ông. Nhóm này có cả Vladimir Dolgikh, Bí thư phụ trách Công nghiệp. Ông này phản đối kịch liệt khi Ryzhkov được bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo Ban Kinh tế. Brezhnev ngầm ủng hộ Vladimir Shcherbitsky, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ukraine, người đang nằm trong hàng ngũ kế cận vị trí Tổng Bí thư. Shcherbitsky không bao giờ ghé thăm văn phòng Andropov và cũng ít khi gọi điện thoại cho ông.

Gorbachev và Ryzhkov được giao nhiệm vụ theo dõi khả năng tăng giá bánh mì và sợi bông. Họ muốn biết tình hình ngân sách nhà nước và Andropov kiên quyết từ chối: “Ngân sách không thuộc phạm vi quyền hạn của các đồng chí”. Thật là một tình huống khó xử. Sau này, Gorbachev phát hiện ra một khoản thâm hụt khá lớn mà được bù lại một phần lấy từ tiết kiệm nhân dân. Làm thế nào để có thể cân bằng ngân sách nếu chỉ riêng Tổng Bí thư biết là nó cần phải được cân bằng? Thái độ của Andropov trước các vấn đề kinh tế – xã hội ngay từ khi ông giữ chức lãnh đạo KGB không thay đổi. Giải pháp bao giờ cũng là thiết lập lại kỷ luật. Ông đã tiến hành các chiến dịch chống rượu mạnh và tăng cường kỷ luật nhưng kết quả đều đi ngược lại với mong đợi. Ông không bao giờ chấp nhận KGB và lực lượng cảnh sát bắt bớ những người dân đang đứng xếp hàng chờ đến lượt hoặc họ ở trong phòng tắm hơi thay vì đang phải ở chỗ làm việc, điều này xảy ra có thể làm giảm quyền lực của ông. Chiến dịch chống rượu làm xuất hiện loại rượu Andropovka, một loại vodka rẻ tiền ở chợ đen hay do mafia bán.

Sức khỏe của Andropov bắt đầu có dấu hiệu giảm sút trong suốt mùa hè năm 1983 và ông phải điều trị lọc máu nhân tạo từ tháng 2. Tin đồn thời kỳ của Andropov sắp kết thúc và vị lãnh đạo này nên sớm hài lòng với điều đó bắt đầu lan nhanh.⁴ Chernenko nắm vị trí chủ tọa trong các cuộc họp của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Giờ đây lại đến Gorbachev điều khiển các phiên họp của Ban Bí thư. Bài phát biểu của Andropov trước phiên họp toàn thể của Ban Chấp hành Trung ương ngày 26 và 27/12/1983 – do các phụ tá của ông soạn thảo – rất được mong đợi. Bài phát biểu này kết luận với kiến nghị rằng trong khi ông vắng mặt, các cuộc họp của Bộ Chính trị sẽ do Gorbachev chủ trì. Tuy nhiên, khi bài phát biểu được đưa đến các ủy viên Bộ Chính trị và sau đến ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thì các kiến nghị này bị lờ đi. Ban Tổng hợp của Ban Bí thư, do một thành viên lão thành lãnh đạo thông qua nhiều chính sách quan trọng nhưng nó lại không thể hoạt động đơn lẻ. Rất có khả năng Chernenko, Ustinov và Tikhonov sẽ nắm lấy cơ hội này phản đối các quyết định của Andropov.⁵

Khi Andropov qua đời vào ngày 9/2/1984, Gorbachev coi Ustinov đương nhiên là người kế nhiệm. Ngược lại, ông này cho rằng Mikhail Sergeevich sẽ được đưa vào danh sách đề cử lên chức vụ cao. Vấn đề được giải quyết trong cuộc họp Bộ Chính trị, do Chernenko chủ trì cùng với sự giúp đỡ của Tikhonov. Điểm chính cuộc họp là bầu Chernenko, không ai phản đối, bất chấp việc sức khỏe ông đang trong tình trạng không tốt. Không ủy viên nào phản đối điều này vì truyền thống trong Bộ Chính trị là luôn luôn tránh sự chia rẽ. Mọi ủy viên đều bỏ phiếu bầu Chernenko. Ngay sau đó, vị lãnh đạo mới này lập tức đề cử Gorbachev làm lãnh đạo Ban Bí thư và giữ vị trí Bí thư thứ hai, có quyền chủ trì các phiên họp Bộ Chính trị khi ông vắng mặt. Lý do chủ yếu mà Tikhonov phản đối việc Gorbachev đứng đầu Ban Bí thư là ông chỉ hiểu biết về các vấn đề ruộng đất. Người ta đã thỏa thuận rằng Gorbachev trên thực tế là lãnh đạo Ban Bí thư. Tikhonov cố làm giảm quyền lực Ban Bí thư bằng cách tranh thủ Ligachev nhưng bị cự tuyệt, và thay vào đó, tranh thủ Dolgikh, nói bóng gió ông này có thể trở thành người kế nhiệm Tikhonov. Dolgikh đã né tránh ê-kíp của Tikhonov. Ustinov không ngừng ủng hộ Mikhail Sergeevich, cũng như Ligachev và Ryzhkov. Kế hoạch cũng như những tính toán này đều không qua được mắt Gorbachev và ông đã nắm cơ hội để thoát khỏi Moskva. Vấn đề đến ngay cuối tháng 4 khi Chernenko thông báo với Gorbachev công việc của Ban Bí thư sẽ được thảo luận trong cuộc họp Bộ Chính trị vào ngày 3/5. Ustinov cũng cảnh giác khi nghe được tin này nhưng tại cuộc họp của Bộ Chính trị, vấn đề này không được nêu lên. Ustinov thuyết phục Chernenko không nên đứng về phe Tikhonov.

Tháng 6/1984, Gorbachev dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng dự đám tang của Enrico Berlinguer, lãnh tụ Đảng Cộng sản Italia. Nó để lại cho ông ấn tượng sâu sắc vì toàn thể nhân dân Italia đều khóc thương vị lãnh tụ này. Sau đó, tháng 12/1984, ông dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội tới Anh, Thủ tướng Anh Margaret Thatcher ngay lập tức thừa nhận ông là một người Nga phong cách mới. “Chúng ta có thể hợp tác với nhau” là lời phát biểu chào mừng của bà. Một trong những việc khiến bà đánh giá cao Gorbachev vì

ông là chính trị gia Nga duy nhất bà có thể tranh luận thoải mái. Nhấn mạnh mối quan tâm của mình về cuộc chạy đua vũ trang, Gorbachev đưa ra một sơ đồ về các kho vũ khí hạt nhân trên thế giới, được bố trí thành hàng nghìn điểm. Ông cũng nêu ra chỉ một điểm thôi cũng có thể quét sạch loài người biến mất khỏi hành tinh. Gorbachev đọc diễn văn trước Thượng và Hạ viện Anh ngày 18/12, đưa ra tư tưởng chính trị mới trong quan hệ ngoại giao và khởi động cho một thời đại mới – thời đại của sự thương lượng và chấm dứt đối đầu. Lời phát biểu của ông “Châu Âu là một ngôi nhà chung” được báo chí trích dẫn nhiều. Gorbachev để lại ấn tượng sâu sắc, Bộ Ngoại giao Anh và Văn phòng Khối Thịnh vượng chung công nhận ông là người mà họ muốn tiếp xúc và có quan hệ ở Kremlin.⁶

Sự nổi tiếng của Gorbachev không làm hài lòng Andrei Gromyko, một trong những lãnh đạo chủ chốt trong Bộ Chính trị. Ông này ra lệnh cho Anatoly Dobrynin – đại sứ Liên Xô tại Hoa Kỳ, phải báo cáo chi tiết với Moskva về phản ứng của Mỹ trước chuyến thăm của Gorbachev. Gromyko thật sự ghen tỵ. Gorbachev rút ngắn chuyến đi khi nghe tin Ustinov qua đời. Ông đã mất đi một đồng minh, một người bạn đáng tin cậy trong cuộc chiến chống âm mưu của các đối thủ. Bệnh phù thũng của Chernenko xấu đi nhanh chóng và cuối năm 1984, ông hoàn toàn không thể làm việc được nữa. Gorbachev nắm vị trí chủ tọa các cuộc họp hàng tuần trong Bộ Chính trị và Tikhonov luôn thắc mắc liệu ông có làm đúng theo chỉ đạo của Chernenko không. Nhưng Gorbachev chỉ được yêu cầu thông báo ngắn gọn, trong vòng nửa tiếng thôi, việc này không cho phép ông trình bày hết mọi vấn đề trong chương trình nghị sự. Các cuộc thảo luận đôi lúc diễn ra dưới hình thức một thành viên phát biểu là Chernenko đã ra lệnh cho ông ta làm như thế này như thế nọ trong suốt buổi trao đổi. Egor Ligachev thường vận động ủng hộ Gorbachev trong đội ngũ bí thư tỉnh ủy, khu ủy. Ông cũng động viên Chernenko không nên tin vào những điều mà người ta thì thầm vào tai ông về Gorbachev.

GORBACHEV ĐƯỢC BẦU LÀM TỔNG BÍ THƯ

Chernenko qua đời ngày 10/3/1985 và một cuộc họp Bộ Chính trị được tổ chức vào lúc 11 giờ đêm. Với sự ra đi của Ustinov, Gorbachev đã không còn hậu thuẫn mạnh mẽ từ đội ngũ lãnh đạo cao cấp trong Bộ Chính trị. Ngay trước khi Chernenko qua đời, Tikhonov tiếp cận Chebrikov, lãnh đạo KGB, nhằm vận động hành lang chống lại việc bổ nhiệm Gorbachev. Trước khi cuộc họp bắt đầu, Gorbachev cố gắng cải thiện quan hệ với Gromyko. Ông này được Andropov đề bạt làm Phó Thủ tướng thứ nhất và bị coi là một nhân vật tự mãn và khao khát quyền lực. Một vấn đề rất quan trọng được quyết định tại cuộc họp Bộ Chính trị là ai sẽ đứng ra làm trưởng ban tang lễ bởi trước đây nhiệm vụ này bao giờ cũng được giao cho Tổng Bí thư mới đắc cử. Gorbachev thật sự sững sốt khi nghe tin Viktor Grishin, một nhà bảo thủ và đối thủ của ông đã đề cử ông. Khi Mikhail Sergeevich trở về nhà, ông nói với Raisa rằng mình sẽ chấp nhận ứng cử nếu được yêu cầu. Ngày 11/3, phiên họp Bộ Chính trị khai mạc và Gorbachev nắm vị trí chủ tịch. Gromyko phát biểu đầu tiên. Ông phát biểu rằng khi người ta nghĩ đến vị trí Tổng Bí thư, thì nên nghĩ đến Mikhail Sergeevich. Một sự lựa chọn như vậy sẽ “hoàn toàn đúng đắn”. Ông lại ca ngợi ứng viên mà mình đề cử lên tận mây xanh. Tiếp đó, ông cảnh báo: “Chúng ta không có quyền cho phép thế giới nhận ra những sự khác biệt dù là nhỏ nhất trong các bản báo cáo của mình... chúng ta phải hành động thống nhất... chúng ta phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong sự nghiệp vĩ đại của chúng ta”. Tiếp đến, Grishin phát biểu: “Tôi hôm qua, khi biết Konstantin Ustinovich qua đời, trong một chừng mực nào đó chúng ta nghĩ đến ngay người có thể kế nhiệm, chúng ta khẳng định sự nhất trí bầu đồng chí Mikhail Sergeevich làm Trưởng ban Tang lễ. Theo tôi, đồng chí có những phẩm chất đáp ứng các tiêu chuẩn chúng ta yêu cầu đối với Tổng Bí thư”. Romanov phát biểu tiếp: “Tôi cho rằng đồng chí ấy sẽ có thể kế tục tầng lớp lãnh đạo Đảng, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc những nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó”. Lúc đó, Chebrikov phát biểu rằng ông thật sự ghi nhớ những lời nói của đồng chí A. A. Gromyko về việc duy trì và củng cố sự thống nhất trong Bộ Chính trị. Mikhail Sergeevich Gorbachev đã thuyết phục được ông này rằng mình “sẽ thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao”. Demichev phát biểu

là ông chắc chắn họ đã lựa chọn đúng. Ligachev cho rằng việc đề bạt Gorbachev sẽ “gợi lên niềm tự hào dân tộc và thể hiện sự đổi mới trong bộ máy Bộ Chính trị”. Toàn bộ các ủy viên khác trong Bộ Chính trị và Bí thư Ban Chấp hành Trung ương đều nhất trí đề cử Gorbachev (chỉ riêng Shcherbisky là vắng mặt). Gromyko, người chủ xưởng chính lại một lần nữa thay đổi chiến tuyến của mình. Người ta ám chỉ rằng ông sẽ là Chủ tịch nước Nga Xô viết. Tikhonov cố gắng tạo dựng một liên minh chống Gorbachev nhưng đã hoàn toàn thất bại. Bản chất đồng thuận của Bộ Chính trị về các vấn đề chính trị bảo đảm chỉ một người duy nhất được đề cử. Phiên họp của Ban Chấp hành Trung ương triệu tập lúc

5 giờ chiều do Gorbachev làm chủ tọa. Ngay lập tức ông để cho Gromyko phát biểu trước, ông này có một bài phát biểu đáng chú ý, trong đó ông ca ngợi Tổng Bí thư mới, tất nhiên, được bầu trên nguyên tắc nhất trí. Trong bài diễn văn của mình, Mikhail Sergeevich đã vạch ra mục tiêu. Ông đề cập đến Đại hội Đảng lần thứ 26 năm 1981, nhấn mạnh tính kế thừa, nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội dựa trên nền tảng khoa học – công nghệ và năng suất lao động cao. Nền dân chủ sẽ phát triển cũng như ý thức xã hội. Phải bảo đảm tính công khai trong công việc của Đảng và Chính quyền. Về chính sách đối ngoại, ông đề xuất chấm dứt tình trạng chạy đua vũ trang và giảm kho vũ khí hạt nhân. Đảng phải có khả năng đoàn kết thống nhất xã hội và như vậy, các động lực sáng tạo của chủ nghĩa xã hội sẽ phát triển và nở rộ.

CHƯƠNG 3

Perestroika giai đoạn I: 1985-1987

Gorbachev sử dụng thuật ngữ “cải tổ” lần đầu tiên vào tháng 3/1984 khi phát biểu trước hội nghị về tổ hợp công nông nghiệp và nói rõ thêm tại một hội nghị về hệ tư tưởng tháng 12/1984. Cuộc hội nghị sau có lẽ để nhấn mạnh vai trò của Gorbachev là vị bí thư thứ hai và cho phép ông nắm được vị thế cao trong công cuộc cải cách. Điều này cũng có nghĩa là ông có thể nói chuyện với giới quan chức của Đảng vượt mặt các vị thủ trưởng cầm quyền lão thành ở Moskva. Như trước đây, Gorbachev sẵn sàng liều lĩnh. (Chernenko đã đề nghị với Gorbachev ngay trước khi khai mạc hội nghị là nên dẹp việc này đi).

Một nhóm trợ lý bắt đầu phác thảo kế hoạch mùa thu tại một biệt thự ở ngoại ô; trong đó có Aleksandr Yakovlev vừa trở về Moskva năm 1983 và trở thành Viện trưởng Viện Kinh tế Thế giới và Quan hệ quốc tế (IMEMO) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Vadim Medvedev, Trưởng ban Giáo dục và Khoa học thuộc Ban Bí thư và Valery Boldin. Các phụ tá này thừa nhận kỷ nguyên dư thừa trong nền kinh tế Liên bang đã qua. Giờ đây Liên bang đang phải đối mặt với sự khan hiếm lao động, nguồn nguyên liệu thô và đất nông nghiệp. Giai đoạn tăng trưởng mở rộng hầu như không còn nữa, muốn đạt được các thành quả kinh tế phải dựa vào sự phát triển về chiều sâu và tận dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu sẵn có. Nguồn lực chủ yếu hiện nay là nguồn lao động. Ý tưởng cải cách hay cơ cấu lại nền kinh tế bắt nguồn từ việc so sánh giữa hai nền kinh tế lớn: kinh tế của Liên bang Xô viết với nền kinh tế Hoa Kỳ. Người Nga thường phải rượt đuổi người Mỹ và người Nga đã vạch ra các mục tiêu về số lượng, còn người Mỹ thì luôn thay đổi phương thức để đạt mục đích. Mỹ cùng các nền kinh tế thị trường phát triển bắt đầu nhập khẩu dầu mỏ, than đá, các nguyên liệu thô

khác khi lợi thế so sánh quá rõ ràng. Họ nhanh chóng phát triển các ngành công nghiệp mới, hóa chất, điện tử và không gian vũ trụ, ở đó các sáng kiến về công nghệ được khuyến khích và phát triển nhanh chóng do biết chấp nhận rủi ro. Ngành công nghiệp Liên Xô chưa từng biết đến cuộc cách mạng này mà họ lại theo đuổi các mục tiêu gia tăng về lượng, lỗi thời, do vậy, khoảng cách về công nghệ ngày càng mở rộng đáng báo động.¹ Rất nhiều giải pháp dựa trên các sáng kiến khoa học kỹ thuật được đề xuất. Andropov chỉ thị cho Gorbachev và Ryzhkov làm việc cùng các chuyên gia trong các cuộc nghiên cứu của Ủy ban, vào tháng 3/1985, khoảng 110 công trình nghiên cứu quan trọng đã được tiến hành.² Một trong những công trình này có liên quan đến dự thảo một số dự án, một thành viên của Ban Quốc tế thuộc Ban Chấp hành Trung ương đã tóm tắt lý do căn bản của các dự án đó vào năm 1991 như sau:

Dù những kịch bản tư tưởng do các đồng sự của Gorbachev viết và thông qua khá khác nhau nhưng đều phục vụ một mục đích chính trị duy nhất: duy trì nhóm ưu tú trong Đảng cầm quyền. Điều có thể xảy ra hoặc là người ta duy trì được hệ thống xã hội chủ nghĩa hoặc là tài sản tập thể trở thành tài sản riêng của các thành viên cá nhân.

Novikov không coi chính sách công khai là bắt đầu sự chấm dứt của chủ nghĩa Marx-Lenin mà ngược lại, đó là sự quay trở về với chủ nghĩa Marx mà Đảng đã từ bỏ năm 1924.

Trong bài phát biểu trước hội nghị, Gorbachev đưa ra thuật ngữ về sự tăng tốc và “nhân tố con người”. Liệu có vai trò cho cơ chế thị trường? Gorbachev tóm tắt mối quan hệ hàng-tiền tồn tại dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và thuật ngữ này cũng được sử dụng trong bài diễn văn đó. Tuy nhiên, những người cải cách lại coi thuật ngữ này như một nhân tố chủ đạo đối với nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Về mặt chính trị, Gorbachev cho rằng phần lớn những người cộng sản tin rằng không nhất thiết thị trường phải phát triển dưới mô hình chủ nghĩa xã hội đã phát triển.

Song, vấn đề vẫn để ngỏ, liệu ông có thật sự hiểu rằng có rất nhiều cách tiếp cận thị trường khác nhau – và họ nên kế thừa cái gì. Đáng chú ý trong bài diễn văn là cách sử dụng cụm từ “công khai” và “dân chủ hóa”. Gorbachev có một trí nhớ cực kỳ tốt, ông có thể đọc thuộc lòng các dòng con số thống kê. Ông cũng tỉ mỉ ghi lại các phản ứng trong giới báo chí và các quan chức đối với bài diễn văn tháng 12/1984. Boldin cho biết Gorbachev có thể nhớ như in danh sách người không ủng hộ chính sách của mình để đáp trả họ sau này.

BẢO ĐẢM MỘT NỀN TẢNG CHÍNH TRỊ

Một tổng bí thư mới được bầu ra là để tiếp tục thực hiện các công việc của Bộ Chính trị và bảo vệ địa vị của các quan chức cấp cao trong chính quyền. Không giống tổng thống Mỹ hay thủ tướng Anh, tổng bí thư không được quyền lập nội các của mình và đưa ra các ý tưởng. Toàn bộ cải cách chủ yếu là các cải cách nội bộ hệ thống đều nhằm mục đích củng cố trật tự trong Đảng. Nếu các ủy viên Bộ Chính trị nhận thấy nhà lãnh đạo mới này có ý đồ làm suy yếu hệ thống, hoặc nói cách khác là đang đe dọa nền tảng quyền lực của họ, lập tức người này có thể bị mất chức. Gorbachev không thể ban hành các quyết định chính trị theo ý mình cho đến khi ông tạo dựng được một nền tảng quyền lực chắc chắn, mà với nó ông có thể yên tâm vì ông sẽ không thể bị thất sủng trong vòng một đêm. Ưu tiên số một của ông là phải tập hợp được nhiều người ủng hộ và bằng mọi cách chuyển những kẻ chống đối. Phải mất nhiều thời gian để một nhà lãnh đạo mới trở nên mạnh mẽ và được kính phục. Stalin, Khrushchev và Brezhnev đều mất ít nhất năm năm mới đứng vững ở vị trí này. Gorbachev mới giữ cương vị này được một năm. Một trong những nhân vật chỉ trích ông nặng nề nhất, Yeltsin, nhiều khi phải thừa nhận: “Ông ta quá khôn ngoan tới mức không thể dự đoán nổi”.

Tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương ngày 23/4/1985, Gorbachev muốn tìm kiếm sự đồng tình của đa số ủy viên trong Bộ Chính

trị bằng cách đề nghị bổ nhiệm Ligachev và Ryzhkov làm ủy viên chính thức (không cần trải qua thời kỳ dự bị thông thường) và đề nghị phê chuẩn Chebrikov làm ủy viên chính thức. Viktor Nikonov kể nhiệm Gorbachev làm Bí thư chuyên trách nông nghiệp trong Ban Chấp hành Trung ương nhưng không được đề cử vào Bộ Chính trị. Gorbachev nói rõ Ligachev là Bí thư thứ hai mới và sẽ lãnh đạo Ban Bí thư. Ngày 1/7, tại một phiên họp toàn thể khác của Ban Chấp hành Trung ương, Grigory Romanov, người có thái độ thù địch với Gorbachev, buộc phải rời khỏi Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Eduard Shevardnadze, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Gruzia, thân tín lâu năm của Gorbachev³ và là ủy viên dự khuyết đã trở thành ủy viên chính thức của Bộ Chính trị. Hai bí thư mới trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu: Lev Zaikov thay Romanov và Boris Yeltsin phụ trách xây dựng. Ngày 2/7, Andrei Gromyko, phụ trách vấn đề đối ngoại, được bổ nhiệm làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao và Shevardnadze trở thành Ngoại trưởng. Shevardnadze rất ngạc nhiên với việc bổ nhiệm này và ông trình bày với Gorbachev là ông kinh nghiệm và không có khả năng đảm trách công tác đối ngoại. Tuy nhiên, ông luôn nhất trí với quan điểm cũng như cách nhìn nhận thế giới của Gorbachev, điều luôn được đánh giá cao hơn chuyên môn ngoại giao.

Ban Đối ngoại rất sửng sốt với sự bổ nhiệm này và Gromyko cũng thật sự bị sốc vì ông luôn cho rằng Georgy Kornienko hay Anatoly Dobrynin sẽ là người kế nhiệm. Cả hai nhân vật này đều không ngớt lời chỉ trích Ngoại trưởng mới, cho rằng đó là người không có chuyên môn ngoại giao. Khi Ngoại trưởng Mỹ George Shultz yêu cầu Dobrynin mô tả về ngoại trưởng mới, vị đại sứ của Điện Kremlin miêu tả Ngoại trưởng Shevardnadze là “một người quê đặc”. Shevardnadze luôn giữ phụ tá ngoại giao Kornienko bên mình và làm theo những gì Kornienko nói cho đến tận năm 1986. Về sau, thái độ chống Mỹ của Kornienko dần hình thành và ông bị Phó chủ tịch Dobrynin buộc rời khỏi Ban Quốc tế.

Ngày 27/9/1985, Nikolai Ryzhkov nhậm chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô thay Nikolai Tikhonov. Ngày 15/10, Nikolai Talyzin, lãnh đạo mới của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, được bầu cử làm ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, nhằm đẩy nhanh việc thực hiện kế hoạch. Ngày 24/12, Boris Yeltsin thay thế Viktor Grishin – biệt hiệu "Bố già", mắc tội tham nhũng – làm Bí thư Thành ủy Moskva. Hai tháng sau, Yeltsin trở thành ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị (nhưng ông cho rằng lẽ ra ông xứng đáng làm ủy viên chính thức từ lâu rồi). Tại Đại hội Đảng lần thứ 27 từ tháng 2 đến tháng 3/1986, chỉ có duy nhất một ủy viên mới được bầu là Lev Zaikov, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương phụ trách công nghiệp quốc phòng. Slyunkov và Solovev, các bí thư thứ nhất của Belarus và Leningrad, được đề cử là ủy viên dự khuyết. Điều này không gây nhiều ngạc nhiên vì người được bầu vào Bộ Chính trị đều có đủ tư cách và trình độ. Kuznetsov, Phó Chủ tịch Xô viết Tối cao và Boris Ponomarev, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương và là Trưởng ban Đối ngoại Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, đều thôi giữ chức vì họ đã ở độ tuổi 80. Tuy nhiên, chính trong Ban Bí thư Gorbachev mới là người để lại nhiều dấu ấn. Chỉ có Vladimir Dolgikh, phụ trách công nghiệp nặng và Mikhail Zimyanin, phụ trách văn hóa tuyên truyền vẫn còn được giữ chức từ thời kỳ Brezhnev. Năm bí thư mới được bầu: Aleksandra Biryukova, phụ trách vấn đề tiêu dùng, công đoàn và gia đình; Anatoly Dobrynin, người của Moskva ở Washington mới trở về, lãnh đạo Ban Quốc tế (đây là thắng lợi của Shevardnadze, ông muốn đẩy người của Gromyko ra khỏi Ban Đối ngoại và bổ sung người mới vào bộ máy Đảng); Vadim Medvedev, phụ trách quan hệ với các đảng cộng sản của các nước xã hội chủ nghĩa; Georgy Razumovsky, chuyên trách công việc tổ chức cán bộ và Aleksandr Yakovlev, phụ trách tuyên truyền. Tổng cộng, Gorbachev đã thay 14 trong 23 lãnh đạo các ban trong Ban Bí thư. Không một nhà lãnh đạo nào trước đây thay đổi nhiều nhân sự trong bộ máy Nhà nước và Đảng như vậy trong năm cầm quyền đầu tiên. Ở Liên bang Nga, 24 bí thư thứ nhất tỉnh ủy và khu ủy đã bị thay đổi, giống như 23 trong số 78 người trong các nước cộng hòa không phải Nga (thuộc các nước cộng hòa khác trong Liên Xô). Trong số 14 bí thư thứ nhất của các đảng cộng sản ở

các nước cộng hòa, có bốn người mới. Trong Chính phủ, 39 trong số 101 bộ trưởng Xô viết bị sa thải. Trên toàn quốc khoảng một phần năm tổng số quan chức ở các cơ quan Đảng quan trọng nhất bị mất chức và số lượng các quan chức chính phủ bị sa thải hoặc bị chuyển công tác phải lên đến hàng nghìn. Những thay đổi về nhân sự trên chứng tỏ có sự đồng thuận trong hàng ngũ lãnh đạo cấp cao là các lãnh đạo thuộc thế hệ Brezhnev phải bị gạt ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo. Báo chí ca ngợi đây là một thành công to lớn, nhưng lại không đề cập xem việc này có ý nghĩa đến mức nào. Một nhà quan sát đánh giá nó giống như việc “bình cũ, rượu mới mà thôi”. Các nhân vật kế nhiệm được dọn sẵn một môi trường chính trị ổn định như trước kia. Tuy nhiên có cải thiện trong bầu không khí và giới lãnh đạo sắc sảo cần phải thay đổi phương hướng và mục đích.

Gorbachev chỉ cần kêu gọi các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước mới được bổ nhiệm cần có nhiều trách nhiệm hơn nữa trước những mong muốn và đòi hỏi của nhân dân và làm việc có hiệu quả hơn, làm hết sức mình để xứng với cương vị đang nắm giữ. Với ê-kíp do chính tay mình lựa chọn, ông có thể thu tóm nhiều quyền lực hơn, bổ nhiệm họ cũng như sa thải họ bất cứ lúc nào. Ai là người có thể giúp Tổng Bí thư thực hiện chức trách của mình? Aleksandr Yakovlev, Nikolai Ryzhkov, Eduard Shevardnadze, Egor Ligachev và Boris Yeltsin đóng vai trò chủ chốt trong giai đoạn 1985-1987. Trong số tùy tùng thân cận nhất của ông có Anatoly Chernyaev giữ vai trò cố vấn chính sách đối ngoại và ở mức độ nào đó về cải cách trong nước; Vadim Medvedev đứng đầu ban phụ trách quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, 1986-1988 Valery Boldin cố vấn nông nghiệp cho đến năm 1987, sau đó giữ chức Trưởng ban Tổng hợp, chuyên phác thảo chương trình nghị sự cho Bộ Chính trị và soạn thảo các văn bản chính thức; Georgy Shakhnazarov, Phó ban chuyên trách quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa từ 1986-1988 và sau đó từ năm 1988 làm trợ lý chính thức cho Gorbachev; Ivan Frolov, giúp Gorbachev về mặt tư tưởng. Người có ảnh hưởng quan trọng nhất là Aleksandr Yakovlev – một người rất tài ba. Trước khi trở thành đại sứ Liên Xô tại Canada năm 1973, Yakovlev từng công tác trong

Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương. Ông cũng nắm rõ bộ máy tổ chức Đảng, sự thăng trầm của chủ nghĩa tư bản Bắc Mỹ và thế giới trí thức. Yakovlev là một nhân vật có khá nhiều ảnh hưởng cho đến năm 1988 và có thể được coi là cha đẻ của *perestroika* và chính sách công khai hóa. Mikhail Sergeevich tất nhiên là người kiến tạo chính. Chernyaev, Shakhnazarov và Frolov đều làm việc trong tạp chí *World Marxist Review* (Chủ nghĩa Marxist thế giới) ở Praha và công việc này đã mở rộng tầm nhìn của họ. Shakhnazarov là trợ lý thứ hai sau Yakovlev và cũng có ảnh hưởng trong tiến trình cải cách chính trị trong năm 1988 và sau đó. Điểm yếu của các trợ lý này, ngoại trừ Yakovlev, là không ai có kinh nghiệm công tác thực tế ở một nước phương Tây nào. Đây chính là điều cực kỳ quan trọng khi xem xét tiến trình cải cách chính trị ở Liên bang Xô viết. Quan trọng hơn là chỉ có Yakovlev có kinh nghiệm thực tế về thành công của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Boldin là một nhà kinh tế có tài nhưng chỉ trong nền kinh tế chỉ huy. Nhà kinh tế có ảnh hưởng nhất ở giai đoạn đầu của *perestroika* là Abel Aganbegyan, người đã bộc lộ quan điểm của mình tại Viện Hàn lâm Khoa học Novosibirsk, nhưng lại không có kinh nghiệm thực tế trong công nghiệp. Nhà xã hội học Tatyana Zaslavskaya cung cấp nhiều tài liệu nói về những sai lầm trong nền kinh tế do Đảng chỉ đạo.

CẢI CÁCH KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Ban lãnh đạo do Gorbachev đứng đầu hiểu rằng cải cách, hay cơ cấu lại nền kinh tế và xã hội, sẽ là một tiến trình phức tạp, đan xen nhiều cuộc cải cách. Hàng loạt những cải cách này sẽ còn tùy thuộc vào cân bằng lực lượng trong Bộ Chính trị. Lúc đầu, ông chỉ dự định cải cách nhẹ nhàng hệ thống nội bộ. Khi nào Gorbachev có được địa vị vững vàng trong Bộ Chính trị, ông mới có thể tiến hành các cải cách triệt để. Nhận thức của Gorbachev năm 1985⁴ là cải cách bên trong hệ thống sẽ đạt được kết quả mong muốn.⁵ Ông thể hiện tư tưởng đó trong bài phát biểu trước Bộ Chính trị ngày 11/3/1985, ngay sau khi trúng cử Tổng Bí thư: “Chúng ta không được thay đổi chính sách. Vì chính sách của chúng ta là đúng hướng và phù hợp, sát

thực với tư tưởng Lenin. Chúng ta cần phải tăng tốc, tiến về phía trước, thẳng thắn, khắc phục các sai lầm và thấy tương lai xán lạn”. Tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 4, tư tưởng này được cụ thể hóa bằng chính sách tăng tốc. Mãi đến năm 1987, Gorbachev mới nhận ra ông đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng hệ thống: bản thân hệ thống này đang trên đà suy yếu cùng cực.

Người ta hy vọng nền kinh tế đang có những chuyển biến cơ bản, người lao động sẽ được hưởng lợi nhiều hơn. Động lực của nền kinh tế nằm ở khu vực chế tạo máy và vì thế, người ta quyết định nhanh chóng mở rộng khu vực này, chế tạo dụng cụ, thiết bị, động cơ điện và điện tử.⁶ Abel Angbegyan cho rằng nền kinh tế Xô viết đang tăng trưởng ít nhất với tốc độ 4% so với nền kinh tế thế giới và đây cũng là giai đoạn tăng ngân sách quốc phòng. Khi các nguồn lực dự trữ không còn sẵn như trước, tăng trưởng đạt được thông qua sự gia tăng đáng kể trong năng suất lao động do việc áp dụng các thiết bị tiên tiến và tự động hóa. Mục đích đặt ra cho khu vực chế tạo máy là phải mở rộng 50-100% trong Kế hoạch năm năm (1986-1990). Sản xuất công nghiệp tăng 25%, đầu tư tăng 23,6% và thu nhập thực tế tính theo đầu người tăng 14%.

Người ta thông qua cách tiếp cận mới đối với lực lượng lao động, bởi từ trước đến nay trong công nghiệp, Liên Xô coi đó là nguồn lực rẻ mạt. Giờ đây mối quan hệ giữa máy móc và lực lượng lao động thay đổi bằng khái niệm “nhân tố con người”⁷. Tham vọng trong kế hoạch này rất rõ ràng, dựa trên các thành tựu kinh tế Xô viết từ các năm trước. Năm 1987, Gorbachev có bài viết rằng đầu những năm 1980, tăng trưởng thu nhập quốc dân gần như bằng không.⁸ Năm 1988, Aganbegyan kết luận: Không có sự tăng trưởng kinh tế trong các năm 1981-1985. Mark Harrison kết luận tổng sản phẩm quốc dân/đầu người từ năm 1950-1974 chỉ đạt 3,6% hàng năm, nhưng sự tăng trưởng này ở giai đoạn giữa năm 1971-1985 chỉ còn 0,5% hàng năm. Điều này cho thấy trong suốt thời kỳ 1981-1985, tăng trưởng kinh tế là âm. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhấn mạnh là không ai

nhận thức được điều này. Năm 1985, người ta không nhận ra rằng nền kinh tế Xô viết đang ở giai đoạn khủng hoảng. Vì chẩn đoán sai các vấn đề kinh tế trong năm 1985 nên phương thuốc kê ra ít có hiệu quả. Năm 1987, người ta đã chẩn đoán được đúng căn bệnh và kê ra phương thuốc triệt để, nhưng lúc này Gorbachev lại tập trung cải cách chính trị và chính sách đối ngoại.

Giai đoạn đầu của *perestroika* có thể được tóm tắt như sau:

- Tăng tốc: Tập trung đầu tư cho khu vực chế tạo máy nhằm nâng cao cơ sở kỹ thuật của nền kinh tế.

- *Perestroika*: Cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi các quan hệ công nghiệp.

- Nhân tố con người: Nhu cầu thiết lập các mối quan hệ kinh tế và xã hội của con người nhiều hơn thông qua việc tách quy trình quản lý kỹ thuật khỏi lực lượng lao động trong sản xuất công nghiệp. Đây là khởi đầu trong việc dỡ bỏ tính mệnh lệnh và tiến tới phát huy sáng kiến. Quá trình này dẫn đến tính công khai và dân chủ hóa.

- Chủ nghĩa xã hội phát triển:⁹ Nỗ lực hợp nhất các nhân tố trên thành chủ nghĩa xã hội phát triển (giai đoạn mà xã hội Xô viết đã đạt được) và đặt nền tảng tiến lên mức độ cao hơn. Đó chính là cải cách nội tại hệ thống nhưng không có ý định làm suy yếu các nền tảng hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Gorbachev tổng kết các vấn đề mà *perestroika* đang phải đối mặt:

Những vấn đề cơ bản có tầm quan trọng nhất như tìm cách tăng tốc để đạt được các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đẩy mạnh sản xuất; cải thiện các hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa nhằm đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa người trực tiếp sản xuất và phương tiện sản xuất, củng cố thêm ý thức làm chủ tập thể của người lao động đối với tài sản xã hội chủ nghĩa; linh hoạt hóa và tối ưu hóa hệ thống các lợi ích, trong đó lợi ích quốc gia phải

được đưa lên hàng đầu; phát triển cơ sở khoa học và tiến hành lập kế hoạch kinh tế là những biện pháp chủ yếu thực hiện chính sách của Đảng; cải thiện hệ thống quan hệ phân phối.

Câu nói diễn giải dài, phức hợp này giải thích cơ chế kinh tế mà nhà lãnh đạo này đang muốn áp dụng. Ông tin rằng khi được giải phóng khỏi sự quản lý của các nhà kế hoạch tại Trung ương, các doanh nghiệp nhà nước sẽ trở thành các nhân tố tác động thị trường. Cuộc thảo luận về sở hữu tập thể bắt đầu năm 1986 nhưng nó chỉ được coi là vấn đề thứ yếu. Quá trình tìm kiếm một cơ chế kinh tế bỏ qua hai vấn đề cơ bản: quyền sở hữu và giá cả. Vấn đề sở hữu không được coi trọng đúng mức. Làm sao để cân bằng cung và cầu nếu không có một cuộc cải cách giá tổng thể?

Gorbachev thất vọng khi các giải pháp triệt để của ông không được ủng hộ. Điều đó thể hiện rõ trong báo cáo của ông tại Đại hội Đảng lần thứ 27, khi ông nói rằng nhiều người muốn cải thiện tình hình nhưng lại không muốn thay đổi gì.¹⁰ Một trong những lý do phản đối cải cách là mối quan tâm lâu đời của người Nga về chủ nghĩa bình quân. Gorbachev đã phản ánh hiện tượng này bằng một câu chuyện cười, bác bỏ cạnh tranh bên trong cá nhân (hội chứng đổ kỵ lảng giềng). Một người nông dân đang cày trên một thửa ruộng và tìm được một cái chai. Khi anh ta mở nắp chai, một vị thần hiện lên và ban cho anh ta một điều ước.

“Con hãy nhìn con bò của Vasya đằng kia. Anh ta vắt sữa, làm ra bơ và pho mát, sau đó bán các thứ đó ra chợ và kiếm được khá nhiều tiền. Con có muốn ta cũng cho con một con bò như của Vasya không?” Vị thần hỏi, người nông dân nhanh nhẩu đáp: “Không đâu, con muốn ngài giết con bò đó đi!”

Trong nhận thức của nhân dân, cải cách chỉ là việc các nhà chức trách quan liêu nói ngoài miệng, nhưng trên thực tế họ lại kìm hãm nó. Câu chuyện lan truyền ở Minsk vào cuối năm 1986 minh họa rất rõ đánh giá này. Gorbachev, Reagan và Mitterrand gặp nhau và bắt đầu thảo luận vấn đề

của họ. Mitterrand nói ông ta có chín nhân tình nhưng duy nhất chỉ có một người lừa được mình, nhưng lại không thể biết đó là ai. Reagan nói đó là vấn đề nhỏ so với vấn đề của ông ta. Ông ta có 50 vệ sĩ, trong đó có một người là tình báo của KGB nhưng lại không thể phát hiện ra kẻ đó. Gorbachev xua tay và nói vấn đề của ông còn nghiêm trọng hơn nhiều. Ông có 100 vị bộ trưởng trong Chính phủ và chỉ một người trong số họ thực hiện chính sách cải cách nhưng ông lại không biết người đó là ai.

Có hai phương thức cải cách chủ yếu nền kinh tế kế hoạch tập trung: hợp lý hóa và cải cách mạnh mẽ. Cải cách của Kosygin năm 1965, cơ chế kinh tế mới của Hungari, cải cách kinh tế của Ba Lan năm 1970 là những ví dụ về cải cách kinh tế hợp lý hóa giá cả được các nhà lập kế hoạch đặt ra, hoạt động kinh tế chịu sự chỉ đạo của trung ương. Quyền sở hữu là thứ yếu. Các cải cách này dẫn đến một số tiến bộ nhỏ nhưng không bền vững. Các nhà kinh tế và chính trị gia đã tham gia vào một cuộc nghiên cứu vô vọng nhằm tìm ra một cơ chế kinh tế “hoàn hảo”. Những người đề xướng ra trường phái tư duy này được gọi là những nhà hợp lý hóa. Họ là những người muốn tìm ra một giải pháp thứ ba, giữa nền kinh tế thị trường và nền kinh tế chỉ huy.

Những người coi giải pháp thứ ba này là chuyện hoang đường kết luận rằng những người hợp lý hóa đang tự dối mình. Cách duy nhất để hợp lý hóa một nền kinh tế chỉ huy thành công là phá bỏ nó đi. Cách tiếp cận này được cho là liệu pháp sốc, là cải cách nhanh và mạnh, đó là Chương trình cải cách 500 ngày. Người ta nhấn mạnh đây là một cuộc cải cách chấn động, và vì những người đề xướng ra nó cũng chính là những người muốn tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ. Họ chủ trương một liệu pháp ngắn hạn, nhạy bén và gây sốc. Nó được triển khai lần đầu tại Ba Lan, bắt đầu ngày 1/1/1990. Một nền kinh tế thị trường sẽ được thiết lập càng nhanh càng tốt. Giai đoạn đầu là cải cách giá cả. Hạn chế giá cả sẽ bị dỡ bỏ đối với càng nhiều mặt hàng càng tốt để giải quyết vấn đề lạm phát tăng cao và sự khan hiếm hàng hóa triền miên. Các thể chế kinh tế mới phải được định ra, bắt

đầu là tư nhân hóa. Phá bỏ độc quyền và cơ cấu lại các xí nghiệp đang hoạt động có ý nghĩa quyết định. Nền kinh tế lúc này được tác động bởi một hệ thống giá cả đích thực, bắt đầu chuyển mình biến đổi đau đớn.

ĐẨY MẠNH PERESTROIKA

Mọi người đều muốn gặp vị tổng bí thư mới và bắt tay ông. Đầu tiên ông tới thăm Nhà máy sản xuất ô tô Likhachev ở Moskva vào tháng 4/1985. Boldin khuyên Gorbachev nên đến nhà máy như một công nhân bình thường đi làm, như vậy mới có thể đánh giá và biết được đời sống của công nhân khó khăn đến mức nào.¹¹

Mikhail Sergeevich đến không phải khen ngợi, mà chỉ rõ nước Nga đang tụt hậu về mặt công nghệ. Vì không có nguồn lao động thặng dư và nguyên liệu thô nên việc tăng trưởng sản xuất phải thông qua năng suất lao động. Sau đó ông đi thăm một bệnh viện và được hướng dẫn vào các phòng bệnh nhân trông khỏe mạnh, tóc cắt ngắn. Họ hết lời ca ngợi các y bác sĩ bệnh viện và đồ ăn ở đây nhưng lại rất lờ mờ về bệnh tật của mình. Có tin tiết lộ rằng cơ quan an ninh KGB đã tống những bệnh nhân thật ra ngoài và thế người của họ vào đó! Sau đó Mikhail Sergeevich lại được mời tới thăm nhà của một gia đình công nhân bình thường và thấy trên bàn đầy rẫy các món ăn đặc sản.¹²

Ngày 15/5, ông có một chuyến công tác thành công tới Leningrad và ông cảm thấy hài lòng đến nỗi chỉ thị phát trên truyền hình toàn văn bài phát biểu của mình trước giới chức cốt cán của Đảng.¹³ Ông dần lấy lại tự tin phát biểu mà không cần nhìn vào tờ ghi các chi tiết. Tuy nhiên, điều này lại bộc lộ những điểm yếu của ông. Ông thấy khi phát biểu ứng khẩu rất khó nói được trọn vẹn các câu, còn các điểm cần nhấn mạnh thường rườm rà và không rõ nghĩa, tản mạn từ đề tài này sang đề tài khác. Mặt khác, nó cũng thể hiện phản ứng rất nhanh nhạy của ông.

Tháng 6, ông tới Kiev và Dnepropetrovsk thuộc Ukraine và cũng gây được ấn tượng sâu sắc. Trên cương vị Tổng Bí thư, ông được thông báo văn tắt tình hình và có thể giải đáp các khúc mắc, bản khoản rất nhanh và sắc sảo, không cần bất kỳ sự trợ giúp nào từ các trợ lý. Giới lãnh đạo Đảng ở Ukraine không mấy hài lòng khi ông nêu những khó khăn thật sự trong công nghiệp, nông nghiệp ở đây. Ukraine giống như khu vực bất khả xâm phạm trước mọi chỉ trích phê bình dưới thời Brezhnev.

Sau đó, Mikhail Sergeevich khiển trách ngành công nghiệp dầu mỏ và khí đốt ở Tây Siberia và lực lượng cảnh sát trong chuyến thăm bất ngờ vào đầu tháng 9. Ông thật sự kinh hoàng trước sự tàn phá thiên nhiên ở những nơi ông đặt chân tới và sự lãng phí nguồn tài nguyên nghiêm trọng. Ông ước tính tỷ lệ lọc dầu là 58% trong khi đó mức độ này trên thế giới là 80% và một mét khối gỗ lại chỉ chế biến ra được một phần rất nhỏ thành phẩm. Ông cũng biết rằng năng lượng tiêu thụ để sản xuất một đơn vị sản phẩm ở Liên bang Xô viết cao gấp vài lần so với phương Tây. Ông được tiếp đón như một anh hùng và làm ấm lòng người dân khi nói rằng perestroika sẽ giải quyết được mọi khó khăn vì nhân dân chính là người thực hiện chính sách cải cách đó. Tuy vậy, có một vấn đề ông không thể giải quyết được. Công nhân mong muốn có nhiều nhà nghỉ tập thể cho họ ở khu vực phía nam đất nước, nơi họ có thể đi nghỉ hoặc dưỡng già khi về hưu. Ông lại khẳng định họ nên sinh sống và nghỉ hưu ở miền Bắc, điều này có giá trị kinh tế cho đất nước. Điều đó không được mọi người tán thưởng vì họ là những người sống ở Cực Bắc thiếu các tiện nghi hiện đại. Ông đã bỏ lỡ cơ hội tạo dựng chất kết dính cho chính sách mới được gọi là “nhân tố con người”. Nếu ông đề xuất sản lượng tăng gấp đôi, nhà tập thể sẽ tăng gấp đôi thì ông đã thúc đẩy được họ làm việc cật lực. Rượu mạnh là người đồng hành của dân cư vùng Cực Bắc và những người đang nghe ông lại không thích nghe các bài thuyết giáo của ông về tai họa của nạn nghiện rượu. Chiến dịch chống uống rượu mạnh xem ra chẳng có tác dụng gì ở miền Bắc.¹⁴

Mikhail Sergeevich ham phát biểu trước công chúng và trong các cuộc phỏng vấn báo chí. Ông nói năng rất hoạt bát. Theo lệ, các bài diễn văn của Tổng Bí thư đều được Bộ Chính trị duyệt trước, nhưng lệ này đã bị phá bỏ do số lượng các bài phát biểu và các bài phỏng vấn có sự tham gia của khách nước ngoài ngày càng tăng nhanh. Các ủy viên Bộ Chính trị và các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương quen với việc nắm hiểu ý tưởng mới nhất từ các phương tiện thông tin đại chúng. Họ chưa kịp nghiên ngẫm tác động của một sáng kiến thì sáng kiến khác đã phát huy. Bất kể Mikhail Sergeevich đi đâu, Raisa cũng tháp tùng chồng tới đó. Bản thân bà quan tâm đến thông tin phát trên truyền hình và phản đối việc Mikhail Sergeevich chỉ được ghi hình từ phía sau. Aleksandr Yakovlev cho rằng việc Tổng Bí thư được quay phía sau lưng chẳng có gì liên quan cả:

Xét cho cùng, bất kỳ ai đã gặp ông đều xác nhận rằng nhìn nghiêng phía sau, trông ông đẹp trai và quý phái khác thường, lạ là ông đến tiệm cắt tóc hàng ngày, và nhiều người sẽ lấy làm hãnh diện nếu họ được chiếu như vậy trên tivi hàng ngày. Thế thì còn có gì phải kêu ca âm ỉ?¹⁵

Những năm đầu của *perestroika* đánh dấu bằng sự say mê nhiệt tình, điển hình cho giai đoạn đầu của một cuộc cách mạng. Trong suốt thời kỳ này, những mục tiêu trái ngược nhau có thể đạt được vì mọi người đều có nguyện vọng thống nhất muốn thay đổi. Chắc chắn là các lợi ích sẽ khác nhau và tình hình căng thẳng sẽ xuất hiện, gây cảm giác bị vỡ mộng và tức giận. Gorbachev bắt đầu nhận thấy tình hình này năm 1988. Giai đoạn đầu của cải cách được ghi nhận như sau:

- Có sự đồng lòng rộng rãi trong xã hội về bản chất của chính sách cải cách đã được phổ biến. Việc này làm lu mờ sự thật là có một nhóm đặc quyền đặc lợi chống đối lại cải cách.

- Không có một nghiên cứu nghiêm túc nào để thẩm tra các nhóm tư lợi này có vận động hành lang hiệu quả nhằm bảo vệ quyền lợi của họ và phá hoại cải cách hay không. Điều này xuất phát từ lòng tin chỉ có mâu

thuần hay mâu thuẫn không đối kháng mới có thể tồn tại. Các mâu thuẫn là những thiếu sót trên bề nổi của chủ nghĩa xã hội và có thể được khắc phục nhanh chóng nhưng mâu thuẫn đối kháng thì sẽ khiến xã hội căng thẳng và thậm chí có thể dẫn tới một tình thế cách mạng. Andropov – Tổng Bí thư năm 1983, thừa nhận có tồn tại mâu thuẫn trong chế độ chủ nghĩa xã hội nhưng lại không đề cập liệu nó có phải là loại mâu thuẫn đối kháng hay không. Chernenko thẳng thắn phủ nhận rằng dưới chế độ chủ nghĩa xã hội không bao giờ có mâu thuẫn đối kháng. Trong bài phát biểu tháng 12/1984, Gorbachev tuyên bố: “Dưới thời kỳ chủ nghĩa xã hội, không tồn tại mâu thuẫn đối kháng”.

- Người ta cho rằng sự phản đối perestroika chỉ đến từ một số thành viên trong giới lãnh đạo cao cấp của Đảng, những người thường đặt lợi ích riêng lên trên lợi ích chung. Giới lãnh đạo thời Gorbachev chấp nhận những người còn sót lại của tư tưởng bảo thủ trong một số bộ phận nhân dân. Tuy nhiên, họ tin rằng sự gắn kết giữa các lợi ích trong cải cách, thuyết phục và tuyên truyền giáo dục cũng sẽ giúp khắc phục được những trở ngại đó.

- Cải tổ giống như tập trung huy động mọi nguồn lực, gợi cho người ta nhớ tới các chiến dịch của những năm 1930. Điều này hàm ý mọi người cùng nhau chia sẻ quyền lợi và nghĩa vụ với nhau.

- Tin rằng mọi người dân đều chấp nhận nhu cầu cải cách và bản chất của nó đã khiến giới lãnh đạo tự dối mình để tin rằng cải cách có thể nhanh chóng đạt được và giải quyết được hết thảy mọi vấn đề đang nổi cộm trong nhiều năm qua của đất nước.

- Điều này dẫn tới niềm tin là vẫn có thể đồng thời đạt được các mục tiêu trái ngược nhau. Một ví dụ điển hình là chiến dịch chống uống rượu mạnh có thể giải quyết nạn say rượu¹⁶ nhanh chóng nhưng lại dẫn đến việc mất nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước ở tại thời điểm đang cần một khoản đầu tư lớn hơn cho khu vực chế tạo máy. Gorbachev phát động chiến dịch này vào tháng 5/1985 và ông đơn thuần cho rằng nếu không sản xuất

rượu thì người dân sẽ không uống rượu nữa. Theo Nikolai Ryzhkov, lượng vodka được chưng cất giảm đến 50% trong mỗi năm, lượng rượu nho và bia giảm đến hai phần ba. Người uống rượu lại nhờ đến thuốc đánh răng, xi đánh giày hay rượu lậu. Ryzhkov ước tính ngân sách trong ba năm (1986-1988) thiệt hại 67 tỷ rúp (tương đương 100 tỷ đôla Mỹ với tỷ giá hối đoái chính thức lúc đó) thu nhập hàng năm từ thuế của nhà nước và cùng một lúc sa vào tình trạng khan hiếm nghiêm trọng. Khan hiếm rượu mạnh là nguyên nhân làm gia tăng nhóm tội phạm có tổ chức. Chiến dịch chống uống rượu bị bãi bỏ năm 1988 nhưng thiệt hại do nó tạo ra thì vẫn còn mãi về sau.

- Các nhà kinh tế không bình luận những mâu thuẫn trong các mục tiêu của chính sách cải cách. Tăng tốc nghĩa là tập trung mọi nguồn lực cho khu vực chế tạo máy và cùng lúc đó người ta hy vọng mức sống nhân dân được tăng lên đáng kể. Điều khác thường là lúc ấy không một ai vạch ra được những mâu thuẫn này.¹⁷

- Lao động cá thể và tập thể đều được công nhận là hợp pháp trong suốt giai đoạn đầu của cải cách. Tuy nhiên, giới lãnh đạo chớp bu trong Đảng đều ra sức phản đối tự do giá cả – tình trạng phổ biến trong các hợp tác xã và trong hoạt động tư nhân, và mong muốn kiểm soát được hoạt động này. Sự phản đối của các tổ chức Đảng lên đến cực điểm trong chiến dịch 1986-1987 chống “nguồn thu nhập không do lao động” của các viên chức trong Đảng. Các nhà chức trách địa phương chớp thời cơ cản trở việc chuyên chở hàng hóa hợp pháp đến các chợ nông trang ở một số nơi. Người ta đã sử dụng “búa rìu và máy ủi” để phá sạch các vườn rau vụ sớm trong nhà kính và màng nilon.¹⁸

- Bản thân giới lãnh đạo tin vào quyền lực tuyệt đối của họ và họ có thể đạt được mọi mục tiêu mong muốn.

- *Perestroika* giai đoạn I cho rằng nền kinh tế không ở trong tình trạng khủng hoảng. Các biện pháp mới đề ra là nhằm cải thiện hệ thống kinh tế hiện có. Mặc dù Đảng đã tránh sử dụng từ “kinh tế thị trường”, nhưng các

nhà kinh tế cấp tiến đã tạo nên phạm vi ảnh hưởng rộng rãi, không gì sánh kịp kể từ những năm 1920.

- Người ta cho rằng *perestroika* sẽ đem lại mức sống cao và sẽ không có thất nghiệp khi nền kinh tế được cơ cấu lại. Sẽ không có kẻ thất bại, chỉ có người thắng cuộc. Cuối cùng, mọi người quyết định dứt khoát ủng hộ chủ nghĩa xã hội. Họ sẽ không tha thứ thái độ xem nhẹ sở hữu các phương tiện sản xuất xã hội chủ nghĩa và những lợi ích xã hội của chủ nghĩa xã hội.

Trên giấy tờ, cải cách kinh tế dường như đầy hứa hẹn. Tuy nhiên trong lĩnh vực nông nghiệp, người ta không tin được mức độ kém hiệu quả của nó. Egor Gaidar tính có 590 tỷ rúp (tương đương 890 tỷ đôla Mỹ theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm đó) được đầu tư vào khu vực nông nghiệp nông thôn từ năm 1971-1985. Nhưng phần mà nông nghiệp đóng góp trong thu nhập quốc dân năm 1985 lại chỉ bằng đóng góp của ngành này vào đầu thập niên 1970. Nông nghiệp thật sự là một hố đen của nền kinh tế.¹⁹

CHỦ TRƯỞNG CÔNG KHAI

Chủ trương công khai ngày càng trở nên quan trọng sau vụ xử lý không đến nơi đến chốn thảm họa hạt nhân Chernobyl tháng 4/1986. Phản ứng của công chúng chứng tỏ rằng các phương tiện thông tin đại chúng chính thức ít được tín nhiệm. Điều này cho phép Aleksandr Yakovlev thổi sức sống mới vào một số bộ phận chương trình trong hệ thống thông tin đại chúng. Ông điều Vitaly Korotich từ Kiev về làm Tổng biên tập tạp chí *Ogonek*, khi đó đang là một tạp chí rất buồn tẻ, bán không chạy. Vụ việc này có tác dụng cải tổ một cách cơ bản một cơ quan ốm yếu. Tuy nhiên, Korotich coi chủ trương công khai chẳng khác gì với việc biến một bà nạ dòng trở lại thành cô gái đồng trinh. Năm 1986, hàng loạt các tổng biên tập mới được đưa về để quản lý báo *Moskovskie novosti* (Tin tức Moskva), *Literaturnay gazeta* (Báo Văn học), *Izvestiga* (Tin tức) và các tờ báo có ảnh hưởng khác như tờ *Novy mir* (Thế giới mới) và *Znamya* (Ngọn cờ).

Ngày 16/12/1986, Gorbachev gọi điện cho Andrei Sakharov đang bị đi đày ở Gorky (Nizhny Novgorod) để mời ông về Moskva. Song, khi trở về ông bị đối xử như một kẻ cùng đinh (ông hứa không dính líu đến chính trị) và mãi đến mùa hè năm 1987, các phương tiện thông tin đại chúng Liên Xô mới dám nhắc đến tên ông.

Gorbachev không biết phải làm thế nào với Sakharov. Tại cuộc họp Bộ Chính trị ngày 29/8/1985, ông thông báo vào cuối tháng 7 đã nhận được một bức thư của nhân vật Sakharov đầy tiếng tăm, xin phép cho vợ là Elena Bonner được xuất ngoại để chữa bệnh. Chebirkov tiết lộ lý do chủ yếu phản đối việc cho phép Sakharov ra nước ngoài là của Bộ trưởng Bộ Chế tạo máy công nghiệp nhẹ, là bộ sản xuất vũ khí hạt nhân, vì sợ rằng người ta sẽ giao cho Sakharov một phòng thí nghiệm để tiếp tục nghiên cứu về quân sự. Ông Bộ trưởng kết luận bằng lời phát biểu: “Hành vi của Sakharov bị bà vợ Bonner điều khiển”. Gorbachev đáp lại: “Sẽ xuất hiện chủ nghĩa phục quốc Do Thái”. Gorbachev lại đặt câu hỏi liệu có thể đòi Sakharov tuyên bố ông sẽ không ra nước ngoài không. Chebrikov e ngại nếu họ chỉ trích nghiêm khắc Sakharov, ngay trước khi bước vào cuộc họp giữa Gorbachev với Mitterrand và Reagan, đó sẽ là một điểm yếu. Mikhail Zimyanin là người không kiềm chế hơn cả, ông nói về Bonner: “Bà ta là một con rắn độc cắn thiu và là mục tiêu của tư tưởng đế quốc!” Gorbachev chất vấn liệu có nên để bà ta xuất ngoại hay giữ lại trong nước thì hơn. Ông tóm tắt kết luận rằng mọi thành viên đã nhất trí. Họ khẳng định việc nhận lá thư và vấn đề này đã được bàn bạc kỹ lưỡng. Nguyện vọng ra nước ngoài của Bonner là có thể được chấp nhận nhưng tất cả đều phụ thuộc vào ý định và mục đích xuất ngoại của bà. Điều đó xảy ra thật, Sakharov hứa không xin cấp thị thực xuất cảnh và Bonner chấp nhận đứng ngoài các vấn đề chính trị ở nước ngoài. Trong suốt hai năm 1985-1986, Gorbachev để ý chặt chẽ đến Sakharov. Theo thông tin từ cơ quan KGB, ông đã nhận được các bản ghi âm các cuộc nói chuyện của Sakharov và các đoạn trích từ hồi ký của Sakharov. Bộ Chính trị lật lại vấn đề tháng 6/1986, sau khi Gorbachev nhận được thư của Sakharov yêu cầu trả tự do cho tù chính trị. Chebrikov nói rõ rằng Sakharov

và vấn đề tù nhân chính trị gắn liền với nhau, không thể giải quyết riêng từng vấn đề. Ông cũng cho rằng nếu Sakharov được phép quay lại Moskva, ông phải cam kết từ bỏ các hoạt động xã hội. Song, theo ông, Bonner là một cản trở khó có thể vượt qua bởi bà ta muốn đẩy Sakharov vào cuộc chiến đối đầu với chính quyền Xô viết.

Khi Sakharov trở về Moskva tháng 12/1986, ông chấp nhận từ bỏ toàn bộ hoạt động xã hội của mình. Gorbachev đã khôn khéo trung lập hóa vị viện sĩ hàn lâm này. Tuy nhiên, Gorbachev nhận thấy ông cần sự ủng hộ của Sakharov và đây là cơ hội đưa ông này tái xuất trên chính trường. Đối với Gorbachev, Sakharov là nhân vật bất đồng chính kiến số một. Vị học giả này, đáp lại lời khen ngợi vào tháng 1/1989 khi ông đặt danh hiệu cho Gorbachev là nhân vật bất đồng chính kiến số một.

Gorbachev cũng phải tranh thủ giới trí thức và những người bất đồng chính kiến trước đây. Ông cần có đồng minh trong cuộc chiến với các nhân vật bảo thủ trong Đảng. Một trong những nhân vật lợi dụng tình thế này gây phiền phức nhất là Egor Ligachev, người chống lại bất kỳ ai gièm pha và bôi nhọ các thành quả của Đảng và Xô viết. Chủ trương công khai đối với ông là khuếch trương những điều tốt đẹp của hệ thống cũ và không công kích nó. Một cuộc chiến xảy ra sau đó giữa Ligachev và Aleksandr Yakovlev, chính là là điều Gorbachev đã đoán định.

Đại hội Đảng lần thứ 27, từ tháng 2 đến tháng 3/1986 là một sự kiện có tác động cảnh tỉnh. Mọi cố gắng đều tập trung vào việc xem xét báo cáo của Mikhail Sergeevich trước Đại hội và Raisa đã tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận này. Gorbachev bắt đầu cảm thấy một số trong những người mà ông ưu ái đề cử và bổ nhiệm lại không mặn mà lắm với cải cách và có nguy cơ họ đang coi đó chỉ là một chiến dịch mà thôi. Báo cáo của các nhà lãnh đạo các nước cộng hòa chỉ là bài thuộc lòng lặp đi lặp lại chán ngắt về sự thành công mà không có dấu hiệu tự kiểm điểm. Một lá thư của một

người bạn học cũ của Gorbachev tại trường Đại học Tổng hợp Moskva báo với ông tuyệt nhiên không có chuyển biến gì ở Gorky (Nizhny Novgorod).

Bộ Chính trị đi đến kết luận tháng 4/1986 là perestroika đã vấp phải sự chống đối của bộ máy chính quyền và Đảng, tựa như có một con đập chắn ngang con đường cải cách. Tháng 6/1986, Gorbachev tấn công mạnh mẽ vào Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các cơ quan kinh tế. Tháng 7/1986, Gorbachev triệu tập các tổng biên tập các báo địa phương và lên tiếng quở trách họ về sự thụ động. Họ yêu cầu ông trực tiếp nói chuyện với bí thư thứ nhất tỉnh ủy, khu ủy, thành ủy. “Suy cho cùng, các báo chúng tôi là người phát ngôn cho họ, và chính họ không muốn chủ trương công khai”.

Trong suốt chuyến đi Viễn Đông, Gorbachev thật sự bị sốc trước sự vô tâm và vô trách nhiệm của các nhà chức trách địa phương đối với dân chúng. Một lần nữa công cuộc cải tổ không đến được với người dân vùng này. Một bí thư thứ nhất của một huyện Moskva đã khuyên cấp dưới nên chờ đợi bởi trong vài năm tới mọi việc sẽ ổn định. Điều gì đã được thực hiện? Cuối hè ông đã dự tính một cuộc cải cách hệ thống chính trị.

Tháng 1/1987, phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tuyên bố một đợt tự do nói về nạn quan liêu và đồng chí nào cũng có thể công kích nó.²⁰ Nhưng đó chỉ là hình thức hay thật sự có thay đổi rộng khắp và mạnh mẽ trong nhận thức? Sự phản đối chính sách công khai xuất hiện lần đầu tiên trong phiên họp toàn thể. Rõ ràng là các nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng không chịu từ bỏ đặc quyền đặc lợi của họ nếu không có đấu tranh. Chính sách công khai là một phát hiện mới. Vào tháng 1/1987, chấm dứt việc phá sóng Đài Phát thanh BBC và ngay tiếp sau đó là với Đài Deutsche Well (Đài Phát thanh Làn Sóng Đức) và Đài Tiếng nói Hoa Kỳ. Khi Margaret Thatcher thăm Moskva vào tháng 3/1987, bà được phỏng vấn trên truyền hình và bà đã đập tan lý lẽ của các phóng viên nam một cách xuất sắc. Bà đặc biệt lên tiếng chỉ trích sự vi phạm nhân quyền nghiêm trọng của Liên Xô và xâm phạm Afghanistan. Tháng sau, George Shultz đã cãi lại

người phỏng vấn mình và thông báo với anh ta là người Afghanistan muốn quân đội Xô viết rút quân về nước.

VẤN ĐỀ KINH TẾ

Gorbachev không nắm bắt được bản chất thực của việc quân sự hóa nền kinh tế khi ông nhận chức Tổng Bí thư. Thảo luận về quân sự, KGB và ngoại thương đều là những vấn đề cấm kỵ trong Bộ Chính trị trước khi ông lên cầm quyền. Đầu năm 1987, các tính toán hé lộ quân sự tiêu tốn 40% ngân sách quốc gia chứ không phải con số 16%, chiếm 20% GDP chứ không phải chỉ có 6% như người ta tưởng. Nghĩa là trong số 25 tỷ rúp dành cho nghiên cứu và phát triển, 20 tỷ rúp đã được đầu tư cho các công trình quốc phòng. Do vậy, gánh nặng quốc phòng Xô viết lúc đó xấp xỉ gấp bốn lần so với nước Mỹ.

Chính sách tăng tốc, chủ trương đẩy mạnh chế tạo máy đã làm cho tổ hợp công nghiệp-quốc phòng được hưởng lợi nhiều nhất. Lao động, năng lượng và nguyên liệu đầu tư cho một đơn vị sản phẩm đầu ra cao gấp 2,5 lần so với chi phí của các nước phương Tây. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các chi phí đó cao gấp 10 lần. Các số liệu này làm cho người ta sửng sốt nhưng chúng đã nêu lên được vấn đề. Con quái vật khổng lồ này phải được xoay chuyển và thúc đẩy ra sao để hiệu quả hơn. Đến đầu năm 1987, Gorbachev nhận thấy các chiến dịch tăng cường kỷ luật không mấy tác dụng. Quản lý và lao động cần được thúc đẩy để phát huy hiệu quả.

Đầu năm 1987, nền kinh tế bắt đầu hé lộ các dấu hiệu báo động, sản lượng công nghiệp giảm 6% so với tháng 2/1986, chủ yếu là trong lĩnh vực chế tạo máy móc và ngành công nghiệp nhẹ. Các ngành hóa chất và luyện kim cũng đang trong tình trạng đáng lo ngại. Cuộc họp Bộ Chính trị tháng 2/1987 đã đi đến kết luận buồn thảm là kế hoạch vạch ra nhằm đạt được các tiến bộ về khoa học kỹ thuật và hiện đại hóa ngành chế tạo máy đã hoàn toàn thất bại. Người ta đã thông qua các biện pháp quyết liệt hơn. Bắt đầu bằng việc phác thảo đường lối cải cách kinh tế cấp tiến. Rõ ràng, đã xuất

hiện các cuộc tranh cãi kịch liệt với Thủ tướng đương nhiệm Nikolai Ryzhkov. Giá cả phải đáp ứng thị trường và do Nhà nước điều chỉnh. Ryzhkov nhấn mạnh cải cách “không được vượt quá khuôn khổ chủ nghĩa xã hội”. Gorbachev tin với quan điểm như vậy, một số người sẽ bắt đầu coi vị Thủ tướng này là người bảo thủ.

Có nhiều quan điểm trái ngược nhau về việc xác định nền tảng của chủ nghĩa xã hội, với Gorbachev, ông sẵn sàng vượt ra ngoài các giới hạn của cơ chế đang tồn tại từ những năm 1930 để cải thiện và phát triển nó. Trong cuộc thảo luận ở Bộ Chính trị vào tháng 5/1987, Ryzhkov thẳng thắn chỉ rõ ông sẽ duy trì quyền lực của Nhà nước. Khi được hỏi về các chức năng nào của các bộ phải từ bỏ trong hệ thống mới, ông trả lời: “Không gì hết!” Các quan chức trong bộ máy Đảng sẽ không can thiệp vào quản lý kinh tế mà tập trung vào việc tạo dựng một hệ thống quản lý dân chủ hơn. Ligachev không vừa lòng với quan điểm này và biện luận mạnh mẽ rằng cải cách không phải rút gọn là dân chủ hóa mà phải củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa. Ligachev kiên định trước sau như một rằng Đảng phải là động lực của sự thay đổi, tôn trọng kỷ luật là vô cùng quan trọng. Ông thiên về thay đổi nội bộ hệ thống và cải cách nên vẫn ở phạm vi hệ thống kinh tế – xã hội. Ligachev chống đối kịch liệt việc tư hữu hóa nông nghiệp, thậm chí cả hợp tác xã, ông tin rằng nông trang tập thể và nông trường quốc doanh sẽ được củng cố mạnh mẽ. Cơ chế thị trường đối với ông là điều ghét cay ghét đắng. Sự bất đồng sâu sắc về cách thức thực hiện cải cách giữa Gorbachev và Ligachev rõ ràng không thể kéo dài mãi.

Tháng 7/1987, phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương đã đẩy mạnh dân chủ hóa và quyết định là Hội nghị Đảng lần thứ 19 sẽ được triệu tập vào tháng 6/1988. Hội nghị này được coi là một hội nghị cấp tiến nhất trong thời kỳ hiện đại. Tại phiên họp toàn thể này, Bộ trưởng Quốc phòng Sergei Sokolov nghỉ hưu và thay ông là Dmitry Yazov. Đây là hậu quả của chuyến bay gây chấn động mạnh mẽ của Mathias Rust, một thanh niên Tây Đức, từ Hamburg đã hạ cánh xuống gần Quảng trường Đỏ vào tháng

5/1987. Đó là một sự cố đau buồn và khiến người ta đặt ngay câu hỏi về tính trì trệ và yếu kém của cái gọi là lực lượng chuyên nghiệp.

Chủ trương công khai cho phép báo chí công kích mạnh mẽ tình trạng kinh tế và quốc gia. Nikolai Shmelev, một nhà kinh tế cấp tiến, viết:

Lúc này, chúng ta có thể miêu tả nền kinh tế hiện thời bằng các từ: thiếu hụt, mất cân bằng, quản lý tồi, thiếu kế hoạch phát triển cụ thể... Ngành công nghiệp không tiếp nhận 80% các cải cách, các sáng kiến... quần chúng lao động sa vào tình trạng hầu như hoàn toàn không quan tâm đến làm ăn lương thiện... Chủ nghĩa phân biệt, thờ ơ, nạn trộm cắp trở thành hiện tượng phổ biến, cùng với đó là lòng đố kỵ ghen ghét đối với những người có khả năng làm kinh tế. Dường như xuất hiện các dấu hiệu sa sút sức khỏe trong một bộ phận lớn dân chúng do nghiện rượu và nhàn rỗi. Cuối cùng, không có lòng tin vào các mục tiêu đã đề ra, vào các khả năng tổ chức xã hội và kinh tế hợp lý hơn. Rõ ràng, tất cả vấn đề này không thể giải quyết một sớm một chiều mà đó là vấn đề đòi hỏi nhiều năm, thậm chí nhiều thế hệ.

Trong tháng 6 và tháng 7/1987, một loạt cải cách kinh tế cấp tiến được đưa vào bộ quy chế. Vào tháng 6, luật về doanh nghiệp nhà nước và các điều khoản cơ bản trong cải cách hệ thống quản lý kinh tế được ban hành. Vào tháng 7, luật doanh nghiệp nhà nước được bổ sung thêm 10 sắc lệnh về hệ thống kinh tế, bao gồm: kế hoạch, tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ chế tài chính, giá cả, ngân hàng, các bộ ngành, các tổ chức các nước cộng hòa và chính sách xã hội. Tuy nhiên, nó lại không đưa ra kế hoạch chi tiết cho quá trình cải cách, mà chỉ là giai đoạn đầu của quá trình này. Các bộ phải được hợp nhất và các ủy ban nhập vào các bộ. Sáu bộ của các nước cộng hòa và Liên bang (một bộ thuộc Liên bang Xô viết và một bộ trong mỗi nước cộng hòa) bị xóa bỏ và được chuyển thành các bộ của Liên bang Xô viết. Luật mới quy định các bộ phải tập trung vạch ra kế hoạch kinh tế dài hạn và kế hoạch cải tiến kỹ thuật, để các doanh nghiệp tự quản lý hoạt động của mình.

Việc này buộc phải giảm mạnh số công chức ở các bộ. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã giảm gần nửa số biên chế nhưng phần đông trong số họ lại tìm được việc làm trong cơ quan mới.

Giữa năm 1987, Liên bang Xô viết có khoảng trên 800 bộ và ban thuộc các nước cộng hòa và Gorbachev quyết tâm giảm mạnh các bộ và ban này. Mục đích của ông là giảm một nửa số công chức các nước cộng hòa và 1/3 số công chức địa phương. Hậu quả của chính sách này là đã phá vỡ hoặc làm rối tung các mối quan hệ giữa Trung ương với các bộ ngành và các tổ chức trên khắp đất nước. Đây là một trong các mục tiêu của cải cách, một phương thức làm tăng tính độc lập về kinh tế của các nước cộng hòa với trung ương. Chủ trương này được thực hiện trong hoạch toán (tự hoạch toán) kinh tế của các nước cộng hòa để các nước này giành được quyền kiểm soát nhiều hơn các hoạt động kinh tế trên chính lãnh thổ của họ. Chính việc này dẫn đến hậu quả nghiêm trọng và nặng nề vào năm 1991 vì nó đã phát triển thành tệ nạn địa phương chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa.

Luật doanh nghiệp nhà nước quy định việc bầu giám đốc và quản lý cho đến đốc công, bầu ra ban tư vấn và các đại biểu một đại hội đồng của toàn thể công nhân trong doanh nghiệp. Cho đến cuối năm 1987, trên 36 nghìn nhà quản lý được bầu trong ngành công nghiệp và xây dựng. Tuy nhiên, có tin tiết lộ rằng các trường hợp bổ nhiệm và thường là các cuộc bầu chọn đều bị kiểm soát bởi ban chấp hành Đảng bộ địa phương. Đảng ngày càng củng cố ảnh hưởng của mình đối với các doanh nghiệp thông qua các bộ. Xu hướng này kéo dài đến lúc nào là tùy thuộc vào sự tiến bộ của quá trình dân chủ hóa. Hai vấn đề chủ chốt về quyền sở hữu và giá cả không được coi là tâm điểm trong các cuộc thảo luận và trong xây dựng luật pháp. Gorbachev coi cải cách giá cả (nghĩa là tăng giá) giống như một trái bom hẹn giờ trong khi mức sống đang có chiều hướng giảm sút. Ông không chấp thuận tăng giá để bù vào khoản thâm hụt ngân sách nhà nước.²¹

Khi lần đầu tiên được đưa ra năm 1985, nhân tố con người nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các kỹ năng và khả năng nhiều hơn là nhu cầu của con người, của lợi ích và công bằng xã hội. Gorbachev chỉ ra rằng sẽ ít có biến chuyển trong kinh tế, quản lý và giáo dục nếu không có sự thay đổi về tâm lý, không đề cao nguyện vọng và phát triển khả năng suy nghĩ hay làm việc theo phong cách mới. Aganbegyan cũng nhấn mạnh nhu cầu thay đổi tư duy và hướng dẫn người ta suy nghĩ, làm việc theo phương thức mới. Sau Đại hội Đảng lần thứ 27, Đảng tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện sở thích của mình, trở thành những con người năng động và sáng tạo trong công việc. Điều này đánh dấu sự thay đổi trong nhận thức về nhân tố con người, khác hẳn với cách nhìn nhận hẹp hòi trước đây trong việc đánh giá khía cạnh con người tham gia vào các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Các phẩm chất trí tuệ và đạo đức của mỗi cá nhân đều được coi trọng. Tâm lý xã hội và tâm lý trong công việc được chú trọng, do những nghiên cứu tâm lý đối với các nhà hoạch định chính sách ngày càng trở nên quan trọng. Giờ đây cải cách đường lối kinh tế và chính trị thực hiện từ dưới lên là tốt hơn là từ trên xuống. Các nhà tâm lý đã làm cho chúng ta hiểu thấu các lý do đằng sau sự phản đối của dân chúng đối với chương trình cải cách kinh tế và chính trị trong suốt thời kỳ cải cách giai đoạn II (1988-1989) và giai đoạn III.

YELTSIN ĐOẠN TUYỆT VỚI GORBACHEV

Tháng 9/1987, Boris Yeltsin, Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva, mời các đại sứ đến thảo luận kế hoạch phát triển tương lai của thủ đô. Tuy nhiên, Boris Yeltsin không cưỡng lại được việc phải là nhà chính trị và cuộc họp biến thành cuộc kiểm điểm công việc cải tổ. Ông cho rằng *perestroika* đã bước vào “giai đoạn quyết định”, chuyển từ các đề xuất sang tiến hành các biện pháp thực tế. Ông cũng cảm thấy áp lực xã hội đang có chiều hướng tăng và người dân trong tâm trạng nôn nóng chờ kết quả cuộc cải cách này. Các nhà quản lý và các nhà chính trị không hoàn thành tốt nhiệm vụ phải được thay thế như ông từng làm ở thủ đô. Điều này mâu thuẫn với

phân tích do Mikhail Gorbachev phát ra, ông đã trấn an mọi người rằng cải cách đang đi đúng hướng và bắt đầu đơm hoa kết trái. Yeltsin cảnh báo cải cách vẫn chỉ đang trong quá trình chuyển đổi từ văn bản giấy tờ sang áp dụng vào thực tế và bão táp vẫn đang ở phía trước.

Một số đại sứ không đếm xỉa đến cảnh báo của Yeltsin về một cuộc khủng hoảng, nhưng họ không ngờ được điều này: vào tháng 8, Yeltsin đã chuyển cho Gorbachev một bức thư, khi Gorbachev đang đi nghỉ ở Biển Đen. Trong hồi ký của ông được xuất bản sau đó, Yeltsin chỉ trích mạnh mẽ cách tiếp cận của Ligachev với cải cách nói chung và việc can thiệp của ông này vào các công việc của Thành ủy Moskva nói riêng. Ông nêu rõ một số ủy viên Bộ Chính trị bảo thủ trong Đảng là những người phản đối sự thay đổi thật sự. Ông đã đưa ra một dự báo ảm đạm là đất nước đang trong giai đoạn suy thoái ở mức độ tương tự thời điểm trì trệ dưới thời Brezhnev. Ông xin rút khỏi vị trí ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị và Bí thư thứ nhất của Thành ủy Moskva.²²

Các tính toán trái ngược nhau khiến người ta khó tiên đoán được chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Gorbachev cho rằng Yeltsin nên đồng ý thảo luận vấn đề này sau lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, vào ngày 7/11, nhưng Yeltsin chỉ cho biết Tổng Bí thư hẹn gặp ông sau. Không hỏi ý kiến Gorbachev, Yeltsin quyết định nêu vấn đề này tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương ngày 21/10. Trước khi cuộc họp kết thúc, Yeltsin lên tiếng và nhắc lại các cáo buộc của mình rằng Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương không thay đổi cung cách và thái độ làm việc và đề nghị xin thôi trách nhiệm. Gorbachev vô cùng tức giận và kết tội Yeltsin rằng tham vọng của ông ta không bao giờ có điểm dừng và đưa vấn đề này ra thảo luận công khai. Có thể đoán trước được các vị ủy viên đã đứng về phía Gorbachev và lên tiếng chỉ trích gay gắt Boris Nicolaevich. Trong số 27 người phát biểu, duy nhất Georgy Arbatov, Giám đốc Viện Nghiên cứu Hoa Kỳ và Canada nói tốt cho Yeltsin. Khi Yeltsin đáp trả lại những lời cáo buộc và nói lại là một số ủy viên Bộ Chính trị đã không thật lòng ca ngợi công

cuộc cải cách và Gorbachev, Tổng Bí thư, đã cắt ngang và miệt thị ông là một người dốt đặc về chính trị vì đã buộc cả Bộ Chính trị về tội thúc đẩy tệ “sùng bái cá nhân”.²³ Thật ra, Yeltsin không đưa ra lời buộc tội như vậy. Gorbachev giận dữ hơn và tiếp tục kết tội: “Thật là ích kỷ tột độ; hẳn là muốn đặt tham vọng cá nhân lên trên lợi ích của Đảng, lên trên cả sự nghiệp chung của chúng ta!”²⁴ Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương kiến nghị Bộ Chính trị và Thành ủy Moskva chấp nhận lời yêu cầu xin từ chức của Yeltsin. Sự việc này được bùng nổ ngay lễ kỷ niệm 7/11 khỏi bị ám ảnh buồn bã. Ngày 3/11, Gorbachev tuyên bố Yeltsin đã gửi cho ông một bức thư yêu cầu được tiếp tục giữ chức Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva. Vị Tổng Bí thư này đã cho biết thái độ của mình.

Ngày 9/11, người ta phát hiện Yeltsin trong tình trạng đấm máu tại cơ quan Thành ủy Moskva. Gorbachev coi đây là một hành động tự tử bằng kéo. Hội đồng thành phố Moskva họp ngày 12/11, có sự tham gia của Gorbachev. Ngày hôm sau, tờ Pravda đăng tin Yeltsin được miễn nhiệm không làm Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva, kèm theo là bản tường thuật nội dung cuộc họp Thành ủy Moskva. Nội dung bản tường thuật nêu lên những ý đồ không minh bạch của Yeltsin nhằm bảo vệ mình. Theo lời Yeltsin, Gorbachev yêu cầu ông rời khỏi giường bệnh để tham dự buổi họp của Thành ủy Moskva bất kể việc ông còn đang phải dùng thuốc và thuốc giảm đau để chữa trị vết thương. Yeltsin còn chỉ trích Gorbachev đã thẳng thừng tuyên bố vào mặt ông rằng sự nghiệp chính trị của ông đã chấm hết và ông không bao giờ hy vọng có cơ hội giữ bất kỳ một vị trí chính trị quan trọng nào.

Nhằm cứu vớt Yeltsin, người ta bổ nhiệm ông làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng Nhà nước vào tháng 1/1988 với hàm Bộ trưởng. Yeltsin đã bị tống khứ đến vùng biên giới Trung Quốc để trông coi một công trường xây dựng. Việc này hẳn là đã khẳng định mối nghi ngờ của nhiều người trong nước là công cuộc cải tổ chỉ là lòe loẹt giả tạo. Ông đã rút khỏi Bộ Chính trị tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 2/1988. Biên bản

chính thức của phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 10/1988 mãi đến tháng 2/1989 mới được công bố.

Còn rất khó hiểu khi tại sao Gorbachev biểu hiện một thái độ vô cùng phần nộ trong phiên họp này. Yeltsin chỉ chất vấn ông về tốc độ cải cách và vai trò của Ban Bí thư. Các bài tường thuật không chính thức của phiên họp được ấn hành sau đó, có cả bài Yeltsin, lên tiếng chỉ trích vai trò của Raisa. Tuy nhiên, trong các bài viết được đăng chính thức không đề cập đến những thắc mắc của Yeltsin về Raisa. Gorbachev lẽ ra nên cứu Yeltsin, nếu như ông muốn. Ông có thể tuyên bố rằng cần nhiều thời gian hơn để xem xét quan điểm của Yeltsin và chuyển quyết định sang một ngày khác. Một sự lý giải khác có thể nghĩ ra. Gorbachev vô cùng tức giận trước vai trò nổi bật của Yeltsin, như một nhà hùng biện, đã tạo được danh tiếng cho chính bản thân mình. Yeltsin là nhân vật cạnh tranh trực tiếp chức vị Tổng Bí thư ở thủ đô. Nếu Moskva là một sân khấu, Mikhail Sergeevich muốn mình là nhân vật chính, nổi bật trên sân khấu ấy. Có phải chính sự tự kiêu tự phụ đã bít mắt Gorbachev, không cho phép ông nhìn nhận, đánh giá đúng vai trò của Yeltsin trong việc triển khai công cuộc cải cách chăng? Với việc đày biệt xứ Yeltsin, Gorbachev đã biến ông ta thành kẻ thù chính trị vào thời điểm khi cuộc đấu tranh chính trị cho công cuộc cải cách mới dấy lên. Đây chính là một sai lầm định mệnh, một sai lầm chết người của ông.

CÁC VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Lenin nhận thấy chính sách dân tộc là chìa khóa của sự thành công năm 1917. Ông cam kết mô hình nhà nước liên bang là nhân tố nhân nhượng quan trọng đối với các dân tộc không phải Nga. Andropov cảnh báo cần chống lại tư tưởng nước lớn Đại Nga và kêu gọi người Nga thận trọng với tình cảm của các dân tộc không phải Nga. Tuy vậy, Moskva vẫn hùng hồn tuyên bố vấn đề dân tộc đã hoàn toàn được giải quyết. Tất nhiên đó là theo quan điểm người Nga. Các dân tộc không phải Nga thì nghĩ khác. Do vậy, Gorbachev tin rằng các mối quan hệ giữa các dân tộc không còn là vấn

đề nữa.²⁵ Chủ trương công khai và dân chủ hóa thể hiện rõ quan điểm này của ông là sai.

Gorbachev ngay từ đầu không nhận ra sự thật là có vấn đề. *Perestroika* phải đem lại lợi ích cho tất cả mọi người dân Xô viết. Các rạn nứt đầu tiên bắt đầu xuất hiện sau khi áp dụng Luật Doanh nghiệp Nhà nước, luật này cho phép các doanh nghiệp có quyền điều chỉnh chế độ lương và khuyến khích việc tự hạch toán, tự quản lý. Các nước cộng hòa bắt đầu tranh cãi rằng họ đóng vai trò tích cực thúc đẩy *perestroika* hơn là Trung ương. Khi tiếp tục bổ sung cải cách chính trị, vào năm 1987, người ta đã tạo ra một lực lượng hòa hợp mạnh mẽ: giới quan chức chính trị và kinh tế địa phương cùng theo đuổi mục tiêu chung – quyền tự trị – thoát khỏi sự điều hành của Moskva. Điểm bổ sung là tán thành những tiêu chuẩn đạo đức chung của con người, là giá trị con người và bỏ phần nghiên cứu giai cấp trong chính sách đối ngoại. Nhân quyền gắn liền với chọn lựa. Vấn đề này sẽ đi đến đâu?

Người ta đã đưa ra giải pháp gì để giải quyết vấn đề dân tộc sau năm 1987? Liên bang Xô viết chuyển đổi thành một nhà nước dân chủ? Việc này hàm ý dân tộc nào có ý định rút khỏi Liên bang đều được chấp nhận. Chính sách này sẽ dẫn tới việc giải tán Liên bang Xô viết. Nếu Liên bang Xô viết tan rã, họ sẽ xây dựng một Liên bang hậu Xô viết hay lập ra nhà nước liên minh? Các nhân vật cầm đầu cuộc đảo chính tháng 8/1991 đều không muốn cả hai lựa chọn này. Họ muốn cứu vãn Liên bang Xô viết cũ được chừng nào hay chừng ấy. Sau tháng 8/1991, nước Nga trở thành chủ chốt, tiếp đến là Ukraine. Liệu nước Nga có muốn kế vị một nhà nước Xô viết và nếu vậy nước Nga sẽ là một Nhà nước Liên bang hay liên minh? Tháng 12/1991, cùng với Ukraine, Belarus, Nga tuyên bố không muốn thừa kế nhà nước cũ và cứ để cho nó ngủ yên. Liên bang Xô viết không tránh khỏi kết cục giống hầu hết các đế chế khác: tan rã. Do vậy, vấn đề dân tộc vẫn là vấn đề nan giải và cùng với thất bại về kinh tế là lý do tại sao đất nước ấy lại biến mất trên bản đồ thế giới. Vì Liên Xô rộng lớn, Gorbachev không thể tìm ra giải

pháp nào để giành được sự đồng thuận của các dân tộc trên toàn Liên bang. Chẳng hạn, các quốc gia vùng Baltic đều muốn thoát ra bằng bất cứ giá nào, còn các nước vùng Trung Á lại muốn ở lại Liên bang bằng bất kỳ giá nào. Là một người Nga, Gorbachev nhận thấy rất khó hiểu hết nguyên nhân thật sự khiến các nước cộng hòa không chịu ở lại Liên bang. Với ông, đó là cách ứng xử không hợp lý. Điều mà ông chưa bao giờ hiểu được là các nhà hoạt động chính trị trong các quốc gia vùng Baltic đều coi hành vi của họ là hợp lẽ phải.

Với Gorbachev, giải quyết vấn đề dân tộc không đến nỗi nghiêm trọng ngay trong năm đầu lên cầm quyền. Ở Ukraine, Vladimir Sherbitsky, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng, vẫn tiếp tục tiến hành bắt bớ các nhà hoạt động nhân quyền. Một người bảo vệ quyền lợi nhà thờ Ukraine (nhà thờ bị cấm hoạt động) đã bị tổng giam bảy năm tù và năm năm phải sống lưu vong. Song, làn sóng này bắt đầu lắng xuống vào cuối năm 1985. Vyacheslav Chornovil, một người bất đồng quan điểm hàng đầu, được thả ở Yakutia. Những người khác đều được trả tự do năm 1986.

Vấn đề thật sự lần đầu tiên xuất hiện ở Kazakhstan vào tháng 12/1986 và Gorbachev không hề lưu ý đến dấu hiệu mang tính cảnh báo này. Nhà lãnh đạo cấp cao của nước cộng hòa này, Dinmukhamed Kunaev, là người ăn mặc lịch sự trang nhã, trau dồi dáng vẻ của Brezhnev với cặp lông mày to và đen. Đầu tiên ông bám chặt Brezhnev khi ông ta là lãnh đạo Đảng ở nước cộng hòa dưới thời Khrushchev. Dưới thời Brezhnev, ông này thể hiện sự tôn sùng thái quá đối với “bản thân” và tự xây dựng cho mình một vương quốc riêng ở Kazakhstan. Kazakhstan gồm nhiều bộ tộc nhỏ, vì vậy ông cũng phải chia phần ảnh hưởng của mình đối với họ. Khi Gorbachev trở thành lãnh đạo, các quan chức hàng đầu trong Đảng là người Kazakhstan và người Nga bắt đầu phàn nàn với ông về tình hình nước cộng hòa này. Kunaev phàn nàn với Gorbachev rằng có rất nhiều kẻ gây rối trong nước cộng hòa của mình và cảnh báo Gorbachev về tham vọng của Nursultan Nazarbaev, Thủ tướng nước cộng hòa này. Nazarbaev là người

được Kunaev đỡ đầu và được bổ nhiệm làm Thủ tướng năm 1984, khi 44 tuổi. Kunaev lại muốn Nazarbaev chuyển công tác lên Moskva hoặc tốt hơn là cử đi làm đại sứ Xô viết ở nước ngoài. Gorbachev quyết định nói toạc ra với ông này điều mà nhân viên cấp dưới của ông đã báo cáo. Kunaev xin từ chức. Ông ta đề nghị nên để một người Nga chứ không phải Nazarbaev kế nhiệm mình.

Bộ Chính trị quyết định người được bổ nhiệm ở Alma Ata (bây giờ là Almaty) có thể là Gennady Kolbin, một người Nga, từng làm phó cho Shevardnadze ở Gruzia, và được đánh giá cao. Kolbin được cử tới Alma Ata, giống như một số phó lãnh sự khác, ông thông báo với người Kazakhstan rằng mình sẽ đến nhậm chức. Ngược lại, Gorbachev coi đây là một hành động sai lầm. Người Kazakhstan cho rằng việc bổ nhiệm một người Nga ở đây là một sự sỉ nhục khi việc này được thông báo chính thức ngày 16/12/1986. Nhiều thanh niên tụ tập tại Quảng trường Lenin. Kunaev cho biết ông sẽ đến trụ sở Đảng trên quảng trường này và được yêu cầu phát biểu trước đông đảo sinh viên nhưng Kolbin không cho phép. Thay vào đó, một số bí thư Đảng, bao gồm cả Nazarbaev đã phát biểu trước đám đông. Ngày hôm sau, các nhà chức trách quyết định hành động theo cách truyền thống: dùng vũ lực. Nhiều người bị thương và một số bị giết. Hàng ngàn người bị bắt (trên một nghìn sinh viên sau đó bị đuổi khỏi trường đại học). Khi các nhà tù không còn đủ chỗ nữa nên họ bị đưa tới vùng thảo nguyên giá lạnh và bỏ lại ở đó. Tình hình bạo loạn nổ ra liên tiếp ở một số thành phố khác của Kazakhstan. Kết quả của sự việc này là điều Moskva không lường trước được. Gorbachev phát biểu nghị quyết được Bộ Chính trị thông qua vào ngày 25/12 là tiến hành theo cách truyền thống. Không một nỗ lực nào nhằm giải quyết tận gốc vấn đề này. Mục tiêu là dạy cho dân tộc Kazakhstan và những người khác một bài học. Bài học mà họ cần phải nhớ Moskva là người lãnh đạo. Vì mâu thuẫn đối kháng không được tồn tại trong Liên bang Xô viết, việc bùng nổ bạo lực của các dân tộc thiểu số và chủ nghĩa dân tộc có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng do việc giải quyết không đến nơi đến chốn các tàn dư tư tưởng cũ và do tác động bên ngoài.

Tư tưởng của Moskva làm cho mọi việc trở nên phức tạp và chệch hướng. Kunaev bị kết tội quản lý tồi, tham nhũng và bị sa thải khỏi Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1987. Một bài học Moskva rút ra từ kinh nghiệm của Kolbin là không nên bổ nhiệm một người Nga hay một người Ukraine làm lãnh đạo Đảng ở một nước cộng hòa không phải Nga. Kolbin giữ chức đến năm 1989, sau đó Nazarbaev tiếp nhận chức vụ này. Kazakhstan là nước cộng hòa mà Mikhail Sergeevich cảm thấy bất ổn nhất.

Chiến dịch chống tham nhũng được công khai phát động tại nước cộng hòa láng giềng Uzbekistan. Chiến dịch này nhen nhóm từ thời Andropov (khi ông còn chưa có ảnh hưởng dưới thời Brezhnev) và mục đích là chữa mũi nhọn vào các nhà lãnh đạo Đảng và chính quyền ở đây. Ông chủ mới trong bộ máy Đảng, Inamzhon Usmankhodzhaev, thông qua kế hoạch hợp tác điều tra với các thanh tra viên Moskva. Vụ nổi đình nổi đám nhất là vụ buôn bán bông ở Uzbekistan. Vụ việc này liên quan đến việc lừa đảo bán bông cho nhà nước, phóng đại số lượng bông thu hoạch hàng năm là 600.000 tấn/năm. Với con số thu hoạch cao như vậy, nước cộng hòa này đã được nhà nước trả một khoản tiền lớn. Âm mưu này lẽ ra không bị bại lộ nếu người ta không biển thủ một số tiền lớn, trong đó các quan chức ở Moskva cũng tham gia. Hơn 18 nghìn đảng viên bị trục xuất khỏi Uzbekistan. Moskva bàng hoàng vì Uzbekistan từ lâu được coi là trung thành với Liên bang. Moskva muốn dạy cho các dân tộc này một bài học. Moskva nhìn nhận nạn tham nhũng ở đây khác hẳn ở Tashkent, cũng như ở Alma Ata. Đó là cách duy nhất để Uzbekistan hay Kazakhstan có thể tự bảo vệ mình chống lại Liên Xô. Người Uzbekistan cảm thấy buồn lòng hơn khi những người thay thế các quan chức bị sa thải trên lãnh thổ của họ hầu hết là người Nga. Những người này hầu như không hiểu biết gì về đất nước cộng hòa này, họ cũng không nói được tiếng địa phương, và người Uzbekistan lại phải chịu sự lãnh đạo của người ngoài.

Xuất hiện những rắc rối giữa người Đức ở vùng Volga và người Tatar ở Crime. Bị di dời năm 1941-1944 vì bị nghi ngờ liên quan đến người Đức, những người gốc Đức vùng Volga đã được tha sau cải tạo vào năm 1956, thế nhưng họ không còn đất đai quê hương. Những người Tatar không ngừng theo đuổi sự nghiệp của mình và cơ hội của họ đã đến ở vùng Crime. Tuy vậy, nguyên nhân sâu xa giải thích việc Moskva không chính thức tán thành mong muốn của họ là do cả người Nga và Ukraine đều là kẻ xâm chiếm đất đai của họ. Các lá đơn thỉnh cầu của dân tộc này trước kia không tới được Trung ương, vì vậy một lần nữa họ biểu tình trên Quảng trường Đỏ tại Moskva vào tháng 7/1987. Cảnh sát Moskva rất kiểm chế và một ủy ban được lập ra để cùng bàn bạc và lắng nghe về vấn đề này. Chủ tịch ủy ban này là Andrei Gromyko, lãnh đạo chính quyền. Ông này rất khôn khéo, nhưng câu trả lời có thể đoán trước được: không bao giờ. Moskva rất thận trọng trước tâm trạng bất bình của một nhóm dân tộc thiểu số, vì điều đó có thể sẽ dẫn đến sự hỗn loạn bất bình của các dân tộc khác. Gromyko thông báo toàn bộ người Tatar ở Crime sẽ được phép trở về quê cha đất tổ nhưng không được phép khôi phục Nhà nước Cộng hòa tự trị Crime. Cũng có cuộc thảo luận với Ukraine về việc lập khu tự trị cho người Tatar trong vùng đất Crime nhưng cố gắng không đi đến đâu cả. Tuy nhiên, làm thế nào giải quyết sự việc này êm thấm mà vẫn thể hiện cho mọi người thấy nền dân chủ đang có tiến triển? Gorbachev nhận ra sai lầm mà chính quyền mắc phải trong sự kiện ở Kazakhstan. Cuối cùng họ phải chấp nhận là vũ lực không thể giải quyết các vấn đề chính trị.

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Công cuộc công nghiệp hóa nhanh chóng và sự tăng trưởng kinh tế thúc đẩy sự bành trướng ra ngoài, sự khẳng định và chủ nghĩa đế quốc. Việc này xảy ra hoặc trong suốt thời kỳ tăng trưởng hoặc ngay sau đó. Tất cả các nước Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản và Hoa Kỳ đều thực hiện phương thức này. Liên Xô cũng thực hiện như vậy.

Liên Xô là một cường quốc duy nhất đang nổi không nhờ vào các cuộc chiến tranh xâm lược để mở rộng lãnh thổ và khẳng định địa vị của mình. Ngược lại, thay vào đó, Nga bị Đức Quốc xã tấn công năm 1941 nhưng sau đó Liên Xô đã tấn công lực lượng phát xít đến tận Berlin, giành lấy vị thế của mình là cường quốc quân sự hàng đầu ở Châu Âu năm 1945. Những năm 1970 chứng kiến sự mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Phi và các khu vực khác thuộc thế giới thứ ba. Tuy nhiên, quốc gia này đã vượt quá giới hạn cho phép khi mang quân tiến vào Afghanistan năm 1979. Trong tiến trình mở rộng khu vực ảnh hưởng, Liên Xô đã trở thành một cường quốc nhưng phải trả giá về kinh tế. Rõ ràng, giá phải trả là quá nặng khi nền kinh tế trong nước đang trên đà suy thoái vào nửa cuối những năm 1970. Tất cả các cường quốc đều bành trướng nhưng sau đó bắt đầu co cụm và thu hẹp dần.

Gorbachev cho rằng Liên bang Xô viết đi quá giới hạn, mở rộng quá mức và điều đó khiến đất nước không còn là đối thủ nặng ký trước Mỹ trên con đường đấu tranh giành vị trí tối cao trên bản đồ chính trị thế giới. Mục tiêu đầu tiên của ông là làm dịu đi các cuộc chạy đua vũ trang và tiến tới cắt giảm vũ khí. Chính sách đối ngoại dưới thời Gorbachev là chính sách của một đế chế đang trên đà suy yếu. Nó mang tính phòng thủ và do vậy, nó sẵn sàng từ bỏ những vị thế giành được trước đây. Về mặt ý niệm, Gorbachev thực hiện chính sách đối ngoại dễ dàng hơn nhiều so với các chính sách đối nội. Ông chủ trương chính sách đối ngoại hướng về phía tây và như vậy rất dễ nhận ra Liên Xô phải làm gì. Kỹ năng này gồm chuyển đổi các mục tiêu trong chính sách đối ngoại mà không gây ra phản ứng mạnh mẽ trong và ngoài nước, Moskva đang nhượng bộ Washington. Mục tiêu của ông là giành được cái giá cao nhất mà người Mỹ chịu trả cho việc chấm dứt Chiến tranh Lạnh và chạy đua vũ trang.

Một cuộc Chiến tranh Lạnh mới bùng lên năm 1983 và 1984 khi khối NATO tuyên bố tiếp tục đẩy mạnh triển khai hệ thống Pershing II và các tên lửa mang đầu đạn hạt nhân tầm thấp ở Tây Âu nếu Liên Xô không chịu rút

tên lửa SS20s khỏi Đông Âu. Moskva đã rút các nhà ngoại giao khỏi bàn thương lượng về hạn chế vũ khí. Thế nhưng, tháng 9/1984, Andrei Gromyko đã đi Washington để gặp Reagan, người thiết tha chờ đợi cuộc gặp gỡ thượng đỉnh với Chernenko trong suốt năm đó. Rồi Gorbachev đi thăm nước Anh và bài diễn văn của Gorbachev trước Thượng viện Anh tháng 12/1984 là thẳng thắn và có sáng kiến.

Tháng 1/1985, Bộ Chính trị quyết định nối lại các cuộc thương lượng về vũ khí với người Mỹ. Khi Phó Tổng thống Bush tham dự lễ tang Chernenko, ông đã trao cho Gorbachev một bức thư của Tổng thống Mỹ mời Gorbachev tới họp bàn tại Mỹ. Hai tuần sau, Gorbachev nhận lời về mặt nguyên tắc và đề nghị họ nên gặp nhau tại Moskva. Tháng 6, họ thỏa thuận cuộc gặp mặt đầu tiên sẽ diễn ra tại Geneva tháng 11/1985. Tổng thống Reagan rất lạc quan về cuộc thương lượng với người Nga và tiếp tục tăng ngân sách quốc phòng của Mỹ nhằm thương lượng trên thế mạnh. Đó cũng là một đặc điểm về nhân vật đã coi Liên bang Xô viết như “tâm điểm của sự tệt hại trong thế giới hiện đại”. Reagan và Gorbachev đã trao đổi thư từ qua lại đều đặn vài tuần một lần trong suốt mùa xuân và mùa hè năm 1985. Việc trao đổi này nhằm chuẩn xác những đề nghị của hai bên. Vào tháng 10, Gorbachev đưa ra khái niệm “đủ hợp lý” trong việc đánh giá quy mô lực lượng vũ trang. Ông bỏ qua nhân tố tư tưởng như một nhân tố quan trọng trong việc hoạch định chính sách đối ngoại. Một sự thay đổi quan trọng khi triển khai chính sách đối ngoại mới là việc thay Eduard Shevardnadze, một người Gruzia luôn nở nụ cười trên môi, vào vị trí ngoại trưởng của Gromyko. Việc bổ nhiệm này được coi như thổi một làn gió mới trên lĩnh vực ngoại giao và hỗ trợ việc tháo gỡ các trở ngại về mặt tinh thần đối với phía Mỹ.

Chính sách đối ngoại là khía cạnh đầu tiên thể hiện tư tưởng đổi mới. Việc này gồm cả sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia thuộc Liên bang: an ninh không chỉ phụ thuộc vào quân đội mà còn nhờ sự hỗ trợ của các biện pháp chính trị và nỗ lực tìm ra các giải pháp có thể chấp nhận được

trên quy mô toàn cầu. Gorbachev kết luận cuộc chạy đua vũ trang đang làm cho Liên bang Xô viết suy yếu trầm trọng và ông coi việc cắt giảm vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường là một trong những nhiệm vụ chính trong chính sách của mình.

Bộ Chính trị phác thảo các điểm cần thương lượng, có sự tư vấn hỗ trợ của Bộ Ngoại giao, Ban Quốc tế thuộc Ban Chấp hành Trung ương và cơ quan KGB. Tại các điểm quan trọng đều có những hướng dẫn cụ thể giúp Tổng Bí thư có thể tiến hành thương lượng ở mức độ nào. Vấn đề rút quân cũng được tính đến. Vấn đề gây tranh cãi nhất, việc giảm số lượng vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường, Bộ Ngoại giao đóng vai trò người điều phối trong những năm đầu. Sau đó, một ủy ban đặc biệt của Bộ Chính trị, do Lev Zaikov làm chủ tịch tiếp nhận. Ủy ban này nhận được sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, các viện nghiên cứu, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ban Khoa học Công nghiệp trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các chuyên gia và các viện sĩ hàng đầu. Zaikov hoặc Shevardnadze thông báo tóm tắt cho Tổng Bí thư, đôi khi có sự tham gia của Yazov – Bộ trưởng Quốc phòng, Akhromeev – tham mưu trưởng, Chebrikov hay Kryuchkov – lãnh đạo cơ quan KGB. Gorbachev sau đó sẽ đưa ra những ý kiến riêng và mọi văn bản cuối cùng sẽ được đệ trình lên Bộ Chính trị, cùng với một số các giải pháp lựa chọn khác. Shevardnadze thường mất bình tĩnh trước sự chậm chạp của giới quân sự.

Cuộc gặp thượng đỉnh tại Geneva được coi là một thành công của lãnh đạo hai bên. Vào thời điểm khai mạc, Gorbachev coi Reagan không chỉ là một nhân vật bảo thủ mà là một con khủng long chính trị. Tuy vậy, càng thảo luận thì hai bên càng trở nên thân thiện. Một trong những lý do chính là Gorbachev để ý thấy Reagan không thích đi sâu vào tiểu tiết. Vì vậy họ đã thảo luận về nền chính trị chung và cảm thấy rất hòa hợp. Trong bài phát biểu kết thúc cuộc họp thượng đỉnh kéo dài hai ngày, Mikhail Sergeevich đã kết luận Ronald Reagan là một “nhân vật chúng ta có thể hợp tác”. Tổng thống Reagan đã thuyết phục và làm cho người ta hiểu được một thông điệp

là trong cuộc chiến tranh hạt nhân không có người thắng hay kẻ thua, vì vậy đừng bao giờ gây chiến. Người Nga muốn có một tuyên bố không bên nào được châm ngòi cho một cuộc chiến tranh hạt nhân. Người Mỹ không chấp nhận vì nó sẽ ngăn cuộc phản công của người Mỹ nếu Liên Xô tấn công bằng vũ khí thông thường vào Tây Âu. Cuộc gặp thượng đỉnh Geneva là một bước khai thông. Hai cường quốc này thỏa thuận ngăn chặn “bất cứ một cuộc chiến tranh nào do hai bên phát động, dù bằng vũ khí hạt nhân hay vũ khí thông thường”. Họ cũng cam kết không chạy đua về mặt quân sự. Nhiều hiệp ước đã được ký kết do đã thương lượng từ trước. Vấn đề thứ nhất là các cuộc xung đột khu vực và đề ra giải pháp cho cả hai bên, mà không thừa nhận bên nào thất bại. Vẫn tồn tại vấn đề Afghanistan²⁶ nhưng Gorbachev đã nói rõ là Liên Xô không có ý định đóng quân lâu dài ở đây và đang tìm kiếm một giải pháp chính trị. Người Mỹ đi đến kết luận là đối với chú gấu Nga, vuốt ve mơn trớn thì sẽ nhận được nhiều thứ có ý nghĩa hơn là trêu chọc nó.

Tháng 1/1986, mục tiêu về một thế giới phi hạt nhân được cụ thể hóa và tại hội nghị ở Bộ Ngoại giao tháng 5/1986, một luồng tư duy mới trong chính sách đối ngoại được phát ra. Người ta ví đây như hình ảnh các chú ngựa chiến già kéo chiếc xe ngoại giao chạy quanh được cho nghỉ và một kiểu ngoại giao mới nặng về thuyết phục đã xuất hiện. Một trong những người mới được bổ nhiệm là Gennady Gerasimov, tổng biên tập tờ Moskovskie novosti (Tin tức Moskva). Ông đã trở thành người phát ngôn chính thức của Bộ Ngoại giao sau khi các mối quan hệ công khai tại Geneva đạt được ít hơn mong đợi và Bộ Ngoại giao chính thức đưa ra quan điểm không coi Chernobyl là một thảm họa. Gerasimov tóm gọn cách thức ngoại giao mới: diễn cảm, cởi mở và luôn sẵn sàng đưa ra sự đồng thuận. Việc ông bị cách chức năm 1990 là bằng chứng rõ ràng cho thấy sự chuyển đổi trong chính sách ngoại giao đã nghiêng về phái tả.

Điều đáng chú ý trong tư tưởng mới này là bãi bỏ cách tiếp cận giai cấp trong chính sách đối ngoại. Liên bang Xô viết muốn trở thành một đối

tác quan trọng trên chặng đường xây dựng nền an ninh quốc tế và trong việc tìm ra các giải pháp cho các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu. Đây là lúc cải cách chính trị trong nước vẫn chưa bắt đầu tiến hành. Thông thường, một nhà lãnh đạo Đảng phải hội đủ ba yếu tố: tăng cường củng cố an ninh trong nước, đạt được các thành tựu về kinh tế – xã hội và mở rộng ảnh hưởng của những người cộng sản ra nước ngoài. Gorbachev trở thành nhà lãnh đạo Đảng đầu tiên lờ đi tiêu chí cuối cùng. Thay vào đó, ông nhận định cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản (điển hình là nước Mỹ) và chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể dẫn Liên bang Xô viết đến thảm họa. Ông cảm thấy mình đủ tự tin tranh đấu trong một thế giới đa dạng và có thể còn góp phần đưa ra các giải pháp làm lợi cho toàn xã hội nói chung. Với cách làm như vậy, ông đang củng cố nền an ninh của đất nước. Hiển nhiên là việc Mikhail Sergeevich từ bỏ cách tiếp cận giai cấp trong chính sách đối ngoại đã vấp phải sự phản kháng kịch liệt của những người cộng sản chính thống trong nước. Egor Ligachev kiên định trước sau như một chính sách đối ngoại của Liên Xô bao giờ cũng dựa trên nền tảng giai cấp.

Tại Geneva, các nhà lãnh đạo hai nước cũng nhất trí mời một số đại biểu khác cùng tham dự hội nghị thượng đỉnh này và nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt. Tuy nhiên, ngân sách Mỹ dành cho quốc phòng vẫn tiếp tục gia tăng và việc này khiến Gorbachev quan tâm nhiều hơn đến một hiệp ước hạn chế vũ khí chiến tranh. Khi Reagan đề nghị mở một cuộc họp thượng đỉnh tại Washington, Gorbachev tuyên bố rõ ông chỉ đến khi hiệp ước hạn chế vũ khí được ký kết. Gorbachev bắt đầu ngờ rằng Reagan đang muốn sử dụng cuộc hội đàm và thương lượng như một thủ đoạn chính trị nhằm che giấu sự thiếu nhiệt tình của ông ta để đạt được một kết quả thật sự. Tháng 1/1986, Gorbachev đề nghị thực hiện việc hạn chế vũ khí hạt nhân từng phần cho đến năm 2000.

Không giống phần lớn các cố vấn của mình, quan điểm của Reagan phải loại bỏ vũ khí hạt nhân và tỏ ra rất nhiệt tình trước lời đề nghị của Gorbachev. Tuy nhiên, ngay lập tức, Gorbachev công khai các chi tiết của

đề nghị này trong một bức thư gửi cho báo chí. Điều này làm dấy lên nghi ngờ ở Washington rằng cuộc vận động này chỉ mang tính tuyên truyền. Trong bức thư này, Gorbachev đã thay đổi thể đàm phán của Liên Xô. Trước đó hiệp ước đạt được ba thỏa thuận về vũ khí hạt nhân. Giờ đây, có thể ký một hiệp ước về tên lửa tầm trung và việc thanh tra tại chỗ, trong khi vẫn tiếp tục tiến hành thương lượng về vũ khí phòng thủ chiến lược. Tháng 2/1986, Gorbachev ví vấn đề Afghanistan như một “vết thương đang rỉ máu”. Moskva muốn rút quân nhằm cải thiện tình hình trong quan hệ với Washington. Tuy nhiên, các cuộc thương lượng về vũ khí hạt nhân tại Geneva đều chẳng dẫn tới đâu. Vào đầu mùa thu, Gorbachev đề nghị tổ chức một cuộc họp sơ bộ tại một nước thứ ba. Cuộc họp này không nhằm thay thế cuộc gặp thượng đỉnh tại Washington nhưng nhằm liệt kê danh sách các thỏa thuận sẽ được ký tại Washington. Gorbachev đề nghị địa điểm họp tại Anh hoặc Ireland, họ đồng ý gặp nhau tại Reykjavik vào ngày 11 và 12/10/1986. Sự lựa chọn địa điểm họp có tầm quan trọng. Nước Anh là thành viên của NATO và Ireland là một đồng minh của NATO. Mikhail Sergeevich sẵn sàng đi xa hơn nữa trên bàn đàm phán.

Không đạt được kết quả gì trong các vấn đề chung ở cuộc gặp đầu tiên tại Hội nghị thượng đỉnh Reykjavik, Gorbachev đặt câu hỏi trực tiếp cho Tổng thống Reagan. Ông này đã xáo trộn các con bài của mình và một vài con để rơi xuống sàn. Khi những con bài được tập hợp lại, chúng đã bị lộn và vị tổng thống này không thể trả lời hết được mọi vấn đề. Hiệp một thuộc về Mikhail Sergeevich. Người Xô viết đã có nhiều nhân nhượng quan trọng về vấn đề hạn chế vũ khí và thanh tra tại chỗ. Duy nhất chỉ còn vấn đề nhân quyền có được đưa vào chương trình nghị sự hay không. Lãnh đạo hai nước đã đi rất gần đến việc ký kết hiệp định. Reagan chấp nhận lời đề nghị của Gorbachev về việc loại bỏ vũ khí hạt nhân nhưng không nhất trí với đề nghị thử nghiệm sáng kiến chiến lược phòng thủ (chiến tranh giữa các vì sao) hạn chế trong phạm vi phòng thí nghiệm. Do vậy, cuộc gặp kết thúc mà không đạt được thỏa thuận nào. Trên thực tế, tại hội nghị này, hai nhà lãnh đạo đã giải quyết được nhiều vấn đề hơn so với bất kỳ hội nghị thượng đỉnh

nào trước đó. Gorbachev nhất trí chấp nhận mức độ cân bằng, thấp của số lượng dàn tên lửa tầm trung và chấp nhận trên phạm vi toàn cầu. Ông cũng chấp nhận cắt giảm loại tên lửa hạng nặng xuyên lục địa, là mục tiêu chủ yếu của Mỹ, và đồng ý cho thanh tra tại chỗ. Reagan đồng ý với việc chỉ thử nghiệm vũ khí trong sáng kiến phòng thủ chiến lược trong phòng thí nghiệm mà không có điều khoản gây trở ngại nào cho dự án này nhưng ông không nhận thức hết được điều đó.

Tại cuộc họp báo, Gorbachev tuyên bố bất chấp rất nhiều khó khăn, Hội nghị Reykjavik có thể nói là một thành công nó là bước khai thông cho phép hai nước lần đầu tiên có một cái nhìn chung về tương lai. Thắng lợi giành được từ trong tay những kẻ bại trận. Những gì chưa đạt được tại Hội nghị Reykjavik dẫn đến một hiệp định ý nghĩa hơn về lực lượng vũ khí hạt nhân tầm trung (INF) trong năm tiếp theo, khi tất cả mọi nhân tố cản trở bị loại bỏ. Anh và Pháp sẽ không chịu từ bỏ vũ khí hạt nhân nếu Reagan chấp nhận việc không tồn tại vũ khí hạt nhân. Gorbachev đã có một bài học quan trọng qua Hội nghị Reykjavik. Ông đến hội nghị này với lòng tin quan hệ giữa Xô-Mỹ có thể được cải thiện thông qua các hiệp định về hạn chế vũ khí; ông rời khỏi hội nghị cùng với niềm tin là cần có một chương trình nghị sự tổng thể để thực hiện tiến trình bình thường hóa quan hệ, nhưng tiến trình này sẽ rất khó khăn để thực hiện.

Sự thất vọng chán nản của Gorbachev khi quay về mà không đạt được bất cứ kết quả gì ở Hội nghị Reykjavik càng làm sôi sục bầu không khí trong cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 22/10/1986:

Chúng ta phải thay đổi quan điểm về đường lối chính sách đã thông qua trong khi chính quyền Mỹ vẫn tiếp tục có thái độ và cách ứng xử thù địch. Hàng loạt các sự kiện kể từ Hội nghị Reykjavik cho thấy những người bạn Mỹ của chúng ta hoàn toàn không có thiện chí, không có chương trình tích cực và họ sẵn sàng làm mọi việc nhằm tăng sức ép đối với chúng ta. Vì vậy, họ sẽ hành động có thể rất thô bạo, hành xử như những kẻ cướp thật

sự... Người ta không thể trông chờ một hành động có tính xây dựng hay những đề nghị tốt đẹp hơn từ người Mỹ. Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta phải kiên quyết giành thắng lợi về mặt tuyên truyền, tiếp tục công kích với ý định làm rõ vấn đề trước dư luận Mỹ và dư luận quốc tế. Các nhà lãnh đạo tại Washington e ngại rằng... chúng ta sẽ tiếp tục gây áp lực với chính quyền Mỹ khi giải thích trước công chúng về quan điểm của chúng ta và chứng minh người Mỹ phải chịu trách nhiệm vì không thỏa thuận được việc hạn chế và cắt giảm vũ khí hạt nhân.

Tuy nhiên, sau đó Gorbachev lưu ý rằng ông và Reagan đều “bắt buộc phải hợp tác”.

Một sự việc diễn ra còn để lại dư vị cay đắng và phủ bóng đen lên quan hệ của Gorbachev với cơ quan KGB. Tháng 8/1986, người Mỹ bắt Gennady Zakharov, nhân viên của Liên Xô tại Liên Hợp Quốc, với tội danh gián điệp. Cơ quan KGB phản ứng trước sự việc này bằng cách bắt Nicholas Daniloff, phóng viên tờ *US News and World Report* (Tin tức nước Mỹ và Bản tin thế giới) đóng tại Moskva. Reagan khẳng định Daniloff hoàn toàn vô tội và cần phải thả ngay phóng viên này. George Shultz và tổng biên tập tờ *US News* biết nhà báo này từng tiếp xúc với các tài liệu và các bức ảnh mật của Liên Xô và chuyển những tư liệu này cho Bộ Ngoại giao Mỹ. Shultz vô cùng tức giận khi biết CIA thí mạng Daniloff cho KGB, dùng ông như người liên hệ trung gian nhằm tiếp cận các nguồn tin của Xô viết, nói chuyện với anh ta công khai qua đường dây điện thoại thường. Người Nga đã thu thập đầy đủ bằng chứng về Daniloff và có cơ sở để kết tội anh ta tại tòa án nước Mỹ.

Cơ quan CIA xử lý vụ này quá tồi và nó cung cấp bằng chứng rõ ràng rằng Giám đốc CIA William Casey phản đối kịch liệt những cố gắng của Shultz nhằm cải thiện quan hệ với Liên Xô.²⁷ Trong suốt ba tuần, Gorbachev phải tiến hành nhiều biện pháp đáp trả, khi nước Mỹ yêu cầu trục xuất 25 nhân viên Xô viết đang làm việc tại Liên Hợp Quốc về nước,

toàn bộ các nhân viên này đều bị nghi có liên quan đến các hoạt động tình báo gián điệp. Chính quyền Xô viết được cảnh báo nếu có biện pháp trả đũa, Mỹ sẽ tiếp tục trục xuất nhiều công dân Xô viết hơn nữa. Người Mỹ yêu cầu trả tự do cho Yury Orlov, một nhà hoạt động nhân quyền nổi tiếng, và cho phép ông này cư trú ở Mỹ cùng với vợ. Các mối quan hệ tốt đẹp của Shultz²⁸ với Shevardnadze đã tác động đến cách giải quyết vụ việc này. Một ngày sau khi thả nhà báo Daniloff, Shultz tuyên bố Zakharov sẽ bị trục xuất. Sau đó ông rời khỏi bục và Tổng thống Reagan lên thông báo ông chấp nhận lời mời của Gorbachev đến tham dự Hội nghị thượng đỉnh Reykjavik.

Tuy nhiên, sau Hội nghị thượng đỉnh, Moskva ra lệnh trục xuất năm nhà ngoại giao Mỹ, lời đi lời cảnh báo của người Mỹ trước đó rằng việc này có thể dẫn tới sự trả đũa. Washington lúc đó đã trục xuất 55 nhà ngoại giao Xô viết, cũng với tội danh liên quan đến hoạt động tình báo. Tại sao Gorbachev lại nghe theo KGB và ra lệnh trục xuất các nhà ngoại giao Mỹ sau Hội nghị thượng đỉnh? Việc này có nguy cơ làm vấn đề bầu không khí ở thời điểm nhạy cảm. Nguyên do có thể xuất phát từ sự tức giận vì bị xúc phạm nhưng cũng có thể là do sự thiếu suy xét và bất lực của Gorbachev trước cơ quan KGB. Người Mỹ tỏ rõ thái độ rằng họ sẽ có hành động cứng rắn đối với việc này.

Tháng 2/1986, Gorbachev đưa ra khái niệm “Châu Âu là một ngôi nhà chung” tại Paris, trong chuyến viếng thăm chính thức đầu tiên của ông tới Tây Âu sau khi nhậm chức. Ông lựa chọn Pháp chính vì khả năng hạt nhân của nước này. Nếu ông có thể lay chuyển được người Pháp thì quan điểm cũng như chủ trương của ông về thế giới phi hạt nhân mới có thể trở thành hiện thực. Ông cảm nhận được sự cứng rắn trong quan điểm của người Pháp, nhưng khi thăm Moskva tháng 7/1986, Tổng thống François Mitterrand thông báo với Gorbachev rằng ông cũng phản đối sáng kiến phòng thủ chiến lược của người Mỹ. Với Mitterrand, sáng kiến này cũng như việc tăng tốc cho một cuộc chạy đua vũ trang, trong khi đó mục tiêu là

tìm cách giải trừ vũ khí hạt nhân. Sau hội nghị tại Reykjavik, người Pháp nhắc lại cam kết của mình về vũ khí hạt nhân khiến Gorbachev thất vọng. Tháng 4/1987, tại Praha, Gorbachev tuyên bố ý tưởng xuyên châu Âu của mình nhưng các nước Tây Âu lại lưỡng lự vì khả năng vượt trội về vũ khí thông thường của Liên Xô. Các nước thuộc khối NATO trông chờ sự phản ứng từ phía người Mỹ.

Khi Thatcher thăm Moskva tháng 3/1987, bà lại tiếp tục nhấn mạnh cam kết đối với vấn đề hạn chế hạt nhân và bà tin mục tiêu của Liên bang Xô viết là mở rộng chủ nghĩa cộng sản và nắm vai trò lãnh đạo trên toàn thế giới. Gorbachev đã có một hậu thuẫn tốt như mong đợi (ông nhấn mạnh các cuộc thảo luận với Thatcher là có tính xây dựng) và hai nhà lãnh đạo này nổi tiếng là rất hòa hợp. Thủ tướng Anh tỏ rõ thái độ tích cực khi đề cập đến Liên Xô. Bà cũng nhiệt tình ủng hộ chủ trương cải cách. Sau đó, bà Thatcher khẳng định Gorbachev là một chính trị gia cộng sản ưa thích nhất của bà bởi ông là người duy nhất mà bà có thể thảo luận, đàm phán. Thatcher là người đối thoại quan trọng vì bà cũng có ảnh hưởng nào đó đối với Tổng thống Mỹ Reagan. Nếu bà Thủ tướng này cảm thấy hài lòng thì có nghĩa là Mikhail Sergeevich có thể tranh thủ được Tổng thống Mỹ.

CHƯƠNG 4

Perestroika giai đoạn II: 1987-1989

Các kết quả kinh tế năm 1987 hóa ra còn tồi tệ hơn cả giai đoạn năm 1986. Trong khu vực công nghiệp, người ta nhận thấy rất khó điều chỉnh giá cả, tự hạch toán và tự quản lý. Gorbachev tin đây là khi mối bất hòa giữa các cơ quan Đảng ở địa phương và trung ương xuất hiện. Hầu hết các tổ chức đảng ủy địa phương đều không thể hay không muốn điều chỉnh theo cơ chế làm việc mới dựa trên chủ trương công khai và dân chủ hóa. Người ta cần một kiểu tổ chức Đảng mới, một tổ chức có thể phát huy sáng kiến, phản ứng nhanh nhạy và tích cực trong môi trường mới. Các quan chức thuộc cơ quan Đảng trước kia chỉ tập trung vào việc giữ quyền giữ chức. Bộ máy đảng ủy địa phương càng được đảm bảo bao nhiêu thì nguy cơ phát sinh chống đối trong và ngoài Đảng càng tăng lên bấy nhiêu. Bộ máy này cực kỳ trơ trẽn dưới thời Brezhnev. Thời kỳ ổn định và bình lặng không tạo ra động lực cho người ta phát huy sáng kiến. Nay Gorbachev hy vọng bộ máy này sẽ chứng tỏ một vai trò hoàn toàn khác trước và trở thành nhân tố tích cực trong quá trình cải cách ở cấp địa phương. Không mấy ngạc nhiên khi hầu hết các nhà chức trách địa phương lại bức tức trước điều này vì họ cảm thấy bất lực. Gorbachev nhận ra sự thay đổi đã không theo kịp hy vọng của dân chúng và điều đó đã dẫn đến việc đẩy lùi vai trò lãnh đạo của Đảng về phía sau.

Lễ kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Mười chính là cơ hội cho Gorbachev đề cập đến chủ nghĩa xét lại. Ông diễn giải lại tiến trình các sự kiện diễn ra từ năm 1917 nhằm mục đích tuyên truyền đầy mạnh cho perestroika. Bài diễn văn của ông vào ngày 2/11/1987 làm cho nhiều người cảm thấy thất vọng vì quá dè dặt. Tuy nhiên, người ta vẫn nhớ đến sự ràng

buộc mà Gorbachev phải gánh chịu. Bài diễn văn làm nhẹ đi sự lên án Stalin, bất chấp sự chống đối trong Bộ Chính trị.

Tháng 1/1988, đáp ứng sự chỉ trích rộng rãi về các đặc quyền đặc lợi mà giới quan chức được hưởng từ chính quyền, Gorbachev thông qua sắc lệnh cắt giảm mạnh số lượng quan chức, những người được cấp một xe Volga đen và một nhân viên lái xe. Ngày 1/7/1988, hơn 400 nghìn quan chức bị cắt giảm và mất đi các đặc quyền này. Những chiếc Volga được bán công khai hoặc bổ sung vào đội ngũ tắc xi. Cũng từ ngày 1/7, các công dân Xô viết có ngoại tệ mạnh không được sử dụng để mua bán trong các cửa hàng ở Moskva.

Chủ trương công khai dẫn đến làn sóng xuất bản các tài liệu, phần lớn là các bài chỉ trích Đảng và thành tích của Đảng.¹ Ligachev là người phản đối kịch liệt sự “soi mói” này và kêu gọi cần chấm dứt ngay. Tham gia cùng ông còn có Mikhail Solomentsev, Viktor Chebrikov, Dmitry Yazov và thậm chí cả Nikolai Ryzhkov. Trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 2/1988, Gorbachev đề cao các giá trị của Đảng Cộng sản. Giá trị quan trọng nhất lại không phải là các giá trị mà người ta được biết đến trong nhiều thập niên: quyền tối cao của Đảng, quyền sở hữu nhà nước và cơ chế kinh tế kế hoạch. Ông cho rằng vai trò lãnh đạo của Đảng “không nên giao hẳn vào tay một người nào đó ở trên và nắm giữ quá lâu”. Con người chính là trung tâm của thế giới xã hội chủ nghĩa và tuyên bố này nhằm đề cao giá trị, con người trong vũ trụ. Không có gì ngạc nhiên nếu tuyên bố này gây ra sự phẫn nộ trong các nhà tư tưởng bảo thủ và họ lại lao vào cuộc chiến nhằm bảo vệ quyền lợi và địa vị của mình. Nói cách khác, họ nhận thấy kiểu sống sung túc của họ có nguy cơ bị đe dọa.

Ngày 13/3/1988, Gorbachev bay đi Nam Tư và Yakovlev bay đi Mông Cổ. Ligachev là người duy nhất được quyền điều hành Ban Bí thư Trung ương Đảng, cơ quan vẫn giám sát chặt chẽ giới báo chí. Khi Gorbachev đọc các báo hàng ngày, Georgy Shakhnazarov, phụ tá của ông khuyên ông nên

chú ý đặc biệt vào bài báo của Nina Andreeva, với tiêu đề “Tôi không thể từ bỏ những nguyên tắc của mình” trên tờ Sovetskaya Rossiya (Nước Nga Xô viết). Đây là tờ báo có tiếng về mối quan hệ chặt chẽ với phe bảo thủ. Bài báo này chính là cuộc tấn công trực diện và toàn diện vào perestroika và khiến những người có xu hướng cải cách cũng thấy ngán ngẩm. Bức thư của một giáo viên dạy hóa viết kín trang giấy với ngôn ngữ ca ngợi thời kỳ Stalin. Bà bảo vệ Stalin và dùng lời châm chọc chua cay theo lối bài Do Thái, trích dẫn nguyên văn từ các bài phát biểu của Andrei Zhdanov trong chiến dịch chống những người theo chủ nghĩa thế giới năm 1948.

Ligachev phủ nhận vai trò giật dây dư luận nhưng lại thừa nhận ông cũng có những tình cảm như một số người trong bài báo. Việc này bao hàm các cuộc tấn công vào giai đoạn lịch sử coi thời kỳ Stalin là một thời kỳ đen tối và ảm đạm. Theo Gorbachev, bức thư không thể được viết ra bởi một đảng viên bình thường vì nó chứa đựng thông tin mà chỉ một số người mới có quyền biết. Thành ủy Leningrad đặc biệt có thái độ sốt sắng khi được giao điều tra bài báo này. Không thấy nêu ra chứng cứ bác bỏ cho đến khi Gorbachev trở về ngày 18/3. Ông phát hiện ngay ra là một số ủy viên Bộ Chính trị, bao gồm Ligachev, Vorotnikov, Gromyko và Solomentsev, đều đứng về phía Andreeva.

Ông triệu tập cuộc họp Bộ Chính trị vào ngày 24/3 và nhận thấy Viktor Chebrikov, thủ trưởng cơ quan KGB, và Anatoly Lukyanov cũng đứng về phe những người bảo thủ. Sự thật là Lukyanov, người bạn học tại trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva, đã đứng về phe đối lập khiến Gorbachev choáng váng. Đối với Gorbachev, bài báo thể hiện rõ nét tư tưởng chống *perestroika*. Điều làm ông tức giận là việc các quan chức trong Đảng và chính quyền lại có thái độ ủng hộ bức thư này. Yakovlev, Ryzhkov (một phần vì ông bực mình trước những cố gắng của Ligachev trong Ban Bí thư Đảng can thiệp vào công việc của chính quyền), Shevardnadze và Medvedev tấn công vào các quan điểm mà lá thư đã nêu.

Viktor Afanasev, chủ biên tờ *Pravda*, và nhân viên cấp dưới đã ngay lập tức có câu trả lời nhưng Gorbachev bác bỏ vì nó quá vô vị và nhạt nhẽo. Ngày 5/4, tờ *Pravda* đã đăng một bài báo không ký tên (chủ yếu là do Yakovlev viết) đập lại quan điểm trong lá thư của Andreeva nhưng lại không nêu tên của bà này nhằm tấn công tư tưởng bảo thủ. Gorbachev và Yakovlev coi lá thư như một đòn đánh mở màn cho chiến dịch đưa bằng được perestroika trở lại phương thức cũ ở giai đoạn trước năm 1987. Gorbachev nói với đại sứ Mỹ năm 1992 là ông không lựa chọn giải pháp tăng tốc nhanh hơn, mạnh hơn như ở giai đoạn 1988-1989. “Họ phản đối tôi trên mỗi bước đi. Tôi có thể nhận được sự ủng hộ đối với các cải cách từng phần năm 1987. Điều gì sẽ xảy ra sau đó? Tôi vừa quay lưng lại, họ đã phản công tôi bằng bài báo của Nina Andreeva!” Ligachev đã bị thuyên chuyển không phụ trách mặt tư tưởng và Yakovlev đảm nhận trách nhiệm chính. Rõ ràng, sự chia rẽ sâu sắc đã bao trùm trong Bộ Chính trị.

Về mặt chiến thuật, Gorbachev có hai lựa chọn vì thực tế rõ ràng nhiều nhà lãnh đạo Đảng có thái độ thờ ơ đối với cải cách. Ông có quyền thuyên chuyển công tác của họ khỏi Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoặc có thể lập ra một cơ chế, quy định khuôn khổ hoạt động nhằm phá bỏ sự chống đối của họ. Ông đã chọn phương pháp cũ. Đại hội Đảng không diễn ra như kế hoạch mà hoãn mãi đến năm 1991, vì thế ông bắt kịp ý kiến của Đại hội Đảng. Khi ông đang lưỡng lự trước đề nghị tổ chức một hội nghị tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 1/1987, đề nghị này không được thông qua, nhưng ông đã đạt được điều mình muốn tại phiên họp toàn thể tháng 6. Tuy vậy, ông thua trong một cuộc tranh luận quan trọng vì cuộc tranh luận này quyết định những ủy viên mới chỉ được bầu ra tại Đại hội Đảng. Đại hội này là cơ hội khuyến khích các ứng viên dự khuyết mới trở thành ủy viên chính thức. Yakovlev chịu trách nhiệm về mặt tư tưởng trong Ban Bí thư, người ta cuối cùng cũng đề ra một lối thoát cho tình trạng bế tắc bằng một suy nghĩ đổi mới. Hội nghị là một nguy cơ vì hầu hết các ủy viên đều phản đối cải cách. Hội nghị cần phải hủy bỏ, nếu không thì phái bảo thủ sẽ nổi loạn. Lý do chính để sự kiện này không diễn ra là kỷ luật

Đảng vẫn được duy trì và quyền lực Tổng Bí thư bao giờ cũng là tối cao. Các ủy viên buộc phải chấp nhận các quyết định do lãnh đạo Đảng đưa ra, còn việc triển khai và áp dụng các quyết định đó vào thực tế ra sao lại là chuyện khác.

Các luận cương hay các kiến nghị dự thảo được trình bày trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương ngày 23/5 và được thông qua tương đối thuận buồm xuôi gió. Các văn kiện đó được đăng trên tờ Pravda ngày 27/5 đã gây xáo động mạnh mẽ. Chúng đánh dấu bước chuyển từ chế độ xã hội chủ nghĩa theo kiểu Xô viết sang một mô hình giống kiểu xã hội dân chủ của Tây Âu. Điểm then chốt trong các văn kiện này là đề ra bầu cử tự do, đa ứng cử viên vào các vị trí của Xô viết, bỏ phiếu kín, đảm bảo quyền tự do báo chí, ngôn luận, tự do hội họp và cam kết được luật pháp bảo vệ. Thẩm phán phải được độc lập. Công bằng xã hội là nguyên tắc quan trọng hàng đầu. Gorbachev cố gắng đưa cải cách đi xa hơn nữa. Ông chủ trương đa nguyên chính trị và sửa đổi Hiệp pháp Xô viết nhằm hợp pháp hóa hệ thống chính trị. Bộ Chính trị phản đối đề nghị này, riêng chỉ có Yakovlev, Shevardnadze và Vorotnikov ủng hộ chủ trương này. Mãi đến năm 1990, Đảng mới chấp nhận chấm dứt sự độc quyền về chính trị của mình.

HỘI NGHỊ ĐẢNG LẦN THỨ 19

Trong diễn văn khai mạc ngày 28/6, Gorbachev khiến các đại biểu ngạc nhiên bằng việc đề nghị chỉ nên có một người vừa nắm vị trí lãnh đạo Đảng vừa nắm quyền lãnh đạo chính quyền trên toàn đất nước, từ các Xô viết địa phương đến trung ương. Người cải cách bị kéo ngược trở lại. Một mặt, Gorbachev thiên về hạn chế sự can thiệp của Đảng vào các công việc nhà nước, nhưng mặt khác, có thể trao quyền cho họ thông qua các Xô viết. Việc này có thể được coi như sự củng cố lại tổ chức, mà phần lớn là những thành viên phản đối *perestroika*.

Nhưng cũng có thể hiểu sự việc theo một khía cạnh khác. Kể từ khi có các cuộc bầu cử tự do các Xô viết địa phương hay các đảng viên phải chiến thắng trước khi họ có thể củng cố quyền lực của mình. Gorbachev đặt lòng tin vào nhân dân. Họ sẽ là người lựa chọn những ứng cử viên xứng đáng để thực hiện *perestroika*. Đây chính là một chiến thuật nổi bật mà vị tổng bí thư này sử dụng. Đây là cách duy nhất buộc các đảng viên phải trao quyền cho Xô viết. Theo cách này, ông có thể tiến hành một cuộc cách mạng thầm lặng như nó không hề diễn ra vì hầu như các đảng viên đều thất bại trong các cuộc bỏ phiếu. Bài phát biểu khai mạc là sự kết hợp thận trọng giữa những người theo đường lối chính thống với những người có đầu óc cấp tiến. Ông ca ngợi vai trò lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng và chủ nghĩa Marx-Lenin giống như nền tảng khoa học vững chắc cho các công việc của Đảng. Tuy nhiên, ông nói thêm, cuộc cạnh tranh tự do của những người trí thức cũng là một trong những nguyên lý cơ bản của *perestroika*.

Giới lãnh đạo ngồi nhìn các đại biểu và một vài người phát ngôn dùng thuật ngữ “những con khủng long” trong Đảng để chỉ những người trở thành mục tiêu công kích. Người bị đối xử cứng rắn là Andrei Gromyko, và những nhân vật khác như Solomentsev, Afanasev – chủ biên tờ *Pravda*, và Arbatov. “Hiện nay, đồng chí Gromyko không theo kịp sự phát triển của tình hình... đồng chí đã hoàn thành trách nhiệm của mình”. Cách cư xử không đoán trước được này khiến Gorbachev cảm thấy đã nảy sinh mầm mống của nguy cơ. Nếu các vị lãnh đạo Đảng không còn được bảo vệ thì sớm hay muộn ông cũng bị họ lôi vào cuộc chiến. Ông cảm giác đang có một liên minh giữa những người bảo thủ trong Đảng chống đối ông ngay tại Hội nghị. Một sự rạn nứt đang ngầm hình thành trong Đảng và thái độ chỉ trích, chống đối *perestroika* ngày càng tăng rõ rệt. Sau này, thái độ đó phát triển thành trào lưu phá hoại ngầm trực tiếp của một số lớn các bí thư Đảng và những người đương chức trong bộ máy Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Với người dân và dư luận thế giới – tiến trình Hội nghị được truyền hình trực tiếp – thể hiện sự đối đầu mạnh mẽ nhất trong Hội nghị là giữa Ligachev và Yeltsin. Vào ngày bế mạc Hội nghị, Yeltsin, trước giờ nghỉ trưa đã rời khỏi ghế trên ban công và đứng lên như một diễn viên chính trên sân khấu kịch. Ông không xuống để phát biểu mà lại xin phép Gorbachev được phát biểu. Trong diễn văn chuẩn bị sẵn, ông quyết định trở thành nhà dân túy và phát động một cuộc công kích mạnh mẽ hơn vào Đảng và *perestroika*. Ông lên tiếng cảnh báo về nạn tham nhũng trong Đảng và kết tội Mikhail Solomentsev, Chủ tịch Ủy ban Kiểm tra của Đảng, phải chịu trách nhiệm về hành vi các đảng viên, khi đã có một cuộc điều tra quá hời hợt trước những lời cáo buộc và cố tình lờ đi thói tham nhũng của các đảng viên cao cấp. Tố cáo thẳng thắn của ông còn nhắm vào chính các đặc quyền đặc lợi của Đảng. Ông cũng ám chỉ các sự kiện trong phiên họp toàn thể Ban chấp hành Trung ương tháng 10/1987 chưa được đăng công khai trước dân chúng, với mục đích biện minh cho mình trong sự kiện này. Bằng lời châm biếm, ông nhận xét là Đảng có tục lệ phục hồi các đồng chí của mình sau 50 năm. Ông muốn được phục hồi trong khi ông vẫn còn đang sống. Yeltsin đề nghị Hội nghị bãi bỏ những quyết định đưa ra trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đề nghị của ông trở thành chủ đề thảo luận sôi nổi sau giờ nghỉ trưa.

Nhiều người phát biểu liên tiếp tấn công Boris Nikolaevich, rõ ràng họ đã mất thời gian suy nghĩ cân nhắc suốt cả giờ nghỉ trưa về điều xúc phạm họ và bây giờ họ đã xõ ra. Ligachev đã dành cả buổi trưa để viết ra những lời nhạo báng và đọc lên không khác gì một nhà hùng biện: “Mọi việc Boris làm đều sai toét, thậm chí khi đồng chí ấy còn làm lãnh đạo Đảng tỉnh Sverdlovsk.” Với giọng nói sang sảng, ông lên tiếng: “Boris, cậu sai rồi!” Ông này sử dụng ngôi thứ hai số ít thân mật thay cho cách gọi trang trọng ngôi thứ hai số nhiều. Đây là biểu hiện sự chiếu cố và cả ý công kích mạnh mẽ, tựa như Ligachev đang mắng con vật cưng của mình. Ligachev phản đối kịch liệt sự chăm sóc ưu ái của Đảng đối với Yeltsin. Ông say sưa nói về cuộc sống khổ cực khi ở Siberia và đặc quyền duy nhất ông được hưởng

là làm việc khô xương chết xác. Các đại biểu đều đứng về phía Ligachev trong Hội nghị, nhưng nhân dân lại ủng hộ Yeltsin. Họ biết những người giàu có và quyền thế sống ra sao. Những người thích đùa trong lúc này nói lời quen biết: “Egor, anh sai rồi!”

Tài lãnh đạo của Gorbachev thể hiện trọn vẹn trong Hội nghị. Rất có thể ông sẽ tổ chức một hội nghị chỉ gồm những người bảo thủ để thông qua các nghị quyết làm yếu đi sức mạnh bộ máy Đảng và chấp nhận bầu cử tự do – Đại hội Đại biểu Nhân dân – năm 1989. Chiến thuật ông sử dụng là chia rẽ phe đối lập, cố hòa giải nhưng có mức độ và sử dụng quyền lực của Tổng Bí thư. Hội nghị, thật ra là Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, chấp nhận hầu như bất cứ thỏa hiệp nào để tránh sự chia rẽ. Là chủ tọa Hội nghị, Gorbachev sử dụng dè dặt cương vị của mình nhằm đảm bảo cuộc bầu cử đi theo đường hướng ông muốn. Hội nghị này đặt Mikhail Sergeevich vào hoàn cảnh “một liều ba bảy cũng liều”. Ông đã đẩy lùi Liên bang Xô viết cũ về phía sau và bắt tay tiến hành xây dựng một xã hội mới, hợp xu thế và có cơ cấu chặt chẽ. Cam kết của ông đối với *perestroika* đã thuyết phục một số người chỉ trích ông, trong đó có Anatoly Sobchak – sau này là Thị trưởng Leningrad, và Sergei Stankevich – sau gia nhập Đảng. Điều này cho thấy những người có tư tưởng cải cách đã coi Đảng là đội quân tiên phong của cải cách.

Hội nghị nhấn mạnh mục tiêu phải tách hai tổ chức Đảng và Nhà nước. Nhưng Đảng vẫn nắm quyền lãnh đạo tối cao. Gorbachev khuyến khích chủ nghĩa đa nguyên, đa chính kiến nhưng tất cả những quan điểm này đều phục vụ cho chủ nghĩa xã hội. Phe bảo thủ trong Bộ Chính trị phản ứng ra sao? Liệu có tồn tại các mâu thuẫn căng thẳng tới mức dẫn đến chia rẽ? Không, chỉ có “những lợi ích tạm thời”.

Gorbachev giải quyết rất khéo các vấn đề nhạy cảm trong Bộ Chính trị. Nguyên tắc chung và cơ bản là giao cho phái bảo thủ những nhiệm vụ không thích và giao nhiệm vụ dễ dàng cho phe cải cách. Một ví dụ là việc

đặt lại tên cho con tàu phá băng L. Brezhnev. Con tàu đang hoạt động được lấy lại tên cũ là Arktika. Một con tàu mới sẽ được đặt tên là L. Brezhnev. Người ta quyết định buổi nghi lễ sẽ diễn ra mà không cần phải truyền hình trực tiếp. Ligachev và Zaikov được giao nhiệm vụ điều hành các hoạt động này. Một trường hợp khác là lời đề nghị của Svetlana Aliluyeva, con gái của Stalin. Một số người phỏng vấn bà nhằm phát hiện ra điều mà bà thật sự đang nghĩ. Gorbachev lại không muốn tiến hành việc này:

Nếu tôi phải làm việc này, tôi sẽ phải đánh giá con người Stalin, Stalingrad² và tất cả mọi việc ông đã làm. Tôi xuất thân từ một gia đình mà đời bác tôi bị hủy hoại. Mẹ tôi sinh ra trong một gia đình rất nghèo lại phải cáng đáng năm anh em. Tôi đã được thưởng một huy chương về bài luận “Stalin là niềm vinh quang anh dũng, Stalin là động lực cho thanh niên”. Có lẽ đồng chí Solomentsev nên tiến hành cuộc phỏng vấn này.

Sau đó, Gromyko đề nghị E. K. Ligachev làm việc này. Gorbachev cuối cùng cho ý kiến: “Hãy để đồng chí Ligachev tiến hành phỏng vấn!”

CÁC HÌNH THỨC CHỐNG ĐỐI

Trong khi những người cải cách ủng hộ chủ trương của Mikhail Sergeevich, các đối thủ của ông cũng đang ngấm ngấm tổ chức chiến dịch riêng của họ. Liên minh Dân chủ thành lập tháng 5/1988 là tổ chức đầu tiên chống đối Đảng Cộng sản Liên Xô. Nó tập hợp khoảng 2 nghìn thành viên và người giữ vai trò lãnh đạo là Valeriya Novodvorskaya, sinh năm 1950. Năm 1968, cô đã thành lập một hội sinh viên bí mật với mục đích hành động là lật đổ chính quyền Xô viết, lần đầu bị bắt tháng 12/1967 và bị kết tội về các hoạt động bất đồng chính kiến trong các năm 1978, 1985 và 1986. Cô tốt nghiệp tại Pháp, dưới một hộ chiếu giả. Trong thời kỳ bị giam cầm, cô phải điều trị trong bệnh viện tâm thần khép kín ba tháng. Khi Gorbachev lên cầm quyền, Valeriya bị bắt 17 lần và mỗi lần bị bắt đều tuyệt thực. Rất nhiều các đảng phái và tổ chức chính trị khác đã ra đời vào năm 1989. Phong trào Dân chủ Thiên Chúa giáo Nga là tập hợp giữa Liên đoàn

Dân chủ Thiên Chúa giáo Nga và Liên đoàn Dân chủ Thiên Chúa của người Nga, đây là tổ chức của những tín đồ Thiên Chúa giáo bảo thủ. Đảng Dân chủ Tự do Nga và ba Đảng Dân chủ Lập hiến (Đảng Dân chủ Lập hiến và Đảng của những người dân chủ hợp hiến – sự khác nhau cơ bản giữa họ là cách giải thích về sự kế thừa từ Đảng Dân chủ Lập hiến (Kadet) và Liên đoàn Những người dân chủ hợp hiến). Đây cũng là tập hợp của những người có tư tưởng bảo thủ. Đảng Dân chủ Nga, đứng đầu là Nikolai Travkin được thành lập vào tháng 5/1990, bắt đầu chuyển thành đảng tự do nhưng sau đó dần ngả sang phe chính trị bảo thủ. Đảng Cộng hòa của Liên bang Nga thành lập và hoạt động vào tháng 11/1990 và tập hợp được 30 nghìn thành viên. Đảng nước Nga dân chủ, tổ chức hoạt động dựa trên tư tưởng dân chủ tự do xuất hiện vào tháng 10/1990. Có hai Đảng Dân chủ Xã hội (Đảng chủ chốt nhất là Đảng Dân chủ Xã hội Nga, thành lập vào tháng 5/1990) và có sự liên minh giữa người lao động, công đoàn và Liên hiệp Cách mạng Cộng sản Arnacho. Các đảng phái dân tộc bảo thủ khác đều xuất hiện vào mùa thu năm 1990, như Đảng Dân chủ Quốc gia Nga. Những người theo chế độ quân chủ, chủ trương quay về thời kỳ Nga hoàng Romanov, cũng lập ra một đảng của mình.

Dần dần hai nhóm chính trị chủ đạo hợp nhất lại: nhóm cộng sản và nhóm dân chủ. Nhóm cộng sản do Gorbachev lãnh đạo, chủ trương cải tổ chế độ xã hội chủ nghĩa, thiên về sự phát triển sở hữu xã hội chủ nghĩa, các hình thức tập thể trong các mối quan hệ xã hội, chế độ tự quản và hoạt động xoay quanh nhân tố con người. Nhóm dân chủ muốn tư hữu hóa tài sản nhà nước, tiến hành một cơ chế kinh tế thị trường, một hệ thống nghị viện hoàn chỉnh và đảm bảo nhân quyền.

Khi Gorbachev đi nghỉ vào ngày 1/8, Ligachev chịu trách nhiệm công việc tại Kremlin đã nắm lấy cơ hội đưa ý tưởng của mình vào chính sách perestroika. Ông ta công khai phản đối nền kinh tế thị trường và bảo vệ bản chất giai cấp trong các mối quan hệ quốc tế. Quan điểm này hoàn toàn mâu thuẫn với bài phát biểu của Eduard Shevardnadze đọc trước một hội nghị

gồm các nhà ngoại giao và các chuyên gia hồi tháng 7. Trong bài diễn văn này, Shevardnadze nhấn mạnh “chúng ta không thể không chấp nhận môi trường cùng tồn tại hòa bình, một kiểu đấu tranh giai cấp đặc biệt... Cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống đối lập không còn là xu thế quyết định trong thời đại ngày nay”. Đó là tuyên bố dứt khoát đăng trên báo Đảng, rằng Liên bang Xô viết đã từ bỏ nguyên lý quan trọng nhất của chủ nghĩa Marx-Lenin.

Trong bài phát biểu ở Vilnius, Yakovlev thể hiện câu chữ lắt léo, hầu như xảo quyết tinh vi, đáp trả lại những nhà cải cách. Ông này đặt lợi ích chung của nhân loại lên trên lợi ích quốc gia cũng như lợi ích các dân tộc thiểu số. Không còn nghi ngờ gì nữa, đã xuất hiện sự hỗn loạn. Theo quan điểm Gorbachev, Ligachev đang chuyển hóa perestroika sang một phương thức mới. Cũng có giải pháp khác. Đảng nên chuyển giao toàn bộ quyền quản lý kinh tế và chỉ nên quan tâm đến các công việc nội bộ trong hệ thống Đảng mà thôi. Do vậy, Gorbachev có thể đương đầu với sự phản đối trong Đảng về cải cách kinh tế.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG ĐẢNG

Gorbachev quyết định lập ra các tổ chức quá độ đến khi các Xô viết và các cơ quan chính quyền củng cố được sức mạnh và tích lũy được kinh nghiệm. Trong bản thông báo gửi Bộ Chính trị ngày 24/8/1988, Gorbachev đề nghị giảm số lượng các ban ngành trong Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương từ 20 xuống 9. Chỉ có hai ban chuyên trách kinh tế được giữ lại: ban phụ trách nông nghiệp và một ban mới phụ trách vấn đề kinh tế – xã hội. Các thành viên chính phủ trong Bộ Chính trị rất hào hứng với việc này. Tựa như trong một nước đa đảng, các bộ thuộc chính phủ sẽ do Hiến pháp điều chỉnh và giám sát. Ban phụ trách quan hệ với các đảng cộng sản và đảng công nhân các nước xã hội chủ nghĩa bị hạ cấp và sáp nhập thành một bộ phận của Ban Quốc tế. Sự chuyển đổi có ý nghĩa báo hiệu các nước xã hội chủ nghĩa khác không còn được đối xử như con riêng nữa mà trở

thành quốc gia thật sự có chủ quyền. Valentin Falin, chuyên gia về các vấn đề Đức, đảm nhiệm công việc của Anatoly Dobrynin, người đã bị Shevardnadze loại khỏi ê-kíp khi giữ chức lãnh đạo Ban Quốc tế thuộc Ban Bí thư. Andrei Gromyko và Anatoly Dobrynin đều bị gạt ra rìa cùng một lúc vào tháng 10/1988.

Vào tháng 9, Gorbachev tiến xa hơn một bước và Ban Bí thư được tái cơ cấu thành sáu ủy ban. Chủ tịch mỗi ủy ban chuyên trách chịu trách nhiệm về chính sách của lĩnh vực đó trong Đảng. Vadim Medvedev được giao nhiệm vụ phụ trách tư tưởng và sự thừa hưởng chính của chức vụ này là Ligachev không còn được giao phụ trách lĩnh vực nhạy cảm này nữa. Medvedev không cấp tiến như Yakovlev, nhưng Yakovlev lại được chỉ định làm chủ tịch Ban Đối ngoại, vậy là hợp với sở trường của ông. Ligachev làm chủ tịch ban chuyên trách vấn đề nông nghiệp. Việc này có nghĩa là hy sinh khu vực nông thôn vì không hề có sự tiến triển nào tiến tới thị trường dưới thời Ligachev. Georgy Razumovsky phụ trách chính sách nhân sự và Nikolai Slyunkov phụ trách chính sách kinh tế xã hội. Viktor Chebrikov chuyển từ cơ quan KGB sang làm chủ tịch Ban Luật pháp. Nhiệm vụ ban này là giám sát Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và cơ quan KGB. Rất khó để tìm ra một người thích hợp hơn Chebrikov sau Hội nghị Đảng lần thứ 19. Gorbachev hoàn toàn đặt niềm tin vào KGB và cũng có thể ông đã cảnh giác xa lánh một con người như vậy.

Mối quan hệ của Gorbachev với KGB cho thấy ông không bao giờ tin cơ quan KGB lại có những hoạt động chống lại ông. Ông quen với việc đọc các bản báo cáo cá nhân do Chebrikov gửi tới. Ngày 19/2/1986, lãnh đạo KGB đã báo cáo các hoạt động của tổ chức này trong năm 1985 như sau:

Mạng lưới KGB đã đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống lại những sai lệch về mặt tư tưởng và chống các kẻ thù giai cấp. Ở khắp nơi, các an ninh viên đã tham gia vào công việc của các tổ chức Đảng nhằm loại bỏ các hiện tượng tiêu cực... và tăng cường các hoạt động ngăn ngừa... Ở Moskva,

Leningrad và ở các thủ đô các nước cộng hòa và các thành phố khác, các hoạt động chống phá về mặt tư tưởng, gây ra bởi hàng trăm phái viên và nhân viên các tổ chức nước ngoài chống Liên Xô, bọn dân tộc chủ nghĩa, bọn chủ nghĩa phục quốc Do Thái và các giáo sĩ đều bị phát hiện và loại bỏ. Trong số các phần tử này, 300 kẻ bị trục xuất và 322 kẻ bị cấm nhập cảnh vào Liên bang Xô viết. Ở Ukraine, các nước cộng hòa vùng Baltic và những nơi khác nữa, 25 nhóm dân tộc bất hợp pháp đã bị phát hiện và xử lý khi các nhóm này mới chỉ trong thời kỳ trứng nước... 1.275 tác giả và những kẻ phân phát tài liệu nặc danh, bất hợp pháp có nội dung chống phá Liên Xô, 97 người trong số đó bị xử trước tòa... Các biện pháp ngăn ngừa được tiến hành nhằm đối phó với 15.271 phần tử khác.

Ngày 25/9/1986, tại cuộc họp Bộ Chính trị, Gorbachev hỏi Chebrikov rằng theo định nghĩa phương Tây thì hiện nay có bao nhiêu tù chính trị. Ông trả lời ngay có 240 người. Họ bị kết tội vì tiến hành các hoạt động tình báo, vượt biên giới Liên Xô bất hợp pháp, phân phát tài liệu phản động, buôn bán ngoại tệ mạnh... Vì một số người không chịu thừa nhận hành vi của mình, có thể sẽ phải thả một phần ba trong số này, sau đó thả một nửa. Hai người bị hành quyết vì tội tiến hành các hoạt động gián điệp. Gorbachev thông báo một trong số họ là nhân viên người Mỹ, ra giá 2 triệu rúp. Chebrikov cho biết người này đã chuyển nhiều bí mật quân sự cho phía Mỹ.

Bộ Chính trị rất quan tâm đến ảnh hưởng của vụ tù nhân Tolya Marchenko chết, người đã tuyệt thực ba tháng liền trước khi chết. Ngày 4/2/1987, người ta đã thông báo lên giới lãnh đạo về cái chết của tù nhân này. Cần giảm số lượng tù chính trị xuống nhằm làm dịu đi hình ảnh của Liên bang Xô viết trong con mắt phương Tây. Ngày 15/1/1987, KGB thông báo có khoảng 288 tù nhân đang bị giam cầm, trong số đó có 114 người bị kết tội tuyên truyền phản động chống lại nhà nước Xô viết (Điều 70 trong Bộ luật Dân sự Liên bang Nga), 119 người đã có thái độ phi báng hệ thống xã hội và nền chính trị Xô viết (Điều 190-1) và 55 người phạm các tội khác.

Một chiến thuật được chấp nhận là khuyến khích tù nhân ký vào các bản kháng cáo không thừa nhận hành vi phi pháp của mình. Có 51 tù nhân đã làm như vậy và được ân xá. Ngày 1/5/1987, vẫn còn 98 người bị kết án theo các điều khoản trên. Luật tội phạm dự thảo được công bố tháng 12/1988, xóa bỏ các tội được quy định trong Điều 70 và 190-1 của Luật tội phạm Liên bang Nga và các tội quy định trong luật pháp của các nước cộng hòa khác. Những người bị kết án và những người không chịu thừa nhận hành vi phi pháp của mình vẫn phải ở trong tù. Tháng 2/1992, Tổng thống Boris Yeltsin ra lệnh trả tự do cho toàn bộ tù chính trị.

Lãnh đạo mới của cơ quan KGB là Vladimir Kryuchkov, một sự lựa chọn tồi tệ hơn so với việc bổ nhiệm Chebrikov. Bào chữa cho hành động này, Gorbachev cho biết Kryuchkov là người thân tín, đồng minh lâu năm và thân cận của Andropov. Lập ra hàng loạt các ủy ban là một bước khôn ngoan đầy toan tính vì không ai để ý tới các cuộc tranh cãi của họ. Quyết sách chính trị đã thay đổi ở nhiều điểm khác. Tuy nhiên, một trở ngại quan trọng là xác định vai trò của Ban Bí thư. Ban Bí thư chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị. Không ai thay thế được ban này. Gorbachev phải lập ra một cơ quan mới để đảm bảo mọi quyết định tối cao đều phải được thực hiện.

Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương ngày 30/9 cho phép các phần tử chống đối trong giới lãnh đạo có quyền thanh minh bào chữa. Andrei Gromyko ngủ gà ngủ gật trong phiên họp, tỉnh giấc và đã có những lời phát biểu không thích đáng. Petr Demichev, Phó Chủ tịch thứ nhất Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô (đồng thời là Phó Chủ tịch nước) đã quá tuổi nghỉ hưu. Anatoly Lukyanov lên thay Petr Demichev và để trả ơn Gorbachev, chính ông ta đã lập mưu lật đổ Gorbachev vào tháng 8/1991. Mikhail Solomentsev nhường cho Boris Pugo làm Chủ tịch Ban Thanh tra Đảng. Gorbachev coi Pugo là “một người chính trực”. Đây là nhận định không thỏa đáng vì Pugo là một kẻ mưu đồ trong tháng 8/1991. Vitaly Voronikov bị chuyển sang làm Chủ tịch Đoàn Xô viết Tối cao Liên bang

Nga và lãnh đạo Nhà nước Nga (đây chỉ là chức danh tôn vinh lúc đó). Ai sẽ thay Gromyko đứng đầu Nhà nước? Chính Mikhail Sergeevich đã đề cử Ligachev. Nhưng Gorbachev cho rằng khôn ngoan là không gạt bỏ Ligachev, mặc dù ông ta có thái độ bất bình trước tiến trình cải cách. Nguy cơ là ông ta sẽ đứng đầu phe bảo thủ chống đối *perestroika*. Có sự ủng hộ tiềm năng rộng lớn. Theo ước tính của Gorbachev, có khoảng 18 triệu công chức quản lý khoảng 127 triệu công nhân. Trong số các công chức này, có 2,5 triệu người làm việc trong các bộ và các cơ quan nhà nước, số còn lại làm trong xí nghiệp. Chính cơ cấu hành chính này làm người ta phát điên, vì cứ bảy người lao động thì có một người giữ vai trò chỉ huy.³

Đã xuất hiện ý nghĩ Ban Chấp hành Trung ương cũng chỉ là một tổ chức bảo thủ và có nguy cơ phá vỡ tham vọng của mình, Gorbachev quyết tâm loại bỏ tổ chức hữu danh vô thực này và cả những nhân vật chống đối lại mình tại Hội nghị lần thứ 19 sắp tới nhưng không thành.⁴ Sau phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 1/1987, các bí thư Đảng đã phải đối mặt với các cuộc bỏ phiếu cạnh tranh và có nhiều người trong số họ đã bị gạt ra ngoài. Các nhà lãnh đạo Đảng đều phát huy hết công suất bộ máy tuyên truyền thông qua phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tác dụng. Đây chính là điểm Gorbachev tính đến, quyền lực của bộ máy Đảng sẽ giảm sút vì các đảng viên không còn sợ uy quyền đó. Các quan chức bây giờ được đánh giá theo công việc thực hiện, chứ không theo địa vị cao thấp. Các đảng viên trở nên thờ ơ với bộ máy quan liêu của Đảng. Tâm lý này lan ra trong đại đa số quần chúng và ngày càng rõ nét trong các cuộc bầu cử vào Đại hội đồng Nhân dân tháng 3/1989. Người dân mất lòng tin vào Đảng nhưng điều quan trọng hơn là họ không còn tin vào cơ quan KGB. Chủ trương công khai khiến họ không ngại lên tiếng và đến lúc này, các nhân vật có quyền được bảo vệ hay tổng bí thư đều không còn là những người bất khả xâm phạm nữa.

Điều này làm chuyển đổi nền chính trị. Năng lực của công chức được đánh giá dựa trên kết quả công việc chứ không phải theo là lời hứa. Khi các

vấn đề kinh tế chông chất năm 1989, giới quyền uy mới vào cuộc bằng việc chỉ trích phê bình, càng ngày càng gay gắt. Đây là một kinh nghiệm mới cho các đảng viên và công chức nhà nước, những người trước kia chỉ biết ra lệnh và chờ đợi sự phục tùng. Bây giờ họ phải tự bảo vệ trước hàng loạt các khiếu nại, một số bào chữa được, một số không thể nhưng cuối cùng họ cũng làm tròn bổn phận của mình một cách kém cỏi. Họ học các nền chính trị dân chủ đang tồn tại trên thế giới, họ phàn nàn và đổ lỗi cho Gorbachev về tình trạng bất công tràn lan trong xã hội. Một làn sóng các nhà luận chiến tài ba nổi lên và những bài viết ra không xứng với tầm của họ. Các cây bút này nắm lấy cơ hội trả đũa những người làm khó dễ cho họ trước kia.

Cuối cùng, Gorbachev công khai gạt bỏ các phần tử này khỏi Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 4/1989 khi đồng loạt 74 ủy viên chính thức từ chức và 24 ủy viên dự khuyết xin rút. Theo ước tính của Gorbachev, trong số 303 ủy viên chính thức được bầu tại Đại hội Đảng lần thứ 27 thì có 84 người đã ở độ tuổi nghỉ hưu, như vậy chỉ còn 27 người trong số 157 người ra ứng cử. Do vậy ông đi đến quyết định gạt toàn bộ những người này khỏi Ban Chấp hành Trung ương. Người nào nghỉ hưu sẽ được hưởng chế độ ưu đãi về lương, nhà ở, dịch vụ chăm sóc y tế và nhiều chế độ khác, tuy nhiên một vài chế độ ưu đãi đã không thể thực hiện được.

Trong số đó có những cây đại thụ chính trị phải ra đi có Andrei Gromyko, Nikolai Tikhonov và Boris Ponomarev. Trong số những người được chuyển từ ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức có nhà khoa học Evgeny Velikhov và Valentin Stalin – lãnh đạo Ban Quốc tế thuộc Ban Bí thư. Tuy vậy, như một phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương thông thường, không có ủy viên mới được bầu. Phải đợi đến kỳ họp Đại hội Đảng sau. Không chỉ có một đội hình khao khát thực hiện perestroika đang đứng sau cánh gà. Gorbachev buồn rầu khi đi đến kết luận rằng cuộc bầu cử trong Đảng mang tính cạnh tranh đơn giản chỉ tạo ra một hình thức bầu cử mới chứ không làm thay đổi bản chất sự việc. Thậm chí nhiều cuộc bầu cử diễn ra sau này, kết quả vẫn thế mà thôi: chỉ là bầu cử hình thức. Họ đều ăn mặc

chính tề, cùng chung một lý tưởng chủ nghĩa Stalinist và với tư tưởng đó, họ được đào tạo để thi hành mệnh lệnh chứ không được đào tạo để phát huy sáng kiến và chịu trách nhiệm trước dân chúng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN VÀ XÔ VIẾT TỐI CAO

Các cuộc bầu cử vào Đại hội Đại biểu Nhân dân diễn ra ngày 26/3/1989, đây là một bước ngoặt chính trị. Những người Bolshevik lần đầu tiên tổ chức một cuộc bầu cử tranh cử trên toàn quốc. Khái niệm Đại hội làm cho người ta nhớ lại những năm đầu của cách mạng. Có 2.250 đại biểu trong Đại hội Đại biểu Nhân dân, trong đó 750 đại biểu đại diện cho các tổ chức xã hội, 750 người đại biểu cho cử tri các vùng, lãnh thổ và 750 đại diện cho các dân tộc trên toàn Liên bang. Như vậy, một phần ba đại biểu không được bầu trực tiếp. Trong số các tổ chức xã hội, 100 ghế dành riêng cho Đảng, một số ghế được dành cho Viện Hàn lâm Khoa học, Hội Điện ảnh và các tổ chức đại loại như vậy. Gorbachev quyết định để lại 100 người trong danh sách của Đảng. Ông lo ngại nếu danh sách là 200 người, mà người nào cũng có tư tưởng cấp tiến, bao gồm cả ông, thì sẽ là một thất bại.

Đại hội tiến hành bầu ra một Xô viết Tối cao mới, gồm hai viện là Xô viết Liên bang và Xô viết các dân tộc, mỗi viện có 271 đại biểu nhân dân. Đây là hình thức lặp lại Xô viết Tối cao trước đây nhưng khác ở chỗ bầu cử trực tiếp. Điều thú vị là số đại biểu của hai viện này là vừa bằng số nghị sĩ của Thượng và Hạ viện Mỹ.

Bộ máy Đảng tin là có thể điều hành việc bổ nhiệm theo cách này để đảm bảo nền dân chủ giả hiệu. Đảng tin chắc là các đại biểu nam hay nữ của Đảng sẽ thắng cử. Tất cả những người có quan điểm độc lập hoặc không chính thống đều bị loại. Người bị loại số một là Boris Yeltsin. Yeltsin đã rất thận trọng khi ứng cử trong khu vực cử tri ở vùng nông thôn tỉnh Sverdlovsk, sân nhà của mình. Ông đã không thông báo trước với Đảng ủy mà xuất hiện bất ngờ. Tuy nhiên, mục tiêu của ông là giành một vị trí cao hơn. Ông muốn có tên trong phiếu bầu tại khu vực hành chính số một là

Moskva. Còn lại 10 ứng cử viên vào ngày 22/2 khi quyết định cuối cùng được đưa ra xem ai có thể được ghi tên trong phiếu bầu. Đảng quyết định những người đó là Yury Brukov – giám đốc nhà máy sản xuất ô tô ZIL và Georgy Grechko – nhà du hành vũ trụ nổi tiếng. Các nhà chức trách cũng bảo đảm họ đã sắp xếp tiến trình bầu cử được truyền hình trực tiếp trên đài truyền hình Moskva. Boris Nikolaevich chắc chắn sẽ có màn thất cử ngoạn mục.

Yeltsin đã bị các đại biểu chỉ trích nặng nề và yêu cầu rút khỏi danh sách ứng cử. Ông đã đáp trả những câu hỏi mang tính thù địch khi bị chất vấn. Tuy vậy, ông cũng biết không ai khác mà chính là Grechko chủ định rút Yeltsin khỏi danh sách ứng cử. Grechko thông báo điều đó với Yeltsin và Yeltsin thuyết phục Grechko giữ kín chuyện này cho đến khi hoàn thành việc kiểm phiếu. Sau đó, ông có thể từ chức, rời khỏi Đảng mà không cần phải đề cử ứng cử viên khác thay thế. Sau 12 giờ, các đại biểu sẵn sàng bỏ phiếu. Người ta đoán Brakov sẽ bỏ phiếu đầu tiên, Grechko thứ hai và bỏ ngoài tai sự phản đối, Yeltsin vẫn là người thứ ba. Ngay sau đó Grechko phản ứng mạnh mẽ bằng cách tuyên bố mình sẽ rút lui. Đảng lại rơi vào tình thế khó xử. Nếu chấp nhận Yeltsin có nghĩa là chấp nhận một thất bại đau đớn, nếu Đảng tuyên bố bổ nhiệm ứng cử viên khác vào để lấp chỗ trống, thì điều đó sẽ biến tiến trình bầu cử, ứng cử trở thành một trò cười. Đảng buộc phải chấp nhận và để Yeltsin lại trong danh sách ứng cử.

Ngày 26/3, kết quả kiểm phiếu cho thấy Yeltsin giành được tỷ lệ bầu khá cao – 89,4% số phiếu, trong khi Brakov có một kết quả đáng thất vọng là 6,9%. Gorbachev đạo diễn màn kịch này nhằm loại bỏ Boris Nikolaevich nhưng quan trọng là ông đã không phá được kết quả bầu cử. Thắng lợi khá cao này chứng tỏ quá trình kiểm phiếu diễn ra công bằng và điều đó thể hiện sự thắng thế của nền dân chủ sơ khai. Người chiến sĩ của nhân dân đã quay trở lại trên sân khấu chính trị quốc gia. Mỗi quan tâm của công chúng đối với đời sống chính trị rất cao thể hiện ở tỷ lệ phiếu bầu 89,8%.

Có những thất bại khác cho những người cảm tình Đảng. Thất bại to lớn nhất là thất bại của Bí thư thứ nhất Thành ủy Leningrad, Yury Solovev, ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị. Ông này chắc đến mười mười vì chỉ có mỗi tên ông trong danh sách ứng cử. Ông chắc chắn không thể thất cử. Theo luật, để chiến thắng trong vòng đầu tiên, ứng cử viên phải dành được ít nhất 50% số phiếu bầu cộng một phiếu. Theo luật bầu cử Nga, một người có thể không bầu cho một ứng cử viên hoặc không bầu cho tất cả ứng cử viên bằng cách gạch toàn bộ tên họ trong danh sách. Solovev không chỉ thất cử mà còn phải từ chức lãnh đạo Đảng ở thành phố Leningrad. Nguyên tắc này được Đảng chấp thuận, họ vô tình không nhận ra là nguyên tắc đó đã trở thành hiện thực. Theo một nhà quan sát, người có tài năng cũng thất cử ngay cả khi không vấp phải sự chống đối nào, nhưng tài năng này sẽ là nguồn cán bộ cho đội ngũ lãnh đạo cao cấp của Đảng.

Những người cấp tiến đã thắng lợi ở Moskva và Leningrad, trong số ứng cử viên được bầu có những người trở thành ưu tú trong tương lai như Sergei Stankevich – chuyên gia sử học về Mỹ, Anatoly Sobchak – luật sư lành nghề và sau này là thị trưởng Leningrad, nhà sử học Yury Afanasev và Nikolai Shmelev – nhà phê bình kinh tế. Oleg Bogomolov, một nhà cải cách kinh tế tài ba cũng thắng cử ở Moskva, dù Đảng đã áp dụng các tiêu xảo nhằm loại bỏ ông. Sau đó ông phát biểu một cách châm biếm: “Tôi không có ý kiến gì, đây là lợi thế chống lại Đảng”. Andrei Sakharov và Roald Sagdeev, nhà nghiên cứu vũ trụ nổi tiếng, được bầu là những đại biểu của đoàn Viện Hàn lâm Khoa học. Lần đầu tiên, Ủy ban Đảng của Viện Hàn lâm đưa các vị gạo cội vào danh sách. Điều này gây chấn động như là buộc phải chấp nhận các ứng cử viên mà các viện sĩ đề nghị. Hiệp hội Điện ảnh, nổi tiếng là tổ chức theo chủ nghĩa cấp tiến, dự đoán sẽ có một ứng cử viên thân cải cách. Gavriil Popov, tổng biên tập tờ báo kinh tế hàng đầu *Voprosy Ekonomiki* (Các vấn đề kinh tế), có quan điểm nghiêng về cơ chế thị trường, và nhà xã hội học nổi tiếng Tatyana Zaslavskaya, cũng được dự đoán trong danh sách ứng cử đại diện cho các tổ chức xã hội. Galina Starovoitara, một phụ nữ giành chiến thắng trực tiếp trong các cuộc bầu cử ở Evevan, Cộng

hòa Armenia, chuyên gia hàng đầu về các vấn đề dân tộc và sau này trở thành nhà lãnh đạo phong trào Nước Nga Dân chủ. Khác là phụ nữ không có khả năng đảm đương công việc, Đại hội Đại biểu Nhân dân đa phần dựa vào phái mày râu nhiều hơn cơ quan Xô viết Tối cao cũ. Sự việc này dẫn đến một cuộc tranh cãi liên miên trong lịch sử Xô viết.

Liệu Đảng thắng hay thua trong cuộc bầu cử này? Gorbachev quả quyết Đảng giành thắng lợi vì có tới 87% đại biểu được bầu là người cộng sản. Ryzhkov phản đối đánh giá này, chỉ ra rằng 30 quan chức lãnh đạo Đảng các địa phương quan trọng đã bị đánh bại và nhiều đảng viên giành thắng lợi bất chấp Đảng đã tiến hành chiến dịch ủng hộ những nhân vật có quyền uy hơn. Điều đáng nói, Đảng không làm tròn trách nhiệm của mình ở các thành phố công nghiệp hàng đầu và ở các trung tâm văn hóa xã hội. Đây là một điềm xấu đối với Đảng. Lời cảnh báo rõ ràng là: nếu Đảng không tham gia chính sách *perestroika* và bản thân công cuộc cải cách không bắt kịp với xu thế thay đổi của xã hội, thì sẽ không còn là một Đảng tiên phong nữa và phải cố gắng không để tuột mất quyền lãnh đạo. Lần đầu tiên, kể từ những năm 1920-1921, nền chính trị trở lại phù hợp luật định. Đảng bây giờ phải tranh đấu với những phe phái khác để giành được sự ủng hộ của công chúng. Những người Bolshevik giành thắng lợi năm 1917 là do họ cấp tiến hơn đối thủ của mình. Nguy cơ hiện nay là những người khác sẽ giành được sự ủng hộ của nhân dân bởi họ cấp tiến hơn Đảng.

Gorbachev tham gia Đại hội Đại biểu Nhân dân để lấy lại quyền lãnh đạo Đảng. Trong suốt bài phát biểu trên cương vị chủ tịch hoặc diễn giả, ông nói: “Tôi biết mọi việc. Thậm chí tôi còn biết nhiều hơn các đồng chí.” Ông đã nhắc đến một số nguyên tắc. “Cải cách vẫn đang tiến về phía trước... tiến trình cải cách chính trị cũng đang ở phía trước... đã đến lúc cần phải đoàn kết vì những lợi ích tối cao.” Về các dân tộc, ông đã nghiêm khắc cảnh báo: “Nếu chúng ta bắt đầu tách mình với các dân tộc khác... nếu chúng ta lại vẽ lại đường biên giới, tôi chắc chúng ta sẽ phải chịu thảm họa.” Vấn đề Nagorno-Karabakh khiến ông băn khoăn trăm trờ. Một số đại

biểu tiếp tục tranh cãi với chủ tịch mới. Brazauskas bộc bạch: “Đoàn đại biểu chúng tôi đến Moskva để tham gia Đại hội Đại biểu Nhân dân chứ không phải có ý định thù địch chống lại Moskva hay thậm chí cá nhân Gorbachev”. Tuy vậy, tất cả đều bỏ phiếu cho Gorbachev là chủ tịch.

Thái độ Gorbachev đối với việc bầu chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân ngay khi khai mạc Đại hội đã phản ánh ông không có khả năng nắm bắt nền chính trị dân chủ – cần phải thể hiện thái độ cầu thị, sẵn sàng chấp nhận phe đối lập. Andrei Sakharov đề nghị cuộc bỏ phiếu bầu chủ tịch Xô viết Tối cao (đồng thời là người đứng đầu chính quyền) sẽ hoãn lại cho đến khi mọi vấn đề tranh luận được giải quyết thấu đáo, chứ không phải là mục đầu tiên trong chương trình nghị sự. Hiển nhiên Gorbachev sẽ được bầu nhưng ông kêu gọi bỏ phiếu và ngầm nhắc Đại hội điều này – Đại hội bác bỏ đề nghị này. Gorbachev khuyến khích các đảng viên chấp nhận cuộc bầu cử cạnh tranh nhưng ông lại không cho phép bất cứ người nào chống lại mình trên cương vị chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân. Gennady Burbulis, sau này trở thành một thành viên sáng giá trong chính phủ Yeltsin, đã đề cử Yeltsin nhưng ông ta từ chối. Aleksandr Obolensky, kỹ sư vùng Murmansk, quan tâm tới chức danh chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân đã tự đề cử. Các đại biểu tiến hành bỏ phiếu như Gorbachev mong muốn nhưng khoảng một phần ba bầu cho Obolensky. Mikhail Sergeevich mất cơ hội trở thành một chính trị gia dân chủ và ông nhắc lại việc mình nghiêng về quan điểm bầu cử cạnh tranh, tên của Obolensky được thêm vào danh sách ứng cử, khi đi đến quyết định, Gorbachev nhận được 95,6% phiếu bầu và chỉ có 87 phiếu chống. Theo dõi sát sao cuộc bỏ phiếu này, vị đại sứ Mỹ kết luận Mikhail Sergeevich là một tay chơi cờ kém.

Nếu ông để lộ quyết định sai lầm ở đây, ông chỉ là một người giỏi trong các cuộc đàm phán sau cánh gà ở Đại hội. Ông là người có khả năng thương lượng. Tuy vậy, khả năng này cũng không thể bảo vệ ông thoát khỏi sự chỉ trích của đồng sự. Trong nhiều ngày (Đại hội Đại biểu Nhân dân diễn ra từ 25/5 đến 9/6) ông trở thành tâm điểm của những chỉ trích mạnh mẽ từ

các đoàn đại biểu, nhiều người trong số họ là người cộng sản bảo thủ, còn dân chúng đặt dấu chấm hỏi đối với các chương trình chiếu trên truyền hình buổi tối và đầu giờ sáng. Những người cộng sản bảo thủ phản đối việc bầu Sakharov và các nhà cấp tiến cũng thể hiện quan điểm, sự phê bình của họ lại không bị tuyệt đối bác bỏ. Phe cấp tiến cho rằng họ không đủ thời gian. Mikhail Sergeevich bị rơi vào giữa hai làn đạn và chắc chắn sẽ mất những gì ông đã quyết định. Một đại biểu lên tiếng chất vấn có thật là ông có một biệt thự ở Crime xây bằng tiền nhà nước hay không. Nhiều người trong số họ cũng cho rằng Gorbachev không nên đồng thời vừa là Chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân vừa là Tổng Bí thư Đảng.

Một vấn đề nhạy cảm trong Đại hội Đại biểu Nhân dân là vấn đề dân tộc đang hết sức căng thẳng và phức tạp, liên quan đến vụ thảm sát đám biểu tình không trang bị vũ khí ở Tbilisi, Gruzia ngày 9/4/1989. Sakharov chỉ trích trách nhiệm thuộc về Quân đội Xô viết, do Tướng Igor Rodionov chỉ huy (Bộ trưởng Quốc phòng Nga từ tháng 7/1996 đến 5/1997). Vì sự kiện này, ông đã bị nhiều đại biểu chỉ trích, họ là những người coi tấn công vào quân đội như để chứng tỏ sức mạnh của mình. Những người khác muốn biết ai ở Moskva ra lệnh tấn công Tbilisi (lúc đó Gorbachev không có mặt). Gorbachev có trách nhiệm phải giải thích rõ vụ việc này. Tiếng tăm và uy tín của Gorbachev nổi lên rất cao vào cuối năm 1988. Trong một cuộc trưng cầu ý kiến về các chính trị gia hàng đầu, ông nhận được 55% sự ủng hộ, trong khi đó Yeltsin chỉ nhận được 4%. Tuy nhiên, tỷ lệ ủng hộ bắt đầu trượt giảm vào năm 1989 khi sự chỉ trích và phê bình ngày càng dội lên. Không ai có quyền chỉ trích hay phê bình Tổng Bí thư. Cho đến năm 1989, ông mới chứng tỏ là một nhà lãnh đạo mạnh mẽ tự tin, nhưng giờ đây ông lại thấy mình ở thế yếu.

Các cuộc bầu cử vào Xô viết Tối cao mới đã diễn ra trong Đại hội Đại biểu Nhân dân và được triệu tập khi Đại hội Đại biểu Nhân dân đề ra những quyết sách cuối cùng. Trong khi đại biểu Đại hội có thể kiêm nhiệm, thì các đại biểu Xô viết Tối cao phải là các chính trị gia chuyên nghiệp, tham dự

toàn bộ các cuộc họp của Xô viết Tối cao khoảng 40 tuần một năm. Do cơ chế của Đại hội, chắc chắn những người cấp tiến có thể hoàn thành nhiệm vụ suốt cả nhiệm kỳ. Nga được chấp nhận có 11 thành viên trong Cơ quan Xô viết về vấn đề dân tộc. Yeltsin là số 12 trong danh sách này. Đại hội phản đối số đại biểu lớn nhất ở Nga. Aleksei Kazanik, một luật sư từ vùng Omsk, thoát khỏi tình huống này là người thứ 11 và kế tiếp danh sách sau ông là Boris Nikolaevich, đã phát biểu ông không thể đối mặt với các cử tri nếu rút cuộc ông lại là người chịu trách nhiệm về việc loại bỏ Yeltsin. Gorbachev, là luật sư nhưng đã quên hầu hết kiến thức về luật, ông đã hỏi ý kiến luật sư Lukyanov và không tìm thấy điều gì trong sách luật để ngăn chặn việc này. Gorbachev đã chủ tọa các phiên họp đầu tiên của Xô viết Tối cao, nhưng sau đó do áp lực công việc, chức này được giao cho Anatoly Lukyanov, người mà ông bổ nhiệm vào vị trí phó chủ tịch.

Theo quy định của Hiến pháp, Thủ tướng Ryzhkov phải đệ trình danh sách đề cử của các bộ trưởng trước Xô viết Tối cao để được xác nhận. Các đại biểu có quyền thoái mái bác bỏ danh sách đề cử. Các bộ trưởng có tiếng tăm có thể bị tấn công bằng lời nói và bị gạt ra ngoài.

Chính phủ mới bày tỏ niềm tin là không có khủng hoảng trong tương lai. Nó là sự kết hợp các lợi ích kinh tế (tổ hợp công nghiệp-quốc phòng, nhiên liệu, năng lượng và nhóm vận động nông nghiệp), các nhà chức trách có đầu óc cải cách (như Valentin Pavlov, người sau này kế nhiệm chức thủ tướng trong chính quyền Gorbachev) cùng các nhà cải cách kinh tế (như Leonid Abalkin). Sự cân bằng quyền lực trong chính phủ thể hiện không có dấu hiệu tiến tới cải cách cấp tiến. Nó vẫn đang trong quá trình tìm kiếm nhằm cải thiện cơ chế kinh tế mà thôi. Khái niệm thị trường được hiểu là thị trường có kế hoạch và có điều tiết. Cải cách theo hướng sinh lợi, từng bước một. Trong một môi trường chính trị ổn định, cải cách như vậy là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, đất nước này đang đứng trước nguy cơ khủng hoảng hệ thống, trong đó các cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội có nguy cơ bùng phát cùng một lúc. Chính phủ không có khả năng ứng phó với tình

hình như vậy. Đã qua rồi thời mà chính phủ có thể làm mưa làm gió. Điều đó còn ảnh hưởng tới Đảng trên phạm vi rộng lớn hơn. Với tâm lý do dự, Đảng đẩy gánh nặng lên vai chính quyền mới, còn chính quyền mới lại đang trong giai đoạn điều chỉnh ban đầu.

Trong các cuộc bầu cử Đại hội, phe cấp tiến đảm nhiệm tốt vai trò và nhiệm vụ của mình ở Moskva, Leningrad, Sverdlovsk (nay là Ekaterinburg, quê hương của Yeltsin), vùng Cavcaz và các nước cộng hòa Baltic. Làm sao họ duy trì được cái đà này? Nhà lãnh đạo vẫn là Yeltsin. Ông không thuộc tầng lớp trí thức nhưng lại rất nổi tiếng ở Moskva.

Các nhà trí thức đã gạt bỏ nghi ngờ về khả năng cải cách của Boris Nikolaevich và bắt đầu lập ra một nhóm ủng hộ cải cách trong Đại hội Đại biểu Nhân dân. Là Bộ trưởng, Yeltsin được phân một căn hộ cao cấp tại Khách sạn Moskva, chỉ cách Quảng trường Đỏ một quãng ngắn. Phần lớn các đại biểu không phải là đại biểu Moskva đều ở đây. Nơi ở của Yeltsin tự nhiên trở thành nơi họp để thảo ra các kiến nghị và thảo luận các sách lược. Hầu hết họ là đảng viên cộng sản và trong tình trạng bị cấm thành lập phe phái. Liệu họ có lập ra một đảng đối lập với Đảng cầm quyền không? Không bao giờ, vì phản ứng thông thường của người Nga sẽ là: “Thêm một đảng nữa ư? Xin Chúa tha cho, một đảng còn chưa đủ hay sao?”

Ngày 19/7, Yeltsin thông báo với Xô viết Tối cao về việc thành lập một cơ quan điều phối nhằm tổ chức các nhóm đại biểu liên vùng và đại hội thành lập này diễn ra vào cuối tháng 7. Nhóm này tuyên bố mục đích hoạt động là đẩy mạnh *perestroika*. Vì là nhóm thiểu số, có thể nó sẽ trở thành nhóm chống đối và đề xuất định chế khác. Sự việc này cho thấy các đại biểu đã phá vỡ những quy định cấm họ chính thức thành lập phe đối lập. Nhóm ủng hộ *perestroika* công khai đầu tiên được thành lập.

Nhóm thiểu số này có sức nặng ra sao trong nền chính trị của Liên bang Xô viết? Họ đã thông qua những sách lược tạo nên thành công ở nhiều nơi khác – như hình thức biểu tình chẳng hạn. Họ tiến hành tổ chức các

cuộc biểu tình ở Moskva và nhiều nơi khác mà họ nắm được tâm tư, nguyện vọng của công chúng và cho phát trực tiếp trên truyền hình. Điều này đã phản bác lời phê phán của phe bảo thủ, rằng các đề nghị của phe cấp tiến ít được dân chúng ủng hộ. Các thành viên trong nhóm đại biểu Liên khu vực không coi mình thuộc phe chống đối Gorbachev, mà chỉ là một lực lượng trợ giúp ông đưa *perestroika* tiến xa hơn nữa. Khi tiếp đại sứ Mỹ, Yeltsin bày tỏ hài lòng với điều họ đã đạt được. Họ đã đi được khoảng một phần tư chặng đường cải cách. Ông không bình luận gièm pha Mikhail Sergeevich, nhưng lại có những lời nhận xét không mấy thiện chí về Raisa.⁵ Vị đại sứ này đánh giá Yeltsin là một người hết lòng ủng hộ Gorbachev, chứ hoàn toàn không có ý tranh chấp quyền lực với ông. Sự kình địch chính trị căng thẳng, ẩn chứa trong sự căm thù cá nhân sau này mới hé lộ.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG NỀN CHÍNH TRỊ

Bản chất cấp tiến của các yêu cầu tại Đại hội Đại biểu Nhân dân và Xô viết Tối cao cùng việc thành lập một số đảng phái và các phong trào đối lập đã làm thay đổi bức tranh chính trị. Lần đầu tiên Mikhail Sergeevich để tuốt khỏi tay sự chủ động. Tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 7/1989, ông thừa nhận còn nhiều người cho rằng điều cần thiết chỉ là truyền bá những chân lý già cỗi: chủ nghĩa xã hội, lợi ích của nhân dân, dân chủ, chủ trương công khai và Đảng – người khởi xướng các ý tưởng và là lực lượng tổ chức xã hội. Đảng và công cụ cưỡng ép – cảnh sát và quân đội – có thể vẫn nắm quyền nhưng *perestroika* từ bên dưới và chủ trương công khai đang dần phá vỡ tính hợp pháp của trật tự hiện hành. Gorbachev cảm nhận sâu sắc được sự suy giảm sức mạnh của Đảng. Làm thế nào để tiến hành chính sách *perestroika*, nếu không tiến hành dưới sự chỉ đạo của Đảng? Rõ ràng, quyền lực của cá nhân ông cũng giảm theo sự sút giảm sức mạnh của Đảng. Nikolai Ryzhkov cho rằng “mọi thứ ngày càng tồi tệ hơn, ông không còn sáng suốt và do vậy cũng mất đi sức mạnh và quyền lực ngay trên đất nước này”. Ông phải vật lộn đấu tranh với hệ thống mệnh lệnh hành chính và không thể giải quyết trọn vẹn các vấn đề phát sinh. Nội

bộ Đảng đang bị chia rẽ. Điều duy nhất níu chân ông là Đại hội Đại biểu Nhân dân, ở đây ông là người phát ngôn và cũng là người lãnh đạo chính quyền. Nền kinh tế kế hoạch đang tan rã nhưng chẳng có gì thay thế. Có tài thoát khỏi những tình huống khó khăn nguy hiểm, ông cũng cần phải giống Houdini, biết cách tránh cơn giông tố đang kéo đến.

Một thiếu sót cơ bản khi soạn thảo những sửa đổi Hiến pháp để phục vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân và Xô viết Tối cao vẫn chưa được nêu rõ. Đó là quên không thấy sự cần thiết phải phân biệt rõ giữa lập pháp và hành pháp, hay nói cách khác, là sự tách biệt các quyền lực. Người ta đã bỏ qua một điều là Đại hội Đại biểu Nhân dân có quyền ban bố các sắc lệnh cho cơ quan hành pháp, chính phủ, nếu hai phần ba đa số đồng thuận. Việc này gây ra hậu quả nghiêm trọng cho chính sách kinh tế, đặc biệt là cuộc chiến kiểm chế lạm phát. Nhược điểm nguy hại này cũng thể hiện trong Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga và vì cuộc xung đột giữa hành pháp và lập pháp không thể giải quyết được, đã dẫn đến một loạt sự kiện thảm khốc vào tháng 10/1993.

Trong một chừng mực nào đó, cái mác chủ nghĩa xã hội của Gorbachev đang trở thành cũ rích, có thể lượm lặt từ số người đặt mua những tờ báo nhà nước. Số lượng tờ *Pravda*, dưới quyền biên tập của Ivan Frolov, thân cận của Gorbachev, giảm từ 9,5 triệu xuống còn 6,5 triệu bản trong thời gian từ đầu năm 1989 và đầu năm 1990. Các cuộc tranh luận cấp tiến nhiều hơn trên tờ *Argumenty i Fakty* (Bình luận và Sự kiện), nổi tiếng nhờ những bài báo chân thực về tình hình thực tại Liên Xô, với số lượng bán khoảng 33 triệu bản tính đến đầu năm 1990. Một bước ngoặt vào năm 1988 khi Vladislav Starkov, chủ biên, đã thực hiện một cuộc phỏng vấn đại sứ Mỹ. Ông dám đặt một câu hỏi rất nhạy cảm: “Liệu những người Xô viết có đặt máy nghe trộm ở Đại sứ quán Mỹ?” “Có, các ông có đặt và tôi cũng có bằng chứng.” Đây là một phát giác gây chấn động độc giả Nga. Sự nhạy cảm của Gorbachev về sự việc này ngày càng rõ ràng vào tháng 10/1989, khi tờ *Argumenty i Fakty* tóm tắt kết quả thư độc giả. Điều này cho thấy các

đại biểu cấp tiến nhất trong Đại hội Đại biểu Nhân dân phần lớn là những người được yêu mến nhất. Trật tự từ trên xuống dưới là Andrei Sakharov, Gavriil Popov, Boris Yeltsin và Yury Afanasev. Starkov, Ivan Laptev – chủ biên tờ *Izvestia*, và bản thân Afanasev đã bị Gorbachev trách mắng nghiêm khắc ngày 13/10/1989 và bị kết tội phá hoại ngầm *perestroika*.

Ngày tiếp theo, Vadim Medvedev, người đảm nhận công việc điếm báo từ Yakolev, đòi Starkov từ chức và giao cho ông công việc biên tập tạp chí *World Marxist Review* (Chủ nghĩa Marx thế giới) ở Praha hay bản tin Xô viết Tối cao. Starkov đưa vấn đề ra trước ban lãnh đạo và họ đã ủng hộ ông với tỷ lệ 47 phiếu thuận và 2 phiếu chống. Xét theo kinh nghiệm đã qua, lẽ ra Gorbachev đã làm được điều mình muốn. Tuy nhiên, các nhà báo đang chiêm nghiệm xem chủ trương công khai đi đến đâu. Gorbachev liệu có chuyển sang sử dụng cách thức ở giai đoạn đầu *perestroika*: sa thải Starkov hay giữ ông này lại? Ông đã trở lại. Starkov phản ứng bằng cách lần đầu tiên đăng kết quả bầu cử về thứ tự các chính trị gia trong nước. Gorbachev nhận được 66% sự ủng hộ. Mikhail Sergeevich cho rằng mình đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Ông khiến Starkov, một nhân vật chủ trương ủng hộ *perestroika*, biến thành kẻ chống đối và vị tổng biên tập này không bao giờ tha thứ cho Mikhail Sergeevich vì đã ra sức loại ông ra chỉ do ông viết sự thật.⁶ Sau sự việc này, tổng biên tập ở các tờ báo khác đẩy mạnh chiến dịch công kích ngành luật pháp nhằm bảo vệ tự do báo chí. Sự kiện này dường như là một bước ngoặt đối với Mikhail Sergeevich và báo giới. Mỗi quan hệ thăm thiết này đã qua.

Các cuộc trưng cầu ý kiến ngày càng phát triển dưới thời *perestroika* và Trung tâm Nghiên cứu toàn Liên bang chuyên tiến hành nghiên cứu thăm dò dư luận về các vấn đề kinh tế – xã hội được thành lập vào năm 1988. Tatyana Zaslavskaya là giám đốc đầu tiên của trung tâm này. Người dân có thể nói lên quan điểm, ý kiến của mình và đây chính là chủ trương công khai từ bên dưới. Gorbachev tưởng rằng việc này sẽ mang lại tín hiệu tốt nhưng đến năm 1989, sự phản hồi sâu sắc lại chính là tâm trạng bi quan

về *perestroika*. Theo *Ogonek*, cuối năm 1989 chỉ có một trong tám người tin là *perestroika* sẽ cải thiện được mức sống của nhân dân trong tương lai gần. Hầu hết ba phần tư thì cho rằng *perestroika* sẽ chẳng cải thiện được gì nhiều. Các cuộc thăm dò dư luận phơi bày rõ sự phân hóa ngày một tăng trong xã hội Xô viết, đặc biệt là khoảng cách giữa người Nga và các dân tộc khác trong tương lai của Liên bang. Một trong những hậu quả nặng nề nhất của việc phát giác lịch sử thời đại Stalin là quyết định đưa ra năm 1988 nhằm tiêu hủy toàn bộ sách lịch sử hiện có. Các bài thi môn lịch sử bị bãi bỏ trong năm này. Nhiệm vụ bổ sung một số bí mật bị che giấu để có được một cách nhìn tổng thể về giai đoạn trước đã bắt đầu.⁷

Từng là một luật sư, Gorbachev đánh giá cao một nhà nước được điều hành bằng pháp luật (*Rechtsstaat*). Nhà nước này sẽ giúp các công chức có trách nhiệm hơn và đấu tranh hiệu quả với nạn tham nhũng. Ông tin cơ quan KGB có khả năng giám sát chuyển biến này vì Andropov đã cải tổ cơ cấu tổ chức cơ quan này rất hiệu quả. Một ủy ban đặc biệt thuộc Đại hội Đại biểu Nhân dân được lập ra để giám sát cơ quan KGB và giới quân sự. Việc các tổ chức này lạm dụng quyền lực đến đâu thể hiện rõ vào giữa năm 1988 khi Bộ Nội vụ (MVD), do Yury Vlasov đứng đầu, tự ý thành lập một đội chống bạo động đàn áp các cuộc biểu tình chính trị. Dự thảo luật hình sự mới xóa bỏ tội phạm đi đày trong nước và giảm các tội phạm có áp dụng bản án tử hình. Một loạt các điều luật răn đe được nêu ra trước cuộc họp Đại hội Đại biểu Nhân dân và Xô viết Tối cao mùa thu năm 1989. Hiến pháp cuối cùng quy định về tự do báo chí, tự do tín ngưỡng và các dự luật về các vấn đề kinh tế, như các hợp tác xã, các tổ chức liên doanh với nước ngoài, việc thành lập các ngân hàng thương mại mới.

CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ

Trước khi Gorbachev trở thành lãnh đạo, ông vô tình không nắm rõ thực trạng ngân sách nhà nước. Giống những người khác, ông tin ngân sách đang thặng dư. Nhưng sự thật lại không phải vậy. Vào giai đoạn cuối của

chính quyền Brezhnev, sự thâm hụt ngân sách được khắc phục bằng cách viện đến biện pháp in thêm tiền và sử dụng tiền tiết kiệm của nhân dân, tất nhiên không cho họ biết. Năm 1985, con số thâm hụt là 37 tỷ rúp. Năm 1986, con số này tăng lên 47,9 tỷ, năm 1987 là 57,1 tỷ; năm 1988 là 90,1 tỷ (chiếm 19,1% ngân sách) và năm 1989 là gần 100 tỷ (chiếm 19,5 %).⁸ Trên quy mô rộng, việc quản lý kinh tế như vậy cuối cùng được thừa nhận năm 1988. Tại sao lại xảy ra tình hình này? Nguồn thu ngân sách giảm bắt nguồn từ chiến dịch chống rượu mạnh, việc tụt giảm giá dầu trên thế giới và việc giảm sút các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu, các mặt hàng này bán lẻ với giá cao hơn. Chi tiêu ngân sách tăng vì phải tăng trợ cấp, đặc biệt là trợ cấp lương thực (giá nông phẩm tăng nhưng giá bán lẻ lại chỉ tăng năm 1991), những chi phí cao và phát sinh bất thường về việc đền bù giải quyết hậu quả của vụ Chernobyl và động đất ở Armenia tháng 12/1988, dự luật chi tiêu cho quân sự tiếp tục tăng. Nguồn cung cấp tiền tăng (tiền đưa vào lưu thông năm 1987 tăng 7,8%, vào năm 1988 là 13,6% và năm 1989 là 19,5%) tạo ra một thực tế hiển nhiên: tăng lạm phát, khan hiếm hàng hóa và mức sống giảm sút. Thâm hụt ngân sách là chuyện xảy ra như cơm bữa trong các nền kinh tế thị trường phát triển. Mọi vấn đề được giải quyết bằng vay mượn trên các thị trường tiền tệ. Moskva không còn sự lựa chọn nào vì nó không có kiểu thị trường tiền tệ như vậy.

Một bản thông báo do Otto Latsis và Egor Gaida soạn được chuyển tới Bộ Chính trị về vấn đề này vào cuối năm 1988. Bộ Chính trị đưa vấn đề này ra thảo luận vào tháng 12/1988 và lại tiếp tục thảo luận vào đầu năm 1989. Trong ngân sách năm 1989, chi phí văn hóa xã hội gồm khoa học và giáo dục, phúc lợi xã hội, an ninh và y tế đã bị cắt giảm. Tuy nhiên Đại hội Đại biểu Nhân dân phản đối mạnh mẽ sự cắt giảm này, họ cho rằng việc cắt giảm này không thể chấp nhận trong lúc mức sống giảm sút. Trong ngân sách năm 1990, các nhà kế hoạch đã tăng chi tiêu lên trên mức của năm 1988 để bù vào việc cắt giảm năm 1989. Điều này nhấn mạnh đến quyền lực mới của Hội đồng Nhân dân. Trên thực tế, Đại hội Đại biểu Nhân dân

phóng đại quá mức vấn đề tiền tệ và tài chính nhưng chỉ có một số ít đại biểu hiểu được vấn đề.

Một trong những đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân hiểu rõ đúng mức tình hình này và nêu lên cái giá về mặt xã hội của công cuộc cải cách là Nikolai Shmelev. Ông đề xuất một số biện pháp ngăn chặn thâm hụt ngân sách và dần dần áp dụng cơ chế thị trường. Phải trả giá cho cải cách là đương nhiên, một trong những hệ quả đó là nợ nước ngoài tăng. Ông là một nhà tiên tri nhưng Đại hội Đại biểu Nhân dân lại là mảnh đất hoang dã. Các đại biểu phản ứng kịch liệt trước các đề nghị của ông. Trong số đó Thủ tướng Nikolai Ryzhkov chỉ trích mạnh mẽ nhất. Tuy nhiên, ông nặng về chỉ trích mà không đưa ra được giải pháp thay thế nào. Đại hội Đại biểu Nhân dân đặt dấu ấn của mình trên mặt trận này. Cho đến nay, câu chuyện viễn tưởng này vẫn được nhắc đến, perestroika biến mọi người thành người chiến thắng. Lần đầu tiên, một quan điểm được đưa ra khá rõ ràng là phải có kẻ thua cuộc và tiến trình cải cách là đau đớn.

Luật Doanh nghiệp Nhà nước (có khoảng 46 nghìn xí nghiệp) đã trao quyền kiểm soát tài chính cho các xí nghiệp. Dưới sự kiểm soát của trung ương, mức lương tăng mạnh và người quản lý đã dồn hết tâm lực để tìm nguồn lương cho nhân công. Quỹ đầu tư cho xí nghiệp đều được kiểm soát gắt gao. Tình hình này càng trầm trọng do sự miễn cưỡng của giới lãnh đạo chấp nhận cải cách giá cả. Xí nghiệp tăng giá các mặt hàng, sử dụng một phần nguồn thu này trả lương cho nhân công và thậm chí còn để triển khai dự án xây dựng mới. Người ta tính toán là nhà nước lại phải cấp vốn tiếp cho dự án.

Theo tính toán của Egor Gaidar, trung ương phong tỏa 24 nghìn dự án đầu tư năm 1989, nhưng cùng thời gian đó, đã triển khai 146 nghìn dự án mới. Phải đảo ngược trật tự mong muốn, trung ương chỉ tập trung đầu tư vào các dự án khả thi. Không có cải cách giá cả cân bằng cung và cầu thì nền kinh tế thị trường không thể hình thành. Đồng thời, khả năng trung

ương can thiệp vào nền kinh tế giảm sút vì các cơ chế điều hành dần bị tháo gỡ. Nền kinh tế vẫn còn hoạt động trong năm 1988 và 1989, tựa như theo quán tính, nhưng con tàu kinh tế chạy tiếp là nhờ vào các bộ giám sát.

Công nhân nhanh chóng nắm bắt điểm cốt yếu của việc dân chủ hóa. Dân chủ hóa cho phép họ có quyền tổ chức, đình công và cải thiện địa vị trong bộ máy quản lý và nhà nước. Theo số liệu chính thức nền kinh tế Xô viết, năm 1989 mất 7,3 triệu ngày công do công nhân biểu tình – phần lớn tham gia các cuộc biểu tình là công nhân mỏ, và bạo loạn dân tộc ở vùng Gruzia, Armenia và Azerbaijan. Năm 1990, số ngày công bị mất tăng 2,5 lần. Các cuộc bãi công lớn đầu tiên dưới thời kỳ *perestroika* (có một cuộc tổng bãi công ở Armenia vào năm 1988 nhưng nó mang tính chính trị, phản đối tình hình ở Nagorno-Karabakh) là cuộc biểu tình của công nhân mỏ vào mùa hè năm 1989. Họ bắt đầu bằng các cuộc bãi công kinh tế, phản đối mức lương và mức sống thấp, điều kiện sống nghèo nàn, điều kiện sinh hoạt kém, thiếu các phương tiện chăm sóc sức khỏe và nhiều vấn đề khác. Những đòi hỏi của họ không được chính quyền địa phương hay bất cứ một tổ chức công đoàn nào đứng ra giải quyết. Chỉ có chính quyền trung ương mới có thể giải quyết cho họ.

Luật Xí nghiệp Quốc doanh cho phép các xí nghiệp điều chỉnh quỹ lương. Họ có quyền tự quản và tự hạch toán. Việc này khiến công nhân muốn nhận được nhiều lợi ích hơn. Do thiếu nhân công, xí nghiệp không thể thuê những người đình công để thay thế bằng các công nhân biết nhún nhường hơn. Cuộc đình công tháng 7/1989 đã tác động không nhỏ đến bốn hoặc năm vùng khai thác mỏ chủ yếu, liên quan đến 400 nghìn thợ mỏ và kéo dài trong hai tuần. Một tổ chức công đoàn độc lập Liên hiệp Công nhân mỏ độc lập đã lên tiếng, nhưng không giống như các tổ chức tiền nhiệm, tổ chức này không bị đàn áp thô bạo. Bắt đầu ở Kuzbass, miền Tây Seberia, sau đó lan rộng hơn. M. I. Shchadov, Bộ trưởng Công nghiệp Than đã đến thương lượng. Các thợ mỏ yêu cầu Gorbachev và Ryzhkov tham dự cuộc thương lượng này. Slyunkov được cử đến làm đại diện. Những người đình

công lúc đó đòi bổ sung những yêu sách về chính trị: chuyển giao quyền lực cho Xô viết, bầu cử các chủ tịch Xô viết Tối cao và các Xô viết địa phương trực tiếp và bầu kín, bỏ Điều 6 trong Hiến pháp bảo đảm Đảng là một tổ chức quyền lực tối cao duy nhất, bãi bỏ các đặc quyền của các quan chức và soạn thảo một hiến pháp Liên bang mới.

Họ cũng yêu cầu mỗi khu mỏ là một pháp nhân kinh tế tự do và được phép bán sản phẩm của mình ra thị trường. Chính phủ chấp nhận ký vào thỏa ước dài gần 400 đoạn mục. Việc Ryzhkov ký vào thỏa ước được truyền hình trực tiếp vì thợ mỏ không tin chính quyền giữ lời. Việc này khiến Ryzhkov nghĩ đến sự sa sút thảm hại quyền lực của Đảng. Ông lo ngại điều này không thể đảo ngược. Tranh cãi vấn đề này, ông đề xuất Ban Bí thư và Bộ Chính trị cần được cải cách và phần công việc của Gorbachev nên giao bớt cho người khác, vì như vậy Gorbachev mới có thể tập trung vào việc tái cơ cấu Đảng. Những người thợ mỏ cho biết chính quyền đã suy yếu và không có tác dụng. Các cuộc đình công lại là hợp pháp theo quy định của luật mới ban hành ngày 9/10/1989. Tình hình này không xảy ra trong các ngành công nghiệp dịch vụ, đường sắt, vận tải, viễn thông, năng lượng và quốc phòng. Nhưng luật này được áp dụng đến đâu? Một khó khăn mới đối với chính quyền là niềm tin ngây thơ của công nhân vào việc họ sẽ được lợi khi chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường.

Vấn đề chính đối với giới lãnh đạo là làm sao tận dụng hiệu quả nhân tố con người. Năm 1987, Gavriil Popov, đồng chủ tịch nhóm đại biểu nhân dân liên khu vực và sau này là thị trưởng Moskva, đã nói rõ là “tính tiên phong chính trị của một số người đi liền với tính thụ động của những kẻ lạc hậu” và ông chỉ trích những kẻ chỉ biết ăn sẵn, đợi người khác thực hiện *perestroika*. Ông cũng lập luận chống lại *perestroika* không hàm ý là sự trợ cấp. Nhà tâm lý học Igor Kon đã nêu ra vấn đề trì trệ trong xã hội. Ông coi nhiệm vụ hàng đầu là loại bỏ hình ảnh nổi bật, lý tưởng hóa một vĩ nhân mới của Xô viết và tập trung giải quyết trì trệ trong xã hội. Ông cho rằng nguyên nhân của hiện tượng này chính trong bản chất chống cá nhân hóa

trong đời sống công chúng Xô viết và không đề cao cá nhân. Hiện tượng như vậy thường kèm với các cảm giác về sự bất lực của cá nhân và mặc cảm trước xã hội, chính những nhân tố này làm cho tính cách con người trở thành thụ động. Thụ động, tầm thường và chán ngán là những từ khắc họa cho chính quyền Xô viết, để trả giá cho sáng kiến và xí nghiệp, chất lượng là những thứ cần phải có trong *perestroika*.

Kon phê phán hệ thống giáo dục Xô viết, nền giáo dục chỉ tập trung vào việc truyền đạt thông tin thụ động cho sinh viên. Ông coi vấn đề chủ chốt của *perestroika* là làm sao để người ta phải cảm thấy mình có trách nhiệm xã hội. Cách duy nhất để thúc đẩy vấn đề này là tăng cường dân chủ và tự quản. Ông nhận thấy bốn hội chứng: hội chứng tuổi thanh niên (thanh niên thể hiện sự tối đa luận và không khoan dung cũng thấy có ở người trưởng thành), triệu chứng độc đoán, hội chứng đổ kỵ và hiện tượng học thụ động. Một nhà tâm lý học khác, A. I. Kitov, tìm ra bốn nguyên nhân khiến người ta phản đối *perestroika*: tư duy trì trệ, chủ nghĩa giáo điều, bảo thủ và tư duy phòng thủ. Người dân thường đơn giản đổ hết mọi tội lỗi lên đầu Gorbachev. Họ còn sáng tác một bài hát ngắn có nội dung như sau:

Giá xúc xích tăng gấp đôi

Biết mua vodka nơi nào?

Chỉ còn cách ngồi ở nhà

Xem Gorby ề à phát biểu.

Một lời bình luận cay độc khác là “Bạn dịch *perestroika* sang tiếng Anh thế nào?” “Quá dễ. Khoa học viễn tưởng!” Trong một bộ phim hoạt hình chiếu cảnh một giám đốc xí nghiệp đọc bức điện gửi về Moskva: “Chúng tôi đã triển khai rất thành công *perestroika*. Hãy chờ hướng dẫn tiếp.”

CÁC DÂN TỘC

Cuộc xung đột đẫm máu nhất diễn ra dưới thời kỳ *perestroika* là ở miền nam Cavcaz và liên quan đến tín đồ Thiên Chúa giáo vùng Armenia và tín đồ Hồi giáo Azerbaijan. Nó kéo dài trong nhiều năm mà không có cách giải quyết. Armenia cho rằng Nagorno-Karabakh là một bộ phận lãnh thổ của mình bị biến thành của Azerbaijan dưới thời Stalin năm 1923. Một vùng đệm khác, Nakhichevan, cũng bị biến thành lãnh thổ của Azerbaijan. Qua nhiều năm, ở Nakhichevan đa phần là người Azeris sinh sống. Đến những năm 1980, ở vùng Nagorno-Karabakh, 85% cư dân ở đây là người Armenia. Vùng này bị tách khỏi Armenia bằng một dải lãnh thổ nhỏ. Nhiều năm trôi qua, Armenia khiếu nại lên Moskva về tình hình này nhưng không được trả lời. Chủ trương công khai cho phép người dân Armenia có cơ hội bày tỏ khát vọng của mình và suốt mùa đông năm 1987-1988, nhiều cuộc biểu tình lớn được tổ chức ở Armenia và Nagorno-Karabakh đòi trả lại Nagorno-Karabakh cho Armenia.

Người dân Armenia ở Nagorno-Karabakh cử nhiều đoàn đại biểu tới Moskva ba lần trong suốt mùa đông để bày tỏ nguyện vọng của mình. Không may cho Gorbachev, họ lại có ấn tượng là đòi hỏi của họ được chấp nhận. Sở dĩ có sự hiểu lầm này là do lỗi của Abel Aganbegyan, một người Armenia và là nhà cải cách kinh tế hàng đầu ở Moskva. Tháng 2/1988, Xô viết vùng Nagorno-Karabakh bỏ phiếu về yêu cầu sáp nhập vào Armenia. Xô viết Tối cao ở Moskva phản đối cuộc bỏ phiếu này và các đảng cộng sản ở Azerbaijan và Armenia được chỉ thị lập lại trật tự ở đây. Bộ Chính trị cử Ligachev và Razumovsky tới Baku, còn Yakovlev và Dolgikh tới Erevan làm sáng tỏ vấn đề. Người Armenia không chịu từ bỏ đề nghị của họ nhưng lại có cảm tưởng rằng Gorbachev nghiêng về phía Azerbaijan hơn. Người Azeris tin ông sẽ đứng về phía họ. Các cuộc biểu tình vẫn tiếp tục diễn ra ở Nagorno-Karabakh và Armenia, Moskva không lường hết mức độ nghiêm trọng của tình hình này.

Khi lời đồn đại lan rộng rằng người Azeris bị người Armenia giết hại, người Azeris đã tấn công người Armenia tại thị trấn Sumgait của người

Azerbaijan ngày 27/2. Khi vụ bạo động được dẹp yên, có 26 người Armenia và sáu người Azeris thiệt mạng. Lo ngại sẽ có nhiều cuộc tấn công nữa, người Armenia ở Azerbaijan bắt đầu rời đi và dẫn tới việc chính quyền Armenia phải áp dụng hành động cụ thể buộc người Azeris trở lại Azerbaijan. Các nhà lãnh đạo Đảng ở hai nước cộng hòa này bị thay vào ngày 21/5 và Moskva không nhận sai lầm là đã bổ nhiệm người Nga để đảm nhiệm chức vụ này ở đây. Người được lựa chọn là Abdulrahman Vezirov ở Azerbaijan, và Suren Arutyunyan (Harutiunian tiếng Armenia) ở Armenia, là những người đứng ngoài không có mối liên hệ trực tiếp nào với các tổ chức Đảng trong hai nước cộng hòa này. Gorbachev bắt đầu nhìn nhận cuộc xung đột này như một quả mìn nổ chậm khi thực hiện perestroika. Trong cuộc họp Bộ Chính trị vào tháng 6/1988, ông phát biểu rằng "một số người ở chức vụ cao trong hai nước cộng hòa này đang thổi bùng lên ngọn lửa và châm ngòi cho bạo lực".⁹

Ngày 15/6/1988, Xô viết Tối cao Armenia bỏ phiếu về việc sáp nhập Nagorno-Karabakh. Tháng 7/1988, sân bay ở Erevan bị phong tỏa, Xô viết vùng Nagorno-Karabakh thông qua một nghị quyết nữa là rút quân đội khỏi Azerbaijan, và ở Baku, Xô viết Tối cao tuyên bố nghị quyết này không có hiệu lực. Bộ Chính trị đã tư vấn cho Gorbachev ra sao? Gromyko, khi gặp vấn đề như vậy, lúc nào cũng chỉ kiến nghị mỗi một điều: "Quân đội phải giám sát các đường phố và trật tự phải được lập lại ngay lập tức." Yakovlev đề nghị đặt Nagorno-Karabakh dưới sự kiểm soát của Moskva. Shevardnadze cho rằng nên công nhận Nagorno-Karabakh là một nước cộng hòa tự trị. Ligachev phản đối và cho rằng "Chúng ta phải cho quân đội tiến vào khu vực này, dỡ bỏ các nhà máy, giải tán các tổ chức Đảng và ủy ban điều hành Xô viết và lập lại trật tự ở đây". Không còn nghi ngờ gì, Gorbachev rất lúng túng trước nhiều ý kiến nêu ra. Vấn đề này đã gây chia rẽ sâu sắc trong Bộ Chính trị. Điều quan trọng là một số ủy viên cấp cao của Bộ Chính trị vẫn ủng hộ chủ trương sử dụng vũ lực, bất chấp việc Gorbachev lặp đi lặp lại rất nhiều lần rằng vũ lực không phải là cách duy nhất để giải quyết các vấn đề nội bộ.

Một ủy ban đặc biệt được lập ra trong khuôn khổ Xô viết các dân tộc ở Moskva và ủy ban này nhận sự chỉ đạo trực tiếp từ trung ương. Tháng 7, Arkady Volsky được cử đến Nagorno-Karabakh như một đặc phái viên nhưng ông cũng không làm nên điều thần kỳ. Tháng 12, Gorbachev gặp gỡ các đại biểu từ Azerbaijan và Armenia. Ông nói thẳng với họ sự thật: “Chúng ta đang ở bên bờ vực thảm họa.”

Tháng 12/1988, với lời chúc tốt đẹp của Moskva, Andrei Sakharov và vợ, Elena Bonner, đã lên đường tới Erevan – thủ đô của Armenia, Baku – thủ đô của Azerbaijan và Stepanaker – Thủ phủ của Nagorno Karabakh để làm trung gian hòa giải. Họ không thể tìm ra tiếng nói chung và đã kết luận lơ mơ rằng quan điểm của hai bên còn quá xa nhau. Sau đó, một trận động đất lớn đã tàn phá Armenia. Giải pháp về trao quyền tự trị cho Nagorno-Karabakh và Nakhichevan hầu như đạt được nhưng người Armenia đã vô hiệu hóa nó. Phong trào dân tộc Armenia đang lên muốn tách Nagorno-Karabakh và Erevan lại bỏ phiếu sáp nhập vùng đất. Nếu họ có thêm thời gian, các nhà lãnh đạo Đảng có thể tìm ra giải pháp. Vì Gorbachev không có ý định sử dụng vũ lực, các nhà dân tộc Armenia lại càng được khuyến khích đẩy mạnh việc thôn tính vùng đất này. Gorbachev thấu hiểu căn nguyên vấn đề dân tộc đang nổi lên ở Trung Á, các nước vùng Baltic, Ukraine và Moldova. Ông không thể ủng hộ bất cứ sự thay đổi nào liên quan đến vùng lãnh thổ. Nếu Armenia hay Azerbaijan bắt đầu yêu sách đòi quyền độc lập khỏi Liên bang Xô viết, đây sẽ là vấn đề thúc bách Moskva tìm ra một giải pháp thích hợp. Thái độ của Moskva về vấn đề này bị coi là thụ động tai hại.

Nếu miền Nam Cavcaz không nghĩ đến ly khai thì vấn đề này nổi lên ở Estonia, Latvia và Lithuania. Quan điểm chính thức của Xô viết là các quốc gia vùng Baltic tự nguyện gia nhập Liên bang và lại một lần nữa, Moskva đang tự lừa gạt mình. Chính phủ các nước phương Tây không bao giờ chấp nhận tính hợp pháp của việc gia nhập Liên bang và điều này càng nuôi hy vọng cho những người theo tư tưởng dân tộc ở những nước này, một ngày

nào đó họ có thể đòi lại vùng lãnh thổ của mình. Ngày 23/8/1987, kỷ niệm lần thứ 48 Hiệp ước Molotov-Ribbentrop, theo hiệp ước này các nước vùng Baltic gia nhập Liên bang với Moskva, những người Estonia, Latvia và Lithuania quyết định thăm định lại chủ trương công khai bằng cách tổ chức các cuộc biểu tình phản đối hiệp ước. Chính quyền địa phương đã không can thiệp. Sự phẫn nộ của dân chúng thể hiện mạnh mẽ nhất ở Estonia, nơi người ta e ngại người Nga có thể nhanh chóng chiếm đại đa số. Vào tháng 1/1988, chương trình thành lập một đảng độc lập được đưa ra ở Tallinn. Chương trình này chủ trương hồi phục tiếng Estonia thành ngôn ngữ chính thay cho tiếng Nga và người Estonia cần phải nắm các vị trí quan trọng trong bộ máy chính quyền. Các vấn đề môi trường phải được giải quyết. Kinh tế thị trường sẽ thay thế nền kinh tế kế hoạch và sứ mạng ngoại giao của Estonia ở nước ngoài sẽ được tái thiết lập. Độc lập được coi là mục đích tối quan trọng chứ không phải là mục tiêu trước mắt.

Vì các tổ chức chính trị không thể tự gọi mình là Đảng, vì sẽ bị coi là Đảng đối lập với Đảng Cộng sản, người ta quyết định thành lập các mặt trận nhân dân. Rất khôn khéo, các tổ chức này lúc đầu được coi là phong trào ủng hộ *perestroika*. Việc này tạo ra ấn tượng họ đang ủng hộ Mikhail Sergeevich. Estonia đi đầu trong phong trào này và vào tháng 4/1988, một mặt trận nhân dân ủng hộ *perestroika* được thành lập. Vào tháng 6, ở Lithuania, Sajudis (có nghĩa là phong trào) được thành lập. Sau đó Latvia cũng theo hướng này. Các đại hội thành lập được tổ chức và đến tháng 10, tất cả các tổ chức đã thông qua các chương trình giống với chương trình của phong trào ở Estonia, lập ra một đảng độc lập, rất nhiều thành viên trong Đảng Cộng sản tham gia các mặt trận nhân dân.

Sự bất lực của các quan chức Đảng trước làn sóng chủ nghĩa dân tộc dâng cao thể hiện ngay trong nội bộ Đảng Cộng sản Lithuania. Ringaudas Songaila, được bầu làm lãnh đạo Đảng tháng 10/1987, không có một bài phát biểu nào trước công chúng cho đến mùa xuân năm 1988. Nhiệm vụ này được trao cho Bí thư Ban Chấp hành Trung ương phụ trách tư tưởng,

Lionginas Sepetys. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn thẳng thắn trên tờ *Moskovskie novosti*, ra ngày 24/4/1988, ông cho rằng “vấn đề dân tộc đã được giải quyết trên nguyên tắc, thực tế vấn đề này đã được giải quyết rồi”. Bằng việc che giấu sự thật, hệ thống Xô viết đã nuôi dưỡng tư tưởng cực đoan trong các thành phần theo chủ nghĩa dân tộc. Quan trọng hơn, ông còn cho rằng “tự hào dân tộc” là một trong những khía cạnh chính yếu nhất của thế giới quan. Vài tháng sau, ông phát biểu rằng Lithuania nổi lên là một vấn đề căng thẳng.

Vấn đề chính đối với giới lãnh đạo Đảng ở Lithuania là thiếu các chỉ thị cứng rắn của Moskva. Lá thư của Nina Andreeva khiến người ta tin là Moskva đã ra lệnh, như sau này có bài công kích bức thư đã gieo rắc sự rắc rối và xích mích. Bất chấp sự công kích Andreeva trên tờ *Pravda* ngày 5/4, một bài phản bác xuất hiện ngày 14/4 viết rằng hàng chục nghìn người Lithuania phải ra đi dưới thời Stalin và họ xứng đáng nhận lại những gì thuộc về họ. Ngày 20/4, một triết gia vốn không liên quan tới bất kỳ tổ chức dân tộc nào đã tố cáo sự xuyên tạc lịch sử này và nhấn mạnh Lithuania là bức tường thành của chủ nghĩa Stalin trong vùng Baltic. Như đổ thêm dầu vào lửa, tờ báo Đảng Tiesa đăng một bài nữa ngày 30/4 nhằm bảo vệ những người ra đi này. Các nhà quan sát coi những sự kiện này như một bước ngoặt ở Lithuania. Khi danh sách các đại biểu tham dự Hội nghị Đảng lần thứ 19 được công bố, vào ngày 28/5, nó vấp phải sự giễu cợt. Đơn giản vì danh sách này gồm toàn những người làm thuê hay bảo vệ già cả. Sự việc này càng thôi thúc đẩy mạnh phong trào ủng hộ *perestroika* ở Lithuania, Sajudis. Các nhà lãnh đạo phong trào thể hiện sự ủng hộ của họ đối với Gorbachev, còn vị Tổng Bí thư này cảm thấy rất hài lòng. Cũng có phàn nàn rằng phong trào này được coi là sáng kiến của tổ chức KGB với ý định nắm quyền kiểm soát phong trào những người theo tư tưởng dân tộc. Tuy vậy, lãnh đạo KGB ở Lithuania sau này than vãn: “Dù chúng tôi đã cài nhiều người vào cơ cấu của phong trào này, nhưng chúng tôi đã bỏ lỡ cơ hội ngay khi phong trào mới bắt đầu hình thành”. Phong trào tập hợp được 20 nghìn người tiến đưa các đại biểu đại diện cho Đảng vào ngày 24/6 và 100

ng nghìn người chào đón họ trở lại ngày 9/7. Lại một lần nữa, cờ và quốc ca của một nhà nước độc lập được treo lên và hát vang.

Chuyến thăm Vilnius của Aleksandr Yakovlev từ ngày 11 đến ngày 14/8/1988 là một bước ngoặt. Ông dành phần lớn thời gian bàn bạc với những người đại diện phong trào Sajudis và công khai đối đầu với Nikolai Mitkin, Bí thư thứ hai Đảng Lithuania về các động thái của Lithuania và Moskva. Mitkin tiết lộ ông không kiểm soát được tình hình bằng cách đổ lỗi cho Yakovlev là Sajudis cảm thông với những tình cảm bày tỏ trên tờ *Moskovskie novosti*. Yakovlev công khai tuyên bố là Đảng nên chấp nhận phong trào Sajudis. Ông còn khẳng định rằng “*perestroika* mở đầu với sự bùng nổ của tầng lớp trí thức và giới trí thức đã biểu lộ ý thức của nhân dân”. Điều Yakovlev nói đã làm cho phong trào Sajudis sừng sốt. Ông vẫn cho rằng Lenin xác định chính sách quốc phòng và ngoại giao là mối quan tâm duy nhất và hàng đầu, chính quyền trung ương phải nắm quyền chỉ đạo hai lĩnh vực này.

Ligachev phụ trách các công việc của Bộ Chính trị khi Gorbachev đi nghỉ ở Crime. Đầu tháng 9, ông giật mình khi đọc một báo cáo của Yakovlev về tình hình Lithuania. Yakovlev nhận định và đánh giá hoàn toàn khác: “Chẳng có gì nghiêm trọng đang diễn ra. Đó chỉ là quá trình bình thường của *perestroika* mà thôi.” Tại một cuộc họp đặc biệt của Bộ Chính trị, Yakovlev nhắc lại quan điểm này. Có rất nhiều vấn đề phức tạp, nhưng chủ yếu nảy sinh do trung ương ban hành nhiều chỉ thị đến nỗi “có nguy cơ hủy hoại nước cộng hòa này”. Tuy nhiên, “người Nga đang đổ xô về đây” và dẫn tới nhiều “đụng độ”. Ông đề nghị giải quyết dứt điểm tình trạng nhập cư, vì “tình hình ở Lithuania” không mấy “nghiêm trọng”. Nước cộng hòa này sẽ giải quyết được những vấn đề của mình trong “quá trình thực hiện *perestroika*”. Ligachev rất tức giận trước phát biểu của Yakovlev. “Một cuộc phân tích xã hội và dựa trên cơ sở giai cấp các diễn biến ở Lithuania được thay thế bằng một cuộc phân tích kín có chủ định”. Ông và những người bảo thủ trong Bộ Chính trị nghĩ rằng Yakovlev lẽ ra tới Lithuania

giống như Diêm vương và bóp nghẹt phong trào Sajudis ngay từ giai đoạn trứng nước. Chỉ có làm như vậy vấn đề Lithuania mới được giải quyết triệt để.

Song, Yakovlev nói rõ với nhân dân Lithuania rằng không thể phục hồi các sứ mệnh ngoại giao với bên ngoài. Đây là điểm khó chấp nhận. Thái độ dửng dưng của ông khiến nhiều người tin Gorbachev có cùng quan điểm về tương lai cho vùng này. Khi Gorbachev trở lại Moskva, Yakovlev giải bày với ông cách tốt nhất là nên công nhận quyền tự trị của nước cộng hòa này trong khuôn khổ Liên bang Xô viết. Gorbachev và các thành viên khác trong Bộ Chính trị gạt phắt ngay ý định đó.

Gorbachev không cảm nhận được cơn bão đang tới và tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 9/1988, vấn đề dân tộc được chính quyền coi là vấn đề quan trọng thứ yếu trong hàng loạt các vấn đề họ đang phải đối mặt. Tháng 5/1992, khi được hỏi vấn đề làm cho ông ngạc nhiên và mất nhiều công sức nhất, ông cho biết chính là vấn đề dân tộc. Ông chỉ thừa nhận sự nghiêm trọng của vấn đề này vào mùa thu năm 1990, khi các nước cộng hòa không chịu đóng thuế. Cùng chung quan điểm với nhiều người Nga khác, ông cho rằng vấn đề dân tộc đã được giải quyết. Tháng 9/1992, khi tranh luận với các học giả Xô viết, Arkady Volsky đã đưa ra bằng chứng di truyền học về sự tồn tại một con người mới người đàn ông Xô viết và người phụ nữ Xô viết.

Tháng 12/1988, Yakovlev thừa nhận: “Chúng ta thật sự có rắc rối với vấn đề dân tộc.” Moskva coi các dân tộc này đang tồn tại trong các nước cộng hòa và Moskva là người kiến tạo hòa bình mà không nhìn nhận vấn đề này đang lan rộng thành một hiện tượng ở khắp các nước cộng hòa; do vậy, nó là mâu thuẫn tiềm tàng giữa nước cộng hòa và trung ương. Khi trung ương cho rằng người Lithuania đang đẩy mạnh xung đột giữa các dân tộc vào năm 1989, có nghĩa trung ương khuyến khích các dân tộc khác, người Nga và các dân tộc khác ở vùng Bắc bán cầu đứng dậy đấu tranh cho mình,

oán trách hành vi và tham vọng của người Lithuania. Cơ quan KGB đóng vai trò chủ đạo. Các nước cộng hòa đã thành lập mặt trận nhân dân và các mặt trận này ngày càng vượt khỏi tầm kiểm soát trong quan hệ của họ với trung ương.

Người dân vùng Baltic học được tác động mạnh mẽ của các cuộc biểu tình phản đối từ người Nga dân chủ. Biểu tình trở thành một cách sống và có tác dụng thúc đẩy triệt để dư luận quần chúng. Các cuộc biểu tình ngày 23/8/1988, kỷ niệm ngày ký Hiệp ước Molotov Ribbentrop, là sự kiện chính thu hút 150 nghìn người tham gia ở Vilnius và hàng nghìn người ở Riga và Tallinn. Điểm chính đề cập đến nghị định thư mật có nội dung trao Lithuania cho Liên bang Xô viết. Chỉ một vài người bảo thủ trong Đảng vẫn cho đây là chuyện hoang đường.

Gorbachev lâm vào tình thế khó xử trước những diễn biến tại các nước vùng Baltic. Ông vui mừng trước sự ủng hộ *perestroika*, nhưng chủ nghĩa dân tộc lại là vật cản chủ trương này. Ông hoảng sợ thấy đạn dược được cung cấp cho Ligachev và những người bảo thủ đòi đàn áp thẳng tay. Trong thời gian từ tháng 6-10/1988, tất cả ba vị lãnh đạo Đảng tại ba nước cộng hòa này đều đã bị thay thế bằng các nhân vật có khả năng đối phó với phong trào dân tộc bắt đầu phát triển nhanh. Nhiệm vụ của họ là tiếp nhận vai trò lãnh đạo phong trào cải cách trong các nước cộng hòa. Đảng Lithuania lựa chọn Algirdas Brazauskas. Gorbachev không hề hay biết việc bổ nhiệm này. Vào lúc đó Đảng Lithuania tiến hành các hoạt động của mình tại Lithuania và cờ ba màu của Lithuania bay phấp phới trên tòa tháp Gediminas ở Vilnius. Brazauskas tham gia Đại hội thành lập của Sajudis từ ngày 22-24/10 và nhận lời chúc mừng nồng ấm từ Gorbachev. Brazauskas biến mình thành một trong những nhân vật nổi tiếng nhất tại Đại hội khi tuyên bố trao lại Nhà thờ lớn Vilnius cho Nhà thờ đạo Thiên Chúa giáo La Mã. Ông ra lệnh thả tù chính trị và công khai đứng về phía các nhà lãnh đạo Sajudis.

Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 9/1988 chứng kiến Gorbachev trở thành Tổng thống, Kryuchkov thay Chebrikov làm lãnh đạo cơ quan KGB, Boris Pugo trở thành lãnh đạo ủy ban Kiểm tra Đảng, Ligachev chuyển từ phụ trách về tư tưởng sang phụ trách vấn đề đất đai và Yakovlev chuyển từ công tác tư tưởng sang công tác quốc tế. Vadim Medvedev nắm chức vụ chuyên trách về tư tưởng. Sự thay đổi này xem như phần nào nắm bắt được tình hình ở Baltic. Lithuania mất một đồng sự ở trung ương. Yakovlev không muốn chuyển sang chuyên trách các vấn đề quốc tế và đề cử Chernyaev nếu Gorbachev có ý định tăng thêm vây cánh cho mình bằng cách bổ nhiệm những người ủng hộ *perestroika*. Chernyaev ngây thơ cho rằng bất đồng cá nhân không ảnh hưởng tới Mikhail Sergeevich. Ông chỉ thay những người không còn vai trò tích cực trong bộ máy cải cách. Yakovlev cần điều chỉnh thái độ bảo thủ của mình. Trong một cuộc phỏng vấn, ông chỉ trích người dân Baltic theo đuổi quá nhiều ý tưởng không thể thực hiện được. Ông nhấn mạnh với các nhà lãnh đạo Sajudis rằng họ phải vừa là người biểu diễn vừa là nhạc trưởng điều khiển khán giả theo ý mình. Cá nhân Yakovlev không ủng hộ quan điểm này, nhưng ông cảm thấy cần phải bảo vệ hậu phương của mình chống lại phe bảo thủ. Ngày 28/9, quân đội từ Minsk đã dẹp tan cuộc nổi loạn của Liên minh Tự do, do Vytautas Landsbergis lãnh đạo. Chính sự kiện này làm Liên minh Tự do và phong trào Sajudis xích lại gần nhau hơn.

Bằng chứng cho thấy Gorbachev đang suy nghĩ giao bớt quyền của trung ương cho địa phương rõ ràng nhất là tại Hội nghị Đảng lần thứ 19, ông đưa ra các sửa đổi dự thảo đối với Hiến pháp Xô viết được Đại hội Đại biểu Nhân dân thông qua và ban hành vào tháng 10. Người dân Baltic cảm thấy thất vọng khi Xô viết Tối cao Liên bang Xô viết lại có quyền quyết định những vấn đề như vậy. Người ta cũng có quyền tuyên bố hiến pháp để ban bố trong các nước cộng hòa mà mâu thuẫn với luật Xô viết là không có hiệu lực. Thay vì làm dịu tình hình, luật dự thảo giống hình ảnh người ta giương một tấm vải đỏ trước mặt một chú bò tót vùng Baltic. Tất nhiên, các mặt trận nhân dân lên án việc này và hàng triệu người đã ký tên phản đối.

Cú giáng mạnh vào Gorbachev là ba cơ quan Xô viết Tối cao ở ba nước cộng hòa, Đại hội Đại biểu Nhân dân cũng lên tiếng chỉ trích những cố gắng nhằm vô hiệu hóa quyền lực các nước cộng hòa, được quy định trong Hiến pháp, là quyền ly khai. Động thái đáng báo động này hé lộ đa số những người cộng sản đã hòa theo những người có tư tưởng dân tộc ngay khi các Đại hội Đại biểu Nhân dân được bầu vào những ngày trước khi có chủ trương *perestroika*.

Moskva cử các quan chức cao cấp tới các quốc gia vùng Baltic trong thời gian từ 11-14/11/1988. Khi đến Vilnius vào ngày 11/11, Nikolai Slyunkov thể hiện mình hoàn toàn khác hẳn với hình ảnh của Yakovlev. Ông cố che mắt Lithuania bằng cách khẳng định rằng những thay đổi trong hiến pháp sẽ mở rộng quyền cho các nước cộng hòa. Ông cũng làm người Lithuania nổi giận khi nhấn mạnh nước cộng hòa này là một vùng một lãnh thổ thuộc Liên bang. Brazauskas quyết định phản đối sửa đổi hiến pháp, vì nó không đáp ứng quyền cơ bản trong luật pháp Lithuania. Mặc dù vậy, Đại hội Đại biểu Nhân dân vẫn thông qua hiến pháp sửa đổi này.

Ngày 16/11, Xô viết Tối cao Estonia đi một bước xa hơn, đưa ra một bản tuyên bố về chủ quyền là luật Xô viết nào trái với luật của Estonia đều bị bãi bỏ. Gorbachev phải đích thân can thiệp và triệu tập Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên bang Xô viết ra tuyên bố: bác bỏ lời tuyên bố của Estonia. Trong một giờ đối thoại, Gorbachev công khai chỉ trích các đại biểu nhân dân vùng Baltic về tình trạng rối loạn trong các nước cộng hòa. Ông đi một bước nữa và tập trung chỉ trích quyền sở hữu tư nhân, quyền lợi sát sườn của người dân Estonia. Ông phát biểu rằng “quyền tư hữu... là cơ sở của bóc lột giữa con người với con người và cuộc cách mạng của chúng ta hoàn thành nhằm phá bỏ quyền đó và chuyển sang hình thức sở hữu nhân dân”. “Mưu đồ phục hồi quyền tư hữu” là “thoái hoá” và là một “lỗi lầm rất nghiêm trọng”. Đây không phải là giọng điệu của một con người từng giương cao khẩu hiệu kinh tế thị trường. Các nước cộng hòa khác cũng phản đối dự thảo sửa đổi hiến pháp và việc sửa đổi này đã bị hoãn lại. Giải

quyết không có hiệu quả vấn đề sửa đổi hiến pháp khiến số phiếu phe đối lập trong cuộc bầu cử Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc vào tháng 3/1989 tăng đáng kể. Ông cho rằng những sửa đổi này là bước đầu của cải cách nhưng người dân Baltic lại nhận thức những sửa đổi đó là tiếng nói cuối cùng. Họ không nghe phân trần.

Các cuộc bầu cử vào Đại hội Đại biểu Nhân dân cho phép mặt trận nhân dân ở các nước cộng hòa chính thức ra tuyên ngôn bầu cử của họ. Chẳng hạn, người Estonia yêu cầu triển khai các nghị quyết của Xô viết Tối cao về chủ quyền, phong trào áp dụng kinh tế thị trường và quyền tư hữu (Hiến pháp Xô viết chỉ mới xem xét quyền tư hữu), và kiến tạo các thể chế mới dựa trên ý chí của nhân dân.¹⁰ Đảng đối phó với những yêu sách này ra sao? Gorbachev cho rằng Đảng đơn giản không thể điều hành trong điều kiện dân chủ. Các nhà lãnh đạo Đảng quen giải quyết các vấn đề kinh tế trở nên lúng túng khi họ phải tham gia giải quyết các vấn đề chính trị dân chủ. Đây là một cách nói lịch sự, Đảng ở các nước cộng hòa Baltic trở nên không thích hợp. Năm 1989, Đảng đã mất quyền lực trong các nước cộng hòa. Căn bệnh ủ từ lâu bùng phát cùng với sự ra đời chính thức của các tổ chức. Họ tuyên bố đối lập với Đảng. Trung ương dựa vào cơ quan KGB giải quyết các phong trào này. Gorbachev than vãn rằng thực tế đã mất thời gian quý báu; rồi các tổ chức mới này cũng sẽ biến mất, tan rã, giống như cơn ác mộng mà thôi.

Các mặt trận nhân dân giành được thắng lợi trong Đại hội Đại biểu Nhân dân và dường như số phận của Đảng đã được định đoạt. Ở Vilnius, cá nhân Algirdas Brazauskas giành thắng lợi trong khi Đảng ở đây bị thất bại hoàn toàn. Trở trêu thay, hầu hết các đại biểu nhân dân Sajudis đều là đảng viên. Sự thành công nhanh chóng của mặt trận nhân dân đánh dấu bằng việc tăng nhanh chóng số lượng thành viên. Giữa năm 1989, Mặt trận Nhân dân Estonia có 60 nghìn thành viên, Latvia có 115.000 thành viên và Sajudis có 180 nghìn. Sự thành công của mặt trận nhân dân ở những nước cộng hòa

này khuyến khích các nước cộng hòa khác làm theo. Chẳng hạn, mặt trận bình dân nổi lên ở Gruzia và Rukh ở Ukraine.

Ngày 22/8/1989, Xô viết Tối cao Lithuania tuyên bố việc sáp nhập Lithuania vào Liên bang Xô viết năm 1940 là bất hợp pháp. Ngày hôm sau, trong lễ kỷ niệm lần thứ 50 của Hiệp ước Liên bang, đoàn người tuần hành kéo dài từ đồi Gediminas ở Vilnius tới thủ phủ Tompea ở Tallinn, gọi là con đường Baltic. Ngày 26/8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô lên án hành động này ở Lithuania, Latvia và Estonia bằng những lời lẽ sắc bén và mạnh mẽ nhất: “Kẻ theo chủ nghĩa dân tộc, các nhóm cực đoan đã thao túng các vấn đề dân tộc. Số phận người dân vùng Baltic đang bị đe dọa... Hậu quả sẽ nghiêm trọng khôn lường.” Tầng lớp lao động và nông dân được kêu gọi bảo vệ cuộc cách mạng mới; bảo vệ perestroika và lãnh đạo phong trào này lại là các đảng viên. Các đảng ở Baltic gặp nhau thảo luận cách đối phó. Tuy nhiên, các bí thư phụ trách tư tưởng Estonia và Đảng Lithuania công khai kết tội văn kiện này. Các mặt trận bình dân ngày càng thô bạo hơn. Tất cả đều đợi phản ứng kịch liệt từ Moskva nhưng không ai ở Moskva đến cả. Gorbachev không có mặt ở Moskva nhưng rõ ràng ông nhận được tuyên bố này.

Sau đó, Vadim Medvedev, Bí thư phụ trách tư tưởng, biện bạch rằng ông ký vào văn kiện này mà không hề đọc nó. Ngày 4/9, Brazuakas thông báo trước một cuộc họp báo ở Vilnius về cuộc trao đổi qua điện thoại gần đây với Gorbachev. Vị Tổng Bí thư đã có thông điệp cho phong trào Sajudis: “Nếu mọi việc vẫn diễn ra theo chiều hướng cực đoan, tôi sẽ không còn là bạn của các đồng chí nữa”. Nhiều tháng trôi qua, trung ương có lời cảnh tỉnh nhưng lại không đi kèm hành động, quyền lực đã mất. Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương về vấn đề các dân tộc tháng 9/1989 đề ra một chế độ Liên bang mạnh mẽ hơn, thông qua việc thành lập các thể chế dựa trên cơ sở tôn trọng các giá trị và lợi ích quốc gia và quốc tế, trong khi vẫn tôn trọng chủ quyền. Bài phát biểu của Brazauskas cảnh tỉnh Đảng nên chuyển biến nhanh hơn những thay đổi trong xã hội, đã rơi vào câm lặng.

Tình thế tiến thoái lưỡng nan của Đảng được đưa ra thảo luận tại Bộ Chính trị, trước sự chứng kiến của các nhà lãnh đạo Đảng vùng Baltic vào ngày 16/11. Không thay đổi thái độ, Ligachev nói thẳng. Chẳng có gì phải thảo luận với các nhà lãnh đạo vùng Baltic. Họ thừa nhận luật pháp của họ dựa trên quy định của luật pháp Liên Xô. Bộ Chính trị cho rằng Lithuania là nước khó đối phó nhất. Nước này vẫn chà đạp lên quyền tự do của công dân. Nước này đi xa đến nỗi tuyên bố Đảng Cộng sản Lithuania là “một tổ chức của nhà cầm quyền nước ngoài”. Một tuyên bố gây sững sốt sau đó, không phải việc giải tán Đảng Lithuania mà là Vadim Medvedev đi thăm Vilnius. Nhiệm vụ của ông là cải tâm người Lithuania đi theo chủ nghĩa Marx-Lenin chính thống. Medvedev cảnh báo cuộc trao đổi về nền độc lập tách khỏi Liên bang Xô viết đã khiến Moskva không chịu đựng được. Brazauskas nói rõ Đảng Lithuania chỉ có thể là một đảng của toàn thể nhân dân Lithuania nếu nó được cắt bỏ các ràng buộc với Moskva. Giống các nhân vật trong kịch của Chekhov, Medvedev và người Lithuania chỉ truyền cho nhau ý kiến mà không đạt được nội dung gì. Moskva sau đó khuyến khích người Belarus đòi lại vùng Vilnius và tuyên bố Belarus có quyền tách Klaipeda khỏi Lithuania. Gorbachev sau này nói thêm về đầu tư của Liên Xô ở Lithuania và cảnh báo Vilnius có thể phải hoàn trả mọi thứ bằng đôla nếu Lithuania muốn độc lập. Tuy nhiên, ông không đe dọa dùng vũ lực. Mặc sự phản đối của Ryzhkov và những người bảo thủ, ông chấp nhận quyền tự trị về kinh tế của các quốc gia Baltic từ 1/1/1990.

Belarus, Moldova và Ukraine không trải qua bạo lực như vùng Baltic và Ngoại Cavcaz. Các vùng cấp tiến nhất đều là những vùng đã sáp nhập vào Liên bang Xô viết từ 1939-1940. Điều này đúng với Moldova, các vùng phía tây Ukraina và Belarus. Trong ba vùng này, ngôn ngữ nổi lên là vấn đề quan trọng nhất đối với quan chức phụ trách văn hóa. Ở Moldova, họ muốn quay lại dùng bảng chữ cái Latin vì đa số người Moldova là người Rumani viết hệ chữ Cyrillic. Một phong trào dân chủ ủng hộ *perestroika* được thành lập ở Kishinev (hiện này là Chisinau). Ở Tây Ukraine, các nhà bất đồng chính kiến cũ như Vyacheslav Chornovil lãnh đạo nhiều hoạt động. Ông

viết một bức thư ngỏ cho Gorbachev năm 1987, từ *Ukraine Herald* và Nhóm Helsinki-Ukraine (đổi tên thành Liên đoàn Ukraine Helsinki năm 1988) khởi động trở lại. Chornovil bị Levko Lukianenko hạ bệ, quay lại lãnh đạo Liên bang vào tháng 1/1989. Năm 1988, cảnh sát thường xuyên giải tán các cuộc mít tinh và biểu tình, nhưng tình hình này đã thay đổi vào năm 1989 khi một tổ chức có phạm vi quốc gia hình thành. Ở Belarus, giới trí thức tập hợp lại trong một tổ chức gọi là Adradzhennye (Tái sinh) nhằm thúc đẩy sử dụng tiếng Belarus. Khi ngôi mộ tập thể các nạn nhân thời Stalin được phát hiện, tính hợp pháp của Đảng bị đặt thành vấn đề. Chính quyền giải tán các cuộc biểu tình và miễn cưỡng thừa nhận các nhóm tổ chức và một mặt trận nhân dân. Người Belarus có lý chỉ ra rằng các hoạt động ấy là chính đáng trong các nước cộng hòa Baltic, tại sao lại không hợp pháp ở Belarus?

Đầu tháng 4/1989, tình hình ở Gruzia trở nên căng thẳng khi các đảng và phong trào mới biểu tình. Ngày 7/4, Dzhumber Patiashvili, nhà lãnh đạo Đảng Gruzia, đề nghị tiến hành các biện pháp đặc biệt chống lại các phần tử quá khích và tuyên bố các sự kiện này đang vượt quá tầm kiểm soát. Ông yêu cầu Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng cử quân đội đến Tbilisi và ra lệnh giới nghiêm. Một cuộc họp Bộ Chính trị do Ligachev chủ trì lập tức được triệu tập chấp nhận yêu cầu của Patiashvili. Ligachev tiếp tục đi nghỉ ngày 8/4 và Chebrikov chịu trách nhiệm. Chính ông này đã thông báo văn tắt cho Gorbachev và Shevardnadze khi hai người trở về từ London ngày 7/4. Họ được thông báo là đã triển khai quân đội tại Gruzia để bảo vệ các “công trình quan trọng”. Gorbachev nhắc đi nhắc lại các xung đột phải được giải quyết bằng biện pháp chính trị. Ông đề nghị Shevardnadze và Razumovsky bay tới Tbilisi đánh giá tình hình tại chỗ. Song Bí thư thứ nhất Gruzia thông báo với Shevardnadze qua điện thoại rằng tình hình đã trở lại bình thường và ông không cần đến Tbilisi nữa. Shevardnadze có một quyết định định mệnh: không đáp máy bay tới Tbilisi. Sau đó, đêm ngày 8-9/4, quân đội dùng vũ khí lạnh, hơi độc đàn áp đoàn biểu tình không trang bị vũ khí, giết chết 19 người và làm vài trăm người bị thương. Phần lớn nạn nhân là phụ

nữ bị ngạt do hơi độc. Lực lượng cảnh sát địa phương cố kiềm chế hành động quá tay của quân đội nhưng bất thành. Ở Tbilisi, Shevardnadze lên án cách hành xử của quân đội là không thể chấp nhận trong xã hội đang tiến hành cải tổ và chủ trương công khai. Nhưng ông can thiệp vào sự kiện bi thảm này quá muộn.

Năm ngày sau, lãnh đạo Đảng Gruzia, tổng thống và thủ tướng đều bị sa thải. Nhưng hậu quả vẫn còn đó. Ai ra lệnh tấn công đám biểu tình? Do Moskva thông qua hay Ban chấp hành Trung ương Đảng Gruzia thông qua? Không có câu trả lời rõ ràng. Bất kể ai chịu trách nhiệm, Gorbachev bị những người theo tư tưởng dân tộc và dân chủ lên án khắp mọi nơi. Ông liên tục nhắc đi nhắc lại rằng ông không hề biết quyết định này và điều này cần phải xem lại. Nếu giới quân sự và cơ quan KGB tự ý hành động nhằm lập lại trật tự mà không cần tham khảo ý kiến Gorbachev thì chứng tỏ ông không thể kiểm soát nổi hai cơ quan này. Những người tham gia vụ thảm sát ở Tbilisi không phải chịu bất cứ sự trừng phạt nào và Gorbachev kết luận “họ đã gây ra tác động có hại ảnh hưởng đến những nỗ lực của chúng ta nhằm hòa giải mối quan hệ giữa các phần tử dân tộc và quốc gia trong một thời gian dài”. Quyền lực của tổng thống bị xói mòn nghiêm trọng. Cuộc tàn sát này dọn đường cho cuộc bầu cử của Zviad Gamsakhurdia, một nhà dân tộc theo xu hướng bạo động ở Gruzia, trở thành lãnh đạo nhà nước Gruzia chống cộng năm 1990 và được bầu làm tổng thống Gruzia vào tháng 5/1992. Gruzia dưới thời Gamsakhurdia chìm trong nội chiến liên miên.¹¹

Bạo lực của các dân tộc thiểu số nổi lên vào tháng 6 ở Trung Á, vùng thung lũng Fergana thuộc Uzbekistan. Uzbekistan chìm trong các cuộc trả thù đẫm máu ở Meskhetia, lý do là Stalin tách vùng này khỏi Gruzia vì lo ngại họ có thể không trung thành với chính quyền Liên bang. Không có nguyên nhân rõ ràng nào cho các cuộc bạo loạn nổi lên ở đây nhưng nó đều vượt quá tầm kiểm soát của chính quyền địa phương. Cũng trong tháng 6, tại vùng Novy Uzen, thuộc miền tây Kazakhstan, người Kazakhstan tấn công Chechen và những người đến từ Bắc Cavcaz. Lại một lần nữa, vấn đề

kinh tế là nguyên nhân chính. Các nhà chức trách Xô viết phản ứng trước sự kiện này khác với các sự kiện ở Tbilisi. Họ không can thiệp và cho phép những người gây bạo loạn tự giải quyết với nhau. Điều này dẫn tới việc một số nhà quan sát địa phương kết luận là chính quyền Moskva không còn quan tâm đến sự sống chết của tín đồ Hồi giáo. Sau đó, người Meskhetia gốc Thổ bị chuyển tới vùng Krasnodar và những vùng khác thuộc Nga.

Năm 1989 đánh dấu bước ngoặt trong thái độ của nhiều công dân Xô viết đối với chế độ đang tồn tại. Chủ trương công khai bị che lấp do tình trạng tội phạm lan tràn mà nguyên nhân bắt nguồn từ sự xói mòn nghiêm trọng trong nền tảng của hệ thống này. Tháng 11, sự thật về cuộc thảm sát quan chức Ba Lan tại Katyn được chính thức thừa nhận. Chính cơ quan NKVD sát hại họ chứ không phải người Đức, họ bị oan suốt 48 năm. Một đột phá quan trọng nữa là Đại hội Đại biểu Nhân dân đưa ra nghị quyết tháng 12, tuyên bố nghị định thư mật, bổ sung Hiệp ước Molotov-Ribbentrop tháng 8/1939 không có giá trị. Sự thật về thảm họa Chernobyl phản ánh sự bất lực của các tổ chức Đảng tại Ukraine và Belarus. Một bản đồ chi tiết về mức độ nhiễm xạ được xuất bản lần đầu vào năm 1989 cho thấy người dân trong một số các khu vực xung quanh hầu hết bị tác động nghiêm trọng. Họ đã không được cảnh báo và di dời. Càng gây thêm tác hại bởi sự ngu xuẩn này, các dụng cụ đo phóng xạ được cung cấp cho dân chúng như dụng cụ bảo vệ lại bị chính quyền tịch thu khiến người dân không thể tiến hành đo được mức độ phóng xạ. Khi được hỏi bao giờ thì ông quyết định quyền độc lập cho Ukraine, Tổng thống Leonid Kravchuk đáp: Năm 1989. Bằng chứng cụ thể về các hành động tàn bạo và quan điểm của họ dần rõ ràng trong năm đó. Kết luận của ông là chỉ có nền độc lập mới có thể bảo vệ được Ukraine khỏi tình trạng tội phạm trong tương lai.

Thái độ của Đảng ra sao đối với vấn đề dân tộc ngày càng có chiều hướng gia tăng này? “Chính sách dân tộc của Đảng thời hiện đại” được công bố ngày 17/8/1989. Chính sách này được đổi mới triệt để, mọi người dân thuộc các dân tộc đều được hưởng quyền bình đẳng và bảo đảm về văn

hóa, ngôn ngữ, mỗi dân tộc đều được tạo điều kiện phát triển. Lần đầu tiên vấn đề ký hiệp ước Liên bang mới được nêu ra. Vai trò của Nga được đề cập nhiều hơn. Vấn đề này trở thành chính sách của Đảng vào tháng 9 nhưng đã quá muộn. Đảng đã bỏ lỡ cơ hội của mình.

ĐÔNG ÂU

Trong bài diễn văn đọc trước Liên Hợp Quốc tháng 12/1988, Gorbachev thể hiện sự hiểu biết của mình về các giá trị con người trên thế giới. Trong số những giá trị đó, con người có quyền lựa chọn chính quyền cho họ, và ông nhấn mạnh không hề có ngoại lệ. Điều này chỉ được áp dụng cho người dân ở các nước tư bản hay nó cũng được áp dụng ở các nước xã hội chủ nghĩa? Suy cho cùng, chính sách đối ngoại của Liên Xô ủng hộ quyền tự quyết của các dân tộc ở nước ngoài chứ không áp dụng ở trong nước. Sau lễ tang Chernenko tháng 3/1985, Gorbachev gặp gỡ các nhà lãnh đạo ở các quốc gia Đông Âu. Ông giải thích với họ rằng học thuyết Brezhnev (quyền của Liên bang Xô viết can thiệp vào công việc nội bộ của các nước xã hội chủ nghĩa khác nếu chủ nghĩa xã hội ở những nước đó đang có nguy cơ bị đe dọa) không còn hiệu lực, từ nay về sau các nước xã hội chủ nghĩa có quyền lựa chọn người lãnh đạo của mình và đề ra chính sách riêng cho mình. Ông cũng nhấn mạnh quân đội Xô viết sẽ không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước xã hội chủ nghĩa. Ông nhắc đi nhắc lại điều này tại cuộc họp gia hạn liên minh thêm 20 năm của Hiệp ước Warsaw tháng 4/1985.

Đây là một lập trường hoàn toàn cấp tiến, khác hẳn với tuyên bố mà ông từng đưa ra vào cuối tháng 4/1984. Trong cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 26/4/1984, thảo luận báo cáo về các cuộc gặp giữa Ustinov, Gromyko và Jaruzelski, Gorbachev từng phát biểu:

Báo cáo về các cuộc gặp... cho thấy các cuộc gặp này đang cố gắng trình bày tình hình với sự nhìn nhận sáng sủa hơn. Tôi cho rằng chúng ta lại một lần nữa phát hiện ra những mục tiêu đích thực của Jaruzelski. Chúng ta

cố gắng tìm hiểu liệu ông có thật sự muốn lập một chính phủ đa đảng ở Ba Lan hay không. Cùng lúc đó, rõ ràng tình hình của Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan đang suy yếu nghiêm trọng, đặc biệt là mối quan hệ giữa nhà nước và các tầng lớp lao động... Trong cuộc gặp giữa chúng ta với Jaruzelski, chính sách của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô phải được đẩy mạnh.

Moskva nhận định tình hình ở Ba Lan rất nghiêm trọng và Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan hoàn toàn không kiểm soát được tình hình. Bộ Chính trị đánh giá tầng lớp lãnh đạo Ba Lan không đủ mạnh để chống lại phong trào đoàn kết của phe phản cách mạng.

Phần lớn các nhà lãnh đạo nghĩ rất khó đánh giá chính sách mới vì chế độ của họ đều phụ thuộc vào sự hiện diện của quân đội Xô viết, đảm bảo cho họ nắm chính quyền. Gorbachev bị thuyết phục rằng người dân ở các nước Đông Âu đều có sự lựa chọn riêng của họ và họ muốn đi theo chủ nghĩa xã hội. Cải cách trong khu vực sẽ là cải cách xã hội chủ nghĩa và do vậy là củng cố chế độ chủ nghĩa xã hội. Các quan chức Đảng được bố trí làm việc tại các đại sứ quán của Liên Xô ở các nước xã hội chủ nghĩa không xếp vào hàng cán bộ làm việc ở nước ngoài mà là ở đất nước anh em. Họ và các lực lượng an ninh thông báo với Moskva những điều mà Moskva muốn nghe. Mọi thứ trong vườn hoa đều đẹp và dễ thương. Nếu có một vài cọng cỏ dại, chúng sẽ bị nhổ bỏ ngay. Nếu có nguy cơ xuất hiện rắc rối, đại sứ Xô viết lập tức điện ngay về Moskva và thông báo vừa có cuộc hội đàm với Honecker, Husak hay một số nhà lãnh đạo khác, tất cả cam kết mọi việc đều ổn và nằm trong tầm kiểm soát. Thông tin xấu hoặc ngược lại với thông báo của họ chỉ là thông tin tuyên truyền phương Tây.

Việc này không có nghĩa là người Nga hoàn toàn bị che mắt trước thực tế về sự yếu kém trong nền kinh tế của các quốc gia Đông Âu. Trường hợp điển hình nhất là Ba Lan. Năm 1981, Jaruzelski yêu cầu viện trợ cho Ba Lan 700 triệu đôla Mỹ giúp nước này giải quyết khoản nợ nước ngoài.

Moskva không đáp ứng nhưng cùng lúc đó đã cung cấp 13 triệu tấn dầu với giá 90 rúp/tấn, trong khi giá dầu trên thị trường thế giới là 170 rúp/tấn. Trong những ngày khó khăn trước khi ra lệnh thiết quân luật ở Ba Lan, Liên bang Xô viết cố hết sức để làm dịu tình hình lương thực ở nước này bằng cách viện trợ cho Warsaw 30 nghìn tấn thịt. Phải tốn nhiều thời gian để có đủ lượng thịt và Bộ Chính trị phải thảo luận vấn đề này rất nhiều trong các cuộc họp. Sau đó, ngày 10/12/1981, ba ngày trước khi ra lệnh thiết quân luật, Nikolai Babaikov, đứng đầu ủy ban Kế hoạch Liên bang Xô viết, tường trình với Bộ Chính trị về chuyến thăm của mình tới Warsaw:

Như các đồng chí biết, theo chỉ thị của Bộ Chính trị và yêu cầu của các đồng chí Ba Lan, chúng ta phải cung cấp cho họ 30 nghìn tấn thịt. 16 nghìn tấn thịt đã được chở qua biên giới. Cũng phải thừa nhận thịt được chở trên những toa trần rất bẩn, đó là những toa xe mà chúng ta dùng chở quặng trước đây và không cọ rửa sạch sẽ, trông khá thảm hại. Sự phá hoại ngầm diễn ra khi chúng ta bốc dỡ lượng thịt này xuống các trạm ở Ba Lan. Người Ba Lan thể hiện thái độ bất hợp tác với Liên bang Xô viết và người dân Xô viết, họ không cho dỡ thịt xuống các trạm. Không thể kể hết những lời nhục mạ ném như mưa vào mặt chúng tôi.

Ước tính chi phí viện trợ cho Ba Lan bằng tiền của Liên Xô lên tới 2.934 tỷ đôla Mỹ năm 1981. Chi phí này dường như không có chiều hướng giảm trong những năm tiếp theo. Vấn đề Liên Xô can thiệp quân sự có thể được Tổng tư lệnh phụ trách quân đội Hiệp ước Warsaw – Nguyên soái Kulikov – đưa ra thảo luận. Song, Bộ Chính trị phản đối việc sử dụng lực lượng quân sự. Liên bang Xô viết đã đầu tư quá nhiều vào cuộc đấu tranh giành hòa bình rồi lại vứt bỏ những thành quả của mình bằng việc tấn công Ba Lan hay sao? Andropov và Suslov nhận thức rất rõ vấn đề này. Trong thông cáo gửi các đại sứ Xô viết có nhấn mạnh: “dư luận thế giới sẽ không hiểu chúng ta nếu chúng ta sử dụng vũ lực”. Ba Lan có cách riêng của họ, với sự giúp đỡ của Liên bang Xô viết về kinh tế và chính trị, họ sẽ có cách giải quyết. Điều này hàm ý Moskva sẵn sàng để phong trào đoàn kết năm

quyền lãnh đạo ở Ba Lan năm 1981. Sau đó, Moskva cố gây ảnh hưởng đối với chính sách của Jaruzelski bằng cách khuyến khích nhà lãnh đạo Ba Lan này nên nghe lời họ để đổi lấy việc trợ kinh tế mà ông muốn. Với cương vị lãnh đạo, quyết định không sử dụng vũ lực ở Đông Âu của Gorbachev cũng trùng hợp với quyết định của Bộ Chính trị đưa ra vào năm 1981. Việc này cho thấy sự can thiệp thô bạo vào Afghanistan tháng 12/1979 đã làm tê liệt ý định can thiệp quân sự của Moskva vào các nước khác.

Có thể tha thứ cho Gorbachev trong việc đánh giá sai tình hình thực tế ở khu vực này vì ông hoàn toàn bị bịt mắt ở bất kỳ nơi nào ông đến. Khi sự thật hé lộ năm 1989, Bộ Ngoại giao Liên Xô mới thật sự sửng sốt. Tác động đối với Đảng còn mạnh hơn. Các nhà lãnh đạo Đông Âu bị đánh thức bởi perestroika, chủ trương công khai, dân chủ hóa và Mikhail Sergeevich như được cảnh báo về hậu quả làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng. Gorbachev rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Quan hệ đối ngoại của ông với Mỹ đang trong giai đoạn nhạy cảm nhất vào năm 1989. Nếu ông tiến hành trừng phạt các nước Đông Âu bằng vũ lực, điều đó có thể là dấu chấm hết cho hy vọng chấm dứt Chiến tranh Lạnh. Dường như ông không nhận thức được hết hậu quả trong lời nói và hành động của mình ở Đông Âu. Ví dụ điển hình nhất là ở Cộng hòa Dân chủ Đức – Đông Đức.

Lãnh đạo Đông Đức Erich Honeker cầm quyền từ năm 1971 và tỏ lòng thương tiếc trước sự ra đi của Brezhnev. Ông rất tự hào về thành quả mà Đông Đức đạt được và cho rằng không có lý do chính đáng nào buộc ông phải áp dụng chính sách perestroika. Sau tháng 1/1987, trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, bàn về chính sách đẩy mạnh dân chủ hóa, Honeker phát biểu cải tổ không phù hợp với Đông Đức. Các bài phát biểu trong phiên họp đều bị cấm phát ở Đông Đức nhưng người ta lại có thể mua báo Pravda ở chợ đen. Sau đó toàn bộ tin tức của Liên Xô đều bị kiểm duyệt. Việc này là thất sách vì người dân Đông Đức có thể theo dõi các sự kiện ở Moskva trên truyền hình Tây Đức. Honeker hành động, đơn giản là đi thông tin mà ông cho là không phù hợp. Gorbachev nhận thấy ông này là

một người đối thoại gây thất vọng vì không thể thuyết phục ông ta theo cách thông thường. Honeker có nhiều bài diễn văn ca ngợi rằng mọi chuyện thật tuyệt vời.

Ngay từ đầu, Gorbachev không muốn tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 40 của Đông Đức vào tháng 10/1989. Tuy nhiên, ông có cảm tưởng sự vắng mặt của mình sẽ làm cho đảng viên Đông Đức cảm thấy bị xúc phạm. Song, nếu ông tham gia nghĩa là ông đã chấp nhận chế độ cầm quyền của Honeker. Ông không có ý định lật đổ Honeker, điều đó tùy thuộc vào giới lãnh đạo Đức. Ngay trong đoàn tuần hành của phong trào thanh niên ở Đông Berlin và các thành phố thuộc Đông Đức, có nhiều tiếng kêu gào đòi cải cách. Lãnh đạo Ba Lan Mieczyslavs Rakowski hướng về phía Gorbachev và nói:

Mikhail Sergeevich, đồng chí không hiểu họ đang gào thét điều gì nhưng tôi hiểu. Họ đang nói rằng: Gorbachev hãy cứu chúng tôi. Nhưng đây là các đảng viên, họ đang cầu xin đồng chí. Đây chính là sự kết thúc.

Lúc ấy, Honeker đứng ngay cạnh Gorbachev, mặt lạnh như tiền. Cũng vào buổi chiều hôm đó, thanh niên kêu gọi Gorbachev hãy cứu họ. Trên các đường phố Đông Berlin, Mikhail Sergeevich đã nói là lịch sử sẽ trừng phạt kẻ nào muốn kéo lùi lịch sử. Ông cũng cảnh báo giới lãnh đạo Đông Đức về việc này. Ông thông báo toàn bộ sự việc với Bộ Chính trị khi trở lại Moskva và cho rằng chế độ này sắp sập đến nơi rồi. Những chỉ trích của ông nhằm lật đổ Honeker nhưng việc thay thế bằng Egon Krenz lại là một lỗi nghiêm trọng của những người cộng sản. Cái nhìn hấp háy của Krenz và quầng mắt của ông này là đề tài cho các nhà làm phim hoạt hình. Ngày càng có nhiều công dân Đông Đức nhập cư sang Tây Đức qua Czechoslovakia và Hungary (Honeker kêu gọi Gorbachev phải thực hiện các điều khoản trong hiệp ước giữa hai nước để ngăn tình hình này lại) và gây áp lực với Berlin khi dọa việc chọc thủng bức tường ngăn cách hai miền. Gunter Schabowski, một quan chức cao cấp, gọi điện cho Gorbachev cảnh báo người dân Đông

Đức đang tìm mọi cách phá bỏ bức tường ngăn cách sang Tây Berlin, chế độ Đông Đức không thể làm gì để ngăn cản họ. Cuối cùng bức tường ngăn cách hai miền cũng bị dỡ bỏ vào ngày 9/11/1989. Karoly Groz, lãnh đạo Đảng Hungary, trong chuyến thăm Moskva vào tháng 3/1989, đã giải thích nguyên nhân người dân Hungary muốn lập một chế độ đa đảng. Không có bất cứ sự phản đối nào vì đây được coi là công việc nội bộ của Hungary. Tháng 7/1989, những người cộng sản Ba Lan thất bại trong cuộc bầu cử và vị thủ tướng đầu tiên của Ba Lan không phải là cộng sản lên nắm quyền. Cũng trong tháng 7, Gorbachev phát biểu trước Hội đồng Châu Âu: “Bất cứ sự can thiệp nào vào công việc nội bộ các nước khác dưới bất cứ hình thức nào, bằng bất cứ nỗ lực nào nhằm kiểm soát chủ quyền của các nước khác, dù là bạn hay đồng minh, dù cho đó là nước nào đều không được phép”. Mục đích của Liên Xô là thúc đẩy chính sách cải cách perestroika ở Đông Âu với lòng tin các nước này chung một lựa chọn: chủ nghĩa xã hội. Cải cách diễn ra rất chậm như Shevardnadze phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ 28 tháng 7/1990, các đại sứ Xô viết thông báo từ Đông Âu các sự kiện nghiêm trọng đang xảy ra đến nơi nếu cải cách không được tiến hành ngay. Gorbachev hoàn toàn không hay biết nên cứ để cho các sự kiện này diễn ra mà không có bất cứ sự can thiệp hay kiểm soát nào.

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Mặc dù tán thành các nguyên lý nhân văn toàn cầu, Liên bang Xô viết tiếp tục trợ giúp các đảng cộng sản trên toàn thế giới cho đến năm 1990. Ngày 14/2/1990 Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương tán thành đề nghị của các Đảng Cộng sản Argentina và Đảng cộng sản Chilê về việc đào tạo các kỹ năng công tác an ninh của Đảng cho năm đảng viên Argentina và bốn đảng viên Chilê trong vòng ba tháng. Ban Quốc tế được giao nhiệm vụ chăm lo cho các đảng viên này và cơ quan KGB chịu trách nhiệm đào tạo, trang bị chuyên môn. Ít ra đối với bên ngoài, nhân vật hài lòng nhất là Luis Corvalan, cựu lãnh đạo Đảng Cộng sản Chilê, người đã cư trú bất hợp pháp ở Chile từ năm 1983, dưới một diện mạo khác, trong khi tiến hành đấu

tranh chống lại Tướng Pinochet. Corvalan yêu cầu Ban Chấp hành Trung ương giúp mình có cơ sở đấu tranh hợp pháp, không cần phải sống chui lủi trong khi Pinochet đang kêu gọi bầu cử. Song vấn đề là Corvalan đã trải qua một cuộc phẫu thuật thẩm mỹ nhằm làm biến dạng bộ mặt của mình để có thể cư trú tại Chilê. Ông cần phải bí mật quay lại Liên bang Xô viết, tiến hành một cuộc phẫu thuật khác để phục hồi nguyên dạng hình hài cũ và nhận hộ chiếu hợp pháp. Đảng Cộng sản Chilê yêu cầu Ban Chấp hành Trung ương bố trí cho Corvalan được dừng chân tại một nước Tây Âu để có thể tới đại sứ quán Chilê lấy hộ chiếu hợp pháp. Trong khi chờ đợi, ông phải bí mật rời Chilê, vì vậy ông cũng cần phải có một khuôn mặt mới khi rời đi. Một quyết định ít được bàn cãi do Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương đưa ra ngày 18/1/1989. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phải tiếp nhận 20 người làm công tác huấn luyện bộ người Liberia cho khóa huấn luyện quân sự đặc biệt năm 1990. Tháng 4/1989, có một bản tin tiết lộ việc huấn luyện mở rộng cho các nhân vật từ các quốc gia phi cộng sản:

Giới lãnh đạo một số đảng anh em ở các nước phi cộng sản hàng năm đề nghị Ban Chấp hành Trung ương tiếp nhận mở khóa đào tạo đặc biệt cho các nhà hoạt động của họ. Trong suốt mười năm qua, trên 500 thành viên chính thức từ 40 đảng cộng sản và lao động (gồm các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị) đã dự các khóa đào tạo này. Theo quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Quốc tế chịu trách nhiệm đón tiếp và chăm sóc họ còn cơ quan KGB chịu trách nhiệm về nội dung các khóa đào tạo.

Reagan và Gorbachev dự định gặp mặt tại cuộc họp thượng đỉnh tháng 12/1987. Tổng thống Reagan đề ra bốn mục tiêu trong cuộc gặp Gorbachev: giảm thiểu số lượng vũ khí, rút khỏi các đối đầu quân sự tại các nước thuộc thế giới thứ ba, tạo dựng tôn trọng nhân quyền và vén bức màn sắt. Dần dần phía Xô viết nhận ra rằng tiến bộ trong các vấn đề này sẽ đem lại lợi ích cho cả hai bên. Nếu họ đạt được tiến bộ về một vấn đề, nó không có nghĩa là Liên bang Xô viết thua Mỹ, nhưng nếu không đạt được tiến bộ thì cả hai

đều không có lợi gì. Chính sách “được ăn cả ngã về không” gần như không còn tác dụng trong giai đoạn này. Đột phá xuất hiện vào cuối năm 1987 khi Gorbachev đến thăm Mỹ lần đầu tiên vào tháng 12, ông và Tổng thống Reagan ký một hiệp ước loại bỏ một số lượng vũ khí hạt nhân, chủ yếu là loại có gắn đầu đạn hạt nhân tầm trung (Hiệp ước INF). Đây là hiệp ước đầu tiên về vấn đề vũ khí được hai bên ký kết kể từ năm 1979. Chuyến thăm của Gorbachev đánh dấu bước ngoặt trong nhận thức của ông về nước Mỹ. Vào ngày cuối của chuyến thăm, ngày 10/12, trên đường tới Nhà Trắng, Gorbachev bất ngờ đề nghị lái xe dừng lại. Ông bước ra ngoài xe và bắt tay mọi người trong đám đông. Họ có thái độ nhiệt tình nồng ấm chào đón ông. Trong bữa trưa, ông nói với mọi người rằng, ông có ấn tượng sâu sắc trước sự đón tiếp nồng nhiệt này. Trong khi KGB thông báo với ông đó là một đám người dè dặt và kín đáo.

Về tâm lý, đây là khoảnh khắc quan trọng đối với ông. Khi về nước, ông gặp khó khăn khi đối mặt với Boris Yeltsin. Trong nước, thậm chí trong cả giới lãnh đạo, làn sóng phản đối chủ trương *perestroika* ngày càng cao. Mọi việc trong nước bắt đầu trở nên khó giải quyết, trong khi tình hình đối ngoại đã gặt hái được một số thành công. Người ta cho rằng Gorbachev được “sinh ra” ở Washington vào ngày 12/1987. Ông được sùng bái và ông thích thú với điều đó. Sau này, mỗi khi cảm thấy thất vọng, khó khăn trước các công việc nội bộ, để lấy lại tinh thần ông nghĩ là phải đi nước ngoài, đắm mình trong lời hoan hô ca ngợi của công chúng. Ở nước ngoài, những người có thái độ hoài nghi đều không lên tiếng. Trong nước, số người đó có chiều hướng gia tăng. Cuộc họp thượng đỉnh Washington coi Mỹ là đối tác và đưa ra tiến trình chấm dứt Chiến tranh Lạnh.

Tháng 2/1988, Gorbachev thông báo Liên bang Xô viết sẽ rút quân khỏi Afghanistan. Một hiệp định về vấn đề này được ký kết vào tháng 4. Tháng 5/1988, Tổng thống Mỹ Reagan đi Moskva để dự cuộc họp thượng đỉnh cuối cùng với Gorbachev. Ngày 1/6, họ trao đổi các văn kiện phê chuẩn để triển khai Hiệp ước INF. Hai cường quốc nhất trí thông báo cho

nhau số lượng tên lửa gắn đầu đạn hạt nhân. Họ cũng đạt được tiến bộ trong việc giảm bớt số lượng vũ khí chiến lược. Tổng thống Reagan phát biểu trước nhân dân Liên Xô và mạnh mẽ khẳng định việc hai bên cùng có lợi từ các quyền dân chủ, tự do và bình đẳng. Tháng 6, mọi việc đối với các công dân Xô viết trở nên dễ dàng hơn vì họ có thể ra nước ngoài, nhập cư và du lịch. Tháng 7, Shevardnadze triệu tập hội nghị các nhà ngoại giao để làm sáng tỏ chính sách về giá trị con người. Gorbachev bắt đầu thăm Tây Âu thường xuyên hơn và tiếp đón các chính khách từ các nước Tây Âu nhiều hơn. Tháng 12/1988, tại Liên Hợp Quốc, Gorbachev tuyên bố Liên bang Xô viết sẽ giảm bớt quân đội xuống 500 nghìn người trong vòng hai năm mà không cần đợi động thái đáp trả của người Mỹ hay của các nước Đồng Minh. Điểm đáng chú ý trong tuyên bố này là cả Gorbachev và Shevardnadze đều không tham khảo ý kiến Bộ Quốc phòng trước khi tuyên bố cắt giảm quân đội. Phản ứng trước tuyên bố này, Tổng tư lệnh – Nguyên soái Akhromeev tuyên bố từ chức ngay hôm đó. Akhromeev đồng ý với các đề xuất về giải trừ quân bị nhưng chủ trương cắt giảm quân đội thông thường mà không tiến hành song phương là điều không thể chấp nhận.

Gorbachev đã trình bày chi tiết quan điểm của mình về các giá trị con người, cho rằng đây là nền tảng của chính sách đối ngoại Xô viết và tự do lựa chọn là một nguyên tắc phổ biến. Sẽ không có trường hợp ngoại lệ. Sau đó ông gặp Tổng thống Mỹ Reagan và Tổng thống kế nhiệm George Bush trên đảo Governors. Ông phải rút ngắn chuyến thăm sau khi nhận được tin tức về trận động đất ở Armenia. Điều này có nghĩa là ông không thể đi thăm Cuba. Động lực trong các quan hệ Xô-Mỹ bị bỏ lỡ vì Tổng thống Mỹ George Bush nhận định lại các lựa chọn trong chính sách đối ngoại. Bush cảm thấy Tổng thống tiền nhiệm Reagan sẵn sàng giải quyết với Moskva mọi vấn đề. Tháng 5/1989, Marlon Fitzwater, người phát ngôn Nhà Trắng, ví Gorbachev như “một người bán thuốc”. Sự thay đổi ý định của George Bush thể hiện rõ trong suốt chuyến thăm kéo dài đến Đông và Tây Âu tháng 7/1989. Mọi người khuyên ông nên gặp Gorbachev vì sẽ có những diễn biến quan trọng sắp xảy ra.

Bước ngoặt trong mối quan hệ giữa James Baker Ngoại trưởng Hoa Kỳ và Eduard Shevardnadze diễn ra vào tháng 9/1989 khi Shevardnadze chấp nhận lời mời tới thăm khu trang trại của Baker tại Jackson Hole Wyoming. Trước khi rời Moskva, Shevardnadze bị chỉ trích nặng nề về việc chấp nhận các cuộc đàm phán vũ khí với chính quyền Mỹ. Shevardnadze ở lại đây hai tuần và xây dựng một mối quan hệ khá mật thiết với Baker cũng như mối quan hệ mật thiết với Shultz. Khi đến nơi, thị trưởng vùng Wyoming giới thiệu với Shevardnadze về một chiếc mũ cao bồi hiệu Stetson. Khi được hỏi, ông đội mũ cỡ nào, sứ quán Xô viết ở Washington lâm vào thế bí. Người Mỹ chớp lấy câu trả lời: “Đầu của Shevardnadze: thật là to!” Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô được khắc họa bằng hình ảnh đội mũ rộng 10 gallon, chân đi giày cao bồi và mặc bộ comlê. Để có thể nói với Baker về tính nghiêm trọng của một cuộc khủng hoảng kinh tế, Shevardnadze cho Nikolai Shmelev – một nhà kinh tế ủng hộ cơ chế kinh tế thị trường, đi cùng. Vị Bộ trưởng Ngoại giao rất mong khả năng làm đối tác với Mỹ có thể thúc đẩy tiến trình cải cách trong nước. Không đạt được bất kỳ điều gì khi trở về nước, ông thừa nhận Moskva sẵn sàng ký Hiệp ước START mà không cần có một hiệp định riêng về hạn chế vũ khí tầm trung. Ông cũng thừa nhận trạm phát sóng không lò ở Krasnodarsk là vi phạm Hiệp ước ABM và cam kết sẽ cho dỡ bỏ trạm này.

Trên đường về Moskva, ông đã có một số nhân nhượng khác, thừa nhận với Washington có 880 tên lửa phóng từ tàu ngầm (SLCM). Akhromeev, Kornienko và những người khác không tiếc lời chỉ trích ông đã không đạt được một nhân nhượng song phương nào với Mỹ về vấn đề này. Chỉ một chút thỏa mãn Shevardnadze nhận được khi trở về là ý định của Bush vượt quá đề xuất của Liên Xô: loại trừ 80% vũ khí hóa học và tiến tới loại bỏ hoàn toàn thứ vũ khí này.

Cuộc họp thượng đỉnh đầu tiên Gorbachev-Bush diễn ra ở Malta, tháng 12/1989. Nó không đưa ra được nhiều thỏa thuận rõ ràng, nhưng đó là một bước tiến quan trọng trong quan hệ Xô-Mỹ. Trong khi thăm Mỹ vào

tháng 7/1989, Nguyên soái Akhromeev nhận được công hàm của Tổng thống Bush, muốn mời Gorbachev tới Mỹ vào tháng 12. Tuy vậy, sự việc này không được tiết lộ vào thời điểm đó và chỉ có một số quan chức biết về nó. Chính quyền Bush đang vấp phải những khó khăn trong việc thương lượng kiểm soát vũ khí. Tháng 11/1989, trong một báo cáo mật, Shevardnadze khuyên Gorbachev khéo léo để Tổng thống Bush “có lời cam kết công khai về chương trình cải cách”, đồng thời cảnh báo rằng Tổng thống Mỹ cũng là “một nhà lãnh đạo không quyết đoán”.

Vào thời điểm Bush đến vào ngày 1/12, ông suy nghĩ nhiều đến cải tổ. Đó là một lý tưởng không tồi và mọi người nên ủng hộ chính sách đó. Ông vấp phải sự chỉ trích nghiêm trọng trong nước và cả bên ngoài vì chậm trễ nắm bắt sáng kiến, đến Malta với một loạt các đề nghị về hợp tác kinh tế. Nhằm ngăn cản Gorbachev phàn nàn về sự trì hoãn, Bush quyết định đưa chính sách cải cách ra thảo luận ngay trong lần gặp đầu tiên. Người Mỹ cảnh báo Gorbachev đừng bao giờ tỏ ra trội hơn Bush bằng việc đưa ra một loạt các sáng kiến giống như ở Reykjavik. Gorbachev lĩnh hội lời khuyên này.

Bush đề xuất một chính sách hợp tác kinh tế. Về kinh tế thị trường, Tổng thống Bush và James Baker hơi ngạc nhiên trước sự thiếu hiểu biết của Gorbachev. Ông tiếp tục trình bày về của cải dồi dào trong nền kinh tế thị trường cần phải đặt dưới sự quản lý của tập thể, chẳng hạn như các công ty cổ phần. Ông hoàn toàn không có kiến thức về thị trường chứng khoán hay ám chỉ nhẹ nhàng rằng ông đang thay đổi quan điểm về nền kinh tế Xô viết. Cho đến lúc này, ông vẫn khẳng định rằng sở hữu tập thể ưu việt hơn bất cứ hình thức sở hữu nào. Nhận thức về quyền tư hữu luôn tắc nghẽn trong cổ họng. Gorbachev tiết lộ ông đang trong giai đoạn chuẩn bị cho các xí nghiệp chuyển thành các hợp tác xã. Mặc dù không có hiệp định chính thức nào được ký kết, nhưng cũng có một số hiệp định không chính thức về Đông Âu, Đức và các nước cộng hòa vùng Baltic. Đông Âu không đại diện cho một vấn đề vì Gorbachev và Shevardnadze từ trước đã tuyên bố nhiều

lần rằng họ sẽ không sử dụng vũ lực để ngăn cản nhân dân trong khu vực này quyết định tương lai của họ. Gorbachev cho Tổng thống Bush biết ông hy vọng Hiệp ước Warsaw có thể được gia hạn. Bush thông báo với Mikhail Sergeevich chừng nào Liên Xô chưa sử dụng vũ lực, Mỹ không lợi dụng tình hình gây khó cho Liên bang Xô viết. Về việc thống nhất nước Đức, Gorbachev tuyên bố việc thống nhất là một sự kiện hệ trọng và đòi đưa ra một giải pháp thận trọng. Chưa đến mức phải thúc đẩy nhanh và mạnh các sự kiện này.

Gorbachev ít đề cập đến các nước cộng hòa vùng Baltic, ông hy vọng tránh được sử dụng vũ lực vì nếu xảy ra điều đó đồng nghĩa với chấm dứt chính sách cải tổ. Ông sẵn sàng xem xét bất kỳ hình thức liên kết nào trong các nước cộng hòa vùng Baltic, không dẫn đến ly khai triệt để. Mỹ sẽ không gây khó dễ cho Gorbachev trong khi giải quyết vấn đề ở khu vực này và cam kết không sử dụng vũ lực ở đây. Sau đó, nhiều lời đồn cho rằng thỏa thuận này không được thực hiện. Mỹ sẽ đứng ngoài vấn đề Đông Âu và các nước vùng Baltic nếu Liên bang Xô viết chấp nhận việc thống nhất nước Đức. Không một hiệp định nào kiểu như vậy đạt được kết quả. Về vấn đề vũ khí, thỏa thuận được việc cắt giảm lực lượng vũ khí thông thường trong Hiệp ước châu Âu năm 1990. Một hiệp ước về cắt giảm vũ khí chiến lược (START) có thể sẽ tiếp tục được thảo luận trong hội nghị thượng đỉnh tiếp theo, do Washington khởi xướng mùa hè năm 1990.

Cũng có bất đồng sâu sắc. Bush chỉ trích Liên Xô cung cấp vũ khí cho khu vực Mỹ Latin và cách đối xử của đồng minh Liên Xô là Cu ba. Gorbachev đáp trả Liên Xô đã thỏa thuận không cung cấp súng đạn cho Nicaragua và luôn giữ lời hứa. Vấn đề Cuba, cách tốt nhất xóa bỏ hết mọi bất đồng là gặp mặt trực tiếp Fidel Castro. Trước hội nghị thượng đỉnh, nhà lãnh đạo Cuba yêu cầu Gorbachev giúp đỡ bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Liên Xô sẵn sàng đứng ra dàn xếp một cuộc đối thoại. Bush gạt phắt lời đề nghị này và sẽ không hợp tác nếu Liên Xô tiếp tục có mối quan hệ thương mại với Cuba. Suy cho cùng, Cuba lên án cải tổ. Một điểm nhức

nhối khác là thái độ khẳng định của Bush rằng các giá trị phương Tây đang vượt trội hơn hẳn. Gorbachev không thích thuật ngữ “các giá trị phương Tây” vì nó hàm ý rằng Liên bang Xô viết đang đầu hàng phương Tây. Ông nhấn mạnh đến các giá trị dân chủ rộng lớn. Hai bên thống nhất sử dụng từ “các giá trị dân chủ”. Hội nghị Malta đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ Xô-Mỹ. Gorbachev quả quyết với Bush: “Chúng tôi không còn coi ông là kẻ thù nữa”. Shevardnadze nói thêm: “Hai cường quốc đã chôn vùi Chiến tranh Lạnh xuống dưới đáy biển Địa Trung Hải”.

Tháng 10/1985, Gorbachev chọn Pháp làm điểm dừng chân đầu tiên trong chuyến thăm các nước phương Tây vì Pháp cũng là một cường quốc hạt nhân và đất nước này cổ vũ cho ý tưởng về sự hòa nhập toàn Châu Âu trong quá khứ. Quan hệ Đông Tây vào thời điểm đó diễn ra khá lạnh nhạt. Gorbachev dùng thuật ngữ “vừa đủ”, nói về quốc phòng, lần đầu tiên và phản đối việc lấy tư tưởng này làm cơ sở cho chính sách đối ngoại. Phản ánh tình hình châu Âu, ông có một cách diễn đạt mới: “Châu Âu là một ngôi nhà chung.” Ông đề nghị loại bỏ vũ khí hạt nhân đến năm 2000. Tây Âu biết quá rõ tính ưu việt của vũ khí thông thường của Liên Xô. Khi Mitterrand thăm Moskva đáp lại chuyến thăm Gorbachev tới Paris, Tổng thống Pháp thông báo với Gorbachev rằng ông phản đối Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược (SDI hay Chiến tranh giữa các vì sao), coi đây như một hành vi khởi động lại cuộc chạy đua vũ trang. Ông đã gặp Tổng thống Reagan trước khi tới Moskva và cho rằng các lý sự của Tổng thống Mỹ ủng hộ chiến lược phòng thủ này là chuyện hoang đường. Tuy vậy, người Pháp sẽ có quan điểm đường lối cứng rắn nhất chống lại việc loại bỏ vũ khí hạt nhân chiến thuật và cho rằng việc giải trừ quân bị sai ngay từ khi bắt đầu. Lẽ ra Liên bang Xô viết phải bắt đầu thực hiện rồi. Quốc hội Pháp thậm chí đã bỏ phiếu nâng cấp lực lượng vũ trang của họ. Không nản lòng, ở Tiệp Khắc, tháng 4/1987, Gorbachev đã dùng tài hùng biện của mình nói về khía cạnh đạo đức trong việc giải trừ quân bị và quan niệm về một ngôi nhà chung châu Âu. Trong nhiều cuộc gặp với các chính khách Tây Âu ở Moskva, Gorbachev luôn tỏ thái độ rõ ràng ông không cố gắng chia rẽ châu

Âu và Bắc Mỹ. Quả thật, Mỹ và Canada cũng thuộc ngôi nhà chung châu Âu. Bà Thatcher có chuyến thăm Moskva vào tháng 3/1987 và hai nhà lãnh đạo tiếp tục các cuộc luận chiến. Thủ tướng Anh nói thẳng: “Chúng tôi tin vào phòng thủ hạt nhân và chúng tôi không coi việc loại bỏ vũ khí hạt nhân thực hiện được.” Bà luôn giữ lập trường và quan điểm của mình trong cuộc tranh luận, cho rằng “vũ khí hạt nhân là cách duy nhất bảo vệ an ninh nước Anh trong trường hợp châu Âu xảy ra một cuộc chiến tranh thông thường”. Mikhail Sergeevich phản đối quan điểm này và cả hai không đạt được tiến bộ nào. Tháng 12/1987 đã có một cơ hội tiếp tục đàm phán tại Brize Norton, trên tuyến đường dự hội nghị thượng đỉnh Washington ký Hiệp ước INF. Sau đó, họ lại rất hòa hợp và Geoffrey Howe. Ngoại trưởng Anh đã nói về Gorbachev: “Các cuộc nói chuyện của ông với bà Thatcher diễn ra thật hấp dẫn. Ông ta làm việc giống như hai người công nhân trong phong trào thi đua cố gắng hoàn thành kế hoạch với một tốc độ chưa từng có và có thể thảo luận tron tru bất cứ chủ đề nào.”

Chuyến thăm chính thức nhiều ngày đầu tiên của Gorbachev tới Anh diễn ra vào tháng 4/1989 và lần đầu tiên vào nhà số 10 phố Downing. Bà Thatcher rất quan tâm tới tiến trình perestroika và đặt nhiều câu hỏi với nhà lãnh đạo Xô viết về kết quả của nó. Đáp lại mỗi nghi ngờ của Gorbachev về sự tiếp nhận Perestroika ở phương Tây, Thủ tướng Anh dẹp hết những lời phê phán và cam kết chắc chắn rằng tất cả các nước phương Tây rất nhiệt tình với chủ trương này.

Gorbachev chọn đến thăm Pháp và Anh trước Cộng hòa Liên bang Đức. Tất nhiên, họ là các cường quốc hạt nhân. Sau đó, vào tháng 6/1989, ông mới đi thăm các nước có sức mạnh nhất về kinh tế ở Tây Âu. Thật ra, người Đức đang rất lo lắng về mối quan hệ với Moskva. Sau đám tang Chernenko, khi Gorbachev gặp Thủ tướng Kohl, ông có hỏi (bằng tiếng Nga): “Kuda driftreet Federalnaia Respublika?” (Nước Cộng hòa Liên bang đang trôi về đâu?). Thứ trưởng Ngoại giao Đức nói được tiếng Nga, nhưng

lúng túng bởi Gorbachev dùng động từ “driftovat”, tiếng Anh “to drift” (trôi đi), lạ là từ này không thấy có trong bất kỳ từ điển tiếng Nga nào.

Kohl là vị chính khách đầu tiên nghe một từ mới như vậy và đó là đặc trưng của ngôn ngữ diễn văn của Gorbachev. Ông thích thêm mắm thêm muối vào lời phát biểu của mình bằng cách dùng các từ ngữ tiếng Anh mới lạ. Kohl rất có ấn tượng trước kỹ năng giao tiếp và ví Gorbachev với Josef Goebbels. Goebbels là người tuyên truyền cho chủ nghĩa Đức Quốc xã nổi tiếng. Gorbachev cảm thấy bị mất thể diện khi họ ví ông với nhân vật này. Không ngạc nhiên, việc này làm xấu đi quan hệ giữa hai nhà lãnh đạo. Thủ tướng Đức Kohl dùng cách tiếp cận khác với cách mà bà Thatcher từng sử dụng. Ông không cố gắng thuyết phục Mikhail Sergeevich thay đổi ý nghĩ mà nhất trí bất đồng trên một số điểm. Việc giải trừ hạt nhân là vấn đề quan trọng trong chương trình nghị sự và ông rất lạc quan khi đạt được một bước đột phá ở châu Âu.

Bất cứ nơi nào đặt chân đến, Mikhail Sergeevich đều được đón tiếp tương xứng như thể ông vừa trở về từ Sao Hỏa. Tháng 7, ông lại đến Paris và thông báo với Tổng thống Pháp Mitterrand rằng thời kỳ hậu chiến đến hồi kết thúc. Một điềm lành là Pháp quyết định cắt giảm ngân sách quốc phòng. Tại Sorbonne, Gorbachev nói với giới trí thức Pháp: Thiếu tính duy linh và chủ nghĩa chống trí thức là những nguy cơ đáng sợ nhất. Trí tuệ thuần túy bị tách rời khỏi nền tảng đạo đức khác nào là mối đe dọa nguy hiểm cho thế giới ngày nay. Sau đó, ông đến Shasbourg phát biểu trước Hội đồng Châu Âu. Ông đến Helsinki vào tháng 10. Tiếp đến là thăm Italia vào Tháng 11/1989. Sự đón tiếp ở Milan là một kỷ niệm khó quên nhất trong sự nghiệp chính trị của ông. Ngày 1/12, lần đầu tiên có một chuyến viếng thăm của nhà lãnh đạo cao cấp Xô viết tới Vatican, yết kiến Đức Giáo hoàng John Paul II. Gorbachev thông báo với Giáo hoàng rằng một sắc luật về quyền tự do tín ngưỡng đang được soạn thảo. Ông còn nói với Giáo hoàng là sau khi cân nhắc kỹ, ông phải đi đến kết luận rằng dân chủ vẫn là chưa đủ:

Chúng ta cũng cần có đạo lý. Dân chủ có thể mang lại điều tốt và cả điều xấu nữa... Đối với chúng ta, cốt yếu là đạo lý phải được củng cố vững chắc trong xã hội cho mọi người và vĩnh hằng như phúc lành và tình thương, sự tương trợ. Chúng ta phải bắt đầu từ nguyên tắc là lòng tin của các tín đồ phải được tôn trọng.

CHƯƠNG 5. Chính sách perestroika giai đoạn III: 1990 1991

Điều canh cánh trong lòng Gorbachev bắt nguồn từ một bài báo trên tờ Pravda vào tháng 11/1989. Bài báo bắt đầu với tiêu đề “ Tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cải tổ cách mạng”, cho rằng đây chỉ là cương lĩnh của cá nhân ông mà thôi. Ông nói rõ mình đã thay đổi cách nhìn nhận trên nhiều vấn đề:

Lúc đầu khi chúng ta nghĩ vấn đề cơ bản chỉ là sửa chữa khuyết điểm cá nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện cái hệ thống đã được phát triển nhưng bây giờ chúng ta nói là phải cải tiến triệt để toàn bộ hệ thống xã hội, từ nền tảng kinh tế cho tới thượng tầng kiến trúc... cải cách các quan hệ sở hữu, cơ chế kinh tế và hệ thống chính trị.

Ông muốn chuyển đổi nền kinh tế hành chính – mệnh lệnh nhưng lại không muốn chấp nhận chủ nghĩa tư bản. Một xã hội nhân ái, tự do và lành mạnh sẽ xuất hiện qua hình ảnh công nhân làm việc trong xí nghiệp, nông dân lao động trên đồng ruộng. Mục tiêu là một xã hội dân sự, nơi mà nền dân chủ và tự do ngự trị. Quan trọng hơn, ông chỉ ra nền dân chủ thật sự là mục tiêu cuối cùng và chỉ có thể đạt được dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong khi đó nền dân chủ hình thức cũng có vị trí quan trọng, nghĩa là coi nền dân chủ hình thức của các nước tư bản chủ nghĩa là một bước đệm để đi đúng hướng. Việc phân lập các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp cũng rất quan trọng. Ông thừa nhận Đảng đã tụt hậu trong cuộc chạy đua xây dựng dân chủ. Điều này cho thấy ông đang chủ trương xây dựng một nền dân chủ xã hội kiểu phương Tây, dù không có bất cứ biểu hiện nào chứng tỏ ông cố vũ nền kinh tế thị trường và quyền tư hữu. Tất nhiên, trên

cương vị lãnh đạo Đảng, ông không thể công khai thừa nhận các tư tưởng này.

Gorbachev tiếp tục tìm kiếm một cơ chế thị trường mà nó có thể giải quyết mọi vấn đề mà ông đang đối mặt. Chế độ độc Đảng là có lợi trong giai đoạn phức tạp hiện tại nhưng Đảng phải chấp nhận đa nguyên về tư tưởng và ngày càng dân chủ hơn. Điều gì sẽ xảy ra nếu Đảng không bắt kịp tốc độ phát triển của xã hội? Không có lời đáp cho câu hỏi này, nhưng Gorbachev nói với người Berlin rằng lịch sử sẽ trừng phạt những ai không theo kịp xu thế phát triển. Gorbachev táo bạo hơn, trong thông điệp đầu năm mới ngày 31/12/1989. Ông đã gạt bỏ những lời nhắc đến Lenin, đến chủ nghĩa cộng sản và Đảng¹.

Mùa đông năm 1989-1990 là một trong những mùa đông kinh khủng nhất. Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Âu cuối cùng dẫn đến vụ hành hình Nicolai và Elena Ceausescu, gia đình trị ở Rumani vào tháng 12/1989 khuấy động nỗi niềm hy vọng và thất vọng. Những người đòi quyền tự trị, đòi độc lập được khích lệ mạnh mẽ, trong khi các thành viên của giới cầm quyền Xô viết lại đứng dửng dưng trước sự kiện này. Tình hình kinh tế suy thoái châm ngòi cho sự bất mãn của dân chúng và chủ trương công khai tước bỏ tính hợp pháp của Đảng. Đảng trở thành vấn đề chính đối với Gorbachev. Nhóm liên khu vực gồm các đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân, phần lớn là những người cộng sản (ngoại trừ trường hợp của Andrei Sakharov) ngày càng mạnh bạo và cấp tiến hơn, nhất là trong kỳ họp Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc. Các cuộc bầu cử vào Xô viết Tối cao các nước cộng hòa (chỉ nước Nga vẫn tuân theo hình mẫu Xô viết đề ra khi tiến hành bỏ phiếu trong và ngoài Đại hội Đại biểu Nhân dân, một đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc và một Xô viết Tối cao) diễn ra đầu năm 1990. Họ nghiêng về phe cấp tiến và những người cộng sản bảo thủ đã bị loại bỏ.

Việc này khích lệ Nhóm Liên Khu vực tin là tương lai nằm trong tay họ. Theo cuộc thăm dò dư luận mùa thu năm 1989 cho thấy đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân nào cấp tiến hơn thì càng nổi tiếng hơn trong con mắt công chúng. Nhóm Liên Khu vực muốn sửa đổi Điều 6 trong Hiến pháp 1977, điều quy định vai trò độc tôn của Đảng trong cơ cấu quyền lực chính trị. Điều này hợp pháp hóa các phe phái trong Đảng, vốn là điều cấm kỵ kể từ Đại hội lần thứ 10 năm 1921. Phái cấp tiến nghiêng nhiều về phi tập trung hóa hoạt động kinh tế nhưng Thủ tướng Ryzhkov đang cố đưa ra một đường lối nghiêng về tập trung hơn. Các đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân cũng nghiêng về quyền sở hữu tư nhân về đất đai và hoạt động kinh doanh. Điều này gần như quảng bá cho một Liên bang Xô viết, trong đó Moskva nắm quyền lãnh đạo mà các nước cộng hòa chỉ nghe theo.

Gorbachev phản đối tất cả các sáng kiến này. Ông đặc biệt nhạy cảm với Điều 6 nhưng cũng thành thật cho rằng quyền tư hữu là một bước thụt lùi. Ông lấy cương vị chủ tịch của mình để ngăn cản hoặc chí ít, tránh nổ ra thảo luận các vấn đề này trên phạm vi rộng. Việc đó gây cho mọi người ấn tượng ông đang bảo vệ đặc quyền của giới cầm quyền. Giữa ông và Andrei Sakharov đã xảy ra đụng độ đối đầu vào ngày 12/12/1989. Andrei Sakharov đề nghị tổ chức một cuộc thảo luận về quyền tư hữu đất đai và các xí nghiệp, Điều 6 trong Hiến pháp, và Hiến pháp phải được sửa lại cho phù hợp. Các vấn đề nên được bổ sung vào chương trình nghị sự. Gorbachev phản ứng như bị ong châm và xua Sakharov ra khỏi diễn đàn để không có cơ hội tranh luận. Gorbachev thóa mạ vị viện sĩ cao niên này nhưng khi đưa tin trên truyền hình quốc gia ngay tối hôm đó, chính Sakharov lại là người đã giành được phần thắng. Hai ngày sau ông qua đời vì một cơn đau tim. Những người cấp tiến ghép hai sự kiện này lại, khẳng định chính việc Gorbachev làm bẽ mặt đã đẩy Sakharov đến chỗ chết. Gorbachev không hề muốn có bất kỳ cuộc thảo luận nào về Điều 6, ông cho rằng một Hiến pháp mới có thể giải quyết vấn đề này.

Ngày 13/12, Nikolai Ryzhkov trình bày trước các đại biểu nhân dân kế hoạch chi tiết gồm hai giai đoạn tiến tới quan hệ thị trường. Mỗi giai đoạn kéo dài ba năm. Gavriil Popov, đồng Chủ tịch nhóm Liên Khu vực chế giễu kiến thức kinh tế của Ryzhkov:

Năm năm qua chứng tỏ khái niệm về *perestroika* từ “bên trên” tỏ ra không tiến triển, cần có cách tiếp cận mới. Trung ương phải sẵn sàng không phải để lao vào cứu các doanh nghiệp đang chết đuối, mà phải ra tay cứu hộ những đối tượng gần hơn... đó là các nước cộng hòa, là các Xô viết địa phương. Và trước hết, là nhân dân đang chết chìm. Đặc biệt, các doanh nghiệp đang chìm ngìm không phải vì họ không biết bơi mà trung ương trói chân trói tay họ, quàng vào cổ họ trách nhiệm nặng nề, rồi lại yêu cầu họ phát triển.

Popov chỉ ra rằng kinh tế thị trường không thể được áp dụng từng đợt, giống như một chiếc ô tô cần có một động cơ và các chi tiết cấu thành cùng tương tác mới chạy được. Ông cho là cần có năm luật cơ bản: về quyền sở hữu, đất đai, xí nghiệp, các nước cộng hòa có sự độc lập kinh tế và quyền tự quản của địa phương. Tuy nhiên Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc vẫn thông qua kế hoạch xây dựng mối quan hệ thị trường của Ryzhkov với đại đa số tán thành. Họ quyết tâm tiếp tục hợp lý hóa nền kinh tế. Những người cải cách tỏ ra thất vọng và một đại biểu Ukraine bày tỏ nỗi niềm cay đắng trước sự bất công: cả một nước cộng hòa lao động cật lực bị trung ương lấy đi tới 95% sản lượng và chỉ chừa lại cho họ có 5%. Song cũng có trường hợp ngoại lệ, đó là các quốc gia vùng Baltic. Ngày 1/1/1990, họ thông qua quyền tự hạch toán, tức là họ đã giành được quyền tự quyết định về kinh tế.

CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Lithuania là nơi Gorbachev áp dụng thử nghiệm chính sách dân tộc của mình. Tại cuộc họp thượng đỉnh Malta, Tổng thống Mỹ Bush nêu rõ,

người Mỹ sẽ không làm phức tạp thêm vấn đề cho các nhà lãnh đạo Xô viết, đồng thời nói thêm ông sẽ không dùng vũ lực. Đại diện các nước cộng hòa vùng Baltic đã có cuộc gặp đại sứ Mỹ tại Moskva trước khi diễn ra hội nghị thượng đỉnh và tin chắc là Moskva và Washington sẽ không xóa bỏ thỏa thuận vấn đề Baltic. Ngày 7/12, Xô viết Tối cao Lithuania sửa đổi Điều 6 trong Hiến pháp Lithuania, là điều trao quyền độc tôn cho Đảng. Đảng Cộng sản Lithuania triệu tập Đại hội ngày 20/12 và ngay trưa hôm đó “với giọng nói tức giận khác thường”, Gorbachev gọi điện thoại cho Brazauskas để hỏi nghị quyết về việc tách Đảng Cộng sản Lithuania ra khỏi Đảng Cộng sản Liên Xô thông qua chưa, ông có biết hậu quả sẽ dẫn tới đâu không? Được cảnh báo quân đội có thể đến giải tán Đại hội nếu việc này được thông qua, Brazauskas lập tức quay lại phiên họp và khuyến cáo Đảng này nên tách ra. Đương nhiên tuyên bố này đồng nghĩa với việc Lithuania thành một nước độc lập. Phái thân Moskva, chiếm khoảng 1/6 số đại biểu tách ra thành lập Đảng của riêng mình, gọi là Đảng Cộng sản Lithuania, trung thành với cương lĩnh của Moskva.

Nay Đảng của Brazauskas trở thành Đảng Cộng sản độc lập Lithuania. Tại phiên họp Đại hội Đại biểu Nhân dân ngày 21/12, Gorbachev khích bác các đại biểu Lithuania: “Các đồng chí là những người cộng sản, những người Bolshevik vô Đảng.” Khi Landsbergis bắt đầu phát biểu, Gorbachev hỏi kháy: “Bolshevik vô Đảng phải không?” Landsbergis trả lời “Vâng”, không nghe thấy từ Bolshevik. Thế là hai bên đã có lời qua tiếng lại. Sau đó, Tổng Bí thư với vẻ mặt buồn rầu, thờ dãi: “Algirdas², anh đã cố gắng gì cho Đảng Cộng sản?” Dường như Gorbachev đã mất đi một người bạn thân. Họ thuyết phục những người Lithuania rất lâu. Ngày 24/12, cuối cùng Đại hội chấp nhận báo cáo của Yakovlev về Hiệp ước Molotov-Ribbentrop, một nghị định thư kín và tất cả tài liệu khác liên quan.

Đại hội nhận thấy rõ sự đối đầu trực tiếp đầu tiên giữa Gorbachev và Shevardnadze. Ủy ban Sobchak thông báo trước Đại hội về vụ thảm sát Tbilisi, Gorbachev và Shevardnadze được miễn tội, họ đổ lỗi cho quân đội,

trách nhiệm chính thuộc về người chỉ huy – Tướng Igor Rodionov. Giới quân sự méch lòng và biện bạch vụ này mang tính tự vệ. Sau đó, Shevardnadze đòi chất vấn điều tra một số khiếu nại về giới quân sự nhưng Gorbachev không để ông can thiệp vào các vấn đề đó. Thái độ đó khiến Shevardnadze nổi đóa vì ông nghĩ đã có một thỏa thuận về báo cáo được trình ra mà không cần thảo luận. Ngày 24/12, Shevardnadze cảnh báo Gorbachev rằng ông sẽ từ chức để phản đối nhưng vị chủ tọa không muốn nghe và Ngoại trưởng chịu nhường. Gorbachev quyết định đứng về phe quân sự, đó là bằng chứng rõ rệt đầu tiên chứng minh mối quan hệ Gorbachev và Shevardnadze có nguy cơ tan rã. Nó cũng chứng tỏ sự thiếu nhạy cảm của Gorbachev trong các vấn đề dân tộc.

Trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương ngày 25/12, những lời xỉ vả tới tấp đổ lên đầu Brazauskas, Vadim Medvedev chứng kiến sự hợp nhất giữa Đại hội Đảng Lithuania và phong trào Sajudis. Đối với Ligachev, phong trào Sajudis lợi dụng Đảng như một công cụ nhằm đạt các mục tiêu quốc gia. Nursultan Nazarbaev, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Kazakhstan, cho rằng Đảng Cộng sản Lithuania đang cố tước bỏ vai trò là “đội quân tiên phong chính trị trong xã hội Xô viết của Đảng Cộng sản Liên Xô”. Tuy vậy, ông lại đề xuất ngay việc tái cơ cấu Bộ Chính trị làm đại diện cho toàn thể các dân tộc của Liên bang Xô viết. Gorbachev ngắt lời những người đang phát biểu say sưa chỉ trích Brazauskas. Có lúc ông đã nói, nhà lãnh đạo người Lithuania này là “một chú ngựa thành Troa”. Một nhà phê bình đã cảm nhận Brazauskas giống một nhân tố nguy hiểm vì ông là “người nhạy cảm, và có quyền lực”. Phe bảo thủ trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng được một phen chế nhạo, huýt sáo miệng thoải mái, perestroika bị mang ra xem xét.

Sau đó, Gorbachev phê bình những người ủng hộ perestroika không chịu lên tiếng. Chernyaev phân trần là họ chờ ông phát biểu trước. Nếu ông ngồi đó và chấp nhận sự chỉ trích này, những người ủng hộ ông còn biết làm gì. Gorbachev nhường Ligachev lãnh đạo phiên họp toàn thể Ban Chấp

hành Trung ương ngày 9/12 và ông đã tấn công perestroika. Yakovlev báo cáo sau đó, Tổng Bí thư ca ngợi Ligachev có công “bảo vệ Đảng”. Cách xử lý này khiến những người ủng hộ ông lúng túng. Chernyaev nói với Gorbachev là chừng nào mà ông còn ca ngợi Ligachev trước công chúng, dù biết ông này là kẻ thù, thì sẽ không bao giờ có perestroika trong Đảng. Yakovlev nói với Gorbachev lẽ ra ông không phải chịu sự phê phán cá nhân trước những việc ông đã làm. Lẽ ra ông phải đứng dậy và bỏ đi, ông cũng có thể lôi kéo thêm 100 người nữa theo ông ra ngoài. Trong số các nhà lãnh đạo, Yakovlev nghĩ Medvedev, Shevardnadze, Slyunkov và Kryuchkov sẽ ủng hộ Mikhail Sergeevich. Yakovlev cho rằng Gorbachev nên bỏ hẳn các vị có danh pháp lãnh đạo trong trung ương Đảng, vì perestroika không thể thành công với một đội ngũ lãnh đạo như vậy.

Phiên họp toàn thể chỉ rõ Gorbachev không chấp nhận một Đảng liên bang, như Yakovlev và những người khác khuyên. Thậm chí, dù đại đa số đảng viên của Lithuania đều muốn có một Đảng liên bang, Gorbachev coi đó là con đường dẫn đến hủy hoại. Ông cho quá trình này là quá trình tách khỏi Liên bang Xô viết và nó sẽ là sự cáo chung lịch sử đối với tất cả các dân tộc thuộc Liên bang Xô viết³.

Tình hình ở Lithuania ngày càng nghiêm trọng hơn và Gorbachev cảm thấy phải nghĩ cách gửi lời kêu gọi thẳng tới nhân dân không thông qua các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản. Ngày 4/1, ông gặp lãnh đạo Đảng Lithuania Brazauskas tại Moskva. Yakovlev dự đoán Lithuania có thể tạo ra hiệu ứng domino có thể là vấn đề chính sự tồn vong của Liên bang Xô viết. Gorbachev khuyến cáo những người cộng sản Lithuania nên chống lại tư tưởng độc lập, đồng thời cho họ hiểu nỗi khó xử của ông. Khi đến Vilnius ngày 11/1/1990, ông được phong trào Sajudis chào đón nhiệt tình, họ kêu gọi dân chúng thể hiện sự tôn trọng trước “nhà lãnh đạo của một nước láng giềng” và còn là “một nước láng giềng thân thiện”. Sau đó, ông chỉ trích Brazauskas nhưng người Lithuania đáp lại là Brazauskas không thể trả lời thay cho phong trào Sajudis. Mikhail Sergeevich giải quyết vấn đề có nên

tồn tại hai đảng ở Lithuania không. Ông được hộ tống đến khắp nơi với các nhà lãnh đạo của cả hai đảng. Ông sừng sốt về sự phản kháng mãnh liệt của công chúng Lithuania và điều này đã khiến ông nhận ra tình cảm dân tộc là tình cảm sâu sắc nhất. Ông cố từ bỏ khát vọng giành độc lập. Ông hy vọng cải cách chính trị và kinh tế sẽ đẩy lùi tư tưởng ly khai. Thấy được việc tham gia Liên bang mang lại lợi ích thật sự, người ta sẽ không còn ám ảnh bởi ý nghĩ độc lập và vấn đề này sẽ được giải quyết có lợi cho mọi người. Song, ông đưa ra hai nhân nhượng cơ bản. Một dự thảo luật đang được soạn thảo nhằm quy định cụ thể các thủ tục rút khỏi Liên bang Xô viết. Ông cũng đang tính đến một nhà nước đa đảng. Không có sự kiện bất ngờ xảy ra trong chuyến đi này và người Lithuania cho rằng thành công chủ yếu của chuyến thăm là không có gì thay đổi. Ngày 16/1, Brazauskas được bầu làm Chủ tịch Xô viết Tối cao Lithuania, được coi là người đứng đầu nhà nước. Ông đang dọn đường để gặp Gorbachev trên cương vị hai nhà lãnh đạo tối cao. Lithuania áp dụng mô hình nhà nước Xô viết. Quyền lực dịch chuyển từ Đảng sang tay Xô viết Tối cao.

Toàn thể Ban Chấp hành Trung ương nhóm họp từ ngày 5-7/2 và nghe báo cáo kết quả chuyến thăm Lithuania của Gorbachev. Ông thừa nhận xu hướng ly khai hiện đang chi phối nước cộng hòa này. Song, hai đảng ở Lithuania nên tìm giải pháp chung cho những vấn đề gây cản. Cả hai đảng đều được mời cả hai đại biểu đi dự Đại hội Đảng lần thứ 28 ở Moskva. Tuy nhiên, những người bảo thủ lại nổi lên trong Đại hội. Họ chỉ ra “hội chứng Ceaucescu” và bày tỏ sự lo ngại một ngày nào đó chính họ bị treo lơ lửng trên các cột đèn. Nếu sự việc bắt đầu ở Lithuania thì nó sẽ kết thúc ở đâu? Phe thân Moskva trong Ban chấp hành Trung ương Đảng Lithuania tập trung chỉ trích Yakovlev, đổ hết tội lỗi cho ông vì chính ông đã khơi mào mọi chuyện và làm tình hình ở Lithuania tồi tệ hơn. Cuối cùng Gorbachev đứng về phe bảo thủ, khiến trách Đảng của Brazauskas. Ông hậu thuẫn cho Đảng thân Moskva, nhưng trên thực tế đảng này không có lực lượng ủng hộ ở Lithuania. Nó đang chơ vơ ở ngã ba đường giữa Gorbachev và Lithuania. Gorbachev không thể đưa ra một sáng kiến nào cho nước cộng hòa này nữa.

Tình trạng căng thẳng giữa Azerbaijan và Armenia về vùng Nagorno-Karabakh ngày càng tăng trong năm 1989, Moskva quyết định giao vấn đề tranh chấp vùng đất này cho các nước cộng hòa liên quan. Chính quyền đặc biệt tại Nagorno-Karabakh dưới thời Arkady Volsky giải thể ngày 28/11/1989, khi Xô viết Tối cao Liên bang bỏ phiếu ủng hộ trả lại vùng Nagorno-Karabakh thuộc về quyền quản lý của Azerbaijan. Ngày 1/12, căng thẳng ngày càng gia tăng ở thủ phủ Stepanakert, khi Xô viết Tối cao Armenia bỏ phiếu công nhận Nagorno-Karabakh là một vùng đất không thể tách rời của họ. Azerbaijan đáp trả bằng cách phong tỏa Armenia, vì vậy hầu như toàn bộ hàng hóa vận chuyển đến Armenia phải đi qua lãnh thổ Azerbaijan. Mặt trận Dân tộc Azerbaijan, lúc này được công nhận hợp pháp, đã tổ chức các đoàn biểu tình lớn phản đối. Ngày 13/1/1990, các cuộc bạo loạn đẫm máu nhất trong thời kỳ Xô viết đã xảy ra ở Baku. Người Armenia bị sát hại ở mọi nơi. Mặt trận Dân tộc nắm lấy quyền lực và giới lãnh đạo Đảng phải di chuyển về Moskva. Ngày 18/1, Mặt trận Dân tộc tuyên bố tình trạng khẩn cấp và chính quyền cộng sản bắt đầu sụp đổ. Ngày 19/1, Mặt trận đã chiếm các tòa nhà của Đảng và chính phủ.

Cùng ngày đó, Moskva tuyên bố tình trạng thiết quân luật và quân đội Xô viết tiến vào Baku nhằm khôi phục chính quyền cộng sản. Ngày 21/1, Xô viết Tối cao Azerbaijan biểu quyết tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về việc tách khỏi Liên bang Xô viết nếu quân đội Liên bang tiếp tục đóng quân trên mảnh đất này. Hơn 200 người ở Baku có thể đã bị sát hại trong cuộc đàn áp thẳng tay. Tình hình này chỉ kích thích thêm nỗi niềm khao khát của người Azeris về một nền độc lập hoàn toàn. Sự can thiệp bằng quân sự ở Baku châm ngòi cho các cuộc biểu tình ở Nga. Họ không phản đối việc quân đội tiến hành đàn áp mà họ quan tâm đến người thân, con cái đang bị đẩy vào nơi nước sôi lửa bỏng. Tuy vậy, có một tiền lệ: để giữ gìn đế chế được toàn vẹn thì phải đổ máu. Kết luận riêng của Gorbachev là chính quyền không thể tránh được việc sử dụng vũ lực trong tình huống quá khích. Chỉ có một chút hài lòng cho Gorbachev là người Mỹ không đã động

gì đến vụ thám sát ở Baku. Washington chấp nhận đó là xung đột sắc tộc nội bộ.

GORBACHEV, PHE CẤP TIẾN VÀ PHE BẢO THỦ

Hơn 400 người cấp tiến trong Đảng đã tập hợp lại ngày 20-21/1/1990 với mục đích tạo dựng nền tảng dân chủ cho Đảng Cộng sản Liên Xô. Nhiều người trong số này là đại biểu nhân dân của Nhóm Liên Khu vực. Họ nghiêng về chủ trương xây dựng một chế độ đa đảng, sự cáo chung của chế độ độc Đảng, của chế độ tập trung dân chủ và bỏ phiếu kín bầu các quan chức chính quyền. Có nhiều người tin ở lại trong Đảng sẽ tốt hơn, như Yeltsin, nhằm thay đổi tổ chức ngay từ bên trong. Song, những người khác, như Gavriil Popov, lại muốn tách ra khỏi Đảng nếu bộ máy Đảng không được xây dựng dân chủ hơn. Aleksandr Yakovlev không tham gia nhưng người ta cho rằng ông có hướng ủng hộ nhóm này.

Cuộc chiến sôi sục ở hậu trường được đăng tải trên các trang báo của tờ Le Monde. Phóng viên thường trú của báo này tại Moskva có trong tay nhiều tài liệu về chủ trương, chính sách do các cố vấn của Gorbachev soạn thảo, họ là những người ủng hộ nhóm dân chủ này. Họ tán thành cắt đứt hoàn toàn quan hệ với phe bảo thủ trong Đảng, chính những người đó bây giờ là bức rào cản lớn nhất đối với perestroika. Hơn thế nữa, họ còn đang tạo dựng các liên minh với những phần tử Sô-vanh và các thành phần yêu nước khác trong xã hội. Để thúc đẩy perestroika, Gorbachev buộc phải liên minh với những người cấp tiến này chứ không phải đứng làm trung gian giữa hai phái như trước nữa. Điều đó càng làm tăng sự nghi ngờ của phe bảo thủ, điển hình là Ligachev, về việc Gorbachev từ bỏ đấu tranh giai cấp và phản bội đất nước. Gorbachev thể hiện mình là một tài năng lớn khi thoát khỏi tình huống nguy hiểm này và Bill Keller, phóng viên đáng kính của tờ Thời báo New York, đã tóm lược kỹ năng của Gorbachev khi phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 5/2 khai mạc:

Giờ đây, ngài Gorbachev, nhân vật lão luyện trong chính giới đang lui về hậu trường, lại chuẩn bị cho vai diễn sắp tới của mình. Ông thoát khỏi hai điểm nóng hiểm họa trước đây (Lithuania và Azerbaijan) và lại tiếp tục khuấy động sự nhẹ dạ cả tin của khán giả. Mỗi lần diễn viên tài ba này bị quần chần vớt xuống sông, người ta lại chứng kiến diễn viên này bơi lên như thế nào.

Gorbachev tạo nên một trong những điều thần kỳ tại phiên họp toàn thể. Ông nhận được sự ủng hộ đông đảo từ phía những người bảo thủ, chấp nhận chế độ bầu cử tổng thống, được đưa vào cương lĩnh mới của Đảng để trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ 28 tháng 7/1990. Ông vận dụng hàng loạt chiến thuật nhằm đạt được kết quả. Đầu tiên, cũng có nhân tố bất ngờ. Vấn đề này không được thảo luận trong Đảng hay trong giới báo chí trước khi phiên họp diễn ra. Ông hy vọng vấn đề này được thông qua trước khi các phe phái chống ông hình thành. Ông không đưa ra quá nhiều chi tiết. Tuy vậy, ông nhân nhượng với phe bảo thủ. Ông phản đối chế độ Liên bang và bảo vệ bộ máy tập trung chuyên chế của Đảng. Không có quyền tư hữu đất đai. Tất nhiên, ông chủ trương tiếp tục thúc đẩy xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chắc chắn ông nhận ra mình không thể sử dụng quyền lực tổng thống nếu Đảng cứ khư khư vai trò tập trung của mình. Nếu được bầu làm tổng thống, ông sẽ từ bỏ vai trò lãnh đạo Đảng. Điều đó chỉ có thể diễn ra khi ông coi vai trò của Đảng chỉ mang tính chất là một diễn đàn. Hình như ông kết luận nếu ông là một nhân vật cấp tiến hơn, ông sẽ đảm bảo nền tảng quyền lực của mình trước tiên. Với cương vị tổng bí thư và chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân, ông có thể bị thuyên chuyển bất cứ lúc nào. Là tổng thống, ít ra ông cũng được đảm bảo chức vụ của mình trong nhiệm kỳ năm năm. Trong một thời gian trước mắt, thuyết phục Đảng chấp nhận hệ thống bầu cử tổng thống, ông sẵn sàng nhượng bộ. Tuy vậy, các nhượng bộ ông đưa ra làm trầm trọng thêm tình hình kinh tế đáng báo động của đất nước và lại một lần nữa, trì hoãn công cuộc cải cách kinh tế có tính quyết định.

Phiên họp cũng chấp nhận sửa đổi Điều 6 trong Hiến pháp năm 1977 ở phiên họp tới của Đại hội Đại biểu Nhân dân. Trong hồi ký của mình, Gorbachev coi đó là “Điều 6 đáng nguyên rủa”. Về nguyên tắc, quyết định bỏ chế độ độc Đảng được thừa nhận tại Hội nghị lần thứ 19, có nghĩa là chấp nhận một chế độ đa đảng và có phe đối lập chính trị. Nhưng khi nào mới áp dụng những thay đổi cơ bản này? Những người bảo thủ trong giới lãnh đạo, đứng đầu là Ligachev, không muốn từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Sự thô bạo của Gorbachev đối với Sakharov vào tháng 12/1989 dường như liên quan tới thất bại của phe cấp tiến, Gorbachev, Medvedev, Shevardnadze và Yakovlev, nhằm muốn đẩy qua Bộ Chính trị xem xét cho nhanh. Gorbachev lên kế hoạch riêng cho cải cách nhưng còn phụ thuộc vào kỹ năng chiến thuật của ông đánh bại những người bảo thủ. Mặt khác, sự phát triển xã hội nhanh hơn sự phát triển của Đảng và cần có sự thay đổi mạnh mẽ, cấp tiến hơn. Khó khăn mà Gorbachev phải đối mặt là nắm bắt nhanh nhạy và kịp thời những thay đổi, thỏa mãn hai viện, không để họ ngày càng bỏ xa nhau. Cũng có quan điểm cho rằng hoạch định mang tính chiến thuật (kế hoạch ngắn hạn) tốt hơn là hoạch định mang tính chiến lược (kế hoạch dài hạn). Cho đến lúc này, ông chưa có một tầm nhìn chiến lược rõ ràng và chưa xác định rõ là mình đang đi đâu. Một trong những điểm yếu của ông là không có khả năng dự báo được hậu quả các hành động của mình.

Gorbachev nhạy cảm lạ thường trước trào lưu chỉ trích cá nhân nổi lên khi các nhóm ủng hộ dân chủ kêu gọi tổ chức một cuộc biểu tình ở Moskva vào ngày 25/2. Ông ủng hộ cuộc biểu tình trước, vào ngày 4/2; nhưng Vladimir Kryuchkov, khéo léo khai thác điểm yếu không thích phê bình của Gorbachev, đã xuyên tạc một số lời nhận xét bình luận, thêm thắt mùi vị chống Gorbachev. Kryuchkov loan tin là những người tuần hành ngày 25/2 có ý đồ xông vào Điện Kremlin. Ryzhkov xuất hiện trên tivi khuyến cáo người dân nên ở trong nhà để tránh rơi vào tình trạng bạo lực có thể xảy ra. Người ta cũng đạt được một thỏa hiệp và đám đông hơn 100 nghìn người đã tụ họp ở Công viên Gorky và sau đó tới quảng trường Smolensk, tránh xa

trung tâm. Quân đội sẵn sàng chờ lệnh phòng xa khi có người cố đến gần trung tâm. Toàn bộ việc này làm cho người của phe dân chủ tức giận, họ bắt đầu nghi ngờ về động cơ muốn trở thành tổng thống của Gorbachev. Vị tổng thống tương lai đã giải quyết không thỏa đáng trước đoàn biểu tình khiến họ cho rằng ông không hề có niềm tin vào nền dân chủ. Trong cuộc họp của Xô viết Tối cao hai ngày sau đó, Sergei Stankovich và Anatoly Sobchak kêu gọi cần có sự cân nhắc trước khi thông qua sửa đổi Hiến pháp. Gorbachev bị kết tội tập trung quá nhiều quyền lực trong tay. Điều đó làm ông bị tổn thương và những lời bình luận rời rạc của ông chứng tỏ sự bối rối trong lòng ông. Khi cuộc bỏ phiếu sắp tiến hành, đã có một số lớn ủng hộ bản sửa đổi Hiến pháp.

LẠI LÀ VẤN ĐỀ LITHUANIA

Các cuộc bỏ phiếu cho Xô viết Tối cao Lithuania hay Hội đồng diễn ra ngày 25/2/1990 và vòng hai hoàn thành để Hội đồng có thể triệu tập họp vào ngày 10/3. Các ứng cử viên ủng hộ phong trào Sajudis đã giành chiến thắng đa số áp đảo và hơn số đại biểu cam kết thúc đẩy nền độc lập tự chủ. Đảng thân Moskva tiếp nhận tài sản của Đảng và Gorbachev cảnh báo Brazauskas rằng việc ly khai sẽ làm cho Lithuania mất đi 21 tỷ rúp (tương đương 33 tỷ đôla) vì Moskva sẽ không chấp nhận thanh toán bằng tiền rúp. Lithuania có thể sẽ mất Vilnius và Klaipeda, đồng thời phải lùi về biên giới cũ năm 1939.

Các nhà lãnh đạo Sajudis, đứng đầu là Vytautas Landsbergis, đề nghị gặp đại sứ Mỹ và được chấp thuận sáng 7/3. Tuy nhiên, Shevardnadze đề nghị có cuộc gặp khẩn trước đó. Ông chuẩn bị các công hàm bằng tiếng Gruzia. Việc này quả thật nghiêm trọng. Với giọng điệu trịnh trọng, ông giải thích cuối tuần tới, ngày 10-12/3, sẽ là thời khắc quyết định đối với Liên bang Xô viết: “Kế hoạch của Gorbachev đảm nhận một nhiệm kỳ tổng thống và một liên bang gồm các nhà nước có chủ quyền lại vấp phải sự phản đối kịch liệt. Tình hình nội bộ hết sức căng thẳng, đặc biệt là giới quân

sự, một động thái sai cũng có thể châm ngòi cho một cuộc nội chiến và “tạo ra một chế độ độc tài quân sự”. Nếu Đại hội Đại biểu Nhân dân mới của Lithuania tuyên bố độc lập trước khi Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc thông qua chế độ bầu cử tổng thống, chắc chắn sẽ có nội chiến. Nếu người Lithuania tuyên bố độc lập sau khi Gorbachev trở thành tổng thống, ông có thể kiểm soát được tình hình. Shevardnadze đề nghị đại sứ Mỹ trì hoãn cuộc gặp với lãnh đạo phong trào Sajudis. Việc này cũng tránh nghi ngờ Mỹ đang “lôi kéo” Lithuania hòng làm tan rã chế độ Liên bang Xô viết. Việc này có thể xô đẩy đến hành động quân sự chống người Lithuania. Vị đại sứ nói với Shevardnadze rằng ông không thể hoãn cuộc gặp.

Landsbergis phát biểu rằng đoàn đại biểu muốn thông báo với đại sứ rằng Hội đồng Tối cao Lithuania sẽ triệu tập vào cuối tuần và có thể sẽ tuyên bố độc lập. Người Lithuania băn khoăn hai vấn đề: nước Mỹ phản ứng ra sao trước tuyên bố độc lập của họ, liệu quan hệ giữa Washington và Moskva có vì các vấn đề dân tộc mà bế tắc không? Vị đại sứ giải thích Mỹ chỉ công nhận một chính phủ có khả năng kiểm soát được chính lãnh thổ của mình. Đây không phải là trường hợp đó, Washington sẽ không công nhận Lithuania. Về vấn đề dân tộc, không có sự thông cảm giữa hai chính phủ. Người Lithuania muốn tuyên bố độc lập trước khi Gorbachev lên làm Tổng thống. Tại sao vậy? “Đơn giản chúng tôi không tin ông ta”, Landsbergis đáp, “Ông ta thích quyền lực hơn, vì vậy ông ta có thể nghiền nát chúng tôi!” Vị đại sứ đáp lại rằng: Gorbachev hiện đã thừa khả năng để nghiền nát họ rồi.

Vị đại sứ gặp Shevardnadze ngay hôm sau. Ông gợi ý là Tổng thống Bush có thể liên hệ với Landsbergis khuyên ông chờ thêm một tuần nữa trước khi tuyên bố độc lập. Song, Gorbachev phải cam kết không dùng vũ lực chống lại Lithuania. Không có chuyện gì xảy ra cả. Khi chia tay, Shevardnadze gây cho vị khách sửng sốt, ông nói: “Jack, tôi sẽ nói với anh một điều. Nếu tôi chứng kiến một chế độ độc tài đang hình thành, tôi sẽ từ chức. Tôi sẽ không nằm trong thành phần một chính phủ mà tay họ nhuộm

đầy máu.” Hội đồng Tối cao Lithuania tuyên bố độc lập vào ngày 11/3, đúng năm năm sau ngày Gorbachev nhậm chức tổng bí thư. Washington tái khẳng định “quyền tự quyết hòa bình không thể bị tước bỏ của nhân dân vùng Baltic” và thúc giục chính quyền Xô viết phải sớm tham gia vào các cuộc thương lượng có tính xây dựng cùng chính phủ Lithuania”. Vytautas Landsbergis được bầu làm chủ tịch, do vậy đồng thời là người đứng đầu nhà nước. Agirdas Brazauskas là người thứ hai. Tên chính thức là nước Cộng hòa Lithuania và các đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân tuyên bố “tái thiết nền độc lập cho nhà nước Lithuania”. Kazimiera Pruskiene trở thành Thủ tướng vào ngày 17/3 và Brazauskas làm Phó Thủ tướng thứ nhất. Sự mạo hiểm của ông chia sẻ với những người bảo thủ đã đem lại kết quả tốt và sau đó ông kế nhiệm Landsbergis làm Tổng thống nước Lithuania độc lập.

VỊ TỔNG THỐNG ĐẦU TIÊN

Kết quả bầu Gorbachev làm Tổng thống ngày 13/3/1990 tại Đại hội Đại biểu Nhân dân, trên cương vị chủ tịch điều hành Liên bang Xô viết là điều đã được dự đoán. Trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương một ngày trước đó, ông được phê chuẩn. Sự căng thẳng giữa Gorbachev và phe cấp tiến, những người dân chủ ngày càng tăng lên rõ rệt qua bài diễn văn của Yury Afanasev, phát ngôn thay cho Nhóm Liên Khu vực. Ông tiết lộ nhóm này sẽ bỏ phiếu chống chủ trương áp dụng hệ thống bầu cử tổng thống đến chừng nào các điều kiện nhất định chưa được đáp ứng. Họ muốn có một cuộc bầu cử tổng thống dựa trên một hiệp ước Liên bang, áp dụng chế độ đa đảng, bầu ra một cơ quan lập pháp mới và bầu tổng thống rộng rãi. Tổng thống sẽ không đóng vai trò chủ chốt trong bất cứ đảng phái chính trị nào.

Rõ ràng phe cấp tiến lo ngại Gorbachev sẽ sử dụng quyền lực mới của mình chống lại họ. Afanasev không tiếc lời thóa mạ Gorbachev. Ông ta lớn tiếng tuyên bố mục đích của chế độ tổng thống chỉ nhằm hợp pháp hóa

quyền lực tối cao trong tay một cá nhân, mà lúc này người đó chính là Mikhail Sergeevich Gorbachev. Các đại biểu khác lại bảo vệ Gorbachev, họ cho rằng ông đã giành được quyền lực cá nhân tuyệt đối năm năm trước. Ông cũng mong muốn các điều kiện khác nữa nhưng đơn giản vì không có thời gian để tham dự các cuộc bầu cử tổng thống. Một đại biểu khác lo sợ Gorbachev có thể sẽ thu tóm mọi quyền lực: “Nó đe dọa tiến trình dân chủ hoá... có nguy cơ quay lại chế độ độc tài, các nguyên tắc dân chủ bị phá vỡ... không ai nghe ai cả.”

Nursultan Nazarbaev, Bí thư thứ nhất Đảng Kazakhstan đề xuất một số việc không liên quan đến Gorbachev. Ông muốn áp dụng chế độ bầu cử tổng thống ở nước cộng hòa này “nhằm loại bỏ các mâu thuẫn giữa khái niệm về nhiệm kỳ tổng thống và nguyện vọng của các nước cộng hòa muốn mở rộng thêm quyền tự trị của họ”. Trong một bài phát biểu, Nazarbaev có ý định cắt giảm quyền lực và ảnh hưởng của trung ương. Khi cuộc bỏ phiếu dừng lại, theo danh sách cử tri, 1.817 phiếu nhất trí chế độ bầu cử tổng thống, 133 phiếu chống và 61 bỏ phiếu trắng. Có ba người có tên trên lá phiếu bầu tổng thống, nhưng Nikolai Ryzhkov⁴ và Vadim Bakatin rút lui, Gorbachev ở lại không có đối thủ. Ông được bầu làm Tổng thống trong một cuộc bỏ phiếu kín với 1.329 phiếu thuận, 495 phiếu chống và 313 phiếu trắng hoặc bị coi là không hợp lệ. Điều này đại diện cho 59,1% đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân, là quá bán 50% cộng một được coi là hợp lệ. Song, việc này cho thấy mức độ có thay đổi nhiều kể từ sau cuộc bỏ phiếu tháng 5/1989, khi ông được bầu vào chức Chủ tịch Xô viết Tối cao với 2.123 phiếu (95,6%) so với 87 phiếu còn lại.

Một vấn đề khác tại Đại hội là liệu “người được bầu vào chức vụ Tổng thống của Liên bang Xô viết có thể nắm các trọng trách khác trong Đảng hoặc có chức vụ trong nhà nước không”. Cả nhóm liên khu vực và những người bảo thủ đều phản đối và kiến nghị đòi sửa đổi Điều 127 (quyền Tổng thống) thất bại vì 1.303 phiếu chống và chỉ 607 phiếu thuận. Một sửa đổi

trong hiến pháp cần phải có sự ủng hộ của 2/3 đa số đại biểu Đại hội Đại biểu Nhân dân. Phe bảo thủ không đạt được mục tiêu của họ.

Có nhiều ý kiến trái ngược về việc phải chăng Gorbachev đã phạm phải một sai lầm lớn là không được bầu rộng rãi. Yeltsin xoáy vào điểm này. Được bầu chính thức hẳn là có tác dụng làm tăng hình ảnh và tính hợp pháp của Gorbachev. Tuy nhiên, sau khi cân nhắc kỹ, ông có thể kết luận mình không phải là người chiến thắng. Để được bầu làm tổng thống, ứng cử viên phải có đa số phiếu ủng hộ của các nước cộng hòa. Sự thù hận chống Mikhail Sergeevich ở Baltic và Ngoại Cavcaz chắc chắn khiến ông không nhận được đa số ủng hộ ở đây. Ông sẽ phải nhân nhượng họ rất nhiều để đổi lấy sự ủng hộ của họ trong cuộc bầu cử ở các nước cộng hòa. Hiến pháp muốn cản người Nga bầu cử cho một người Nga làm Tổng thống toàn Liên bang Xô viết, người Nga đó sẽ áp đặt ý chí của mình lên các dân tộc không phải Nga.

Tổng thống bổ nhiệm Hội đồng Bộ trưởng và trình danh sách lên Xô viết Tối cao xem xét và thông qua. Ông chủ trì Hội đồng Quốc phòng. Một Hội đồng Tổng thống, đại diện cho các khu vực bầu cử, được bổ nhiệm. Về mặt nghi thức, hội đồng này có thể thay mặt Bộ Chính trị. Như vậy, sự cân bằng về quyền lực được bảo đảm để hoạt động hiệu quả. Thành viên của Hội đồng đón tiếp các quan chức cao cấp nước ngoài trong các ngày lễ nhà nước. Một Hội đồng Liên bang cũng được bầu ra đại diện cho các nước cộng hòa. Hai hội đồng này đóng vai trò tư vấn, cùng với Tổng thống đảm trách thực hiện quyền hành pháp. Ở đây thể hiện sự phân lô quyền lực rõ ràng. Tuy nhiên, có nhiều điểm yếu trong hệ thống này, Ryzhkov lo lắng trước việc chính quyền đang trên đà suy yếu. Một số cố vấn của Gorbachev khuyên ông chống lại việc can thiệp vào quá trình quản lý kinh tế – đây là một sai lầm chết người. Không có cơ quan hành pháp mạnh nào lập ra chỉ để thực hiện các quyết định của Tổng thống. Đảng phải đứng ngoài các hoạt động nhà nước. Các Xô viết, đa số là thành viên của các cơ quan lập pháp nhưng lại không có vai trò gì trong hành pháp. Một điểm chủ yếu nữa là

thất bại trong việc thiết lập một hệ thống tòa án độc lập và mạnh mẽ. Ủy ban Hiến pháp đưa ra quá ít hướng dẫn vì các quan tòa cũng giống như Solomon, tìm ra giải pháp cho cả hai bên. Kết quả là thiếu đi quyền hành pháp tập trung, các cơ quan ở dưới như các nước cộng hòa và các tổ chức mafia đang nổi lên, từng bước lấp chỗ trống này.

TRỞ LẠI BALTIC

Tại Đại hội Đại biểu Nhân dân, đại biểu Lithuania tham gia với tư cách quan sát viên và không tham gia bầu cử tổng thống. Họ kêu gọi Đại hội bình tĩnh sáng suốt đưa ra giải pháp cho các cuộc thương lượng giành độc lập. Giống như vậy, người Estonia không bỏ phiếu bầu cử tổng thống và chính thức đề nghị Gorbachev bắt đầu tiến hành đàm phán về nền độc lập. Ông cương quyết chống lại: “Không thể có vấn đề đàm phán nào với Lithuania, với Estonia hoặc Latvia.” Phản ứng của Đại hội là bác bỏ tuyên bố độc lập của Hội đồng Tối cao Lithuania. Moskva khuyến khích các dân tộc thiểu số ở Lithuania hãy thể hiện quyền lực của họ và chống lại xu hướng ly khai. Chủ trương công khai, cuối cùng chỉ là phương tiện tuyên truyền cho các quan điểm của trung ương mà thôi.

Ngày 23/3, toàn bộ các nhà ngoại giao được lệnh rời khỏi Lithuania trong vòng 12 giờ (Mỹ cũng có hai quan sát viên ở đây) và các phóng viên báo chí được thông báo hoãn các chuyến đi thăm vùng này. Căng thẳng đã bắt đầu. Người Mỹ khuyến khích đối thoại nhưng Landsbergis chỉ chấp nhận thương lượng trên tư cách một nước có chủ quyền, còn Moskva chỉ thương lượng trong trường hợp nước cộng hòa này rút lại tuyên bố về độc lập. Trong khi Washington làm ngơ trước vụ tàn sát ở Baku, tình hình đổ máu ở Lithuania sẽ đặt dấu chấm dứt quá trình hợp tác giữa hai cường quốc.

Bộ luật chờ đợi từ lâu quy định về vấn đề ly khai cuối cùng cũng được thông qua và Tổng thống Gorbachev đã ký vào ngày 3/4. Mục đích của luật này biến việc ly khai thành một thủ tục kéo dài và phức tạp đến mức trên

thực tế không thể thực hiện được. Trước hết, phải tiến hành tham khảo ý kiến, có sự nhất trí của đa số 2/3, sau đó người ta mới tiến hành thương lượng. Đại hội Đại biểu Nhân dân sẽ quyết định thời gian của quá trình chuyển đổi (có thể là đến năm năm) và cuối cùng Đại hội sẽ công nhận về mặt pháp lý, nước cộng hòa được ly khai. Bằng bất cứ giá nào Gorbachev vẫn muốn duy trì chế độ liên bang.

Vào ngày 13/4, ngày thứ sáu tốt lành, Gorbachev phát đi một tối hậu thư:

Nếu trong vòng hai ngày, Xô viết Tối cao và Hội đồng Bộ trưởng của Lithuania không bãi bỏ các quyết định trước kia, các nước cộng hòa thuộc Liên bang sẽ được lệnh ngừng cung cấp hàng hóa sản phẩm cho Lithuania, mà xuất các sản phẩm này ra nước ngoài để đổi lấy ngoại tệ.

Người ta tiến hành phong tỏa vào ngày 18/4. Mặt hàng đầu tiên bị cắt là dầu hỏa và khí tự nhiên, hai mặt hàng này bị cắt giảm đến 80%. Một danh sách dài các hàng hóa khác gồm cả: cà phê, đường cũng bị cấm cung cấp và Gorbachev bác bỏ đề nghị cung cấp ngoại tệ cho Lithuania. Brazauskas phải chịu trách nhiệm đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng. Ông là sự lựa chọn tuyệt vời vì ông có nhiều quan hệ trong Liên bang Xô viết. Kể từ khi Lithuania là một nước xuất khẩu lương thực, hầu như không hề xảy ra tình trạng khủng hoảng lương thực ở đây. Nguyên nhân khiến nước cộng hòa này suy yếu và lụn bại là do việc đóng cửa nhà máy năng lượng điện hạt nhân ở Ignalina. Moskva đóng cửa nhà máy hạt nhân này để sửa chữa nhưng Brazauskas đe dọa sẽ cắt điện toàn khu vực Kaliningrad, vì nhà máy ở Ignalina cung cấp đến 60% nguồn điện cho vùng này, và nhà máy điện này ngay lập tức được hoạt động trở lại. Phần lớn điện sử dụng trong khu vực Kaliningrad là dùng cho quân đội. Việc phong tỏa này cũng khiến Tổng thống Mỹ bối rối, vì trước đó ông cam kết không có hành động chống lại Gorbachev. Gorbachev cho rằng áp lực kinh tế và những cuộc

diễn tập quân sự liên miên ở nước cộng hòa này sẽ buộc người Lithuania phải phục tùng.

Chẳng những có tác động đe dọa người dân Baltic, áp lực của Moskva đối với Lithuania còn có tác động ngược lại. Ngày 30/3, Xô viết Tối cao Estonia mà thành phần chủ yếu là Mặt trận Dân tộc trong các cuộc bầu cử gần đây, tuyên bố pháp luật Xô viết hiện hành là bất hợp pháp từ lúc khởi đầu và đòi phục hồi nước Cộng hòa Estonia thời kỳ trước chiến tranh. Ngày 19/4, Gorbachev gặp riêng các đại biểu từ Estonia và Latvia, hy vọng thuyết phục họ không theo gương Lithuania. Ông cam kết sẽ trao cho họ quyền tự trị trong một liên bang mới. Điều này nghe không còn mấy hấp dẫn và vào cuối tháng 4, Latvia tuyên bố việc sáp nhập vào liên bang của nước này năm 1940 không còn hiệu lực.

Ngày 16/5, Lithuania tuyên bố sẵn sàng tạm thời ngừng hoạt động cho việc tuyên bố độc lập. Landsbergis và Prunskiene gặp Gorbachev và ông chỉ rõ mình có thể nhân nhượng. Trong khi đó Prunskiene sẵn sàng tận dụng các kết quả đạt được thông qua thương lượng, Landsbergis lại kiên quyết không chịu nhượng bộ. Prunskiene tỏ ra thận trọng trước lập trường không nhượng bộ của ông này.

Khi Ngoại trưởng Mỹ James Baker thăm Moskva cuối tháng 5 để chuẩn bị cho cuộc gặp thượng đỉnh Washington, vấn đề Lithuania lại một lần nữa trở thành vấn đề nổi cộm trong chương trình nghị sự. Khi gặp Shevardnadze, Baker nói rõ địa vị hợp pháp của ba nước cộng hòa vùng Baltic khác hoàn toàn với địa vị của các nước cộng hòa khác trong Liên bang Xô viết. Shevardnadze vặn vẹo lại rằng nhân dân vùng Cavcaz đều hài lòng và mãn nguyện với việc gia nhập Liên bang, đây cũng là tâm lý chung của nhiều người dân vùng Trung Á. Ông cũng nêu rõ dù Gorbachev và ông thật sự muốn tạo lập mối quan hệ ngày càng tốt đẹp hơn với Mỹ, và nếu phải chọn lựa giữa việc giữ cho Liên bang Xô viết thống nhất một khối và có quan hệ tốt đẹp hơn với nước Mỹ, thì cả hai sẽ ưu tiên củng cố thống

nhất trong nội bộ Liên bang lên hàng đầu. Nội chiến sẽ xảy ra ngay lập tức nếu họ cho phép bất cứ một nước cộng hòa nào ly khai khỏi Liên bang. Sau đó, Baker còn gặp Kazimiera Prunskiene, nhân vật mà ông cho là nhà thương thuyết tài năng hơn Landsbergis – người không thể giành thắng lợi nếu cứ gò mình vào các khẩu hiệu hô hào hay chú tâm nhiều vào vị thế đàm phán. Prunskiene muốn biết liệu việc trì hoãn tuyên bố độc lập của Lithuania có thể hiện nước này đang tự nguyện đi theo tiến trình luật pháp của Xô viết không. Baker hứa chắc chắn bất kể Lithuania hành động ra sao, Washington luôn công nhận các nước cộng hòa vùng Baltic là một bộ phận của Liên bang Xô viết. Nhu cầu của Liên Xô về việc ký một hiệp định thương mại với Mỹ ngày càng cấp bách vì nền kinh tế của họ đang trên đà trượt dốc. Washington có thể lợi dụng tình thế này để tăng sức ép chấm dứt các trừng phạt kinh tế của họ với các nước cộng hòa. Như một phần của cuộc trao đổi, người Mỹ tuyên bố họ sẽ không ký hiệp định thương mại cho đến khi Moskva thông qua luật cho phép tự do xuất cảnh.

Gorbachev tìm mọi cách thoát khỏi bãi lầy trong vấn đề Lithuania, ông nhận định nước Nga có thể còn là mối đe dọa đáng sợ hơn Lithuania. Bất chấp nỗ lực ngăn cản của ông đối với cơ hội thắng cử của Yeltsin, vào chức Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên bang Nga, Yeltsin vẫn trở thành Chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân và giữ cương vị đứng đầu nước cộng hòa này, vào ngày 29/5. Đó cũng chính là ngày Gorbachev đi dự hội nghị thượng đỉnh ở Canada và Mỹ. Lần đầu tiên, Gorbachev bị bao phủ bằng hàng loạt các sự kiện trong nước trong khi tham gia hội nghị tại nước ngoài.

Tại hội nghị thượng đỉnh (từ 30/5-4/6), Tổng thống Bush vẫn chưa có ý định ký hiệp định thương mại, Shevardnadze cảm thấy ngao ngán khi được thông báo khả năng Tổng thống Mỹ sẽ không ký hiệp định này. Sau cùng, Gorbachev thuyết phục Bush ký Hiệp định nhưng phải có hai nhượng bộ. Liên bang Xô viết buộc phải thông qua đạo luật về tự do xuất cảnh và Gorbachev phải dỡ bỏ trừng phạt kinh tế với Lithuania, trước khi luật

thương mại được trình lên Đại hội. Thỏa thuận về vấn đề Lithuania chỉ mang tính cá nhân chứ không công khai vào thời điểm đó.

Ngày 1/6, Yeltsin gặp Landsbergis thảo luận vấn đề hợp tác giữa hai chính phủ và chỉ trích lệnh phong tỏa đang được áp dụng. Trước khi đi Washington, Gorbachev kết tội Yeltsin có ý đồ làm tan rã Liên bang Xô viết. Tại hội nghị thượng đỉnh, ông cho Tổng thống Bush biết Yeltsin là kẻ phá hoại. Người dân Lithuania bị chia rẽ sâu sắc trước cách giải quyết của Moskva. Landsbergis muốn thể hiện một lập trường cứng rắn nhưng Prunskiene nghiêng về nhân nhượng thỏa thuận, thậm chí có lúc phải có những bước lùi chiến lược. Bà ý thức được cái giá kinh tế khủng khiếp mà nước cộng hòa này phải trả cho độc lập. Trong số hai nhân vật ở Moskva, bà muốn đàm phán thương lượng với Gorbachev hơn. Yeltsin quá mạo hiểm và liều lĩnh. Ngày 12/6, Landsbergis gặp Gorbachev, ngày 13/6 gặp Ryzhkov và hai người này hứa sẽ tăng số lượng cung cấp khí tự nhiên. Bế tắc được khai thông khi hai bên thống nhất giãn thời gian trả nợ. Tuyên bố độc lập sẽ dừng lại chứ không là hủy bỏ.

Ngày 29/6, Hội đồng Tối cao Lithuania chấp nhận hoãn nợ 100 ngày, Gorbachev ngay lập tức ra lệnh dỡ bỏ lệnh phong tỏa. Toàn bộ cách giải quyết đối với tình hình này chứng tỏ sự thất bại cay đắng của Gorbachev và làm trầm trọng thêm tình hình kinh tế trong nước vốn đã rất khó khăn. Lithuania bị cấm xuất khẩu hàng hóa sang các vùng khác thuộc Liên bang Xô viết. Theo nhận xét của Vadim Bakatin, Gorbachev không linh hoạt khi giải quyết vấn đề này: “Tổng thống sai lầm khi cho rằng chính phủ Latvia, Lithuania và Estonia không được quần chúng ủng hộ”.

Những người bảo thủ và giới quân sự liên tục ép các quốc gia vùng Baltic đi dần vào khuôn khổ. Quan điểm của Moskva và người dân vùng Baltic vẫn còn khá cách xa nhau. Trung ương hy vọng có thể thương lượng với ba nước vùng Baltic trên cơ sở các quy định về quyền ly khai và quy định trong khuôn khổ hiệp ước Liên bang mới. Tuy nhiên, Vilnius, Riga và

Tallinn cho rằng quyền độc lập là thực tế hiển nhiên và điều họ cần phải làm là thương lượng để giành được nền độc lập đó.

NƯỚC NGA THỨC TỈNH

Các cuộc bầu cử vào Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên bang Nga (RSFSR) diễn ra vào tháng 3 và tháng 4/1990, những người dân chủ – tập hợp lại dưới một tổ chức gọi là Nước Nga Dân chủ (DemRossiya) – chỉ chiếm thiểu số. Một phần do họ không thể thống nhất được với nhau. Điều này cho phép ứng cử viên Đảng Cộng sản, thường là thành viên bộ máy Đảng hoặc giám đốc xí nghiệp, giành thắng lợi trong nhiều khu vực bầu cử, phần lớn do đối phương vắng mặt. Vài người trong phe dân chủ là thành viên của Đại hội Đại biểu Nhân dân Xô viết và Nga. Có tin tiết lộ rằng 86,7% các đại biểu là đảng viên. Điều này dường như không quan trọng vì hầu hết các nhân vật cấp tiến lúc đó hã còn ở trong Đảng. Tuy nhiên, có khoảng 1/4 số đại biểu từ các tổ chức Đảng, Xô viết và tổ chức xã hội. Thành phần phụ nữ không đáng kể chỉ chiếm 5,3% đại biểu. Một nhân tố nổi bật là 92,7% đại biểu có trình độ học vấn khá cao.

Boris Yeltsin giành được chiến thắng ngoạn mục ở Moskva. Gorbachev phát biểu ông đã đánh giá thấp hiện tượng bầu cử Yeltsin ở Moskva và tin rằng “sẽ không phải là hiện tượng phổ biến trên toàn nước Nga”.⁵ Phong trào Nước Nga Dân chủ giành chiến thắng đa số ở Moskva, Leningrad, Sverdlovsk (địa bàn của Yeltsin) và nhiều thành phố lớn khác. Khi Đại hội Đại biểu Nhân dân khai mạc ngày 16/5, rõ ràng phe dân chủ chỉ chiếm thiểu số, nhưng tính ra có khoảng 40%. Những người bảo thủ chiếm tương đương 40%. Chìa khóa cho thành công trong Đại hội là khả năng thuyết phục được các đại biểu trung lập. Việc bỏ phiếu cho vị trí chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân của Xô viết Tối cao là cực kỳ quan trọng. Yeltsin phải thu hút các phiếu bầu ngay từ lúc các đại biểu cộng sản còn đang lưỡng lự chưa biết bầu cho ai.

Gorbachev ủng hộ Aleksandr Vlasov rất mạnh mẽ, nhưng ông này là một nhà diễn thuyết tồi và dường như thiếu năng động trong công việc. Gorbachev lo sợ việc bầu Yeltsin sẽ làm tăng sự đối đầu giữa nước Nga và Liên bang: “Tôi đã biết con người này bản chất là kẻ phá hoại”. Trong vòng bỏ phiếu đầu tiên, Yeltsin giành được nhiều phiếu ủng hộ hơn Vlasov nhưng lại chưa đủ đa số phiếu. Vlasov và vài đại biểu khác rút khỏi vòng hai, Yeltsin vượt qua Ivan Polozkov, sau này là một nhà lãnh đạo bảo thủ của Đảng Cộng sản Nga. Nhưng Yeltsin vẫn thiếu sự ủng hộ đa số. Polozkov rút lui và Vlasov trở lại. Lần thứ ba, Yeltsin giành đa số sát sao. Ngay lập tức, ông tuyên bố ông sẽ không liên kết với bất cứ đảng phái nào hoặc phe phái nào, nhưng ông sẽ đại diện cho toàn thể nhân dân Liên bang Nga. Quyết định này gây ra cho Yeltsin rất nhiều vấn đề sau này. Yeltsin để mắt đến nhiệm kỳ tổng thống Nga nhưng phải giành được 2/3 đa số ủng hộ của đại biểu về việc sửa đổi Hiến pháp Nga năm 1978. Việc này gây ra tình trạng hỗn loạn mùa hè năm 1990.

Việc bầu Yeltsin vào chức chủ tịch Xô viết Tối cao và cũng là người đứng đầu Liên bang Nga, lần đầu tiên đem lại cho ông một nền tảng chính trị hoàn toàn độc lập với Gorbachev. Nước Nga có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn Liên bang và còn có thể trở thành nhân tố quyết định. Tuy vậy, nước cộng hòa này đang đối mặt với nhiều vấn đề khó giải quyết trong việc xác định địa vị và quyền lợi của chính mình. Liệu nước Nga có cùng chung ranh giới với Liên bang Xô viết? Mặt khác, nước Nga chỉ đơn giản là một nước cộng hòa lớn nhất trong Liên bang Xô viết không? Đây là sự xung đột giữa “những người kiến tạo quốc gia” – cho rằng nước Nga có cùng chung biên giới với Liên bang Nga, và “những người cứu sống đế chế” – tin rằng nước Nga chính là Liên bang Xô viết, đã đập tan một phần nước Nga dân chủ. Liệu nước Nga có phải là một nhà nước dân tộc không? Ai là người Nga? Xét cho cùng, có khoảng 25 triệu người Nga sống ngoài lãnh thổ Liên bang Nga. Nước Nga không có đảng cộng sản riêng, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô giám sát hoạt động của giới trí thức khoa học Nga, Bộ Văn hóa Liên Xô chịu trách nhiệm quản lý điều hành các viện bảo

tàng, các nhà hát và nhiều cơ quan khác. Trong khi đó, các nước cộng hòa khác cũng có các tổ chức như trên, nước Nga nằm dưới sự giám sát của Liên bang. Một số nhà kinh tế Nga cho rằng Liên bang Nga chiếm khoảng 3/4 tổng sản phẩm quốc nội của Liên bang Xô viết, đang bị các nước cộng hòa khác bóc lột. Nếu nước Nga giành được quyền điều hành nền kinh tế của mình, người dân đã giàu có và thịnh vượng hơn nhiều.

Rõ ràng, vấn đề chủ quyền sẽ không xảy ra. Các nước cộng hòa Baltic và Azerbaijan đã tuyên bố chủ quyền của họ. Nhưng chủ quyền được định nghĩa như thế nào? Theo Điều 76 Hiến pháp Liên Xô, “một nước cộng hòa thuộc Liên bang là một nhà nước xã hội chủ nghĩa có chủ quyền, thống nhất với các nước cộng hòa Xô viết khác trong Liên bang Các nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết”. Do vậy, tất cả các nước cộng hòa đều là nước có chủ quyền. Song trên thực tế, đó là chủ quyền giả tạo, hình thức. Lúc này, các nước cộng hòa muốn giành lại chủ quyền thật sự của mình.

Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga mới đã đưa ra một quyết định quan trọng là tuyên bố chủ quyền của mình vào ngày 12/6/1990. Sự kiện này đã đặt luật Liên bang Nga lên trên luật pháp Liên bang Xô viết và đã đẩy mạnh cuộc chiến về mặt luật pháp. Các tổ chức Nga chỉ hành động vì các lợi ích của nhà nước cộng hòa mà không lệ thuộc vào tổ chức Liên bang. Nhiều người cộng sản bỏ phiếu ủng hộ tuyên bố này, bắt đầu tiến trình tách Nga khỏi Liên bang. Nhiều người cộng sản lại ủng hộ kế hoạch đảo chính nhằm duy trì Liên bang, nhưng kế hoạch này đã sớm chết yểu vào tháng 8/1991. Rõ ràng, họ không hiểu hàm ý của tuyên bố này. Vladimir Kryuchkov nhận thức rõ tác động của tuyên bố này. “Giai đoạn quyết định phá bỏ chế độ Liên bang bắt đầu vào mùa hè năm 1990 sau khi Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên bang Nga thông qua tuyên bố chủ quyền của nước Nga và đặt luật pháp Nga lên trên luật pháp Liên bang.” Gorbachev nhấn mạnh: “Tôi chắc rằng nếu đây không phải là bước đi sống còn, chế độ Liên bang sẽ được bảo vệ và duy trì.” Mặt khác, ông cũng thừa nhận “một số nguyên tắc và điều

khoản ghi nhận trong tuyên bố về chủ quyền của nước Nga có thể tạo cơ sở cho một Hiệp ước Liên bang mới”. Vậy sai lầm ở đâu?

Gorbachev và Yeltsin cơ bản có quan niệm trái ngược nhau về chế độ Liên bang mới. Gorbachev muốn tăng cường các cơ quan trung ương và các quyền lực về dân sự thì trao hết cho các nước cộng hòa. Ông đề cập đến một cơ quan trung ương mạnh nhưng các nước cộng hòa phản đối bằng cách đề xuất quyền lực mạnh ở trung ương và ở các nước cộng hòa cũng có quyền lực mạnh. Đề cập đến các thể chế trung ương mạnh, ông lập luận một cách logic không chấp nhận một đảng Liên bang và trao quyền quản lý kinh tế cho các nước cộng hòa. Mặt khác, Yeltsin nghiêng về quan điểm nước cộng hòa mạnh có thể tự quyết định họ sẽ chuyển giao những quyền lực nào cho trung ương. Mô hình của Gorbachev đưa ông lên vai trò quyết định trong đời sống của một liên bang mới. Mô hình của Yeltsin lại đặt vai trò Tổng thống Gorbachev xuống vị trí thứ yếu, chỉ có thể hành động khi có sự nhất trí của các nước cộng hòa. Yeltsin ngả về chiều hướng thành lập liên minh chứ không phải một liên bang. Trong mùa hè năm 1990, bức tranh vẫn được tô vẽ theo ý riêng của mỗi người nhưng không rõ ràng. Gorbachev cảm thấy xót xa về sự “phô trương chủ quyền” lại biến thành phá hoại. “Chủ quyền hoá” ở nước Nga như đang phi nước kiệu “đi tìm công thức mới cho các mối quan hệ với các nước cộng hòa Baltic trong một Liên bang cải cách”.

Tuy nhiên, mỗi nước cộng hòa đều tự tuyên bố chủ quyền nhằm khẳng định vị thế bình đẳng khi tham gia các cuộc thảo luận về một Liên bang mới. Uzbekistan và Moldova tuyên bố chủ quyền vào tháng 6; Ukraine và Belarus tuyên bố vào tháng 7, Turkmenistan, Armenia và Tajikistan tuyên bố vào tháng 7 và Kazakhstan tuyên bố vào cuối tháng 10. Cuối cùng, toàn bộ 15 nước cộng hòa đồng loạt hoặc là tuyên bố chủ quyền hoặc là tuyên bố độc lập. Các nước cộng hòa tự trị thuộc Liên bang Nga cũng tuyên bố theo. Nước cộng hòa tự trị Karelia tuyên bố chủ quyền vào tháng 8/1990, ngay sau đó chín nước tự trị nữa cũng tuyên bố chủ quyền. Nhiều vùng lãnh thổ

tự nâng cấp từ quyền tự trị lên nước cộng hòa của Liên bang. Họ đang muốn kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên của mình, các tài sản kinh tế, quyền thu thuế và quyền được phép ly khai. Cơ sở chủ quyền không tuyên giảm và tác động đến vùng lãnh thổ tự trị, trong khu vực của Liên bang Nga. Bi kịch của Gorbachev là ở chỗ chỉ ông nhận ra mặt trái của cuộc đấu tranh hiến pháp này, mà không thấu hiểu một điều là cuộc đấu tranh ấy đã mở ra một con đường tiến tới Liên bang mới.

Phản ứng của Gorbachev trước thành công của phe dân chủ trong các cuộc bầu cử là sự phản kháng. Thay vì chào đón họ, ông lại coi họ là những phần tử đe dọa quyền lực của mình. Phe cấp tiến ủng hộ lập trường dân chủ hướng tới Đại hội Đảng lần thứ 28 sắp diễn ra. Giống các cuộc bầu cử đại biểu Đại hội trước, tờ Pravda đăng một tuyên bố của Ban Chấp hành Trung ương kết tội phe dân chủ và những người đỡ đầu cho phe này. Tuyên bố kết tội phe này “đang âm mưu biến Đảng thành một tổ chức hữu danh vô thực với quyền tự do thành lập các phe phái”. Những thành phần như vậy có nên ở lại trong Đảng nữa không? Sau đó, báo này hướng các tổ chức Đảng chống lại những người “lập ra các phe phái”. Tình hình này như gợi ý tổ chức phải thanh lọc các nhân vật cấp tiến trong Đảng. Quả thật, đây là sự việc kỳ lạ phải tiến hành ngay trước một kỳ Đại hội quan trọng khi Gorbachev đang rất cần tập hợp sự ủng hộ của toàn thể các đảng viên. Một số đảng viên, chẳng hạn Yury Afanasev, đã nộp trả thẻ Đảng. Những nhân vật khác như Yeltsin lại quyết định chờ xem sao.

Hai sự kiện khác nhau nhưng đem lại cho người ta suy nghĩ chung. Gorbachev chọn Anatoly Lukyanov làm người kế nhiệm chức chủ tịch Xô viết Tối cao Liên bang Xô viết, chứ không phải một đại biểu cấp tiến. Lukyanov là người có thái độ thờ ơ với perestroika, một nhà phát ngôn tẻ nhạt mỗi khi xuất hiện trên truyền hình. Ông lại hậu thuẫn cho Aleksandr Vlasov giữ cương vị chủ tịch Xô viết Tối cao Liên bang Nga. Vlasov, một nhân vật vô vị, tẻ nhạt, bị những người cộng sản coi thường, quá yếu để bảo vệ được quyền lợi cho nước Nga. Nếu Gorbachev chọn một ứng cử viên

năng động hơn, ông chắc chắn sẽ giành phần thắng. Hậu thuẫn cho Vlasov, Gorbachev đã tạo điều kiện cho Yeltsin chiến thắng dễ dàng hơn. Một xu thế mới đang xuất hiện chăng? Có phải Gorbachev quan tâm nhiều hơn đến việc ngăn cản sự nổi lên của phe cấp tiến, đặc biệt là những người ái mộ, họ có thể thách thức quyền lực của ông hơn là cản trở cải tổ? Lukyanov và Vlasov thiếu sự ủng hộ của dân chúng, họ là những người trong bộ máy Đảng. Phải chăng đây là lý do chính ông lựa chọn họ? Bất kể ai bóng gió có ý đồ đều bị coi là mối nguy cơ thật sự.

Khi các nhà dân chủ đề cập đến chủ quyền nước Nga và thậm chí nền độc lập nước Nga, chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi đảng viên tăng sức ép đối với Đảng Cộng sản Nga. “Tại sao tất cả các nước cộng hòa đều có Đảng Cộng sản riêng, Ban Chấp hành Trung ương riêng, mà nước Nga lại không?” đã trở thành câu hỏi thường được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong các cuộc họp của Đảng. Egor Ligachev bắt đầu lập luận rằng ý muốn của dân chúng nghiêng về việc thành lập một đảng riêng. Gorbachev cố gắng ngăn cản việc thành lập Đảng Cộng sản của Liên bang Nga, tức là Đảng của Nga, tại phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 12/1989. Một cơ quan Nga được thành lập, do ông làm chủ tịch và gồm các quan chức cao cấp khác như Vitaly Vorotnikov, Aleksandr Vlasov – Thủ tướng Nga, Yury Prokofev – Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva và Boris Gidaspov – Bí thư thứ nhất Thành ủy Leningrad. Tất cả các thành viên này đều thuộc phe bảo thủ. Tuy nhiên, cơ quan này không hề có bất cứ ảnh hưởng nào và chính Gorbachev tự trách mình về điều đó. Đơn giản là ông không có thời gian quan tâm nhiều đến cơ quan này. Việc này khiến áp lực thành lập một đảng riêng ngày càng tăng, không chỉ từ phe bảo thủ mà còn từ những quan chức bị thất sủng trong thời kỳ chuyển đổi bộ máy trung ương của Đảng Cộng sản Liên Xô.

Mùa xuân năm 1990, trên 65% đảng viên Liên bang Nga nghiêng về việc thành lập một đảng riêng. Gorbachev cảm thấy băn khoăn về Đảng của người Nga nhưng cứ để sự việc buông trôi. Vấn đề phát sinh liên quan đến

các đại biểu tham dự hội nghị của những người Cộng sản Nga, triệu tập vào ngày 19/6 trước Đại hội Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 28 hai tuần. Do thiếu thời gian chuẩn bị một cuộc bỏ phiếu mới, người ta quyết định trao quyền cho các đại biểu từ Liên bang Nga – những người đã được chọn làm đại biểu Đại hội lần thứ 28. Vì những người cộng sản Nga chiếm tới 62% trong Đảng cộng sản Liên Xô, nó sẽ là một cuộc tổng tập dượt cho Đại hội. Hội nghị của những người cộng sản Nga ngay lập tức chuyển thành Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Nga. Có đa số các nhân vật bảo thủ và điều này tạo điều kiện cho đại biểu có lập trường dân chủ và Marxist và dân chủ trong Đảng Cộng sản Liên bang Xô viết có cơ hội trình bày ý tưởng của mình. Không có nguy cơ là họ làm lay chuyển Đại hội. Các bí thư thứ nhất tỉnh ủy cùng phối hợp thăm dò dưới sự chỉ đạo của Bí thư thứ nhất khu ủy Krasnodar là Ivan Polozkov. Một số chỉ trích đều nhắm vào Tổng Bí thư. Bí thư thứ nhất tỉnh ủy Kemerovo, Melnikov, có quan hệ mật thiết với Ligachev, phàn nàn là giới lãnh đạo của Đảng như đang sống trong một thế giới khác. Sau đó điều khó chịu trở nên gay gắt:

Với sự trợ giúp nhiệt tình từ các đồng sự thân tín của Tổng Bí thư, chúng ta đang mon men sa vào tệ sùng bái cá nhân mới... Với tinh thần đồng chí trong Đảng, nhân danh sự nghiệp chung và vì mục đích cuối cùng vĩ đại của chúng ta, tôi buộc phải cảnh báo và bảo vệ đồng chí ấy khỏi mắc phải căn bệnh này, là căn bệnh không may đã trở thành kinh niên đối với chúng ta.

Sau này, Melikov cho biết hội nghị Đảng ủy vùng Kuzbass vào ngày 1/6 đã thông qua một bản kiến nghị với đa số phiếu không tín nhiệm Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, yêu cầu toàn bộ các ủy viên Ban chấp hành và Bộ Chính trị từ chức.

Không phải tất cả đều bị thất cử. Nó phụ thuộc vào điều ai sẽ được bầu làm bí thư thứ nhất Đảng Liên bang Nga. Gorbachev nghĩ đến Valentin

Kuptsov, một thành viên của Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương và Cơ quan Điều hành Nga. Cũng có thể là Oleg Shenin, người về sau tham gia âm mưu đảo chính. Tất nhiên, ứng cử viên quan trọng nhất là Ivan Polozkov, người công khai chống đối cải tổ. Gorbachev đã quá muộn khi nhận ra rằng Polozkov là đối thủ hàng đầu của mình và cố gắng một cách tuyệt vọng để ngăn cản việc bầu ông ta. Lúc 2 giờ sáng của ngày bỏ phiếu, Gorbachev triệu tập Ivan Antonovic Phó chủ tịch Học viện Hàn lâm Khoa học Xã hội thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Tổng Bí thư tỏ ra mệt mỏi, sắc mặt bợt bạt. Rõ ràng ông đã mất ngủ trong nhiều ngày. Ông nói với Antonovich rằng hãy làm mọi việc có thể để ngăn cản cuộc bầu cử của Polozkov. Nhưng đã quá muộn! Sự ủng hộ của ông đã tạo đà và đơn giản là người ta không đủ thời gian để bồi dưỡng một ứng cử viên thân cải cách. Gorbachev coi Ligachev như động lực quyết định đảng sau cuộc bầu cử của Polozkov. Việc các đại biểu bác bỏ Kuptsov, sau khi ông này được Gorbachev đề cử, lần đầu tiên ý nguyện của một tổng bí thư bị coi thường kể từ khi Khrushchev bị hạ bệ vào tháng 10/1964. Đây cũng là điềm gở ngay trước Đại hội lần thứ 28 của Đảng. Song, Kuptsov chính là lựa chọn tồi của Gorbachev. Năm 1997, ông là đảng viên hàng đầu trong Đảng Cộng sản của Liên bang Nga. Cuộc bầu cử của Polozkov, một người quan liêu, vô vị và tệ nhạt, đã làm tăng xu thế xin rút khỏi Đảng của các đảng viên cao cấp. Quyền ưu tiên chọn lựa của các quan chức Đảng cũng có mặt tích cực khi Liên bang Nga đang phải đối mặt với tình hình thực tế. Việc này đẩy Gorbachev đến chỗ phải từ bỏ bộ máy Đảng vốn được coi là một cơ quan cải cách.

Tháng 6/1990, đại sứ Mỹ quyết định thăm Ruslan Khasbulatov, người được chọn làm phó cho Yeltsin và là người phát ngôn cho Xô viết Tối cao Nga. Là người Chechen đẹp trai, rất thông thạo tiếng Nga nhưng giọng nói của ông cho thấy ông không phải là người gốc Nga, nổi tiếng là người không kiên định. Vì không phù hợp với một người nào đó, ông bị đày đi Trung Á năm 1944. Đối với gia đình và dân tộc, ông có thể là một con người thô bạo và lỗ mãng. Điều đáng nói là ông đã leo từng bước trên con

đường học vấn và tốt nghiệp Học viện Kinh tế Plekhanov ở Moskva. Công việc sau khi tốt nghiệp là chuyên trách vấn đề kinh tế Canada, ở đây ông quan tâm đến việc làm cách nào để một nền kinh tế vận hành đúng chức năng và theo định hướng trong một thể chế nhà nước Liên bang. Khi gặp đại sứ, ông thể hiện toàn bộ đức tính duyên dáng khéo léo của một người gốc Chechen. Những điều ông phát biểu khiến phái viên nín thở. Ông thông báo Nga sẽ sớm là một nước kế nhiệm Liên bang Xô viết. Liên bang hiện giờ là một liên minh lỏng lẻo, không có một thể chế quản lý vì thật sự nó không phải là một nhà nước. Sẽ có một hiệp ước Liên bang rút gọn vì Liên bang chỉ có rất ít quyền lực. Chỉ các nước cộng hòa mới có quyền đánh thuế và chuyển cho Trung ương một phần theo thỏa thuận. Việc hoạch định chính sách kinh tế sẽ do chính các nước cộng hòa đảm nhận. Nước Nga muốn phát triển theo hướng kinh tế thị trường thì tư nhân hóa phải là mục tiêu được đặt lên hàng đầu, nhưng bộ máy trung ương đã gây cản trở quá trình này.

Về chính sách đối ngoại, Gorbachev tiến hành như giai đoạn trước nhưng nước Nga yêu cầu đại diện của mình trong các đại sứ quán Liên Xô trên phạm vi toàn cầu. Nga có xu hướng tiến hành các quan hệ ngoại thương riêng. Thậm chí, các đại sứ quán Xô viết trên phạm vi toàn cầu trở thành đại sứ quán Nga, vì nước Nga sẽ sớm là một nhà nước kế tục Liên bang Xô viết. Lực lượng quân sự thông thường đặt dưới sự chỉ đạo của các nước cộng hòa; vũ khí hạt nhân có thể đặt dưới quyền kiểm soát của trung ương. Có thể có một thượng viện gồm mười đại diện từ mỗi nước cộng hòa và trung ương có thể nắm quyền chỉ đạo. Nước Nga sẵn sàng chịu phần lớn nhất trong khoản nợ ngoại tệ mạnh lên tới 75%.

Đây là một kịch bản gây ngạc nhiên, đặc biệt khi Yeltsin không có cơ hội xuất hiện trước công chúng để thề bồi về bốn phận và lòng trung thành với mục tiêu Liên bang. Vị phó của ông nói với Mỹ rằng mục tiêu của nước Nga là trở thành một nhà nước kế tục Liên bang Xô viết, có quan hệ đối ngoại lỏng lẻo với các nước cộng hòa cũ. Tổng thống Gorbachev vốn ủng

hộ họ phải bị trừ khử. Yeltsin theo đuổi chính sách nước đôi từ mùa hè năm 1990 đến nay: tiến hành thương lượng một hiệp ước Liên bang mới nhưng lại cố làm cho Liên bang tan rã. Vì mục tiêu mà Khasbulatov phác thảo ra gần như sự việc thật sự diễn ra tháng 12/1991, rõ ràng đó là sự lựa chọn ưa thích của ông. Nếu không xảy ra đảo chính tháng 8/1991, việc lựa chọn này có thể không đem lại kết quả. Người ta cho rằng có sự lựa chọn khác, đó là thỏa hiệp trong tiến trình đẩy chế độ Liên bang tới chỗ tan rã.

Ý nghĩ trên xuất phát từ sự thất vọng khi chứng kiến Gorbachev không chịu xây dựng một nền kinh tế thị trường thật sự. Các nước cộng hòa Baltic, Gruzia và, có thể là Moldova, cũng muốn lựa chọn lối rẽ như vậy. Ukraine hẳn là lời giải cho tương lai. Nếu Ukraine chọn kinh tế thị trường và chủ quyền độc lập, Liên bang coi như hoàn toàn sụp đổ.

ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ 28⁶

Theo quan điểm của Gorbachev, Đại hội từ ngày 21/7/1990 được coi như một trận đấu không có bàn thắng. Không có chia rẽ và ông tái cử Tổng Bí thư. Ứng cử viên tiềm năng của ông, Vladimir Ivashko, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ukraine, trở thành Phó Tổng Bí thư. Ligachev, người tổ chức một trận chiến quyết định để giành địa vị này đã thất bại và bị gạt ra ngoài rìa. Gorbachev chọn Ivashko vì ông ta là người Nga, ông nghĩ người số hai được bầu sẽ là một người Ukraine. Đây thật sự không phải là sự bổ nhiệm hoàn hảo. Ivashko phạm sai lầm là rời Kiev khi chủ nghĩa dân tộc đang có chiều hướng nổi lên. Leonid Kravchuk tận dụng sự vắng mặt của ông. Ivashko đã thay đổi hẳn vào tháng 8/1991.

Bộ Chính trị mới gồm 24 người (trong đó có một nữ - bà G. V. Semenova) cho biết cơ cấu Bộ Chính trị đã được chỉnh đốn hoàn toàn. Mọi thành viên đều nắm các trọng trách đứng đầu các cơ quan nhà nước như Shevardnadze và Ryzkov đều không đủ tiêu chuẩn ứng cử nữa. Những người ủng hộ cải tổ khác như Aleksandr Yakolev, cũng phải ra đi. Toàn bộ các bí thư thứ nhất trong Đảng các nước cộng hòa đều được coi là đương

nhiên đủ tư cách (Chức ủy viên dự khuyết bị bãi bỏ). Yury Prokofev, Bí thư thứ nhất tỉnh ủy Moskva, giữ nguyên chức. Một số bí thư Ban Chấp hành Trung ương vẫn giữ vị trí cũ. Nhiều tên tuổi trong tổ chức hỗn tạp này chưa bao giờ xuất hiện trước đông đảo nhân dân. Cuộc bầu cử các bí thư thứ nhất các Đảng thuộc nước cộng hòa nhằm bảo đảm cho một bộ máy bảo thủ. Rõ ràng tổ chức lớn như vậy không chắc đưa ra được bất kỳ chính sách cấp tiến và cuối cùng, nó trở thành câu lạc bộ cho các quan chức hàng đầu trong Đảng. Tất nhiên, khi một người mất vị trí ủy viên thì họ không còn là lãnh đạo Đảng ở nước cộng hòa.

Tuy vậy, Tổng Bí thư đã mắc một số sai lầm nghiêm trọng. Sai lầm nghiêm trọng nhất là biến Oleg Shenin thành ủy viên Bộ Chính trị chịu trách nhiệm giám sát ban tổ chức Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cơ quan chuyên trách của Bộ Chính trị. “Do nhìn nhận sai lầm đến mức kỳ lạ, tôi đã coi đồng chí là người ủng hộ cải cách trung thành. Có lẽ xuất phát từ khả năng bắt chước, khéo léo đóng vai người có sáng kiến, có tiến bộ, trong khi vẫn bản chất thực là con người thoái hóa, không sửa đổi được.”⁷ Mikhail Sergeevich luôn có ý định bổ sung những tài năng ủng hộ cải tổ tăng cường sức mạnh cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông nói rằng trong đi tới đi lui tại Đại hội và các hội nghị, chịu trách nhiệm dự thảo nghị quyết, ông đã gặp gỡ “nhiều người thú vị và sẽ đề cử họ bổ sung vào các vị trí còn khuyết trong Ban Chấp hành Trung ương, do vậy cũng có thể tiến cử họ vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên bang Xô viết”. Đây là một kiểu đề cử bổ nhiệm khá bừa bãi để chọn ê-kíp giúp ông trong công việc. Nó cũng cho thấy mức độ vô tổ chức trong các cơ quan Đảng vào mùa hè năm 1990.

Trong Đại hội, phái bảo thủ vô cùng tức giận. Họ bức bối vì Liên bang Xô viết đã phản bội các nước Đông Âu vì tiến trình thống nhất nước Đức và thái độ quy lụy, khúm núm trước người Mỹ, vì tình trạng hỗn loạn trong Liên bang. Gorbachev và Shevardnadze mắc phải rất nhiều sai lầm. Gorbachev xử lý khéo léo những điều xảy ra này, thậm chí ông đã thành

công. Thủ thuật xưa cũ của ông dần dần càng lộ rõ. Một đảng viên nhận xét Mikhail Sergeevich tuyệt đối tin rằng ông ta có thể làm mọi người tin vào bất cứ điều gì mình nói. Có lẽ đây chính là lỗi lầm của ông. Ông đã giành chiến thắng vang dội trước Ligachev. Ông nhường quyền phát biểu cho một đại biểu muốn phát biểu chống lại Ligachev, đang giữ cương vị phó bí thư:

Mikhail Sergeevich, đồng chí cần một trợ lý trẻ, năng nổ, nghiêm túc và chu đáo. Egor Kuzmich [Ligachev] đã 70 tuổi, ông ấy đã trở nên cáu gắt và không còn tự chủ được nữa, và do vậy, tốt hơn hết hãy để đồng chí ấy về hưu trong niềm kính trọng và vinh dự.

Không biết vô tình hay có chủ định trước, các micro vẫn được mở trong giờ giải lao của Đại hội, khi Gorbachev ở đằng sau hậu trường đang bố trí cuộc bỏ phiếu chống Ligachev.

Yeltsin được đề cử vào Ban Chấp hành Trung ương nhưng nói ông không muốn được đưa ra xem xét vì ông là Chủ tịch Xô viết Tối cao Nga và nước này đang tiến lên chế độ đa đảng. Gorbachev không giấu nổi sự hân hoan khi thấy được mặt sau của Boris Nikolaevich. Cuối cùng, các cuộc bầu cử đã kết thúc và trước khi các đại biểu giải tán, Gorbachev đã độc diễn mà không chuẩn bị trước. Đây là trường hợp xấu nhất. Ông nói khoảng nửa tiếng đồng hồ và dồn người nghe vào cảnh im lặng bối rối. Đoạn kết trong bài phát biểu của ông không khác gì một bài luận tồi trong trường đại học: không có trọng tâm, không đưa ra bất cứ ý tưởng lớn hay một phân tích xác đáng nào, không có kết luận thuyết phục. Sau đó, ông quyết định trả lời một số câu hỏi đã được đặt trên bàn phát biểu. Trò cũ lại tái diễn và lần này Mikhail Sergeevich làm tốt: sắc sảo, dí dỏm, có chủ định, nhân cách và đầy thuyết phục. Tại sao ông lại thể hiện cùng một lúc hai con người giống Jekyll và Hyde? Trong lời phát biểu đầu tiên, ông không có văn bản và sự yếu kém cũ của ông – diễn đạt không trọn câu đã bộc lộ ngay. Còn lần thứ hai có trọng tâm và ông lại là người nổi bật.

HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Hoàn toàn lầm lẫn không nhận thức được thị trường là gì và nền kinh tế thị trường trở thành hiện thực ra sao. Gorbachev đau khổ vì sự khiếm khuyết – hiểu biết hạn chế về kinh tế học và kinh tế thị trường. Thường đó là cuộc đối thoại của những người điếc vì những người tham gia hiểu thị trường với các nghĩa hoàn toàn khác nhau. Chức năng của chính phủ trong nền kinh tế thị trường biến đổi theo thời gian. Mãi cho đến năm 1960, học thuyết kinh tế của Keynes mới có sức thuyết phục thật sự. John Maynard Keynes biện luận là phó thác mọi thứ cho lực lượng thị trường có thể dẫn đến suy giảm về cầu theo đường xoáy tròn ốc và tình trạng thất nghiệp vẫn còn thường xuyên ở mức cao. Chính phủ có thể tích cực kích cầu bằng cách chi tiền cho các công trình công cộng và hạ thấp lãi suất, rồi vận dụng chính sách tiền tệ của Milton Friedman để kiểm soát. Chính sách này không chấp nhận việc quản lý cầu bằng chính sách tài chính – kích cầu bằng cách giảm thuế hoặc tăng chi tiêu công cộng để kích thích tăng trưởng kinh tế. Chính sách này thiên về kiểm soát nguồn cung cấp tiền và do đó, việc đấu tranh chống lạm phát được đưa lên hàng đầu trong chương trình nghị sự.

Vì vậy, khi Liên bang Xô viết bắt đầu nghĩ đến giải pháp kinh tế thị trường, chính sách tiền tệ là hệ tư tưởng quan trọng nhất. Hệ tư tưởng này không giúp gì nhiều ở một đất nước không có thị trường tiền tệ và hệ thống ngân hàng thương mại lại đang trong giai đoạn sơ khai. Công nghiệp bị chi phối bởi các tổ hợp quân sự-công nghiệp. Trong đó, nhiều xí nghiệp là xí nghiệp độc quyền. Có chăng, phải chuyển dần trong kinh tế thị trường, thông qua sự thả nổi liên tục hoặc lao vào tình hình kinh tế vô cùng khó khăn. Ryzhkov và những người vẫn muốn duy trì quyền quản lý của trung ương nghiêng về lựa chọn đầu tiên.⁸ Yavlinsky, Shatalin, Gaidar và những nhân vật cấp tiến khác lại ủng hộ sự chọn lựa thứ hai. Rốt cuộc, họ đều là những người ủng hộ chính sách tiền tệ. Về logic, họ đặt niềm tin vào tính năng động không bị kiềm chế của thị trường. Những người hám danh này đã bỏ bùa Gorbachev khi nói với ông rằng nền kinh tế Xô viết sẽ trở nên sôi

nổi mạnh mẽ chỉ trong một thời gian tương đối ngắn. Một phần rắc rối của Gorbachev là ngôn ngữ của môn kinh tế tiền tệ lại là tiếng Anh, vì thế ông bị ngập lút trong các thuật ngữ tương đương tiếng Nga, nhưng lại không có từ nào trong số này nói đến tiền tệ chung. Người ta tranh cãi liệu học thuyết kinh tế Keynes có phải là học thuyết thịnh hành cuối những năm 1980 hay không, rằng Gorbachev và giới quyền uy hẳn là thấy dễ dàng chấp nhận một nền kinh tế thị trường. Nhà nước sẽ đóng vai trò can thiệp quan trọng.

Cuộc bầu cử vào Xô viết Tối cao ở các nước cộng hòa và chính phủ họ được trao quyền càng thúc đẩy các nước cộng hòa mong muốn nắm quyền kiểm soát các hoạt động kinh tế trong lãnh thổ của mình. Họ là chính phủ hợp pháp nên rất tự tin khi nêu ý kiến trung ương nên chuyển giao trách nhiệm cho họ. Trên lý thuyết, các nước cộng hòa Baltic đều có quyền tự trị kinh tế, nhưng thực tế họ hoàn toàn không có quyền này. Các bộ của Moskva không chịu nhường bất kỳ quyền nào của họ. Dân chúng vùng Baltic nhanh chóng nhận ra quyền tự trị của họ chỉ có ý nghĩa thật sự trong một nền kinh tế thị trường. Họ bắt đầu nghiêng về việc xây dựng nền kinh tế thị trường bằng cách khởi sự tiến hành tư nhân hóa.

Vấn đề chủ chốt mà quan chức Trung ương quan tâm là sở hữu. Họ phản đối mạnh mẽ việc tư hữu đất đai. Vì tư hữu các tài sản kinh tế là vấn đề gây tranh cãi và có thể dẫn tới nội chiến, tốt nhất không nên tiến hành tư hữu hóa. Quan chức đại diện cho trung ương bị chia rẽ khá sâu sắc về mặt tư tưởng, giữa những người mà sự nghiệp thành công của họ là nhờ bộ máy hoạt động của Đảng như Gorbachev, Ligachev và Yeltsin, còn những người đại diện cho xu thế kinh tế mới là các nhà quản lý xí nghiệp, quản lý hợp tác xã, nông trang tập thể như Ryzhkov. Những cải cách của Gorbachev hầu như phá hủy quyền lực lãnh đạo về mặt tư tưởng của những nhân vật tầm cỡ trong Đảng nhưng lại củng cố sức mạnh và quyền lực kinh tế cho những người nắm quyền về kinh tế. Những cải cách lấp đầy chỗ trống do các quan chức Đảng để lại, trừ vấn đề quản lý kinh tế. Rất dễ hiểu khi Ryzhkov và các quản đốc xí nghiệp hay chủ tịch nông trang nghiêng về nền kinh tế có

sự giám sát chặt chẽ của trung ương. Ryzhkov ngày càng gắn bó với nền kinh tế thị trường có định hướng – những người nắm quyền thực hiện việc điều chỉnh định hướng. Tuy nhiên, ông không bao giờ biết phải điều chỉnh cái gì. Trong các nền kinh tế thị trường, bản chất độc quyền trong một số ngành sản xuất như ngành điện và nước đều cần phải điều chỉnh, nhưng toàn bộ nền kinh tế thị trường thì không thể điều chỉnh được. Vì những người nắm quyền không hiểu biết về nền kinh tế thị trường. Tranh cãi thường xoay quanh vấn đề chính sách tiền tệ, kiểm soát cung ứng tiền tệ và lạm phát; không có sự can thiệp trực tiếp của chính phủ, có nghĩa là chính phủ đứng ngoài các hoạt động kinh tế này. Họ tin về học thuyết kiểu như đảm bảo thành công trên lĩnh vực kinh tế. Với họ, điều này có vẻ giống phép màu của thế kỷ XX.

Ryzhkov, một nhân vật bảnh bao sang trọng, ít nói và trông giống một doanh nhân Mỹ, nắm cương vị lãnh đạo chính phủ, đã đấu tranh trước Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc. Sự phân chia quyền lực không rõ trong Hiến pháp đã gây khó khăn khi xác định quyền hoạch định chính sách cuối cùng. Về mặt lập pháp, Đại hội Đại biểu Nhân dân, chính phủ và tổng thống đều ban hành các nghị định. Thống nhất rằng cần có cải cách giá nhưng không ai – cả Đại hội Đại biểu Nhân dân, chính phủ lẫn cả Gorbachev muốn gánh chịu mặt trái khi áp dụng chủ trương này. Tháng 5/1990, Ryzhkov tiến một bước quan trọng khi xuất hiện trên truyền hình và đề cập với dân chúng về khả năng tăng giá bán lẻ. Không ngạc nhiên khi kết quả lời phát biểu của ông gây hoang mang, dân chúng mua hết các hàng hóa giá trị. Ông đã dọn sạch hoàn toàn các cửa hàng trong một thời gian kỷ lục và dẫn đến việc hàng hóa ngày càng khan hiếm. Ông đề xuất tăng giá cao hơn trong vòng tháng tới nhưng người dân đều cho là giá cả sẽ tăng ngay ngày mai. Nếu đây là một ví dụ về sự hiểu biết của Ryzhkov về nền kinh tế thị trường, thì sau đó cũng không ngạc nhiên là nhà lãnh đạo điển trai, có thiện chí này gieo gió phải chịu gặt bão. Đơn giản có lẽ ông muốn làm một lãnh đạo được lòng dân. Song, chỉ có Vladimir Kryuchkov – thành viên trong nhóm lãnh đạo hàng đầu – có suy nghĩ thấu đáo về tác động của nền kinh tế

thị trường. Ông phát biểu trước Đại hội Đảng lần thứ 27, tháng 7/1990 rằng “sẽ sai lầm tai hại khi đẩy đất nước này vào tay các lực lượng ghê gớm của thị trường”.

Các đề xuất của Ryzhkov và chính phủ của ông đều không thỏa mãn vì nền kinh tế đang trong thời kỳ suy thoái. Ryzhkov tiến hành cải cách dựa trên cơ sở kinh nghiệm của Đông Âu, đặc biệt là Hungary. Theo cách tiếp cận của mình, ông định tiến hành một cuộc cải cách kinh tế vừa phải. Bản chất của cải cách là phương pháp tiệm tiến cùng với việc nhà nước quyết định giá cả. Các thuật ngữ như một thị trường có điều chỉnh và một thị trường xã hội chủ nghĩa được sử dụng để gây ấn tượng là thị trường đang được tán thành. Không may cho Ryzhkov, Abalkin và những người ủng hộ kiểu cải cách này đều thất bại ở mọi nơi họ áp dụng.

Sự thất bại rõ ràng của chính phủ trong việc giải quyết các bất ổn của nền kinh tế đã biến Gorbachev trở thành trò cười. Tuy nhiên, đối với tất cả mọi người, ngoại trừ các nhà kinh tế học hàn lâm, kinh tế thị trường là một quái vật tiềm năng và khiến họ khiếp sợ. Giới lãnh đạo kinh tế cảnh báo Gorbachev hàng ngày rằng thị trường sẽ phát sinh biến động, chao đảo, thậm chí có thể xảy ra nội chiến. Ông vẫn tiếp tục hướng đi của mình. Nếu có nghi ngờ, hãy lập ra một tổ công tác. Nhóm này gồm các viện sĩ Shatalin (làm chủ tịch) và Abalkin, Petrakov, Grigory Yavlinsky, Boris Fedorov, các nhà kinh tế khác và đại diện chính phủ các nước cộng hòa. Tất cả nhóm họp tại một địa điểm bên ngoài Moskva ngày 6/8 và bắt tay làm việc. Theo cơ chế làm việc, họ thừa nhận một chương trình dự thảo do Yavlinsky và những cộng sự khác vạch ra cho nhiều tháng. Đơn giản chương trình mang tên kế hoạch 500 ngày. Tại sao lại là 500 ngày? Nghĩ đến một con số từ 1 đến 10 và thêm hai số 0! Nó chỉ mang ý nghĩa tượng trưng vì không chính phủ nào từng có thể áp dụng một nền kinh tế thị trường chỉ trong vòng 18 tháng. Đến ngày 21/8, cương lĩnh dự thảo của Shatalin đã soạn xong. Nhóm này muốn thể hiện họ hiểu những vấn đề thiết yếu của nền kinh tế thị trường. Tư hữu hóa được nhấn mạnh, cụ thể là sở hữu tư nhân. Các nước

cộng hòa đều chịu trách nhiệm về mặt luật pháp cần thiết nhằm thúc đẩy hoạt động kinh tế trên vùng lãnh thổ của họ. Trung ương sẽ coi sóc tài sản của toàn Liên bang và những quyền lực được các nước cộng hòa giao phó. Tuy vậy, nhóm này không thể cưỡng lại được ý đồ thực hiện các vấn đề này trọn gói. Họ cam kết nhà nước sẽ phải trả giá cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và chỉ có dân thường được hưởng lợi từ việc chuyển đổi này. Thị trường có nghĩa là mọi người sẽ sống tốt hơn lên ngay lập tức, chứ không phải là trong tương lai mù mịt. Tất nhiên, chẳng có cơ sở gì cho lời hứa này.

Theo quan điểm của Gorbachev, chương trình Shatalin Yavlinsky có một số trở ngại. Trở ngại chính là chương trình vạch ra hoàn toàn không khả thi. Nó không phân tích được lý do dẫn đến thất bại của perestroika trong các năm trước và chỉ đề xuất được phương hướng tiến tới tương lai. Nhóm này cũng nhận ra không thể cộng tác với chính phủ Ryzhkov-Abalkin. Sau đó, Gorbachev triệu tập một cuộc họp liên tịch giữa Hội đồng Tổng thống và Hội đồng Liên bang, cùng sự góp mặt của nhiều chuyên gia và các nhà chính trị. Lãnh đạo các nước cộng hòa rất hào hứng với việc này, vì nó gỡ bỏ quyền điều hành kinh tế của trung ương. Tư nhân hóa sẽ chuyển hầu hết các tài sản kinh tế trên lãnh thổ của họ sang tay họ. Về giá cả, chương trình 500 ngày muốn chuyển sang áp dụng giá cả tự do ngay đầu năm 1991, trong khi đó theo đề nghị của Ryzhkov-Abalkin, là áp dụng cải cách giá cả từng bước một.

Kế hoạch 500 ngày là nỗ lực chung giữa Liên Xô-Nga và Yeltsin phát biểu sẽ áp dụng một chính sách chung. Tuy vậy, nước Nga biết họ không thể áp dụng một chính sách thị trường của riêng mình. Cần phải có một cơ chế kinh tế áp dụng chung cho toàn bộ các nước cộng hòa. Liệu chương trình này có tránh khỏi vấn đề then chốt? Cơ quan nào có trách nhiệm triển khai cơ chế kinh tế này? Rõ ràng trách nhiệm thuộc về chính quyền Xô viết. Song, nó sẽ phải là một chính phủ hoàn toàn khác, cấp tiến hơn so với chính phủ Xô viết đang tồn tại. Tất nhiên, Ryzhkov vô cùng tức giận và

Gorbachev quyết định không để phát sinh một cuộc khủng hoảng nào trong chính phủ, ông đã không nghe theo lời khuyên của các cố vấn thân tín. Đáng lý Ryzhkov phải ra đi nhưng lúc đó Gorbachev không chịu đối mặt với vấn đề này. Ông tự an ủi mình với ý nghĩ Ryzhkov bây giờ đã nghiêng về nền kinh tế thị trường. Như trước kia, ông lại đang tự lừa dối mình.

Việc thông qua chương trình 500 ngày được làm quấy quá nhằm khuyến khích cả hai nhóm: nhóm muốn tiến hành cải cách nhanh và mạnh (nhóm nghiêng về chính sách tiền tệ) và nhóm Ryzhkov-Abalkin để đạt được sự đồng thuận, sau đó sẽ trình lên Xô viết Tối cao. Yeltsin nói rõ ông không ưa chủ trương này và chính phủ của ông sẽ tiếp tục tiến hành chương trình Shatalin Yavlinsky. Ngày 3/9, chương trình 500 ngày được đưa ra công khai bàn thảo và việc này đã tạo áp lực lên Gorbachev. Tồn tại một hố sâu ngăn cách giữa chương trình cải cách Shatalin-Yavlinsky và đề xuất của Ryzhkov. Chương trình cải cách Shatalin-Yavlinsky cho rằng nhà nước nên can thiệp ít vào nền kinh tế, còn đề xuất của Ryzhkov lại nghiêng về quan điểm ngược lại: Nhà nước nắm quyền can thiệp và kiểm soát đối với nền kinh tế. Trong chương trình Shatalin-Yavlinsky, chính phủ Liên bang có vai trò rất nhỏ, còn trong chương trình của Ryzhkov, nhà nước phải là một lực lượng mạnh mẽ và nắm vai trò trung tâm. Trong chương trình Shatalin Yavlinsky, các nước cộng hòa có quyền thu thuế và quyết định họ sẽ nộp cho trung ương bao nhiêu. Còn trong chương trình Ryzhkov, trung ương có quyền áp mức thuế cho toàn Liên bang và có quyền thu thuế.

Trung ương sẽ đóng vai trò như thế nào? Rõ ràng Gorbachev sẽ nghiêng về lựa chọn tập trung quyền lực ở trung ương. Do vậy, các vấn đề về quyền lực chính trị đã nhấn chìm sự phát triển chương trình Shatalin Yavlinsky. Chính trị phá hoại kinh tế. Ngày 4/9, Yeltsin thông báo với một nhóm thượng nghị sĩ Mỹ và đại sứ Mỹ rằng ông ta không chấp nhận hòa giải giữa hai chương trình cải cách. Ông cho rằng Hội đồng Bộ trưởng Liên bang Xô viết đã vượt quá giới hạn của mình và nên dọn đường cho một Hội đồng Tổng thống có quy mô nhỏ hơn. Nga và các nước cộng hòa khác

mong muốn tiến lên phía trước bằng các cải cách kinh tế và không chịu lùi bước trước sự bao vây phong tỏa của bộ máy chính quyền Xô viết trung ương quan liêu. Chỉ các bộ có chức năng như quốc phòng, viễn thông, phân phối năng lượng, đường sắt và vận tải hàng không là nằm dưới quyền quản lý và kiểm soát của chính quyền trung ương.

Gorbachev nói nước đôi và hai nhóm này họp vào ngày 4/9, dưới sự chỉ đạo của Abel Aganbegyan, để tìm ra một giải pháp thỏa mãn cả hai bên. Yeltsin đưa ra đề xuất hợp nhất hai hướng cải cách thị trường này lại, việc này giống như cố gắng hòa giải quan hệ giữa một con nhím với loài bò sát nhỏ. “Thậm chí một người không phải là chuyên gia kinh tế như Chernyaev cũng cho rằng những người không có chuyên môn ngay từ đầu còn biết không thể hợp nhất hai chương trình cải cách này lại với nhau nữa là”. Trước hết, Abalkin phải miễn cưỡng tham gia và sau đó Shatalin phải bay tới Mỹ để điều trị bệnh. Nhóm muốn tiến hành cải cách nhanh và mạnh ít đề cập đến vai trò của chính phủ nhưng Abalkin và những người theo chủ trương cải cách hợp lý thì ngược lại. Abalkin muốn cơ cấu lại chính phủ và Hội đồng Tổng thống nhằm tăng cường phạm vi lợi ích xã hội và kinh tế to lớn hơn. Vadim Medvedev và Valentin Pavlov, sau này đảm nhiệm vai trò của Ryzhkov làm thủ tướng, đề nghị quyền hành pháp nên tập trung vào tay tổng thống. Chính phủ sau này chỉ nên đóng một vai trò thứ yếu. Do Shatalin vắng mặt, Gorbachev chọn Abalkin viết dự thảo cuối cùng. Người ta đoán rằng đã có sẵn một bản chép tay về chương trình của chính phủ. Do việc này không thể tiến hành, Petrakov và Aganbegyan sau đó tham gia vào việc soạn lại kế hoạch và Gorbachev đã dành 40 giờ đồng hồ vào việc này. Khi Aganbegyan bị các nhà kinh tế phản đối vì liên quan đến một tài liệu không biết gì về kinh tế, ông chống chế là mình chỉ đồng tình đôi chút với bản dự thảo.

Ngày 11/9, Xô viết Tối cao Nga thông qua kiến nghị của Yeltsin chấp nhận chương trình cải cách Shatalin Yavlinsky về nguyên tắc. Số phiếu gây sửng sốt: 213 phiếu thuận, chỉ có một phiếu chống và bốn phiếu trắng. Điều

này lý giải phần đông những người cộng sản thuộc phái cải cách kinh tế mạnh mẽ đã bỏ phiếu cho chủ trương cải cách kinh tế nhanh và mạnh. Rõ ràng họ vẫn rất mơ hồ về ý nghĩa của chương trình này. Song, lý do khiến họ chấp thuận chương trình này gần như tuyệt đối như vậy có lẽ là do nó chủ trương chuyển giao quyền kiểm soát nền kinh tế Nga sang tay nước Nga. Sau đó, cuộc thảo luận triển khai nền kinh tế thị trường bắt đầu. Hội đồng Bộ trưởng Nga dự thảo các đề xuất chi tiết cho việc triển khai trong vòng một tháng. Các cuộc thăm dò dư luận ở Nga và các vùng khác thuộc Liên bang Xô viết tiết lộ đa số ủng hộ cơ chế kinh tế thị trường. Rõ ràng, lại một lần nữa họ không hề hiểu biết về chính sách tiền tệ.

Cuối tháng 9, Gorbachev phải viện đến quyền lực đặc biệt để thoát khỏi những nghi ngờ của Xô viết Tối cao. Lúc này, nếu muốn ông có thể ban hành các sắc lệnh thúc đẩy tiến hành kinh tế thị trường trên toàn Liên bang.

Đại diện cho xu thế kinh tế siết chặt hàng ngũ trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương ngày 8/9/10 và ra sức công kích phe cải cách nhanh và mạnh. Cuộc xung đột cơ cấu cũng là vấn đề nổi bật trong phiên họp toàn thể. Các thành viên trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng muốn biết tại sao họ lại phải thảo luận về cải cách kinh tế, sau khi vấn đề này đã được thảo luận ở Xô viết Tối cao. Thái độ của đa số đại biểu trong bộ máy Đảng ở Xô viết Tối cao cũng giống với thái độ của các thành viên Ban Chấp hành Trung ương. Họ hình thành một nhóm liên minh, chủ yếu là những người bảo thủ, và Anatoly Lukyanov – Chủ tịch Xô viết Tối cao – tỏ ra cảm tình với quan điểm của họ. Thành viên Ban Chấp hành Trung ương kêu ca là Gorbachev nên thôi công việc tư vấn cho Bộ Chính trị và để tâm nhiều hơn đến bộ máy lãnh đạo của mình, tức là Hội đồng Tổng thống, Hội đồng Liên bang và các mối liên hệ trực tiếp với Yeltsin. Ryzhkov, người ít hưởng ứng sự can thiệp của Đảng vào quá trình quản lý kinh tế, nhận thấy ông có nhiều đồng minh trong giới lãnh đạo tư tưởng của Đảng. Họ là

người phản đối phe cải cách nhanh và mạnh giống như ông. Cùng với họ, ông có thể lập ra nhóm ủng hộ Gorbachev.

Yeltsin tiếp tục tăng sức ép với trung ương. Trong bài phát biểu trước Xô viết Tối cao Nga ngày 16/10, ông tuyên bố thúc đẩy chương trình 500 ngày và kết tội Đại hội Đại biểu Nhân dân Xô viết đang cố thu hẹp chủ quyền của các nước cộng hòa, làm giảm tốc độ chuyển đổi sang kinh tế thị trường và muốn duy trì một hệ thống hành chính-mệnh lệnh. Giới lãnh đạo bị chia rẽ sâu sắc. Theo Ryzhkov, nền kinh tế suy thoái là do sự yếu ớt và thiếu quyết đoán của bộ máy trung ương. Yakovlev cho rằng rắc rối nảy sinh từ việc triển khai quá chậm chạp nền kinh tế thị trường và còn tồn tại hàng loạt vấn đề suy giảm trong sản xuất, phải tăng cường các chương trình xã hội để đền bù thiệt hại cho người dân. Việc này có thể dẫn tới lạm phát dữ dội. Nền kinh tế thị trường sẽ đi vào thực tế và có hiệu quả, không chỉ vì trung ương quyết tâm thực hiện, mà còn do hệ thống hành chính – mệnh lệnh đã sụp đổ.

Nước Nga tiến hành ký các hiệp định kinh tế với các nước cộng hòa khác, dứt bỏ xí nghiệp và nông trang tập thể do Liên bang kiểm soát. Nước Nga đơn phương tăng giá thu mua thịt. Một phần đó là phản ứng đáp trả việc các nước cộng hòa Baltic đã tăng giá, hậu quả là thịt đã tràn lên phía bắc. Rõ ràng, hoàn toàn không có hiện tượng như vậy trong nền kinh tế Xô viết trước đây.

Andranik Migranyan, chuyên gia thời sự nổi tiếng, tóm tắt tình hình vào tháng 9/1990 như sau:

Tổng thống và Xô viết Tối cao đang nỗ lực thị trường hóa và dân chủ hóa Liên bang Xô viết – một nhà nước không tồn tại được bao lâu nữa. Sự sụp đổ hoàn toàn của trung tâm chính trị này có nghĩa là ít có triển vọng cho bất kỳ chương trình cải cách kinh tế nào được triển khai...

Cái đang tan rã không phải là bản thân đế chế mà là hệ tư tưởng làm cho đế chế đó tan rã.

Migranyan đưa ra hai luận điểm sâu sắc. Trước hết, trên thực tế, Liên bang Xô viết không còn tồn tại lâu nữa vì quyền lực ở trung ương không còn tập trung và mạnh như trước. Thứ hai, đã không còn sự gắn kết về mặt tư tưởng nữa. Mất đi hệ tư tưởng thì tính hợp pháp của hệ thống cũng chấm dứt. Hiến pháp không quy định rõ quan hệ giữa trung ương và các nước cộng hòa. Nguyên nhân là Đảng muốn tập trung toàn bộ quyền lực trong tay. Các nước cộng hòa đang trải qua thời kỳ chuyển giao quyền lực và rất quan tâm vấn đề này. Trung ương sẽ phải đưa ra một giải pháp thật hấp dẫn để kéo các nước cộng hòa trở lại. Thời gian lại không ủng hộ Gorbachev.

Sự bất lực của chính phủ Ryzhkov bộc lộ rõ khi ứng phó với khủng hoảng kinh tế và khó khăn của cải cách. Yury Semenov, Bộ trưởng Bộ Năng lượng và Điện khí hóa kết luận năm 1990 rằng “chính phủ Ryzhkov thiếu một ý chí và quyết tâm đưa ra một đường lối cứng rắn trước sự công kích của Xô viết Tối cao và Tổng thống, là những người đã tỏ thái độ lưỡng lự và hốt hoảng”.

GORBACHEV NGHIÊNG VỀ PHÁI HỮU

Ngày 7/11, tại lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, một sự kiện diễn ra trên Quảng trường Đỏ đã làm Gorbachev kinh ngạc. Một thanh niên tay cầm khẩu súng lục định ám sát ông và may thay, những người bảo vệ đã can thiệp kịp thời và không ai bị thương. Ngày 13/11, trong cuộc gặp riêng hơn 1 nghìn nhà quân sự được bầu vào các cơ quan đại diện, ông bị coi là đối tượng của thái độ thù địch này. Họ thẳng thắn đổ lỗi cho ông về những việc xấu đang diễn ra trên đất nước.

Ngày 14/11, Xô viết Tối cao do nhóm Liên minh lãnh đạo đã tấn công Gorbachev và chính phủ, một lần nữa kết tội ông gạt Đại hội Đại biểu Nhân

dân ra rìa để có lợi thế cho các tổ chức của mình. Ngày 16/11, Gorbachev phát biểu trước các đại biểu nhân dân nhưng lại phải chịu một trận lảng mạ. Sau đó, một số nhà lãnh đạo của các nước cộng hòa, không có Yeltsin, cố thuyết phục ông tăng cường quyền lực tổng thống. Đây là cách duy nhất lập lại trật tự trong tình trạng hỗn loạn. Ngày 17/11, Hội đồng Liên bang họp để thảo luận bài phát biểu phê phán gay gắt của Yeltsin ngày 16/10. Ryzhkov phát biểu trong tình trạng hoảng loạn:

Không ai nghe chúng tôi. Khi chúng tôi yêu cầu, không ai đến. Các sắc lệnh bị lờ đi. Đất nước đang đi chệch hướng. Toàn bộ phương tiện thông tin đại chúng quay lưng chống lại chúng tôi và họ ủng hộ nhóm đối lập... Thậm chí chống lại cả Đảng nữa.

Cuối cùng Gorbachev đi đến kết luận Ryzhkov không còn phù hợp nữa. Ngày 18/11, Gorbachev phát biểu trước Xô viết Tối cao và nêu ra tám điểm. Toàn bộ các điểm này đều không rõ ràng và phải bổ sung. Song thông điệp thì đã rõ. Gorbachev muốn giảm quyền lực của Đại hội Đại biểu Nhân dân và nắm thêm quyền hành pháp. Hội đồng Tổng thống sẽ bị giải tán và thay bằng Hội đồng An ninh Quốc gia. Cần có một phó tổng thống. Nội các sẽ thay cho Hội đồng Bộ trưởng. Hội đồng Liên bang trở thành cơ quan tư vấn các quan hệ giữa trung ương và các nước cộng hòa. Gorbachev nói với Tổng thống Bush ngày 19/11: “Chúng tôi sẽ tiến hành một số thay đổi quan trọng về cơ cấu. Tôi nghĩ Văn phòng Tổng thống, hệ thống bầu cử tổng thống – trong đó quyền của cơ quan hành pháp, sẽ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của tổng thống.”

Ngày 24/11, dự thảo hiệp ước Liên bang cuối cùng được công bố nhưng tất nhiên không đáp ứng được mọi điều kiện của các nước cộng hòa. Vấn đề then chốt chỉ được đề cập rất sơ sài. Dự thảo nói đến việc kiểm soát chung trong chính sách trên nhiều lĩnh vực nhưng các nước cộng hòa nghi ngờ, với dự thảo như vậy trung ương sẽ lại là người nắm quyền chi phối các

mối quan hệ. Hai nước cộng hòa chính là Nga và Ukraine. Yeltsin và những người dân chủ coi bản dự thảo là không chấp nhận được. Ở Kiev, Leonid Kravchuk, Chủ tịch Quốc hội của Xô viết Tối cao Ukraine thông báo với đại sứ Mỹ rằng Ukraine sẽ không ký một hiệp ước như vậy chừng nào nước này chưa thông qua một hiến pháp mới, dự kiến sớm nhất là giữa năm 1991. Cũng có một cuộc trưng cầu dân ý, dựa trên hiến pháp mới. Người ta cho rằng cuộc trưng cầu dân ý này có nội dung bàn đến nền độc lập. Sau đó, Yeltsin ký một hiệp định song phương giữa Nga và Ukraine. Do vậy, Nga và Ukraine có chung mục đích – nhằm chấm dứt sự tồn tại của chế độ Liên bang. Nó sẽ được thay bằng một Liên bang lỏng lẻo hơn trước. Azerbaijan cũng tuyên bố đi theo đường lối này. Armenia và Gruzia cũng quan tâm đến vấn đề độc lập và sau đó họ sẽ dự tính các mối quan hệ của mình với các nước cộng hòa thuộc Liên bang. Moldova có thể tiến hành như Ukraine. Các nước cộng hòa Baltic cũng mong muốn thoát khỏi sự giám hộ của chính quyền Liên bang. Chỉ còn lại Belarus và các nước cộng hòa vùng Trung Á. Có thể, họ sẽ có quan hệ ổn định và gần gũi hơn với trung ương nhưng họ cũng muốn có nhiều quyền lực hơn trong việc kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các tài sản kinh tế của mình. Vấn đề của Gorbachev là các nước cộng hòa này đều kém phát triển nhất trong Liên bang. Nga nắm vai trò quan trọng. Nước Nga quyết định thế nào đều sẽ ảnh hưởng lớn đến tương lai của Liên bang. Chiến thuật của Yeltsin là tiếp tục đàm phán thương lượng, Kravchuk cũng vậy, nhưng không bao giờ đi đến thỏa thuận. Kịch bản của Khasbulatov mùa hè 1990 dường như đang trở thành một thực tế.

Các mối quan hệ giữa Gorbachev và những người dân chủ trong Nhóm Liên Khu vực trở nên tồi tệ hơn sau khi họ công khai kêu gọi chống Gorbachev vào ngày 16/11. Họ muốn ông phải chủ trương kinh tế thị trường, trao chủ quyền thật sự cho các nước cộng hòa, đất phải trao cho nông trang viên, chấm dứt uy thế kiểm soát của Đảng vào quân đội và chính quyền địa phương, đòi có một chính phủ mới ủng hộ cải cách và một quan hệ đối tác giữa Gorbachev và Yeltsin. Điều khiến Gorbachev vô cùng giận

dữ là một số đại biểu kêu gọi ông từ chức nếu ông không có ý định triển khai kinh tế thị trường. Dường như ông đang đốt cháy nhịp cầu gắn kết với các nhà dân chủ. Giờ đây, ông coi họ là các phần tử chống đối chứ không phải là đồng minh tiềm năng.

Từ giữa tháng 11, Gorbachev ngày càng biểu hiện nghiêng nhiều về phái hữu và đưa ra cảnh báo có thể sử dụng vũ lực trong các trường hợp cần thiết. Ngày 1/12, Gorbachev thay Bộ trưởng Nội vụ Vadim Bakatin bằng Boris Pugo – một người Latvia mang quan điểm cứng rắn, từng làm việc ở KGB và là lãnh đạo Đảng ở đây. Bakatin cho rằng bất kỳ ai đều có quyền hành động trong phạm vi pháp luật cho phép. Kryuchkov lại phản đối tất cả những biểu thị đó. Bakatin còn chối bỏ không chấp hành mệnh lệnh của các quan chức Đảng, biện lý là công an có nhiệm vụ bảo vệ luật pháp và nhà nước. Bakatin không bị rơi vào tình trạng bị lãng quên và sau đó được chỉ định vào ban an ninh mới. Việc sa thải Bakatin làm phần lớn các nhân vật bảo thủ cảm thấy thỏa mãn, từ quan chức trong Đảng đến giới quân sự như Tướng Viktor Alksnis và Nikolai Petrushenko. Bakatin và Kryuchkov thường đụng độ nhau về quyền được biểu tình. Tướng Boris Gromov, nguyên Tổng tư lệnh lực lượng Xô viết ở Afghanistan, trở thành Thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ. Đây là giai đoạn sử dụng vũ lực nhằm duy trì sự thống nhất trong Liên bang. Cũng vào ngày 1/12, Gorbachev ký sắc lệnh bãi bỏ toàn bộ luật quy định về quốc phòng và an ninh do Đại hội Đại biểu Nhân dân các nước cộng hòa thông qua. Pugo nhanh chóng nói rõ, ông sẽ bảo vệ Hiến pháp Xô viết hiện hành. Ngày 11/12, Kryuchkov dùng một trong những thủ đoạn quen thuộc của mình là quy mọi rắc rối đều do đe dọa từ bên ngoài và đổ cho những kẻ đang tìm cách làm suy yếu chế độ Liên bang và kẻ tay chân của chúng.

Ngày 17/12, tại phiên khai mạc Đại hội Đại biểu Nhân dân lần thứ 4, một đại biểu đề nghị vấn đề hàng đầu trong chương trình nghị sự là bỏ phiếu bất tín nhiệm Tổng thống. Phần lớn trong số 400 đại biểu đồng tình đều thuộc Nhóm Liên Khu vực và phái Liên minh là chưa đủ để đưa vấn đề

này vào chương trình nghị sự. Yeltsin và hầu hết đại biểu dân chủ Nga bỏ phiếu chống. Đây chính là điểm gỡ với Gorbachev. Tuy nhiên, thông qua Đại hội, ông kêu gọi tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý cho tương lai Liên bang, vào ngày 17/3/1991.

Sự lẫn lộn trong các quy định phân chia quyền lực dẫn đến nhu cầu cấp bách phải có quy định rõ ràng về chức năng, trách nhiệm của các tổ chức hành pháp và lập pháp và kéo dài suốt tháng 11, 12. Việc này làm tê liệt các sáng kiến trên mặt trận kinh tế, vào thời điểm cần phải đưa ra ngay hành động chữa cháy. Chính phủ sẽ tái cơ cấu, thậm chí thay đổi cả Nội các – trợ giúp cho Tổng thống, thay thế Hội đồng Bộ trưởng – trợ giúp cho Đại hội Đại biểu Nhân dân. Vì Ryzhkov chắc chắn bị Hội đồng Liên bang loại bỏ theo Hiến pháp sửa đổi, cần có sự chấp thuận của Hội đồng Liên bang tìm ra một thủ tướng mới. Ryzhkov bị một cơn đau tim nghiêm trọng vào ngày 25/12 càng tăng thêm sự cấp bách của việc bổ nhiệm mới. Thậm chí Gorbachev chọn Valentin Pavlov, mặc dù thực tế Pavlov, là Bộ trưởng Tài chính từ năm 1989, phải chịu trách nhiệm về sự gia tăng nguồn cung cấp tiền tệ gây ra lạm phát phi mã. Ông này bị gán cho biệt danh “heo độc” vì sự béo tốt đầy đà và mái tóc húi cua. Ryzhkov cảnh báo Gorbachev rằng, Pavlov giống một kẻ nghiện rượu. Ông ta là kẻ dễ nao núng và hay thay đổi. Ông thông báo cho đại sứ Hoa Kỳ ngày 11/1 là đồng rúp thả nổi, vượt quá sức mua – là khoảng 25 tỷ rúp khi mọi nhà kinh tế cho là 100 tỷ hoặc hơn nữa. Sau đó, ông còn nói với vị phái viên này là ông đã đưa ra tỷ giá chợ đen cho đồng đôla. Ông thừa nhận Bộ Tài chính đã khai thác chợ đen kiếm lời. Bộ này đã đặt giá khoảng 40 rúp cho một đôla vào thời điểm tỷ giá chính thức là 5 rúp 60 côpéc. Pavlov coi việc kinh doanh này là cách tuyệt vời để thu về đồng rúp. Không cần phải nói, việc kinh doanh đôla ở chợ đen vẫn còn là việc phạm tội.

Khi Ryzhkov khuyến cáo Pavlov là một kẻ can thiệp kiểu nhà nước, Gorbachev đã để lỡ cơ hội bổ nhiệm một người theo chủ trương cải cách nhanh và mạnh. Hội đồng Liên bang cũng chấp nhận một người, nhưng Xô

viết Tối cao lại bác bỏ ngay lập tức. Các sự kiện trên chứng tỏ Pavlov là sự lựa chọn tai họa. Thủ tướng mới và các phó thủ tướng đều được Xô viết Tối cao phê chuẩn ngày 14/1/1991. Trong vòng vài tuần, các bộ trưởng khác cũng được phê chuẩn. Đây là chính phủ đầu tiên và cũng là cuối cùng năm quyền đặt dưới sự hợp nhất giữa tổng thống và Hội đồng Liên bang và được Xô viết Tối cao phê chuẩn. Pavlov và nội các mới của ông bị báo giới được quyền tự do ngôn luận chọc tức. Gorbachev thảo luận với họ về khả năng đình chỉ luật tự do ngôn luận này.

Tại sao Gorbachev lại từ bỏ sáng kiến mùa thu năm 1990 bằng cách không tán đồng chương trình cải cách Shatalin-Yavlinsky? Trước hết ông thiếu sự hiểu biết về kinh tế thị trường. Đây là nền kinh tế dựa trên sáng kiến của cá nhân, quyền sở hữu tư nhân, còn nhà nước chỉ lập ra một cơ chế phát huy sự sáng tạo và năng động của toàn xã hội. Điều này nghĩa là tước bỏ quyền lợi kinh tế của giới quan chức. Thị trường sẽ có nghĩa là sức mạnh kinh tế, và sức mạnh chính trị sẽ được chuyển giao cho các nước cộng hòa. Nếu Gorbachev đứng về phái cải cách nhanh và mạnh, ông sẽ phải từ bỏ quyền lực và chỉ đóng vai trò điều phối ở trung ương. Ông lại quá ham muốn quyền lực nên không thể từ bỏ được. Các nhân vật bảo thủ đã không ngừng kêu gọi củng cố một chính phủ trung ương mạnh, đặc biệt là các tướng tá trong quân đội, một nhóm quân sự có thể lực trong Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc. Họ quả quyết rằng thị trường sẽ xô đẩy chế độ Liên bang tan rã và có thể xảy ra nội chiến. Gorbachev lưỡng lự, đi tới đi lui, nói quanh nói co, cố gắng đi theo đường lối trung dung và lúng túng. Nguyên do chính của tình thế khó xử này là ông thiếu sự đánh giá sáng suốt về tình hình Liên bang Xô viết. Dường như ông tin là ông có thể tìm ra một giải pháp trung lập cho cả hai nhóm cải cách. Ông từ chối lắng nghe ý kiến của những người cho rằng không tồn tại một giải pháp trung lập. Ông nửa muốn quay lại hệ thống hành chính-mệnh lệnh, nửa muốn áp dụng cơ chế thị trường. Tính cứng đầu cứng cổ buộc ông phải trả giá.

Ngày 26/12, Gennady Yanaev trở thành Phó Tổng thống. Các đại biểu nhân dân miễn cưỡng chấp nhận sự chọn lựa của Gorbachev nhưng Tổng thống thuyết phục: “Tôi muốn có một người mà tôi hoàn toàn tin cậy ở bên mình trong bước ngoặt khó khăn hơn cả trong đời.” Thời gian dần cho thấy đó là sự lựa chọn tồi. Ông đã tạo dựng một ê-kíp mới kiểu Gorbachev. Gennady Yanaev đã đi nhiều nơi trên thế giới với danh nghĩa là quan chức của Đoàn Thanh niên Cộng sản (Komsomol) và của công đoàn, nhưng lại không công bố tiểu sử công khai. Ông là người có tính nhút nhát và nói năng kém cỏi. Cuộc đối thoại của ông thường chỉ là nhắc lại quan điểm của những người khác. Rất rõ là ông lại trở thành một người được Gorbachev bổ nhiệm, người không có uy tín và lòng tin của dân chúng. Như vậy, họ sẽ không làm giảm sự chú ý của Tổng thống. Anatoly Lukyanov ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng. Là Chủ tịch của Xô viết Tối cao, hóa ra ông là nhân vật có ảnh hưởng lớn trong nhóm Soyuz, nghiêng về xu hướng duy trì chế độ Liên bang. Quan niệm về một người phát ngôn trung lập là trái với ông. Gorbachev tin tưởng ông. Khi Evgeny Primakov bắt đầu thông báo một cuộc gặp giữa Lukyanov và Nhóm Liên Khu vực, Mikhail Sergeevich ngắt lời: “Hãy đợi cho đến khi Lukyanov báo cáo cho tôi biết về cuộc gặp này đã. Ông ấy luôn nói thật.”

Khi có các cố vấn mới, Gorbachev không còn lắng nghe ý kiến của những người cũ. Trong số nhân vật ủng hộ mạnh mẽ cải tổ, Aleksandr Yakovlev là nhân vật nổi bật nhất. Khi Hội đồng Tổng thống bị giải thể, không ai thay vị trí ông này trong Hội đồng An ninh, thành lập vào tháng 3/1991. Ông vẫn tiếp tục giữ chức cố vấn, với một văn phòng tại Kremlin, nhưng ai lắng nghe ông nữa? Cuối cùng ông xin từ chức vào tháng 7/1991, khi ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng bắt đầu có những hành động chống lại ông. Có thể hiểu được ông cảm thấy phiền lòng khi Gorbachev không làm gì để bảo vệ ông. Những người ủng hộ chương trình Shatallin-Yavlinsky không còn được ưa chuộng nữa.

Shevardnadze có mối quan hệ cực kỳ mật thiết với Gorbachev, nhưng ông cảm thấy bị phớt lờ ra cho người ta chỉ trích suốt mùa thu. Ông cảm thấy Gorbachev lẽ ra nên ủng hộ và hậu thuẫn cho ông nhiều hơn. Ông là mục tiêu chỉ trích khi người ta cho rằng ông là người đánh mất Đông Âu, thúc đẩy sự thống nhất nước Đức, phá nát các thành quả của Liên Xô gây dựng từ năm 1945, nhượng bộ quá nhiều với đế quốc Mỹ, tạo điều kiện cho người Mỹ cô lập Saddam Hussein – đồng minh thân cận của Liên Xô trong chiến tranh Vùng Vịnh và nhiều việc khác nữa. Năm 1990, Nguyên soái Akhromeev thông báo với Yurly Vorontsov, đại diện thường trực Xô viết tại Liên Hợp Quốc rằng một ngày nào đó giới quân sự sẽ treo cổ Shevardnadze “vì tội quy phục Mỹ”. Giới quân sự cũng tỏ rõ quan điểm này. Ngoài ra, văn phòng đại sứ Mỹ thừa nhận Washington nhận được khoảng 120% điều họ mong muốn trong các cuộc thương lượng với Shevardnadze. Thậm chí Valentin Falin, một chuyên gia Xô viết hàng đầu về Đức, sau làm việc tại Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, cũng công kích dữ dội ông về những điều khoản trong tiến trình thống nhất nước Đức, dù biết rõ người quyết định là Gorbachev. Là Chủ tịch Đại hội Đại biểu Nhân dân, Lukyakov không bỏ lỡ cơ hội nào công kích vị Ngoại trưởng này. Shevardnadze biết sẽ gây chấn động ra sao khi phát biểu trước Đại hội Đại biểu Nhân dân ngày 20/12/1990:

Thưa các đồng chí phái dân chủ... các đồng chí đã trốn chạy. Những nhà cải cách đảm nhận trách nhiệm. Một chính quyền chuyên chế đang hình thành. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm khi phát biểu điều này. Không ai biết nó sẽ là kiểu chuyên chế gì và ai sẽ lãnh đạo hay chế độ đó là như thế nào. Tôi chỉ xin khẳng định một điều: tôi sẽ từ chức... Hãy coi đây là sự đóng góp của tôi, nếu các đồng chí muốn, tôi sẽ chống lại nền chuyên chế.

Gorbachev thật sự bối rối và khó chịu trước sự từ chức này, hơn nữa ông không được thông báo trước. Việc này hoàn toàn có chủ tâm vì

Shevardnadze sợ rằng ông có thể bị Gorbachev thuyết phục một lần nữa nếu ông nói trước với Gorbachev. Có nhiều đồn đại trong thời gian khoảng một năm rằng Shevardnadze sẽ bị chuyển sang một vị trí khác nhưng sự chao đảo của Gorbachev sau đó nghiêng dần về phái hữu, thì việc duy nhất ông có thể làm là xin từ chức. Gorbachev nghĩ đến viễn cảnh Shevardnadze ở cương vị phó tổng thống nhưng chức vụ này chủ yếu mang tính chất trang trí mà thôi. Tuy nhiên, Gorbachev lo ngại người như Shevardnadze sẽ khiến ông phải đứng ở vị trí thứ hai.

Ảnh hưởng ngày càng tăng của Evgeny Primakov cũng làm Shevardnadze khó chịu. Sau khi đi thăm Saddam Hussein, Primakov bay tới Washington để làm chậm lại các bước chuẩn bị của Mỹ chống Iraq. Shevardnadze cảm thấy vui khi người Mỹ lắng nghe những ý kiến của ông nhằm làm mất mặt Primakov. Lý do chính ông quyết định rời khỏi ê-kíp Gorbachev là ở Houston, Texas trong cuộc gặp với Baker, ông đã phát hiện quân đội Xô viết đang phá vỡ các điều khoản của Hiệp ước CFE. Đối với Shevardnadze, đây là điều còn đáng xấu hổ hơn vì ông không hề biết gì về sự việc này. Trong nhiều sự kiện khác nữa, Liên Xô chuyển hơn 16 nghìn xe tăng từ phía Đông Âu sang đông Ural (không có trong hiệp ước) để tránh bị phá hủy. Shevardnadze đau lòng khi xung đột liên miên với giới quân sự thể hiện rõ ràng. Trước sự thất vọng chán nản của vị Ngoại trưởng này, trong một bài phát biểu trước Xô viết Tối cao Gorbachev tỏ thái độ bảo vệ chính sách của giới quân sự. Đây có thể là cố gắng cuối cùng. Gorbachev chuyển hướng chính sách vũ trang của mình, đứng hẳn về phe quân sự và bỏ rơi Shevardnadze.

Shevardnadze cũng rất quan tâm tới việc Gorbachev kết hợp với công cụ ép buộc và ông tin rằng họ sẽ gạt ông ra tại thời điểm thích hợp. Ông không hề có bằng chứng sát thực nào về âm mưu này nhưng ông cảm thấy bạo lực sẽ diễn ra và ông không muốn tham gia vào việc đó. Sự ra đi của Shevardnadze không ngờ là một cú đấm mạnh vào Gorbachev. Ông trung thành và thẳng thắn giống Yakovlev. Tổng thống mất đi hai người thân cận

có thể nói sự thật với ông. Họ được thay thế bằng những người thuộc phe khác hoàn toàn.

NƯỚC ĐỨC THỐNG NHẤT

Tháng 6/1987, khi Tổng thống Tây Đức Richard von Weizacker thăm Moskva ông bắt đầu khéo léo đề cập vấn đề tái thống nhất nước Đức. Gorbachev nhận ra vấn đề này là điều còn phải bàn thảo trong tương lai xa, sự thật là chưa đủ điều kiện chín muồi và nếu không thận trọng có thể gây tổn hại trong quan hệ hai nước. Chuyến thăm của Gorbachev tới Đông Berlin tháng 10/1989 cho ông thấy tình hình nghiêm trọng ở đây. Ngày 24/10/1989, Egon Krenz, Tổng Bí thư mới của Đảng đưa ra tổng kết về tình hình kinh tế của Cộng hòa Dân chủ Đức. Trình trước Bộ Chính trị Đông Đức ngày 31/10/1989, bản báo cáo đã tạo ra một cảm giác ảm đạm. Năng suất lao động ở Đông Đức giảm xuống ít nhất 40% so với Tây Đức. Đông Đức đang ở bờ vực của sự sụp đổ tài chính.⁹

Ngày 1/11, Krenz hội đàm với Gorbachev tại Kremlin. Nhà lãnh đạo Xô viết này nói với Krenz rằng ông biết tình hình kinh tế bất ổn tại Đông Đức. Krenz thừa nhận nếu mức sống của Đông Đức dựa vào các thành tựu kinh tế đạt được, có lẽ họ đã bị giảm tới 30%. Nhưng một động thái như vậy sẽ là không thể chấp nhận được về mặt chính trị. Liên bang Xô viết có thể viện trợ cho Đông Đức, Gorbachev giải thích, vì nhiều nước cộng hòa thuộc Liên bang cung cấp nguyên liệu thô đòi hỏi tái phân phối thu nhập quốc nội với các nước cộng hòa sử dụng nguồn nguyên liệu này để sản xuất thành phẩm. Họ đang đe dọa chấm dứt nguồn cung cấp nguyên liệu thô nếu lợi ích của họ không được điều chỉnh.

Vì không nhận được sự trợ giúp kinh tế của Liên Xô, Krenz yêu cầu Gorbachev nói thẳng rằng: “Đông Đức và Tây Đức ở vị trí nào trong ngôi nhà chung châu Âu”. Krenz chỉ rõ Cộng hòa Dân chủ Đức là con đẻ của Liên bang Xô viết và “sự cầu cứu của đứa con này nhất định phải được đáp ứng”. Gorbachev giải thích Liên bang Xô viết đang phát triển quan hệ mật

thiết với Cộng hòa Liên bang Đức lẫn Cộng hòa Dân chủ Đức, nhưng Liên bang Đức đang nuôi hy vọng Liên bang Xô viết đóng vai trò quan trọng trong tiến trình thống nhất nước Đức. Ông khuyên Đông Berlin nên nuôi dưỡng và không ngừng tăng cường quan hệ với Tây Đức. Nói cách khác, việc ngả mũ chào Bonn với hy vọng nhận các khoản tín dụng có thể làm chậm sự sụp đổ của Đông Đức.

Tuy nhiên, ông nói với Krenz việc thống nhất nước Đức không phải là vấn đề quốc tế. Sự sụp đổ của bức tường Berlin ngày 9/11/1989 càng khiến các sự kiện khác xảy ra nhanh hơn.¹⁰ Thủ tướng Helmut Kohl – không cần tư vấn của Ngoại trưởng Hans-Dietrich Genscher hay các Ngoại trưởng Mỹ, Anh, Pháp – đã đưa ra chương trình gồm mười điểm cho tiến trình thống nhất nước Đức. Khi Genscher thăm Moskva đầu tháng 12, không khí cuộc gặp rất căng thẳng và cả hai đều cảm thấy không hài lòng. Genscher buộc phải bảo vệ tài liệu mà ông cảm thấy không thoải mái. Hans Modrow, Thủ tướng mới của Đông Đức thăm Moskva ngày 30/1/1990, đã không giấu nổi sự nghiêm trọng của tình hình: “Đa số người dân ở Đức không ủng hộ ý tưởng hai nhà nước Đức nữa, và dường như không thể bảo toàn được nước cộng hòa.” Gorbachev không hề ngạc nhiên vì trước đó vài ngày, ông và các cố vấn chính trị đã đi đến cùng một kết luận như vậy. Liên bang Xô viết đưa ra sáng kiến và lập một nhóm sáu nước, bốn là các cường quốc chiến thắng và hai nhà nước Đức. Tuy nhiên, đây không phải là sự lựa chọn tốt nhất. Gorbachev cố gắng và thất bại không làm cho các đồng minh nhận ra là nhóm bốn cường quốc sẽ quyết định. Washington khẳng định đòi Moskva giải quyết trực tiếp vấn đề này với Bonn. Nguyên soái Akhromeev nên chuẩn bị sẵn sàng rút quân đội Xô viết khỏi Cộng hòa Dân chủ Đức.

Khi James Baker đến Moskva ngày 9/2, ông ta đặc biệt nhấn mạnh “cả Tổng thống và tôi đều không có ý định tìm kiếm bất kỳ lợi thế nào từ các diễn biến này”. Ngày tiếp theo, Gorbachev gặp Thủ tướng Kohl và khiến ông này yên tâm khi phát biểu mọi việc là tùy thuộc người Đức tự quyết định vận mệnh của mình. Gorbachev nghiêng về một nước Đức trung lập

nhưng Kohl không chấp nhận quan điểm đó. Tháng 2, Bonn đề xuất một liên minh tiền tệ. Moskva chỉ biết việc này qua báo chí! Cộng hòa Liên bang Đức xóa nợ cho Cộng hòa Dân chủ Đức, tranh thủ các đảng phái chính trị tại Cộng hòa Dân chủ Đức, ngay trước khi tiến hành bầu cử vào tháng 3. Liên minh vì nước Đức, Đảng CDU được hậu thuẫn của Kohl đã thắng cử. Tháng 4/1990, chính phủ mới này kêu gọi thống nhất đất nước theo Điều 23 Hiến pháp Liên bang. Nói cách khác, Đông Đức ngay lập tức bị Tây Đức nuốt chửng. Khi Kohl đến Moskva vào giữa tháng 7, ông rất tin vào điều ông đòi hỏi. Ông đã nhanh chóng thiết lập được mối quan hệ nồng ấm với Gorbachev, và sau sự khởi đầu dè dặt thăm dò thái độ, ông nêu lên nhiều yêu cầu hơn cả Ngoại trưởng Genscher.

Tuy vậy, thành công trong việc tái thống nhất nước Đức ngày 3/10/1990 là nhờ nhiều hơn vào ông chủ của Nhà Trắng. Đức trở lại là một quốc gia hội tụ đủ ba yếu tố: cuộc cách mạng của Gorbachev trong Liên bang Xô viết, sự sụp đổ của nền kinh tế Đông Đức khiến nhiều người Đông Đức phải chạy sang Tây Đức và quyết tâm của George Bush biến nước Đức thành một quốc gia thống nhất được coi là một thành tích vang dội trong nhiệm kỳ tổng thống của ông. Gorbachev thỏa mãn mọi yêu cầu ông ta đưa ra. Về vấn đề liệu một nước Đức thống nhất có nên là thành viên của khối quân sự NATO hay không, dưới áp lực của Bush và Baker, Gorbachev rút cục đã nhượng bộ điểm này bằng thỏa thuận miệng, trước sự kinh ngạc của các quan chức họp cùng. Trong hồi ký của mình, ông biện minh ý tưởng cho phép Đức tự quyết các thỏa thuận an ninh của họ đã có kết luận trước là họ sẽ gia nhập NATO bắt nguồn từ ông chứ không phải từ Bush. Ông quả quyết mình quyết định điều đó tại cuộc gặp Bush tháng 5/1990. Nhà Trắng nhìn nhận việc này theo cách khác.

Một trong những lý do khiến Moskva chấp nhận nước Đức thống nhất gia nhập NATO là quan hệ thân mật giữa Kohl và Gorbachev. Minh họa sống động của việc này là cuộc gặp tại Archys, Bắc Cavcaz tháng 7/1990. Trong các cuộc gặp chính thức và không chính thức, hai nhà lãnh đạo đã

nhất trí nhiều chi tiết của quá trình thống nhất. Không thông báo cho Shevardnadze, người luôn gánh vác công việc nặng nề trong quan hệ Xô-Đức, Gorbachev bỏ qua mọi lời phàn nàn về sự xâm chiếm và các hạn chế đối với chủ quyền nước Đức, gồm cả quyền trở thành thành viên NATO của nước Đức tương lai. Shevardnadze biết sự giận dữ của giới quân sự và phe bảo thủ khi để mất Cộng hòa Dân chủ Đức sẽ đổ xuống đầu ông. Gorbachev lờ đi không thảo luận vấn đề thống nhất nước Đức trong Bộ Chính trị. Tạm quên đi những khó khăn trong nước, Mikhail Sergeevich có thể tự an vị với ý nghĩ trên cương vị là người đồng khởi xướng sự thống nhất Đức, ông sẽ mãi mãi được công chúng Đức ái mộ.

CUỘC TRẤN ÁP Ở VILNIUS

Tháng 10/1990, khi chính phủ Lithuania gặp Gorbachev, họ cảm thấy bầu không khí dễ chịu hơn. Tháng 11, trên đài truyền hình Xô viết, các đảng viên thân Moskva cho rằng chính phủ Lithuania đã lập một danh sách đảng viên bị xử tội. Có thể hiểu vì nhiều lý do, họ không có bản danh sách gốc của tài liệu này. Tháng 12, bộ máy tuyên truyền bôi nhọ lên tiếng Lithuania đang đòi lại lãnh thổ từ các nước cộng hòa khác. Mọi quan hệ mật thiết của Gorbachev với Bush và Kohl làm thất bại các cố gắng của Lithuania trong việc thoát khỏi tình trạng bị quốc tế cô lập. Tháng 11, Đại tá Viktor Alksnis, người ta thường gọi là Đại tá đen vì ông ưa mặc màu đen, yêu cầu Gorbachev trong vòng 30 ngày phải lập lại trật tự: “Tôi không muốn coi việc này như lời đe dọa, nhưng đơn giản là điều này phải được thực hiện.” Ông muốn các Ủy ban cứu quốc bảo vệ Liên bang Xô viết là một quốc gia thống nhất không thể tách rời.

Ngày 7/1/1991, quân dù Xô viết xâm nhập vào ba nước cộng hòa Baltic, lấy danh nghĩa truy sát những kẻ đào tẩu và bỏ trốn. Chính phủ Lithuania tăng mạnh giá lương thực và gây căng thẳng đáng kể. Ngày 8/1, Thủ tướng Kazimiera Prunskiene đến Moskva thảo luận về động thái quân sự. Ngày 7/1, cuộc biểu tình chống tăng giá do 5 nghìn người Edinstvo –

một phong trào dân tộc người Nga, kêu gọi chính phủ từ chức. Họ bắt đầu đập phá cửa vào tòa nhà Hội đồng Tối cao, làm vỡ kính cửa sổ nhưng bị đẩy lùi bằng vòi nước chữa cháy. Các đại biểu vội vàng hủy bỏ việc tăng giá lương thực. Landsbergis kêu gọi toàn thể người dân Lithuania hãy bảo vệ nước cộng hòa của mình. Khi họ ulla vào tòa nhà Đại hội Đại biểu Nhân dân, họ xô những người Nga ra ngoài. Gorbachev không thảo luận động thái quân đội với Prunskiene mà ông nói: “Bà hãy quay về và quan tâm đến việc khôi phục trật tự, nếu không tôi không thể làm gì nổi.” Khi bà trở lại Vilnius mới phát hiện Đại hội Đại biểu Nhân dân đã sửa đổi Hiến pháp, do vậy chỉ cần đa số ủng hộ cũng có thể gạt bà khỏi bộ máy lãnh đạo. Landsbergis, một nhà dân tộc, cuối cùng thắng thế trong một chiến dịch dài chống lại Thủ tướng theo tư tưởng tự do và linh hoạt. Bà từ chức mà không hề tự bào chữa hay bảo vệ chính mình. Cũng vào ngày 7/1, Burokevicius – lãnh đạo Đảng thân Moskva, gặp một số lãnh đạo cấp cao như Kryuchkov, Pugo và Yazov. Burokevicius cho rằng thời điểm chín muồi để đưa ra luật bầu cử tổng thống mới ở nước cộng hòa này đã đến. Đại tướng Achalov, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và Yazov vị lãnh đạo chịu trách nhiệm tình hình khẩn cấp, được cử tới Litthunia cùng các tùy tùng.

Ngày 8/1, Edinstvo kêu gọi một cuộc biểu tình vào lúc 16 giờ ngày hôm sau. Buổi trưa, các xe chở người của Liên Xô vào khu vực biểu tình và đỗ tại đây. Buổi chiều, quân dù Xô viết hạ cánh tại sân bay Vilnius. Một đám chống biểu tình của Lithuania tụ tập gần đó, ngay trước tòa nhà Đại hội Đại biểu Nhân dân, chỉ đứng tách ra khỏi cảnh sát Lithuania. Tại khu vực thánh địa người Thiên Chúa giáo gốc Nga ở Vilnius kêu gọi người Nga tránh bạo động, họ giải tán. Quân đội cũng rời đi.

Lúc 14 giờ 30 ngày 10/1, một bức điện của Gorbachev viết ông đã nhận được lời yêu cầu từ các tổ chức thuộc nước cộng hòa, các hợp tác xã công nghiệp và dân chúng thuộc các dân tộc đòi áp dụng luật bầu cử tổng thống. Đại hội Đại biểu Nhân dân Lithuania sẽ phải chịu trách nhiệm về mọi việc diễn ra nếu không chịu giữ nguyên trạng toàn vẹn Hiến pháp Liên

bang Xô viết và Hiến pháp Lithuania, hủy bỏ các đạo luật trái hiến pháp được thông qua trước đó.¹¹ Trên đài phát thanh, Phó chủ tịch Hạ viện Lithuania tuyên bố thời điểm quyết định đã tới, hoặc giành được độc lập hoặc trở thành nô lệ suốt đời.

Moskva bắt đầu hành động mà không chờ đợi trả lời tối hậu thư của Gorbachev. Suốt buổi tối, sân bay Vilnius đóng cửa vì cuộc đình công của người Nga. Quân lính và xe cộ chạy quanh thành phố suốt đêm. Các cuộc biểu tình của phe đối lập tụ tập vào sáng 11/1. Vụ đổ máu đầu tiên diễn ra vào buổi trưa khi quân đội tấn công phòng họp báo. Bảy người được đưa tới bệnh viện, hai trong số đó bị thương. Những người bên trong trông đợi các công nhân Nga và họ chỉ được trang bị vòi chữa cháy. Bạo lực khiến đám biểu tình Nga tan rã và họ không quay lại phản đối chính phủ Lithuania nữa. Người Lithuania tập hợp trước phòng họp báo để gặp và phản đối các đơn vị xe tăng và quân đội. Những người khác diễu hành đến tháp truyền hình. Cuối cùng, khoảng 5 nghìn người hợp thành một vòng bao quanh tòa tháp. Landsbergis cố gắng liên hệ với Gorbachev hai lần qua điện thoại nhưng không được, Gorbachev đang dùng bữa. Suốt buổi chiều, Đảng thân Moskva thông báo thành lập ủy ban cứu quốc Lithuania và tuyên bố quyền lực nằm trong tay người dân Lithuania. Khoảng 65 thành viên đơn vị Alpha của Kryuchkov tập hợp đầy đủ tại sân bay Vilnius lúc 23 giờ.

Ngày 12/1, Hội đồng Liên bang ở Moskva quyết định cử thêm ba người nữa hỗ trợ giải quyết tình hình khủng hoảng bằng biện pháp chính trị. Các quan chức quân đội Xô viết phủ nhận việc họ lên kế hoạch tấn công quân sự. Mọi việc dường như trở lại bình thường. Kỳ quặc ở chỗ, đoàn đại biểu Liên bang không bay trực tiếp đến Vilnius mà bay tới Minsk và ở lại đó một đêm. Lúc 1 giờ sáng rạng chủ nhật ngày 13/1, các đơn vị thiết giáp lăn bánh qua thành phố Vilnius. Đơn vị Alpha chiếm đài phát thanh, đài truyền hình trung ương và tháp truyền hình.

Lúc 1 giờ 47, Landsbergis xuất hiện trên truyền hình và tuyên bố nếu đổ máu, Gorbachev phải chịu trách nhiệm. Ông lại cố gọi điện cho Gorbachev, nhưng Gorbachev đang ngủ. Quân đội Xô viết bắt đầu tấn công, dẫn đầu là đơn vị Alpha và đến 14 giờ 20 chiếm đài phát thanh đài truyền hình trung ương và tháp truyền hình. Đài phát thanh thông báo Ủy ban Cứu quốc Lithuania đã nắm chính quyền. Một cuộc tấn công vào trụ sở Đại hội Đại biểu Nhân dân có thể xảy ra nhưng không diễn ra để giảm sự căng thẳng cho các đại biểu bị kẹt lại phía trong và đám đông người biểu tình bên ngoài. Bạo lực làm

13 người chết, 165 người bị thương, trong số đó 26 người bị thương nặng. Các công dân được thông báo ủy ban này đã lên cầm quyền và một sĩ quan chỉ huy chịu trách nhiệm quản lý thành phố. Có lẽ bước tiếp theo sẽ là tuyên bố luật tổng thống.

Đoàn đại biểu Liên bang cuối cùng cũng tới nơi. Thế giới nhanh chóng biết tin về vụ bạo động này qua truyền hình. Yeltsin lập tức bay tới Tallinn¹² gặp gỡ các nhà lãnh đạo ba nước Baltic. Ông kêu gọi quân đội Nga không tuân theo lệnh chống các cơ quan hợp pháp mới thành lập và những dân thường vô tội vì “họ chỉ muốn bảo vệ thành quả dân chủ của mình”. Thực chất đây là lời kêu gọi binh biến. Ông này ủng hộ tổng thống các nước Baltic trong lời kêu gọi Liên Hợp Quốc. Sau đó, Yeltsin ký một hiệp định Nga thừa nhận chủ quyền ba nước cộng hòa Baltic và phát triển quan hệ dựa trên luật quốc tế. Nói cách khác, họ được coi là các quốc gia có chủ quyền, chứ không phải cộng hòa thuộc Liên bang. Yeltsin cho rằng nếu cuộc tấn công vào Vilnius thành công, mục tiêu tiếp theo sẽ nhắm vào Nga và bản thân ông. Ông cố gắng chuyển về Nga các quan chức và người thân cận trung thành với ông, chứ không phải với Tổng thống Gorbachev.

Levon Ter Petrosyan, thành viên trong đoàn đại biểu Liên bang, sau này là Tổng thống Armenia, đã công khai chỉ trích các hành động bất hợp pháp của chính quyền Xô viết ở Lithuania. Đoàn đại biểu chuyển đến trụ sở

Đại hội Đại biểu Nhân dân và có thể đạt được thỏa thuận. Chính phủ kêu gọi người biểu tình trở về nhà và giới quân sự phải rút quân đội khỏi các đường phố. Kryuchkov không chịu từ bỏ. Ông triệu hồi một nhà ngoại giao Lithuania từ Mozambic về. Ông từng là cựu Thủ tướng Lithuania. Ông về tới Moskva ngày 12/1. Hôm sau, Kryuchkov, Oleg Shenin và Yury Maslyukov đề nghị ông giữ chức Thủ tướng Lithuania trong một chính phủ theo thể chế tổng thống. Yazov cũng ủng hộ động thái này. Nhà ngoại giao này bí mật bay tới Vilnius, thông báo tình hình; và trên đường về Moskva, ông nói với Kryuchkov và cộng sự ý định muốn quay lại Mozambic.

Toàn bộ hành động này là một thảm họa. Thất bại trong việc chiếm tòa nhà Đại hội Đại biểu Nhân dân, có lẽ vì trước sự có mặt của đông đảo nhà báo nước ngoài và những dân thường không vũ trang sẵn sàng liều chết để bảo vệ tòa nhà, đã là sự kiện rất hệ trọng. Không một chính quyền mới nào được thành lập cho đến khi tòa nhà bị chiếm giữ. Trong một tuyên bố trước các đại sứ nước ngoài chiều ngày 13/1, Gorbachev nhấn mạnh ông hoàn toàn không biết ai ra lệnh tấn công tháp truyền hình. Sự thừa nhận này đồng nghĩa với việc ông đã mất quyền kiểm soát đối với lực lượng an ninh. Nếu đây là sự thật, liệu ông có lên án và đòi đưa những kẻ phạm tội ra xét xử trước công lý? Ông chưa bao giờ lên án vũ lực, ngoại trừ tuyên bố đó là bị xúi giục bởi người Lithuania. Ngày 14/1, phát biểu trước Xô viết Tối cao, đầu tiên ông biết về hành động này là lúc 3 giờ sáng ngày 13/1 sau khi tháp truyền hình bị chiếm đóng. Yazov xác nhận là viên sĩ quan chỉ huy đã cho phép sử dụng vũ lực. Kryuchkov cho Gorbachev biết cả ông và Yazov đều hoàn toàn không ra lệnh dùng vũ lực”.¹³ Ter-Petrosyan lý giải Gorbachev chấp nhận phe bảo thủ, gửi đi một bức điện và sau đó nhận ra việc này sẽ thất bại, đã rút lui. Một cách giải thích khác là Gorbachev, trong khi gửi điện tín đi ngày 10/1, cũng đang lên kế hoạch đàn áp thẳng tay. Có thật ông không nhận ra sự việc sẽ dẫn đến đổ máu? Yakovlev và những người khác khuyên Gorbachev tốt nhất là tới Vilnius, gặp Landsbergis và kết tội những kẻ gây ra vụ sát hại này. Ông không để tâm đến lời khuyên đó.

Như thường lệ, các cơ quan liên quan bắt đầu đổ lỗi cho nhau. Đảng đổ lỗi cho giới quân sự vụng về hấp tấp để rơi vào bẫy của Landsbergis. Gorbachev nhạo báng ý tưởng cho rằng viên sĩ quan chỉ huy thành phố đã hành động theo ý ông. Các mệnh lệnh phải được phát ra từ Bộ Quốc phòng và các tướng lĩnh. Tại sao giới quân sự không tấn công vào tòa nhà Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga tháng 8/1991? Vì họ đã học được bài học kinh nghiệm qua vụ tấn công Vilnius, Gorbachev kết luận. Chỉ huy lực lượng Alpha, khi giải thích tại sao đơn vị ông không tấn công Nhà Trắng vào tháng 8/1991, sau này cho biết: “Vilnius là sự kiện nặng nề nhất và lòng kiên nhẫn của chúng tôi đã cạn... Nói thật, giả dụ không xảy ra sự kiện Vilnius hẳn là chúng tôi đã từ chối không đột chiếm Nhà Trắng.”

Một nhà báo so sánh hình ảnh Liên bang Xô viết như một con bạch tuộc đang bơi mò mẫm loanh quanh và không biết là các xúc tu của mình đang bị cắt dần, từng chiếc một. Sự bối rối và lúng túng còn thể hiện ngay khi Gorbachev tham dự đám tang các nạn nhân ở Vilnius. Giám mục đạo Chính thống Nga, ở Lithuania, với tư cách là người Nga, cảm thấy vô cùng xấu hổ về tình hình tội ác do người Nga gây ra và ông tuyên bố các phương tiện truyền thông Moskva đã xuyên tạc sự kiện này. Ông kết luận: “Lithuania sẽ được tự do.” Điều này cho thấy không phải toàn thể người Nga ở Lithuania đều ủng hộ các hành vi của ủy ban thân Moskva¹⁴.

Đơn vị Alpha rời Vilnius ngày 13/1 và di chuyển tới Riga. Cũng ngày hôm đó, một phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lithuania đã hậu thuẫn các yêu cầu của công nhân đòi giải tán Xô viết Tối cao và Xô viết địa phương ở Latvia, giải tán bộ máy chính phủ và tiến hành tổ chức tuyển cử mới. Một ủy ban cứu quốc toàn Latvia, do Alfreds Rubiks lãnh đạo, sẵn sàng lên nắm chính quyền nếu tối hậu thư của họ không được chú ý tới. Ngày 20/1, quân lính OMON¹⁵ tấn công tòa nhà Bộ Nội vụ Latvia, giết chết bốn người rồi rút quân. Khi Thủ tướng Latvia, Ivars Goodmanis, gọi điện cho Boris Pugo, ông này nói rằng ông đã không tấn

công. Việc này hóa ra là thật. Một sĩ quan của tổ chức OMON đã hành động theo ý mình.

Các bi kịch ở Vilnius và Riga thể hiện thất bại nặng nề của Gorbachev trước tính hợp pháp. Ông gặp may khi Mỹ và NATO đang dính líu với Cuộc chiến Vùng Vịnh và cần ông đứng về phía họ. Tổng thống Bush gọi điện cho ông ngày 11/1 thể hiện mối quan tâm của Mỹ trước tình hình nội bộ của Liên Xô. Phương Tây không có phản ứng trước lời kêu gọi của Landsbergis về việc công nhận cuộc đổ máu này làm tăng lòng quyết tâm của người dân Baltic muốn được tự do. Vài nước cộng hòa trong số các nước còn lại thuộc Liên bang phân vân có nên tiếp tục ở lại Liên bang, đi ngược lại ý nguyện của nhân dân có là việc đáng làm không? Thậm chí Kryuchkov còn cân nhắc lại: “Không ai chống lại quyền của Lithuania muốn rút khỏi Liên bang Xô viết nếu nhân dân nước này cho là cần thiết.”

Tuy nhiên, trước hết họ phải tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý. Còn Gorbachev thì vừa tiến hành thuyết phục, gây dựng lại lòng tin, vừa đe dọa sử dụng vũ lực. Nhưng cả hai cách của ông đều không có kết quả. Chính sách của ông với các nước cộng hòa Baltic hoàn toàn bị phá sản.

Một minh họa khác cho sự thất bại trong chính sách ngăn cản hơn là giúp đỡ của Gorbachev để tháo kíp nổ tình trạng căng thẳng về dân tộc là Gruzia. Không khí căng thẳng ở Nam Osetia khiến một số nhà lãnh đạo đưa ra đề xuất thống nhất với Bắc Osetia trong Liên bang Nga. Cuối cùng Tổng thống Zviad Gamsakhurdia đã gọi quân đội Gruzia đến. Ngày 7/1, Gorbachev ra lệnh quân đội Gruzia phải rút nếu không sẽ bị quân đội Xô viết can thiệp. Đơn giản là sự việc này đã làm tình hình trầm trọng thêm, đặc biệt hơn là hoàn toàn không có quân đội Xô viết triển khai tại đây. Gorbachev có thể đã nghe báo cáo từ những cộng sự có quan điểm cứng rắn và chính họ đã khích lệ ông khẳng định uy quyền của mình. Song, khi đưa ra lời đe dọa kiểu như vậy, ông lại không hề thực hiện được, vì vậy chính ông tự làm suy giảm quyền lực của mình.

TAN VỠ VÀ ỔN ĐỊNH

Hy vọng to lớn của những người dân chủ trong mùa thu năm 1990, về liên minh Gorbachev-Yeltsin nhằm đẩy mạnh dân chủ và kinh tế thị trường đã tan vỡ trong rất nhiều những lời cáo buộc gay gắt vào tháng 1/1991. DemRossiya – giống như người tình bị bỏ rơi – không ngớt lời đả kích Gorbachev đang dần trở thành một kẻ độc tài. Phe phái này lo ngại sự thắng thế của phe bảo thủ. Song, sự chỉ trích gay gắt nhất lại xuất phát từ phe có xu hướng cải cách nhanh và mạnh. Stanislav Shatalin tỏ thái độ bất mãn và cho mọi người biết ông không còn là thành viên trong ê-kíp của Gorbachev nữa. Ngày 19/1, chính Nikolai Petrakov viết bài đả kích cay độc như sau:

Một chế độ đang giãy chết đã tỏ rõ lập trường cuối cùng của mình: phong tỏa cải cách kinh tế, chính sách kiểm duyệt gắt gao phương tiện thông tin được phục hồi, làm sống lại chính sách mị dân trắng trợn và tuyên bố chiến tranh công khai với các nước cộng hòa... Các sự kiện ở Lithuania rõ ràng có thể coi là hành động tội ác... Trong khi đối chọi với sự tấn công dữ dội của chế độ độc tài và chuyên chế, chúng ta đang đặt hy vọng của mình vào giới lãnh đạo các nước cộng hòa thuộc Liên bang.

Trong số những người ký tên vào bản cáo trạng của Petrakov còn có Popov, Yury Ryzhkov (sau này trở thành đại sứ ở Pháp), Shatalin và Zaslavskaya. Ngày 20/1, một cuộc biểu tình lớn ở Moskva kêu gọi Gorbachev, Yazov và Pugo từ chức, đòi rút quân đội khỏi Lithuania và mở phiên tòa xử những kẻ liên quan đến việc sử dụng vũ lực ở Lithuania. Yeltsin không tham gia nhưng gửi điện đến. Một trong những người không rời khỏi ê-kíp Gorbachev lúc đó là Anatoly Chernyaev. Các sự kiện ở Vilnius ảnh hưởng sâu sắc tới ông, người dường như không đánh giá hết những việc họ đang làm dưới sự chỉ đạo của ông. Ông viết đơn xin từ chức với lời lẽ cay đắng và chê trách. Trong thư, ông khuyên Gorbachev hãy lắng

nghe điều nhân dân nói, chứ đừng nghe lời một phía từ những phụ tá quanh mình. Ở điểm này ông đã đúng. Nhân tố chủ chốt trong ý nghĩa chính trị mới bị mất đi, đó là lòng tin. “Bây giờ không ai còn tin vào đồng chí, bất kể những việc đồng chí đã làm trước kia.” Bức thư do bà phụ tá của ông đánh máy, người phụ tá này đã phản đối mạnh mẽ quyết định từ chức của ông. Bà trì hoãn đánh máy bức thư một tuần và sau đó Chernyaev thay đổi theo cách nghĩ của bà. Ông lại quyết định tiếp tục sát cánh trong nhóm của Gorbachev.

Pavlov đưa ra một chương trình tái ổn định, chứa đựng nhiều nhân tố nhạy cảm nhưng không thể triển khai được trong bầu không khí chính trị năm 1991. Để các biện pháp ổn định khắc nghiệt được chấp nhận và áp dụng, dân chúng phải được thuyết phục về chính nhu cầu của họ, và quan trọng hơn là về sự thành công của họ trong tương lai. Vị trí của Pavlov không cao. Ông sớm đề ra việc đánh thuế giá trị gia tăng 5% đối với các hàng hóa bán lẻ, mục đích tăng doanh thu và giảm tốc độ trượt giá của đồng rúp. Người ta đã đoán trước rằng cách này cực kỳ không thích hợp, nhất là trong bối cảnh mức sống của nhân dân đang giảm sút. Áp lực từ các nhóm vận động hành lang đảm bảo các nhóm lợi ích nhất định sẽ được đền bù vì thuế này nhưng nó không thành công.

Sáng kiến đầu tiên chủ yếu liên quan đến chính sách của ông trên cương vị Thủ tướng là giải quyết vấn đề trượt giá của đồng rúp. Ông ra lệnh bằng sắc lệnh là tờ giấy bạc 50 và 100 rúp đều phải đổi sang tiền mới. Nhưng chỉ có một số lượng nhất định được đổi. Do có nhiều khoản tiết kiệm được giữ trong thời gian thực hiện chuyển đổi, sắc lệnh đó đã gây ra hoang mang và lo lắng trong dân chúng. Pavlov hạn chế nguồn cung cấp tiền đã làm tổn hại người dân. Ông cho rằng chính sách cải cách nhằm xóa bỏ lợi ích của những kẻ buôn bán chợ đen. Lẽ tất nhiên, những kẻ xảo trá này đã biết tin về chính sách cải cách và họ đã đổi tiền trước đó rồi. Quá dễ để hối lộ nhân viên ngân hàng. Dân chúng mất tin tưởng vào sự lý giải của chính phủ. Pavlov buộc phải giữ ngón nghề của mình nhưng lại tiếp tục lý

giải gượng gạo hơn. Cải cách này phá được kế hoạch của các ngân hàng Thụy Sĩ, Australia và Canada (ông viện đến lý do chính trị không cáo buộc các ngân hàng Mỹ) muốn gây sóng gió bằng cách tuồn 8 tỷ rúp vào thị trường Liên Xô. Khi tỷ giá giao dịch tụt xuống mức kỷ lục, các ngân hàng này có thể mua được một số lượng lớn các tài sản cố định của Xô viết với giá rẻ. Nếu các nhà kinh tế phương Tây không đánh giá cao ông vì vụ việc sai lầm này thì bây giờ đó là mục tiêu để họ giễu cợt. Ban chuyên trách về Mỹ chỉ rõ Pavlov cho in nhiều tiền rúp hơn cả lượng tiền các ngân hàng phương Tây đang nắm giữ. Thậm chí cơ quan KGB cũng thừa nhận họ không hề biết có âm mưu như vậy.

Mặc dù thất bại về tài chính tiền tệ, Pavlov vẫn đưa ra một chương trình lập lại ổn định. Các nguồn lực kinh tế đều tập trung vào tay nhà nước và sự đột phá về mặt công nghệ được thực hiện trên nền tảng này. Việc sản xuất mặt hàng công cụ sản xuất được ưu tiên hơn hàng tiêu dùng. Khu vực tập thể được chuyển xuống vai trò không đáng kể. Ông ta đã nói toạc móng heo. Nền kinh tế đang ở bờ vực sụp đổ và nếu chương trình ổn định không được triển khai, tình hình sẽ quay trở lại thời kỳ tồi tệ nhất trong giai đoạn chiến tranh của chủ nghĩa cộng sản. Rốt cuộc Thủ tướng đã giải quyết vững vàng và táo bạo việc khó khăn của cải cách giá cả bán buôn và bán lẻ. Song lại một lần nữa, các nhóm lợi ích có ảnh hưởng đến nỗi ông phải bồi thường thiệt hại cho họ. Chẳng hạn, các xí nghiệp được phép sử dụng quỹ phát triển bồi hoàn cho công nhân do việc giá cả tăng. Đây chính là phương thức dẫn đến sụp đổ. Gorbachev ký một sắc lệnh cho phép Bộ Nội vụ và cơ quan KGB can thiệp trực tiếp vào các hoạt động kinh tế của các xí nghiệp (gồm cả các liên doanh) trên toàn Liên bang. Việc này làm giảm sự quan tâm cũng như lợi ích từ các nguồn đầu tư nước ngoài trực tiếp và quan hệ trao đổi thương mại với Liên bang Xô viết.

Thách thức nghiêm trọng nhất đối với chương trình ổn định của Pavlov bắt nguồn từ ngành khai thác mỏ. Ở nơi khác, trong ngành công nghiệp, điều kiện sống và làm việc đang giảm sút. Họ muốn có những cải thiện

nhanh chóng trong cả hai ngành. Tuy nhiên, chương trình ổn định còn bao hàm cả nghĩa vụ cân bằng ngân sách. Ngân sách năm 1991 dự kiến tổng thu nhập 55 tỷ rúp trong quý I. Thu nhập thực tế chỉ ở mức 19,9 tỷ rúp còn chi tiêu lại lên tới 47 tỷ rúp. Đơn giản là các nước cộng hòa không chịu nộp thuế Liên bang cho trung ương. Giống nước Nga, các nước cộng hòa sẵn sàng tự bù đắp khoản thâm hụt ngân sách lớn của họ. Giá thịt bò tăng từ 2 lên 7 rúp một cân, thịt lợn từ 1 rúp 90 cô pếch lên đến 5 rúp 30 cô pếch, giá quần áo trẻ em tăng gấp năm lần.

Cảnh báo về cuộc đình công ngày 1/3 tại Ukraine, chủ yếu ở vùng Donbass, nêu lên nhiều yêu cầu về kinh tế và chính trị. Công nhân mỏ Karaganda ở Kazakhstan cũng tham gia. Các cuộc đình công ở Kuzbass, Tây Siberia và Vorkuta, vùng xung quanh Bắc Cực, đã gây một tác động không nhỏ. Đến giữa tháng 3, khoảng 1/3 nguồn khai thác mỏ bị chặn kiết và đến ngày 1/4, con số này lên tới một nửa. Pavlov cố tỏ ra là một người mạnh mẽ và đe dọa xét xử những người đình công. Tuy vậy, cuối tháng 3, chính quyền Xô viết bắt đầu tiến hành thương lượng với đại diện công nhân mỏ.

Sự kiện dẫn đến giải quyết xung đột là việc ký Hiệp ước 9+1. Yeltsin đến Kuzbass và vào ngày 1/5/1991, ông đã ký một thỏa thuận chuyển giao toàn bộ mỏ than Nga đặt dưới quyền quản lý của người Nga và hứa hẹn để họ phát triển kinh tế độc lập. Đòi hỏi tăng lương không được thừa nhận, ngoại trừ ở Kazakhstan. Phản ứng của thợ mỏ tẩy chay Gorbachev thất bại vì Yeltsin không muốn gây xáo trộn trong tầng lớp cán bộ cao cấp Xô viết. Về chính trị, những người thợ mỏ Nga quyết tâm ủng hộ Yeltsin và tin lời hứa của ông về một tương lai tốt đẹp hơn. Ý đồ của công nhân mỏ muốn mở rộng cuộc đình công của họ thành tổng đình công trên toàn quốc cũng thất bại. Song, cuộc đình công này đã cho thấy tính hợp pháp của chính quyền Xô viết còn lại rất ít và ở Nga, chỉ duy nhất Yeltsin có thể giải quyết vấn đề này.

Để tạo áp lực với các nước cộng hòa, Gorbachev nảy ra ý định tiến hành một cuộc trưng cầu dân ý về tương lai Liên bang. Đại hội Đại biểu Nhân dân đã thông qua đề nghị này tháng 12/1990, nhưng Gorbachev bỏ ngoài tai lời nhắc nhở là ông đang vướng chân vào một bãi mìn. Ông đã phải sắp đặt câu hỏi ở dạng làm cho người ta không thể trả lời “không”. Cách tốt nhất làm việc này là nêu câu hỏi cực kỳ phức tạp và lồng ghép với nội dung dễ dàng ngọt ngào: “Bạn nghĩ có cần thiết duy trì Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết như một liên bang đổi mới trong đó sự bình đẳng giữa các nước cộng hòa, quyền con người, quyền tự do đều được hoàn toàn đảm bảo cho tất cả các dân tộc khác không?”

Không đề cập chút nào đến một số vấn đề. Bản chất của một liên bang mới vẫn chưa được thống nhất. Bằng cách sử dụng từ “các nước cộng hòa”, chứ không phải là quốc gia, hàm ý sẽ không phải là một chế độ liên bang? Định nghĩa chi tiết thế nào về chủ quyền? Kinh nghiệm của Lithuania cho người ta thấy là điềm gở khi đề cập đến việc bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do khác. Khi cuộc trưng cầu dân ý này được tiến hành vào ngày 17/3, người ta dự đoán một số nước cộng hòa sẽ từ chối tham gia tổ chức. Đó là ba nước cộng hòa Baltic, sau đó là Gruzia, Armenia và Moldova. Ở Kazakhstan, một vấn đề khác được đưa ra: “Bạn nghĩ có cần thiết duy trì Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết là một Liên bang gồm các quốc gia có quyền bình đẳng như nhau không?” Không đề cập đến chế độ liên bang mới, nhân quyền và các quyền tự do của con người đã tiêu tan. Quan trọng là các nước cộng hòa được thay bằng các quốc gia. Ở Ukraine, câu hỏi bổ sung là: “Liệu Ukraine có nên duy trì vị trí thành viên trong một Liên bang gồm tập hợp các nhà nước có chủ quyền hay không?” Tuy vậy, người giành thắng lợi vẻ vang nhất là Liên bang Nga. Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga liên tục khước từ sửa đổi Hiến pháp Nga, cho phép bầu ra một tổng thống hành pháp. Người Nga được mời trả lời câu hỏi bổ sung: “Bạn có muốn tham gia trực tiếp bầu cử tổng thống hành pháp không?”

Gorbachev tiến hành chiến dịch trưng cầu dân ý, và ở Nga, Yeltsin cũng tiến hành trưng cầu dân ý cho chính mình. Gorbachev nhận được 76% ý kiến mong muốn tiếp tục duy trì chế độ Liên bang. Nhưng là Liên bang nào? Ở Nga, 71% cử tri nghiêng về việc bầu cử tổng thống Liên bang Nga. Các nước cộng hòa Baltic cũng có cuộc trưng cầu dân ý riêng về nền độc lập và nhận được đa số ủng hộ. Chẳng hạn, ở Lithuania, 94% ủng hộ nền độc lập thật sự. Ngày 3/4, Xô viết Tối cao Gruzia, bỏ phiếu ủng hộ khôi phục chủ quyền quốc gia và nền độc lập của họ. Khi Armenia bỏ phiếu vào tháng 9, kết quả bầu cử đã được tiên liệu.

Hóa ra cuộc trưng cầu dân ý này lại là phản tác dụng. Nó khiến việc tiến hành thương lượng một hiệp ước Liên bang trở nên khó khăn hơn nhiều, nhưng nó còn tạo đà để Yeltsin vượt lên trên Gorbachev trong cuộc đua tranh. Trên đài truyền hình quốc gia, nhà lãnh đạo Nga đã kêu gọi Gorbachev từ chức vào ngày 19/2, giới trí thức Nga cũng nghiêng sang ủng hộ Yeltsin. Tại Minsk, ngày 27/2, Gorbachev tỏ ra vô cùng lo lắng. Ông kết tội những người dân chủ sử dụng chiến thuật Bolshevik mới – biểu tình và đình công – để làm loạn chính phủ và tạo điều kiện để giành quyền lực. Liệu Gorbachev có thật sự tin những người dân chủ này đang có ý đồ đảo chính không? Chắc chắn ý đồ này trái ngược với mọi chuẩn mực của nền chính trị dân chủ? Lại một lần nữa, ông gặp khó khăn khi phân biệt giữa tính đối lập dân chủ, hợp pháp và quan điểm chính trị của những kẻ bảo thủ, tất cả đều chỉ nhằm mục đích lập lại trật tự và tập trung quyền lực ở trung ương. Giống như trước kia, ông rất hay phật lòng vì bị phê bình. Ông coi sự phê phán nghiêm khắc của những đồng minh cũ giống lời nói của kẻ phản bội. Ông không nhận ra các chính sách của mình đang tiến hành đều sai lầm.

Trong cuộc gặp James Baker ở Moskva vào trung tuần tháng 3, Gorbachev đề cập đến một báo cáo do các cộng sự Yeltsin viết. Báo cáo này cho biết Yeltsin đang thăm dò phản ứng đại sứ Mỹ nếu ông này lên cầm quyền mà không thông qua cách thông thường. Vị đại sứ cho biết bản báo

cáo hoàn toàn là sự bịa đặt. Làm sao Yeltsin có thể vượt qua Kryuchkov – lãnh đạo KGB và Yazov – lãnh đạo giới quân sự để lên cầm quyền được? Gorbachev tin vào lời biện bạch đó nhưng điều đó cho thấy KGB bịa ra bằng chứng chống Yeltsin và ủng hộ Gorbachev. Có lẽ KGB cũng làm như vậy với một loạt vấn đề khác. Liệu Gorbachev có quá tin vào KGB khi họ báo cáo lý do tấn công phái dân chủ vì họ đang chủ trương âm mưu đảo chính không? Mikhail Sergeevich không thể tuyên bố là ông nhận thông tin một chiều. Ông không tin những điều mà những kẻ chỉ trích ông nói.

Căng thẳng tăng dần trong mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương. Điển hình là sắc lệnh do Gorbachev ký ngày 29/1/1991, sáp nhập các đơn vị cảnh sát tuần tra với quân đội chính quy, tới ngày 1/2. Các chính quyền địa phương phản đối vì họ không yêu cầu, nhưng họ bị ép buộc phải chấp nhận. Sắc lệnh nêu ra một vấn đề quan trọng: ai chịu trách nhiệm bảo vệ luật pháp và trật tự trong xã hội, trung ương hay địa phương? Ở Nga, sắc lệnh được coi là cố gắng áp đặt ý chí của trung ương cho địa phương và hạn chế sức mạnh của nước Nga. Đội tuần tra ít có tác dụng và Hội đồng Hiến pháp chỉ trích sắc lệnh này là một khuyết điểm. Một ví dụ đáng lo ngại nữa là phe dân chủ tổ chức biểu tình ở Moskva vào ngày 28/3 kêu gọi ủng hộ Yeltsin.

Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga tiến hành xem xét khả năng bầu Yeltsin vào chức chủ tịch. Chính quyền Moskva cho phép tổ chức biểu tình. Gorbachev phản ứng bằng cách ban bố sắc lệnh đặt thành phố Moskva và lực lượng công an của thành phố này phụ thuộc Bộ Nội vụ và đưa quân đội vào Moskva với mục đích giúp lực lượng cảnh sát bảo vệ trung tâm thành phố. Cuối cùng, KGB báo cáo sai rằng người của phe dân chủ sẽ tấn công đột chiếm Kremlin. Sự phản đối của chính phủ Nga và chính quyền thành phố Moskva hoàn toàn vô tác dụng. Hầu hết các đại biểu không đồng tình với cố gắng của Gorbachev muốn chỉ đạo chính quyền Nga, bỏ phiếu bãi bỏ sắc lệnh của Tổng thống và yêu cầu rút quân. Gorbachev tuyên bố nhưng họ vẫn ở lại cho đến hôm sau, Đại hội bỏ phiếu tạm ngừng hoạt động này cho

đến ngày tiếp theo. Cuộc biểu tình diễn ra ngày 28/3 nhưng không có bạo lực. Nếu mục đích của Gorbachev là đe dọa, thì uy Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga và làm yếu thế của Yeltsin thì nó lại phản tác dụng. Nhiều người cộng sản bỏ phiếu cho Yeltsin bởi họ coi hành động của Gorbachev có ý đồ nhằm làm suy yếu nước Nga.

Tình hình có nhiều chuyển biến có lợi cho Yeltsin tại Quốc hội. Aleksandr Rutskoi, một cựu chiến binh trong cuộc chiến tranh Afghanistan, sau được bổ nhiệm làm Phó Tổng thống, tập hợp người cộng sản vào một phái dân chủ và đưa họ vào phe của Yeltsin. Yeltsin yêu cầu Đại hội Đại biểu Nhân dân cho mình hưởng đặc quyền trong Liên bang Nga giống như đặc quyền của Gorbachev trong Liên bang Xô viết. Ông đã đạt được mục đích vào ngày 4/4 và cũng là phần thưởng to lớn nhất: quyết định tổ chức bầu cử tổng thống vào ngày 12/6. Sau đó, ông tham dự lễ Phục sinh do Giáo chủ Aleksii II chủ trì. Sự kiện này có ý nghĩa sâu sắc về sự hòa giải giữa sức mạnh thế tục và sức mạnh tinh thần ở Nga.¹⁶

Gorbachev rất cần sự ủng hộ của các nước cộng hòa để tiến hành các biện pháp ổn định kinh tế, ông buộc phải có nhân nhượng nhằm đạt được một hiệp ước Liên bang mới. Không có một hiệp ước như vậy, ông không thể áp dụng biện pháp ổn định tình hình kinh tế trên toàn Liên bang. Chính nhà lãnh đạo từ các nước cộng hòa (ba nước Baltic là Armenia, Gruzia và Moldova không tham dự) và Gorbachev gặp họ ngày 23/4 tại một biệt thự chính phủ ở Novo-Ogarevo, ngoại ô Moskva, nhằm thảo luận những chi tiết cuối cùng. Những dự thảo trước kia của hiệp ước này không được các nước cộng hòa thông qua vì còn tồn tại hai vấn đề chính. Trước hết, việc thành lập một kiểu Liên bang mới gồm các nước cộng hòa có chủ quyền hay Liên bang gồm các quốc gia có chủ quyền? Gorbachev nghiêng về việc thành lập liên bang gồm các nước cộng hòa có chủ quyền, còn liên bang gồm các quốc gia có chủ quyền chỉ là một tập hợp lỏng lẻo nhưng lại là kiểu liên bang mà phần đông các nước cộng hòa muốn xây dựng. Vấn đề còn lại là sức mạnh kinh tế. Toàn bộ của cải tài sản Liên bang đều đặt dưới sự kiểm

soát của trung ương hay cả trung ương lẫn cộng hòa? Các nước cộng hòa muốn kiểm soát các cơ sở và tài sản kinh tế và tự hoạch định chính sách của mình. Gorbachev muốn nhà nước trung ương can thiệp mạnh vào các nước cộng hòa. Lý do chủ yếu buộc Gorbachev miễn cưỡng chấp nhận nhân nhượng điều khoản các nước cộng hòa tự hoạch định chính sách kinh tế là vì ông cho rằng nếu các tổ hợp công nghiệp quân sự mất đi sẽ là một tổn thất lớn. Không chắc xảy ra việc các nước cộng hòa sẽ phân bổ nhiều thu nhập của ngân sách cho khu vực quốc phòng.

Những nước có vai trò lớn trong cuộc chơi Liên bang này bắt đầu xích lại gần nhau, hợp tác với nhau đề ra một hiệp ước Liên bang mới. Ngày 18/4, lãnh đạo Nga, Ukraine, Belarus, Kazakhstan và Uzbekistan nhóm họp tại Kiev để thống nhất một lập trường chung. Họ bác bỏ đề nghị của Gorbachev, trao quy chế cộng hòa Liên bang cho các nước cộng hòa tự trị, chủ yếu trong Liên bang Nga như Tatarstan và Sakha-Yakutia. Mikhail Sergeevich đã đưa ra cách này nhằm chơi trội hơn Yeltsin để lấy lại lòng tin, sự trung thành của các nước trong khu vực này. Hiệp ước ngày 23/4 dấy lên hy vọng có thể đạt được một thỏa thuận cuối cùng. Gorbachev gọi là Hiệp ước 1+9 nhưng các nước cộng hòa lại nhanh chóng đòi ông phải thừa nhận đây là Hiệp ước Chín cộng Một. Những nước ký hiệp ước sẽ được hưởng quy chế đặc biệt. Điều này có nghĩa là những nước từ chối ký hiệp ước này về nguyên trạng vẫn có thể xin ly khai hay sẽ phải thương lượng một hiệp ước mới với Liên bang mới.

Hiệp ước dự thảo được Gorbachev ra hiệu quay ngược 180°. Ông quay về vị trí cũ mà ông nắm giữ hồi tháng 10/1990. Lúc đó, ông tán thành một cơ chế Liên bang nới lỏng và làm như vậy, ông mới tranh thủ được phe cải cách cấp tiến. Đó là lúc ông cần loại bỏ các đồng minh bảo thủ của mình. Xô viết Tối cao thông qua Hiệp định Chín cộng Một là một sự khuyến khích với ông.

Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào ngày 24-25/4 phản ứng ra sao trước Hiệp định này? Việc ký Hiệp định có nghĩa là kết thúc vai trò lãnh đạo của Đảng trên toàn Liên bang Xô viết, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ trích gay gắt Gorbachev và có lẽ còn cho ông mất chức vụ lãnh đạo Đảng nữa. Ngày đầu, kiến nghị mạnh mẽ lên án Gorbachev không có hiệu quả. Ngày thứ hai, mọi việc hoàn toàn thay đổi. Gorbachev phát cáu và hét lớn rằng ông chỉ hoàn thành trọng trách nếu có sự ủng hộ từ phía họ. Nếu không có được sự ủng hộ này, ông sẽ ra đi. Ivashko – cấp phó của ông – đã can thiệp và xin tạm ngừng cuộc họp. Các ủy viên lại gần Gorbachev và tuyên bố nếu ông ra đi, họ cũng ra đi cùng ông. Sau đó Bộ Chính trị họp và sự thật tồi tệ hé lộ trong nội bộ ủy viên Bộ Chính trị. Nếu Gorbachev ra đi có nghĩa là Đảng sẽ giải thể. Chính quyền sẽ tiếp nhận tài sản từ tay Đảng, giống như tình hình ở Armenia. Phiên họp củng cố, xiết chặt lại đội ngũ và giữ Gorbachev ở lại. Sau này người ta mới tiết lộ, sự thật là có âm mưu hạ bệ Gorbachev trong phiên họp toàn thể này. Một ủy viên đã thu xếp một cuộc vận động gửi điện cho ban chấp hành trung ương ngay trước phiên họp toàn thể ban chấp hành trung ương yêu cầu lập lại trật tự trong nền kinh tế. Mục đích là thuyết phục phiên họp toàn thể hạ bệ Gorbachev và lập ra một ủy ban khẩn cấp cứu lấy đất nước, tương tự như ủy ban sau này được thành lập vào tháng 8/1991. Trường hợp chống lại Gorbachev có thể thành công chỉ khi những người phát biểu chống Tổng Bí thư được phép phát biểu trong phiên họp. Sau đó ủy ban này cố gắng tạo dựng lại quyền lực của Đảng, giống ở giai đoạn tháng 3/1985. Những người thuộc phe bảo thủ không bao giờ từ bỏ đấu tranh nhưng để hứng chịu một kết thúc cay đắng như ở tháng 8/1991 thì chỉ phản tác dụng và mang tính hình thức mà thôi.

Liệu Gorbachev có nên nắm lấy cơ hội tại phiên họp toàn thể này xin từ chức? Nếu ông làm như vậy, ông có thể lôi kéo được phe dân chủ trong Đảng đứng về phía mình và sẽ gây chia rẽ trong bộ máy Đảng. Những người bảo thủ buộc lập ra một đảng riêng của họ còn Gorbachev có thể ban bố sắc lệnh tất cả tài sản của Đảng phải được chuyển giao cho những người

dân chủ. Bằng cách ở lại vị trí lãnh đạo Đảng, Gorbachev sẽ mời các nhân vật bảo thủ phải quay trở lại cơ chế cũ. Ông có lý do cho rằng ông đã tiến bộ hơn trong việc lãnh đạo Đảng cho đến khi hiệp ước Liên bang được ký kết. Sau đó nó có thể chia ra thành các đảng của nước cộng hòa. Có thể ông cũng đã thuyết phục họ chấp nhận nền dân chủ và kinh tế thị trường. Các nhân vật bảo thủ sẽ phải tính đến bước lùi trước ông. Không có ai trong họ có thể kế nhiệm Gorbachev. Yeltsin còn đang chờ đợi thời cơ chín muồi. Ký Hiệp ước Novo-Ogarevo, Yeltsin muốn đảm bảo để Gorbachev vẫn tiếp tục nắm quyền lãnh đạo. Một Gorbachev yếu đuối sẽ vô cùng thích hợp cho đến khi Yeltsin có thể phát động thách thức thì loại bỏ ông ta.

NƯỚC NGA BẦU CỬ TỔNG THỐNG

Luật bầu cử tổng thống và phó tổng thống Nga đã quy định một nhiệm kỳ kéo dài năm năm. Cuộc bầu cử yêu cầu cắt bỏ vị trí thành viên của tổng thống trong các đảng phái chính trị và các tổ chức xã hội. Tổng thống này có thể bị bãi miễn trong khi đang đương chức nếu vi phạm Hiến pháp Nga, Luật pháp Nga và lời thề khi nhậm chức, nếu bị 2/3 trên tổng số phiếu bầu của các thành viên thuộc Đại hội Đại biểu Nga bỏ phiếu chống. Tòa án Hiến pháp thành lập để phán quyết sự hợp pháp trong quyết định này. Điều khoản này gây ra những hậu quả thảm hại cho Tổng thống Yeltsin và nước Nga trong suốt hai năm tới. Vì yêu cầu này cũng trùng với yêu cầu đối với Tổng thống Liên bang Xô viết – Gorbachev – nên người ta không coi đó là nguyên nhân gây ra bất ổn trong thời điểm chuyển giao nguy hiểm.

Để được bầu, tổng thống phải giành được tỷ lệ tối thiểu là 50% cộng thêm một phiếu bầu nữa, trong vòng một. Nếu không ai đạt được như vậy trong vòng một, hai ứng cử viên đứng đầu sẽ cùng nhau tranh đua ở vòng hai. Thắng lợi sẽ thuộc về người có số phiếu bầu nhiều hơn. Các luật sư muốn bảo đảm tổng thống Nga đầu tiên, trực tiếp được bầu phải được công nhận là hợp pháp. Người đó phải là sự lựa chọn của đa số cử tri. Yeltsin chọn Aleksandr Rutskoi cùng là người cùng ứng cử. Là sĩ quan xuất sắc của

lực lượng không quân, Rutskoi có thể thu hút được một số phiếu bầu trong quân đội. Yeltsin không được giới quân sự ưa chuộng, nhất là trong vấn đề với Lithuania và chủ trương thúc đẩy một Liên bang có cơ chế lỏng lẻo gồm các quốc gia có chủ quyền. Các ứng cử viên cho chức phó tổng thống có tiến hành bầu như ở Mỹ hay không thì còn chưa rõ. Rutskoi không phải là con nhà nòi về chính trị, vì vậy ông dường như không phải là mối nguy cơ của Yeltsin. Phong trào Nước Nga Dân chủ thất vọng khi một trong những thành viên của họ lại không được ứng cử vị trí này. Người ta cho rằng Yeltsin muốn tránh bị gậy áp lực từ thành viên số hai thuộc phái dân chủ của mình.

Yeltsin giành thắng lợi trong vòng bầu cử đầu tiên, với 57,3% số phiếu bầu. Ông vận động bầu cử tốt trong các thành phố lớn nhưng không suôn sẻ ở các vùng nông thôn, vì ở đây đa số người cộng sản còn có ảnh hưởng lớn. Nikolai Ryzhkov trở lại sau khi điều trị bệnh tim, đứng thứ hai, nhưng chỉ giành hơn 16% số phiếu bầu. Người kín đáo là Vladimir Zhirinovskiy giành được hơn 6 triệu phiếu bầu, tức là chiếm hơn 7%. Tiếp theo là Trung tướng Albert Makashov, một người yêu nước chân chính, đã làm cho Gorbachev bị choáng váng tại Đại hội Đảng lần thứ 28 bằng việc tấn công trực diện vào perestroika và chủ trương công khai đòi Tổng Bí thư phải quay về với các chuẩn mực Leninist. Sau đó là Amangeldy Tuleev, đến từ Kemerovo thuộc vùng Kuzbass, và cuối cùng là Vadim Bakatin. Nhân vật cuối cùng này xứng đáng có vị trí tốt hơn vì lý lịch của ông là Bộ trưởng Bộ Nội vụ không thuộc phe phái nào, nhưng có lẽ việc ông có quan hệ mật thiết với Gorbachev khiến người dân Nga cảm thấy khó chịu.

Khi Yeltsin tuyên thệ nhậm chức, trong một buổi lễ trang trọng ngày 10/7/1991, Gorbachev cũng có mặt. Yeltsin thề trước Hiến pháp Nga và tuyên bố Nga là một quốc gia có chủ quyền. Ông cũng công bố bắt đầu một kỷ nguyên mới trên toàn nước Nga. Điều quan trọng hơn, ông nhận được lời ban phước từ Giáo chủ Aleksii II. Ông là nhà lãnh đạo Nga đầu tiên làm vậy kể từ sau khi Sa hoàng Nicholais II lên ngôi ở Moskva vào tháng

5/1896. Yeltsin nhận được hai lời ban phước, từ nhà thờ và từ nhân dân vì là người lãnh đạo lần đầu tiên do phổ thông bầu cử bầu ra. Gorbachev phải thán phục năng khiếu tự nhiên của đối thủ, về khía cạnh chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa tượng trưng.

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Việc Saddam Hussein xâm lược Kuwait ngày 1/8/1990 và sáp nhập nước này vào Iraq là thử thách lớn đối với quan hệ Xô-Mỹ. Cũng có những giá trị nhân văn toàn cầu mà Gorbachev coi là có tầm quan trọng. Gorbachev rơi vào tình thế khó xử. Iraq là đồng minh và còn có hàng nghìn quân lính Xô viết đang đóng tại Iraq. James Baker và Shevardnadze hội đàm tại phi trường Vnukovo 2. Họ nhất trí đưa ra tuyên bố kết tội hành vi xâm chiếm của Iraq, coi đó như một dấu ấn trong nỗ lực chung của hai bên tại Liên Hợp Quốc. Gorbachev và Bush gặp nhau ở Helsinki ngày 9/9 và hội đàm cả ngày hôm đó. Nhà lãnh đạo Xô viết muốn có đảm bảo trên hai điểm: áp lực quân sự đưa ra buộc Saddam phải rút quân khỏi Kuwait mà không xảy ra chiến tranh, và quân đội Mỹ sẽ phải rời khỏi Kuwait khi nước này được giải phóng. Gorbachev bắt đầu đề cập tới chủ đề ủng hộ tài chính cho nền kinh tế Xô viết. Ông không nêu trực tiếp mà ám chỉ vấn đề Kuwait phải gắn với kinh tế.

Hợp tác về tiến trình thống nhất nước Đức đã gắn chặt hơn nữa quan hệ giữa Moskva-Washington. Các sự kiện tại Lithuania hầu như đã gây ra một vết rạn nứt. Cuộc chiến tranh chống Saddam tạo thành một tiền lệ ở Washington nhưng Bush nhắc đi nhắc lại việc sử dụng quân sự ở các nước cộng hòa Baltic sẽ đe dọa đến các mong muốn của Gorbachev về việc trợ giúp kinh tế và làm xói mòn quan hệ thân thiện của hai bên. Gorbachev đảm bảo với Bush rằng ông đã suy nghĩ thấu đáo các vấn đề này nhưng Liên bang Xô viết đang đứng trước bờ vực của một cuộc nội chiến. Song ông vẫn giữ lời hứa đã đưa ra với Bush tại Helsinki, ông sẽ tiếp tục hợp tác với Mỹ trong việc ngăn chặn sự thù địch của Iraq. Năm 1991, quan hệ

Gorbachev-Bush phát triển gắn bó. Họ hội đàm qua điện thoại hầu như hàng tuần và các ngoại trưởng gặp nhau vài lần trong một tháng.

Tổng thống Bush dự định thăm Moskva vào tháng 2/1991 để tham dự hội nghị thượng đỉnh, nhưng căng thẳng vùng Baltic đã phá vỡ cuộc gặp. Giới quân sự Xô viết không thực hiện các điều khoản về lực lượng vũ khí thông thường trong Hiệp ước châu Âu (CFE) ký tại Paris tháng 11/1990, Hiệp ước sẽ làm giảm hẳn ưu thế của quân đội Xô viết. Vì Gorbachev không thể hay không muốn buộc giới quân sự trong nước thực hiện hiệp ước này, Tướng Mikhail Moiseev, Tổng tư lệnh, sẽ được cử đến Mỹ để hòa giải sự hiểu lầm trong quan hệ hai bên.

Khi đại sứ Mỹ gặp Gorbachev vào ngày 7/5/1991, nhà lãnh đạo Xô viết đã tiếp ông ta bằng những lời độc thoại rầu rĩ về nỗi lo lắng là Tổng thống Bush đang xem xét để đánh giá lại mối quan hệ giữa hai nước. Vị Tổng thống Mỹ không ngần ngại nói thẳng ý nghĩ riêng của ông về nền an ninh bất ổn. Mikhail Sergeevich cảm thấy mình không còn được yêu mến như trước. Ông cần Bush và ông cũng cần tiền. Vị đại sứ xin chấm dứt nhiệm kỳ vì lý do cá nhân. Gorbachev hỏi: “Có lẽ ông nghĩ con tàu của chúng tôi sẽ chìm sao?” Ngày hôm sau, khi gặp Rupert Murdoch – một người kiệt xuất trong phương tiện thông tin, ông cảm thấy mọi việc được phơi bày rõ ràng hơn. Ông nói với Murdoch rằng có phải Bush đang dẫn thân vào một cuộc Chiến tranh Lạnh mới. Điều này khiêu khích Bush hành động và khẳng định hùng hồn với Mikhail Sergeevich là ông chưa bao giờ có ý nghĩ làm ngơ đi quan hệ giữa họ. Với tiến bộ trong Hiệp ước CFE, Bush có thể trình hiệp ước này lên Thượng viện đề nghị phê chuẩn. Thậm chí, ngày 11/6, Gorbachev còn được thông báo người Mỹ chấp nhận yêu cầu của ông về khoản tín dụng đảm bảo 1,5 tỷ đôla chủ yếu dùng để mua lương thực.

Việc thâm hụt ngân sách của Liên Xô gia tăng đáng kể và không có thị trường tiền tệ ở Liên bang Xô viết để cung cấp các khoản vay. Nguồn tài

chính duy nhất là thể giới tư bản. Gorbachev bắt đầu mơ phương Tây sẽ giúp ông khoảng 100 tỷ đôla để duy trì sự tồn tại của Liên bang. Đây là thời điểm khi khoản nợ bằng ngoại tệ mạnh của Liên bang Xô viết lên tới con số 100 tỷ đôla. Gorbachev nói với mọi quan chức nước ngoài mà ông gặp rằng Chiến tranh Vùng Vịnh đã ngốn một chi phí khoảng 100 tỷ đôla. Người ta vẫn tìm ra số tiền. Tại sao một khoản tương đương số tiền này lại không tìm được để tài trợ cho cải tổ, trong khi chương trình này có tầm quan trọng hơn gấp mười hay hàng trăm lần so với cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh? Câu lạc bộ các nước giàu có G7 nhóm họp ở London tháng 7. Liên bang Xô viết có thể tham dự cuộc họp này chăng?¹⁷ Lần đầu tiên Gorbachev được mời. Người Mỹ nói ông cần phải có một kế hoạch tài chính, kế hoạch có thể trình bày rõ sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

Một tài liệu, do Thủ tướng Pavlov soạn thảo, chỉ khiến người ta buồn cười và chế giễu. Người ta sẽ phải tìm ra những người có tư tưởng ủng hộ thị trường. Grigory Yavlinsky là người lý tưởng nhất. Tháng 5, Yavlinsky tham dự một cuộc họp nội các và Gorbachev rất coi thường kế hoạch bình ổn của Pavlov. Ông thông báo với các bộ trưởng rằng mọi nguyên thủ quốc gia mà ông gặp ở nước ngoài đều nói rằng chương trình bình ổn này hoàn toàn vô tác dụng. “Thậm chí đại sứ Mỹ còn cho tôi biết chương trình này không khả thi, và ông ta còn biết rất rõ vấn đề của đất nước chúng ta.” Tuần sau, Yavlinsky bay tới Harvard tham khảo ý kiến của Graham Allison. Mục tiêu là soạn thảo một chương trình kết nối giữa mô hình kinh tế của Yavlinsky với mô hình chính trị của Allison. Yavlinsky gọi chương trình này là “cửa sổ của cơ hội” và Allison gọi đó là “một món hời vĩ đại”. Phương Tây sẽ trợ giúp tiền nếu Liên bang Xô viết dịch chuyển theo nền chính trị dân chủ và trở thành đối tác.

Gorbachev quyết định dồn toàn bộ sức lực thúc đẩy sự chuyển đổi này nhằm nhận được một khoản viện trợ lớn. Vì vậy, ông mời bà Thatcher tới Liên bang Xô viết vào cuối tháng 5. Khi từ biệt thự của Gorbachev trở về, bà thật sự rất hào hứng. Bà nói với đại sứ Mỹ:

Hãy chuyển một thông điệp đến bạn của tôi, George. Chúng ta phải giúp Mikhail. Tất nhiên người Mỹ không thể và không nên gánh vác hết trách nhiệm này, nhưng George sẽ phải nỗ lực, giống như ở vấn đề Kuwait. Chỉ vài năm trước, Ron và tôi đã mang đến cho thế giới và nhận lại điều đã xảy ra ở đây... Lịch sử sẽ không tha thứ cho chúng ta nếu chúng ta không tập hợp được để ủng hộ ông ấy.

Ai có thể chống lại một lời kêu gọi như vậy? Đặc biệt từ khi Thatcher đoán được tình huống chính trị của ông đang thật sự tuyệt vọng. Vị đại sứ Mỹ chỉ ra một số khó khăn khi soạn thảo một chương trình như vậy, cũng giống như thất bại của Gorbachev, khi thông qua các chính sách hướng tới thị trường, bà đưa mắt cho ông và trả lời: “Ông đang nói như một nhà ngoại giao. Như đang tìm những lý do để không làm gì cả. Tại sao ông không thể nghĩ theo cách nghĩ của một chính khách?”¹⁸

Ngày 17/6, Valentin Pavlov phát biểu trước Xô viết Tối cao thảo luận khả năng tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn đất nước hay tại những khu vực nhất định trong nền kinh tế. Lukyanov, trên cương vị chủ tịch, không phản đối. Pavlov yêu cầu Đại hội Đại biểu Nhân dân nên giao cho ông một vài đặc quyền của tổng thống ngay từ bây giờ, chủ yếu trong việc đưa ra quyết sách kinh tế. Ông cũng muốn có quyền đề xướng luật lệ mới. Việc này có thể phải trả giá bằng chủ quyền của Nga và các nước cộng hòa khác. Kryuchkov, Yazov và Pugo ủng hộ rất nhiệt tình sáng kiến này của Thủ tướng. Khi các đại biểu khác chất vấn liệu ông này có thể giải quyết triệt để vấn đề với chức trách Tổng thống không, ông ta trả lời là không thể.

Ngày 20/6, Gavriil Popov, thị trưởng mới được bổ nhiệm của Moskva, có chuyến thăm đại sứ Mỹ để nói lời chia tay khi vị đại sứ này quay trở lại Washington vào tháng 8. Khi họ vào chỗ ngồi ổn định, Popov bắt đầu viết một tờ giấy và sau đó trao nó cho vị đại sứ. Dòng chữ gây ấn tượng mạnh: “Người ta đang được tổ chức một cuộc đảo chính nhằm hạ bệ Gorbachev. Chúng tôi phải chuyển lời đến Boris Nikolaevich [Yeltsin].” Vị đại sứ này

vội viết trả lời: “Tôi sẽ gửi lời nhắn. Nhưng ai đứng sau vụ này?” Popov liệt kê tên Pavlov, Kryuchkov, Yazov, Lukyanov. Sau đó, hội đàm tiếp tục trong vòng 10-15 phút nữa. Kiểu thông báo này cần thiết và quan trọng vì tổ chức KGB thường đặt các thiết bị nghe trộm sẽ phát hiện ra bất cứ điều gì trong quá trình trao đổi miệng. Lời nhắn được chuyển tới Washington và Tổng thống Bush đã thông báo cho Yeltsin. Ông có thể tiết lộ lời nhắn là của Popov nhưng không đề cập đến những người khác. Đại sứ Mỹ làm cách nào để thông báo với Tổng thống rằng đang có âm mưu nhằm hạ bệ ông? Gorbachev có coi đó là một sự xúc phạm không? Ông tìm được cách khiến Tổng thống Bush có thông tin về âm mưu nhằm hạ bệ Gorbachev, thậm chí trong tuần đó. Song nó chỉ dựa trên tin đồn, chứ không phải thông tin đáng tin cậy. Gorbachev ngả người về phía sau và cười rất thoải mái:

Hãy nói lại với Tổng thống Bush rằng tôi biết ơn ông. Cảm ơn vì ông đã quan tâm. Ông đã làm điều mà một người bạn tốt cần phải làm. Nhưng hãy nói với ông là đừng lo cho tôi. Tôi vẫn đang kiểm soát được mọi việc. Ông sẽ thấy ngay ngày mai thôi.

Ông nói tất nhiên ông không thể ổn định tình hình chỉ trong một thời gian. Pavlov – nhà kinh tế tài ba nhưng lại là một chính trị gia tồi – thừa nhận ông đã có hành động thiếu suy nghĩ vào ngày 17/6. Sự hòa giải chính trị vẫn còn chưa đâu vào đâu. Hiệp ước Liên bang sẽ được ký kết ngay lập tức và thậm chí Yeltsin có thể hợp tác về vấn đề này. Có một số người trong Đại hội Đại biểu Nhân dân, đặc biệt nhóm Liên minh, là nhóm có nhiều khả năng muốn lật đổ chính phủ nhất.

Người Mỹ quyết định không nói cho Gorbachev biết tên những người có mưu đồ. Tuy vậy, khi James Baker gặp Ngoại trưởng Aleksandr Bessmertnykh ở Berlin ngày 20/6, ông cho biết tên những kẻ âm mưu, nhưng không cung cấp nguồn gốc tin và yêu cầu Ngoại trưởng hãy chuyển thông tin gấp tới Gorbachev. Baker lẽ ra phải biết tất cả phương tiện thông

tin của Xô viết đều do cơ quan KGB giám sát và quản lý. Do vậy lời nhắn này đã không đến tay Gorbachev vì lãnh đạo cơ quan KGB cũng nằm trong số người lập kế hoạch đảo chính. Bessmertnykh nói với Baker rằng ông không thể chuyển một lời nhắn như vậy. Ít ra ông cũng là người thật thà và kín đáo. Ông đề nghị đại sứ Mỹ trực tiếp chuyển lời tới Gorbachev. Tổng thống Bush cuối cùng đã thông báo cho Gorbachev về chuyến thăm của Yeltsin tới Washington, ông đã bật mí cho biết nguồn của tin này là từ Popov. Việc này phá vỡ thỏa thuận giữa đại sứ và nhân viên Nhà Trắng rằng không được để lộ nguồn tin, ngoại trừ cho Yeltsin. Nó cũng hé lộ cho cơ quan KGB là người đã ngăn chặn họ lại.

Tiếp đó, Gorbachev gặp Popov, chỉ tay vào ông và hỏi tại sao lại tiết lộ bí mật cho Mỹ? Khi vẫn nhóm người ấy chống đối Gorbachev vào tháng 8, tên của Popov lại nằm ngay gần đầu danh sách những người bị bắt. Ngày 21/6, Bessmertnykh quay lại Moskva và nói với Gorbachev điều mà Baker cho biết ở Berlin, hỏi xem liệu vị đại sứ này đã thông báo tin tức gì cho ông chưa. Tổng thống trả lời ông đã biết và ông đã trách cứ các quan chức đó rồi. Ông còn hỏi xem Baker đề cập đến thời gian không và vị Ngoại trưởng này trả lời lúng túng rằng “nó có thể xảy ra bất cứ ngày nào”. Bessmertnykh cho rằng Gorbachev đã biết những người liên quan đến âm mưu này, nhưng khi hồi tưởng việc đã xảy ra, ông nghĩ đến nhóm lãnh đạo Liên minh là nhóm đã chỉ trích ông ở Xô viết Tối cao.

Ngày 21/6, Gorbachev xuất hiện ở Xô viết Tối cao và không mấy khó khăn giành lại quyền lực của mình. Gorbachev đã làm gì? Đoán chừng ông sẽ tổng cổ bốn người có âm mưu hạ bệ ông. Ông chỉ tự hạn chế phát biểu rằng ông không đồng tình với biện pháp chính trị! Tính vô tâm¹⁹ hay sự thiếu thận trọng của Gorbachev làm người ta hồi tưởng đến cuộc đảo chính chống Nikita Khrushchev vào tháng 10/1964. Trong trường hợp đó, con trai của Khrushchev có tên cụ thể của những kẻ âm mưu đảo chính. Sau đó Khrushchev hỏi một trong số họ liệu có âm mưu chống lại ông không – tất nhiên sự phủ nhận thẳng thắn của kẻ này khiến ông hài lòng.

Đại sứ Mỹ rất quan tâm khi phát hiện Moskva đang yêu cầu Vladimir Sherbakov, Phó Thủ tướng thứ nhất và Pavlov, người thứ hai, cùng Evgeny Primakov, được Tổng thống Bush và Ngoại trưởng Baker tiếp. Đây là điềm báo từ Grigory Yavlinsky – một nhân vật quan trọng trong các đề xuất kinh tế của Xô viết – trong cuộc họp thượng đỉnh của G7. Vị đại sứ đã thông báo với Primakov, hiện phụ trách các quan hệ kinh tế đối ngoại trong Hội đồng An ninh, rằng Bush và Baker đều rất quan tâm đến điều Yavlinsky nói. Nếu Sherbakov ở đó để bổ sung sự ủng hộ thì mọi việc coi như tốt đẹp. Tuy vậy, nếu Sherbakov được ưu tiên và cố gắng thuyết phục được chương trình bình ổn của Pavlov, toàn bộ cuộc phiêu lưu này sẽ thất bại. Primakov trả lời rằng Gorbachev sẽ không chấp nhận bất kỳ một chương trình nào mà chính phủ của ông không thông qua. Cải cách kinh tế sẽ phải đạt được sự nhất trí và do Pavlov cùng nhóm của ông triển khai. Khi cuộc họp diễn ra vào ngày 31/5, Bush kết luận là Gorbachev hoàn toàn chưa có một cương lĩnh thị trường đúng đắn. Ông bắt đầu băn khoăn liệu Gorbachev có đang lãng phí thời gian khi đến London tham dự hội nghị G7 hay không. Kohl và Mitterrand từng bước hợp tác và Gorbachev nhận lời mời của Thủ tướng John Major vào trung tuần tháng 6.

Yavlinsky được thông báo rằng Baker sẽ diễn đạt rành mạch trong bài diễn văn đọc ở Berlin để báo hiệu là ông Bush chấp nhận chương trình này. Ông đã làm như vậy. Gorbachev chuyển bài báo cáo cho Vadim Medvedev chuẩn bị cho chuyến đi London. Ngày 6/7, đêm trước chuyến đi London của Gorbachev, đại sứ Mỹ cũng chuyển một lời nhắn khẩn của Bush cho Gorbachev. Baker thấy vị Tổng thống đang trong tâm trạng thư thái ở một biệt thự ngoại ô Moskva. Có một điều gì đó tác động đến ông. Các quan chức làm việc cùng ông, chuẩn bị tài liệu để ông tham dự cuộc gặp thượng đỉnh London, không có nhà kinh tế cải cách tài năng, thậm chí không có cả Yavlinsky. Gorbachev đã không mang theo lời cảnh báo là muốn chương trình thành công thì phải vạch ra lộ trình thực hiện kinh tế thị trường rõ ràng.

Hội nghị G7 lắng nghe ông một cách lịch sự nhưng khi ông đề cập đến kinh doanh và báo chí, lời mời đầu tư của ông vào Liên bang Xô viết chỉ nhận được sự thờ ơ. Việc đầu tư vào Liên bang Xô viết thời gian này quá thật quá ư mạo hiểm, chủ yếu vì Moskva không hiểu thấu đáo kinh tế thị trường. Người ta đề nghị Gorbachev gia nhập Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới, thông qua đó sẽ nhận được sự trợ giúp về kỹ thuật. Ông đã lờ đi sự xúc phạm này và nộp đơn xin là thành viên chính thức vào ngày 23/7/1991. Bất chấp sự nghi ngại, cuối cùng đơn xin gia nhập của Liên Xô cũng được chấp nhận. Ông phải quay về Moskva mà không nhận được khoản tiền mặt nào. Kế hoạch tài chính ở London là thất bại đầu tiên và quan trọng về mặt đối ngoại kể từ khi quan hệ Xô-Mỹ trở nên thân thiện. Có kết cục như vậy là do sự thiếu hiểu biết của ông về kinh tế thị trường.

Gorbachev làm mọi vấn đề trở nên tồi tệ hơn khi gặp Bush ở London ngày 17/7. Vẫn còn bực mình vì bị từ chối không được đồng tiền nào, ông cố nói với Bush:

Tôi cho rằng Tổng thống Mỹ là một người nghiêm túc. Ông cân nhắc kỹ các quyết định chính trị của mình và các quyết định đó không đạt được như mong muốn. Do có những quyết định này, chúng ta đã đạt được nhiều tiến bộ trong chính sách an ninh. Song, tôi cũng có cảm tưởng là bạn tôi, Tổng thống Mỹ, vẫn chưa đưa ra câu trả lời cuối cùng cho một vấn đề quan trọng. Nước Mỹ đang chờ xem Liên bang Xô viết phát triển ra sao? Chừng nào câu hỏi này chưa có lời đáp, chắc chắn các vấn đề quan trọng khác trong mối quan hệ của chúng ta sẽ không bao giờ được giải quyết. Và thời gian đang trôi nhanh. Tôi hỏi: Ông Bush muốn gì ở tôi? Sau này, khi các bạn tôi - nhóm G7 - nói với tôi là ông thích việc tôi đang làm và muốn ủng hộ tôi, nhưng lúc này tôi có thể tự gánh lấy hậu quả của mình, tôi phải nói rằng tất cả chúng ta đều phải gánh chịu. Thật lạ là 100 tỷ đôla Mỹ có thể được chỉ ra cho một cuộc xung đột khu vực. Tiền còn có thể được cấp cho các chương trình

khác. Nhưng số tiền này có thể làm thay đổi Liên bang Xô viết, đem lại một sự tốt đẹp hoàn toàn mới, biến nước này trở thành một phần của nền kinh tế thế giới, để nó sẽ không còn là một lực lượng gây rối và là mối đe dọa tiềm tàng nữa. Chẳng bao giờ có một việc làm tầm cỡ.

Sự công kích này làm Bush tổn thương và ông đáp lại không khách sáo rằng đó là lỗi của ông ta vì tự mình không hiểu rõ hơn.

Chúng tôi muốn các ông trở thành một quốc gia dân chủ, có nền kinh tế thị trường, hòa nhập với thế giới phương Tây... và quan hệ liên bang giữa trung ương và các nước cộng hòa có thể giải quyết thành công... Chúng tôi không mong có sự đổ vỡ kinh tế trong Liên bang Xô viết... chúng tôi cảm thấy không vui khi chúng ta cứ liên tục nhắc đến các vấn đề kinh tế thuộc lĩnh vực nội bộ của các ông... Sự tan rã của Liên bang Xô viết không phải là điều chúng tôi quan tâm.

Chernyaev không hiểu nổi tại sao Gorbachev lại đặt vấn đề như vậy, đặc biệt là các câu trả lời của Bush đã rõ. Có thể do bản báo cáo của Kryuchkov về việc chính quyền Mỹ đang tiến hành mọi việc chống lại Gorbachev đã đánh vào tình cảm của ông, sau thất bại của cuộc gặp nhóm G7. Một lần nữa ông cảm thấy mình lại chịu cảnh xôi hỏng bỏng không trong việc phát triển các quan hệ mới. Bush cũng không thể hiểu hết Gorbachev. Khi trở về Washington, ông nhận xét: “Thật buồn cười! Ông ta luôn là một người chào hàng tốt nhất nhưng lại không đúng lúc. Tôi không biết ông có phải là người không nắm được thông tin.”

CÁO TỬ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Tháng 10/1990, Gorbachev được giải thưởng Nobel Hòa bình. Ông quyết định không đi nhận giải thưởng này vào tháng 12 và Thứ trưởng

Ngoại giao thay mặt ông đi nhận. Các sự kiện ở Vilnius ngày 1/1991 khiến nhiều nhà quan sát nước ngoài quay lại chống Gorbachev và dẫn tới yêu cầu ủy ban cần xem xét lại quyết định trao giải. Một số công dân Xô viết cảm thấy bị tổn thương. Người ta chúc mừng Tổng thống với “giải thưởng đế quốc”. Ông dành thời gian đi Oslo vào tháng 6/1991 và mỗi người nhận giải thưởng phải có bài phát biểu truyền thống. Đáng chú ý là ông phát biểu như một người theo trường phái Leninist. Ông đã tự giải phóng chính mình khỏi hệ tư tưởng chính thống của Đảng đó là tư tưởng Marxist-Leninist.

Đáng chú ý hơn là cương lĩnh dự thảo của Đảng với tiêu đề “Chủ nghĩa xã hội, dân chủ và tiến bộ”. Lựa chọn chủ nghĩa xã hội, một thuật ngữ thường được Gorbachev trích dẫn, được lấy từ bản dự thảo cuối cùng. Đảng không còn là Đảng của giai cấp công nhân, nhưng tất cả trong số họ đều có công ăn việc làm. Cơ sở giai cấp của Đảng cuối cùng bị từ bỏ. Lý tưởng của Đảng bây giờ là “chủ nghĩa xã hội dân chủ nhân văn”, bắt nguồn từ chủ nghĩa Marx nhưng cũng từ những khái niệm khác của tư duy “nhân văn”. Tư tưởng mới không rõ ràng để người sau có thể phát triển nó cho kịp thời đại. Phần nhiều được xuất phát từ các cam kết của Đảng đối với các quy định của luật pháp, các thể chế dân chủ, sự phân lập quyền lực và Liên bang mới gồm các quốc gia có chủ quyền. Chủ nghĩa cộng sản được tình cờ nêu lên nhưng chẳng ai nghĩ là nó có tính khả thi trong tương lai gần.

Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương cuối cùng miễn cưỡng thông qua cương lĩnh mới này. Đảng ra đời với đường lối mới nhưng, chính xác hơn, là nó chết yếu. Ngày 20/7, ngay trước khi phiên họp được triệu tập, Yeltsin ký một sắc lệnh cấm các hoạt động chính trị của bất cứ đảng phái nào trong các tổ chức chính quyền trên lãnh thổ Liên bang Nga. Điều này bao gồm KGB, giới quân sự và cảnh sát. Nếu sắc lệnh này được triển khai, nó sẽ làm tê liệt bộ máy Đảng ở Nga. Mặc cho nhiều đảng viên vận động, Gorbachev từ chối không ban hành một sắc lệnh hủy bỏ mệnh lệnh của Yeltsin. Ông tuyên bố ông chỉ hành động nếu ủy ban hiến pháp xét thấy hành động của Yeltsin là trái hiến pháp. Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành

Trung ương lên án sắc lệnh của Yeltsin nhưng nó lại không có hiệu lực pháp lý. Cuối cùng Gorbachev hóa ra phải từ bỏ Đảng.

Dù có những mâu thuẫn trong nội bộ, những người dân chủ đã nỗ lực lập ra một tổ chức dân chủ mới thay thế tổ chức Đảng, gọi là phong trào cải cách dân chủ. Nhiều nhân vật có uy tín lớn thuộc phái dân chủ tham gia phong trào này, điều quan trọng là Gorbachev không hề đả kích họ. Có thể nói phong trào này hoạt động đã thu hút được các đảng viên ủng hộ dân chủ, nó có thể là phương tiện cho Tổng thống nếu ông phá bỏ các mối liên hệ chính thức với Đảng trong Đại hội sắp diễn ra vào mùa thu 1991. Người ta có cảm giác Đảng sẽ tan rã và chia rẽ thành nhiều phe phái tại Đại hội. Gavriil Popov nghĩ nên để người dân chủ nắm quyền trong 3-5 năm tới trước khi họ có thể đảm nhiệm được chính quyền. Song với Popov, một vài người như Vladimir Zhirinovskiy là mối đe dọa lớn. Tình hình kinh tế khó khăn sẽ khiến Đảng của ông này thêm hấp dẫn không chỉ với dân chúng mà còn cả với giới quân sự và cảnh sát. Đây là một phân tích có ý nghĩa tiên tri vào mùa hè năm 1991.

TỔNG THỐNG BUSH THĂM LIÊN BANG XÔ VIẾT

Ngày 29/7/1991, George Bush đến Moskva tham dự hội nghị thượng đỉnh đầu tiên trên cương vị Tổng thống. Đây là lần gặp mặt thứ tư và cũng là lần cuối cùng giữa Bush và Gorbachev. Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược (START I) đã có thể được ký sau mười năm thương lượng. Hiệp ước CFE được trình lên Thượng viện phê chuẩn. Cuối cùng Moskva đã thông qua một đạo luật dự thảo chính thức chấp nhận quyền xuất cảnh. Hiệp định thương mại được ký năm 1990 cũng đã trình lên Quốc hội. Hiệp định này công nhận Liên bang Xô viết được hưởng quy chế Tối huệ quốc. Tình hình căng thẳng trong nước là chủ đề chiếm phần lớn cuộc nói chuyện giữa hai vị tổng thống. Ông Bush khuyến khích Gorbachev nên có thái độ hòa giải hơn với các nước vùng Baltic và tiến nhanh hơn nữa tới nền kinh tế thị trường. Cũng có một thỏa thuận thăm dò về hội nghị hòa bình ở Trung

Đông. Một tình huống khó xử diễn ra ngày 31/7 tại nhà nghỉ Novo-Ogarevo trong khi Gorbachev và Bush đang tiến hành thương lượng. Một bản thông báo được chuyển cho Bush về việc sáu quan chức hải quan Lithuania bị sát hại vào đêm hôm đó. Gorbachev hoàn toàn không hay biết, đặc biệt khi Bush chất vấn ông về sự việc này, ông cho biết ông chưa từng được báo cáo về nó. Sau này, sự việc được tiết lộ là do thành viên thuộc đơn vị OMON Riga tiến hành. Người ta cho rằng sự việc này diễn ra nhằm mục đích làm gián đoạn hội nghị thượng đỉnh. Điều này chứng tỏ Bush có nguồn thông tin tốt hơn Gorbachev về các sự việc đang diễn ra ở Liên bang Xô viết. Gorbachev đã không còn nắm được quyền kiểm soát lực lượng cảnh sát của mình.

Lần đầu tiên uy tín của các nhà lãnh đạo các nước cộng hòa ngày càng tăng, được đề cập đến trong hội nghị thượng đỉnh. Gorbachev mời Yeltsin và Nursultan Nazarbaev, lãnh đạo Kazakhstan, tham dự bữa trưa với ông cùng Tổng thống Bush và tham gia đoàn đàm phán Xô viết trong một số phiên họp. Yeltsin đáp ông muốn đón tiếp Tổng thống Bush tại văn phòng riêng của ông hơn, chỉ có Tổng thống với Tổng thống, chứ không có sự tham gia của những người khác. Bush có ý định thăm Kiev sau cuộc họp thượng đỉnh, sẽ chính thức gặp Yeltsin và mời một số lãnh đạo các nước cộng hòa cùng ăn tối. Yeltsin đón tiếp Bush tại Kremlin, trong văn phòng Gorbachev sử dụng khi ông còn là Chủ tịch Xô viết Tối cao. Yeltsin đi xa tới mức bắt Bush chờ khoảng mười phút và cuộc họp đã kéo dài hơn dự kiến. Người Mỹ chẳng thấy ấn tượng gì. Trong bữa tối do Gorbachev tổ chức, Yeltsin cử phu nhân của mình đi trước và đợi đến lúc Barbara Bush đến, ông mới vào. Sau đó ông tháp tùng bà này lên bàn trên như thể ông là chủ của bữa tiệc đó. Trong một bữa tiệc đáp lại do Bush tổ chức, không có các hớ hênh ngoại giao như vậy. Nazarbaev tiến tới chỗ Yeltsin và Ter-Petrosyan – nhà lãnh đạo Armenia, đang ngồi và mời họ cùng với ông đến bàn danh dự để nâng cốc chúc mừng Gorbachev và Bush.

Ông Bush thích ý tưởng tới thăm thủ đô một nước cộng hòa sau cuộc họp thượng đỉnh Moskva. Kiev là nơi thích hợp nhất vì nó thoát khỏi sự rối loạn của vùng Cavcaz. Các nước vùng Baltic hiện đang không có vấn đề và Trung Á đang khó khăn trước việc chuyển đổi sang một nền dân chủ. Bộ Ngoại giao Xô viết không phản đối. Ngày 21/7, người Mỹ hết sức ngạc nhiên khi đại diện lâm thời Xô viết ở Washington chuyển cho họ một thông điệp từ văn phòng Gorbachev. Nội dung thông điệp là trong khi căng thẳng đang diễn ra ở đây, tốt nhất Tổng thống Bush không nên tới Kiev. Thay vào đó, Tổng thống Bush được mời đi nghỉ cùng Gorbachev ở vùng Stavropol. Có nguy cơ về một vụ bê bối làm lu mờ thành quả tại hội nghị thượng đỉnh. Người Mỹ buộc phải thông báo cho người Ukraine rằng Gorbachev không muốn Tổng thống Bush thăm Kiev. Sau khi thảo luận những mặt trái của quyết định khai thông đường điện thoại, bảo đảm cơ quan KGB nhận được thông tin, Văn phòng Tổng thống đã bớt gay gắt và cho triển khai. Có lẽ Gorbachev đã quá bức mình về việc Tổng thống Bush muốn thăm Kiev mà không được, một lần nữa, ông phải xem xét thấu đáo hậu quả của sự phủ quyết.

Ở Kiev, Tổng thống Bush gặp riêng Leonid Kravchuk, Chủ tịch Quốc hội. Không một quan chức Xô viết nào được tham dự. Các bài phát biểu và các lời chúc mừng đều bằng tiếng Anh và tiếng Ukraine. Tiếng Nga không được sử dụng. Bush chỉ rõ với người dân Ukraine rằng, độc lập không giống với nền dân chủ và tự do. Một quốc gia độc lập có thể bị áp bức. Mục tiêu trước tiên phải là dân chủ bởi vì khi có sự tự do chọn lựa, người ta mới có thể giành độc lập. Tuy vậy, tất cả chỉ là nước đổ lá khoai. Điều mà người dân Ukraine quan tâm trước hết và chủ yếu chính là nền độc lập.

SẴN SÀNG MỘT HIỆP ƯỚC LIÊN BANG MỚI

Tháng 6, Xô viết Tối cao Ukraine thông qua nghị quyết nước cộng hòa này sẽ đảm nhận toàn bộ xí nghiệp trên lãnh thổ Ukraine, từ tay Moskva. Khó mà có thể xác định được liệu Nga có ký nghị quyết này hay không.

Gorbachev phải tốn nhiều công sức để đưa ra một thỏa thuận tốt nhất mà ông có thể thương lượng. Cho đến mùa hè năm 1991, sáng kiến này được chuyển đến các nước cộng hòa. Vị Tổng thống này thật sự cần một Hiệp định để có được nguồn viện trợ quốc tế nhằm củng cố chương trình ổn định.

Điều gỡ đối với Gorbachev là thực tế đã có một liên minh trong các nước cộng hòa này. Phe đại diện cho xu hướng kinh tế và các nhà dân tộc cùng đòi kiểm soát nền kinh tế thuộc các nước cộng hòa. Tuy nhiên, ngày 26/6, Đại hội Đại biểu Nhân dân Ukraine đã bỏ phiếu tán thành tuyệt đối hiệp ước Liên bang dự thảo. Sau đó dự thảo này được gửi lên ủy ban Đại hội Đại biểu Nhân dân để báo cáo vào tháng 9. Ukraine sẽ thông báo các điều kiện của mình khi gia nhập Liên bang mới. Ngày 2/8, Gorbachev công bố trên truyền hình là hiệp ước này sẽ được ký vào ngày 20/8, Liên bang Nga, Kazakhstan và Uzbekistan sẽ ký hiệp ước cùng một ngày. Gorbachev kêu gọi thành lập một Liên bang mới, một tập hợp mới đích thực tự nguyện bao gồm các quốc gia có chủ quyền. Nhiều nhân vật dân chủ cố thuyết phục Yeltsin không ký, nhưng khi ông gặp Nazarbaev ở Almaty ngày 18/8, dường như họ đã ngầm thỏa thuận ký hiệp ước này rồi.

CHƯƠNG 6

Cuộc đảo chính và hồi kết

Ngày 29/7, Gorbachev thảo luận toàn bộ chi tiết cuối cùng của hiệp ước Liên bang với Yeltsin và Nazarbaev tại Novo-Ogarevo. Yeltsin có vẻ rất hài lòng với việc nhân nhượng trong các khoản thuế liên bang. Khoản 9 của hiệp ước quy định sẽ có tỷ lệ phần trăm cố định, do các nước thành viên nhất trí. Kiểm soát chi tiêu liên bang do các nước tham gia ký kết hiệp ước thực hiện. Điều này đảm bảo trung ương không nắm mọi quyền lực và quyền kiểm soát, vai trò của trung ương sẽ yếu đi. Hiệp ước sẽ được ký kết ngày 20/8. Yeltsin yêu cầu có thay đổi trong Nội các Bộ trưởng. Ông muốn Pavlov, Kryuchkov và Pugo phải ra đi, và Gorbachev không phản đối yêu cầu này. Những người đối thoại cho rằng họ đang ở trong môi trường tự do không có sự kiểm soát nhưng thật không may, cơ quan KGB lại đặt máy nghe trộm trong phòng. Bản ghi âm cuộc nói chuyện của họ sau này được tìm thấy trong két của Boldin¹.

Ngày 4/8, khi Gorbachev và gia đình bay tới Foros – nhà nghỉ của họ ở Crime, Kryuchkov bắt đầu hành động. Ông ta cử một nhóm nhân viên KGB tới ngôi nhà an toàn được bí mật bảo vệ, bên ngoài Moskva, nhằm vạch kế hoạch tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc. Ngày 8/8, họ đưa tin không hề có áp lực nào buộc phải đưa ra tuyên bố tình trạng khẩn cấp cả. Kryuchkov bịt miệng họ bằng cách nói rằng tuyên bố không thể đưa ra sau khi hiệp ước được ký kết. Tuần tiếp theo, Kryuchkov cử một nhóm khác hoàn thiện lại kế hoạch xa hơn cho một tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Ngày 16/8, các công việc giấy tờ coi như đã hoàn tất và sắc lệnh thành lập hội đồng quốc gia phụ trách tình trạng khẩn cấp và lật đổ Gorbachev đã đặt trước mặt ông. Các đội đặc nhiệm ngay lập tức được cử đến Crime nhằm cắt đứt liên hệ của Gorbachev với bên ngoài.

ĐẢO CHÍNH

Đã đến thời điểm mời những người khác tham gia vào tổ chức đảo chính. Ngày 17/8, Kryuchkov mời Pavlov, Yazov, Boldin, Oleg Baklanov (Bí thư Ban Chấp hành Trung ương giám sát khu vực quốc phòng) và Oleg Shenin tới một dinh thự tráng lệ của KGB, gọi là tổ hợp ABC. Sau đó họ đi tắm hơi. Sau khi Kryuchkov báo cho Pavlov thông tin rằng ông này sẽ bị sa thải, Pavlov phân trần rằng ông đã làm một công việc bạc bẽo, tình hình đất nước đang ngày càng tồi tệ hơn và không ai phục tùng mệnh lệnh nữa. Chỉ có một tuyên bố tình trạng khẩn cấp mới ngăn chặn được tình hình này. Kryuchkov đồng tình với ông và nói Gorbachev không muốn nghe sự thật này. Ông luôn lái sang chủ đề khác khi Kryuchkov đề cập đến việc cần thiết phải đưa ra các biện pháp khẩn cấp. Vị lãnh đạo KGB trình bày kế hoạch của mình. Cần lập ra một ủy ban tình trạng khẩn cấp, cử một đại diện tới chỗ Gorbachev vận động sự ủng hộ của ông, và nếu ông từ chối thì lập tức bị trừ khử ở Crime. Yanaev sẽ đảm nhiệm cương vị Tổng thống đương nhiệm và Lukyanov, ở vị trí chủ tịch Hạ viện của Xô viết Tối cao, sẽ đảm bảo Đại hội Đại biểu Nhân dân phải chấp nhận điều đó.

Kryuchkov thông báo với những người đồng mưu rằng một nhân vật quan trọng vẫn không biết chuyện gì đang diễn ra là Boris Pugo. Shenin tự tin rằng Pugo đi theo kế hoạch của ông nhưng ông không hoàn toàn tin tưởng rằng Lukyanov sẽ hợp tác, vì ông này có chiều hướng mập mờ. Do vậy, hai ngày trước khi cuộc đảo chính nổ ra, nhân vật đóng vai trò chủ chốt trong việc hợp pháp hóa hành động trái hiến pháp này là Yanaev không hề biết vai ông ta đang diễn, đã không đồng ý nhận vai này. Rốt cuộc, Yanaev, Pugo và Lukyanov đều bước lên “thuyền”. Có lẽ, điều lôi kéo họ chính là niềm tin cuộc đảo chính tất yếu sẽ thành công. Khi Gorbachev gọi điện cho Yeltsin ngày 14/8, ông nhận thấy Tổng thống Nga đang có nhiều do dự về việc ký kết hiệp ước. Ông này hình như đang chịu áp lực phải đưa ra nhiều điều kiện hơn nữa. Bản năng mách bảo Gorbachev nên quay lại Moskva ngay.

Chủ nhật ngày 18/8, Gorbachev sửa đổi, bổ sung lần cuối cho bài phát biểu đọc trong lễ ký kết, có sự bàn bạc với Georgy Shakhnazarov – người đang ở gần ngay trạm điều dưỡng Yuzhny. Đó là cuộc điện thoại cuối cùng của ông. Tất cả các cuộc liên lạc qua điện thoại đều không thực hiện được kể từ 16 giờ 30. Ngay trước 5 giờ chiều, ông ngạc nhiên khi được biết có khách đến thăm. Ông không hề mời ai cả, nhưng Baklanov, Shenin, Boldin, Tướng Valentin Varennikov (chỉ huy bộ binh) và Tướng Yury Plekhanov (lãnh đạo ban thứ chín thuộc KGB, chịu trách nhiệm về an toàn cá nhân của giới lãnh đạo) muốn gặp ông. Họ được phép vào gặp tại nhà nghỉ, điều này trái ngược hoàn toàn với quy tắc thông thường, vì Plekhanov và Boldin đang đi cùng nhóm này. Người đứng đầu bảo vệ an ninh cho Gorbachev tại Foros, cũng là một nhân viên KGB, rơi vào tình trạng vô cùng khó xử. Phản ứng tức thì của Gorbachev là gọi điện cho Kryuchkov tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra. Đường dây không hoạt động. Toàn bộ năm đường dây điện thoại đều không hoạt động, cả đường dây nóng cũng bị cắt. Sau đó, ông nói với Raisa Maksimovna xem chừng điều tồi tệ nhất có thể xảy ra. Họ thông báo sự việc cho con gái Irina và con rể Anatoly, bảo họ phải đưa các cháu vào trong nhà. Tất cả việc này chỉ diễn ra trong vòng nửa tiếng.

Những vị khách tiến lên tầng hai, không ai mời. Họ hành động như thể họ là chủ nhà nghỉ này. Baklanov tuyên bố một ủy ban tình trạng khẩn cấp đã được thành lập và “Ông phải ký sắc lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn đất nước”. Có một số bản tài liệu đã sẵn sàng để ký. Baklanov viết danh sách thành viên của ủy ban khẩn cấp, gồm cả Lukyanov. Ông còn nói Yeltsin cũng đang bị giam lỏng và sau đó sẽ bị bắt khi trở về từ Almaty. Baklanov đề nghị nếu Gorbachev không muốn ký sắc lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp, Yanaev có thể ký thay. Sau “công việc bản thiêu cần phải làm này”, Gorbachev có thể quay về Moskva với cương vị Tổng thống như trước. Khi Gorbachev phản đối hành động của họ, Varennikov chất vấn: “Tại sao ông lại không từ chức?” Mikhail Sergeevich mất bình tĩnh, gọi họ là một lũ tội phạm và chửi họ như thể chỉ người Nga mới có thể. Ông quyết không thể để họ bắt tại chỗ trong khi kẻ chủ mưu lại ở Moskva.

Những kẻ âm mưu đảo chính gặp nhau vào tối chủ nhật. Pavlov và Yanaev đã uống rượu. Kryuchkov thông báo Gorbachev không chịu ký vào bất cứ tuyên bố nào. Ông thông báo Tổng thống không thể thực hiện được các trọng trách của mình vì ông ấy đang ốm. Lukyanov sau đó xen vào rằng nếu ông ta ốm, cần phải có giấy chứng nhận của bác sĩ hay ông ta phải tự nói ra điều đó. Kryuchkov trả lời sẽ gửi giấy chứng nhận của bác sĩ tới sau. Lukyanov lúc đó hoảng sợ và yêu cầu gạch tên mình khỏi danh sách âm mưu đảo chính. Lúc 22 giờ 15, Shenin, Baklanov, Boldin và Plekhanov đến. Varennikov đã bay tới Kiev trấn an người Ukraine không nên có hành động đại dốt. Yanaev bị một cơn kích động. Ông từ chối ký sắc lệnh làm tổng thống tạm quyền, ông cho rằng Gorbachev có thể trở lại Moskva, phục hồi sức khỏe và sau đó tiếp tục trọng trách của mình. Ông cảm thấy không đủ sức đảm nhận trọng trách này. Cuối cùng, ông cũng ký vào quyết định này sau 23 giờ.

Sau đó Yazov, Kryuchkov, Pavlov và Baklanov đã ký vào lệnh số 1 của ủy ban Nhà nước thông báo tình trạng khẩn cấp kéo dài trong 6 tháng. Aleksandr Bessmertnykh được triệu tập khi vừa kết thúc kỳ nghỉ ở quê nhà Belarus và ông đến ngay sau khi các tài liệu đã được ký kết. Ông xem tài liệu, ngạc nhiên thấy tên mình trong danh sách và ông đã xóa nó đi. Kryuchkov lệnh bao vây một số người dân chủ và đưa ra tên mười người. Pavlov nói giọng điệu của một kẻ say: “Hãy bắt 1.000 người!” Sau nửa đêm, tất cả họ về nhà.

Chỉ mới 5 giờ 30 ngày 19/8, TASS (hãng thông tấn chính thức) thông báo tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc, Yanaev được trao quyền Tổng thống và ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp đảm nhận các chức vụ. Tất cả các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trợ giúp ủy ban này, tất cả các đảng phái chính trị và phong trào chính trị tạm ngừng hoạt động, toàn bộ các cuộc biểu tình, đình công đều bị cấm và các phương tiện truyền thông đại chúng độc lập bị cấm. Thêm hai người gia nhập vào ủy ban tình trạng khẩn cấp ngày 19/8: Aleksandr Tizyakov giám đốc một doanh nghiệp, người

từng công khai phản đối Gorbachev, và Vasily Starodubtsev – chủ tịch nông trường tập thể và chủ tịch Hiệp hội Nông dân Liên bang Xô viết, cũng là người cực lực phản đối chính sách tư hữu nông nghiệp. Họ tạo ra một ấn tượng công nghiệp và nông nghiệp đứng sau ủy ban này. Vladimir Zhirinovskiy ngay lập tức hăng hái ủng hộ ủy ban, giống như ủng hộ Đảng thân Moskva ở các nước Baltic. Một nhân vật nổi tiếng nữa là Nguyên soái Sergei Akhromeev cũng tới Moskva ngay sau kỳ nghỉ ở Crime.

Yeltsin không bị bắt khi đang trên đường trở về từ Almaty cuối ngày 18/8 và ông còn đang sửa nhà nghỉ ở Arkhagelskoe, ngoại ô Moskva. Đơn giản ông đang nằm dưới sự kiểm soát của lực lượng Alpha thuộc tổ chức KGB. Con gái Yeltsin đánh thức ông vào sớm ngày 19/8. Ngay lập tức, ông gọi điện cho các nhà lãnh đạo các nước cộng hòa. Nazarbaev và Kravchuk nói họ không hề biết thông tin gì về việc này. Không thể liên lạc được với Yanaev hay Gorbachev, Yeltsin triệu tập các quan chức chính phủ Nga tới nhà nghỉ và thảo ra lời kêu gọi nhân dân Nga. Thị trưởng Anatoly Sobchak ở lại một lát và sau đó về Leningrad. Lực lượng Alpha chỉ theo dõi Yeltsin và những người khác khi họ tới Nhà Trắng (tòa nhà chính phủ Nga). Họ tới Nhà Trắng qua các đường phố của Moskva, vượt qua vòng vây của các loại xe quân sự và quân lính, vào khoảng 10 giờ, họ ban bố lời kêu gọi cứu nước Nga và cũng là cứu Gorbachev. Sau đó, Yeltsin trao đổi với Sư đoàn Taman, lệnh cho họ chiếm giữ các vị trí ngoài tòa nhà chính phủ rồi leo lên một chiếc xe tăng của lực lượng này. Hình ảnh hợp lực này trở thành một trong những hình ảnh nổi tiếng nhất trong thập kỷ đó.

Tại Foros, hai vòng lính bao vây xung quanh biệt thự này. Tàu chiến cập bến và bị giữ, sau đó lại được phép rời cảng. Gorbachev và gia đình cố gắng lấy tin tức bằng tiếng Nga từ Đài BBC, Đài Tiếng nói Hoa Kỳ và Đài Phát thanh Tự do qua một radiô hiệu Sony. Họ biết tin Yanaev đảm nhiệm công việc do tình trạng sức khỏe của Tổng thống không tốt. Anatoly Chernyaev đến từ Viện Điều dưỡng Yuzhny và tỏ ra buồn bã. Một y tá nói với Raisa rằng Pugo và vợ ông ta đã ở viện điều dưỡng và bất ngờ rời khỏi

đây một ngày trước đó, ngày 18/8: “Họ nói ông ta và vợ bị ngộ độc thực phẩm.” Đột nhiên tivi hoạt động trở lại. Lúc 17 giờ 30, Gorbachev lệnh cho Chernyaev liên lạc với Yanaev, yêu cầu khôi phục đường dây liên lạc và phái đến một phi cơ để quay về Moskva.

Gia đình Gorbachev có thể xem họp báo của ủy ban ban bố tình hình khẩn cấp. Yanaev, Pugo, Baklanov, Starodubtsev và Tizyakov xuất hiện, nhưng không có Kryuchkov và Yazov. Tất cả bọn họ rất căng thẳng, đặc biệt là Yanaev lúc nào cũng gõ ngón tay lên bàn. Ông cứ khẳng khẳng là hành động của họ chỉ mang tính tạm thời. Khi được hỏi về tình trạng bệnh tình của Gorbachev, Yanaev không thể đưa ra câu trả lời. Một nhà báo hỏi liệu có phải họ đang diễn kịch đảo chính không? Một nhà báo khác băn khoăn liệu họ có tham khảo ý kiến của Tướng Pinochet của Chilê không. Ấn tượng chung chứng tỏ họ là những con thỏ nhút nhát và sợ hãi. Họ không giống với nhà độc tài lỗ mãng có thể vung gậy sắt để cai trị. Công chúng thờ phào nhẹ nhõm, chỉ lo ngại biến cố ở Nhà Trắng có thể tạo thành cơn bão lớn, bao phủ tình trạng khẩn cấp trong biển máu.

Ủy ban này nhận được sự ủng hộ của vài nước cộng hòa là Uzbekistan và Belarus. Bất chấp bị cấm đoán, người biểu tình đã tụ tập rất đông phía ngoài Nhà Trắng và đến tối có khoảng 10 nghìn người. Một số người cho biết họ cảm thấy họ đang làm một điều gì đó bảo vệ nước Nga và nền dân chủ. Yeltsin kêu gọi một cuộc tổng đình công nhưng rất ít người hưởng ứng, cho đến khi thợ mỏ Kuzbass lên tiếng. Pavlov lệnh cho Yazov bắt họ. Vị bộ trưởng này không làm vì ông cho rằng Thủ tướng đang say. Gorbachev đã quay video để lại cho con cháu, trong trường hợp ông bị giết. Cuộn băng gồm bốn phần. Mỗi cuộn được gói cẩn thận và giấu riêng rẽ ở nhiều nơi khác nhau trong ngôi nhà.

Ngày 20/8, gia đình Gorbachev sợ lương thực từ bên ngoài có thể chứa độc nên họ quyết định sử dụng số lương thực còn lại và nấu ăn với nhau. Kravchuk phát biểu trên truyền hình Ukraine nhưng chỉ kêu gọi mọi người

bình tĩnh, tôn trọng pháp luật và không hề đề cập đến Gorbachev. Nazarbaev phát biểu hành động của ủy ban này là phạm pháp. Một số người đến đưa tin mọi yêu cầu của Mikhail Sergeevich đều được đáp ứng. Toàn bộ hệ thống liên lạc đều phải nối với Plekhanov. Ủy ban này từng bước tan rã. Pavlov suốt ngày chìm đắm trong rượu chè. Không ai tìm được Yanaev. Lukyanov thông báo với những kẻ đồng mưu rằng cuộc tranh luận với các đại biểu Xô viết Tối cao trước đó, không nhận được đa số 2/3 phiếu để hợp pháp hoá ủy ban này. Bản tin đã hứa thông tin về tình hình sức khỏe của Gorbachev không hề có. Vadim Bakatin và Evgeny Primakov – những thành viên của Hội đồng An ninh đưa ra tuyên bố các hoạt động của ủy ban này là bất hợp pháp. Aleksandr Bessmertnykh, thành viên khác của Hội đồng cũng được mời tham gia ủy ban đã nhưng ông này từ chối. Điều này dẫn tới việc ông bị sa thải ngay khi Gorbachev quay về Moskva.

Tin đồn về một cuộc tấn công vào Nhà Trắng ngày 19/8 càng lan rộng, nhưng cuối cùng đó là tin thất thiệt. Một tin khác đồn về cuộc tấn công vào tối hôm sau. Dân chúng sử dụng chiến thuật chung như đã làm bên ngoài tháp truyền hình ở Vilnius tháng 1 là bao vây địa điểm. Giới quân sự có thể dễ dàng tấn công Nhà Trắng, nhưng phải trả giá vì sẽ có đổ máu. Ngày 20/8, Kryuchkov ra lệnh bắt Yeltsin và những người bảo vệ ông này nhưng không vị chỉ huy nào tuân lệnh. Thậm chí lực lượng Alpha KGB cũng thoái thác nhiệm vụ. Ba thanh niên bị đè chết bởi một chiếc xe thiết giáp chạy trên đường gần đó. Ngày 21/8, lúc 15 giờ, Yazov lệnh cho các đơn vị quân đội trở về doanh trại của họ và Kryuchkov gọi điện thông báo với Yeltsin rằng không hề có một cuộc tấn công nào vào Nhà Trắng.

Gorbachev biết tin từ Đài BBC, Kryuchkov lệnh cho một đoàn đại biểu bay tới Foros để đánh giá tình trạng bệnh tình Gorbachev liệu có phải ông hoàn toàn không còn khả năng lãnh đạo đất nước. Họ, đặc biệt là Raisa Maksimovna, lo ngại tình hình xấu nhất xảy ra. Lúc 17 giờ, Yazov, Kryuchkov, Baklanov, Ivashko, Lukyanov và Plekhanov xuất hiện và yêu cầu tiếp kiến Mikhail Sergeevich. “Hãy để họ đợi! Sẽ không có cuộc đàm

phán nào cả cho đến khi hệ thống liên lạc được phục hồi như cũ”. Lúc 17 giờ 45, họ vẫn đợi. Những kẻ âm mưu lại cố dàn xếp một cuộc họp, nhưng thất bại. Sau đó Yeltsin gọi điện:

Mikhail Sergeevich, ông còn sống chứ? Chúng ta phải giữ vững tinh thần trong 48 tiếng nữa. George và Barbara Bush đã gửi tôi lời chào, họ cũng cầu chúc cho chúng ta ba ngày cuối cùng này.

Sau đó đoàn đại biểu Nga đến, gồm Phó Tổng thống Rutskoi, Thủ tướng Silaev, Bakatin, Primakov và những người khác. Tình cảm của họ lẫn lộn vui sướng và nhẹ nhõm.

Các thành viên trong ủy ban khẩn cấp và các cộng sự thân thiết của họ đều bị bắt. Pavlov và Yanaev không chống cự, họ còn đang chìm ngập trong rượu chè. Pugo không bị đưa vào nhà giam. Ông và vợ tự vẫn bằng súng ngày 22/8. Nguyên soái Akhromeev viết bản tường trình chi tiết về các hoạt động của ông cho Gorbachev, đôi lời từ biệt gia đình, để lại 50 rúp thanh toán hóa đơn ở căng tin và treo cổ bằng dây lưng của mình. Một quan chức khác định tự vẫn bằng súng, nhưng ông đã trao nòng khẩu súng của mình. Đây là kết cục bi thảm của một quan chức có tài. Ông tự nói rằng lãnh đạo của ông chấp nhận quan hệ quân sự mới với Mỹ, chứ ông sẽ không bao giờ thay đổi. Ngày 19/8, ông hành động theo trái tim mách bảo và ông phải trả giá bằng mạng sống của mình.

Gorbachev cảm thấy cay đắng trước sự phản bội của Ivashko, cấp phó của ông. Lẽ ra Ivashko có thể đề nghị triệu tập họp với ông hay với giới lãnh đạo trong Đảng, nhưng ông này lại không lên tiếng. Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương lệnh cho các cơ quan Đảng bộ địa phương ủng hộ đảo chính. Đảng Cộng sản Ukraine ủng hộ hoạt động của ủy ban tình trạng khẩn cấp. Chỉ có Yeltsin và Akaev – lãnh đạo Kyrgyzstan là đứng ngoài, thậm chí phản đối đảo chính ngay từ đầu. Những người khác chờ đợi và xem chuyện gì sẽ xảy ra.

Ngày 19/8, khi gặp báo giới Tổng thống Bush đã có dự phòng và ám chỉ rằng cuộc đảo chính có thể thành công, rằng nếu điều đó xảy ra ông sẽ làm việc với ủy ban khẩn cấp. Ủy ban này đã chớp lấy lời phát biểu và cho phát đi phát lại trên đài. Tổng thống Bush từ chối trả lời điện thoại của Yeltsin. Tối hôm đó, mọi việc lại đi vào quỹ đạo và theo đúng trật tự khi Bush tuyên bố cuộc đảo chính là bất hợp pháp và trái hiến pháp. Sau đó, ông liên lạc với Yeltsin. Một trong những lý do gây nhiều thắc mắc là vị đại sứ Mỹ tài giỏi ở Moskva, Jack Matlock, lại về Mỹ khi mãn nhiệm. Không may, Tổng thống Mitterrand, quay quá nhanh sang các nhà lãnh đạo thời hậu Gorbachev. Ngày 19/8, trên truyền hình Pháp, ông đã nói đến những nhà lãnh đạo mới của nước này nhiều lần.

MỘT QUAN ĐIỂM XÉT LẠI

Amy Knight – nhà sử học hàng đầu chuyên nghiên cứu về chủ nghĩa xét lại – không tin vào tài liệu chính thức về vụ đảo chính này. Còn nhiều điều bất hợp lý trong các lời khai được ghi nhận rồi lại xóa bỏ. Chẳng hạn, thời gian các phương tiện liên lạc ở Foros bị cắt đứt có nhiều nguồn thông tin khác nhau, lúc là 16 giờ, 16 giờ 30, 16 giờ 32 hay 17 giờ 50. Trong khi Gorbachev bị giam lỏng, một số người bảo vệ của ông đã gọi điện về nhà từ tòa nhà thị chính, cách biệt thự giữ Gorbachev khoảng 100m, đường dây điện thoại đặc biệt này trong xe của Tổng thống vẫn hoạt động bình thường và gara không khóa. Gorbachev biết người bảo vệ ông đang gọi điện cho người nhà bằng đường dây điện thoại này. Nếu Gorbachev bị cách ly, tại sao Shakhnazarov, vợ và con trai ông lại được phép thăm Gorbachev ở Viện Điều dưỡng Yuzhny – cách khu nhà nghỉ này khoảng 12km? Gorbachev có 32 người bảo vệ trong nhà nghỉ, nhưng tất cả đều bị khuất phục (họ vẫn còn vũ khí) bởi năm kẻ ủng hộ những người âm mưu đảo chính.

Knight cũng cho rằng tổ chức KGB không bao giờ có ý định tấn công Nhà Trắng. Trong một bức thư gửi tờ Pravda, Kryuchkov xác nhận là chưa

bao giờ đe dọa tấn công vào Nhà Trắng và Yeltsin biết điều này. Lý do dựng chuyện có một vụ tấn công đang có nguy cơ diễn ra chẳng qua chỉ là đòn để Yeltsin tôn mình làm anh hùng mà thôi. Trong các hồi ký của mình, Yeltsin thừa nhận ông có nhận một cú điện thoại của Kryuchkov vào ngày 20/8 cho biết Nhà Trắng hoàn toàn không bị đe dọa, nhưng ông không tin. Chỉ huy lực lượng quân đội Alpha thuộc KGB, đáng lẽ phải tiến hành cuộc tấn công này, đã quả quyết phủ nhận không nhận được lệnh tấn công chiếm Nhà Trắng. Sergei Stephashin, cùng phe với Yeltsin, thừa nhận KGB không bao giờ ra lệnh bắt Yeltsin hay chiếm Nhà Trắng. Knight kết luận rằng “toàn bộ sự khác biệt, sự chênh lệch giữa các sự kiện và thời gian đều thể hiện rõ Gorbachev không bị bắt và có thể dễ dàng thoát khỏi Foros hay chí ít vẫn có thể liên lạc được với bên ngoài”.

Tuy vậy, có bằng chứng ủng hộ lời giải thích của Gorbachev. Raisa Maksimovna phải chịu một cú sốc khá mạnh về tinh thần và thể chất. Sức khỏe của bà giảm sút nghiêm trọng trong hai năm liền cho thấy bà quá sợ hãi trước sự việc này. Không có bằng chứng nào chứng tỏ Gorbachev đồng mưu với những kẻ đảo chính mà không thảo luận trước với vợ về kế hoạch này. Nếu ông giữ kín không để vợ biết, khi đảo chính diễn ra ông có thể làm yên lòng bà bằng cách kể cho bà mọi chuyện.

VÌ SAO ĐẢO CHÍNH THẤT BẠI?

Nghịch lý ở chỗ, chương trình cải tổ của Gorbachev thất bại đồng nghĩa với những kẻ âm mưu đảo chính này thất bại. Tổng Bí thư có kiến thức văn hóa chính trị chắc chắn đến nỗi một kẻ cứng rắn như Kryuchkov không thể vung gậy lên và buộc ông khuất phục. Nếu ông này loại bỏ được Gorbachev ở Foros, ông ta vẫn thất bại trong công cuộc tái thiết Liên bang Xô viết trở lại hình ảnh trước năm 1985. Nền kinh tế trong tình trạng đổ vỡ và một chương trình tái ổn định mới do Pavlov khởi xướng chỉ mang ý nghĩa hình thức mà thôi. Viện trợ nước ngoài ít ỏi chỉ là muối bỏ bể. Các nước cộng hòa không ngừng đòi độc lập và kiểm soát các tài sản kinh tế,

không chấp nhận quyền kiểm soát của Moskva. Quan trọng hơn, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chuyển thành một bộ chuyên dự báo tương lai.

Việc tổ chức đảo chính vụng về đến mức đáng kinh ngạc. Điều này có thể là do Popov để lộ thông tin khiến những người đồng mưu phải gặp nhau ở một cuộc họp kín. Họ vạch kế hoạch và sau đó ban bố sắc lệnh. Giới quân sự và cơ quan KGB hóa ra là hai tổ chức không đáng tin nhất. Chiến dịch của Yeltsin nhằm đẩy mạnh quyền lợi của Nga và kích động vào tình cảm người Nga đã có tác dụng nhất định. Các quan chức và người dân đưa ra quyết định rõ ràng nên trung thành với ai, Liên bang Xô viết hay nước Nga. Nhân tố khiến họ quyết định là không có đổ máu bên ngoài hay bên trong Nhà Trắng giống với lần đầu họ bị lôi kéo vào vụ đổ máu của người Nga. Nhiều người sẵn sàng gây ra các vụ đổ máu nữa với người Gruzia, Azerbaijan, Lithuania và Latvia, nhưng nhất định không phải với người Nga. Điều này có nghĩa nếu cuộc đảo chính thành công, các tổ chức tập hợp lại làm nên cuộc đảo chính sẽ không phải là các lực lượng đáng tin cậy nhằm áp đặt ý chí của Moskva lên toàn Liên bang Xô viết.

Có lẽ nguyên nhân thất bại của việc cố đưa mọi thứ trở lại như xưa là các sĩ quan làm đảo chính thiếu sáng suốt. Họ không có trong tay một nhà lãnh đạo nổi bật, một lý tưởng sâu sắc có thể tranh thủ sự ủng hộ của nhiều giới. Điểm đáng lưu ý là sắc lệnh đưa ra thiếu các lý luận hùng biện cộng sản hay xã hội chủ nghĩa. Công kích chủ yếu là lời kêu gọi cứu đất nước khỏi thảm họa, đi kèm với những lời hứa nhằm cải thiện tình hình cho mọi người. Trong hoàn cảnh người dân bị vỡ mộng trước chương trình cải tổ của Gorbachev, có rất ít khả năng tán dương được ai. Các sĩ quan quân đội cùng tập hợp lại vào cuối ngày 18/8. Chỉ khi Yanaev, một con người do dự, ký quyết định vào chiều muộn ngày 18/8 mới chắc chắn con đường và mục tiêu của cuộc đảo chính. Họ không còn đường lui khi Gorbachev từ chối ủng hộ hợp tác với họ. Họ không có sự thô bạo cứng rắn của Stalin, nếu trong trường hợp này đã có thể sát hại Gorbachev bằng một vụ tự sát ngay trang.

Thất bại trong việc bắt Yeltsin và các đồng sự của ông này cũng là sự ngớ ngẩn về mặt chiến thuật vì nó sẽ làm giảm sút tinh thần kháng cự của người Nga. Kryuchkov không hiểu đầy đủ cuộc cách mạng từng diễn ra ở đất nước này. Người dân không còn sợ KGB, Đảng hay thậm chí chính quyền. Ông dường như tin các báo cáo một chiều và đã cung cấp cho Gorbachev. Việc cần làm để khôi phục chính quyền là có bàn tay mạnh mẽ. Ông và một loạt kẻ âm mưu cứ nằng nặc đòi Gorbachev áp đặt quyền thống trị theo chế độ tổng thống kể từ cuối năm 1990. Kryuchkov không hiểu là các chính sách trong quá khứ đều đã lỗi thời và vô tác dụng. Ông là hình ảnh thu nhỏ sự sụp đổ của hệ thống chính trị đã ngự trị lâu nay. Do thiếu thận trọng, Gorbachev làm hỏng đất nước này và có làm như vậy mới đảm bảo được sự an toàn cho tương lai khác.

HẬU QUẢ

Gia đình Gorbachev trở lại Moskva lúc 2 giờ ngày 22/8. Người ta thấy rõ sự căng thẳng. Mikhail Sergeevich trông bơ phờ và rầu rĩ. Raisa Maksimovna được đỡ đưa lên bậc cầu thang và dường như bà vừa trải qua một cú sốc nhẹ. Phải mất hai năm bà mới có thể vượt qua những tác động tâm lý của những ngày trước đó. Con gái Irina của họ cũng bị sốc.

Một cách tượng trưng, Phó tổng thống Aleksandr Rutskoi hộ tống họ về Moskva. Họ rời khỏi Liên bang Xô viết nhưng lại quay về nước Nga. Không một tuyên bố nào đưa ra cho báo chí tối hôm đó. Ngày 23/8, trên đường về Kremlin, Gorbachev nói với các phóng viên: “Tôi từ Foros trở về một đất nước khác và bản thân tôi cũng không còn là mình nữa.” Ông không thể biết sẽ có nhiều thay đổi trong cuộc họp báo sau đó. Được mời tới để đưa ra lời bình luận về một thực tế là Đảng không còn đủ sức lãnh đạo và kiểm soát tình hình diễn ra trong nước gần đây, Gorbachev nói ông chịu trách nhiệm về việc này. Ông tuyên bố nhiệm vụ quan trọng nhất của ông là đưa Đảng thoát khỏi các phần tử phản cách mạng:²

Trên cơ sở chương trình mới trình bày, tôi tin có khả năng đoàn kết tất cả mọi thành phần tiến bộ... Chúng ta phải làm mọi việc đảm bảo Đảng được cải cách và trở thành động lực chính cho chính sách cải tổ.

Sau đó, ông nói rõ ông là người ủng hộ kiên định lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Những tuyên bố như vậy làm người nghe nín thở. Mikhail Sergeevich hoàn toàn không nắm bắt được những thay đổi to lớn bất thường sau chính biến. Ông cứ tiếp tục nói đến cải cách Đảng – một tổ chức đã phản bội ông. Đây chính là thời điểm sự nghiệp chính trị rạn vỡ của ông đi đến hồi kết. Rõ ràng ông không được báo cáo kỹ hoặc là không lo lắng tự tìm hiểu đầy đủ chi tiết những chuyện đã xảy ra.

Thay vì phải phân tích thấu đáo các sự kiện, ông lại bận rộn với việc tìm các vị trí thay thế cho các quan chức tự làm ô danh mình. Có lẽ nguyên nhân phát sinh từ cú sốc mà ông phải chịu đựng ở Foros. Tác động tâm lý này còn lớn hơn nhiều vì ông chỉ hiểu lơ mơ về sự việc đang tiến triển. Nhận thấy một trong số những người mình tin tưởng là đồng phạm trong cuộc chính biến khiến ông hoang mang và vô cùng thất vọng. Ông phát biểu trên truyền hình vào tối cùng ngày và tránh đề cập đến Đảng và chủ nghĩa xã hội. Các mục tiêu vẫn giữ nguyên như trước: ký một hiệp ước Liên bang mới, một hiến pháp Liên bang mới, bầu cử nghị viện và tổng thống. Lực lượng an ninh phải được xem xét. Họ chứng tỏ “không đủ tin cậy”. Ngày 24/8, Gorbachev chọn Vadim Bakatin chịu trách nhiệm cơ cấu lại toàn bộ tổ chức KGB. Đám đông giận dữ đã giật đổ tượng Dzerzhinsky – thủ trưởng đầu tiên của cơ quan KGB, ở ngoài Lubyanka, trong khi các quan chức KGB hủy các bằng chứng sai trái trước khi Bakatin tiếp nhận³.

Ngày 23/8, Yeltsin đã đánh đòn cuối cùng kết liễu sự nghiệp Gorbachev. Tại Xô viết Tối cao Nga, ông đặt biên bản cuộc họp ngày 19/8 của chính phủ Gorbachev trước mặt Gorbachev và khẳng khái đòi đọc to trên diễn đàn. Tất cả đều đã phản bội ông. Người duy nhất phản đối mạnh mẽ vụ đảo chính là Nikolai Vorontsov, Bộ trưởng Môi trường, thành viên

duy nhất của nội các không phải là đảng viên. Yeltsin ký một sắc lệnh đình chỉ mọi hoạt động của Đảng và cấm phát hành tờ Pravda cùng các tờ báo khác của Đảng, niêm phong tòa nhà Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương (đồng nghĩa với việc tống khứ một cách thô bạo các bí thư, các quan chức và không cho phép họ mang theo bất cứ giấy tờ nào) và cấm Đảng Cộng sản Nga. Gorbachev phản đối nhưng thất bại. Yeltsin đứng trên Gorbachev và chỉ tay xuống vị Tổng Bí thư. Ông này muốn trả thù những việc tui nhục mình phải gánh chịu trong quá khứ.

Ngày 25/8, Gorbachev từ chức Tổng Bí thư Đảng và hướng dẫn các Xô viết địa phương tiếp nhận tài sản còn lại của Đảng. Vai trò của Đảng cũng không còn trong lực lượng vũ trang, cảnh sát, KGB và toàn bộ các cơ quan Nhà nước khác. Ivan Silaev – Thủ tướng Nga, làm chủ tịch hội đồng cùng Grigory Yavlinsky – làm Phó Thủ tướng, chịu trách nhiệm điều hành nền kinh tế Xô viết. Nước Nga bây giờ quản lý Liên bang Xô viết. Gorbachev muốn bổ nhiệm Tướng Mikhail Moiseev kế nhiệm Yazov nhưng bị Yeltsin phản đối. Nguyên soái Evgeny Shaposhnikov, nhân vật đe dọa đánh bom Kremlin nếu Nhà Trắng bị tấn công, kế nhiệm Yazov.

TỒN TẠI HAY KHÔNG TỒN TẠI MỘT LIÊN BANG

Về mặt chiến thuật, Yeltsin cao tay hơn Gorbachev. Ngày 22/8, sau khi trở về, Gorbachev luôn truy xét các sự kiện hay phản ứng lại trước những sáng kiến của Yeltsin. Tự cho mình xả hơi một chút, Yeltsin tuyên bố có thể ký và triển khai một Hiệp ước Liên bang mới. Việc này tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán tiếp diễn trong khi người Nga vẫn thảo luận quyền lợi của họ. Cuộc đảo chính làm thay đổi các đường lối của một Liên bang mới. Ủy ban khẩn cấp có ý định áp dụng thiết quân luật đối với các nước cộng hòa Baltic và chấm dứt mọi khát vọng độc lập. Estonia trả lời bằng tuyên bố độc lập ngày 20/8 và Latvia làm theo vào ngày 21/8. Trước đó, họ không bao giờ dám tiến hành điều này như là Lithuania tuyên bố độc lập. Nga lập tức công nhận nền độc lập của Estonia và Latvia, trước đó đã công nhận

độc lập của Lithuania vào ngày 31/7/1991⁴. Gorbachev quay lại và lập luận rằng chỉ có Hội đồng Nhân dân mới có thể tiến hành bước đi như vậy. Ông đã ra một sắc lệnh toàn thể công dân Baltic trong lực lượng vũ trang Xô viết đều phải giải ngũ và tài sản phục vụ của KGB sẽ chuyển cho các chính quyền tương ứng. Ngày 6/9, Hội đồng Nhà nước Liên bang Xô viết nhất trí công nhận nền độc lập của các nước cộng hòa Baltic. Nền độc lập nguyên trạng trở thành nền độc lập hợp pháp. Các nước khác cũng công nhận họ, Mỹ công nhận sau mấy ngày, chiều theo ý Gorbachev. Sau đó các nước này gia nhập Liên Hợp Quốc.

Sự ra đi của các nước cộng hòa Baltic cũng kéo theo việc các nước cộng hòa khác ò ạt tuyên bố độc lập. Sự kiện này tương tự như cuộc chạy đua giành chủ quyền trước đây và một câu hỏi lại được đặt ra: Điều này có ý nghĩa gì? Cho đến cuối tháng 8, Ukraine (tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 1/12, kết quả của cuộc trưng cầu này được biết trước), Belarus, Moldova, Azerbaijan, Kyrgyzstan và Uzbekistan đều tuyên bố độc lập. Cho đến cuối tháng 9, Gruzia, Tajikistan và Armenia cũng theo con đường này. Turkmenistan đợi đến tháng 10, khi không còn có sự lựa chọn nào khác. Do vậy, chỉ có hai nước cộng hòa chưa chính thức tuyên bố độc lập là Nga và Kazakhstan. Kazakhstan đang lâm vào một tình thế tế nhị khi một nửa dân số của nước cộng hòa này là người Slav. Ngoại trừ các nước vùng Baltic, nền độc lập ở các nước cộng hòa khác chỉ là trên giấy tờ mà thôi. Họ tiếp tục buôn bán và sử dụng đồng rúp làm tiền tệ chính và thương lượng về tương lai một Liên bang mới.

Duy nhất một nước cộng hòa mà quyền lực được chuyển sang tay người khác do kết quả cuộc đảo chính là Belarus. Nikolai Dementev, chủ tịch Hạ viện của Xô viết Tối cao, lựa chọn thời điểm mập mờ là ngày 19 và ngày 20/8; ngày 21/8, Đảng Belarus ủng hộ động thái của ủy ban khẩn cấp. Khi Gorbachev đình chỉ hoạt động của Đảng Cộng sản Liên Xô và lệnh tiến hành điều tra các hoạt động của Đảng trong cuộc đảo chính, lãnh đạo Đảng Belarus biến thành người theo chủ nghĩa dân tộc chỉ trong một đêm. Họ gia

nhập với các phần tử chống đối đương nhiên, Mặt trận Bình dân – chiếm đến 1/10 ghế trong Đại hội Đại biểu Nhân dân, và bỏ phiếu cho nền độc lập. Dementev giành thắng lợi và thay thế vị trí Chủ tịch Quốc hội của Stanislav Shushkevich. Thắng lợi này khiến ông trở thành lãnh đạo chính quyền vì Belarus không thông qua luật bỏ phiếu bầu tổng thống.

Hội nghị Đại hội Đại biểu Nhân dân triệu tập lần cuối cùng vào ngày 2/9 đánh giá lại các sự kiện xảy ra trong cuộc đảo chính. Các đại biểu thừa nhận đảo chính là điều không tránh khỏi và tiến hành bỏ phiếu thành lập một Liên bang gồm các quốc gia có chủ quyền. Các nhà lãnh đạo của mười nước cộng hòa có tên trong Hội đồng Nhà nước khuyến cáo cần phải tiến hành ngay. Nếu làm vậy, các đại biểu thừa nhận họ đã tự loại bỏ địa vị vốn có của mình. Người ta lại hứa hẹn những lời đường mật bằng cách khẳng định họ vẫn sẽ hưởng lương và các đặc quyền khác cho đến năm 1994, khi kết thúc nhiệm kỳ lãnh đạo. Các cơ quan lâm thời được lập ra và hoạt động cho đến khi một hiệp ước Liên bang mới được ký kết, đó chính là Hội đồng Nhà nước, gồm các nhà lãnh đạo các nước cộng hòa mong muốn tham gia ký hiệp ước, và do Gorbachev làm chủ tịch, một Xô viết Tối cao mới và một ủy ban kinh tế giữa các nước cộng hòa. Một quyết định tinh ranh là các nhà nước không muốn ký hiệp ước Liên bang mới vẫn có thể tham gia ủy ban kinh tế này. Điều đó có nghĩa sẽ có một diễn đàn cho việc hợp tác kinh tế trong thời gian họ không hợp tác về chính trị.

Trên thực tế, các cơ quan này đều chết yểu. Gorbachev thích tư vấn cá nhân hơn, hoặc cùng các cố vấn và dành ít thời gian điều hành Hội đồng Nhà nước. Ông không bao giờ cho phép thành lập một tổ chức nào thay Bộ Chính trị để thâm tóm mọi ảnh hưởng. Trước hết là Hội đồng An ninh, sau đó là Hội đồng Tổng thống và cuối cùng là Hội đồng Nhà nước. Trên giấy tờ, thành viên của Hội đồng Nhà nước toàn là những nhân vật xuất sắc. Vadim Bakatin, Nikolai Petrakov, Aleksandr Yakovlev, Evgeny Velikov (nhà vật lý hạt nhân), Gavriil Popov, Anatoly Sobchak (thị trưởng Saint

Peteburg) và Egor Yakovlev (chủ biên tờ *Moskovskie novosti*, đảm nhận Đài Truyền hình Trung ương). Eduard Shevardnadze từ chối tham gia.

Giới quan chức cao cấp Nga không đồng thuận về tương lai Nga. Yeltsin vừa trải qua một cơn đau tim nhẹ cuối tháng 9, không thể hồi phục nhanh và chưa thể quay lại làm việc cho mãi đến giữa tháng 10. Các cuộc xung đột về chính trị và kinh tế vẫn tiếp diễn. Ê-kíp của Yeltsin gồm các cộng sự đáng tin cậy từ Sverdlovsk (Ekaterinburg), các nhà quản lý các ngành công nghiệp và những nhà dân chủ trẻ tuổi. Ông cần những cộng sự vượt trội hơn cộng sự của Gorbachev. Vấn đề là liệu Nga có được coi là một Liên bang Nga không hay nó chính là một Liên bang Xô viết, trừ các nước cộng hòa Baltic. Những cộng sự nghiêng về việc lập một liên bang nới lỏng, do Nga chỉ đạo. Những người dân chủ lưu tâm đến thực tế là người đại diện về mặt tư tưởng đang mạnh ở trong các nước cộng hòa khác, nghiêng về một nước Nga hơn. Sự chia rẽ về chính sách kinh tế thể hiện rất rõ. Một số người cho rằng cải cách nhanh và mạnh chỉ có thể được thực hiện thành công ở Nga. Cố gắng thực hiện việc này ở phần còn lại của Liên bang Xô viết chỉ làm chậm lại quá trình này và có thể làm cạn kiệt các nguồn lực. Những người khác cho rằng khu vực kinh tế đơn độc là nền kinh tế Xô viết có sự tác động qua lại chặt chẽ. Một khu vực kinh tế đơn độc hẳn là có đồng tiền đơn độc, đặt dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Trung ương Nga.

Gaidar thích chiến lược cải cách nhanh và mạnh còn Yavlinsky thì ngược lại. Ivan Silaev, chủ tịch ủy ban kinh tế các nước cộng hòa, quyết định từ chức Thủ tướng Nga. Việc này có nghĩa ông ủng hộ sự phát triển kinh tế của nhóm khu vực đơn độc. Người ta đoán ông cho rằng nhóm Gaidar sẽ giành thắng lợi và ông đặt mình theo nhóm này.

Yeltsin nghe lời khuyên của Gaidar và trình bày một chương trình cải cách kinh tế cấp tiến trước Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga vào ngày 28/10. Ông đưa ra đề nghị đòi có các đặc quyền trong vòng một năm để triển khai

nền kinh tế thị trường và có quyền chỉ định các thị trường thành phố. Đại hội thông qua đề nghị này. Ngày 4/11, Hội đồng Nhà nước bỏ phiếu giải tán các bộ của Liên bang, ngoại trừ các bộ quốc phòng, ngoại giao, giao thông vận tải, năng lượng và năng lượng nguyên tử. Ngày 6/11, Yeltsin nắm vị trí Thủ tướng Nga và bổ nhiệm Gaidar lãnh đạo các bộ chuyên trách kinh tế. Lúc này, người ta đã có ý định áp dụng chính sách tiền tệ mới ở Nga. Về mặt luật pháp, vì hiệp ước Liên bang mới chưa được ký kết, nhiều cơ quan tài chính ở Nga phải chịu sự quản lý giám sát của các cơ quan thuộc Xô viết.

Ngày 15/11, Yeltsin sửa lại hiệp ước khi ông ban hành sắc lệnh các thể chế tài chính của Xô viết trên lãnh thổ Nga đều phải chuyển giao cho Nga. Chính phủ Nga đã mắc sai lầm khi Nga không phản đối việc Ngân hàng Trung ương Nga trở thành phụ thuộc vào Đại hội Đại biểu Nhân dân. Sơ suất này khiến Gaidar và Yeltsin phải trả giá suốt hai năm tiếp theo. Yeltsin trả thù Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Nga vào ngày 6/11, khi ông phát biểu trong lễ kỷ niệm truyền thống chào mừng ngày Cách mạng Tháng Mười. Ông cấm cả hai đảng này trên toàn nước Nga.⁵ Tháng 10/1987, Đảng cố gạt ông ra khỏi đời sống chính trị. Bây giờ ngược lại, chính ông gạt vai trò của Đảng ra khỏi đời sống chính trị. Sự trả thù này thật ngọt ngào. Cuối tháng 11, thứ còn lại của Liên bang Xô viết là một Tổng thống, một Bộ Ngoại giao vừa đổi tên thành Bộ Đối ngoại; lực lượng vũ trang và an ninh đang trong tình trạng lộn xộn, người ta lờ đi tòa án và thẩm phán. Tất cả đều đang cố gắng một cách tuyệt vọng tìm ra một ông chủ mới có thể trả lương cho họ.

Gorbachev chỉ còn đóng vai trò trong các công việc đối ngoại. Nhiều khách nước ngoài lê bước qua Moskva thăm dò ý kiến về tương lai của một Liên bang. Nếu được chọn lựa, họ vẫn sẽ chọn Gorbachev chứ không phải là Yeltsin. Tình cảm luyến tiếc dành cho Gorbachev và Liên bang Xô viết chiếm phần lớn tâm khảm họ. Nhưng sự thật vẫn là sự thật, mọi người vẫn

tôn trọng Yeltsin và đón ông ta nồng nhiệt trong các chuyến công tác nước ngoài.

Tháng 10/1991, Nazarbaev có chuyến đi thành công tới Anh. Tháng 9, James Baker gặp cả hai vị tổng thống ở Moskva, ngoài ra còn đến Kiev, Almaty và các nước vùng Baltic. Gorbachev tỏ ra nhiệt tình giúp đỡ nhất. Việc bán vũ khí cho tất cả các phe ở Afghanistan chấm dứt và quân đội Xô viết còn lại đều được triệu hồi từ Cuba về nước. Sau đó, Vadim Bakatin cung cấp cho đại sứ Mỹ sơ đồ chi tiết về việc bố trí các thiết bị nghe trộm của tổ chức KGB trong đại sứ quán Mỹ.⁶

Sự kiện cuối cùng đáng chú ý nhất đối với Mikhail Sergeevich là khai mạc Hội nghị Madrid về vấn đề Trung Đông vào ngày 30/10. Ông là đồng chủ tọa với Tổng thống Bush. Sự mĩa mai châm biếm vẫn hiện hữu trong những vị khách tham gia. Tổng thống đại diện cho một cường quốc mạnh nhất trên thế giới ngồi ngang hàng với vị Tổng thống một quốc gia không còn tồn tại trên thực tế. Trước Hội nghị, Gorbachev có cuộc họp thượng đỉnh cuối cùng với ông bạn George Bush. Vị Tổng thống Mỹ nói với Mikhail Sergeevich điều ông muốn nghe. Ông sẽ ủng hộ Gorbachev và hy vọng lại có một Liên bang mới nổi lên. Rõ ràng, Bush miễn cưỡng nói ra điều này và ông không phải không biết Boris Yeltsin mới là người quan trọng hơn ở Moskva. Gorbachev có buổi hội đàm thân tình với Thủ tướng Tây Ban Nha Felipe Gonzalez, một chính trị gia phương Tây mà ông ưa thích. Gonzalez thông báo với Mikhail Sergeevich tình hình thực tế của đất nước – điều không một chính trị gia nào dám tiết lộ. Gorbachev thích nghe Felipe nói về chủ nghĩa xã hội, thậm chí dù đó là theo tư tưởng dân chủ xã hội kiểu phương Tây, vì nó càng khiến ông tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa của mình.

Sau Hội nghị này, Tổng thống Mitterrand đãi tiệc tại một ngôi nhà mộc mạc dành cho ông gần Bayonne. Xung quanh có rất nhiều gia súc như gà, cừu và lừa, Mikhail Sergeevich cảm thấy như đang ở trong chính ngôi nhà

của mình và hồi tưởng thời trẻ. Mitterrand cố xóa đi sai lầm của ông gây ra hôm 19/8 khi phát biểu với vị khách của mình về quá khứ.

Vào trung tuần tháng 11, Eduard Shevardnadze được mời làm Bộ trưởng Ngoại giao trong thời kỳ Liên bang Xô viết đang chết dần chết mòn. Yeltsin để mắt đến bộ này, yêu cầu cắt giảm nhân sự và sau đó hợp nhất bộ này với Bộ Ngoại giao Nga.

GORBACHEV, YELTSIN VÀ SỰ CÁO CHUNG CỦA LIÊN BANG

Yavlinsky dự thảo các thể chế kinh tế cho một ủy ban liên cộng hòa vào tháng 9. Ông vẫn giữ lập trường tiến hành cải cách kinh tế hợp lý vừa phải, một ngân hàng trung ương duy nhất, một đồng tiền chung, mở cửa biên giới, tư hữu hóa tài sản và cùng chia sẻ gánh nặng nợ nần của Liên bang. Lập trường đó vẫn tồn tại cho đến khi các nước cộng hòa lên tiếng họ chẳng có lợi gì, chẳng còn lại chút gì khi Liên bang tan rã. Bị sốc, Yavlinsky không dám chắc bệnh nhân của ông – Liên bang Xô viết – còn có thể cứu chữa được không. Song, một hiệp ước về cộng đồng kinh tế gồm các nước chủ quyền được ký vào ngày 18/10. Toàn bộ các vấn đề khó khăn đều bị tránh né. Trong thời gian này, Gorbachev thảo luận với Quỹ Tiền tệ Quốc tế về một khoản vay của Liên bang Xô viết nhằm giải quyết tình hình lộn xộn trong nước. Yeltsin tiếp tục khẳng định ông nghiêng về việc thành lập một Liên bang. Ông thông qua chương trình kinh tế của Gaidar vào ngày 28/10 mà không hề tham khảo ý kiến của Gorbachev và chương trình này lại dựa trên một chiến lược kinh tế hoàn toàn khác. Hai vị lãnh đạo này có đồng tình được với nhau không?

Yeltsin khẳng định ông không có tham vọng muốn thành lập các lực lượng vũ trang Nga và thậm chí ông còn đề cập đến việc thành lập một nhà nước Liên bang mới. Sau đó ông cũng lên tiếng nói về một Liên bang mới không cần đến hiến pháp. Ngày 14/11, trong cuộc họp Hội đồng Nhà nước tại Novo-Ogarevo, Yeltsin phản đối việc thành lập một nhà nước thống

nhất, gọi là một chủ thể mới của Liên bang. Gorbachev và Nazarbaev rất ngạc nhiên: “Nếu chúng ta phản đối một nhà nước thống nhất, chúng ta sẽ tạo ra một số điều không rõ ràng và không có sự gắn kết, điều đó không phục vụ cho mục tiêu chúng ta từng đề ra.” Sau đó, ông đưa ra luận điệu cũ về Liên bang và ngay lập tức bị phản đối. Mikhail Sergeevich nói: “Cuối cùng, quyết định lại nằm trong tay các đồng chí. Theo tôi, chúng ta phải duy trì một nhà nước thống nhất. Nếu chúng ta không làm vậy, chúng ta sẽ phá hủy chính đất nước mình và phá hủy phần còn lại trên thế giới.” Shushkevich cho rằng một liên bang sẽ phải hợp nhất được lực lượng vũ trang. Yeltsin nói xen vào các ngành giao thông, chương trình vũ trụ và môi trường. Gorbachev không bình luận gì việc này, ông nói: “Nếu không có một cấu trúc nhà nước hiệu quả, một tổng thống hay một đại hội đại biểu nhân dân có nghĩa lý gì? Nếu đó là quyết định của ông, tôi sẵn sàng ra đi.” Yeltsin đáp lại: “Giờ ông đã thoát rồi đấy!”, nhưng Gorbachev phản ứng: “Hoàn toàn không phải như vậy. Tôi kiệt sức rồi.” Ông đứng phắt dậy và nói nếu họ muốn một kẻ hữu danh vô thực, một thảm lót chân, ông sẽ không tiếp tục nữa. Ông còn nói thêm, đất nước cần một nhà lãnh đạo mạnh mẽ như một đối trọng với sự phân quyền nhưng ông không còn mong muốn chức vụ đó nữa. Sau đó ông quay lại phía Yeltsin: “Boris Nikolaevich, ông phải nhận thấy họ đang dẫn chúng ta đi đâu chứ – những người chỉ biết đề xuất nước Nga nên bỏ các nước khác lại phía sau và mạnh lên một mình sao.” Ông đề cập đến Burbulis và những người khác tranh cãi về việc một nhà nước Nga, nước kế thừa Liên bang Xô viết, nên được thiết lập. Yeltsin không muốn có sự đối đầu, nói: “Tôi không ủng hộ những kẻ quá khích. Hãy để tự nói ra: một Nhà nước Liên bang.” Gorbachev không thể tiếp tục chỉ trích Yeltsin được vì ông ta đã có lý “Tôi làm việc theo nguyên tắc, trong khi đó điều đầu tiên đồng chí nên nghĩ đến là điều mọi người sẽ nói.”

Họ bắt đầu dự thảo các sửa đổi. Tổng thống trong tương lai sẽ do nhân dân bầu trực tiếp; Đại hội Đại biểu Nhân dân gồm hai viện: thượng và hạ viện, có sự tham gia của các đại biểu từ các nước cộng hòa và các vùng lãnh thổ; một chính phủ và một thủ đô. Chức chủ tịch Quốc hội rất quan trọng,

vì vậy phải tìm ra một người có tài và đáng tin cậy. Sau đó, Gorbachev thêm vào lời ám chỉ trong Kinh thánh: “Nhưng thậm chí trong số các môn đệ của Chúa Giê-su cũng có kẻ tội đồ.” Vì chỉ có bảy người quanh bàn đàm phán, chắc sẽ không thể có kẻ nào phản bội Chúa ở đây. Về kinh tế, Yeltsin đề nghị người Nga tính toán khoản nợ Ukraine, tính theo giá thị trường thế giới, khoảng 80 tỷ đôla. Sau đó ông cho phép mình đưa ra quyết định hào hiệp: “Nếu Ukraine đồng ý gia nhập Liên bang, chúng ta có thể xóa khoản nợ này. Nếu không họ phải trả hết số nợ đó.”!

Shushkevich đề nghị một buổi họp nữa sẽ được tổ chức để mỗi thành viên của Hội đồng Nhà nước có thể thông qua quyết định cuối cùng và bảo vệ dự thảo trước đại hội đại biểu nhân dân của riêng mình. Họ đồng ý hiệp ước sẽ được ký vào cuối năm. “Nhưng lần này, không nói lộ ra ngoài ngày tháng cụ thể”, Nazarbaev dặn dò. Yeltsin nói với các nhà báo: “Chúng tôi đồng ý thành lập một Liên bang: một nhà nước liên bang dân chủ.” Sau đó, ông nhắc đến Gorbachev rằng ông không phải lúc nào cũng hiểu Gorbachev. “Được thôi, chừng nào đồng chí vẫn còn ý định này”, Gorbachev đáp lại. Hiệp ước dự thảo có nhiều điểm bất cập. Nó tuyên bố một Liên bang mới là một chủ thể trong luật quốc tế, nhưng nó cũng quy định các nước thành viên cũng là chủ thể luật quốc tế. Chủ thể nào được ưu tiên khi xảy ra xung đột tranh chấp? Sẽ có một lực lượng vũ trang thống nhất và trung ương kiểm soát lực lượng hạt nhân. Sẽ có một tổng thống, một thủ tướng, một chính quyền, một tòa án tối cao, một tòa án trọng tài và chánh án. Còn tồn tại nhiều xung đột. Tuy vậy, Gorbachev đã đạt được một số thành công giúp ông có thể tiến xa hơn.

Nhân việc Yeltsin đi thăm chính thức nước Đức, Gorbachev thấy ông phải tranh thủ sự quan tâm của giới truyền thông. Ông dẫn đầu đoàn đại biểu tới Siberi và Kyrgyzstan. Nó là một trải nghiệm cảnh tỉnh khi Mikhail Sergeevich phát hiện ông không phải phát biểu trước một quốc gia mà chỉ là một đám dân địa phương. Chỉ có vài bản tin ngắn về chuyến đi của ông được các phương tiện truyền thông đưa tin, nhưng tất cả đều mờ nhạt.

Thực tế như một gáo nước lạnh vào ngày 25/11 – ngày mọi thành viên của Hội đồng Nhà nước cùng ký hiệp ước dự thảo Liên bang. Các phương tiện truyền hình và nhà báo có mặt ghi lại giờ phút lịch sử này. Yeltsin gây xôn xao bằng cách tuyên bố ông có thể không ký hiệp ước dự thảo trong thời điểm hiện nay. Xô viết Tối cao Nga chưa sẵn sàng phê chuẩn một nhà nước thống nhất, thậm chí một nhà nước liên bang. Định nghĩa Liên bang là một liên minh các nhà nước dân chủ là có thể chấp nhận được.

Gorbachev không tin vào tai mình. Ông nói với Yeltsin rằng ông đã gạt đi mọi điều họ đã thỏa thuận. Shushkevich sau đó tiến đến bên Yeltsin và đề nghị hoãn việc ký kết lại. Phó Tổng thống của Kazakhstan (Nazarbaev không có mặt) bên vực Gorbachev. Tuy nhiên, Tổng thống Uzbekistan là Karimov đứng về phía Yeltsin. Điều đó cho thấy người Nga tiến hành vận động hành lang mạnh mẽ nhằm bóp nghẹt hiệp ước dự thảo này. Gorbachev cảnh báo nếu hiệp ước dự thảo không được ký kết, hậu quả của việc này không thể đền bù được.

Shushkevich cố gắng làm dịu cơn giận của Gorbachev bằng cách đề nghị hoãn việc ký hiệp ước trong vòng mười ngày mà không hề thay đổi điều khoản nào trong hiệp ước. Belarus sẽ ký và phê chuẩn hiệp ước mà không có vấn đề gì. Yeltsin sau đó muốn chơi con bài mà ông tin đó là con chủ bài. Sẽ không khôn ngoan nếu ký Hiệp ước mà Ukraine vắng mặt. “Việc này rất có thể đẩy họ tới quyết định làm tan rã Liên bang một lần nữa và mãi mãi.” Gorbachev nghĩ hoàn toàn khác. Cần phải cho những kẻ muốn ly khai hiểu Liên bang đang hướng về tương lai. Sau đó, ông dùng áp lực đạo đức:

Tôi buộc phải nói rằng các nhà lãnh đạo các nước cộng hòa, ngay trước thời điểm nghiêm trọng nguy hiểm này, lại đang tính các mưu đồ chính trị và định thay đổi thái độ của mình. Trong hoàn cảnh như vậy, họ nên nói thẳng với tôi là họ không muốn có Liên bang nữa. Về cá nhân

mình, tôi cho rằng cách xử sự như vậy khác nào hủy hoại một nhà nước, các đồng chí đang phải gánh trên vai một trách nhiệm vô cùng nặng nề.

Họ vẫn yên lặng. Vì vậy, ông đi đến kết luận:

Tôi cảm thấy rất buồn và cực kỳ thất vọng. Tôi không hiểu các đồng chí sẽ tiếp tục thế nào đây. Các đồng chí biết thành lập một kiểu nhà tế bần thay cho một nhà nước thống nhất, các đồng chí sẽ khiến xã hội phải gánh chịu nặng nề. Chúng ta đang chìm ngập trong phiền toái.

Việc Gorbachev sử dụng ngôn từ thô lỗ chứng tỏ ông thật sự thất vọng và chán nản đến mức nào. Gorbachev tuyên bố nghỉ giải lao và khi gặp lại ông, Yeltsin tuyên bố ông ta đã được người ta khuất phục quy lụy như trước Sa hoàng – một quốc vương vĩ đại. Gorbachev nén giận và đáp: ‘Tốt, tốt lắm, Sa hoàng Boris’.⁷ Tất cả thành viên đã ký vào một thông cáo chung, mà cuối cùng thông cáo hóa ra là giấy chứng tử của Liên bang Xô viết.

Liệu Yeltsin và Shushkevich có quyết định không cần một Liên bang trước cuộc họp này, hay họ đã thỏa thuận trong quá trình thảo luận? Gorbachev và các cộng sự cho rằng hai người này chơi trò xảo quyết đánh lừa thương lượng đàm phán nhưng lại cho rằng việc ký hiệp ước sẽ chẳng bao giờ được thực hiện. Yeltsin và Shushkevich khẳng định cho rằng cách cư xử của Gorbachev tại cuộc họp làm họ rất ngạc nhiên. Họ luôn muốn nhân nhượng, nhất là về phía Ukraine nhưng Gorbachev hoàn toàn không lắng nghe. Khi Gorbachev tuyên bố giải lao và bước ra khỏi phòng, chứng tỏ ông hết sức bức tức. Họ quyết định gặp nhau ở Belarus và mời cả Kravchuk tham dự. Cuối cuộc họp, Gorbachev nói với các nhà báo rằng các nhà lãnh đạo nước cộng hòa muốn kéo lùi tiến trình này lại. Điều đó không đúng sự thật. Hội đồng Nhà nước không bao giờ được triệu tập lại.

Một kết luận biết trước rằng, cử tri Ukraine sẽ lựa chọn nền độc lập của họ vào ngày 1/12. Khoảng 90,3% cử tri ủng hộ, thậm chí người dân tộc Nga cũng ủng hộ việc này. Leonid Kravchuk được bầu làm tổng thống với

tỷ lệ phiếu cực kỳ ấn tượng là 61,6%. Nước Nga ngay lập tức thừa nhận nền độc lập của Ukraine, do đó chấm dứt chế độ Liên bang kéo dài suốt 300 năm. Không có nỗ lực nào nhằm thương lượng các điều kiện ưu đãi cho 11 triệu người dân tộc Nga đang sinh sống ở nước cộng hòa này. Với nước Nga và người Nga đây là một quyết định khó khăn vì họ đã và không coi Ukraine là nước ngoài mà là một phần quê hương.

Ukraine là quân bài có ích cho Yeltsin vì ông có thể miễn cưỡng buộc nước cộng hòa này ký hiệp ước Liên bang coi như là vỏ bọc cho chính sách riêng của mình. Ukraine có thể bị đổ lỗi làm tan rã Liên bang, chứ không phải là nước Nga. Ngày 5/12, Xô viết Tối cao Ukraine bỏ phiếu nhằm tuyên bố vô hiệu hóa việc Ukraine ký hiệp ước năm 1922 gia nhập Liên bang Xô viết. Ngày 6/12, nước cộng hòa này quyết không ký vào bất cứ hiệp ước Liên bang nào và tự thành lập lực lượng vũ trang riêng.

Kravchuk nhấn mạnh việc này trước khi ông đi Minsk để gặp Shushkevich và Yeltsin. Ukraine sẽ không ký một hiệp ước Liên bang với một cơ quan điều hành trung ương. Trong cuộc họp với các nhà lãnh đạo Hội đồng nhà nước, Gorbachev luôn đòi các thể chế trung ương. Không có gì bí mật về việc Yeltsin và Kravchuk tới Minsk nhưng người ta cho rằng họ sẽ thảo luận vấn đề kinh tế là chủ yếu, vì Nga tuyên bố sẽ thả nổi giá bán lẻ vào ngày 16/12 (cuối cùng việc này phải hoãn lại cho đến ngày 2/1/1992).

Yeltsin gặp Gorbachev vào ngày 6/12. Sau đó, Gorbachev được một trong những người ủng hộ Yeltsin kể cho câu chuyện sau đây. Sau khi trở về từ Belarus, Yeltsin triệu tập một nhóm đại biểu thân cận thông báo hiệp ước CIS đã được phê chuẩn. Khi được hỏi về tính hợp pháp của động thái này, Yeltsin đã nói một hơi dài mà, nội dung chính là ông đã lừa được Gorbachev. Ông đã làm cho Gorbachev nghĩ sai về mục đích của chuyến thăm Minsk. Ông có ý định làm trái với điều ông đã nói với Tổng thống Xô viết: “Chúng ta phải gạt Gorbachev ra ngoài tiến trình này”.

Sau khi gặp Yeltsin, Tổng thống Liên Xô đưa ra một đánh giá đầy tin tưởng về cuộc bỏ phiếu cho nền độc lập. Nó chỉ đặt Ukraine đứng ngang hàng với các nước cộng hòa khác mà thôi. “Tôi chắc ở Ukraine ngày nay người dân đang nghĩ đến một Liên bang, giống như người dân trên mọi miền đất nước rộng lớn của chúng ta.” Rõ ràng ông không nhận thức hết điều mà Kravchuk nói trước đó. Ông quá ngây thơ khi đưa ra kết luận này.

Khi Yeltsin và Kravchuk đến sân bay Minsk vào ngày 7/12, họ đã được đưa vội vã đến khu rừng Belovezh, ở đây họ gặp riêng trong một ngôi nhà tách biệt dùng cho việc đi săn. Sau này, ba nhà lãnh đạo phủ nhận họ biết trước kết quả cuộc gặp thượng đỉnh. Belarus cần mở đường biên giới với Ukraine. Từ cuối năm 1990 Nga đã vấp vớ với ý nghĩ về một khối cộng đồng với Ukraine. Sau này, Yeltsin đã hỏi Kravchuk liệu dự thảo Hiệp ước Liên bang có thể được sửa đổi theo cách thuyết phục để Ukraine ký không. Tổng thống Ukraine bẻ lại: “Không”. Điều này hàm ý một cộng đồng chung được thiết lập có thể không phải là một Nhà nước hay một chủ thể của luật quốc tế. Nó không quy định nghiêm ngặt chủ quyền của mỗi thành viên theo bất cứ phương thức nào.

Một dự thảo được vạch ra suốt đêm và đến sáng chủ nhật ngày 8/12, ba nhà lãnh đạo này quyết định mời cả Nazarbaev, người vừa đến Moskva, tham gia cùng họ. Chuyến bay tới Brest-Litovsk chỉ mất khoảng một tiếng. Ông đồng ý và ngay lập tức gọi điện cho Gorbachev. Sau đó ông thay đổi ý định. Ông nêu lý do không đến được là ông cảm thấy mình bị đặt vào tình thế đã rồi. Ông cũng không muốn gắn mình với người bị cho là có âm mưu. Làm vậy, cảm xúc chính trị chắc chắn của ông đã biến mất. Ông vẫn gắn bó với Gorbachev một cách sai lầm. Nếu ông đến rừng Belovezh, có thể đã đưa thêm vào một số điều khoản có lợi cho Kazakhstan. Yeltsin và Shushkevich cho rằng ông sẽ tới, lập thành một bàn đàm phán tuyệt vời và mời nhà báo đến chứng kiến lễ ký kết. Họ đã ra phi trường đón ông.

Khi ông không đến, họ đã tiến hành theo kế hoạch và ký một tuyên bố chung và hiệp định về thành lập một Cộng đồng các Quốc gia Độc lập. Nội dung tuyên bố hiệp định đề ngỏ cho tất cả các quốc gia thuộc Liên bang Xô viết cũ, nếu họ có chung mục đích và nguyên tắc như hiệp ước quy định. Họ đề nghị chủ nhà Shushkevich gọi điện cho Gorbachev thông báo tin này. Shushkevich không gọi ngay cho Gorbachev, ông giải thích là vì không hề có sự bảo mật về đường điện thoại trong nhà đi săn này, và muốn quay lại Minsk trước khi gọi điện thông báo với Tổng thống. Sau đó, Yeltsin đã gọi điện cho Tổng thống Bush và thông báo tin này.

Khi Shushkevich gọi điện cho Gorbachev, từ Minsk, câu hỏi đầu tiên của Tổng thống là: “Chuyện gì xảy ra với tôi vậy?” Sau đó, Gorbachev tức giận: “Đồng chí nói chuyện với Tổng thống Mỹ, còn Tổng thống của đồng chí lại không hề hay biết chuyện gì đang diễn ra. Thật là một sự sỉ nhục.” Sau đó ông yêu cầu người nhận điện chuyển điện thoại cho Yeltsin: “Ông đã làm gì sau lưng tôi vậy, có được sự nhất trí của Tổng thống Mỹ, điều ông làm thật sự là một điều đáng xấu hổ và sỉ nhục!”

Tổng thống Xô viết yêu cầu được nghe vẫn tắt toàn bộ tình hình và họ đồng ý gặp nhau ngày hôm sau. Thủ đô của CIS là Minsk nhưng không có thể chế nào được thỏa thuận tại cuộc họp thành lập. Khối Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS) là một khối tự nguyện. Bất cứ quyết định nào đạt được đều không dựa trên cơ sở ép buộc giữa các nước thành viên và CIS không có quyền thu bất kỳ khoản thuế nào. Tuy nhiên, người ta đồng ý sẽ có sự điều hành thống nhất chung về các lực lượng hạt nhân và một nền tảng an ninh chung. Các đường biên giới hiện tại đều được công nhận. Các nước kể nhiệm hiểu và nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Liên bang Xô viết. Mỗi nước phải tự quyết định trách nhiệm và vai trò của riêng mình. Họ thống nhất Liên bang Xô viết sẽ không còn tồn tại.

Yeltsin gặp riêng Gorbachev vào thứ hai ngày 9/12 để thống nhất việc thông qua hiệp định. Nazarbaev cũng ở đây, khiến Yeltsin hơi bực mình. Người Nga cho rằng hiệp định này đã “cứu vãn những gì có thể” của Liên bang Xô viết. Nhưng điều đó không có ý nghĩa gì với Tổng thống Xô viết và ông phát biểu trên tivi ngay tối hôm đó là Liên bang Xô viết không còn tồn tại là không chính xác. Có thể hiệp định CIS và dự thảo hiệp ước Liên bang được đưa ra thảo luận tại Đại hội Đại biểu Nhân dân nước cộng hòa, tại Xô viết Tối cao Liên Xô, cũng có thể sau đó là một cuộc trưng cầu dân ý. Nazarbaev vẫn khẳng khái bảo vệ dự thảo hiệp ước Liên bang. Hiệp ước CIS có thể sẽ được đưa ra để thảo luận cùng dự thảo hiệp ước Liên bang này. Một số người ủng hộ Yeltsin như Gavriil Popov, Anatoly Sobchak và Nikolai Travkin đều phản đối Hiệp ước CIS. Tuy nhiên, nó vẫn được Quốc hội của ba nước liên quan nhanh chóng phê chuẩn.

Ba nước không tham gia Xô viết Tối cao hay Hội đồng Nhân dân. Đây là sự hà hơi cho một thây ma vì nó hoàn toàn loại bỏ các tổ chức đại diện. Nazarbaev phải chấp nhận sự thật hiển nhiên này. Xô viết Tối cao Kazakhstan tuyên bố độc lập ngày 16/12 để nước cộng hòa này có thể đàm phán thương lượng hoàn toàn bình đẳng với các nước khác. Ngày 13/12, các nước vùng Trung Á ở Ashgabat đồng ý gia nhập CIS.

Ngày 17/12, Xô viết Tối cao Nga thay thế Xô viết Tối cao Liên Xô ở Kremlin. Ngày hôm sau, Xô viết Tối cao Liên Xô xác nhận là cơ quan này đã ngừng hoạt động. Ngày 21/12, ở Almaty, 11 nước đã ký hiệp định CIS. Chỉ có Estonia, Latvia, Lithuania và Gruzia từ chối tham gia hiệp định. Tuy vậy, sau đó Gruzia tham gia Hiệp định này. Điểm 5 của hiệp định này nói thẳng ra là Liên bang Xô viết và chế độ tổng thống của Liên bang Xô viết không còn tồn tại nữa.

Đây là thời gian khiến Gorbachev tuyệt vọng và chán nản. Ông là một người chơi thất bại và không còn vai trò hay ảnh hưởng gì trong các sự kiện quan trọng. Các nước cộng hòa nhanh chóng tuyên bố chiếm hữu các tài sản

của Liên bang Xô viết đặt trên lãnh thổ của họ và dần dần bóc trần Mikhail Sergeevich. Ông cần lấy lại bình tĩnh và suy xét kỹ hiệp ước CIS. Cuộc đảo chính tháng 8/1991 của ủy ban khẩn cấp giờ đây cũng đứng về phía những người trong hội nghị rừng Belovezh. Chỉ khác ở chỗ cuộc đảo chính trước bị thất bại thảm hại còn lần này thì thành công rực rỡ. Thực tế là việc giải tán Liên bang Xô viết không bao giờ có một cuộc trưng cầu dân ý ở ba nước đã ký kết trong hội nghị tại rừng Belovezh. Đại hội Đại biểu Nhân dân đáng lẽ phải họp lại và tuyên bố sự chấm dứt (về mặt luật pháp) của Liên bang. Nga, Ukraine và Belarus tuyên bố không còn thuộc Liên bang nữa vì chính họ tạo dựng nên Liên bang này. Cũng không hẳn đã đúng vì còn một chữ ký thứ tư của Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết vùng Cavcaz (gồm Azerbaijan, Armenia và Gruzia) mà họ đã không được mời tham gia hay bình luận gì.

Ấn tượng đem lại là các nước Slav muốn đạt được một hiệp định và sau đó áp dụng cho các nước cộng hòa khác. Vì ba nước cộng hòa này chiếm tới 85% GDP của Liên Xô nên họ nắm vai trò khá lớn trong cộng đồng này. Cách xử của Nga có thể hiểu được. Về mặt logic, hiệp định này có thể triển khai, điều sau này được biết đến như là liệu pháp gây sốc. Các nước cộng hòa khác có thái độ thù địch với kế hoạch triển khai cải cách nhanh và mạnh. Cũng như nhiều người trong Xô viết Tối cao Nga, Phó Tổng thống Rutskoi cực lực phản đối cải cách nhanh và mạnh này. Yeltsin đưa ra một quyết định định mệnh – không soạn thảo Hiến pháp nước Nga mới, và sau đó là một nghị viện mới, sau tháng 8, mà tập trung mọi cố gắng vào việc lật đổ hoàn toàn các nền tảng chính trị của Gorbachev. Nếu chế độ Liên bang vẫn tồn tại cho đến năm 1992, Gorbachev sẽ tập trung vào việc làm nhiều người Nga quan tâm đến liệu pháp sốc này.

LỜI CHÀO VĨNH BIỆT

Gorbachev chính thức từ chức ngày 25/12/1991 khi ông phát biểu trước cả nước và thế giới trên truyền hình, từ văn phòng của ông ở Kremlin.

Ông tận dụng dịp này để nhắc lại sự phản đối của mình đối với những quyết định được đưa ra ở Almaty: “Tôi cho rằng nhân dân mới có quyền quyết định về những việc quan trọng như vậy.” Mọi việc đã diễn ra không như kế hoạch: “Chế độ cũ đã sụp đổ trước khi một chế độ mới bắt đầu thực hiện chức năng của mình.” Phát biểu này có thể được coi là lời cuối cùng của ông. Ông đã tiến hành cải cách mà không biết những cải cách đó có thể dẫn đi đâu. Ngay trong cơn ác mộng tồi tệ nhất ông cũng không bao giờ tưởng tượng ra chính *perestroika* của ông lại dẫn Liên bang Xô viết đến sự sụp đổ và khiến ông trở thành người thất nghiệp.

Bài diễn văn của ông khiến Yeltsin bực mình khi gặp ông ở Kremlin để nhận sắc lệnh chuyển giao quyền kiểm soát toàn bộ lực lượng vũ trang cho Tổng thống Nga. Thay vào đó, Nguyên soái Evgeny Shaposhnikov được trao một va li trong đó có các mật mã hạt nhân, và Gorbachev đề nghị ông giao nó cho ông chủ mới. Thỏa thuận ban đầu là Gorbachev sẽ rời khỏi văn phòng của ông ở Kremlin vào ngày 30/12. Song, ngày 27/12 ông nhận điện từ phòng tiếp đón thuộc Kremlin thông báo là Yeltsin, Khasbulatov và Burbulis sẽ tiếp nhận văn phòng của ông lúc 8 giờ 30 và sẽ tổ chức bữa tiệc tại đây, với một chai whisky. Gorbachev được thông báo ông có ba ngày để thu xếp rời khỏi khu nhà dành cho Tổng thống và ngôi nhà nghỉ ngoại ô. Kỷ nguyên hậu Xô viết bắt đầu. Về mặt luật pháp quốc tế, Liên bang Xô viết chính thức được chôn cất vào nửa đêm ngày 31/12/1991.

Khoảnh khắc đau đớn nhất của Gorbachev là lúc ông phải rời khỏi Kremlin và từ bỏ quyền lực của mình. Cung cách của ông là thô bạo và mối quan hệ rạn vỡ với Yeltsin vẫn chưa nguôi ngoai và ngày càng lớn. Ông đã lập ra một quỹ tài trợ cho các công trình nghiên cứu kinh tế – xã hội và nghiên cứu chính trị, gọi là Quỹ Gorbachev. Điều này cho phép ông và những cộng sự gồm cả Chernyaev, Yakovlev và Shakhnazarov có điều kiện tiến hành nghiên cứu, xuất bản hay tổ chức các cuộc hội thảo và họp báo về chủ đề nóng bỏng của thời đại. Tổng thống Nga mới và chính phủ mới không bao giờ ngờ vực tổ chức này.

Sự nổi tiếng của Gorbachev vẫn chưa lắng xuống ở phương Tây và ông trở thành vị khách được ưa chuộng và được chào đón ở nhiều nước. Ông và Raisa đã dành nhiều thời gian làm các công việc từ thiện, chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Sự si nhục lớn nhất là quyết định ân xá của Duma Quốc gia Nga dành cho những kẻ âm mưu đảo chính tháng 8/1991. Như ông viết trong *Hồi ký*, thông qua việc ân xá, những kẻ âm mưu đảo chính mới tỉnh ngộ được. Cả trên thực tế và về mặt pháp luật, họ là những kẻ có tội. Một sự kiện khác làm ông sửng sốt là vụ tấn công vào Nhà Trắng ngày 4/10/1993. Ông coi sự kiện này như một cuộc đảo chính nữa. Khác biệt duy nhất so với cuộc đảo chính trước là nó đã thành công. Yeltsin biết cách tiến hành đảo chính, còn Kryuchkov thì không.

Một công việc quan trọng nữa khi rời khỏi chính trường là viết hồi ký. Ông viết về các sự kiện với tư cách là người chứng kiến. Nhiều đề tài được giới thiệu có hệ thống. Ông viết hồi ký cũng theo phong cách lan man của mình. Cuốn sách được xuất bản ở Nga năm 1995 và người ta dự báo sẽ không nhận được sự tiếp đón nồng nhiệt. Tuy vậy, bản dịch ra tiếng Đức lại bán rất chạy. Có một bản dịch ra tiếng Nhật. Việc xuất bản bản tiếng Anh vào tháng 10/1996 là một sự kiện quan trọng. Gorbachev có vài cuộc phỏng vấn và phát biểu cùng Raisa, trong một cuộc họp lớn ở London. Ông thể hiện kỹ năng tuyệt vời của mình và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của khán giả. Trên truyền hình, ông thể hiện sự nhanh nhạy, hài hước và đối đáp thông minh sắc bén trong chương trình của Clive Anderson. Ông đã đưa ra một tuyên bố sâu sắc. Khi được hỏi ông sẽ biến đổi sự kiện nào trong lịch sử nước Nga, ông đáp lại: “Hãy tiếp tục cuộc cách mạng tháng 2/1917”. Sự lựa chọn ngoạn mục này hàm ý ông phản đối cuộc cách mạng tháng 10/1917 và toàn bộ cuộc thử nghiệm của những người Bolshevik. Ông thú nhận đã cống hiến cả cuộc đời mình cho một điều không tưởng, hoang đường. Buổi trình diễn của ông trên phương tiện thông tin thể hiện ông có thể có nghề nghiệp phát thanh truyền hình thành công, nếu ông lựa chọn nó.

Ở Nga, ông ít được đánh giá. Thoát khỏi sự nghiệp chính trị, ông tham gia không mệt mỏi vào nhiều cuộc phỏng vấn, viết các bài báo, than thở về tình hình đất nước. Song, những người cộng sản mới, Đảng Cộng sản Liên bang Nga, không hợp tác với ông. Ông quyết tâm ra tranh cử trong cuộc bầu cử tổng thống Nga vào tháng 6/1996, nhưng chỉ nhận được ít số phiếu bầu, khoảng 1% trong vòng một. Cuộc đời chính trị của ông khép lại và ông hoàn toàn thất bại ngay cả khi ông là một chính trị gia dân chủ.

CHƯƠNG 7

Phần kết

Cải cách đòi hỏi phải có sự lãnh đạo. Cải cách càng quan trọng, đòi hỏi càng cao đối với giới lãnh đạo. Gorbachev là một nhà cải cách lớn, liệu ông có phải là nhà lãnh đạo tài ba không? Hay ông là một nhà cải cách lớn nhưng lại là một nhà lãnh đạo chính trị thất bại? Chắc chắn ông là nhà cải cách vĩ đại với ý nghĩa là công cuộc cải cách khởi đầu dưới sự lãnh đạo của ông đã chuyển hóa hệ thống cộng sản Xô viết vượt ra ngoài mong đợi. Quả thật, cuộc phẫu thuật cải cách này cấp tiến đến nỗi bệnh nhân – Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết – qua đời dưới lưỡi dao cải cách. Tuy nhiên, đây không phải là mục tiêu của Gorbachev. Một người ưa thích, coi trọng và bảo vệ tuyệt đối quyền lực của mình sẽ không bao giờ để quyền lực đó bị hủy hoại, đến mức bị đe dọa và bị tước đi một cách thô bạo. Ông phàn nàn trong hồi ký của mình rằng thậm chí người ta không cho ông từ chức một cách danh dự. Không có nghi lễ nào đánh dấu sự qua đời của Liên bang Xô viết. Nó ra đi mãi mãi. Một quốc gia mới kế tục, nước Nga không thể chờ đến khi chôn thi hài này được.

Do vậy, khi Gorbachev mở đường cải cách vào tháng 3/1985, ông tin đang tiến đến một mục tiêu chắc chắn giành thắng lợi. Ông đã dừng lại ở một nơi hoàn toàn khác với mong đợi. Sự thật là đoàn tàu perestroika với vỏ bọc bóng bẩy, đẹp mã của ông đã đâm vào ngõ cụt. Không có vấn đề gì, ông đã là một nhà cải cách vĩ đại! Vậy ông đã cải cách cái gì? Cải cách luôn động chạm, trước hết dẫn đến sự đổ vỡ, rồi mới tới xây dựng lại.

ĐÁNH GIÁ CÁI TỐ

Cải tổ là một khái niệm khó nắm bắt, ngay cả trong mắt của Gorbachev, nhưng vẫn có giá trị khi đưa ra một định nghĩa. Qua thời gian, khái niệm này phát triển và có một ý nghĩa tiến bộ nào đó. Công trình nghiên cứu này chia thời đại của Gorbachev làm ba giai đoạn chính.

- Cải tổ giai đoạn I có thể coi như việc tập trung cải cách kinh tế, một điều kiện tiên quyết đối với quá trình cải cách chính trị. Giai đoạn I cố gắng cải cách cơ chế kinh tế (các mối quan hệ chủ chốt trong nền kinh tế) thông qua việc giao quyền hoạch định chính sách nhiều hơn cho người quản lý và người lao động. Công nhân được quyền tham gia các quyết định, ở một chừng mực nhất định. Họ chưa từng được hưởng quyền này trong cơ chế hành chính-mệnh lệnh. Người ta cho rằng quyền lợi của họ chính là quyền lợi của người quản lý và quyền lợi của Đảng.

- Trong giai đoạn I, người ta tin có thể đạt được các mục tiêu trái ngược nhau. Mức sống sẽ tăng khi tiến hành cải cách cơ cấu, nó đem lại lợi ích cho toàn bộ khu vực chế tạo máy. Mặc dù có yêu cầu đầu tư lớn hơn, vẫn có nhiều quỹ dự trữ cho tiêu dùng. Hai vấn đề then chốt không được giải quyết trong giai đoạn này là quyền sở hữu và giá. Thay vì tăng trưởng kinh tế, lại xuất hiện các dấu hiệu chững lại. Tăng vốn đầu tư cũng không thể đáp ứng cho tiêu dùng.

- Mục đích của giai đoạn I là khuyến khích và thúc đẩy lực lượng lao động nhưng nó lại làm tăng thêm tâm lý bức bối, chán nản.

- Thất bại ở giai đoạn I dẫn đến thất bại trong giai đoạn II. Người ta cho rằng lý do tác động hạn chế ở giai đoạn I là sự kháng cự của tầng lớp lãnh đạo tư tưởng và kinh tế cấp cao. Giải pháp đưa ra là khởi xướng cải cách từ bên dưới. Chủ trương công khai khuyến khích người dân lên tiếng phê bình giới lãnh đạo bảo thủ. Cải cách chính trị được coi như lời giải đáp cho tình trạng đình đốn kinh tế. Đảng bị gạt ra ngoài quá trình quản lý kinh tế và do vậy, trụ cột của hệ thống cộng sản bị xói mòn. Cấp dưới không phải chịu một áp lực nào. Đó là một quyết định sáng suốt trong cách lãnh đạo

của Gorbachev. Các Xô viết tiếp quản các tổ chức Đảng. Đại hội Đại biểu Nhân dân là bước đi đầu tiên trong việc làm mới lại nền chính trị trong nước. Đảng không còn vai trò độc tôn trong việc nêu ý kiến, quan điểm và nhất nhất bắt mọi người phải chấp hành. Gorbachev thông báo với các vị đại biểu cộng sản rằng sẽ không áp dụng các quy định trong nguyên tắc Đảng nữa.

- Giai đoạn II là một cuộc cách mạng chính trị nhanh chóng chỉ ra các thói hư tật xấu của xã hội Xô viết. Nền dân chủ bắt đầu hình thành khi nền kinh tế đang suy thoái.

- Giai đoạn II tạo tiền đề cho giai đoạn III, khi Gorbachev giữ cương vị Tổng thống hành pháp và mong muốn đạt được một sự nhất trí chung về tương lai trong toàn xã hội. Những nỗ lực tuyệt vọng để tìm ra phương thuốc chữa trị các căn bệnh kinh tế và các giải pháp thị trường cấp tiến cũng được đưa ra thảo luận. Tuy vậy, vị Tổng thống này nhận ra rằng một giải pháp thị trường quá cấp tiến sẽ gây thiệt hại. Còn các nước cộng hòa cho rằng một nền kinh tế thị trường đồng nghĩa với việc họ có thể dần dần kiểm soát được các tài sản trên lãnh thổ của họ. Điều này khiến cuộc thương lượng một hiệp ước Liên bang mới trở nên khó khăn hơn nhiều.

- Giai đoạn III chứng kiến Tổng thống Liên bang Xô viết nghiêng dần về phái hữu và thông qua một số giải pháp đáng thất vọng nhằm duy trì sự thống nhất Liên bang. Ở Lithuania, cách thức thuyết phục coi như vô hiệu và Tổng thống từ chối lên án sử dụng vũ lực khi cần. Khi can thiệp quân sự bất thành, ông không hề có chính sách dự phòng nào. Các nước cộng hòa khác ủng hộ Lithuania và điều này làm suy yếu địa vị của Tổng thống. Người chơi quan trọng trong ván bài này là Nga và có lẽ nước cộng hòa này đang muốn giải tán Liên bang, hạ bệ Gorbachev ngay từ mùa hè năm 1990. Ở thời điểm cuối, một chương trình bình ổn kinh tế được đưa ra vào đầu năm 1991, nhưng thất bại. Khả năng xuất hiện một Liên bang với tập hợp các quốc gia có chủ quyền. Điều này thúc đẩy phe bảo thủ buộc Gorbachev

ra tuyên bố tình trạng khẩn cấp lập lại trật tự cũ và duy trì sự hợp nhất Liên bang. Thất bại của cuộc đảo chính tháng 8/1991 kết liễu số phận Liên bang Xô viết.

Perestroika trải qua nhiều giai đoạn nhưng chủ yếu cải cách chính trị nhiều hơn là kinh tế. Có thể đưa ra một kết luận tổng hợp như sau:

- Cải cách cấp tiến về hệ thống kinh tế và chính trị. Ngay từ đầu, trong nền kinh tế, người ta nhấn mạnh cải cách cơ chế kinh tế (chú trọng quyền sở hữu và giá cả). Trong nhận thức, đây là một cuộc tìm kiếm cách thức khuyến khích lao động và làm cho quá trình quản lý hiệu quả hơn.

- Thất bại trong việc cải thiện kinh tế dẫn đến các cuộc thảo luận về nền kinh tế thị trường và sự phát triển các hợp tác xã và buôn bán tư nhân. Tuy nhiên, khu vực nhà nước vẫn đóng vai trò quan trọng. Người ta cho phép tồn tại sở hữu tư nhân nhưng đã quá muộn. Đầu năm 1991, cải cách giá mới được tiến hành thì đã quá muộn.

- Về kinh tế, cải tổ thất bại thảm hại dẫn đến sự suy thoái kinh tế, sự khan hiếm hàng hóa, thâm hụt ngân sách nghiêm trọng và lạm phát gia tăng.

- Về chính trị, cần có một phương thức lãnh đạo mạnh mẽ và cấp tiến của Đảng trước sự đa dạng của nền kinh tế.

- Dân chủ hóa, chứ không phải là nền dân chủ (nghĩa là quyền được chọn một hệ thống chính trị) là phần không thể tách rời trong giai đoạn chuyển đổi này. Mãi đến năm 1988, các quan chức Đảng được bầu vào tổ chức vẫn là những nhân vật dẫn đường cho tương lai, lãnh đạo, dẫn đạo và thúc đẩy dân chúng. Họ thiếu sự cam kết đối với tiến trình cải cách chính trị dẫn đến việc bị gạt ra ngoài và bị các Xô viết thay thế.

- Dần dần, dân chủ hóa chuẩn bị tiền đề cho nền dân chủ. Bắt đầu bằng nền dân chủ nghị viện làm suy yếu quyền lãnh đạo của Đảng cùng sự phân

lập quyền hạn và phạm vi không rõ ràng, đặc biệt là giữa lập pháp và hành pháp, khiến cho sự lộn xộn càng tăng.

- Đất nước mất dần sự quản lý cũng giống như sức mạnh chính trị của trung ương giảm sút do thiếu các thể chế hành pháp để triển khai các quyết định quan trọng của lãnh đạo.

- Căng thẳng gia tăng cùng suy thoái kinh tế.

- *Perestroika* còn làm tăng sự căng thẳng giữa các dân tộc và tạo điều kiện cho các nước cộng hòa lần lượt tuyên bố nền độc lập của mình. Đụng độ xảy ra ngay trong chính bộ máy nhà nước khiến họ không còn thời gian quan tâm đến các dân tộc khác không phải dân tộc Nga. Thậm chí chính quyền cũng không thể hòa giải trong thời kỳ quá độ chuyển sang một Liên bang mới.

- Những người bảo thủ coi *perestroika* là một thất bại vì nó quá cấp tiến, còn những người cấp tiến thì coi *perestroika* thất bại vì nó không đủ cấp tiến.

- *Perestroika* thúc đẩy tính đa dạng trong quan điểm, sau đó là chủ nghĩa đa nguyên về xã hội, đa đảng về chính trị. Nó bắt đầu như một cải cách trong lòng hệ thống và sẽ hoàn thành khi tiến hành cải cách bên ngoài hệ thống.

- Ngay từ đầu, *perestroika* muốn cải cách hệ thống hiện hành, nhưng cuối cùng nó lại là nguyên nhân phá vỡ hệ thống đó. Để đạt được quá nhiều mục tiêu trái ngược nhau, nó phải thỏa mãn một số và bỏ qua nhiều thứ.

- Trong con mắt của phần lớn công dân Xô viết, cải cách đã thất bại.

Perestroika có thể được hiểu là một hệ thống quá độ, bắt đầu bằng một hệ thống cộng sản nhưng lại thất bại khi muốn thoát khỏi hệ thống này. Sự cấp tiến đáng kinh ngạc trong các mục tiêu, thậm chí như muốn lập ra một

trật tự xã hội dân chủ kiểu phương Tây. Không một sức ép nào đòi cải cách từ bên dưới cho mãi đến năm 1989, nhưng sau đó giới lãnh đạo lại phải hứng chịu sự gia tăng sức ép từ bên dưới. Mãi đến năm 1989, giới lãnh đạo mới tiến hành perestroika. Trước và sau năm 1989, cải cách này được thúc đẩy từ bên dưới. Thiếu sự đồng thuận trong giới lãnh đạo dẫn đến sự đối đầu không khoan nhượng. Vì perestroika thay đổi trọng tâm, thường xuyên, nên đã tạo ra một sức ép lớn cho giới lãnh đạo và khiến quản lý cải cách trở nên cực kỳ khó khăn.

GORBACHEV VÀ GIỚI LÃNH ĐẠO

Trước khi đánh giá liệu giới lãnh đạo, đầu tiên và chủ yếu là Gorbachev, thành công hay thất bại, cần phải đưa ra định nghĩa về sự lãnh đạo. Lãnh đạo là xác định mục tiêu đạt được, sau đó phân tích chi tiết các vấn đề đang tồn tại. Giai đoạn tiếp theo là vạch ra đường đi nước bước để thực hiện cải cách, dựa trên các thế mạnh và điểm yếu của hệ thống đang tồn tại. Sau đó nhà lãnh đạo phải chọn lựa cho mình một nhóm làm việc ăn ý, chia sẻ các mục tiêu với mình và có khả năng tiến hành triển khai các mục tiêu đó.

Một nhân tố quan trọng là họ có thể kiểm soát được rủi ro. Song, kiểm soát rủi ro lại dựa vào việc các cá nhân tin rằng trong một chừng mực nào đó, họ là những chủ thể tự do. Vì người ta không bao giờ chắc chắn điều gì, người ta luôn luôn ngu dốt ở mức độ nào đó. Nhiều thông tin thu nhận được đều có thể hoặc không đúng hoặc không đầy đủ. Sự thay đổi cấp tiến ban đầu còn ở mức thận trọng và vô cùng quan trọng bởi người ta không thể đoán được hậu quả. Đây là sự phân tích phi Marxist.

Các nhà Marxist là những người kiên quyết và họ tin họ có thể dự đoán tương lai. Do vậy, người ta có thể dự đoán giới lãnh đạo Xô viết năm 1985 càng coi trọng tư tưởng bao nhiêu thì càng ít thành công bấy nhiêu, và phải coi nhân tố con người (tưởng đơn giản, nhưng lại là nhân tố khó nắm bắt và khó dự đoán) là một nhân tố cấu thành. Sự nghịch đảo cũng có thể

đúng. Do vậy, Gorbachev khoác trên mình một hành trang “tư tưởng” là sự lựa chọn tốt nhất để bắt đầu tiến hành cải cách.

Giới lãnh đạo nhận thấy đất nước đang tụt hậu về công nghệ và tin tưởng rằng tăng đầu tư vào khu vực chế tạo máy sẽ là con đường giải quyết sự suy giảm. Một khía cạnh khác là nhân tố con người, động lực của lao động. Gorbachev không nhận thấy mâu thuẫn giữa việc vừa tăng đầu tư vào các hàng hóa cho người sản xuất lại vừa tăng mức sống. Việc bất thành nên phải tìm ra một người biết chịu trách nhiệm. Giới lãnh đạo đi đến kết luận lỗi không phải vì nhận thức ban đầu mà là của cấp lãnh đạo Đảng cấp cao hơn và cả bộ máy chính quyền quan liêu. Họ chống lại những thay đổi vì quyền lợi riêng tư và ích kỷ của mình. Phương thức tiến hành là gạt Đảng ra khỏi quá trình quản lý kinh tế và thay bằng vai trò của các Xô viết địa phương. Các cuộc bầu cử vào Xô viết sẽ thể hiện người nào được công chúng tin cậy. Theo cách này, các quan chức sẽ được công chúng xem xét. (Các đảng viên đều phải được xem xét, không chỉ trước nhân dân, mà còn trước giới lãnh đạo Đảng ở Moskva).

Giai đoạn tiếp theo của cải cách là lập ra một Đại hội Đại biểu Nhân dân, quốc hội của nhân dân, để thúc đẩy *perestroika*. Chủ trương công khai đem lại tiếng nói cho người dân. Người ta chưa bao giờ nghi ngờ việc người dân ủng hộ *perestroika*. Cho đến giai đoạn này, giới lãnh đạo không hề chịu một sức ép nào từ bên dưới buộc họ phải cải cách. Việc thành lập nghị viện, đáp ứng những mong mỏi về thể chế luật pháp, gây sức ép từ bên dưới. Theo quan điểm này, giới lãnh đạo đang cố kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa cấp tiến nghị viện.

Gorbachev sau này trở thành Tổng thống hành pháp nhằm tạo ra sự lãnh đạo mạnh mẽ và rõ ràng, vì ông không thể thực hiện quyền đó thông qua Đại hội Đại biểu Nhân dân. Cho mãi đến cuối năm 1989, ông vẫn là nhà lãnh đạo có tiếng tăm nhất trong nước, sau này uy tín của ông bắt đầu suy giảm do sự cấp tiến của các đại biểu nghị viện. Từ cuối năm 1989, ông

ít cấp tiến hơn. Ông nhận thấy khó khăn chông chốt khi giải quyết các vấn đề dân tộc và kinh tế phát sinh từ khâu quản lý yếu kém của nền kinh tế và chủ trương công khai.

Không có sự lãnh đạo rõ ràng từ đầu năm 1990. Suốt năm 1990, Gorbachev dao động giữa cải cách thị trường hay cải cách truyền thống, nhưng từ tháng 10/1990 đến tháng 4/1991, ông đứng hẳn về phe cải cách truyền thống, bảo thủ. Sau đó ông lại quay lại cải cách thị trường và thể chế thành lập Liên bang mới. Mùa đông năm 1990-1991, ông phải chịu một áp lực lớn từ phe bảo thủ đòi tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Ông còn cho người ta cảm giác rằng ông đang xem xét lựa chọn này.

Tuy nhiên, thật không may, việc này dẫn đến bi kịch ở Vilnius vào tháng 1/1991. Do không có sự lãnh đạo kiên quyết đã tạo điều kiện cho những người bảo thủ tin họ có thể gây ra tình huống buộc ông phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Tình hình tương tự nổi lên vào tháng 8/1991 khi phái bảo thủ do Kryuchkov lãnh đạo, buộc ông phải từ chức hoặc nghỉ phép kéo dài cho đến khi họ thiết lập được trật tự ở đất nước này. Sự hiểu lầm nghiêm trọng đó là hệ quả của sự lãnh đạo yếu kém, thiếu quyết đoán. Sau khi từ Foros trở về, Gorbachev lại là một nhà lãnh đạo đuổi hình bắt bóng. Yeltsin lập ra một chương trình nghị sự và Gorbachev lại nhảy theo nhịp của ông này. Ông không đạt được các mục tiêu liên quan đến một hiệp ước Liên bang.

Song, thành tích lãnh đạo của Gorbachev là có tính hỗn hợp. Ông bắt đầu sự nghiệp với sự tự tin rất cao và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của dân chúng. Cơn thủy triều bắt đầu dậy lên vào năm 1989 và đến năm 1990-1991, ông hoàn toàn mất sự tự tin, hậu quả là ông biến thành một nhà lãnh đạo thiếu quyết đoán và thụ động. Một trong những chỉ trích của Ryzhkov về cách thức lãnh đạo của ông là nghe quá nhiều ý kiến trước khi đưa ra ý kiến riêng của mình. Lý do có thể giải thích vì ông chưa biết mình sẽ phải

làm gì. Trong mùa đông năm 1990 1991, tất cả các bên đều thúc ép ông phải làm một cái gì đó.

Ông vẫn cố gắng đứng vững bất chấp sự bêu riếu của phái bảo thủ và phái cấp tiến, chứng tỏ ông có kỹ năng chiến thuật rất cao. Ông để ngoài tai những lời chỉ trích, ít ra đến tháng 8/1991. Vì đã thành công trong Đảng, ông luôn tìm cách củng cố vai trò của Đảng, và cuối cùng phá hủy Đảng. Đáng ngạc nhiên là Đảng không bao giờ chống lại ông. Điều này dường như là do ông đã gây cảm giác rằng ông sẽ luôn hành động như phe bảo thủ mong muốn, rằng một khi những nỗ lực lật đổ ông bất thành đồng nghĩa với việc chấm dứt sự nghiệp chính trị của những kẻ âm mưu, rằng việc sùng bái lãnh đạo luôn luôn tồn tại trong Đảng. Cuối cùng vị Tổng Bí thư này cũng có thể ra lệnh và nhận được sự phục tùng. Tất nhiên, điều này chỉ diễn ra ở trung ương. Phái bảo thủ cư xử theo cách họ nghĩ là thích hợp. Việc phải cân bằng quá nhiều các lực lượng xung đột là một nguyên nhân cơ bản của sự lãnh đạo yếu kém giai đoạn 1990 1991.

Nhân tố quan trọng trong lãnh đạo là việc định rõ tầm nhìn, đề ra được một hướng đi đúng đắn. Điều này được áp dụng ở giai đoạn đầu của *perestroika* nhưng rồi lại ngập ngừng năm 1989 và mất hướng ở giai đoạn 1990 1991. Từ năm 1989 trở đi, những thành viên khác của giới lãnh đạo thường không nhận ra nên đưa ra chính sách gì và như thế nào – biểu hiện này rõ nét hơn trong các quan chức của Đảng.

Các chính sách thông qua nhằm cải thiện tình hình từ năm 1989 trở đi đều thể hiện sự thiếu sót. *Perestroika* xây dựng trên nền tảng nhận thức sai lầm. Liên bang Xô viết suy yếu ngay trong hệ thống khi Gorbachev cầm quyền nhưng ông và những người lãnh đạo khác đều không nhận ra điều này. Cải cách tiến hành chỉ đẩy nhanh sự suy yếu đó mà thôi. Việc loại bỏ vai trò của Đảng khỏi quá trình quản lý kinh tế đã gây ra hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Chính thể chế này là chất kết dính các thể chế khác trong xã hội với nhau. Không một thể chế thay thế nào có thể nắm bắt và thực hiện

tốt vai trò, chức năng này của Đảng. Một trong những thất bại của Gorbachev là trong khi phá bỏ hệ thống cũ, ông lại chưa lập được một hệ thống mới thay thế. Dưới thời ông, Liên bang Xô viết đang lơ lửng giữa cái mới và cái cũ, giữa quá khứ và tương lai. Trở ngại chủ yếu là sự bất lực của ông trong việc nắm được thực chất của nền kinh tế thị trường. Ngay đến kỳ họp của nhóm các nước G7 vào tháng 7/1991, ông vẫn còn cho rằng những người theo đường lối cải cách vừa phải hợp lý và những người có tư tưởng cải cách cấp tiến nhanh và mạnh vẫn có thể hợp nhất.

GORBACHEV HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH RA SAO?

Làm thế nào giải thích sự rõ ràng về tầm nhìn luôn bị lạc hướng? Gorbachev hoạch định chính sách ra sao? Khi ông lên cầm quyền vào tháng 3/1985, trên bàn ông đã có hơn trăm văn bản đề cập đến các tình huống của các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế. Ông có những cố vấn tốt nhưng những người cộng tác cùng ông thường là các luật sư hay các chuyên gia chính trị, như Shakhnazarov. Ông không bao giờ coi trọng các nhà kinh tế, đặc biệt là những người có xu hướng thị trường. Ông cãi lý với tất cả các nhà kinh tế toán học hàng đầu. Do vậy, chắc chắn ông không hoạch định và tiến hành nổi một chính sách cải cách kinh tế trọn gói rõ ràng.

Ông có nhiều kỹ năng chiến thuật đề ra các chính sách ngắn hạn, mang tính chiến thuật hơn là chính sách dài hạn mang tính chiến lược. Ông giỏi lôi kéo vận động các đối thủ nhưng sau đó ông phải chuyển sang một cuộc chơi tiếp theo. Ông có quyền vạch ra những điểm chủ yếu của chính sách. Ông đưa ra chủ đề và phát triển theo hướng ông thích, hoặc thay đổi theo hướng ông cho là đúng. Việc này không tạo nên một cơ chế lãnh đạo gắn kết mạnh mẽ trong quá trình hoạch định chính sách. Ông không được đào tạo chặt chẽ tri thức giải quyết tình huống như vậy. Vị đại sứ Mỹ gọi quá trình này bằng thuật ngữ “sự độc thoại”. Thường những người này đi lạc đề, họ trở nên bực dọc nếu người đối thoại muốn thảo luận một vấn đề cụ thể nào đó.

Xuất hiện tính độc đoán trong cách hoạch định chiến lược của Gorbachev và từ năm 1989, ông ít tham khảo ý kiến cộng sự và cứ áp đặt các chính sách sai lầm của mình. Điểm nổi bật là các thể chế tiếp nhận từ Bộ Chính trị, Hội đồng Tổng thống, Hội đồng An ninh và Hội đồng Nhà nước, bên cạnh đó còn có một bí thư, nhưng không có cán bộ để triển khai các nghị quyết. Cơ cấu này đồng nghĩa với việc Gorbachev coi những cơ quan này như các cơ quan phiên hà. Là người tham công tiếc việc, từ năm 1989 ông tham khảo ý kiến các nhóm ở quy mô càng ngày càng nhỏ, thường là ý kiến cá nhân.

Là một chính trị gia, Gorbachev khó gần. Ông không có bạn bè thân thiết, ngoại trừ Raisa Maksimovna, bà là người mà ông hỏi ý kiến hay tham khảo mọi việc. Gorbachev cũng gặp không ít khó khăn trong việc đánh giá hậu quả do mình gây ra, có lẽ đó là thiếu sót nghiêm trọng nhất của ông. Người ta có thể nói ông thường là nạn nhân hứng chịu hậu quả bất ngờ. Thông tin giúp ông hoạch định đánh giá tình hình đều được các cố vấn của ông sàng lọc trước. Vì ông không nhận ra Boldin và Kryuchkov đã thông tin sai, điều này giải thích trong chừng mực nào đó ông đánh giá thiếu hợp lý.

Như nhiều người khác, Gorbachev nhận thấy Vytautas Landsbergis là một kẻ đối thoại cứng đầu, không khoan nhượng. Cách giải quyết của Kazimiera Prunskiene dễ chấp nhận hơn nhiều. Bà đánh giá về Gorbachev như sau:

Tôi hiểu cách giải quyết công việc của Gorbachev, ông ấy không ngừng nỗ lực cân bằng các lực lượng chính trị để kiểm soát sự biến động của tình hình và tài năng xuất chúng của một chính trị gia sáng tạo, tôi hy vọng có thể nhận được câu trả lời tích cực và có thiện chí trước một vấn đề có tính quyết định. Có thật ông ấy muốn cải cách chế độ cộng sản này, giải phóng các dân tộc và nhân dân, xây dựng một nhà nước pháp quyền, đem lại công bằng và dân chủ không?

Điều bà chê trách ông nhiều nhất là ông không thực hiện được điều này. Bà hiểu ông là một chính trị gia có tư tưởng giải phóng các lực lượng mà ông cố gắng kiểm soát nhưng lại không thể. “Đây cương chính trị đã tuột khỏi tay ông” bởi vì ông thiếu một nhãn quan sâu rộng.

Shevardnadze cảm thấy vị lãnh đạo phản bội mình, ông cũng cay đắng nhận ra Gorbachev là tù nhân của chính bản chất của những khái niệm, cách nghĩ và hành động riêng của ông. “Đôi khi tôi nghĩ không có kẻ thù nào đáng sợ và nguy hiểm hơn là chính bản thân mình. Trước khi tìm bạn ở quanh mình, bạn phải tìm một người bạn trong chính mình.

Shevardnadze coi Gorbachev là người không có khả năng đánh giá con người và hững hờ với những người bạn của mình. Ông thấy buồn hơn vì Gorbachev không bảo vệ ông và những cộng sự khác.

Với tôi, vẫn là một bí mật khi tại sao ông ấy lại trở nên quá thụ động như vậy. Ông ấy biết trong những vấn đề nhận định tôi đều đúng, 100% đúng nhưng ông ấy vẫn yên lặng. Tôi tự hỏi: một bộ trưởng, một cố vấn thân cận là người nghĩ thế nào làm như thế, và một người bạn tận tình lại bị chà đạp và ngược đãi – tại sao ông ấy không bảo vệ người bạn của mình? Suy cho cùng, mọi việc tương tự xảy ra với Yakovlev và những người khác... Lẽ ra Tổng thống phải bảo vệ chúng tôi. Không chỉ chúng tôi mà còn là sự nghiệp chung.

Chính sách đối ngoại đạt được thành công hơn nhiều so với việc giải quyết vấn đề đối nội. Có một tầm nhìn sâu rộng, thấu đáo nhưng lại thiếu một cơ chế năng động linh hoạt trong chính sách đối nội. Việc này liên quan đến thực tế ông tiếp thu tiêu chuẩn phương Tây, đặc biệt là Mỹ, trong chính sách đối ngoại. Sự tán thành các giá trị con người toàn cầu có nghĩa là đặt dấu chấm hết cho một phương thức ngoại giao được ăn cả ngã về không, chấm dứt cách tiếp cận có tính giai cấp trong chính sách đối ngoại. Ông áp dụng quan điểm của người Mỹ trong việc đạt một số tiến bộ về vấn đề kiểm soát vũ khí, giảm chạy đua vũ trang – những vấn đề chỉ có thể thực hiện khi

hai cường quốc này cùng chia sẻ quan điểm chung, nhận thức chung. Ông thường nói dông dài khi thảo luận các vấn đề nội bộ nhưng lại rất ít khi làm như vậy khi trình bày chính sách đối ngoại.

Ví dụ điển hình là ông độc thoại trước Tổng thống Bush vào tháng 7/1991, dẫn đến việc Tổng thống Mỹ nảy sinh băn khoăn trước cách đánh giá tình hình thực tế của Mikhail Sergeevich. Ông bị mệt lử trước áp lực trong nước ở giai đoạn 1990–1991, nhưng ông đã thay đổi hoàn toàn khi chuyển sang chính sách đối ngoại. Thời gian ông nghiêng về phái hữu, từ tháng 10/1990 đến tháng 3/1991, ông vẫn là người cấp tiến trong hoạt động đối ngoại. Trên thực tế, ông bị chỉ trích là dành quá nhiều thời gian và công sức cho các hoạt động đối ngoại tại những thời điểm khủng hoảng.

Thế giới bên ngoài ca ngợi ông vì ông cũng mong muốn như vậy: hòa bình trong thời đại của chúng ta. Ông là một vị anh hùng ở Đức bởi ông nhất trí ủng hộ kế hoạch tái thống nhất nước Đức. Ông cho phép Đông Âu chọn con đường phát triển của chính họ. Về một khía cạnh khác, ông đã làm suy yếu vị trí cường quốc của Liên bang Xô viết. Ông thật sự không có sự lựa chọn nào khác vì chính sự suy yếu của hệ thống Liên bang Xô viết đã đi đến giai đoạn cuối.

GORBACHEV LÃNH ĐẠO NHÓM MÌNH RA SAO?

Không nhà lãnh đạo nào có thể thành công mà không nhờ đến nhóm cộng sự ăn ý với mình. Lúc đầu, Gorbachev phải tìm kiếm và sát cánh với họ nhằm củng cố địa vị của mình. Ông phải kiến tạo một Bộ Chính trị chấp nhận các sáng kiến chính sách của ông. Ligachev, Yakovlev, Yeltsin, Ryzhkov và Shevardnadze tạo thành một ê-kíp gây ấn tượng mạnh. Cho đến tháng 12/1990, toàn bộ ê-kíp này đã cãi cọ với Gorbachev. Gorbachev chưa bao giờ để các đồng sự nắm hoàn toàn quyền kiểm soát về một lĩnh vực chính sách nào đó. Ligachev và Yakovlev luôn tranh quyền kiểm soát phương tiện thông tin đại chúng, sau đó Yakovlev chuyển sang phụ trách các công việc đối ngoại, nhưng ở đây, ông này lại vấp phải Shevardnadze.

Có nhiều trường hợp Gorbachev gây ấn tượng rằng ông không tin bất cứ đồng sự thân cận nào. Ông cảm giác họ đang ghen tỵ với địa vị độc tôn của ông. Ông muốn bản thân mình nổi bật. Ông không chịu được với người nào đó có địa vị ngang ông. Boldin trách Gorbachev không thích giao việc gì cho ai, mà chỉ thích tự mình làm hết mọi việc. Điều này khiến ông xa rời tập thể. Những người cấp tiến có ý đề cử Gorbachev làm Tổng thống và Yeltsin làm Phó Tổng thống, đây chỉ là đề cử trong mơ vì nó không bao giờ xảy ra. Bản thân mối quan hệ giữa Gorbachev và Yeltsin đòi hỏi người ta phải nghiên cứu nhiều. Có người cho rằng sự ghen tỵ của Gorbachev với hình ảnh đầy thuyết phục của Yeltsin là gốc rễ của mọi vấn đề.

Tất cả các cộng sự mà ông chọn làm người kế nhiệm đều là những người thấp hơn ông về mọi mặt. Càng ngày, tiêu chí bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao càng giảm sút. Pavlov là một bức tranh biếm họa về một vị Thủ tướng. Có thật Gorbachev bổ nhiệm Pavlov vì với Gorbachev, ông ta thật sự có tài hay chỉ vì ông ta không hề nổi bật trước công chúng? Bessmertnykh là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp nhưng lại không có quyền thế nào khi là một chính trị gia. Pugo là sự thay thế quá tồi tệ cho Bakatin. Ông chọn Kryuchkov kế nhiệm Chebrikov và luôn tỏ ra tin tưởng ông này. Kryuchkov, một trí thức khôn khéo, mang lại cho Gorbachev nhiều thông tin mà ông ta biết Tổng thống sẽ phát triển lên được. Boldin và Oleg Shenin là những cộng sự hàng đầu chống lại ông. Ông không bao giờ nắm được ý đồ thật sự của họ cho đến khi xảy ra đảo chính. Điều đó cho thấy ông thiếu một nhãn quan sắc sảo trong việc đánh giá tính cách từng nhân vật dưới quyền mình. Sự đánh giá tồi còn thể hiện ở việc tiến cử Lukyanov vào chức chủ tịch Xô viết Tối cao, có ý ép buộc Vlasov vào Xô viết Tối cao Nga, do vậy mở đường cho Yeltsin. Cuộc tìm kiếm đáng thất vọng một đối thủ cạnh tranh với Polozkov vào vị trí lãnh đạo Đảng Nga, nhưng toàn bộ cố gắng này đều thất bại vì ông hoàn toàn hiểu sai Polozkov.

Đồng minh của Gorbachev là phe dân chủ. Thời gian trôi đi, ông nhận thấy họ trở thành đối thủ của mình, thậm chí là kẻ thù. Ông từng chấp nhận

đề xuất của Kryuchkov là họ sẽ chiếm Kremlin vào tháng 3/1991. Yakovlev cố gắng thức tỉnh sự ngờ ngẩn của ông nhưng thất bại.

Gorbachev đôi khi là kẻ thù nguy hiểm nhất của chính mình. Khi ông cố sa thải Starkov, chủ biên tờ *Argumenty i Fakty*, ông biến một đồng minh thành một người chống đối. Với cách làm này, quan hệ mật thiết của ông với giới trí thức năng động và đầy sáng kiến coi như kết thúc. Ông thường quá tự tin vào bản thân mình. Ông dập tắt cố gắng của Pavlov và các bộ trưởng khác muốn chiếm đoạt một số quyền lực của ông vào tháng 6/1991. Tháng 7/1991, ông cười lớn khi nghe Yeltsin khuyến cáo cơ quan KGB có thể lắp thiết bị nghe trộm trong phòng. Sự tự tin quá đến nỗi ông không ngờ KGB đang nghe trộm ông. Việc này xuất phát từ một người chuyên nhận các mẫu tin văn hàng ngày từ một tổ chức, cho thấy nguồn của các mẫu tin là do đặt máy nghe trộm. Ông đọc các báo cáo KGB rất cẩn thận, viết nhận xét và các điểm cần lưu ý ngoài lề của báo cáo.

Gorbachev khiến ê-kíp của mình chán nản và thất vọng và họ cảm thấy phần nộ. Nhất là Nikolai Ryzhkov, người rất phiến lòng khi bị bỏ rơi vào cuối năm 1990. Một số người phàn nàn Gorbachev rất cục cằn và không bao giờ tán thưởng nỗ lực của đồng sự. Ông là người chịu khó lắng nghe, đặc biệt khi đối thoại với đối tác nước ngoài mà ông quan tâm. Tuy vậy, vào năm 1990-1991, ông hầu như bỏ ngoài tai mọi lời khuyên của đồng sự.

Người ta có thể bào chữa cho cuộc đảo chính do Kryuchkov, Pavlov, Yazov và Pugo tiến hành không? Gorbachev cho rằng vì ông bổ nhiệm họ nên họ phải trung thành với ông. Trong việc này ông đã mắc sai lầm nghiêm trọng. Sự trung thành của họ không phải cho cá nhân Gorbachev mà cho Đảng, cho nhà nước. Họ kết luận ông đang làm suy yếu cả hai tổ chức này nên quyết định phải hành động. Cũng có lý lẽ cho rằng, vì sự trung thành tuyệt đối của họ với Đảng và nhà nước nên họ mới tiến hành đấu tranh chống Tổng thống và Tổng Bí thư.

GORBACHEV CHỊU TRÁCH NHIỆM GÌ TRONG CÁC VỤ ĐỔ MÁU?

Trách nhiệm của Gorbachev đến đâu trong các vụ đổ máu tại Tbilisi, Baku, Vilnius và Riga? Vụ trấn áp ở Tbilisi diễn ra do sự đổ vỡ về đường lối lãnh đạo từ trung ương đến thủ đô của nước cộng hòa Gruzia. Giả như Shevardnadze đến Tbilisi thì toàn bộ bi kịch này có thể không xảy ra. Không có lý do gì để nghi ngờ sự bào chữa của ông rằng những người lãnh đạo Đảng ở Gruzia đảm bảo với ông mọi việc đang trong tầm kiểm soát. Gorbachev có thể chỉ chịu trách nhiệm đưa ra quyết định cuối cùng, khi không đùn đẩy cho ai được. Do vậy, ông chỉ chịu trách nhiệm gián tiếp trong vụ trấn áp mà thôi.

Baku thì dễ hiểu hơn. Gorbachev có liên quan vì đã phê chuẩn việc dùng vũ lực. Ở mức độ nào đó, ông là người khởi động vụ trấn áp này. Lỗi xuất phát từ việc ông đánh giá sai về người ly khai, ông cho rằng có thể dễ dàng dập tắt phong trào của họ.

Vilnius là sự kiện khó khăn và nhạy cảm nhất. Lúc nào ông cũng tin Landsbergis và phong trào Sajudis chỉ đại diện cho thiểu số dân chúng Lithuania, trong khi đó, trên thực tế phong trào này nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ và rộng rãi của quảng đại quần chúng. Ông tin vào những tuyên bố phát ngôn từ Đảng thân Moskva và bỏ qua bộ máy Đảng do Brazauskas lãnh đạo. Nhưng thực tế, bộ máy của Brazauskas hoàn toàn có ảnh hưởng ở đây, trong khi Đảng thân Moskva lại không hề có mấy may ảnh hưởng nào. Ông nghe theo lời khuyên của phái bảo thủ là dùng sức ép quân sự buộc Lithuania chấp nhận từ bỏ chủ trương giành độc lập. Bằng cách gửi một bức điện ngày 10/1, ông chủ tâm nghiêm trọng hóa tình hình. Người ta kêu gọi người dân Lithuania từ bỏ cố gắng lập lại trật tự tư sản. Họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước những việc xảy ra nếu không lập lại hiến pháp Xô viết. Chẳng lẽ ông không nghĩ tới bức tối hậu thư mà ông gửi tới Vilnius

hay sao? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu người dân Lithuania không chịu phản ứng tích cực trước lệnh của ông?

Moskva không thể hiện chút cố gắng nào để suy xét xem hậu quả sẽ ra sao trước khi họ sử dụng vũ lực. Kryuchkov cho rằng quyền lực tổng thống sẽ được thiết lập, một thủ tướng bù nhìn và một chính phủ bù nhìn được dựng lên, Lithuania lại quay về khuôn khổ Liên bang. Gorbachev có biết gì về kịch bản này không? Đại hội Đại biểu Nhân dân thông qua một đạo luật vào tháng 3/1990 thiết lập thể chế làm cơ sở cho Tổng thống Liên Xô có thể viện đến các đặc quyền. Từ đó trở đi, về mặt lập pháp, quyền lực tổng thống là một lựa chọn. Tổng thống Bush cảnh báo với Gorbachev nhiều lần về hậu quả của việc sử dụng vũ lực trong các nước vùng Baltic. Gorbachev không hề muốn có đổ máu ở Vilnius và cảm thấy choáng váng trước sự việc xảy ra. Người ta có thể chỉ trích ông không chịu suy nghĩ đến hậu quả của bức điện tín. Có chắc nó gây ra bạo lực không? Lại một lần nữa, ông phải chịu trách nhiệm gián tiếp về thảm họa này. Yakovlev và những người khác khuyên ông nên bay tới Vilnius, gặp Landsbergis, đặt vòng hoa tưởng niệm những người đã bị giết và lên án cuộc trấn áp này. Ông từ chối làm việc đó.

Vụ đổ máu ở Riga còn dễ hiểu hơn nhiều. Một quan chức đương nhiệm tiến hành đàn áp biểu tình bằng vũ lực mà không có lệnh trực tiếp từ Moskva. Việc này cho thấy Tổng thống hoàn toàn mất quyền kiểm soát công cụ cưỡng chế của mình ở Vilnius và Riga.

GORBACHEV – MỘT NHÀ CẢI CÁCH, MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO LỚN?

Gorbachev là một nhà cải cách lớn, một nhà lãnh đạo lớn? Chúng ta cần xem xét vấn đề này trên ba khía cạnh: cá nhân Gorbachev, Liên bang Xô viết và phương Tây. Liệu một nhà chính trị có thể vừa là nhà cải cách lớn, vừa là nhà lãnh đạo lớn, nhưng kết cục lại không còn chỗ mà đi? Ông tiến hành cải cách, muốn đưa Liên bang Xô viết thoát khỏi hệ thống đang tồn tại. Xuất phát từ quan điểm cá nhân, ông thất bại vì chính những cải

cách của mình, biến ông thành kẻ thất nghiệp. Người ta còn kết tội đường lối lãnh đạo của ông.

Nhìn từ quan điểm của một nhà nước thì điều đó lại khác hẳn. Ông tiếp nhận một cường quốc đang trong giai đoạn suy yếu và tiến hành chuyển đổi sang một xã hội hậu cộng sản. Đảng hoàn toàn mất quyền lực, phong trào cộng sản thế giới bị giáng một đòn chí tử, vương quốc Xô viết bị tan rã. Hiệp ước Warsaw bị giải thể và quyền lực trung ương tan vỡ. Liên bang Xô viết tan rã và thay vào đó là 15 quốc gia độc lập, mà không trải qua nội chiến. Đã tránh được thảm kịch của một nước Nam Tư khác. Giới trí thức được giải phóng và cuộc sống của họ được hồi sinh. Nền dân chủ bắt đầu phát triển cùng sự phát triển của các xí nghiệp tư nhân. Sự tự do và tách biệt mình với phần còn lại của thế giới đã chấm dứt, nước Nga cùng với các nước cộng hòa khác gia nhập cộng đồng quốc tế và chia sẻ các mục tiêu chung. Trên hết, đây mới thật sự là một thành công to lớn và ở nước Nga, người ta cũng sẽ ghi nhận những đóng góp của Gorbachev. Phân tích dựa trên giả thiết không tiến hành thành công cải cách hệ thống mệnh lệnh-hành chính. Vấn đề duy nhất năm 1985: suy thoái kinh tế là một quá trình diễn ra từ từ hay rất nhanh? Không thể dân chủ hóa Đảng và vẫn còn một Đảng Marxist-Leninist. Chắc chắn Đảng sẽ tách ra thành phái tả và phe dân chủ xã hội. Các đại diện về mặt tư tưởng và nhiều đại diện cho xu hướng kinh tế hẳn là bác bỏ phân tích này. Với họ, thời đại Gorbachev là thảm họa vì họ mất hết quyền lực. Công bằng mà nói, ông là một nhà cải cách vĩ đại nhưng không được đánh giá là nhà lãnh đạo thiên tài, nhất là sau năm 1989.

Theo quan điểm đánh giá của phương Tây, Gorbachev là một nhà cải cách lớn và cũng là nhà lãnh đạo tài năng. Ông có cái nhìn thấu đáo khi cho rằng hệ thống xã hội năm 1985 đã suy tàn và phải cải cách. Ông bắt đầu tiến hành từ cải cách kinh tế nhưng thất bại vì không hề quan tâm đến các bài học về nền kinh tế thị trường. Sau đó ông lại đề ra cải cách chính trị nhằm cơ cấu lại đất nước. Mục tiêu của ông không nhằm duy trì hay tăng quyền lực của mình, nếu không thì ông đã chuyển sang một đường lối bảo

thủ, nhưng ông đặt xã hội và đất nước lên trên hết. Khi ông nhận thấy quyền lực đang trượt khỏi tay, ông cũng không có ý định dùng vũ lực giành lại. Trong chính sách đối ngoại, ông cũng làm nên nhiều điều kỳ diệu và góp phần tạo dựng một thế giới mới. Người ta bầu ông là nhân vật xuất sắc nhất trong năm và của thập niên.

Lẽ ra ông nên làm điều gì để tiếp tục nắm quyền sau khi xem xét thấu đáo mọi việc xảy ra? Đưa ra một nền kinh tế thị trường, cho phép các nước cộng hòa Baltic tách khỏi Liên bang và thương lượng một Liên bang mới gồm các nước có chủ quyền? Lẽ ra cấp trung ương ở Moskva nên có sáng kiến thực hiện quá trình bãi bỏ độc quyền, cải cách giá cả, áp dụng các thể chế thị trường có định hướng nhằm điều chỉnh một thị trường hoàn chỉnh. Một thị trường chung có thể đã xuất hiện. Điều này tạo ra sự đồng thuận về chính trị sớm hơn, nhất là khi các nước cộng hòa biết sự phát triển một nền kinh tế chung là tất cả mọi người đều có lợi. Gorbachev không bao giờ tán thành kinh tế thị trường và luôn để tâm vào các vấn đề chính trị lúc nền kinh tế đang trên đà suy thoái trầm trọng. Do vậy, nếu ông ưu tiên tập trung vào kinh tế hơn là cải cách chính trị thì có thể đem lại kết quả tốt hơn nhiều. Ông chưa bao giờ thảo luận trực tiếp với Ryzhkov và đây chính là điểm yếu của ông. Điều đó có nghĩa là không hề có một chính sách cải cách kinh tế nào được đưa ra bàn thảo. Ông hài lòng với Pavlov vì ông này không có chút nổi bật gì. Ông cần phải có một trợ lý giỏi trong hàng ngũ lãnh đạo, ủng hộ các chính sách của ông và có kỹ năng điều hành, triển khai các chính sách đó. Gorbachev muốn có một thành tích chính trị nổi bật vững chắc, nhưng ông lại cảm thấy nản lòng trước những thất bại trong quá trình triển khai chính sách. Đây là nhược điểm nổi bật của ông.

GORBACHEV VÀ THUYẾT TRIỂN VỌNG

Một lý giải cho việc Gorbachev nghiêng về phái hữu khoảng từ tháng 10/1990 đến tháng 3/1991 có thể xuất phát từ thuyết triển vọng. Theo thuyết này, mọi người sẵn sàng chấp nhận rủi ro, họ được hướng dẫn nhiều

để tránh mất mát. Loại bỏ điều mình ghét còn mạnh hơn việc chấp nhận rủi ro. Khi một chính trị gia có quyền lực nhất định, anh ta sẽ không thích bị mất chút nào. Mất đi một phần nhỏ quyền lực có thể sinh ra các phản ứng bất thường và để lại cảm giác vương vấn thất vọng.

Nếu thuyết này áp dụng ở Liên bang Xô viết dưới thời Gorbachev, ông đã thắng lớn cho đến năm 1989. Khi Hội đồng Nhân dân đã đi vào nền nếp quy củ, Gorbachev lẽ ra phải tiến hành một nền dân chủ hoàn chỉnh. Suy cho cùng, ông đề cao nhân tố con người, cá nhân đóng một vai trò to lớn hơn trong xã hội. Ông tức giận trước những bài chỉ trích và cảm thấy bị xúc phạm khi biết cuộc thăm dò dư luận cho thấy các đại biểu cấp tiến nhất lại được các cử tri quan tâm nhất. Ông đánh liều triệu tập Đại hội nhưng phải hứng chịu tác động ngược khiến ông mất đi phần nào quyền lực. Việc này dẫn đến sự thành lập một hội đồng hành pháp, bước tính toán đầy mạo hiểm. Lại một lần nữa không có tác dụng như ông mong đợi. Thay vì chào đón các nhà dân chủ như những đồng minh, ông lại coi họ là đối thủ, là phe phải ganh đua, thậm chí là kẻ chống đối. Bất cứ việc gì ông cho là làm giảm quyền lực của mình đều khiến ông tức giận.

Dịch chuyển theo hướng thị trường, mà bằng chứng là việc thúc đẩy chương trình 500 ngày Shatalin-Yavlinsky, lại là một sự tính toán mạo hiểm nữa. Ngay từ đầu, Gorbachev cho rằng chương trình này sẽ củng cố địa vị sẵn có của ông và giúp ông lấy lại quyền lực đã mất. Khi ông phát hiện chương trình này thực ra là một kiểu cải cách cấp tiến nhưng gắn bằng một tên khác, lập tức ông không quan tâm nữa. Cải cách cấp tiến này liên quan đến vai trò của nhà nước, nghĩa là nhà nước sẽ không đóng vai trò gì trong nền kinh tế. Nhà nước hạn chế bằng cách đưa ra một khung hoạt động và để các nhân tố kinh tế tự tham gia các hoạt động có chọn lựa. Ông nghiêng về chính sách của Ryzhkov-Albakin, nhấn mạnh sự can thiệp mạnh của nhà nước vào nền kinh tế. Dựa vào các tiền đề của Gorbachev, kết quả của chính sách này có thể đoán trước.

Cách giải quyết vấn đề thể hiện tương tự trong các cuộc thương lượng về hiệp ước Liên bang mới. Mục tiêu chủ yếu của ông là hạn chế tối đa quyền lực bị mất, vì vậy phải tạo ra các thể chế trung ương mạnh nhằm kiểm soát Liên bang mới. Những dự thảo liên tiếp cho hiệp ước Liên bang mới đều cắt xén dần quyền lực của trung ương, lẽ ra ông phải cảm nhận được điều này ngay từ tháng 8/1991. Chiến thuật của ông thể hiện ông ghét bị mất mát. Ông thương lượng theo hướng tiêu cực hơn là tích cực. Đối với ông thật đau đớn khi quyền lực bị tuột khỏi tay. Ông cũng áp dụng cách giải quyết này trong vấn đề dân tộc. Khát khao muốn ly khai bị ông cự tuyệt vì ông coi ly khai là nhân tố phá hoại sự tồn tại của Liên bang Xô viết.

Căm ghét sự mất mát thể hiện trong cách giải quyết vấn đề các nước cộng hòa Baltic. Gorbachev không chấp nhận giải thích của Yakovlev rằng những nước cộng hòa này bị ép gia nhập Liên bang năm 1940, nên coi đây là một trường hợp đặc biệt. Công nhận nền độc lập của họ là một lựa chọn khả thi. Yakovlev còn nói nếu Gorbachev chấp nhận sự lựa chọn này thì ông vẫn nắm nhiều quyền lực. Tình hình còn có thể sáng sủa hơn nếu nghe theo lời khuyên này nhưng ông không tự nguyện nhường quyền lực của mình.

Thuyết triển vọng cho rằng một người, khi đưa ra quyết định liên quan đến rủi ro, thường bị của cải hay quyền lực họ đang nắm giữ chi phối. Một nhà lãnh đạo đầy quyền lực chắc chắn sẽ không tham gia tranh bạc mà không hề có sự tính toán nào vì họ có thể mất thế mạnh của mình trong tranh bạc đó. Khi một nhà lãnh đạo bắt đầu nhận thấy quyền lực của mình suy giảm, ông ta sẽ liều lĩnh để nắm lại quyền lực đó, củng cố vị trí cũ của mình. Do vậy, một chính trị gia đang chìm có thể trở thành một tay chơi liều lĩnh đặt cược mọi thứ. Giai đoạn bảo thủ của Gorbachev, từ tháng 10/1990 đến tháng 3/1991, chứng tỏ ông là tay chơi bài điệu nghệ nhất. Ông chịu rủi ro lớn và đã thất bại. Sau đó, ông không bao giờ phục hồi địa vị từng có trước tháng 10/1990. Nếu ông chủ trương thực hiện kinh tế thị trường vào tháng 10/1990, ông có thể vẫn giữ chức Tổng thống Liên bang.

Mặt khác, phái bảo thủ trong Đảng và các đại diện kinh tế chắc chắn sẽ gạt ông khỏi cuộc chơi. Để thực hiện học thuyết này, ông phải trả giá bằng cả sự nghiệp chính trị của mình.

Hệ quả lâu dài mà Gorbachev để lại là ông đã dẫn dắt nhân dân ông từ một đất nước ổn định sang một đất nước bất ổn. Do vậy, người dân Xô viết trở thành tù nhân của một tương lai mù mịt. Sự bất ổn đã làm cho họ được tự do. Bắt đầu bằng bước đi liều lĩnh, lần đầu tiên trong lịch sử Xô viết, các công dân cảm thấy trong một chừng mực nhất định mình là những người tự do. Họ tự chịu trách nhiệm trong việc giải quyết các rủi ro vốn có của cuộc sống hàng ngày mà chính Gorbachev mang lại cho họ một điều gì đó quý giá, đó là quyền được nghĩ và quyền được tự xoay xở với cuộc sống của mình.

CẢI TỔ CỦA ĐẢNG TIỂU BÌNH: MỘT CHIẾN LƯỢC THAY THẾ

Sự chuyển đổi của Trung Quốc sang kinh tế thị trường là một nhu cầu. Di sản đầy khiếm khuyết của Mao Trạch Đông đe dọa sự bất ổn trong xã hội. Nền kinh tế chỉ huy truyền thống, kế thừa của Liên bang Xô viết chứng tỏ không đem lại hy vọng về mức sống cao cho hàng triệu người dân Trung Hoa. Thủ tướng Triệu Tử Dương đã thuyết phục được phe bảo thủ trong giới lãnh đạo rằng việc thử nghiệm cải cách kinh tế hướng thị trường hoàn toàn không làm xói mòn sức mạnh chính trị độc tôn của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Các cải cách này bắt đầu ở nông thôn vào cuối những năm 1970 và gặt hái được thành công to lớn. Không có chiến lược cải cách tổng thể. Giới lãnh đạo Trung Quốc cực kỳ linh hoạt và thực dụng. Khi họ phát hiện chính sách cụ thể trong một lĩnh vực thất bại, họ rút ngay ra những bài học kinh nghiệm và chuyển hướng cải cách ở giai đoạn sau. Naughton gọi đó là “dò đá qua sông” để miêu tả cách tiếp cận của người Trung Quốc. Người ta vạch kế hoạch giải quyết các vấn đề kinh tế trước mắt. Sự điều chỉnh về mặt phối hợp hành chính đi cùng với điều chỉnh thị trường đã

tránh được những hậu quả nghiêm trọng. Các cải cách của người Trung Quốc tiến hành dựa trên việc đa dạng hóa các phương thức thực hiện. Người ta chống lại việc đặt toàn bộ các quả trứng cải cách trong cùng một rổ. Chuyển đổi kinh tế được thương lượng và bàn bạc rất thành công thông qua việc đa dạng hóa phương thức thực hiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc rất nhanh và bền vững. Mô hình cải cách của Trung Quốc thật sự có hiệu quả.

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy sự thay đổi từ từ trong nền kinh tế mệnh lệnh là rất khả thi. Tranh cãi về một cuộc cải cách cấp tiến mạnh mẽ nhằm nhanh chóng xoay chuyển thị trường hoàn toàn không mang lại kết quả. Ở các giai đoạn đầu, từ năm 1978 trở đi, Trung Quốc phạm phải nhiều sai lầm để tìm cho mình một đường đi hiệu quả. Trung Quốc tiến hành cuộc cải cách thận trọng, từ từ nhưng hóa ra lại là một cuộc cải cách cực kỳ thành công vì nó dựa vào chính tình hình thực tế của đất nước.

Mắt xích quyết định trong tiến trình cải cách là sự nới lỏng độc quyền nhà nước đối với công nghiệp. Một khi độc quyền được nới lỏng, sự thu hút lợi ích độc quyền cho khu vực kinh tế đó sẽ có hướng hoàn toàn mới. Các xí nghiệp mới hoạt động kinh doanh theo giá cả thị trường và từng bước ép khu vực nhà nước phải điều chỉnh giá cả. Họ cũng tạo ra cạnh tranh và các xí nghiệp nhà nước phải đối mặt với điều này. Nhân tố chính trong việc nới lỏng độc quyền của nhà nước về công nghiệp là Bắc Kinh không bao giờ tiến hành kiểm soát gắt gao và chi tiết đối với công nghiệp. Hoạt động công nghiệp vận hành theo địa phương, độc lập với các nhà hoạch định kế hoạch trung ương, đã luôn là một thực tế. Quy mô rộng lớn của đất nước Trung Quốc cũng là nhân tố quan trọng.

Hàng nghìn cộng đồng địa phương có quyền tham gia các hoạt động thi đua với các địa phương khác. Thành phố này thi đua với các thành phố khác. Khu vực nhà nước cũng phải thi đua. Việc thành lập các công ty mới tăng với tốc độ kỳ lạ, thậm chí thiếu hẳn việc xác định rõ các quan hệ sở

hữu. Do nền kinh tế kế hoạch luôn gây ra sự khan hiếm, các xí nghiệp nhỏ đổ xô lấp chỗ trống này và đáp ứng nhu cầu về hàng hóa tiêu dùng. Kết quả hình thành một giới kinh doanh phát triển. Chính phủ Trung Quốc cố gắng trong nhiều năm tiến hành cải cách giá nhưng thất bại. Các nhân tố mới xuất hiện và cạnh tranh lại dẫn đến sự tái sắp xếp căn bản giá cả suốt những năm 1980. Dần dần nhà nước phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng tài chính khi cơ chế không còn đủ năng lực để thu thuế toàn bộ các xí nghiệp tư nhân nhỏ. Nó tạo sức ép đối với các xí nghiệp nhà nước, buộc các xí nghiệp này phải làm ăn có lãi hơn.

Năm 1989, mở rộng kinh tế dẫn đến tăng cầu về cải cách chính trị và phong trào dân chủ khiến chính phủ Trung Quốc vô cùng bối rối. Câu trả lời của Bắc Kinh chính là sự kiện tại Quảng trường Thiên An Môn và một số nơi khác. Phái bảo thủ đi theo tính khắc khổ của nền kinh tế vĩ mô, tái tập trung đầu tư công, tăng cường quyền kiểm soát kế hoạch từ trung ương và ưu tiên công nghiệp quốc doanh. Nhưng kết quả rất tệ. Chính quyền địa phương đã làm suy yếu sự tái tập trung tài chính và các xí nghiệp chịu sự can thiệp của nhà nước. Tốc độ tăng trưởng trong tổng sản phẩm quốc nội năm 1989 giảm 4,3% và năm 1990 là 4%. Điều này đã khiến các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhất trí đồng lòng áp dụng nền kinh tế thị trường, coi đó là một phương thức khả thi để tăng trưởng kinh tế. Các chính sách kinh tế bảo thủ theo đó và sau năm 1989 hoàn toàn bị phá sản và thất bại. Không một nhà lãnh đạo Trung Quốc có tham vọng có thể bảo vệ được mô hình kinh tế mệnh lệnh mất uy tín này. Trung Quốc chuyển dần sang nền kinh tế thị trường. Năm 1992 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 12,8%.

Sau đó, Trung Quốc áp dụng cách tiếp cận theo hai hướng. Họ vừa duy trì kinh tế kế hoạch vừa thử nghiệm phát triển khu vực thị trường. Mục tiêu cuối cùng của Trung Quốc là tiến tới xây dựng một nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh. Bước lùi cơ bản của Trung Quốc là tiếp tục thất bại trong cải cách chính trị. Đài Loan và Hàn Quốc tiết lộ họ cũng phải làm như vậy.

Những bài học nào được rút ra từ cải cách của Trung Quốc dành cho Liên bang Xô viết? Gorbachev có thể học hỏi và tiếp thu một số kinh nghiệm cải cách này chăng? Những nhân vật nhiệt tình nhất trong việc ủng hộ kiểu cải cách của Trung Quốc là viện sĩ Oleg Bogomolov, Giám đốc Viện Kinh tế Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương về cải cách kinh tế vào tháng 6/1987, ông đề xuất cải cách kinh tế nên bắt đầu từ nông nghiệp, như đã tiến hành ở Trung Quốc. Gorbachev phản đối chủ trương cho người dân thành thị thuê 800 nghìn trang trại bị bỏ hoang ở vùng không phải là đất đen của nước Nga để khai khẩn. Một sắc lệnh được ban hành quy định chỉ cấp 600m² đất cho mỗi trang trại. Việc này làm cho toàn bộ hoạt động kinh doanh không thể thực hiện được. Gorbachev quá lạm dụng quyền lực và rõ ràng giới lãnh đạo chẳng ưa gì việc cho thuê đất này.

Aleksandr Yakovlev muốn áp dụng kinh tế theo hướng thị trường ở nông thôn của Trung Quốc, nhưng Gorbachev bỏ ngoài tai đề xuất của ông. Bogomolov ủng hộ việc bán cổ phần và trái phiếu cho công nhân, giống Trung Quốc. Công nhân có thể mua các xí nghiệp làm ăn thua lỗ của nhà nước và biến chúng thành các nhà máy hợp doanh. Giới báo chí Xô viết đã có bài báo ca ngợi xí nghiệp tư nhân ở Trung Quốc và một số nước Đông Âu. Luật Xô viết về hợp tác xã là bằng chứng xem xét hết sức kỹ lưỡng bài học kinh nghiệm triển khai ở Trung Quốc và một số nước xã hội chủ nghĩa khác. Dường như Gorbachev tỏ ra yêu thích kinh nghiệm cải cách nông thôn của Trung Quốc và nhất quán ủng hộ tiến hành trang trại gia đình. Ông đề cập việc này tại Đại hội Đảng lần thứ 27 vào tháng 2/1986, trong bài diễn văn tháng 8/1987 và tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương về thuê đất nông nghiệp vào tháng 5 và tháng 10/1988. Thực tế, ông không thuyết phục nổi giới lãnh đạo bảo thủ về các điểm cơ bản của chính sách này. Việc bổ nhiệm Ligachev vào vị trí phụ trách nông nghiệp sau Hội nghị Đảng lần thứ 19 là sự chấp nhận thất bại cuối cùng, ông là người say mê với nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa và không mệt mỏi thúc đẩy sự phục hưng của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Cải cách của Trung Quốc bắt đầu từ nông nghiệp vì trên 80% dân số Trung Quốc sống ở nông thôn.

Mô hình tập thể hóa phá vỡ mô hình khoán nông thôn ở Liên Xô và bộ máy kinh tế quan liêu công kênh bóp nghẹt nền nông nghiệp. Bộ máy này hiệu lực với phe bảo thủ trong giới lãnh đạo đã bóp nghẹt kinh tế nông nghiệp hộ gia đình. Một khía cạnh nữa trong tư duy người Trung Quốc rất hấp dẫn người Nga là thành lập các khu vực kinh tế mật dịch tự do và do đó đã nổ ra một cuộc tranh luận gay gắt bàn vấn đề này. Tuy nhiên, kết quả thu được không cao.

Trong hồi ký của mình, Gorbachev cũng cân nhắc sự chọn lựa này của Trung Quốc nhưng lại phản đối ngay: “Mọi nỗ lực chuyển đổi kinh tế quan trọng ở đất nước chúng ta đều bị bóp nghẹt bởi chính sách quản lý trì trệ, lạc hậu về chính trị.” Đối với ông, cải cách chính trị phải đi trước cải cách kinh tế. Nhiều người không đồng ý với quan điểm này. Nikolai Ryzhkov, cay đắng trước cách đối xử tệ bạc của Gorbachev, cho rằng cải tổ không phải do Gorbachev khởi xướng mà là Andropov:

Tôi tin người ta có thể khẳng định dưới sự lãnh đạo của Andropov, phương thức chuyển đổi kinh tế và xã hội sẽ hoàn toàn khác và sẽ được chấp nhận. Phải chăng đó là cách thức tương tự như cải cách được triển khai ở Trung Quốc?... Chỉ có thể trả lời là đúng như vậy.

Ryzhkov đề cập đến tính hợp lý và thành công trước kia, hay đơn giản là ông nhìn nhận mọi việc sau khi nó đã diễn ra. Ông không bao giờ hé lộ ông quan tâm đến hướng phát triển nền kinh tế thị trường của Trung Quốc. Rõ ràng ông không hiểu Trung Quốc đang triển khai một nền kinh tế thị trường thật sự, chứ không phải là nền kinh tế thị trường có điều chỉnh.

Laszlo Csaba so sánh Trung Quốc và Đông Âu, nêu bật sự khác biệt và các bài học giữa hai mô hình kinh tế này. Trung Quốc có lợi thế phủ nhận nước Nga. Trung Quốc có thể thu hút 20-25 tỷ đôla đầu tư trực tiếp nước

ngoài hàng năm (FDI), chủ yếu từ những người Hoa đang sinh sống ở nước ngoài. Do vậy, không có mâu thuẫn đối với đầu tư nội địa ở Trung Quốc. Điều này là quá rõ ràng đối với người Nga. FDI được coi là nguồn đầu tư chiến lược và Trung Quốc hưởng lợi qua các bí quyết của cộng đồng người Hoa ở nước ngoài. Nền kinh tế Xô viết do các tổ hợp công nghiệp quốc phòng chi phối, trong khi đó Trung Quốc lại không phải chi phí nhiều cho ngành công nghiệp này. Liên bang Xô viết từng có một nền công nghiệp phát triển nhưng không hiệu quả, bị đa số các doanh nghiệp lớn chi phối. Trung Quốc chủ yếu là một nước nông nghiệp, do vậy việc mở rộng và phát triển công nghiệp đều ở cấp địa phương mà thôi, chủ yếu lấy từ tiết kiệm nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp được ưu tiên hàng đầu để có thặng dư kinh tế. Triển khai phát triển công nghiệp của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào các khu kinh tế mở vùng duyên hải, xa hẳn thủ đô Bắc Kinh. Khu vực kinh tế mở duyên hải này có thể đáp ứng nhanh thị trường thế giới và họ có nhiều hải cảng để giao lưu với thế giới bên ngoài. Ủy ban Kế hoạch của Trung Quốc không bao giờ kiểm soát kinh tế giống như cách thức Liên bang Xô viết thực hiện. Cải cách Trung Quốc lại mở rộng khoảng cách về thu nhập và sự giàu có, đồng thời tạo ra tình hình căng thẳng giữa các vùng nông thôn và miền duyên hải.

Có lý hay không nếu đồng ý với Gorbachev rằng mô hình cải cách của Trung Quốc không thích hợp ở Liên Xô? Có phải phải nặng về tư duy lý tưởng mạnh đến nỗi họ có thể cho phép tiến hành cải cách kinh tế thành công không dẫn thân trước vào cải cách chính trị? Câu trả lời nằm ở khía cạnh thời gian hay thời điểm. Chỉ đến năm 1987 Gorbachev và giới lãnh đạo mới nhận ra đang tồn tại một cuộc khủng hoảng. Kết luận họ rút ra là cần phải tiến hành cải cách chính trị để thúc đẩy tiến hành cải cách kinh tế. Vào năm 1989 rõ ràng sự phân tích này là khiếm khuyết. Đang tồn tại một cuộc khủng hoảng kinh tế. Cuộc tranh luận về một mô hình kinh tế mới bắt đầu. Cũng có đề xuất xây dựng hai mô hình cải cách kinh tế: một là vừa phải, hai là nhanh và mạnh. Sau đó, mô hình kinh tế mà Trung Quốc đang áp dụng là một cách tiếp cận kép (giá quy định và giá thị trường, sau đó giá

thị trường được thực hiện từng bước) và tăng tốc dần dần. Sự phát triển ngoài kế hoạch này sẽ dần lu mờ khi cơ chế kinh tế thị trường thẳng thắn. Mục tiêu cuối cùng là nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh. Đây chính là cách thức thứ ba ở giữa xu thế phát triển kinh tế vừa phải và hợp lý, xu thế cải cách kinh tế thất bại trong quá khứ và những người muốn tiến hành cải cách nhanh và mạnh là những người muốn xây dựng kinh tế thị trường chỉ trong một đêm.

Điều trớ trêu của tình huống này là khi Liên bang Xô viết phải quyết định con đường phát triển tiến lên, Trung Quốc lại đang trong quá trình chuyển đổi ngược lại từ kinh tế thị trường. Sự thụt lùi đáng kể của phe bảo thủ trong giai đoạn 1989-1891 khẳng định hoàn toàn không có phương thức cải cách thứ ba. Bắc Kinh dường như đồng tình với những người theo xu hướng cải cách hợp lý và nền kinh tế phải đặt dưới sự kiểm soát của trung ương. Do vậy, Gorbachev quyết định ngả theo các nhà cải cách hợp lý vào tháng 10/1990 và phản đối hướng cải cách theo nền kinh tế thị trường. Năm 1991, Trung Quốc quay lại hướng kinh tế thị trường nhưng đối với Liên bang Xô viết thì đã quá muộn. Nếu Trung Quốc vào năm 1985 đạt được thành công thì nhất định nó sẽ thành công và phát triển vào năm 1992 hay năm 1995, đây là một minh chứng mạnh mẽ cho xu hướng phát triển thứ ba này, một cách tiếp cận dần dần vừa phải với cải cách kinh tế. Đã diễn ra cuộc tranh luận về kiểu thị trường, thị trường có điều tiết của Ryzhkov-Abalkin hay một thị trường tự do của những người cải cách nhanh và mạnh. Những người ủng hộ cải cách mạnh mẽ cuối cùng đã chiến thắng.

Đặng Tiểu Bình phản đối cải cách chính trị tiến hành song song với cải cách kinh tế. Tuy nhiên, sự nổi lỏng và dân chủ hóa đã làm bùng lên tình hình căng thẳng ngay trong sự kiện Thiên An Môn tháng 6/1989. Tuy nhiên, nó hầu như không có tác động nào đến chính sách kinh tế. Giới lãnh đạo Trung Quốc linh hoạt và thực dụng đã chọn cách quay trở lại kinh tế thị trường trong khi vẫn tiếp tục chống lại việc tiến hành cải cách chính trị. Sớm muộn gì họ cũng sẽ tiến hành cải cách chính trị, vì họ nhận thức sâu

sắc kinh nghiệm của Đài Loan và Hàn Quốc. Không thể lảng tránh mãi trách nhiệm này trước công chúng.

Gorbachev không gặp may trong cuộc hành trình đi tìm một con đường cải cách, một con đường phát triển cho chính ông và đất nước của ông năm 1990. Người ta cho rằng ông sẽ nghiêng về phe cải cách vừa phải hợp lý. Quyết định này khiến Liên bang Xô viết sớm tan rã và sụp đổ. Với người Trung Quốc, cách tiếp cận thứ ba rất rõ ràng và hợp lý, nhưng thời điểm của năm 1990, cách thức này chưa hình thành rõ rệt. Trung Quốc là nhà nước xã hội chủ nghĩa duy nhất tiến hành chuyển đổi kinh tế mà không trải qua khủng hoảng kinh tế. Có phải đây là bài học duy nhất mà Trung Quốc biết hay đã được sao chép từ đâu đó? Chúng ta không bao giờ biết được điều này.

CHÚ GIẢI

Agitprop: Ban cổ động tuyên truyền, thuộc Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Khởi đầu là tuyên truyền bằng lời và bằng bài viết, nhiệm vụ của các quan chức là động viên dân chúng đạt các mục tiêu kinh tế do nhà nước đề ra, đề cao ý thức về Đảng.

All-Union: Các bộ hoặc là thuộc toàn Liên bang, chẳng hạn, trách nhiệm với cả Liên bang hoặc là nước cộng hòa, chịu trách nhiệm đối với nước cộng hòa của họ nhưng có sự điều hành từ Moskva. Do vậy có Bộ Nông nghiệp Liên Xô và 16 Bộ Nông nghiệp của các nước cộng hòa.

Apparatchik: Hệ số lương trả cho quan chức chính quyền và đảng viên.

ASSR: Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết tự trị. Một lãnh thổ trong một nước cộng hòa Xô viết, do người không phải là người Nga sinh sống, thực ra là không phải là người Slav (người Nga, người Belarus và người Ukraine) (ví dụ như Cộng hòa xã hội chủ nghĩa tự trị Komi), nó cũng có một chính phủ riêng. Tổ chức Đảng Cộng sản ở một nước cộng hòa kiểu này tương đương với một tỉnh. Trên thực tế, một nước cộng hòa tự trị hoàn toàn phụ thuộc vào thủ đô của nước cộng hòa đó. Do vậy, quyền tự trị không có nghĩa là được hoàn toàn độc lập. Phần lớn các nước cộng hòa tự trị này đều thuộc Liên bang Nga.

Ban Bí thư: Trung tâm hành chính của Đảng Cộng sản. Nó được bầu ra trong Đại hội Đảng lần thứ 8 năm 1919, Stalin được bầu làm tổng bí thư đầu tiên nhưng vào lúc đó chức vụ này không được trao nhiều quyền hạn. Các quan chức chủ chốt đều được gọi là các bí thư Ban Chấp hành Trung ương và người đứng đầu là tổng bí thư. Từ năm 1953-1966, người lãnh đạo cao nhất gọi là bí thư thứ nhất. Ban Bí thư có nhiều, mỗi một quan chức

lãnh đạo một ban và một nhóm bí thư Ban Chấp hành Trung ương giám sát một nhóm ban. Sau năm 1957, Ban Bí thư chịu trách nhiệm về kinh tế và bí thư Ban Chấp hành Trung ương là một quan chức cấp cao hơn Bộ trưởng Liên bang Xô viết, có trách nhiệm đảm bảo các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương được triển khai. Năm 1987, có 11 bí thư, gồm cả Gorbachev. Khi Gorbachev trở thành Tổng Bí thư năm 1985, Ligachev được bầu làm chủ tọa các cuộc họp của Ban Bí thư và ông này trở thành Bí thư thứ hai không chính thức.

Ban Chấp hành Trung ương: Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản; cơ quan này hoạt động nhân danh Đại hội Đảng trong thời gian giữa các kỳ đại hội. Cơ quan này bao gồm toàn bộ quan chức Đảng quan trọng nhất, các bộ trưởng nhà nước, lãnh đạo quân đội và hải quân, các đại sứ cao cấp, các viện sĩ Viện Hàn lâm, v.v... Cơ quan này được bầu ra tại mỗi kỳ Đại hội Đảng.

Bolshevik: Khi Đảng Lao động Dân chủ Xã hội Nga (RSDRP) bị chia rẽ năm 1903, Bolshevik tức là đa số. Vào tháng 10/1917, Đảng Bolshevik (hay Đảng Cộng sản) lên cầm quyền.

Bộ Chính trị: Bộ máy chính trị của Ban Chấp hành Trung ương, cơ quan chủ chốt hoạch định các quyết định của Đảng Cộng sản; chính thức thành lập từ Đại hội Đảng lần thứ 8, năm 1919; Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản được gọi là Đoàn Chủ tịch, 1952-1966. Năm 1987 có 14 ủy viên chính thức và 6 ủy viên dự khuyết, người Nga chiếm đa số.

Cán bộ: Nhân sự. Cán bộ của Đảng là các quan chức của Đảng. Stalin dùng thuật ngữ “Cán bộ quyết định hết thảy”.

CIS: Cộng đồng Các quốc gia Độc lập. Hình thành vào ngày 8/12/1991, gồm Nga, Belarus và Ukraine trong khu rừng Belovezh, gần Brest-Litovsk, Belarus. Họ nêu lý do họ có quyền giải thể Liên bang Xô viết vì họ là những nước đầu tiên ký vào hiệp ước lập ra Liên bang Xã hội

Chủ nghĩa Xô viết năm 1922. Một cuộc họp ở Almaty, Kazakhstan ngày 21/12, các quốc gia khác cũng được thừa nhận là Armenia, Azerbaijan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Tajikistan, Turkmenistan và Uzbekistan. Thậm chí Gruzia cũng gia nhập hiệp ước này; chỉ có Estonia, Latvia và Lithuania là không gia nhập.

CMEA: Xem Hội đồng Tương trợ Kinh tế.

Cộng hòa Xô viết: Có 15 nước cộng hòa, trong đó Liên bang Nga là nước cộng hòa lớn nhất và Estonia, Latvia, Lithuania là những nước cuối cùng tham gia năm 1940. Mỗi một nước cộng hòa đều có chính phủ riêng, có nhiều bộ và Đảng Cộng sản riêng, tất nhiên là bộ phận của Đảng Cộng sản Liên Xô. Đảng Cộng sản địa phương có Ban Chấp hành Trung ương riêng và một bộ máy (đóng vai trò tương tự như Bộ Chính trị trung ương) (ngoại lệ là Ukraine có Bộ Chính trị); trong nhiều nước cộng hòa, các đảng cộng sản chia thành các Đảng Cộng sản thân quốc gia và Đảng Cộng sản thân Moskva. Việc này xảy ra ở ba nước Baltic. Đảng Cộng sản thân quốc gia sau đó ủng hộ đấu tranh giành độc lập. Dưới chủ trương công khai, nhiều tổ chức không chính thức (gọi như vậy vì họ không đăng ký chính thức) nổi lên và gồm các mặt trận bình dân, đặc biệt là ở các nước vùng Baltic.

CPSU: Đảng Cộng sản Liên Xô. Đảng thành lập vào năm 1898, là Đảng Lao động Dân chủ Xã hội Nga (RSDRP) (mãi cho đến năm 1917 tất cả các đảng dân chủ xã hội mới trở thành Marxist) bị chia rẽ tại Đại hội Đảng lần thứ 2, năm 1903, thành hai phái: Bolshevik (đa số) và Menshevik (thiểu số). Tên Đảng Cộng sản toàn Nga là do những người Bolshevik đặt năm 1918 và được đổi thành Đảng Cộng sản Liên Xô vào năm 1952.

CSCE: Hội nghị về An ninh và Hợp tác Châu Âu. Cuộc họp khai mạc ở Helsinki ngày 3/7/1973. Các ngoại trưởng của 33 nước châu Âu (vắng mặt Anbani), cùng Mỹ và Canada tham dự các hội nghị diễn ra sau đó. CSCE phát triển thành một diễn đàn tranh luận đông-tây về các vấn đề

chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và an ninh. Ngày 1/1/1995, tổ chức này phát triển thành Tổ chức An ninh và Hợp tác Châu Âu (OSCE).

Cuộc họp Alma-Ata: Xem CIS.

Cương lĩnh CPSU: Chương trình nghị sự của Đảng Cộng sản. Cương lĩnh Đảng năm 1961 dự kiến tiến tới giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Năm 1980, nó vẫn còn giá trị khi Gorbachev trở thành Tổng Bí thư. Người ta có nhu cầu xét lại việc này và gây ra một trận chiến giữa những người cấp tiến và phe bảo thủ.

Cheka: Ủy ban Đặc mệnh toàn Nga chống phản cách mạng và phá hoại ngầm. Được thành lập năm 1917, là lực lượng công an mật đầu tiên có nhiệm vụ bảo vệ quyền lực cho các nhà lãnh đạo Bolshevik. Nó đổi tên vài lần và dưới thời Gorbachev là tổ chức KGB.

Chủ trương công khai: Nhân tố chủ chốt trong cải cách của Gorbachev liên quan đến tính công khai trong việc hoạch định kinh tế và chính trị, tranh luận công khai mọi vấn đề và tự do thông tin. Tự do thông tin dẫn đến các cuộc tranh cãi gay gắt về quá khứ Xô viết, gồm những vụ thanh trừng dưới thời Stalin. Chủ trương công khai là một đề tài chủ yếu tại Hội nghị Đảng lần thứ 19 và được khẳng định bằng các nghị quyết của hội nghị.

DemRossiya: Phong trào Nước Nga Dân chủ ra đời năm 1990 nhằm ủng hộ các ứng cử viên có đầu óc dân chủ trong cuộc bầu cử vào Đại hội Đại biểu Nhân dân Xô viết, đặc biệt là những người cùng phái với Yeltsin. Nó là một tổ chức dù bao trùm nhiều đảng nhỏ và phong trào có quan điểm, nhưng lại không thể phát triển thành một chính đảng nổi bật. Một trong những vấn đề của nó là không thể thống nhất quan điểm vào năm 1991, liệu nước Nga có tốt hơn nếu Liên bang Xô viết sụp đổ. Quan điểm của họ gần với quan điểm của Nhóm Liên Khu vực. Họ trở thành nhóm chống đối lớn nhất chống lại những người cộng sản vào năm 1990, trước khi bị tan rã đã có tới

4 nghìn thành viên. Trong số các thành viên lãnh đạo có Boris Yeltsin, Yury Afanasev, Anatoly Sobchak, Gavriil Popov, Nikolai Travkin và Sergei Stankevich. Chiến thắng của Yeltsin trong cuộc bầu cử chủ tịch tháng 6/1991 dựa rất nhiều vào sự hậu thuẫn của phong trào này. Đến năm 1996, nó chỉ còn là một nhóm nhỏ.

Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên Xô: Triệu tập họp trong những năm đầu của cách mạng, được phục hồi vào tháng 3/1989, là cơ quan tối cao của chính quyền. Có 2.250 đại biểu được bầu ra cho nhiệm kỳ năm năm và mỗi năm có một lần Đại hội. Trong 2.250 đại biểu, có 2/3 được bầu trực tiếp, có những cuộc bầu nhiều đại biểu dự bị với sự vận động công khai từ trước. 750 đại biểu khác được bầu gián tiếp, tùy thuộc vào danh sách đưa ra bởi các tổ chức xã hội và chính trị. Chẳng hạn, Đảng Cộng sản nhận 100 ghế. Gorbachev chủ tọa đại hội. Đây là một siêu nghị viện và từ các thành viên này người ta bầu ra một Xô viết tối cao Liên Xô, hoặc nghị viện thường trực với các thành viên luân phiên, tức là có thay đổi một số thành viên tại kỳ đại hội tiếp theo. Tùy thuộc vào sự sửa đổi của Hiến pháp Liên Xô, Đại hội cũng sửa đổi Hiến pháp, nếu 2/3 đa số đại biểu tán thành. Đại hội bầu Gorbachev là chủ tịch của Liên Xô. Ngày 5/12/1991, Đại hội tự nguyện giải thể và nhượng quyền cho Đại hội Đại biểu Nhân dân RSFSR, nhưng cũng có đại biểu là thành viên của cả hai tổ chức.

Đại hội Đại biểu Nhân dân RSFSR: Triệu tập lần đầu vào tháng 3/1990, phát ngôn viên chính là Yeltsin. Sắc lệnh của Tổng thống Yeltsin tháng 9/1991 quyết định giải thể tổ chức này.

Đại hội: Cuộc họp quan trọng nhất của Đảng, Xô viết, công đoàn hoặc các tổ chức khác. Tại Đại hội Đảng Cộng sản, được triệu tập năm năm một lần, Đảng tổng kết các thành tích đạt được từ đại hội trước và đề ra các mục tiêu cho tương lai. Một Ban Chấp hành Trung ương mới được bầu, tiếp theo là bầu Bộ Chính trị và Ban Bí thư mới. Đại hội Đảng cuối cùng, trước khi bị Yeltsin ban hành lệnh cấm, là Đại hội Đảng lần thứ 28 vào tháng 7/1990.

Đảng Cộng sản Nga: Cũng là Đảng Cộng sản Liên bang Nga. Trong thời kỳ Liên bang Xô viết, Nga không được phép thành lập Đảng Cộng sản riêng vì Lenin tin điều này sẽ thúc đẩy Nga nắm quyền lãnh đạo và vượt quyền Nhà nước Xô viết non trẻ. Cũng có một bộ máy điều hành Nga dưới thời Khrushchev nhưng bị giải thể năm 1965. RCP được thành lập vào năm 1990 và bầu Ivan Polozkov làm Bí thư thứ nhất, gây nhiều thất vọng cho Gorbachev – người coi Đảng Nga như thành trì của chủ nghĩa bảo thủ.

Đảng viên cộng sản: Thành viên của Đảng Cộng sản. Tính đến năm 1990 có khoảng 25 triệu đảng viên.

Đảng viên dự bị: Trước khi một người trở thành đảng viên chính thức của Đảng Cộng sản, người đó phải trải qua một thời gian thử thách, trong thời gian này được gọi là đảng viên dự bị.

Đảo chính tháng 8: Cuộc chính biến ngày 19-21/8/1991. Một ủy ban khẩn cấp gồm tám người, do Kryuchkov (Ủy ban An ninh Quốc gia) lãnh đạo, Pugo (Bộ trưởng Bộ Nội vụ), Lukyanov và Yanaev, tuyên bố phế truất Gorbachev – Tổng thống Liên Xô ngày 19/8 (vì lý do sức khỏe), đặt ông trong tình trạng bị giam lỏng tại Foros, nhà nghỉ của ông tại Crime, họ tuyên bố tình trạng khẩn cấp và điều lính tuần tra trên đường phố. Họ yêu cầu toàn bộ cơ quan hành chính trên khắp đất nước phải thực hiện mệnh lệnh này. Thời điểm đảo chính gắn liền với việc ký một hiệp ước thiết lập một Liên bang gồm các quốc gia có chủ quyền, các quốc gia này sẽ được trung ương giao nhiều quyền hạn hơn, do vậy trở thành một nhà nước liên bang thật sự. Cuộc đảo chính chớp nhoáng này thất bại và cải cách được thổi một sức sống mới, Đảng Cộng sản bị suy yếu hoàn toàn và Nga nắm vai trò chủ đạo bối cảnh chính trị với một chương trình nghị sự nghiêng nhiều đến nền độc lập của nước Nga.

Đoàn chủ tịch: Hội đồng Nhà nước hay nội các, do vậy là cơ quan tối cao. Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản được coi như đoàn chủ tịch, 1952-1966. Chủ tịch đoàn Xô viết Tối cao Liên Xô gồm tất cả những người xứng

đáng trong chính quyền và Đảng. Chủ tịch đoàn Xô viết tối cao Liên Xô là người đứng đầu nhà nước, vì vậy đôi khi còn gọi là chủ tịch. Thuật ngữ chủ tịch chính thức được đưa vào hiến pháp Liên Xô năm 1989 khi Gorbachev được bầu là Chủ tịch Liên Xô. Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô cũng có một Đoàn chủ tịch, gồm các bộ trưởng chủ chốt, vì vậy nó tương tự như một văn phòng.

G7: Nhóm các nước công nghiệp phát triển; gồm Mỹ, Nhật Bản, Anh, Pháp, Italia, Đức và Canada. Liên bang Xô viết muốn gia nhập tổ chức này và biến nó thành G8. Mùa hè năm 1991 Gorbachev tham dự cuộc họp G8 ở London.

GDR: Cộng hòa Dân chủ Đức. Năm 1945, Hồng quân Liên Xô chiếm Đông Đức và gọi là khu vực chiếm đóng nước Đức của Liên Xô. Năm 1949, lãnh thổ này được đặt tên là Cộng hòa Dân chủ Đức, đổi chọi lại việc thành lập Cộng hòa Liên bang Đức. Người ta gọi tắt là Đông Đức và có thủ đô là Đông Berlin. Đảng Cộng sản cầm quyền gọi là Đảng Xã hội Thống nhất Đức (SED) và có nhiều đảng khác nữa, như Liên hiệp Dân chủ Thiên Chúa giáo Đức, hoàn toàn phụ thuộc vào Đảng Xã hội Thống nhất Đức. Cộng hòa Dân chủ Đức sáp nhập với Cộng hòa Liên bang Đức vào tháng 10/1990.

Gorkom: Thành ủy Đảng, do bí thư thứ nhất lãnh đạo.

Giai cấp: Có hai giai cấp trong xã hội Xô viết: giai cấp công nhân và nông dân trong các nông trang tập thể, một tầng lớp là tầng lớp trí thức.

Hiệp ước ABM: Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo, do Mỹ và Liên Xô ký năm 1972; một phần của Hiệp ước Hạn chế Vũ khí Chiến lược (SALT I).

Hiệp ước Belovezh: Xem Hiệp ước Minsk và Hiệp ước CIS.

Hiệp ước INF: Được ký vào ngày 8/12/1987 giữa Mỹ và Liên Xô nhằm loại bỏ toàn bộ vũ khí hạt nhân ở mọi cấp độ, vũ khí hạt nhân tầm

trung trong phạm vi khoảng 500-5.500 km.

Hiệp ước Minsk: Hiệp ước giữa Nga (Boris Yeltsin), Belarus (Stanislau Shushkevich) và Ukraine (Leonid Kravchuk) là một đòn chí tử vào sự tồn tại của Liên bang Xô viết dưới thời Gorbachev. Hiệp ước này chính thức tuyên bố Liên bang Xô viết với tư cách chủ thể của luật pháp quốc tế không còn tồn tại.

Hiệp ước Xô viết Đức không xâm phạm hoặc Hiệp ước Stalin-Hitler: Được ký kết bởi Molotov và Ribbentrop ngày 23/8/1939 (Stalin và Hitler chưa bao giờ gặp nhau). Hiệp ước quy định Liên Xô và Đức sẽ không tấn công nhau và nếu chiến tranh xảy ra ở bất cứ một nơi nào khác thì hai nước đều giữ quan điểm trung lập. Phần chính của Hiệp ước là một nghị định thư kín – người Xô viết không chịu thừa nhận có tồn tại nghị định thư này cho mãi đến năm 1980. Nó chia châu Âu thành hai khu vực ảnh hưởng, khu vực ảnh hưởng của Liên Xô là Đông Ba Lan, Latvia, Estonia, Phần Lan, Lithuania (kết quả của sự sửa đổi) và Bessarabia. Đức chiếm phần còn lại của châu Âu.

Học thuyết Brezhnev: Quyền của Liên bang Xô viết có thể đơn phương can thiệp nếu xuất hiện sự đe dọa đối với chủ nghĩa xã hội. Gorbachev chính thức tuyên bố điều này trong một bài diễn văn của ông ở Nam Tư tháng 3/1988. Mọi hình thức gây ảnh hưởng đều bị cấm vào tháng 7/1989.

Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô: Chính phủ Xô viết do chủ tịch hay thủ tướng lãnh đạo. Hội đồng Bộ trưởng giải tán năm 1990 và thay bằng Nội các Bộ trưởng do thủ tướng đứng đầu.

Hội đồng Nhà nước Liên bang Xô viết: Tổ chức kế nhiệm Xô viết Liên bang Xô viết nhưng chỉ là một tổ chức có tính chất tư vấn.

Hội đồng Tổng thống hay Hội đồng Tổng thống Liên bang Xô viết: Thành lập tháng 3/1990 và hoạt động tới tháng 12/1990, tất cả các thành

viên này đều do Gorbachev tuyển chọn. Các bộ có quyền lực (như an ninh, nội vụ, quốc phòng) chi phối tổ chức này mà chức năng chính của nó lại được quy định không rõ ràng. Nó bị thay thế vào đầu năm 1991 bằng một thể chế mới theo hiến pháp là Hội đồng An ninh Liên bang Xô viết và hoạt động cho tới khi có cuộc đảo chính tháng 8/1991.

Hội đồng Xô viết Liên bang Xô viết: Lập ra dưới thời Gorbachev như chính phủ ở bên trên Liên bang Xô viết, gồm tổng thống, phó tổng thống và các đại diện cao cấp từ mỗi mức của 15 nước cộng hòa. Nó không còn tồn tại vào tháng 8/1991 và không nên nhầm với Hội đồng Liên bang, thượng viện của Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga, thành lập tháng 12/1993.

Hội nghị: Khác với một Đại hội Đảng ở chỗ không phải tất cả các tổ chức Đảng được có mặt (ngoại trừ Hội nghị Đảng lần thứ 19, năm 1988). Vào những năm đầu cách mạng do các vấn đề hậu cần khiến người ta khó triệu tập một hội nghị nhanh chóng để giải quyết các vấn đề kinh tế khẩn cấp. Hội nghị không có quyền bầu các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

IMP: Quỹ Tiền tệ Quốc tế đặt trụ sở tại Washington, quan tâm đến các vấn đề kinh tế vĩ mô. Nó được thành lập vào năm 1945, là kết quả của Hiệp ước Bretton Woods.

INF: Lực lượng hạt nhân tầm trung.

Kế hoạch năm năm: Kế hoạch năm năm lần thứ nhất kéo dài thời kỳ từ tháng 10/1928 đến tháng 12/1932, thứ hai là từ 1933-1937, và tiếp tục như vậy. Ủy ban Kế hoạch soạn thảo các kế hoạch và có hiệu lực là pháp luật. Vì thế, nếu không hoàn thành kế hoạch là phạm pháp.

KGB: Ủy ban An ninh Quốc gia. Ban đầu là Cheka, vào năm 1917, do Lenin thành lập nhằm bảo đảm những người Bolshevik nắm chính quyền; dưới thời Stalin, nhiệm vụ của tổ chức này là duy trì quyền lực của ông. Có

tổ chức KGB thuộc Liên bang Xô viết và mỗi nước cộng hòa lại có một tổ chức KGB riêng, chịu sự chỉ đạo của KGB trung ương đóng trụ sở tại Lubyanka, Moskva. Tổ chức KGB chịu trách nhiệm tình báo thu thập các tin tức trong và ngoài nước. Trong quân đội, Cơ quan Tình báo chịu trách nhiệm thu thập thông tin nhưng cơ quan KGB có trách nhiệm kiểm tra lòng trung thành chính trị của lực lượng vũ trang.

Kolkhoz: Về mặt ngôn từ có nghĩa là kinh tế tập thể; các thành viên cày cấy trên đất đai của mình như một hợp tác xã nhưng trên thực tế, thu hoạch được rất ít sản phẩm vì nó phụ thuộc vào kế hoạch hàng năm của Nhà nước. Trước năm 1966 không có lương cố định, nếu nông trang làm ăn có lãi mới trả lương.

Komsomol: Đoàn Thanh niên Cộng sản Lenin. Những thanh niên ở lứa tuổi 14-28, ngoại trừ lãnh đạo các tổ chức có thể tuổi cao. Đa số thanh niên gia nhập tổ chức này và nhiều người trở thành đảng viên. Có một tổ chức Komsomol thuộc Liên bang Xô viết và mỗi một nước cộng hòa lại có một tổ chức Komsomol giống như Đảng Cộng sản, các cán bộ đoàn đều là người chuyên trách. Đầu năm 1980, Komsomol kết nạp hơn 40 triệu đoàn viên.

Krai: Một khu vực hành chính Xô viết thuộc một nước cộng hòa trên lãnh thổ do một dân tộc khác sinh sống (không phải dân tộc Slav), gọi là khu tự trị. Cũng có thể coi nó là một lãnh thổ.

Kraikom: Khu ủy do bí thư thứ nhất lãnh đạo.

Kulak: Lenin và những người Bolshevik chia tầng lớp nông dân thành các tầng lớp bần nông, trung lưu và giàu có. Bần nông thiếu đất, trung nông và phú nông lại dư thừa và bán ra thị trường. Theo thuật ngữ phương Tây, kulak là một kiểu nông dân phong lưu vừa phải.

Lập trường dân chủ: Một nhóm cấp tiến trong Đảng Cộng sản, có cương lĩnh đăng trên tờ Pravda vào tháng 3/1990, đề ra rất nhiều điểm, trong số đó có việc thống nhất một hệ tư tưởng riêng về nhà nước và Đảng không nên coi chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu của mình. Các thành viên lãnh đạo nhóm này bị trục xuất và những người khác phải từ chức, còn một số người khác lập ra Đảng Cộng hòa Liên bang Nga.

Liên bang các nước có chủ quyền: Gorbachev dự kiến liên bang này sẽ thay thế cho Liên Xô nhưng cuộc đảo chính tháng 8/1991 đã ngăn cản việc ký kết. Sau đó thì đã muộn và Liên Xô tan rã, việc thành lập Cộng đồng các Quốc gia Độc lập đã vút dự định trên vào sọt rác của lịch sử.

Lực lượng thông thường: Lực lượng phi hạt nhân.

Memorial Society (Xã hội tưởng niệm): Tổ chức được thành lập để tưởng nhớ các nạn nhân trong thời đại Stalin. Về mặt chính trị, nó ngày càng có vai trò tích cực vào đầu năm 1989 và tập trung vào việc công khai trước công chúng về quá khứ của nước Nga và Liên Xô cũng như làm sáng tỏ các sự kiện trong giai đoạn Stalin. Sau này nó trở thành một phần của DemRossiya.

MVD: Bộ Nội vụ, chịu trách nhiệm về luật pháp và nghi lễ, có một Bộ Nội vụ của Liên bang Xô viết và mỗi một nước cộng hòa thuộc Liên bang lại có một Bộ Nội vụ riêng, đều phụ thuộc Moskva.

NATO: Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương, thành lập năm 1949.

NEP: Chính sách kinh tế mới. Lenin áp dụng năm 1921 như một nhượng bộ khi cuộc chiến của chủ nghĩa cộng sản (CNCS) (1918-1921) thất bại và đất nước đang phải đối mặt với sự suy sụp kinh tế và nỗi lo sợ nông dân sẽ không cung cấp lương thực cho thành phố. Dưới thời Chính sách Kinh tế mới, các cao điểm chỉ huy của nền kinh tế (về năng lượng, thông tin, công nghiệp nặng) đều nằm dưới sự kiểm soát của nhà nước; trong khi

các ngành công nghiệp nhẹ, nông nghiệp được chuyển cho sở hữu tư nhân. Thương mại được công nhận hợp pháp. Có mối quan tâm lớn trong thời kỳ Gorbachev về NEP và nó được coi là sự chọn lựa thích hợp cho Liên bang Xô viết khi nó đang cần một nền kinh tế thị trường hỗn hợp trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội. Kế hoạch năm năm của Stalin đã xóa bỏ thị trường. Trong khi áp dụng NEP cũng có một hệ thống phát triển – hệ thống các hợp tác xã sản xuất và tiêu dùng, và ngành công nghiệp truyền thống – nhưng Stalin phá hủy hoàn toàn, ông buộc nông dân phải gia nhập các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, chủ yếu đảm bảo nhà nước có thể nuôi sống công nhân trong thời kỳ tiến hành công nghiệp hóa.

Nomenklatura: Bao gồm (a) một danh sách các vị trí mà Đảng coi là quan trọng, đó là danh sách những người được chấp thuận; (b) danh sách những người có khả năng đảm nhận các vị trí đó. Có một danh sách cán bộ đảng và một danh sách cán bộ chính quyền. Theo cách này chủ nghĩa gia đình trị và nạn tham nhũng ngày càng hoành hành trong bộ máy Đảng. Chẳng hạn, các đại sứ Liên Xô quan trọng và Washington, ở Bonn đều nằm trong danh sách ủy viên Bộ Chính trị. Các quan chức này làm việc theo một chế độ chuyên nghiệp.

Novo-Ogarevo: Nhà nghỉ ngoại thành của Gorbachev, gần Moskva.

Nhà lý luận: Các quan chức Đảng và các viện sĩ Viện Hàn lâm đều liên quan đến việc tuyên truyền và phát triển chủ nghĩa Marx-Lenin. Các sinh viên đại học đều phải thi môn Marx-Lenin trước khi tốt nghiệp. Gorbachev có dẫn chứng phê phán đại đa số người cộng sản đều chỉ biện hộ hiện tại và không hề có ý định phát triển sáng tạo tư tưởng này. Tuy nhiên, dưới thời Brezhnev, khái niệm về một chủ nghĩa xã hội phát triển chín muồi được nêu ra và Gorbachev là người khởi xướng phát triển chủ nghĩa xã hội. Thuật ngữ châm biếm của phương Tây dùng cho các quan chức này là những người lý tưởng hóa.

Nhà Trắng: Tòa nhà của nghị viện Nga ở Moskva.

Nhóm chống đối Đảng: Những người thuộc Bộ Chính trị năm 1957, phần lớn đại diện cho các bộ thuộc chính phủ, những người phản đối việc chuyển giao trách nhiệm triển khai các kế hoạch kinh tế từ chính phủ sang tay Đảng. Khrushchev hầu như bị đánh bại nhưng sau khi giành thắng lợi, ông đã loại bỏ các đối thủ khỏi Bộ Chính trị. Đảng nắm vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách kinh tế mãi đến 1988, tại Hội nghị lần thứ 19 của Đảng, Gorbachev mới có thể loại bỏ vai trò của Đảng khỏi quá trình quản lý kinh tế.

Nhóm Liên kết giữa Các khu vực: Đại biểu trong Đại hội Nhân dân Toàn quốc Liên bang Xô viết và Xô viết Tối cao Liên Xô lập ra một nhóm vào mùa hè năm 1989 nhằm bảo vệ nhân quyền, áp dụng quyền sở hữu tư nhân, hệ thống đa đảng và luật pháp dân chủ cho một nhà nước pháp quyền. Thành viên của nhóm này có Boris Yeltsin, Andrei Sakharov, Yury Afanasev và Gavriil Popov.

Obkom: Tỉnh ủy, do bí thư thứ nhất lãnh đạo.

Oblast: Một đơn vị hành chính của một nước cộng hòa Xô viết, tỉnh được chia nhỏ thành các huyện. Có thể được dịch là lãnh thổ hay tỉnh.

OMECON: Hội đồng Tương trợ Kinh tế, được Stalin thành lập năm 1949. Sau khi Stalin qua đời, hội đồng này thực hiện chức năng của một thị trường chung của các nước xã hội chủ nghĩa. Nó bị giải thể vào tháng 7/1991.

Raikom: Huyện (quận) ủy, đứng đầu là bí thư thứ nhất.

Raion: Một đơn vị hành chính của một tỉnh, khu và thành phố. Có thể tạm dịch là quận, huyện.

RSDRP: – Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, thành lập ở Minsk vào năm 1898; nhưng đến năm 1903, Đảng này bị chia rẽ thành hai phe Bolshevik và Menshevik.

RSFSR: Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga, hoặc Liên bang Nga, đơn giản là nước Nga. Là nước lớn nhất trong 15 nước cộng hòa của Liên bang Xô viết, thủ đô là Moskva.

SALT: Cuộc Đàm phán Hạn chế Vũ khí Chiến lược. Các cuộc thảo luận về hạn chế các vũ khí hạt nhân vẫn tiếp tục tiến hành năm 1969 giữa Mỹ và Liên bang Xô viết. Năm 1972 Hiệp ước SALT I được ký kết và năm 1979, Hiệp ước SALT II tiếp tục được đưa ra. Do việc Liên Xô đưa quân vào Afghanistan, người Mỹ không phê chuẩn Hiệp ước SALT II nữa.

Soyuz: Liên bang. Các đại biểu nhân dân ở mọi cấp độ đều là thành viên của nó. Thành lập tháng 12/1990, bảo vệ sự toàn vẹn của Liên bang Xô viết, người ta cho rằng tình trạng khẩn cấp là cách duy nhất khôi phục trật tự và bảo đảm sự tồn tại của Liên bang Xô viết. Các thành viên hàng đầu của tổ chức này là Yury Blokhin, Viktor Alksnis, Evgeny Kogan và Sergei Baburin. Người có tư cách thành viên là đại diện trong các tổ hợp quốc phòng công nghiệp, cơ quan KGB, Bộ Nội vụ và bộ máy Đảng. Trong Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên bang Xô viết và Xô viết Tối cao Liên bang Xô viết, Soyuz là phái chống cải cách lớn nhất nhưng không nhận được sự ủng hộ đa số.

START: Đàm phán giảm vũ khí chiến lược. Các cuộc thương lượng về việc cắt giảm hệ thống vũ khí chiến lược giữa Mỹ và Liên Xô, sau này là Nga, dẫn đến Hiệp ước START I vào năm 1991 và Hiệp ước START II vào năm 1993.

Tập thể hóa – Quyền sở hữu tập thể đất đai bắt đầu năm 1917 nhưng đến năm 1929 đã đạt được một phần tiến bộ khi người nông dân (khoảng 25 triệu hộ nông dân) không có quyền lựa chọn làm nông nghiệp tiểu chủ hay gia nhập nông trang tập thể. Trên đất đai không ai cày cấy, các nông trang nhà nước được thành lập. Việc tập thể hóa kết thúc năm 1937. Nhà nước Xô viết không bao giờ chú trọng đến nông nghiệp xã hội chủ nghĩa trên quan điểm phải đáp ứng đầy đủ và tốt nhu cầu lương thực của nhân dân.

Tổ chức Hiệp ước Warsaw: Hiệp ước này được thành lập năm 1955 nhằm đối chọi với Hiệp ước Paris tháng 10/1954 thừa nhận Cộng hòa Liên bang Đức gia nhập NATO. Các thành viên lúc đầu là Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Cộng hòa Dân chủ Đức, Bungari, Rumania và Anbani. Anbani xin rút năm 1961. Hiệp ước này cũng là một Hội đồng Tư vấn Chính trị do có sự tham gia của các ngoại trưởng. Hiệp ước này không cho phép Đông Đức thành lập Ban Tham mưu của riêng nước này. Toàn bộ kỹ thuật quân sự tiên tiến đều được chế tạo tại Liên Xô và quân đội Xô viết được trang bị tối tân. Hiệp ước này không còn giá trị vào ngày 1/7/1991.

Thu mua của nhà nước: Sản phẩm làm ra được nhà nước mua lại và do kế hoạch đặt ra từ trước. Trong công nghiệp, việc này được áp dụng cho hầu hết các sản phẩm của một xí nghiệp nhưng trong nông nghiệp có thay đổi. Các nông trang và nông trường phải đáp ứng kế hoạch thu mua của nhà nước trước hết, sau đó mới có quyền bán bất kỳ sản phẩm nào làm ra. Tất nhiên, họ đều phải cố giữ lại càng nhiều càng tốt cho họ, đôi khi nói rằng họ không sản xuất đủ để đáp ứng kế hoạch. Người chịu trách nhiệm đứng ra bảo đảm nông trang thực hiện nghĩa vụ nhà nước là bí thư Đảng thứ nhất.

USSR: Liên bang các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết; còn có tên gọi khác là Liên Xô.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước: Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên bang Xô viết chịu trách nhiệm soạn thảo các kế hoạch kinh tế và kiểm tra việc thực hiện. Thành lập năm 1921 và tiếp tục hoạt động đến năm 1991. Nó đề ra các kế hoạch năm năm, các kế hoạch hàng năm, kế hoạch theo quý. Mỗi một Xô viết ở một nước cộng hòa đều có ủy ban kế hoạch riêng. Ủy ban này chịu trách nhiệm đưa ra số liệu để Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô vạch kế hoạch tiếp theo và kiểm tra việc thực hiện. Sau năm 1985, Ủy ban Kế hoạch mất ảnh hưởng vì nền kinh tế Xô viết dần dần bị chia xẻ. Năm 1990, khi Gorbachev thay thế Hội đồng Bộ

trưởng Liên bang Xô viết bằng một nội các các bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước được thay bằng Bộ Kinh tế và Dự báo.

Ủy viên dự khuyết: Các ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị có thể tham dự, phát biểu nhưng không có quyền bầu cử.

Viện trưởng Viện Kiểm sát: Quan chức đứng đầu về luật pháp ở Liên Xô, là người lãnh đạo Viện Kiểm sát của Liên Xô. Mỗi nước cộng hòa Xô viết đều có Viện Kiểm sát riêng; các huyện, tỉnh và khu cũng có.

Vũ khí hạt nhân chiến lược – Các vũ khí hạt nhân chiến lược có thể bắn từ lục địa này xuyên sang lục địa kia.

Vũ khí hạt nhân chiến thuật: Các vũ khí hạt nhân tầm trung và tầm ngắn dùng để dọa chiến tranh.

Xô viết Tối cao Liên Xô: Thành lập năm 1936, là tổ chức tối cao của chính quyền trong Liên bang Xô viết, theo quy định hiến pháp. Nó là một tổ chức lưỡng viện gồm Xô viết của Liên bang và Xô viết các dân tộc, năm 1985 có 1.500 thành viên. Bầu ra bốn năm một lần và triệu tập họp hai lần một năm, họp chừng một tuần. Các thành viên tiến hành bầu ra Đoàn Chủ tịch (gồm 39 thành viên kể từ năm 1977) và chủ tịch tổ chức này là lãnh đạo nhà nước Xô viết. Cho đến khi Podgorny trở thành Chủ tịch Đoàn Chủ tịch năm 1964, vị trí này không có ý nghĩa về chính trị. Brezhnev tự đưa mình lên làm lãnh đạo nhà nước tháng 5/1977 và Podgorny phải ra đi. Andropov và Chernenko tự đưa mình lên vị trí đứng đầu nhà nước nhưng Gorbachev, vào tháng 7/1985, đề nghị Gromyko giữ chức vụ này và ông này giữ chức đến năm 1988, khi Gorbachev tự mình tiếp nhận. Đại hội Đại biểu Nhân dân thay thế cho Xô viết Tối cao Liên bang Xô viết vào tháng 3/1989. Đại hội sau đó tiến hành bỏ phiếu bầu Xô viết Tối cao của riêng Xô viết Tối cao này nhưng lại phụ thuộc vào Đại hội Đại biểu Nhân dân.

Xô viết Tối cao: Thành lập vào năm 1936 theo Hiến pháp Liên Xô, Xô viết Tối cao Liên bang Nga là một tổ chức gồm hai viện: Xô viết Liên bang Nga và Xô viết Dân tộc. Số lượng đại biểu của Xô viết Liên bang Nga dựa trên dân số, trong khi đó số lượng đại biểu của Xô viết Dân tộc lại cố định. Hai viện có quyền ngang nhau và thường họp liên tịch. Viện chỉ là tên gọi (đến năm 1989) quyết định chủ yếu do Đảng Cộng sản và chính phủ. Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao là người đứng đầu nhà nước. Mỗi nước cộng hòa và khu vực cộng hòa tự trị đều có một Xô viết Tối cao riêng nhưng tổ chức theo kiểu đơn viện. Mỗi viện lại có các ủy ban và hội đồng là các thể chế chung. Toàn bộ hiến pháp nhà nước do Xô viết Tối cao Liên Xô ban bố, mỗi năm họp hai lần, mỗi lần họp vài ngày.

Xô viết: Được dùng với a) Hội đồng b) Công dân Liên bang Xô viết, c) tên đất nước Xô viết lần đầu tiên nổi lên trong cuộc cách mạng năm 1905 và sau này phát triển trong cuộc cách mạng tháng 2/1917. Gorbachev cố gắng phát triển các Xô viết năm 1988 nhưng sau đó lãnh đạo Đảng lại chỉ đạo địa phương. Ông hy vọng chúng sẽ đảm nhận trách nhiệm của Đảng từ cấp địa phương và triển khai tốt cải tổ nhưng chúng thiếu kỹ năng cũng như nhân sự để thực hiện các kế hoạch này.

NIÊN BIỂU CÁC SỰ KIỆN

THỜI ĐẠI GORBACHEV: GIAI ĐOẠN ĐỈNH CAO CỦA QUYỀN LỰC (1985-1989)

1985

10/3: Konstantin Chernenko qua đời.

11/3: Mikhail Gorbachev được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

7/4: Gorbachev hoãn việc triển khai tên lửa hạt nhân nhưng ông khẳng định có thể khởi động lại việc này vào tháng 11 nếu NATO không dừng việc triển khai của mình.

23/4: Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương

tháng 4 tiếp nhận cải cách không rõ ràng của Gorbachev. Chebriko, Ryzhkov và Ligachev trở thành ủy viên chính thức Bộ Chính trị, Bộ trưởng Quốc phòng Sergei Sokolov là ủy viên dự khuyết.

15/5: Gorbachev thăm Leningrad và nhận được nhiều sự ủng hộ trong các chính sách với tính cách thẳng thắn của ông.

16/5: Nội dung của chiến dịch chống rượu mạnh được thông báo là giảm sản xuất rượu mạnh và tăng hình phạt đối với người nghiện rượu.

1/7: Phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương gạt Grigory Romanov ra khỏi Bộ Chính trị, Eduard Shevardnadze được bầu làm ủy viên chính thức Bộ Chính trị, Boris Yeltsin và Lev Zaikov trở thành các bí thư Ban Chấp hành Trung ương.

2/7: Andrei Gromyko trở thành chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô, đứng đầu nhà nước, Shevardnadze kế nhiệm ông làm Ngoại trưởng.

25-27/9: Shevardnadze đi thăm Mỹ để cùng chuẩn bị cho hội nghị thượng đỉnh Reagan - Gorbachev.

2-5/10: Gorbachev đi thăm Pháp, chuyến thăm chính thức của ông sang phương Tây trên cương vị nhà lãnh đạo. Ông sử dụng từ “tự cung tự cấp hợp lý” cho lần đầu tiên, nhưng lại không bàn đến các cuộc hội đàm INF và bác bỏ việc lấy tư tưởng làm nền tảng chính sách đối ngoại. Ông đề nghị các siêu cường quốc giảm kho đạn chiến lược của mình xuống một nửa.

19-21/11: Cuộc họp hội nghị thượng đỉnh ở Geneva giữa Mikhail Gorbachev và Tổng thống Mỹ Ronald Reagan; họ đồng ý lại gặp gỡ nhau trong tương lai.

24/12: Boris Yeltsin thay Viktor Grishin làm Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva.

1986

8/2: Trong một cuộc phỏng vấn trên tờ L'Humanité, tờ báo của Đảng Cộng sản Pháp, Gorbachev miêu tả chủ nghĩa Stalin như một “khái niệm do các phần tử chống đối chủ nghĩa cộng sản nêu lên và sử dụng trên một phạm vi rộng lớn nhằm bôi nhọ Liên bang Xô viết và chủ nghĩa xã hội nói chung”.

18/2: Một phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương thảo luận Đại hội Đảng lần thứ 27 và kế hoạch kinh tế trong năm 1990-2000. Viktor Grishin rời khỏi Bộ Chính trị và Boris Yeltsin được bầu làm ủy viên dự khuyết.

25/2-6/3: Đại hội Đảng lần thứ 27 khai mạc với bài phát biểu đề dẫn dài của Gorbachev trong đó ông chủ trương cải cách cấp tiến cơ chế kinh tế. Ông nói đến cuộc chiến tranh tại Afghanistan là một vết thương đang rỉ máu và thời đại Brezhnev là một thời kỳ “trì trệ”. Ngày 6/3, Lev Zaikov trở thành ủy viên chính thức Bộ Chính trị. Yeltsin phát biểu trước Đại hội về chủ đề nhạy cảm: đặc quyền của Đảng.

26/4: Một vụ nổ tại lò phản ứng hạt nhân Chernobyl, Ukraine trở thành một nơi bị ô nhiễm phóng xạ tồi tệ nhất trong lịch sử Xô viết. Tuy nhiên, phản ứng đầu tiên của giới lãnh đạo là làm dịu tình hình đến mức có thể.

28/7: Gorbachev đến Vladivostok thăm Viễn Đông của Liên Xô và phát biểu sáu trung đoàn sẽ rút ra khỏi Afghanistan và các cuộc hội đàm bắt đầu tiến hành với Mông Cổ về việc rút quân Xô viết đang trú tại đất nước này.

10/10: Gorbachev đến Reykjavik tham dự hội nghị thượng đỉnh trong 2 ngày cùng Tổng thống Mỹ Reagan. Họ nhất trí về phần lớn các vấn đề cắt giảm vũ trang. Họ cũng thỏa thuận việc cắt giảm các vũ khí tấn công và thậm chí tiến tới loại trừ vũ khí hạt nhân.

19/10: Trục xuất năm nhà ngoại giao Mỹ tại Liên Xô, đây là sự trả đũa cho việc trục xuất các quan chức Xô viết tại Liên Hợp Quốc.

21/10: Mỹ trục xuất 55 nhà ngoại giao Xô viết khỏi đại sứ quán Liên Xô tại Washington và Tổng lãnh sự quán Xô viết ở San Francisco, đồng thời xác định thời hạn nhân sự cho từng người.

22/10: Liên bang Xô viết lại trục xuất tiếp năm nhà ngoại giao Mỹ và rút các nhân viên Xô viết khỏi đại sứ quán Mỹ và Tổng lãnh sự quán.

6/11: Bộ Quốc phòng Liên Xô tuyên bố việc rút sáu trung đoàn (khoảng 6 nghìn người) khỏi Afghanistan đã hoàn thành và họ sẽ không thay quân.

28/11: Mỹ triển khai máy bay ném bom B52 mới, vi phạm Hiệp ước START II.

1987

28/3-1/4: Thủ tướng Anh Margaret Thatcher thăm Liên Xô, nhấn mạnh vấn đề nhân quyền và kêu gọi rút quân đội Xô viết khỏi Afghanistan.

28/5: Mathias Rust, một thanh niên Tây Đức, điều khiển máy bay loại nhẹ Cessna hạ cánh ngay gần Quảng trường Đỏ, chọc thủng hàng rào bảo vệ không quân của Liên Xô mà không hề bị phát hiện.

30/5: Nhiều quan chức cao cấp trong giới quân sự bị thuyên chuyển sau vụ đột nhập của Rust. Tướng Dmitry Yazov lên thay Tướng Sergei Sokolov làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô.

28-30/6: Khóa họp Xô viết Tối cao Liên bang Xô viết chủ yếu tập trung bàn về cải cách kinh tế. Ryzhkov kêu gọi sự quản lý kinh tế của trung ương trong nền kinh tế quá lỗi thời và chủ trương tiến hành cải cách cấp tiến. Một sắc luật về doanh nghiệp nhà nước được ban hành giao quyền tự quyết cho các xí nghiệp quản lý ngân sách của mình, chủ trương này được triển khai vào ngày 1/1/1988.

24/9: Một nghị quyết Bộ Chính trị cho phép các cửa hàng nhỏ do tư nhân và các hợp tác xã làm chủ – một cải cách cấp tiến.

12/10: Tại Leningrad, Gorbachev giành thắng lợi với cải tổ và chủ trương công khai, đồng thời cảnh báo nếu giới lãnh đạo Đảng không ủng hộ cải cách, Đảng có thể sẽ mất đi vai trò lãnh đạo của chính mình.

21/10: Tại một phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, Boris Yeltsin phá vỡ điều cấm kỵ của Đảng, đó là việc các lãnh đạo không được chỉ trích lẫn nhau trước công chúng, ông đổ lỗi cho Gorbachev và Ligachev vì để cải cách diễn ra với tốc độ chậm chạp. Gorbachev phản ứng rất quyết

liệt. Yeltsin đề nghị xin rút khỏi Bộ Chính trị và từ chức bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva. Geidar Aliev bị cách chức khỏi Bộ Chính trị.

1/11: Cuốn sách Perstroika and the New Political Thinking (Cải tổ và Tư duy chính trị mới) của Gorbachev, được xuất bản ở Moskva. Nó được dịch ra nhiều thứ tiếng và trở thành một cuốn sách bán chạy với số lượng lớn.

11/11: Boris Yeltsin bị Gorbachev và những người khác tấn công trong một cuộc họp của Thành ủy Moskva. Lev Zaikov tiếp nhận chức vụ bí thư thứ nhất. Ngày 18/11, Yeltsin giữ chức phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban Nhà nước về xây dựng.

5/12: Gorbachev thăm London và gặp bà Margaret Thatcher.

7-10/12: Gorbachev tới Washington hội đàm với Tổng thống Reagan. Tại Washington, ông ký Hiệp định cấm tên lửa hạt nhân tầm trung (INF) ngày 8/12. Đây là chuyến thăm đầu tiên tới Mỹ và trở thành chiến thắng lớn của cá nhân ông.

1988

1/1: Luật doanh nghiệp nhà nước có hiệu lực và tạo điều kiện cho các nhà máy có quyền tự quyết đáng kể (cải cách này nói lỏng kiểm soát của trung ương với nền kinh tế, dẫn đến tăng lạm phát và khan hiếm hàng hóa).

28/2: Người Armenia và người Do Thái bị tấn công ở Sumgait, Azerbaijan, 26 người Armenia và 6 người Azerbaijan bị giết.

13/3: Tờ báo Sovetskaya Roosiya (Nước Nga Xô viết) công bố bức thư của Nina Andreeva tấn công cải tổ và chỉ trích Stalin.

14/4: Các hiệp định về chấm dứt chiến tranh ở Afghanistan được ký kết tại Geneva. Liên Xô và Mỹ bảo đảm các hiệp định này và hứa không

can thiệp vào các vấn đề nội bộ của Afghanistan và Pakistan.

29/5-2/6: Tổng thống Reagan thăm Moskva và gặp Gorbachev trong Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 4. Reagan cũng gặp gỡ các nhà bất đồng chính kiến và ca ngợi sự tự do trong một bài phát biểu trước sinh viên trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva.

Tháng 6-7: Tiếp tục cuộc xung đột ở Nagorno-Karabakh. Ngày 15/6, Xô viết Tối cao Armenia bỏ phiếu sáp nhập Nagorno-Karabakh nhưng Xô viết Tối cao Azerbaijan phản đối việc bỏ phiếu này vào ngày 17/6. Ngày 20/7, Xô viết Tối cao Liên Xô phê chuẩn không công nhận việc sáp nhập Nagorno-Karabakh vào Armenia.

15/6: Xô viết Tối cao Armenia bầu sáp nhập Nagorno- Karabakh.

28/6-1/7: Hội nghị Đảng lần thứ 19 khai mạc tại Moskva, Gorbachev đưa ra chế độ bầu cử tổng thống, loại bỏ sự can thiệp của Đảng vào quá trình quản lý kinh tế, triệu tập một Đại hội Đại biểu Nhân dân và tiến hành bỏ phiếu cạnh tranh.

25/7: Phát biểu trước một hội nghị của Bộ Ngoại giao Liên Xô, Shevardnadze phản đối việc coi đấu tranh giai cấp là nền tảng của chính sách đối ngoại.

5/8: Trong bài phát biểu ở Gorky (Nizhnt Novgorod), Egor Ligachev lặp đi lặp lại rằng đấu tranh giai cấp là nền tảng của chính sách đối ngoại Xô viết.

12/8: Trong một bài phát biểu tại Vilnius, Lithuania, Aleksandr Yakovlev nêu bật các giá trị của con người hay các lợi ích chung của toàn nhân loại.

19/8: Cương lĩnh dự thảo của Mặt trận Nhân dân Estonia được đăng trên một tờ báo của Estonia.

21/9: Công bố tình trạng khẩn cấp trong các khu vực thuộc Nagorno-Karabakh sau khi xảy ra náo loạn.

30/9: Tại một phiên họp toàn thể của Ban Chấp hành Trung ương, một số lớn các thành viên về hưu (không còn giữ chức theo quy chế của Ban Chấp hành Trung ương). Gromyko và Solomentsev rút khỏi Bộ Chính trị. Ligachev được bổ nhiệm phụ trách Ủy ban Nông nghiệp trung ương, rõ ràng là một sự giáng cấp. Alesandr Yakovlev đảm nhiệm ban đối ngoại trong Ban Bí thư trung ương.

1/10: Gorbachev được bầu làm Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô.

16/11: Xô viết Tối cao Estonia tuyên bố chủ quyền và đòi quyền hợp pháp của Estonia trong luật pháp Xô viết.

26/11: Xô viết Tối cao Liên Xô bác bỏ tuyên bố chủ quyền của Estonia và vẫn giữ quyền kiểm soát các tài sản quốc gia trong nước cộng hòa này.

1/12: Xô viết Tối cao Liên bang Xô viết ban sắc lệnh luật bầu cử mới, với hình thức bầu cử cạnh tranh và bỏ phiếu kín.

7/12: Tại Liên Hợp Quốc, Gorbachev tuyên bố Liên Xô cắt giảm lực lượng vũ trang xuống 500 nghìn quân trong vòng 2 năm mà không đòi phải có động thái đáp lại của Hoa Kỳ hay đồng minh của Mỹ. Ông nhấn mạnh lợi ích chung của nhân loại và quyền tự do lựa chọn là nguyên tắc về giá trị của con người. Sau đó ông gặp Reagan và ứng cử viên tổng thống Bush tại đảo Governor. Nguyên soái Sergei Akhromeev từ chức Tổng tư lệnh và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Armenia trải qua một trận động đất khủng khiếp làm 50 nghìn người chết. Gorbachev từ bỏ kế hoạch đi thăm Cuba và quay trở về nước.

1989

12/1: Nagorno-Karabakh đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Moskva bởi sắc lệnh của Xô Viết Tối cao Liên Xô. Arkady Volsky được bổ nhiệm là người quản lý tạm thời.

17-19/1: Hội nghị tổng kết CSCE kết thúc tại Vienna bằng một thỏa thuận bắt đầu thương lượng cắt giảm lực lượng thông thường ở châu Âu (CFE).

18/1: Estonia thông qua luật về ngôn ngữ mới yêu cầu người không nói tiếng Estonia phải học ngôn ngữ bản địa này trong vòng bốn năm. Ngày 26/1, Lithuania cũng thông qua một luật tương tự, và vào ngày 1/2, Latvia cũng noi gương. Các nước cộng hòa khác đều thông qua một luật pháp giống như vậy: Tajikistan tuyên bố ngày 22/7, Kirgizia vào ngày 24/8, Moldova vào ngày 28/8, Uzbekistan vào 21/10, và Ukraine vào ngày 28/10.

15/2: Đội quân Xô viết cuối cùng rời Afghanistan; chế độ Najibullah tồn tại đến năm 1992 (Najibullah bị lực lượng Taliban sát hại vào tháng 9/1996).

26/3: Các cuộc bầu cử Đại hội Đại biểu Nhân dân được tổ chức. Nhiều ứng cử viên của Đảng thất bại và các đảng ủng hộ độc lập đều giành thắng lợi ở các nước cộng hòa Baltic. Boris Yeltsin thắng cử ở Moskva.

9/4: Quân đội Xô viết tấn công cuộc biểu tình hòa bình ở Tbilisi, 20 người thiệt mạng và hàng trăm người bị thương.

25/4: Trong một phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 74 ủy viên Ban Chấp hành Trung ương xin từ chức. Quân đội Xô viết bắt đầu rút hoàn toàn khỏi Hungary.

15-19/5: Gorbachev thăm Trung Quốc và tuyên bố bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

25/5: Đại hội Đại biểu Nhân dân khai mạc tại Moskva và được truyền hình trực tiếp. Gorbachev được bầu làm chủ tịch và vào ngày 26/5, Đại hội bầu các thành viên của Xô viết Tối cao Liên Xô, là quốc hội thường trực. Yeltsin cũng được bầu, khi đó Aleksei-Kazannik xin rút lui.

6/7: Gorbachev phát biểu tại Ủy ban Châu Âu ở Strasbourg và tuyên bố Liên Xô không nghiêng theo cải cách ở Đông Âu.

10/7: Thợ mỏ than ở Kuzbass, Siberia tiếp tục đình công, theo sau đó là thợ mỏ vùng Donbass, Ukraine.

29/7: Nhóm Liên Khu vực được thành lập tại Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc để thúc đẩy cải cách. Trong số các nhà lãnh đạo được 250 đại biểu chọn có Boris Yeltsin, Gavriil Popov và Andrei Sakharov.

23/8: Trên 2 triệu người tham gia một cuộc biểu tình kiểu Baltic, tạo thành một dòng người kéo dài khắp ba nước cộng hòa.

31/8: Xô viết Tối cao Moldova ban bố sắc lệnh tiếng Moldova (tiếng Moldova hay tiếng Rumani) được coi là ngôn ngữ chính và thay bảng chữ cái Cyrillic bằng chữ Latin.

22-23/9: Ngoại trưởng Mỹ James Baker và Shevardnadze gặp nhau ở Jackson Hole, Wyoming. Shevardnadze bỏ qua các đề nghị của Liên Xô liên quan đến cắt giảm tên lửa chiến lược dẫn đến hạn chế Sáng kiến phòng thủ chiến lược (SDI) hay Chiến tranh giữa các vì sao.

25-26/9: Tại Liên Hợp Quốc, Tổng thống Bush và Eduard Shevardnadze đề nghị loại bỏ vũ khí hóa học.

7/10: Ở Đông Berlin, Gorbachev nói trước đám đông rằng “cuộc sống sẽ trừng phạt những người tụt hậu” và điều này làm giảm quyền lực của Erich Honeker, nhà lãnh đạo Cộng hòa Dân chủ Đức. Egon Krenz thay thế ông này vào ngày 18/10.

8/10: Mặt trận Bình dân Latvia thông qua nghị quyết coi nền độc lập là mục tiêu của mình.

9/11: Bức tường Berlin sụp đổ.

19/11: Xô viết Tối cao Gruzia tuyên bố chủ quyền và phán xử việc Liên Xô chiếm đóng năm 1921 là vi phạm Hiệp ước năm 1920 giữa Gruzia và Nga.

28/11: Xô viết Tối cao Liên Xô chấm dứt sự kiểm soát trực tiếp với Nagorno-Karabakh, bất chấp việc phản đối của các đại biểu Armenia và Nagorno-Karabakh.

1/12: Gorbachev yết kiến Giáo hoàng John Paul II tại Vatican và tuyên bố luật về quyền tự do tín ngưỡng sẽ được ban hành, Nhà thờ Thiên Chúa giáo của Ukraine sẽ được công nhận và hoạt động trở lại.

2-3/12: Gorbachev và Bush gặp nhau tại Malta và Gorbachev tuyên bố không sử dụng vũ lực để đảm bảo các thể chế cộng sản Đông Âu vẫn nắm quyền lãnh đạo. Bush thỏa thuận dỡ bỏ mọi trở ngại trong thương mại Mỹ-Xô.

12/12: Phiên họp lần thứ hai Đại hội Đại biểu Nhân dân khai mạc và Gorbachev từ chối xem xét sửa đổi Điều 6 của Hiến pháp Liên Xô, đảm bảo sự độc tôn về chính trị của Đảng.

20/12: Đảng Cộng sản Lithuania tuyên bố hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào Đảng Cộng sản Liên Xô.

24/12: Xô viết Tối cao Liên Xô tuyên bố nghị định thư bí mật trong Hiệp ước Đức Quốc xã-Liên Xô không còn hiệu lực nhưng không đề cập đến việc ba nước cộng hòa Baltic và các lãnh thổ bị Liên Xô sáp nhập là một phần của thỏa thuận này.

GORBACHEV – THỜI KỲ SUY YẾU (1990 – 1991)

1990

11-13/1: Gorbachev thăm Lithuania thảo luận nguyện vọng của nước cộng hòa này muốn tách khỏi Liên bang Xô viết. Nhưng người dân Lithuania đã tiến hành biểu tình đòi độc lập.

19-20/1: Các cuộc đụng độ ở Baku giữa quân đội Xô viết và dân chúng địa phương dẫn đến việc nhiều người bị chết. Mặt trận Dân tộc Azerbaijan mất quyền kiểm soát.

Tháng 2-3: Các cuộc bầu cử địa phương được tổ chức trên toàn lãnh thổ Liên Xô, các ứng cử viên nghiêng về việc trao độc lập cho các nước vùng Baltic đã thắng cử; ở Moskva và Leningrad, các ứng cử viên là lãnh đạo Đảng đều bị thất cử.

5/2: Trong phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, Gorbachev đề nghị bỏ hẳn vai trò lãnh đạo của Đảng (Điều 6 của Hiến pháp Liên Bang Xô viết), chấp nhận hệ thống đa đảng và thông qua “chủ nghĩa xã hội dân chủ và nhân văn”. Những điều này được chấp nhận vào ngày 7/2, sau một cuộc tranh cãi kịch liệt.

8/2: James Baker thăm Moskva và đề xuất một cuộc thương lượng về việc thống nhất nước Đức là hai (Đông và Tây Đức) cộng bốn (Mỹ, Liên Xô, Anh và Pháp).

10/2: Thủ tướng Đức Kohl ký thỏa thuận về nguyên tắc tái thống nhất nước Đức tại Moskva.

12/2: Các ngoại trưởng của cuộc gặp Hai cộng bốn ở Ottawa đồng ý bắt đầu thảo luận về tiến trình thống nhất nước Đức.

6/3: Đại hội Đại biểu Nhân dân sửa đổi Điều 6 của Hiến pháp Liên Xô, chấm dứt sự độc tôn quyền lực của Đảng.

11/3: Lithuania tuyên bố phục hồi nền độc lập và bầu Vytautas Landsbergis làm Chủ tịch Hội đồng Tối cao và Tổng thống.

14/3: Gorbachev được Đại hội Đại biểu Nhân dân bầu làm tổng thống Liên Xô.

25/3: Đảng Cộng sản Estonia bỏ phiếu về vấn đề độc lập, tách khỏi Đảng Cộng sản Liên Xô.

28/3: Các cuộc bầu cử tự do đầu tiên diễn ra ở Hungary kể từ năm 1945.

1/5: Diễu hành nhân ngày Quốc tế Lao động tại Quảng trường Đỏ bị một số phần tử chống đối Gorbachev quấy phá.

4/5: Xô viết Tối cao Latvia xác nhận nền độc lập là mục tiêu đấu tranh của mình.

29/5: Boris Yeltsin được bầu làm Chủ tịch Đoàn Xô viết Tối cao Liên bang Nga.

30/5-4/6: Gorbachev đi thăm Washington và tham dự hội nghị thượng đỉnh lần thứ hai với Bush, sau đó đi thăm Minneapolis-St Paul và San Francisco.

8/6: Xô viết Tối cao Liên bang Nga tuyên bố chủ quyền và các quy định luật pháp Nga được ưu tiên hơn luật pháp của Liên bang Xô viết.

19-23/6: Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Nga diễn ra ở Moskva.

22/6: Ivan Polozkov, một người bảo thủ, được bầu làm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Nga.

30/6: Việc cung cấp dầu và khí đốt cho Lithuania được nối lại sau khi Đại hội Đại biểu Nhân dân nước này tạm hoãn triển khai tuyên bố giành độc lập.

2-13/7: Đại hội Đảng lần thứ 28 triệu tập tại Moskva. Gorbachev tái cử Tổng Bí thư nhưng với số phiếu chống đáng kể. Bộ Chính trị mới không còn vai trò điều hành đất nước.

16/7: Ukraine tuyên bố chủ quyền.

20/7: Công bố chương trình 500 ngày của Cộng hòa Liên bang Nga tính đến việc dịch chuyển theo hướng kinh tế thị trường trong vòng 500 ngày.

27/7: Belarus tuyên bố chủ quyền.

2/8: Iraq xâm lược Kuwait.

3/8: Baker và Shevardnadze ký tuyên bố chung ở Moskva kết tội xâm lược của Iraq.

22/8: Turkmenistan và Armenia tuyên bố chủ quyền.

25/8: Tajikistan tuyên bố chủ quyền. Cộng hòa tự trị Abkhaz ở Gruzia tuyên bố độc lập khỏi Gruzia và đề nghị được hưởng quy chế nước cộng hòa Liên bang trong Liên bang Nga.

6/9: Các cử tri Leningrad bỏ phiếu phục hồi tên cũ của thành phố này là St. Petersburg (theo tiếng Nga là Sankt Peterburg).

9/9: Gorbachev và Bush gặp nhau trong cuộc họp thượng đỉnh kéo dài một ngày ở Helsinki và thỏa thuận hợp tác để chấm dứt sự xâm lược của Iraq vào Kuwait.

12/9: Hiệp ước hai cộng bốn được ký tại Moskva chấm dứt sự kiểm soát của bốn bên với nước Đức.

24/9: Xô viết Tối cao Liên Xô trao cho Gorbachev một đặc quyền trong vòng 18 tháng để có thể ban hành các nghị định trong thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường nhưng không đồng ý một chương trình kinh tế.

3/10: Nước Đức tái thống nhất.

20-21/10: Phong trào chính trị Nước Nga Dân chủ mở đại hội đầu tiên ở Moskva.

25/10: Kazakhstan tuyên bố chủ quyền.

28/10: Xô viết Tối cao Kyrgyzia bầu Askar Akaev làm Tổng thống Kirgizia. Các đảng phái nghiêng về độc lập giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Đại hội Đại biểu Nhân dân ở Gruzia. Đại hội Rukh ở Kiev coi việc giành độc lập là mục tiêu chính.

30/10: Kyrgyzia tuyên bố độc lập.

7/11: Gorbachev bị tấn công trong lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười tại Quảng trường Đỏ.

17/11: Xô viết Tối cao Liên Xô chấp nhận lời đề nghị của Gorbachev lập ra một chính quyền Xô viết mới, gồm đại diện từ 15 nước cộng hòa trên toàn Liên bang, được gọi là Hội đồng Xô viết Liên bang.

19/11: Hiệp ước về các lực lượng vũ khí thông thường ở châu Âu (CFE) được ký ở Paris.

23/11: Hiệp ước dự thảo về một Liên bang mới được công bố, được gọi là Cộng đồng các cộng hòa Xô viết có chủ quyền. Phần lớn các nước

cộng hòa đều chỉ trích hiệp ước này.

1/12: Vadim Bakatin thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ Liên Xô và Boris Pugo lên thay.

20/12: Bộ trưởng Ngoại giao Eduard Shevardnadze từ chức và cảnh báo mối đe dọa của chế độ độc tài.

25/12: Thủ tướng Nikolai Ryzhkov trải qua một cơn đau tim đột ngột.

26/12: Gorbachev lựa chọn Gennady Yanaev làm Phó Tổng thống Liên Xô nhưng bị Đại hội phản đối ở vòng bỏ phiếu đầu tiên, ngày sau đó được chấp nhận ở vòng bỏ phiếu thứ hai. Gorbachev ngày càng được giao quyền lực lớn hơn.

1991

11-13/1: Lính mũ nồi đen (lực lượng OMON dưới sự lãnh đạo của Bộ Nội vụ) phân đội Alpha của KGB tấn công vào cơ qua in ấn của thông tấn Vilnius, Lithuania; ngày 13/1 tấn công và chiếm đài truyền hình làm 13 người thiệt mạng, trong đó có một lính của họ.

14/1: Valentin Pavlov được bổ nhiệm làm Thủ tướng Liên Xô.

15/1: Chiến dịch Bão táp sa mạc, đánh đuổi Iraq khỏi Kuwait, mở đầu trong Vùng Vịnh Ba Tư.

20/1: Trong các vụ đụng độ giữa lực lượng Liên Xô và cảnh sát Latvia, ba người đã thiệt mạng.

9/2: Hơn 90% cử tri Lithuania bảo phiếu cho nền độc lập Lithuanua.

12/2: Valentin Pavlov, Thủ tướng Liên Xô, nói rõ có âm mưu nhằm làm suy yếu nền kinh tế Xô viết và rút tờ bạc 100 rúp khỏi sự lưu thông trên thị trường.

24/2: Một cuộc tấn công bộ binh do Mỹ chỉ đạo bắt đầu chiến dịch đánh Iraq.

25/2: Hiệp ước Warsaw đồng ý vô hiệu hóa toàn bộ các thỏa thuận quân sự trước kia, có hiệu lực đến ngày 31/3, nhưng vẫn giữ các quan hệ chính trị tự nguyện.

28/2: Toàn bộ các hoạt động quân sự chống Iraq được đình chỉ.

1/3: Thợ mỏ đình công tại Donbass, Ukraine; đình công đã lan rộng ra các vùng khác.

3/3: Các cuộc trưng cầu dân ý về độc lập được tổ chức ở Estonia và Latvia, với 78% phiếu thuận ở Estonia và 74% ở Latvia.

14-16/3: Bake thăm Maskva để gặp và thảo luận với các lãnh đạo các nước vùng Baltic và lãnh đạo các nước cộng hòa khác.

17/3: Cuộc trưng cầu về tương lai của Liên Xô và ở Liên bang Nga) về việc tạo lập chế độ bầu cử tổng thống và ở ở Moskva) bầu thị trường trực tiếp. Đa số nghiêng về duy trì Liên bang.

31/3: Hiệp ước Warsaw chính thức giải thể.

4/4: Yeltsin được chấp nhận nắm giữ một số quyền lực đáng kể; các cuộc đình công bắt đầu diễn ra ở Minsk.

9/4: Gruzia tuyên bố độc lập.

22/4: Thủ tướng Pavlov giới thiệu một chương trình chống khủng hoảng trước Xô viết Tối cao Liên Xô.

23/4: Tại Novo-Ogarevo – nhà nghỉ của Tổng thống ở ngoại ô Moskva, Tổng thống Gorbachev và các nhà lãnh đạo chín nước cộng hòa ký

tuyên bố chung về việc thúc đẩy một hiệp ước Liên bang mới (Hiệp ước 9+1).

24/4: Xô viết Tối cao Liên bang Nga ban bố một đạo luật đem lại quyền bầu cử tổng thống cho nước Nga.

12/6: Boris Yeltsin được bầu làm Tổng thống Liên bang Nga trong cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên ở Nga, với 57,3% số phiếu trong số 74%. Zhirinovskiy chỉ giành được 8%. Gavriil Popov được bầu làm Thị trưởng Moskva với 65,3% phiếu bầu.

17/6: Thủ tướng Pavlov đề nghị Xô viết Tối cao Liên Xô cho phép ông có một số quyền hạn đặc biệt (không cần thông qua sự đồng ý của Gorbachev) và được ủng hộ của Nguyên soái Yazov (Bộ trưởng Quốc phòng), Vladimira Kryuchkov (KGB) và Boris Pugo (Bộ trưởng Nội vụ).

20/6: Đại sứ Mỹ cảnh báo Gorbachev về âm mưu nhằm lật đổ ông.

30/6: Người lính Xô viết cuối cùng rút khỏi Tiệp Khắc (họ đã đóng quân ở đây từ ngày 21/8/1968).

4/7: Eduard Shevardnadze rời khỏi Đảng Cộng sản Liên Xô để đồng thành lập ra một nhóm đối lập.

10/7: Boris Yeltsin tuyên thệ nhậm chức Tổng thống nước Cộng hòa Liên bang Nga và nhận được ban phước của Nhà thờ Chính thống giáo ở Nga.

12/7: Xô viết Tối cao Liên Xô thông qua hiệp ước Liên bang trên nguyên tắc, nhưng vẫn đề nghị phải sửa đổi.

17/7: Gorbachev hội đàm với nhóm G7 ở London nhưng nhận được rất ít sự ủng hộ.

30-31/7: Tổng thống Bush thăm Moskva, gặp Gorbachev và Nazarbaev, đồng thời có chuyến thăm riêng Boris Yeltsin.

1/8: Tổng thống Bush thăm Kiev và gặp Leonid Kravchuk.

4/8: Gorbachev đi nghỉ ở Foros, Crime.

SỰ TAN RÃ CỦA LIÊN BANG XÔ VIẾT, THÁNG 8/9/1991

17/8: Kryuchkov, Pavlov và Yazov cùng vài quan chức cấp cao của Đảng nhất trí yêu cầu Gorbachev phải chuyển giao tạm thời quyền lực cho họ; nếu ông từ chối, họ có thể bắt giữ ông để giành quyền kiểm soát.

18/8: Gorbachev phản đối đề nghị của đoàn đại biểu đến Foros thuyết phục ông chuyển giao quyền lực. Ngay lập tức, trước nửa đêm, Phó Tổng thống Gennady Yanaev đồng ý ủng hộ việc chuyển giao quyền lực này và ký sắc lệnh tiếp nhận quyền tổng thống.

19/8: Ủy ban tuyên bố tình trạng khẩn cấp thông báo được phép tiếp nhận quyền lực và yêu cầu toàn bộ các cơ quan phải tuân theo mệnh lệnh của ủy ban này. Người ta thông báo Gorbachev không có khả năng thực hiện chức trách vì lý do sức khỏe. Một tình trạng khẩn cấp được ban bố trong vòng sáu tháng. Yeltsin dán mác cho việc chuyển giao quyền lực này là một cuộc đảo chính và chế nhạo ngay tại Nhà Trắng.

20/8: Estonia tuyên bố độc lập.

21/8: Cuộc đảo chính thất bại, Gorbachev trở lại Moskva. Đảng Cộng sản Liên Xô tố cáo cuộc đảo chính này. Yeltsin được Xô viết Tối cao Liên bang Nga giao thêm quyền lực và nắm quyền kiểm soát các lực lượng vũ trang trên đất Nga. Ông lệnh cho Đảng Cộng sản Liên Xô đình chỉ các hoạt động của mình trên lãnh thổ Liên bang Nga. Latvia tuyên bố độc lập.

24/8: Gorbachev đình chỉ các hoạt động của Đảng Cộng sản Liên Xô và từ chức Tổng Bí thư. Ukraine tuyên bố tiến hành trưng cầu dân ý về quyền độc lập vào ngày 1/12/1991.

25/8: Xô viết Tối cao Belarus tuyên bố độc lập về chính trị và kinh tế.

27/8: Moldova tuyên bố độc lập.

30/8: Azerbaijan tuyên bố độc lập.

31/8: Kirgizia và Uzbekistan tuyên bố độc lập.

2-6/9: Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên Xô bất thường lần thứ 5 kêu gọi một hiệp ước mới cho Cộng đồng các quốc gia có chủ quyền, đưa ra tuyên bố về nhân quyền và quyền tự do; luật giải thể Đại hội Đại biểu Nhân dân được trình bày.

6/9: Gruzia tuyên bố cắt đứt mọi quan hệ với Liên bang Xô viết. Hội đồng Nhà nước Liên bang Xô viết chính thức công nhận nền độc lập của Estonia, Latvia và Lithuania, đồng thời ủng hộ việc họ trở thành thành viên chính thức của Liên Hợp Quốc và CSCE.

9/9: Tajikistan tuyên bố độc lập.

21/9: Armenia tuyên bố độc lập.

Tháng Chín: Xô viết tỉnh Nagorno-Karabakh và Xô viết tỉnh Shaumyan (Armenia) thành lập nước cộng hòa Nagorno-Karabakh. Quốc hội Azerbaijan hủy bỏ chế độ tự quản ở Nagorno-Karabakh vào tháng 11/1991. Ngày 6/1/1992, Quốc hội Cộng hòa Nagorno-Karabakh tuyên bố độc lập. Phản ứng ngay, tổng thống Mutalibov của Azerbaijan đặt Nagorno-Karabakh dưới quyền kiểm soát trực tiếp của mình. Tháng 3/1993 quân đội Nagorno-Karabakh tấn công Azerbaijan; 30/4/1993, Hội đồng An ninh của Liên Hợp Quốc kêu gọi ngừng bắn và rút quân của Armenia ra

khỏi Azerbaijan; ngày 29/6, Hội đồng Liên Hợp Quốc kêu gọi rút ngay lập tức quân đội của Nagorno-Karabakh ra khỏi Agdam (người Azeri sinh sống ở khu vực Nagorno-Karabakh); ngày 25/5/1994, thỏa thuận ngừng bắn được ký giữa Armenia, Azerbaijan và Nagorno-Karabakh.

11/10: Hội đồng Nhà nước Liên Xô quyết định xóa bỏ cơ quan KGB và đổi tên.

19/10: Hiệp ước về cộng đồng kinh tế các quốc gia có chủ quyền được ký giữa tổng thống Gorbachev và đại diện tám nước cộng hòa; Azerbaijan, Gruzia, Moldova và Ukraine từ chối không tham gia.

28/10: Đại hội Đại biểu Nhân dân Nga bầu Ruslan Khabuslatov làm Chủ tịch và Chủ tịch Xô viết Tối cao Nga. Yeltsin được trao quyền tiến hành các cải cách kinh tế theo sắc lệnh trong vòng một năm.

4/11: Cuộc họp giữa các nhà lãnh đạo các nước cộng hòa thuộc Hội đồng Nhà nước Liên bang Xô viết nhất trí bãi bỏ các bộ của Liên Xô, trừ bộ quốc phòng, ngoại giao, đường sắt, năng lượng và năng lượng hạt nhân. Yeltsin thông báo Nga không có ý định thành lập lực lượng vũ trang riêng.

6/11: Tổng thống Yeltsin cấm các hoạt động của Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Nga trên lãnh thổ Liên bang Nga. Tổng thống Yeltsin trở thành Thủ tướng Nga đầu tiên và bổ nhiệm Gennady Burbulis, Egor Gaidar và Aleksandr Shokhin làm Phó Thủ tướng.

14/11: Yeltsin và các nhà lãnh đạo các nước cộng hòa khác trong Hội đồng Nhà nước nhất trí nước kế tục Liên Xô sẽ là một Liên bang.

15/11: Yeltsin ký 10 sắc lệnh kiểm soát hầu hết hoạt động tài chính và kinh tế ở Liên bang Nga.

22/11: Xô viết Tối cao Nga tiếp quản Ngân hàng Nhà nước Liên Xô.

25/11: Yeltsin và Shushkevich (Belarus) từ chối tham gia hiệp ước Liên bang và cho rằng cần phải đàm phán thêm.

1/12: Trong một cuộc trưng cầu dân ý, cử tri Ukraine khẳng định lại nền độc lập của mình.

5/12: Đại hội Đại biểu Nhân dân Ukraine chính thức tuyên bố tách Ukraine khỏi hiệp ước thành lập Liên bang Xô viết năm 1922.

8/12: Tại khu rừng Belovezh, gần Minsk, Tổng thống và Thủ tướng Nga, Ukraine và Belarus tuyên bố giải thể Liên bang Xô viết và thành lập Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS). Gorbachev miêu tả động thái này như một hành động “nguy hiểm và bất hợp pháp”.

10/12: Belarus và Ukraine phê chuẩn Hiệp định CIS.

11/12: Xô viết Tối cao Nga phê chuẩn Hiệp định CIS.

12/12: Cuộc họp các nhà lãnh đạo Trung Á ở Ashkhabad đề nghị quy chế thành viên của CIS là các nước thành lập ra nhóm này.

17/12: Yeltsin và Gorbachev nhất trí Liên bang Xô viết không còn tồn tại nữa tính đến ngày 1/1/1992.

21-22/12: 11 nước cộng hòa thuộc Liên bang Xô viết cũ gặp nhau tại Almaty và mở rộng CIS, (Estonia, Latvia, Lithuania và Gruzia không tham gia).

25/12: Tổng thống Liên Xô từ chức và trên Điện Kremlin, quốc kỳ Nga được thay cho quốc kỳ của Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết.

31/12: Vào lúc nửa đêm, Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết chính thức không còn tồn tại trong luật pháp quốc tế.

TIỂU SỬ TÓM TẮT

Abalkin, Leonid Ivanovich (sinh năm 1930), Giám đốc Viện Kinh tế Quốc gia, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ năm 1986; là viện sĩ (viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô) từ năm 1987. Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô giai đoạn 1989-199; cộng tác với Ryzhkov về cải cách kinh tế.

Afansev, Viktor Grigorevich (1922-1994), nhà báo; Tổng Biên tập tờ Pravda từ 1976-1989; Chủ tịch Hội Nhà báo Liên Xô từ 1976-1990. Ông bị chuyển khỏi tờ Pravda vì thiếu nhiệt tình với cải tổ và chủ trương công khai.

Afansev, Yury Nikolaevich (sinh năm 1934), Viện trưởng Viện Lưu trữ Quốc gia Moskva năm 1986; đảng viên cộng sản cấp tiến, bất đồng ý kiến với Gorbachev, đồng sáng lập DemRossiya.

Aganbegyan, Abel Gezevich (sinh năm 1932), một nhà kinh tế có ảnh hưởng trong suốt thời kỳ đầu của cải tổ nhưng sau mờ nhạt. Ông là Bí thư Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1987 1991 là Viện trưởng Kinh tế Quốc gia.

Akaev, Askar Akaevich (sinh năm 1944), nhà khoa học hạt nhân; Phó chủ tịch từ 1987-1989, sau đó là Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Kirgizia từ 1989-1990; Tổng thống Kirgizia từ năm 1991; một trong số ít nhà lãnh đạo lên án cuộc đảo chính ngay từ đầu

Akhromeev, Sergei Fedorovich (1923-1991), Nguyên soái, Phó Tổng Tư lệnh đầu tiên từ 1979-1984; Tổng Tư lệnh của lực lượng vũ trang Xô viết và Thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng, từ 1984-1988; cố vấn quân sự cho Gorbachev, 1989 1991; tự vẫn năm 1991.

Aliiev, Geidar (Haydar) Ali Rza Ogly (sinh năm 1923), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Azerbaijan từ 1969-1982; Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng

Bộ trưởng Liên Xô từ 1982-1987; ủy viên Bộ Chính trị từ 1982-1987; Tổng thống Azerbaijan từ năm 1993.

Andreeva, Nina Aleksandrovna (sinh năm 1938), tác giả của bức thư nổi tiếng tháng 3/1988 chỉ trích gay gắt cải tổ, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Đảng Cộng sản của những người Bolshevik Liên Xô, thành lập tháng 11/1991 ở St Petersburg.

Andropov, Yury Vladimirovich (1914-1984), Giám đốc KGB từ 1967-1982; Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1982-1984. Chủ tịch Đoàn Xô viết Tối cao Liên Xô (đứng đầu Nhà nước) từ 1983-1984; ủy viên Bộ Chính trị từ 1973-1984.

Arbatov, Georgy Arkadevich (sinh năm 1923), Giám đốc Viện Nghiên cứu Mỹ và Canada từ năm 1967; viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, cố vấn cho Gorbachev về quan hệ với Mỹ.

Bakatin, Vadim Viktorovich (sinh năm 1937), Bí thư thứ nhất Thành ủy Kirov từ 1985-1987; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Kemerovo từ 1987-1988; Bộ trưởng Bộ Nội vụ Liên Xô, 1988-1990; thành viên Hội đồng Tổng thống Liên Xô từ tháng 3/1990; Giám đốc cơ quan KGB Liên Xô từ 1991; Chủ tịch Cơ quan An ninh liên các nước cộng hòa từ 1991-1992.

Baklanov, Oleg Dmitrievich (sinh năm 1932), Bộ trưởng Ngành Chế tạo Máy Liên Xô từ 1983-1988; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương (phụ trách tổ hợp công nghiệp-quốc phòng, công nghiệp hóa chất) từ 1988-1991; một trong những kẻ chủ mưu tiến hành đảo chính tháng 8/1991.

Bessmertnykh, Aleksandr Aleksandrovich (sinh năm 1933), Vụ trưởng Vụ Mỹ, Bộ Ngoại giao Liên Xô, 1983 – 1986: Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô từ 1986-1988; Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao Liên Xô, 1988-1990; Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô từ 1990-1991; bị cách chức vì không ủng hộ Gorbachev vào tháng 8/1991.

Bogomolov, Oleg Timofeevich (sinh năm 1927), Giám đốc Viện Nghiên cứu Các nền kinh tế thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1969; người nhấn mạnh mối liên quan của cải cách ở Trung Quốc đối với cải cách ở Liên Xô; Giám đốc Viện Nghiên cứu Chính trị và Kinh tế Quốc tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1990; viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô và sau đó là Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Boldin, Valery Ivanovich (sinh năm 1935), cố vấn cho Gorbachev về nông nghiệp từ 1985-1987; Trưởng ban Ban Tổng hợp thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1987-1990; phụ trách nhóm cố vấn của Gorbachev từ 1990-1991; thành viên Hội đồng Tổng thống từ tháng 3/1990; một trong những người chủ mưu đảo chính tháng 8/1991.

Brazauskas, Algirdas Mikolas (sinh năm 1932), Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Lithuania từ 1977-1988; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Lithuania từ 1988-1990, Chủ tịch Xô viết Tối cao Lithuania (đứng đầu Nhà nước), Chủ tịch Đảng Lao động Dân chủ Lithuania từ 1990; Tổng thống Lithuania từ 1992. Ông và đa số đảng viên trong Đảng từ bỏ quan hệ với Moskva năm 1990 và ủng hộ nền độc lập Lithuania.

Brezhnev Leonid Ilich (1906-1982), Bí thư thứ nhất, sau đó là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1964-1982; Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô (đứng đầu Nhà nước) từ 1960-1964 và 1977-1982; ủy viên Bộ Chính trị từ 1957-1982

Bulganin, Nikolai Aleksandrovich (1895-1975), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô từ 1955-1958; Chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc gia; ủng hộ nhóm chống đối Đảng từ tháng 6/1957; mất chức Thủ tướng năm 1958.

Burokiavicius, Mikolas (sinh năm 1927), Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Lithuania từ 1990-1993.

Chazov, Evgey Ivanovich (sinh năm 1929), bác sĩ riêng của Tổng Bí thư từ 1967-1987; bác sĩ chuyên khoa tim hàng đầu ở Liên Xô, nhận giải thưởng Nobel Hòa bình năm 1985; Bộ trưởng Bộ Y tế từ 1987-1990.

Chebrikov, Viktor Mikhailovich (sinh năm 1923), Giám đốc KGB từ 1982-1988; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1988-1989; ủy viên Bộ Chính trị từ 1985-1989.

Chernenko, Konstantin Ustinovich (1911-1985), Tổng Bí thư Đảng, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô (đứng đầu Nhà nước) từ 1984-1985, ủy viên Bộ Chính trị từ 1978-1985.

Chernomyrdin, Viktor Stepanovich (sinh năm 1938), Bộ trưởng Công nghiệp Khí đốt từ 1985-1989; Thủ tướng Nga tháng 12/1992.

Chernyaev, Anatoly Sergeevich (sinh năm 1921), cố vấn cho Gorbachev về đối ngoại từ 1986-1991; sau đó chuyển sang Quỹ Gorbachev.

Đặng Tiểu Bình (1904-1997), mất hoàn toàn các chức vụ trong cuộc Cách mạng Văn hóa (1966-1976), được phục chức năm 1973; từ chức Phó Thủ tướng năm 1980; người kiến tạo nên cải cách thị trường, chịu trách nhiệm trong vụ trấn áp tại Quảng trường Thiên An Môn; lãnh tụ tối cao của Trung Quốc.

Dementevi, Nikolai Ivanovich (sinh năm 1931), Chủ tịch Xô viết Tối cao Belarus (đứng đầu nhà nước) từ 1989 – 1991. Stanislav Shushkevich thay chức ông sau cuộc đảo chính tháng 8/1991.

Dobrynin, Anatoly Fedorovich (sinh năm 1919), đại sứ Liên Xô ở Washington từ 1962-1986; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1986-1988; Trưởng ban Ban Quốc tế; bị coi là một sự giáng cấp vì Shevardnadze muốn cắt quan hệ trực tiếp của ông này với Bộ Ngoại giao; người ta đề nghị ông rút lui khỏi Ban Chấp hành tháng 10/1988, thực hiện trọn vẹn sự giáng chức của Shevardnadze đối với sự nghiệp của ông.

Efremov, Leonid Nikolaevich (sinh năm 1912), Bí thư thứ nhất Khu ủy Stavropol từ 1964-1970; Phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban Nhà nước Liên Xô về khoa học kỹ thuật từ 1970-1988.

Falin, Valentin Mikhailovich (sinh năm 1926), đại sứ Liên Xô tại Cộng hòa Liên bang Đức từ 1971-1978; Chủ tịch Thông tấn xã APN từ 1986-1988; Trưởng ban Ban Quốc tế, Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1988-1991; một trong những chuyên gia hàng đầu về Đức.

Fedorchuk, Vitaly Vasilevich (sinh năm 1918), Giám đốc KGB Ukraine từ 1970-1982, Giám đốc KGB Liên Xô, 1982; Bộ trưởng Bộ Nội vụ từ 1982-1986.

Frolov, Ivan Timofeevich (sinh năm 1929), Tổng Biên tập tạp chí *Filosofii Voprosy* từ 1968-1977, tạp chí *Kommunist* từ 1986-1987, *Pravda* từ 1989-1991; ủy viên Bộ Chính trị; cố vấn cho Gorbachev.

Gaidar, Egor Timurovich (sinh năm 1956), Giám đốc Viện Chính sách Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1990-1991; thành viên nhóm Shatalin-Yavlinsky dự thảo chương trình 500 ngày; Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nga từ 1991-1992; Bộ trưởng Kinh tế và Tài chính Nga, tháng 2-4/1992; Phó Thủ tướng thứ nhất từ tháng 3-6/1992; quyền Thủ tướng từ tháng 6-12/1992; Giám đốc Viện Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ tháng 12/1992; cố vấn cho Yeltsin.

Gidaspov, Boris Veniaminovich (sinh năm 1933), Bí thư thứ nhất Thành ủy Leningrad từ 1989-1990; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương từ 1990-1991.

Gorbunovs, Anatolis (sinh năm 1942), Bí thư Ban Tư tưởng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Latvia từ 1985-1988; Chủ tịch Xô viết Tối cao Latvia từ 1988-1990; chủ tịch Hội đồng Tối cao Cộng hòa Latvia năm 1990; Tổng thống Latvia sau khi tuyên bố độc lập năm 1991.

Grachev, Pavel Sergeevich (sinh năm 1948), Tướng, anh hùng trong cuộc chiến ở Afghanistan, ủng hộ Yeltsin trong cuộc đảo chính tháng 8/1991; ông cam kết ra lệnh giới quân sự không được dùng vũ lực; sau đó được Gorbachev bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban phụ trách Quốc phòng và An ninh Nga; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Nga từ tháng 5/1992-6/1996.

Grishin, Viktor Vasilevich (sinh năm 1914), Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva từ 1967-1985; ủy viên Bộ Chính trị từ 1971-1986; nổi tiếng là “Bố già” Moskva vì tham nhũng.

Gromyko, Andrei Andreevich (1909-1989), Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô từ 1957-1985; Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô, (đứng đầu Nhà nước) từ 1985-1988; ủy viên Bộ Chính trị, 1973 – 1988.

Honecker, Erich (1912-1994), kế nhiệm Walter Ulbricht làm Bí thư thứ nhất Đảng Xã hội Chủ nghĩa thống nhất Đức – Đảng của Đông Đức năm 1971; Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức (đứng đầu nhà nước) từ 1976-1989; Gorbachev phá hoại ngầm địa vị của ông ở Đông Berlin tháng 10/1989; Egon Krenz tiếp nhận chức vụ này.

Ivashko, Vladimir Antonovich (1932-1994), Bí thư thứ hai từ 1989-1999; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ukraine từ 1989-1990; Chủ tịch Xô viết Tối cao Ukraine (đứng đầu nhà nước) năm 1990; Phó Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1990-1991.

Jaruzelski, Wojciech (sinh năm 1923), Bí thư thứ nhất Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan từ 1981-1989; đứng đầu Nhà nước từ 1985-1989; Tổng thống Ba Lan từ 1989-1990.

Kádár, János (1912-1989), Tổng Bí thư đầu tiên Đảng Công nhân Xã hội Hungary từ 1956-1988; Karoly Grosz kế nhiệm.

Karimov, Islam Abduganevich (sinh năm 1938), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Uzbekistan từ 1989-1991; ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1990-1991; Tổng thống Uzbekistan năm 1990.

Khasbulatov, Ruslan Imranovich (sinh năm 1942), Phó Chủ tịch thứ nhất Xô viết Tối cao Nga từ 1990-1991; Chủ tịch Xô viết Tối cao Nga từ 1991-1993.

Khrushchev, Nikita Sergeevich (1894-1971), Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1953-1964; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô từ 1958-1964; ủy viên Bộ Chính trị từ 1939-1964.

Kirilenko, Andrei Pavlovich (1906-1990), Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1966-1982; ủy viên Bộ Chính trị từ 1962-1982.

Kolbin, Gennady Vasilevich (sinh năm 1927), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Kazakhstan, Chủ tịch Ủy ban Kiểm tra nhân dân từ 1986-1989.

Kosygin, Aleksei Nikolaevich (1904-1980), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô từ 1948-1952 và 1964-1980; ủy viên Bộ Chính trị từ 1960-1980.

Kravchuk, Leonid Makarovich (sinh năm 1934), Bí thư thứ hai Đảng Cộng sản Ukraine từ 1989-1990; Chủ tịch Xô viết Tối cao Ukraine (đứng đầu nhà nước) từ 1990-1991; Tổng thống Ukraine năm 1991.

Kryuchkov, Vladimir Aleksandrovich (sinh năm 1924), trưởng ban tình báo ngoại tuyến thuộc cơ quan KGB Liên Xô từ 1974-1988, Giám đốc KGB từ 1988-1991; ủy viên Bộ Chính trị từ 1989-1990; lãnh đạo âm mưu đảo chính tháng 8/1991.

Kulakov, Fedor Davydovich (1918-1978), Bí thư thứ nhất, Khu ủy Stavropol từ 1960-1964; Bí thư (phụ trách nông nghiệp) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1965-1978; ủy viên Bộ Chính trị từ 1971-1978.

Kunaev, Dinmukhamed Akhmedovich (1912-1993), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Kazakhstan từ 1960-1962 và 1964 -1986; ủy viên Bộ Chính trị từ 1971 1987.

Kuptsov, Valentin Aleksandrovich (sinh năm 1937), Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Vologda từ 1985-1990; đứng đầu một ban và là Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1990-1991; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Nga năm 1991.

Landsbergis, Vytautas (sinh năm 1932), Chủ tịch Sajudis, phong trào giành độc lập cho Lithuania từ 1988-1993; chủ tịch Hội đồng Tối cao (đứng đầu nhà nước) từ 1990-1992; Sajudis bị thất bại trong cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên sau khi giành độc lập vào tháng 9/1992; Algirdas Brazauskas trở thành Tổng thống vào tháng 2/1993.

Lenin, Vladimir Ilich (1870-1924), lãnh tụ Đảng Cộng sản Liên Xô Bolshevik năm 1917; Chủ tịch Nhà nước từ 1917-1924.

Ligachev, Egor Kuzmich (sinh năm 1920), Bí thư thứ nhất Thành ủy Tomsk từ 1965-1983; Bí thư (phụ trách nhân sự, tư tưởng, nông nghiệp) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1983-1990; Bí thư thứ hai cho Gorbachev từ 1985-1988; ủy viên Bộ Chính trị từ 1985-1990.

Lukyanov, Anatoly Ivanovich (sinh năm 1930), Trưởng ban Ban Tổng hợp Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1985-1987; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương từ 1987-1988; Phó chủ tịch thứ nhất Xô viết Tối cao Liên Xô từ 1988-1990; Chủ tịch Xô viết Tối cao từ 1990-1991; một trong những kẻ âm mưu đảo chính tháng 8/1991.

Maslyukov, Yury Dmitrievich (sinh năm 1937), Phó chủ tịch từ 1985-1988; Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô từ 1988-1991; ủy viên Bộ Chính trị từ 1989-1991.

Medvedev, Vadim Andreevich (sinh năm 1929), Giám đốc và phụ trách Đảng của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội từ 1978-1983; lãnh đạo ban khoa học và giáo dục từ 1983-1986; lãnh đạo ban liên lạc giữa các đảng cộng sản và công nhân của các nước xã hội chủ nghĩa, thuộc Ban Chấp hành Trung ương từ 1986-1988; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương từ 1986-1988, ủy viên Bộ Chính trị từ 1988-1990; ông mất toàn bộ chức vụ tại Đại hội Đảng lần thứ 28 vào tháng 7/1990; ủy viên Hội đồng Tổng thống, tháng 7/1990; cố vấn Gorbachev và chuyển sang Tổ chức quỹ Gorbachev.

Mlynar, Zdenek (1930-1997), Bí thư và ủy viên của Đoàn chủ tịch Đảng Cộng sản Tiệp Khắc năm 1968; ký Hiến chương 77; di cư sang Italia năm 1977; cùng học với Gorbachev và vẫn giữ liên lạc với ông.

Moiseev, Mikhail Alekseevich (sinh năm 1939), Tham mưu trưởng Lực lượng Vũ trang Xô viết, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng Liên Xô từ 1988-1991; quyền Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô tháng 8/1991.

Molotov, Vyacheslav Mikhailovich (1890-1986), Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô từ 1953-1957; ủy viên Bộ Chính trị từ 1926-1957; thành viên thuộc nhóm chống đối bị Khrushchev đánh bại vào tháng 6/1957.

Murakhovsky, Vsevolod Serafimovich (sinh năm 1926), Bí thư thứ nhất Thành ủy Stavropol từ 1970-1974; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Karachai-Cherkess từ 1975-1978; Bí thư thứ nhất khu ủy Stavropol.1978 - 85; phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Xô viết và ủy ban Công-Nông nghiệp Nhà nước từ 1985-1989.

Mutalibov, Ayas Niyazevich (sinh năm 1938), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Azerbaijan từ 1989-1990; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Azerbaijan từ 1990-1991; và là ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô; Tổng thống Azerbaijan từ 1991-1992.

Nazarbaev, Nursultan Abishevich (sinh năm 1938), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Kazakhstan từ 1984-1989; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Kazakhstan từ 1990-1991; và là ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1990-1991; Tổng thống Kazakhstan năm 1990.

Nenashev, Mikhail Fedorovich (sinh năm 1929), tổng biên tập tờ *Sovetskaya Rossiya* từ 1978-1986; Chủ tịch ủy ban Nhà nước Liên Xô về xuất bản và kinh doanh sách báo từ 1986-1989; Chủ tịch ủy ban Nhà nước Liên Xô về phát thanh và truyền hình từ 1989-1991; Bộ trưởng Bộ Báo chí và Thông tin Liên Xô từ 1990-1991.

Nikonov, Viktor Petrovich (sinh năm 1929), Bộ trưởng Nông nghiệp Nga từ 1983-1985; Bí thư (phụ trách nông nghiệp) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1985-1989; ủy viên Bộ Chính trị từ 1987-1989.

Nishanov, Rafik Nishanovich (sinh năm 1926), Chủ tịch (đứng đầu nhà nước) Xô viết Tối cao Uzbekistan từ 1986-1988; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Uzbekistan từ 1988-1989; Chủ tịch Xô viết các dân tộc, Xô viết Tối cao Liên Xô từ 1989-1991.

Niyazov, Saparmurad Ataevich (sinh năm 1940), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Turkmenistan từ 1985-1991; ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1990-1991; Tổng thống Turkmenistan năm 1990.

Pankin, Boris Dmitrievich (sinh năm 1931), Chủ tịch Cơ quan Bản quyền toàn Liên bang từ 1973-1982; đại sứ Liên Xô tại Thụy Điển từ 1982-1990; đại sứ tại Tiệp Khắc từ 1990-1991; Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô năm 1991; một trong số ít nhà ngoại giao ủng hộ Gorbachev thời kỳ đảo chính. Người ta đồn ông đã thông báo cho Tổng thống Vaclav Havel về sự chống đối của ông với cuộc đảo chính chớp nhoáng và báo trước nếu cuộc đảo chính thành công, ông sẽ chính thức xin cư trú chính trị tại Tiệp Khắc.

Pavlov, Valentin Sergeevich (sinh năm 1937), Chủ tịch Ủy ban Nhà nước Liên Xô về giá cả từ 1986-1989; Bộ trưởng Bộ Tài chính Liên Xô từ 1989-1991; Thủ tướng Liên Xô năm 1991; một trong những người âm mưu đảo chính tháng 8/1991.

Petrakov, Nikolai Yakovlevich (sinh năm 1937), Phó giám đốc Viện Nghiên cứu Trung ương về kinh tế toán học, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1971-1990; cố vấn kinh tế cho Gorbachev từ 1990-1991; Giám đốc Viện Nghiên cứu các vấn đề về thị trường, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô năm 1991.

Plekhanov, Yury Sergeevich (sinh năm 1930), đứng đầu KGB đảm bảo vấn đề an ninh cho Tổng thống và các quan chức hàng đầu vào thời điểm diễn ra đảo chính.

Podgorny, Nikolai Viktorovich (1903-1983), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ukraine từ 1957-1963; Chủ tịch (đứng đầu nhà nước) Đoàn Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô từ 1965-1977; ủy viên Bộ Chính trị từ 1960-1977.

Polozkov, Ivan Kuzmich (sinh năm 1935), Bí thư thứ nhất Thành ủy Krasnodar từ 1985-1990; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Nga từ 1990-1991; ủy viên Bộ Chính trị từ 1990-1991.

Popov, Gavriil Kharitonovich (sinh năm 1936), Giáo sư về kinh tế tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva từ 1977-1988; Tổng Biên tập tạp chí *Voprosy ekonomiki* từ 1988-1990; Thị trưởng Moskva từ 1990-1992; thành viên lãnh đạo cộng đồng Hy Lạp tại Nga.

Primakov, Evgeny Maksimovich (sinh năm 1929), Giám đốc Viện Nghiên cứu Phương Đông, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1977-1985; Giám đốc Viện Kinh tế Thế giới và Quan hệ Quốc tế từ 1985-1989; Chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô từ 1989-1990; Giám đốc Cục Tình báo nước

ngoài của Nga năm 1991; phái viên riêng của Gorbachev gặp Saddam Hussein trong Chiến tranh Vùng Vịnh; Bộ trưởng Ngoại giao Nga năm 1996.

Prokofev, Yury Anatolevich (sinh năm 1939), Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva từ 1989-1991; ủy viên Bộ Chính trị từ 1990-1991.

Prunskiene, Kazimiera (sinh năm 1943), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Lithuania từ 1990-1991.

Pugo, Boris Karlovich (1937-1991), Giám đốc KGB Latvia từ 1980-1984; Chủ tịch ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1990-1991; Bộ trưởng Bộ Nội vụ Xô viết từ 1990-1991; và là một trong những kẻ đồng mưu đảo chính tháng 8/1991 và đã tự tử sau đó.

Rakowski, Mieczyslaw (sinh năm 1926), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Ba Lan từ 1988-1989; Bí thư thứ nhất Đảng Công nhân Thống nhất Ba Lan từ 1989-1990.

Razumovsky, Georgy Petrovich (sinh năm 1936), Bí thư thứ nhất Khu ủy Krasnodar từ 1983-1985; Bí thư (nhân sự) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1986-1991.

Romanov, Grigory Vasilevich (sinh năm 1923), Bí thư thứ nhất Thành ủy Leningrad từ 1970-1983; Bí thư (công nghiệp quốc phòng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1983-1985; ủy viên Bộ Chính trị từ 1976-1985.

Rubiks, Alfreds, (sinh năm 1935), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Latvia từ 1990-1991; ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1990-1991.

Rutskoi, Aleksandr Vladimirovich (sinh năm 1947), Phó Tổng thống Nga từ 1991-1993.

Ryzhkov, Nikolai Ivanovich (sinh năm 1929), Bí thư và lãnh đạo ban công nghiệp thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1982-1985; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô từ 1985-1991; ủy viên Bộ Chính trị từ 1985-1990.

Sakharov, Andrei Dmitrievich (1921-1989), một trong những cha đẻ bom hạt nhân của Liên Xô; viện sĩ Viện Hàn lâm; đại biểu nhân dân năm 1989; giải thưởng Nobel năm 1975; nhà hoạt động về nhân quyền.

Savisaar, Edgar (sinh năm 1950), người thành lập và là Chủ tịch Mặt trận Bình dân Estonia từ 1989-1990; Bí thư thứ nhất Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Estonia; Thủ tướng Estonia từ 1990-1992.

Semenova, Galina Vladimirovna (sinh năm 1937), Tổng Biên tập tờ Nữ nông dân từ 1981-1990; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1990-1991; ủy viên Bộ Chính trị từ 1990-1991.

Shakhnazarov, Georgy Khozroevich (sinh năm 1924), trợ lý giúp Gorbachev từ 1988-1991; đại biểu Đại hội Nhân dân Liên Xô từ 1989-1991; thành viên của Quỹ Gorbachev.

Shaposhnikov, Evgeny Ivanovich (sinh năm 1942), Nguyên soái, Tư lệnh không quân và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô từ 1990-1991; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô năm 1991; Tư lệnh lực lượng phản ứng chiến lược từ 1991-1993.

Shatalin, Stanislav Sergeevich (1934-1997), viện sĩ; cùng với Yavlinsky và những người khác dự thảo chương trình 500 ngày; thành viên Hội đồng Tổng thống năm 1990; từ chức Đảng sau vụ thảm sát Vilnius; ủng hộ Yeltsin trong chiến dịch bầu cử tổng thống Nga tháng 6/1991; tham gia Đảng Dân chủ Nga tháng 6/1991; đồng chủ tịch phong trào cải cách dân chủ tháng 7/1991.

Shcherbakov, Vladimir Ivanovich (sinh năm 1949), thành viên Ủy ban Xô viết về cải cách hành chính, cơ chế kinh tế và kế hoạch năm 1988; Chủ tịch Ủy ban Nhà nước Liên Xô về các vấn đề xã hội và lao động từ 1989-1991; giữ chức phó từ tháng 3 đến tháng 5/1991 rồi trở thành Thứ trưởng từ tháng 5-11/1991; Bộ trưởng Kinh tế và Dự báo, tháng 5-11/1991.

Shcherbitsky, Vladimir Vasilevich (1918-1990), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Ukraine từ 1961-1963 và 1965-1972; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ukraine từ 1972-1989; ủy viên Bộ Chính trị từ 1971-1989.

Shenin, Oleg Semenovich (sinh năm 1937), Bí thư thứ nhất Khu ủy Krasnoyarsk từ 1987-1990; Bí thư (nhân sự) Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ủy viên Bộ Chính trị từ 1990-1991, ủy viên ủy ban Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới các hoạt động cơ sở trong tổ chức Đảng; một trong những kẻ âm mưu đảo chính tháng 8/1991.

Shevardnadze, Eduard Ambrosievich (sinh năm 1928), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Gruzia từ 1972-1985; Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô từ 1985-1990; Bộ trưởng phụ trách đối ngoại Xô viết năm 1991; ủy viên Bộ Chính trị từ 1985-1990; thành viên Hội đồng Tổng thống từ 1990-1991; chủ tịch (đứng đầu Nhà nước) Hội đồng Nhà nước Gruzia, tháng 3/1992.

Shmelev, Nikolai Petrovich (sinh năm 1936), nhà kinh tế thân cải cách, đứng đầu Viện Nghiên cứu Mỹ và Canada, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1982-1992; đại biểu nhân dân Liên Xô từ 1989-1991.

Shushkevich, Stanislau Stanislauovich (sinh năm 1934), Chủ tịch (đứng đầu Nhà nước) Xô viết Tối cao Belarus từ 1991-1994.

Silaev, Ivan Stepanovich (sinh năm 1930), Bộ trưởng Hàng không dân dụng Liên Xô từ 1981-1985; Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô từ 1985-1990; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nga từ 1990-1991.

Sobchak, Anatoly Aleksandrovich (sinh năm 1937), đại biểu nhân dân Liên Xô từ 1989-1991; Thị trưởng Thành phố Leningrad-Petersburg từ 1990-1996.

Sokolov, Efrem Evseevich (sinh năm 1926), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Belarus từ 1987-1990.

Solomentsev, Mikhail Sergeevich (sinh năm 1913), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nga từ 1971-1983, Chủ tịch Ủy ban Kiểm tra Đảng từ 1983-1988; ủy viên Bộ Chính trị từ 1983-1988.

Songaila, Ringaudas-Bronislavas (sinh năm 1929), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Lithuania từ 1981-1985; Chủ tịch (đứng đầu Nhà nước) Xô viết Tối cao Lithuania từ 1985-1987; Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Lithuania từ 1987-1988. Ông bị quy là "nổi nhục của dân tộc Lithuania".

Stalin, Iosef Vissarionovich (1879-1953), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô từ 1922-1934, Bí thư từ 1934-1953; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô từ 1941-1953; ủy viên Bộ Chính trị từ 1919-1953.

Starodubtsev, Vasily Aleksandrovich (sinh năm 1931), Chủ tịch Hội đồng Nông trang toàn Nga, 1986-1991; Hiệp hội Nông dân Liên Xô từ 1990-1991; một trong những kẻ âm mưu đảo chính tháng 8/1991.

Stroev, Egor Semonovich (sinh năm 1937), Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Orlov từ 1985-1989; Bí thư (phụ trách nông nghiệp) Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ủy viên Bộ Chính trị từ 1990-1991.

Suslov, Mikhail Andreevich (1902-1982), Bí thư (phụ trách tư tưởng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1947-1982; ủy viên Bộ Chính trị từ 1952-1953, 1955-1982.

Talyzin, Nikolai Vladimirovich (sinh năm 1929), Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và đại diện của Liên Xô tại Hội đồng Tương trợ

Kinh tế từ 1980-1985, 1988-1989; Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô và Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô từ 1985-1988.

Tikhonov, Nikolai Aleksandrovich (sinh năm 1905), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô từ 1980-1985; ủy viên Bộ Chính trị từ 1979-1985.

Travkin, Nikolai Ilich (sinh năm 1947), Thứ trưởng Bộ Công nghiệp Xây dựng Liên Xô từ 1988-1989; đại biểu nhân dân từ 1989-1991; đồng sáng lập Đảng Dân chủ Nga năm 1990; Chủ tịch Đảng từ 1992-1993; đại biểu nhân dân Nga từ 1990-1993.

Trotsky, Lev Davidovich (1879-1940), làm việc sát cánh với Lenin trong Cách mạng Tháng Mười; Chính ủy Chiến tranh từ 1918-1925; mất toàn bộ chức vụ năm 1925; bị trục xuất sang Thổ Nhĩ Kỳ, sau đó đến Mexico, ở đây ông đã bị ám sát, hầu như chắc chắn là theo lệnh của Stalin.

Ustinov, Dmitry Fedorovich (1908-1984), Nguyên soái; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô từ 1976-1984; ủy viên Bộ Chính trị từ 1976-1984.

Varennikov, Valentin Ivanovich (sinh năm 1923), Tướng; Tư lệnh bộ đội biên phòng Xô viết, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô từ 1989-1991; một trong những kẻ âm mưu đảo chính tháng 8/1991.

Velikhov, Evgeny Pavlovich (sinh năm 1935), nhà khoa học hạt nhân, Phó chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô và Nga từ 1988-1992; Giám đốc Viện Năng lượng Hạt nhân Kurchatov; cố vấn cho Gorbachev.

Vezirov, Abdul Rahman (sinh năm 1930), Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Azerbaijan từ 1988-1990.

Vlasov, Aleksandr Vladimirovich (sinh năm 1932), Bí thư thứ nhất Thành ủy Rostov từ 1984-1986; Bộ trưởng Bộ Nội vụ từ 1986-1988; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nga từ 1988-1990.

Volsky, Arkady Ivanovich (sinh năm 1932), cố vấn cho Andropov, Chernenko và Gorbachev từ 1983-1985; đứng đầu ban chế tạo máy thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1985-1988; đại diện Tổng thống tại Nagorno-Karabakh từ 1988-1990; Chủ tịch liên hợp khoa học và công nghiệp từ 1988-1990; Phó ban Ủy ban Quản lý kinh tế Xô viết năm 1991, Chủ tịch liên đoàn các nhà công nghiệp và doanh nghiệp Nga năm 1992.

Vorontsov, Yuly Mikhailovich (sinh năm 1929), đại sứ Liên Xô ở Pháp từ 1983-1986; Thứ trưởng thứ nhất, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô từ 1986-1990; đại diện thường trực của Liên Xô tại Liên Hợp Quốc từ 1990-1991; đại sứ Nga tại Mỹ năm 1994.

Vorotnikov, Vitaly Ivanovich (sinh năm 1926), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nga từ 1983-1988, Chủ tịch đoàn Xô viết Tối cao Nga từ 1988-1990; ủy viên Bộ Chính trị từ 1983-1990.

Yakovlev, Aleksandr Nikolaevich (sinh năm 1923), đại sứ Liên Xô tại Canada từ 1979-1983; Giám đốc Viện Kinh tế thế giới và Quan hệ quốc tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô từ 1983-1985; Bí thư (phụ trách tuyên truyền, văn hóa, chính sách đối ngoại) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1986-1990; ủy viên Bộ Chính trị từ 1987-1990; cố vấn cho Gorbachev từ 1990-1991.

Yakovlev, Egor Vladimirovich (sinh năm 1930), chủ biên tờ *Moskovskie novosti* (Tin tức Moskva) từ 1986-1991; đại biểu nhân dân Liên Xô từ 1989-1991; Chủ tịch Ủy ban Nhà nước Xô viết-Nga về phát thanh và truyền hình từ 1991-1992.

Yanaev, Gennady Ivanovich (sinh năm 1937), Bí thư từ 1986 – 1989; Phó Chủ tịch từ 1989-1990; Chủ tịch Ủy ban Công đoàn Trung ương toàn Liên bang từ 1989-1990; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ủy viên Bộ Chính trị, Phó Tổng thống Liên Xô từ 1990-1991; một trong những kẻ chủ mưu đảo chính tháng 8/1991.

Yavlinsky, Grigory Aleksandrovich (sinh năm 1952), nhà kinh tế thân cải cách; đồng tác giả của chương trình cải cách 500 ngày; Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nga năm 1990; đồng lãnh đạo Đảng Yabloko.

Yazov, Dmitry Timofeevich (sinh năm 1923), Nguyên soái, Tư lệnh trưởng quân khu Trung Á từ 1980-1984; Quân khu Viễn Đông từ 1984-1986; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Liên Xô từ 1987-1991; một trong những kẻ âm mưu đảo chính tháng 8/1991.

Yeltsin, Boris Nikolaevich (sinh năm 1931), Bí thư thứ nhất Thành ủy Sverdlovsk từ 1976-1985; Trưởng ban xây dựng Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1985; Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva 1985-1987; Phó Chủ tịch thứ nhất Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy ban Nhà nước Liên Xô về xây dựng từ 1987-1989; Chủ tịch (quốc hội, đứng đầu Nhà nước) Xô viết Tối cao Nga năm 1990; Tổng thống Nga năm 1991.

Zaikov, Lev Nikolaevich (sinh năm 1923), Bí thư thứ nhất Thành ủy Leningrad từ 1983-1985; Bí thư (phụ trách tổ hợp công nghiệp-quốc phòng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ 1985 - 1990; Bí thư thứ nhất Thành ủy Moskva từ 1987-1989; ủy viên Bộ Chính trị từ 1986-1990.

Zaslavskaya, Tatyana Ivanovna (sinh năm 1927), nhà xã hội học, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Ý kiến dư luận quần chúng toàn Liên bang từ 1988-1992; đại biểu nhân dân Liên Xô từ 1989-1991.

Zhirinovskiy, Vladimir Volfovich (sinh năm 1946), đứng thứ hai trong cuộc bầu cử Tổng thống Nga tháng 6/1991; lãnh đạo Đảng Dân chủ Tự do Nga.

Zyuganov, Gennady Andreevich (sinh năm 1944), Bí thư và ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Nga từ 1990-1991; lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên bang Nga năm 1993.

Diêu Minh: Ngôi sao bóng rổ người Trung Quốc. Du Mẫn Hồng: Giảng viên tiếng Anh kiêm chuyên gia trong lĩnh vực quản lí. Năm 2012 được bình chọn là 1 trong 50 chuyên gia kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất Trung Quốc. 1. Nhà đầu tư thiên thần là những người giàu có, có khả năng cấp vốn cho một doanh nghiệp mới thành lập, đổi lại, họ có quyền sở hữu một phần công ty. Han Geng: nam ca sĩ, vũ công, diễn viên, thành viên của nhóm nhạc Hàn Quốc Super Junior. Nghĩa là con chim yến bay nhanh. Ý nói một người bình thường không có biểu hiện gì đặc biệt, nhưng khi làm thì có thành tích khiến mọi người kinh ngạc. Tên một phố đi bộ chuyên bán quần áo, phụ trang ở Trung Quốc. Diễn viên khá nổi tiếng người Đài Loan. Thẻ sử dụng cho những người định cư ở nước ngoài. Cách gọi trong chơi phỏm của Trung Quốc, nghĩa là có 3 cây cùng quân bài (ví dụ cùng là quân K). Trích trong bài thơ Vịnh liễu của nhà thơ Hạ Tri Chương, thời Đường, Trung Quốc. Ý nói: “Ngọc biếc điểm nên một cây cao” hoặc “Cây cao tựa ngọc điểm trang”. Ý nói dòng sông trong xanh như thể nhuộm lên mình một tấm áo tràn đầy sắc xuân. Giải vô địch bóng đá Ý. National Basketball Association, giải bóng rổ nhà nghề dành cho nam tại Bắc Mỹ. Formula One, môn thể thao đua ô tô do Liên đoàn Ô tô Quốc tế tổ chức. Trong tiếng Trung, từ “con ngỗng” và “Hãng Nga” đọc hơi giống nhau. Trong tiếng Trung, từ “con rết” và “không công” đọc giống nhau. Loại rượu trắng nổi tiếng ở Tứ xuyên làm bằng năm loại lương thực. Hình ảnh ẩn dụ chỉ việc muốn trốn tránh thực tế. Hai nhân vật trong Tam quốc diễn nghĩa. Để lừa được Tào Tháo, Hoàng Cái và Chu Du đã phải dụng tâm làm khổ nhục kế. Biết Sái Trung, Sái Hòa (hai nhân vật hư cấu, là em của Sái Mạo) sang Đông Ngô trá hàng, Chu Du và Hoàng Cái cố ý giả vờ cãi nhau, rồi Chu Du đánh đòn Hoàng Cái trước mặt hai tên họ Sái, để hai gián điệp của Tào Tháo đưa tin tức sai. Hoàng Cái giả cách oán hận Chu Du, cử Hám Trạch sang đưa thư trá hàng. Do tin của Sái Trung, Sái Hòa đưa về, cộng với tài ăn nói của Hám Trạch, Tào Tháo tin việc Hoàng Cái sang hàng là thật. Có nghĩa là: Trong lòng có thơ ca thì tinh thần rạng rỡ. Nay ta chôn hoa, người cười ta cuồng si. Từ xuất phát trong cách nói của dân gian, chỉ người đàn

ông độc thân. Có nghĩa là: đệ nhất nghìn cân. “Thiên kim” hay còn gọi là “nghìn vàng”. Trong tiếng Trung, “nghìn vàng” và “nghìn cân” đọc giống nhau. Tác giả muốn chơi chữ, ý nói là rất béo. Nghĩa là người đàn ông độc thân giàu có. Ca sĩ, ngôi sao điện ảnh Hồng Kông, nổi tiếng từ thập niên 1980. Những con số rất lớn từ hàng trăm triệu trở lên, ví dụ khoảng cách giữa các hành tinh trong vũ trụ. Đạo diễn, diễn viên hài Hồng Kông, được đánh giá là diễn viên hài xuất sắc nhất của điện ảnh châu Á với biệt danh Vua hài. Món ăn nổi tiếng của Trung Quốc, làm từ thịt lợn, hơi giống món thịt kho tàu nhưng làm cầu kỳ hơn và có vị ngon hơn. Diễn viên nổi tiếng của Trung Quốc. Thương hiệu cà phê nổi tiếng của Trung Quốc. Tiếng Quảng Đông có nghĩa là kết hôn, tìm được một nửa còn lại. Ngày kỷ niệm phong trào Ngũ Tứ của Trung Quốc, mừng Bốn tháng Năm. Câu thành ngữ, ý nói ngựa khôn không gặm cỏ cũ, không ngoái đầu lại bãi cỏ đã chạy qua. Nói rộng ra là người khôn ngoan không mãi luyến tiếc cái đã mất. Trong tiếng Trung, từ “醋” vừa có nghĩa là “giấm” vừa có nghĩa là “ghen tuông”. Ở đây tác giả muốn chơi chữ. Một câu thành ngữ, ý nói gặp được chuyện tốt lành. Ở đây tác giả muốn chơi chữ, Lâm và Bảo là hai nhân vật trong Hồng lâu mộng. Có nghĩa là giữ chặt. Gần bằng 1/3 mét. Phiên Phi nghĩa là bay nhanh, Phiên Phiên Phi là bay lượn tung tăng. Có nghĩa là: qua năm cửa ải, chém sáu tướng, chỉ một việc vô cùng khó khăn. Nguyên khúc: một hình thức văn nghệ đời Nguyên gồm tạp kịch và tản khúc. * Quê Khiêm (quê kép): Quê khôn trên chỉ đất, Quê khôn dưới chỉ núi 1\ 225 ghế trong số 450 ghế Duma quốc gia chia cho các đảng phái tham gia tranh cử theo tỉ lệ số phiếu bầu ở các khu vực bỏ phiếu trên toàn liên bang, 225 ghế còn lại tính theo nguyên tắc đa số tương đối ở các khu vực bầu cử đề cử cá nhân. 2\ Căn cứ theo Luật trưng cầu dân ý Duma quốc gia Nga thông qua ngày 11 tháng 6 năm 2004, quy định hàng loạt những hạn chế về vấn đề đề nghị trưng cầu dân ý, trong đó quy định rõ: các vấn đề như “sửa đổi nhiệm kỳ tổng thống và Duma quốc gia Nga, và tổ chức bầu cử sớm hoặc trì hoãn bầu cử tổng thống và Duma quốc gia Nga” đều không được tiến hành trưng cầu dân ý. Tham khảo “Luật trưng cầu dân ý Liên bang Nga”. 1. Theo quy định của điều 99 “Hiến pháp Nga”, 30 ngày sau khi bầu ra Duma quốc gia sẽ tổ

chức hội nghị lần thứ nhất, nhưng tổng thống Liên bang Nga có thể triệu tập hội nghị Duma quốc gia trước thời hạn thông qua Lệnh tổng thống. 1\ Báo nước Nga mới: [http://www.rusnews.cn/eguoxinwen/eluosi - neizheng/2007/211/41986301.html](http://www.rusnews.cn/eguoxinwen/eluosi-neizheng/2007/211/41986301.html) 2\ Báo nước Nga mới: <http://www.nusnews.cn/eguoxinwen/eluosi - nenzheng/2007/211/41986908.html> 1\ Cuối năm 1999 đến đầu năm 2000, từ khi Putin lên cầm quyền, thương mại song phương giữa Nga và Liên minh Châu Âu tăng trưởng tương đối nhanh, tổng kim ngạch thương mại song phương tăng từ khoảng 52,7 tỷ Euro năm 1999 lên khoảng 213,3 tỷ Euro năm 2006, tổng kim ngạch thương mại tăng gấp 4 lần, tăng bình quân năm 23,4%. European Union. Eurostat. 2\ Là khu vực tiêu thụ năng lượng lớn thứ hai thế giới, 30% dầu mỏ của liên minh châu Âu nhập khẩu từ Nga, mà khí đốt của Nga lại chiếm đến 50% lượng khí đốt nhập khẩu của liên minh châu Âu. Christian Cleutinx, The EU – Russian Energy Dialogue, October 2005 3\ _Trụ cột thứ nhất_: bảo hiểm dưỡng lão xã hội, chỉ dành cho những người đặc biệt khó khăn không có khả năng đóng phí bảo hiểm dưỡng lão; _trụ cột thứ hai_: bảo hiểm dưỡng lão bắt buộc, nó là bộ phận quan trọng nhất trong hệ thống bảo hiểm dưỡng lão, lập tài khoản cá nhân cho tất cả những người làm việc, cung cấp bảo đảm dưỡng lão, tiền của nó do doanh nghiệp và công nhân viên chức nộp và lợi nhuận quỹ; _trụ cột thứ ba_: bổ sung bảo hiểm dưỡng lão, còn gọi là kế hoạch quỹ năm ngành nghề hay kế hoạch quỹ năm doanh nghiệp, nó là kế hoạch nghỉ hưu của tư nhân quản lý, do chủ lao động tự nguyện thành lập, tất cả những người lao động đều có thể tự nguyện tham gia. 4\ Số liệu của Bộ y tế và xã hội Nga 5\ Là một trong “Bốn dự án lớn được ưu tiên của quốc gia” được nhắc tới ở trên. 6\ Năm 1999, tại Bologna, Italia, 29 quốc gia Châu Âu đã đưa ra kế hoạch cải cách giáo dục đại học Châu Âu, mục tiêu là đến năm 2010, xây dựng được chế độ công nhận giáo dục đại học thống nhất toàn Châu Âu, công nhận bằng tốt nghiệp và bảng điểm của sinh viên tốt nghiệp đại học giữa các nước thành viên. 7\ Trước đó quy định là 50% 1\ Lấy lĩnh vực dầu khí làm ví dụ, mặc dù Mỹ là nước nhập khẩu dầu lớn nhất trên thế giới và Nga chiếm vị trí thứ hai trong các nước xuất khẩu dầu nhưng lượng dầu nhập

khẩu của Mỹ từ Nga chỉ chiếm 2% - 3% tổng lượng dầu nhập khẩu của Mỹ.

2\ Hứa Chí Tân: “Chiến lược đối ngoại của Nga xuất hiện những biến đổi mới” trích trong “Văn kiện Nga - Đông Âu - Trung Á năm 2007”, ấn bản thường niên năm 2008 của NXB Khoa học Xã hội Văn hiến.

3\ Trong 3 năm từ 2004 -2006, chính quyền Bush đã tài trợ cho những hoạt động dân chủ tại Nga với số tiền cụ thể là: 6 triệu đô la; 6,295 triệu đô la và 7,859 triệu đô la.

4\ Không gian chung bao gồm: kinh tế; tự do, an toàn và tư pháp; an ninh khu vực; khoa học, giáo dục văn hoá.

5\ Cách gọi “Tân châu Âu” do cựu bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld đề xướng, ông coi các nước ủng hộ cuộc chiến tại Iraq của Mỹ thuộc khối “Tân châu Âu”, các quốc gia phản đối cuộc chiến này thuộc khối ‘Cựu châu Âu’.

6\ Ngày 20/5/2005, quan chức của Bộ ngoại giao, Bộ quốc phòng và giới học giả Nga đã tổ chức hội nghị bàn tròn “Hoàn thiện các vấn đề của tổ chức hợp tác Thượng Hải ở viện nghiên cứu Viễn Đông và viện khoa học Nga, các đại biểu tham dự hội nghị đã thống nhất về mục đích và hậu quả “Cách mạng sắc tộc do Mỹ ủng hộ”.

7\ Hội nghị phi chính thức tại Vladivostok là hội nghị ngoại trưởng ba bên không chính thức lần thứ 4 được tổ chức. Điểm khác biệt so với 3 kỳ hội nghị trước đó là không tận dụng thời gian của các hội nghị quốc tế như trước kia mà hội nghị lần này do 3 nước nhất trí cùng chuyển bị, điều này thể hiện quan hệ hợp tác chiến lược giữa 3 quốc gia đã bắt đầu bước vào một giai đoạn mới.

Hai câu thơ trong tác phẩm Bạch tuyết ca tống Vũ phán quan quy kinh của tác giả Sầm Tham đời Đường. Hai câu trên lấy từ bản dịch của Hải Đà trên thivien.net. Hương tuyết, chỉ cây hoa mai. Trong Tam quốc diễn nghĩa có ghi: Thời Tam Quốc, đại tướng Hoàng Cái của Đông Ngô nhận lệnh đến doanh trại của Tào Tháo giả hàng, để Tào Tháo tin, Chu Du cố ý mượn cơ đánh Hoàng Cái một trận, Hoàng Cái giả vờ giận dữ rồi đầu hàng địch. Tên một bộ tiểu thuyết của Johann Wolfgang von Goethe, tên tiếng Anh là The Sorrows of Young Werther, tên gốc là Die Leiden des jungen Werther. Một câu nói lưu truyền trong dân gian Trung Quốc, ý nói một vài phương diện tính cách xuất hiện ở trẻ con ba, bốn tuổi sẽ mãi theo nó suốt cả cuộc đời, nên nhìn một đứa trẻ ba tuổi cũng có thể đoán được con người nó khi đã trưởng thành. Một câu

trong bài từ nổi tiếng của Giá Hiên cư sĩ (Tân Khí Tật) thời Nam Tống. Ý nghĩa của bài từ đó là: Thời thiếu niên, bởi vì không hiểu được dư vị của sâu khổ, viết ra được bài từ mới hay, thường xuyên đăng cao vọng viễn, không sâu khổ mà miễn cưỡng nói có sâu khổ. Nhưng giờ ta đã đến tuổi trung niên, mang nỗi khổ hoạn nạn khốn khó, cuộc sống trải qua gian nan. Những sâu khổ này, có cái không thể nói, có cái không tiện nói, mà nói cũng nói không hết, thôi thì chẳng nói nữa vậy, chỉ đành thở dài, nói trời lạnh rồi, mùa thu đẹp thay. Một ca sĩ nổi tiếng của Trung Quốc. Câu nói trong Khổng Tử ngữ lục, có nghĩa là thứ không hợp lễ thì không nhìn, điều không hợp lễ thì không nghe. Ý nói bệnh đến bất ngờ, đột ngột nhưng lúc bình phục thì từ từ mới khỏi. Trúc ngoại đào hoa tam lưỡng chi. Đây là câu thơ đầu trong bài Huệ Sùng xuân giang văn cảnh của tác giả Tô Thức thời Bắc Tống. Thành ngữ, ý chỉ sự việc đã trải qua, rắc rối phức tạp nhưng cuối cùng đã có được kết quả. Câu này xuất xứ từ Quyết biệt thư của Trác Văn Quân gửi cho Tư Mã Tương Như. Viết tắt của cụm từ tiếng Anh: “Oh my God!”, nghĩa là: “Lạy Chúa tôi!” Trường trung học số một của Thanh Châu, tỉnh Sơn Đông. 傳: Chữ này có hai âm đọc là “phó” và “phụ”. SOHO: tức Small office home office, làm việc ở nhà, phần lớn là chỉ những người làm việc tự do. Kế vườn không nhà trống. Cờ đỏ trong nhà là chỉ vợ, cờ màu bên ngoài là chỉ tình nhân. Câu này ám chỉ quan hệ với vợ và tình nhân được xử lý hài hòa. Trường trung học xếp thứ 6. 2. Andrew William Mellon: bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ giai đoạn 1921 – 1932. 3. Franklin Delano Roosevelt: tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ, đắc cử bốn lần giai đoạn 1933-1945. 4. George M. Humphrey: Bộ trưởng Bộ tài chính Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1953 - 1957 5. Dwight David “Ike” Eisenhower: tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1953–1961. 6. Trái phiếu đô thị: trái phiếu do các chính quyền địa phương phát hành nhằm huy động vốn cho các công trình phúc lợi, thu nhập từ trái phiếu loại này được miễn thuế. 1. Uncle Sam (US): Tên lóng của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. 2. Nguyên văn: “E Pluribus Unum” – Khẩu hiệu của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, được in trên đồng đôla từ 1776-1956. 1. Adelphia Communications Corporation: được xếp hạng là công ty cấp lớn thứ 5 của Mỹ trước khi bị phá sản năm 2002 do tham nhũng

nội bộ. 2. Nội chiến Mỹ: nổ ra ngày 12/4/1861 và kết thúc ngày 9/4/1865 giữa Liên bang miền Bắc và Liên minh miền Nam, địa điểm: phía Nam nước Mỹ. Nguyên nhân: do quân miền Nam phá đồn Sumter. Kết quả: quân miền Bắc chiến thắng, kết thúc chính sách nô lệ và xây dựng lại nước Mỹ.

3. Rhett Butler: Tên nhân vật nam chính nổi tiếng trong cuốn tiểu thuyết kinh điển Cuốn theo chiều gió, Rhett Butler là kẻ giàu lên nhanh chóng nhờ vào những mảnh khoe gian thương, đầu cơ tích trữ.

4. Sigmund Freud (tên đầy đủ là Sigmund Schlomo Freud; 1856-1939) nguyên là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu về phân tâm học. Chính ông là người phát hiện ra công dụng tuyệt vời của cocain trong chữa bệnh.

5. Caramel là đường nấu chảy (không nên nhầm với loại kẹo màu nâu có cùng tên) được sử dụng rộng rãi làm chất tạo màu trong các loại thuốc. Ngoài ra, nó còn có tác dụng giấu những yếu tố có thể bị lẫn vào hợp chất trong khi pha chế.

20. Ngày 22/11/1963, trong một chuyến công du tới Dallas, Tổng thống Kennedy bị ám sát.

6. Dope: là một tên khác chỉ cần sa.

7. Ralph Nader: Là luật sư và nhà hoạt động chính trị người Mỹ. Ông là người ủng hộ rất nhiệt thành các vấn đề về bảo vệ người tiêu dùng và nữ quyền.

8. John Davison Rockefeller Cha (1839 – 1937) là một nhà công nghiệp người Mỹ, người đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp dầu mỏ thời sơ khai, người sáng lập tập đoàn Standard Oil.

9. Sử dụng một mục báo trên tờ Good Housekeeping làm diễn đàn, Wiley tiếp tục tấn công công ty. Tháng 5/1922, trong mục “Trò chuyện cùng Dr. Wiley,” ông khẳng định là uống ba đến bốn lon Coca-Cola một ngày liên tục trong vài năm sẽ có tác động “rất xấu” tới sức khỏe. “Đối với một đứa trẻ đang lớn”, ông nói thêm, “nó sẽ có thể hủy hoại sức khỏe cả đời.”

10. Lời phát biểu công khai duy nhất của Candler trong bài phỏng vấn trên tờ Kansas City Times hơn một năm sau đó đã góp phần tạo nên sự mập mờ của vụ giao dịch này. “Tôi có năm người con tuyệt vời, nhưng chúng chỉ là những đứa trẻ. Khi tôi giao cho chúng công việc kinh doanh, nó là của chúng. Chúng đã bán một phần rất lớn cổ phần với mức giá quá hời. Nếu là tôi, tôi sẽ không làm như vậy nhưng các con tôi đã làm và đứng trên quan điểm của người bán, đây là một vụ mua

bán có lợi.” Thực ra, Candler hẳn không phản đối việc bán công ty bởi vì đây là dự định từ lâu của ông. Giá cả cũng không phải vấn đề vì ông đã đặt ra mức giá này trong các cuộc thương lượng trước đây. Nguyên nhân dẫn đến sự thất vọng của Candler chỉ có thể là danh tính người mua. 11. Một lần, Robert sai tài xế của mình, Lawrence Calhoun, đến sân ga đón và chờ đồ đạc của cha ông về. Sau khi về nhà, Ernest bỏ hành lý ra và lục tìm trong túi và nói: “Rõ ràng là ta đã để 25 xu đâu đó mà!” Lúc đó, Calhoun vội vàng đáp lại: “Thưa ngài Woodruff, nếu quả thực ngài có 25 xu thì tôi dám chắc rằng ngài vẫn đang giữ đấy!” Vào thời đó, không một người hầu da đen nào dám cả gan nói xấc xược như vậy với một người có địa vị cao như Ernest Woodruff. Lời kể lại của Robert sau này chính là những điều Calhoun thực sự muốn nói. Và câu chuyện này bị lộ ra là do Robert kể lại – thường là để nhấn mạnh cha mình là một người keo kiệt. 12. Một năm sau vụ kiện rùm beng từng lên trang nhất các tờ báo ở Atlanta suốt một tuần này, một thẩm phán tìm ra bằng chứng có lợi cho Asa Candler. Người ta phát hiện ra rằng bà de Bouchel chưa chính thức ly hôn với người chồng trước, và như vậy bà này không được phép kết hôn với bất kỳ người nào khác. 13. Tháng 1/1929, tình cảnh của Woodruff trở nên dễ chịu hơn khi hội đồng quản trị đồng ý chia 1 triệu số cổ phiếu loại A cho các cổ đông, mỗi cổ phiếu trị giá 50 đô-la. Các cổ đông có thể bán hoặc giữ lại tùy thích. Điều này đã ngăn được việc đánh thuế vào nguồn lợi nhuận thu được. Nó đem lại nguồn lợi tức hàng năm là 3 đô-la hay 6 %. 14. Dấu hiệu thành công là Pepsi cũng bị làm giả. J. C. Mayfield, đối tác cũ của Dược sỹ Pemberton và là người đã gây nguy hại cho Coca-Cola với sản phẩm Koke, cũng tạo ra sản phẩm có tên Pepsi-Nola. 15. Đó là nguồn gốc của câu nói “Không Coke! Pepsi” mà sau này trở thành chủ đề trong một vở kịch châm biếm được trình diễn liên tục trên chương trình truyền hình Saturday Night Live trong đó John Belushi đóng vai nhân viên thu ngân của một quán ăn rẻ tiền luôn mồm dùng cụm từ đó quát tháo khách hàng với giọng lè nhè. 16. Nhiều năm sau khi Woodruff bắt đầu dùng tài sản của mình làm từ thiện và trở thành nhà từ thiện vĩ đại nhất Atlanta, người môi giới chứng khoán của ông vô cùng kinh ngạc trước tình trạng của cổ phiếu: “Những mảnh giấy cũ

bụi bặm, bẩn thỉu và quẩn queo.” Chúng không bị xáo trộn gần nửa thế kỷ nay. 17. Do hoa màu đang nằm trong tay kẻ thù nên công ty phải tạm thời sử dụng nguyên liệu thay thế dầu cây cassia. Theo những tài liệu mật của Ralph Hayes, dầu cây cassia đóng vai trò quan trọng trong thành phần Merchandise 7X tuyệt mật. Sau khi chiến tranh kết thúc, nguồn cung cấp cho loại dầu này ổn định trở lại và nó được sử dụng tiếp cho sản phẩm Merchandise No.12. 18. Biệt danh này được đặt theo tên của Simon Legree, tay buôn nô lệ độc ác trong tác phẩm Túp lều bác Tom của Harriet Beecher Stowe. 19. Quyết định gỡ bỏ quy định chỉ có người da trắng mới được phép tham gia Đảng Dân Chủ. 1. Đây có thể là một bằng chứng cho thấy sự ngây thơ của Ladas: ông đã quên không hủy các lá thư, bản ghi nhớ và các bức điện tín mật trong đó cho thấy một cách chi tiết các thủ đoạn mang tính nhạy cảm cao mà công ty đã sử dụng trong vụ việc tại Pháp. Các tài liệu của Ladas về sau đã được phát hiện trong các hồ sơ lưu trữ tại Phòng Xuất Khẩu của Coca-Cola vào cuối những năm 1980 và sau đó đã được nộp lại cho nhà chức trách. Trong thần thoại Hy Lạp, Paris là con trai vua Priam của thành Troy. Paris lén lút quan hệ với hoàng hậu của thành Sparta là Helen và chính điều này là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc Chiến tranh thành Troy. (Tất cả các chú thích trong sách đều là của người dịch.) Zeus (được phiên âm trong một số sách tiếng Việt là thần Dớt) là thần trụ vì các vị thần, đồng thời là thần cai quản bầu trời và thần sấm sét trong thần thoại Hy Lạp. Hera là vợ của thần tối cao Zeus, đồng thời là nữ thần bảo trợ phụ nữ và hôn nhân. Athena là nữ thần của nghề thủ công mỹ nghệ, trí tuệ đồng thời cũng là vị thần chiến tranh chính nghĩa. Athena là thần bảo hộ của thủ đô Athens, Hy Lạp. Aphrodite là nữ thần tình yêu, sắc đẹp và sự sinh nở (cũng có thể là nữ thần của dục vọng) và cũng là thần hộ mệnh của thủy thủ. American Idol là một cuộc thi âm nhạc và chương trình truyền hình thực tế của nước Mỹ. Cuộc thi bắt đầu được tổ chức từ ngày 11 tháng 6 năm 2002 và là một trong những chương trình truyền hình thu hút đông khán giả nhất nước Mỹ. American Idol được mua bản quyền từ chương trình Pop Idol của Anh do nhà sản xuất Simon Fuller sáng lập. Simon Phillip Cowell (sinh ngày 7/10/1959) là một doanh nhân và nhà sản xuất chương trình

truyền hình nổi tiếng người Anh. Ông nổi tiếng trên truyền hình với vai trò là giám khảo của nhiều cuộc thi âm nhạc lớn như Pop Idol, American Idol, The X Factor hay Britain's Got Talent. Ông cũng nổi tiếng với những lời nhận xét khá khắc nghiệt đối với thí sinh trong các cuộc thi âm nhạc. Biểu đồ ngày sinh (birth chart hay còn gọi là natal chart) là biểu đồ diễn tả vị trí của các hành tinh và các cung dựa trên ngày tháng năm sinh của bạn. Các bạn có thể dựa vào biểu đồ ngày sinh để xem tính cách một người ra sao, tương lai người đó thế nào hay cả việc xem hai người có hợp nhau không, có kết quả gì khi đến với nhau không. Carl Gustav Jung (1875 - 1961) là bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng nhờ việc thành lập nên một trường phái tâm lý học mới có tên là "Tâm lý học Phân tích" (analytical psychology) nhằm phân biệt với trường phái "Phân tâm học" (psychoanalysis) của Sigmund Freud. Ngày nay có rất nhiều nhà tâm lý trị liệu chữa trị bệnh nhân theo phương pháp của ông. 'Buffy – Khắc tinh Ma cà rồng' (Buffy the Vampire Slayer) là sê-ri phim truyền hình của Mỹ lên sóng từ 10/3/1997 đến 20/5/2003. Câu chuyện kể về người được lựa chọn trong các thế hệ Khắc tinh Ma cà rồng – Buffy. Cô gái trẻ với định mệnh trở thành kẻ tiêu diệt Ma cà rồng. Cùng những người bạn ở Sunnydale, Buffy đương đầu với thế lực đen tối. Jason là một anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, nổi tiếng là nhà lãnh đạo của các anh hùng trên con thuyền Argo với sứ mệnh giành lấy Bộ lông cừu vàng. Bằng kì tích đoạt lại Bộ lông cừu vàng – một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, chàng chứng minh rằng mình có đủ khả năng để ngồi trên ngai vàng, chứ không cần dựa vào quyền thừa kế. Trong thần thoại Hy Lạp, Minos là vua xứ Crete, con của thần Zeus và Europa, công chúa xứ Tyre. Sau khi mất, Minos trở thành người phán xét ở địa ngục. Nền văn minh Minos thời tiền Hy Lạp của đảo Crete được đặt theo tên ông. Poseidon là vị thần của biển cả, ngựa và "người rung chuyển Trái đất", của những trận động đất. Minotaur hay nhân ngư là con quái vật nửa người nửa bò trong thần thoại Hy Lạp. Audrey Hepburn (1929 – 1993) là diễn viên điện ảnh huyền thoại trong hai thập niên 1950, 1960. Qua các cuộc bầu chọn, bà thường được xem là một trong những phụ nữ đẹp nhất thế kỷ XX. Audrey Hepburn cũng là biểu tượng của

thời trang và còn được biết tới với vai trò nhà hoạt động nhân đạo, Đại sứ thiện chí của UNICEF. Cher tên thật là Cherilyn Sarkisian, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1946 tại California, Mỹ, là một diễn viên, ca sĩ, nhạc sĩ và nhà hoạt động giải trí. Theo thần thoại Hy Lạp, Castor và Pollux là hai anh em sinh đôi cùng mẹ (Leda) nhưng khác cha. Castor là con của Tyndareus, vua thành Sparta còn Pollux là con của thần Zeus. Đó là hai chàng trai trung hậu, rất dũng cảm và cùng nhau nổi danh khi lập được nhiều chiến công hiển hách trong hành trình đi tìm Bộ lông cừu vàng của nhóm thủy thủ tàu Argo và trong biết bao cuộc phiêu lưu khác. Lúc nào hai anh em cũng luôn luôn tìm cách giúp đỡ lẫn nhau. Địa ngục trong thần thoại Hy Lạp, được đặt theo tên của vị thần cai quản nó – thần Hades. Khalil Gibran (1883-1931), còn được biết đến với tên Kahlil Gibran, là nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ người Liban. Trong thần thoại Hy Lạp, Achilles là nhân vật trung tâm và là chiến binh vĩ đại nhất của sử thi Iliad. Những tích truyện về sau mô tả Achilles có một cơ thể không thể bị thương ngoại trừ gót chân của anh ta. Anh ta đã chết vì một vết thương nhỏ ở nơi gót chân. Thetis là nữ thần biển cả vô cùng xinh đẹp. Đáng lẽ thần Zeus đã cưới Thetis làm vợ, nhưng có lời tiên tri rằng nếu Zeus lấy Thetis thì đứa con sinh ra từ cuộc hôn nhân này sẽ giành quyền cai trị thế gian, nên Zeus ban Thetis cho anh hùng Peleus (cháu mình). Peleus là cháu thần Zeus và là cha đẻ của dũng tướng Achilles. Nguyên gốc Tiếng Anh – oxymoron – phép nghịch hợp là một thuật ngữ trong ngôn ngữ học, ý chỉ hai từ đi cùng nhau mà trái nghĩa nhau (ví dụ: “pretty” và “ugly”). Tên tiếng Anh là Venus, cũng có nghĩa là thần Vệ Nữ (nữ thần Sắc đẹp và Ái tình) trong thần thoại La Mã, mẹ của Aeneas và Cupid, tương ứng với nữ thần Aphrodite trong thần thoại Hy Lạp. Tâm lý học nghịch đảo (reverse psychology): Khi bạn muốn đối phương làm việc gì đó bằng cách yêu cầu họ làm điều ngược lại. Trong thần thoại Hy Lạp, Medusa là một con quỷ trong ba chị em quỷ có tên chung là Gorgon gồm Stheno, Euryale và Medusa. Trước kia Medusa đã từng là một người phụ nữ xinh đẹp, có mái tóc bông bênh, cực kì quyến rũ. Vì thế, Medusa tự mãn cho rằng mình còn đẹp hơn nữ thần Athena. Sắc đẹp của Medusa đã thu hút Poseidon. Khi Poseidon theo đuổi, Medusa chạy đến đền thờ Athena và

nghĩ rằng nữ thần sẽ bảo vệ cô, nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Poseidon đã hãm hiếp Medusa trong đền thờ của nữ thần (các phiên bản khác cho là Medusa tự nguyện). Và để chắc chắn chuyện tương tự không tái diễn, Athena biến Medusa thành nữ quỷ với cái nhìn có thể biến tất cả các sinh vật sống thành đá, đồng thời biến mái tóc tuyệt đẹp của Medusa thành rắn. Perseus là người anh hùng đầu tiên trong thần thoại Hy Lạp đã đánh bại những con quái vật cổ xưa được tạo ra bởi các vị thần trên đỉnh Olympus. Perseus đã giết Medusa Gorgon (Quái vật tóc rắn) và giải cứu Andromeda (công chúa Hy Lạp thời đó) khỏi con quái vật biển được thần Poseidon phái đến để trừng phạt nữ hoàng Cassiopeia vì bà dám tự nhận mình là người phụ nữ xinh đẹp nhất thế gian, còn đẹp hơn cả những nàng công chúa của biển. Trong thần thoại La Mã, vị anh hùng này được gọi là Hercules (tương ứng trong thần thoại Hy Lạp là Heracles), tên chàng được đặt cho chòm sao Hercules. Những chiến công của Hercules vang dội khắp bốn phương, tượng trưng cho sức mạnh chinh phục thiên nhiên của con người thời xưa. Chiron là một nhân mã xuất sắc nhất trong loài của mình, ông đã đào tạo nhiều anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, ông không những hiểu biết nhiều lĩnh vực mà còn có kỹ năng chiến đấu tuyệt vời, đặc biệt là khả năng sử dụng cung tên. Vì lẽ đó người ta thường thấy chòm sao Nhân Mã đang giương cung lên ngắm bắn nên còn gọi là chòm sao Xạ Thủ. Prometheus là vị thần khổng lồ, nổi tiếng với trí thông minh, là người đã ăn cắp ngọn lửa từ thần Zeus và trao nó cho nhân loại. Zeus đã trừng phạt ông bằng cách buộc ông vào một tảng đá để một con đại bàng ăn gan của ông hàng ngày, nhưng lá gan cứ ban ngày bị ăn thì ban đêm lại tái sinh (điều này khá đúng với thực tế: Gan là nội tạng duy nhất trong cơ thể người có khả năng tái sinh). Kronos (còn gọi là Cronos) là con út của thần Uranus (bầu trời) và nữ thần Gaia (đất mẹ) và là một trong 12 Titan (thần khổng lồ). Rhea – con gái của thần Uranus và nữ thần Gaia – là nữ thần của sự sinh sản, màu mỡ. Ngoài Gaia, Rhea cũng thường được coi như “mẹ của các vị thần” trên đỉnh Olympus. Cùng với Cronus, người chồng và đồng thời cũng là người em ruột, Rhea đã sinh ra: Hestia, Demeter, Hera, Hades, Poseidon và Zeus. Russell Ira Crowe (sinh ngày 07 tháng 4 năm 1964) là diễn viên, nhà sản

xuất phim và nhạc sĩ người New Zealand. Ông nhận được sự chú ý của quốc tế đối với vai diễn Đại tướng La Mã Maximus Decimus Meridius trong phim sử thi cổ trang năm 2000 'Võ sĩ giác đấu' của đạo diễn Ridley Scott. 'Võ sĩ giác đấu' (Gladiator) là một bộ phim sử thi cổ trang của Mỹ phát hành năm 2000 của đạo diễn Ridley Scott, với sự tham gia của Russell Crowe vào vai nhân vật hư cấu và trung thành: Đại tướng La Mã Maximus Decimus Meridius, người bị phản bội khi Commodus, người con trai đầy tham vọng của hoàng đế, giết cha mình để chiếm lấy ngai vàng và biến Maximus thành nô lệ. Để thoát khỏi thân phận nô lệ, Maximus tăng cấp bậc đấu trong đấu trường và giết Commodus, trả thù cho cái chết của gia đình và hoàng đế của mình. Lucy Law Les (sinh ngày 29 tháng 3 năm 1968) là diễn viên người New Zealand được biết đến nhiều nhất qua vai diễn Xena trong bộ phim hài kịch tình huống nổi tiếng 'Xena: Nữ chúa chiến binh'. 'Xena: Nữ chúa chiến binh' (Xena: Warrior princess) là bộ phim truyền hình thuộc thể loại siêu nhiên, kỳ ảo kết hợp phiêu lưu mạo hiểm do Mỹ và New Zealand hợp tác sản xuất. Nguyên văn: ADHD – Attention-deficit hyperactivity disorder – Rối loạn tăng động giảm chú ý. Nguyên văn: make-up sex, ám chỉ việc thực hiện “chuyện yêu” bằng cách khác lạ với đối tác. Điều này rất hữu ích khi bạn muốn tạo ra một ấn tượng lâu dài cho vợ/chồng mình, để người ấy cảm thấy không thể thiếu bạn khi muốn có những màn yêu mặn nồng và ý nghĩa. Sao Diêm vương (Pluto) là chòm sao chủ quản của Thiên Yết. Rosie O'Donnell (21/3/1962) là nữ diễn viên hài kịch người Mỹ. Donald John Trump (14/6/1946) là nhà kinh doanh bất động sản, tác giả người Mỹ. Ngoài tư cách doanh nhân, Donald Trump cũng là một nhân vật truyền thông có tiếng, ông hiện đang là người dẫn chương trình kiêm nhà sản xuất của show truyền hình thực tế 'The Apprentice' trên đài Star World. Tên một hãng chăn ga gối đệm cao cấp. 'Người đẹp và Quái thú' (Beauty and the Beast) là một câu chuyện cổ tích trong nhiều nền văn hóa châu Âu được dựng thành nhiều bộ phim và vở kịch, trong số đó có bộ phim hoạt hình của hãng phim Walt Disney Picture vào năm 1991. Tên một hãng nội thất nổi tiếng ở Mỹ. Thành phố Venice (Ý) được biết đến là thành phố trên sông nổi tiếng thế giới với những con kênh và những chiếc thuyền

truyền thống gondola. Với cấu trúc không cân xứng, một bên cong ra nhiều hơn bên kia, chiếc gondola có chiều dài trung bình khoảng 11 mét và chiều ngang khoảng 1,5 mét, được cấu tạo gồm 280 mảnh gỗ rời khếp kín vào nhau, thường là bằng gỗ pak, trừ bộ phận tựa mái chèo bằng gỗ walnit rất cứng rắn, và chiếc mái chèo nhẹ nhàng bằng gỗ beech cho dễ sử dụng.

Bệnh Alzheimer là một dạng sa sút trí tuệ phổ biến nhất hiện nay. Người mắc bệnh này sẽ mất khả năng về trí lực và giao tiếp xã hội ở mức độ gây khó khăn cho cuộc sống hàng ngày. 'Hài kịch tình huống' hay sitcom (viết tắt của từ tiếng Anh: situation comedy) là một thể loại hài kịch, lúc đầu được sản xuất cho radio nhưng hiện nay được trình chiếu chủ yếu trên ti vi. Sitcom có nhiều tập với những tình huống hài hước được lồng ghép vào nội dung câu chuyện phim và được thực hiện hầu hết trong trường quay, thu thanh đồng bộ, sử dụng cùng lúc ba đến bốn máy quay phim ghi hình và bắt buộc phải dựng hình ngay tại trường quay để bảo đảm thời gian thực hiện một tập phim (khoảng 50 phút) chỉ trong thời gian từ ba đến bốn ngày. Phần mảnh dẻ, mềm mại kéo ra từ thân một số động vật dùng để sờ mó, nắm giữ hoặc di chuyển. Ví dụ như sên, bạch tuộc. Hermes là một trong các vị thần trên đỉnh Olympus của thần thoại Hy Lạp, thần đã tạo ra đàn lia (lyre). Hermes là con của Zeus và Maia. Hermes là thần bảo hộ cho kẻ trộm, người du lịch, các sứ thần, mục đồng và chăn nuôi, người thuyết trình, thương nghiệp, khoa học kỹ thuật, văn chương và thơ ca, các đơn vị đo lường, điền kinh, thể thao, sự khôn ngoan, lanh trí và các phát minh, sáng chế, ngôn ngữ. Ngoài ra, Hermes còn là vị thần đưa, truyền tin của đỉnh Olympus và là người dẫn đường cho các linh hồn đến cửa địa ngục. Hermes còn được biết như vị thần hộ mạng của cung Song Tử. Còn gọi là cá răng dao hay cá cọt, là một loại cá ăn thịt nguy hiểm. Mẹ Teresa còn được gọi là Mẹ Teresa Calcutta (1910-1997) là nữ tu Công giáo Rôma người Albania và là nhà sáng lập Dòng Thừa sai Bác Ái ở Calcutta, Ấn Độ năm 1950. Trong hơn 40 năm, bà chăm sóc người nghèo, bệnh tật, trẻ mồ côi trong khi hoàn tất nhiệm vụ lãnh đạo dòng tu phát triển khắp Ấn Độ, và đến các quốc gia khác. Bà được trao Giải Nobel Hòa bình năm 1979. Bài hát nổi tiếng của nữ ca sỹ Olivia Newton-John viết về chuyện ân ái. Olivia Newton-John

(26/9/1948 –) sinh ra tại Cambridge (Anh) nhưng lại lớn lên ở Melbourne (Úc). Cô được coi là một trong những giọng ca country-pop và soft rock thành công nhất của thập niên 70 thuộc loại. William Tell là tên một anh hùng dân gian của Thụy Sĩ. Vua Arthur là một thủ lĩnh huyền thoại tại Anh, theo lịch sử thời Trung Cổ thì Ngài là người bảo vệ nước Anh chống lại sự xâm lăng của người Saxon vào đầu thế kỷ thứ VI. Chi tiết câu chuyện về vua Arthur phần lớn được tổng hợp từ văn học dân gian và việc ông có thực sự tồn tại trong lịch sử hay không vẫn là một vấn đề gây tranh cãi giữa các sử gia hiện đại. Victoria (Victorian style) là một trường phái kiến trúc thịnh hành ở Anh và các nước thuộc địa trong thời kỳ trị vì của nữ hoàng Victoria (1837 – 1901) và còn kéo dài đến sau này, ngay cả khi Chủ nghĩa Hiện đại đã lên ngôi. Có thể coi đây là kết quả của sự hôn phối giữa hình thái Gothic cổ điển ở châu Âu với nền Cách mạng Công nghiệp đang trong thời kỳ cực thịnh, trường phái này bắt đầu chịu nhiều ảnh hưởng của máy móc và xây dựng công nghiệp với hình khối đồ sộ, nhưng đường nét trang trí lại khá tinh vi và nhiều màu sắc rực rỡ. Andy Warhol (6/8/1928 – 22/2/1987) là một họa sĩ người Mỹ gốc Rusyn nổi tiếng về nghệ thuật đại chúng (Pop Art). Claude Monet (14/11/1840 – 5/12/1926) là họa sĩ nổi tiếng người Pháp, một trong những người sáng lập ra trường phái ấn tượng. Leonardo di ser Piero da Vinci (1452 – 1519) là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhạc sĩ, bác sĩ, kỹ sư, nhà giải phẫu, nhà sáng tạo và triết học tự nhiên người Ý. Người Etruria (Etruscan) đã tạo dựng một nền văn minh có ảnh hưởng lớn ở miền Bắc nước Ý thời cổ đại. Nghệ thuật Etruscan là nghệ thuật hữu hình, gắn bó mật thiết với tôn giáo, chẳng hạn như cuộc sống sau khi chết. Tiêu biểu cho nghệ thuật này là những điêu khắc gốm, tranh trên bình gốm, tranh tường, tượng đồng đúc và chạm khắc đồng. 'Điên cuồng' (Mad) là tên một tạp chí hài hước của Mỹ được sáng lập bởi biên tập viên Harvey Kurtzman và chủ báo William Gaines vào năm 1952. 'Tôi yêu Lucy' (I love Lucy) là tên một chương trình sitcom truyền hình của Mỹ được trình chiếu những năm 1950 với sự tham gia diễn xuất của Lucille Ball, Desi Arnaz, Vivian Vance và William Frawley. 'Ánh trắng' là bộ phim hài lãng mạn của Mỹ, được ra mắt vào năm 1987 của đạo diễn Norman Jewison.

Nicolas Cage (1964 –) là một nam diễn viên, nhà sản xuất và đạo diễn người Mỹ. Adolf Hitler (1889-1945) là “Lãnh tụ và Thủ tướng đế quốc” (kiêm nguyên thủ quốc gia nắm quyền Đế quốc Đức, kể từ năm 1934. Ông thiết lập chế độ độc quyền quốc gia xã hội của Đế tam Đế quốc. Ông đã gây ra Đế nhị thế chiến, thúc đẩy một cách có hệ thống quá trình tước đoạt quyền lợi và sát hại khoảng sáu triệu người Do Thái châu Âu cùng một số nhóm chủng tộc, tôn giáo, chính trị khác, được gọi là cuộc Đại đồ sát dân Do Thái (Holocaust).

- Đơn vị đo lường tương đương 4,54 lít ở Anh, 3,78 lít ở Mỹ.
- Một lãnh tụ tôn giáo người Do Thái trong Kinh Thánh.
- 1 dặm = 1,6 km
- William Howard Taft: Tổng thống Mỹ thứ 27.
- Thomas Woodrow Wilson: Tổng thống Mỹ thứ 28.
- Thomas Edward Lawrence (1888 - 1935): Sĩ quan quân đội Anh, nổi tiếng từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đóng vai trò nổi bật trong cuộc nổi dậy của Ả rập năm 1916-1918. Ông là tác giả của cuốn tự truyện Seven Pillars of Wisdom (Bảy trụ cột của sự khôn ngoan).
- Tham khảo câu chuyện về kỳ bầu cử Harding trong cuốn Trong chớp mắt (Blink) của Gladwell, do Alpha Books xuất bản.
- 1 feet = 0.3 m
- Herbert Clark Hoover (10/8/1874 – 20/10/1964), tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ (1929-1933).
- (1) Chữ Geshe có thể tạm dịch là Hòa thượng, một chức vị rất được tôn kính; còn Rinpoche có nghĩa là Sư trưởng, người đứng đầu một tu viện.
- (2) Một thành phố ở Sikkim, bang Tây Bengal, Ấn Độ, thuộc khu vực địa lý tự nhiên phía Đông dãy Himalaya. Thành phố này nằm trong vùng biên giới giữa Ấn Độ với các nước Nepal, miền Nam Tây Tạng, Bhutan và Bangladesh.
- (3) Tức prayer wheels, dạng hình con suốt hay con quay, có thể được làm từ kim loại, gỗ,...
- (4) Căn cứ theo ngày tháng năm sinh và các mốc công trình nghiên cứu, chúng tôi cho rằng học giả này chính là bá tước Alexander Staël von Holstein (1877–1937) người Estonia.
- (5) Ngôn ngữ thiêng của Phật giáo Nguyên Thủy
- (6) Chính là thành phố có tu viện Yi Gah Cholin này.
- (7) Lưu ý là hành trình này của tác giả diễn ra vào giai đoạn đầu thế kỷ 20 nên xin tránh lầm lẫn giai đoạn lịch sử này của Tây Tạng với những giai đoạn khác.
- (8) Nguyên văn tiếng Anh: “Alone I wander a thousand miles... And I ask my way from the white clouds”. Do đây là câu nói của vị Phật Di Lặc tương lai theo quan niệm

Tiểu Thừa nên độc giả cần tránh sự đồng nhất với vị Phật Di Lặc quen thuộc trong văn hóa Phật giáo Việt Nam. (9) Mahapandit Rahul Sankrityayan (1893–1963) là học giả Ấn Độ. Được xem là cha đẻ của chủ nghĩa văn học xê dịch Ấn Độ. Ông đã đến rất nhiều vùng lãnh thổ trong khu vực Nam Á và quanh rặng Himalaya. (10) Karakoram hay Karakorum, là rặng núi lớn trải qua Pakistan, Ấn Độ (Ladak) và Tân Cương. Trong bản tiếng Anh và ấn bản cũ của dịch giả Nguyễn Phong đều dùng Karakorum. Song, trong quá trình tìm kiếm và xác nhận tư liệu, First News phát hiện thêm địa danh Karakorum – cố đô Mông Cổ vào thế kỷ 13. Vì thế, để tránh nhầm lẫn, chúng tôi dùng Karakoram. (11) Các chorten này có nguồn gốc từ các stupa của Ấn Độ, tức tháp chứa hài cốt các vị tăng sư. Các tháp này có thể có dạng một tháp lớn hay nhiều tháp nhỏ. Ở đây có lẽ tác giả đang nói tới các tháp nhỏ. (12) Danh hiệu chỉ những vị tu khổ hạnh đã đạt được phép thần thông. (13) Bảo tàng nổi tiếng ở Ấn Độ, nơi lưu trữ nhiều tác phẩm nghệ thuật độc đáo. (14) Một trong hai khu vực tranh chấp biên giới chính, ở giữa Ấn Độ và Trung Quốc ngày nay. Có lẽ khu vực này trước đây cũng từng thuộc tiểu quốc Guge xưa. (15) Sven Anders Hedin (1865–1952) là nhà thám hiểm người Thụy Điển. Ông đồng thời tự minh họa trong những tác phẩm kể lại những hành trình của mình. Ông đã có nhiều khám phá quan trọng về mặt địa chất và địa lý khu vực Trung Á. (16) Alexandra David-Néel (1868–1969) là một học giả và nhà thám hiểm người Pháp– Bỉ. Bà nổi tiếng với những hành trình khám phá thế giới của mình, trong đó có chuyến đi đến Tây Tạng năm 1924, khi vùng đất này vẫn là vùng cấm với nhiều người nước ngoài. Cuốn “Huyền thuật và các đạo sĩ Tây Tạng” của bà cũng là một trong những cuốn sách được tác giả Nguyễn Phong dịch sang tiếng Việt. (17) Đây là một ngọn núi thuộc rặng Transhimalaya – dài 1.600 km và chạy song song theo suốt chiều dài rặng Himalaya chính. Nó ở gần nơi bắt đầu của nhiều con sông lớn ở châu Á. (18) Ngày nay là vùng Sikkim của Ấn Độ, nằm ở mặt nam của Tây Tạng. Hành trình của tác giả cho đến lúc này đúng là theo dọc hệ thống rặng Tuyết Sơn. (19) Tức hư không không có biên giới, là một cấp độ trong khái niệm định của tu hành bậc cao, lấy yếu tố không trong sáu đại định là địa, thủy, hỏa, phong, không

và thức làm đối tượng nghiên cứu và tu tập. (20) Học giả nổi tiếng người Anh, một trong những người châu Âu tiên phong tìm hiểu và truyền bá triết lý phương Đông vào phương Tây. Cuốn “Ngọc sáng trong hoa sen” (The Wheel of Life) của ông, do dịch giả Nguyễn Phong phóng tác đã được First News cho ra mắt năm 2011. (21) Học giả nổi tiếng người Anh, một trong những người châu Âu tiên phong tìm hiểu và truyền bá triết lý phương Đông vào phương Tây. Cuốn “Ngọc sáng trong hoa sen” (The Wheel of Life) của ông, do dịch giả Nguyễn Phong phóng tác đã được First News cho ra mắt năm 2011. (22) Ngày nay là công viên hươu nai quốc gia Ấn Độ. Tương truyền khi xưa, đức Phật đã truyền dạy Phật pháp cho vị Lạt Ma đầu tiên tại đây. (23) Bộ kinh được cho là nền tảng của Bà La Môn giáo, có ảnh hưởng đến nhiều tôn giáo trên thế giới, trong đó có Phật giáo. (24) Hiện tượng xác các Lạt Ma Tây Tạng tự bảo quản và không bị hư hại hiện vẫn là một trong những bí ẩn đối với giới khoa học. (25) Nyanatiloka Mahathera (1878–1957), ông là một trong những người châu Âu tiên phong đi theo tu đạo Phật giáo. (26) Shanti Devi (1926–1987). Câu chuyện kỳ lạ của bà còn thu hút cả sự chú ý của Mahatma Gandhi và chính ông cũng đã giúp điều tra lại sự việc. (27) Lãnh thổ của Vương quốc Thổ Phồn xưa giờ bị xé lẻ, phân tán trong lãnh thổ các nước Ấn Độ, Afghanistan, Pakistan, Bangladesh, Bhutan, Nepal, Trung Quốc, Myanmar,... Từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 9, vương quốc này gần như thống lĩnh toàn bộ con đường tơ lụa. Từng là nơi ở của các Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng, hiện tại là một viện bảo tàng lớn và là một trong những di sản văn hóa thế giới. (29) Còn được gọi là Ninh Mã, Mũ Đỏ hay Cự Dịch. (30) Ông trở thành đế vương cuối cùng của vương triều Thổ Phồn. (31) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ. (32) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ;

Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ. (33) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ. (34) Reting Rinpoche là một tước vị trong hội đồng trưởng lão Tây Tạng, là người có nhiệm vụ tìm kiếm những Hóa Thân của các Đạt Lai Lạt Ma. (35) Đây cũng là một chức vị trong hội đồng trưởng lão Tây Tạng. (36) Đây là một trong những hồ nước ngọt ở cao nguyên Tây Tạng, rộng 410 km² và nơi sâu nhất là 90m. Ở phía tây của hồ này là hồ nước ngọt Rakshastal và hai hồ được nối với nhau bởi kênh Ganga Chhu tự nhiên. (37) Đồng nhất với hình tượng la sát trong văn hóa Trung Quốc và Đông Nam Á. (38) Đây là một trong ba vị thần lớn nhất trong tín ngưỡng và tôn giáo Ấn Độ cùng các thần Brahma và Vishnu. (39) Trong bản tiếng Anh là May they be happy (40) Ghi chú của tác giả: Những bức ảnh hiện được lưu trữ tại thư viện Dharamsala và Đông Kinh. Giáo sư Ono, một học giả nổi tiếng của Nhật đã khởi xướng những nghiên cứu những lời chú giải kinh điển bằng tranh ảnh này. (41) Tuy gọi là “hỏa xà” nhưng thực tế chỉ là danh xưng nhằm ví von đường chuyển động của luồng khí trong cơ thể tựa như hình thể con rắn, chứ không phải là dùng một con rắn thật để luyện. Ngoài ra, phương pháp dùng “hỏa xà” kundalini khác với phương pháp Tummo (lửa Tam Muội) đã đề cập ở những phần trước, dù rằng mục đích cuối cùng của cả hai là như nhau. (42) Tức Dhyani Buddha, gồm Đại Phật Như Lai (Vairocana) ở chính giữa, A Di Đà Như Lai (Amitabha) ở phía tây, A Súc Bệ Như Lai (Aksobhya) ở phía đông, Bảo Sanh Như Lai (Ratnasambhava) ở phía nam và Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amoghasiddhi) ở phía bắc.

(43) Jawaharla Nehru (1889–1964): nhà lãnh đạo phong trào giành độc lập cho Ấn Độ từ các nước đế quốc. Ông trở thành thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Ấn Độ độc lập ngày nay. Tiếng Nga: Михайл Сергеевич Горбачёв, tiếng Anh thường viết là Gorbachev (BT). Cựu Tổng thống Nam Phi, nhiệm kỳ 1989-1994, đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1993 (BT). Các nhà kinh tế học cổ điển tin vào quyền lực của sức mạnh thị trường và bản chất tự điều chỉnh của nền kinh tế. Khi tốc độ tăng trưởng giảm, tiền lương và lãi suất ngân hàng hiển nhiên cũng giảm sút đến mức kích thích phải có đầu tư mới. Có đầu tư mới sẽ xuất hiện thêm công ăn việc làm, thu nhập tăng và kinh tế lại phát triển cho đến khi giá cả tăng khiến nền kinh tế lại lâm vào tình trạng suy thoái. Quan niệm về “người có quyền hành động tự do” là cả một câu chuyện dài. Một nhân vật phê bình sáng suốt là Jean Michelet, nhà sử học xuất chúng người Pháp về lịch sử Cách mạng Pháp. Người ủng hộ khác là Thomas Jefferson, người cố vũ cho Cách mạng Pháp, do vậy là kẻ thù của chế độ quân chủ. Theo ông, áp đặt chủ nghĩa cộng hòa lên người Anh là hợp lý. Điều này có thể xảy ra sau khi quân đội Pháp xâm chiếm nước Anh, có điều gì ông đã tiếp thu. Francis Galton, anh em họ của Charles Darwin, người đã đưa ra khái niệm hồi quy về giá trị trung bình khi đang nghiên cứu các thế hệ của dòng đậu ngọt Hà Lan (BT). Thời kỳ này Thủ tướng được gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, có thể sử dụng cả hai cách gọi này (BT). Archie Brown: Giáo sư Chính trị học thuộc trường Đại học Tổng hợp Oxford, viện sĩ đầu tiên của phương Tây nhận ra Gorbachev là một người cộng sản có đầu óc cải tổ. Trong các bài bình luận đầu tiên của mình về Gorbachev, ông coi đó là vị tổng bí thư tương lai ưa chuộng cải tổ. Trong cuốn *The Gorbachev Factor* (Nhân tố Gorbachev), (Oxford, Oxford University Press, 1996), một công trình nghiên cứu uyên bác nhất về Gorbachev và thời đại của ông, tác giả đã đặc biệt dành thiện cảm cho Gorbachev. Theo tài liệu Nga, Gorbachev là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị từ năm 1979, ủy viên Bộ Chính trị từ năm 1980 (BT). Là Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Nông nghiệp toàn Liên bang trong suốt thời kỳ Gorbachev cầm quyền (BT). Aleksandr Yakovlev đưa ra sự đánh giá không tâng bốc về kỹ nguyên Andropov. Rốt cuộc đó chỉ là “phủi bụi khi mức độ vượt quá

tiêu chuẩn vệ sinh tối thiểu”. A. N. Yakovlev, Predislovie, Obval, Posleslovie (Moskva, Novosti, 1992), tr. 102. Người phụ tá của Andropov dính líu nhiều nhất là Arkady Volsky và ông ta đã đưa ra nhiều lời giải thích khác nhau về tình tiết. Angus Roxburgh, The Second Russian Revolution (London, BBC Books, 1991), tr. 17; Brown, The Gorbachev Factor, tr. 67-69 Tác giả đã tổ chức một hội nghị về Gorbachev và các nhà lãnh đạo Liên Xô tại trường Đại học London, có mời các đại biểu nước ngoài và Văn phòng Khối Thịnh vượng chung tham dự. Họ từ chối và sau đó giải thích rằng nếu báo chí viết là các viện sĩ và các nhà ngoại giao tỏ ra thiên vị với Gorbachev thì điều này có thể bị những kẻ trong Điện Kremlin lợi dụng để gièm pha chống lại ông ta. Một người hợp với phương Tây hẳn là không hợp với Điện Kremlin. Một dấu hiệu nghiêm trọng của vấn đề có thể được phát hiện từ thực tế là năm 1979 và 1980, sau khi các thanh tra thanh sát 20 nghìn loại máy móc và các dụng cụ chế tạo máy móc tại Liên bang Xô viết, khoảng 1/3 số máy móc đó đã không còn được sản xuất và về cơ bản được hiện đại hóa. Gorbachev tuyên bố trong một bài diễn văn trước phiên họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng về khoa học và văn hóa ngày 6/1/1988. Bài này được đăng trên tờ Literaturnaya gazeta ngày 11/1/1988. Gorbachev tự vệ trước sự chỉ trích cuộc cải cách mà ông chủ trương không được phiên họp Ban Chấp hành Trung ương tháng 4/1985 thông qua suôn sẻ. Mối quan hệ giữa Gorbachev và Shevardnadze rất hòa hợp và sự gần gũi giữa hai cá nhân này dường như ngày càng phát triển. Lần đầu họ gặp nhau tại Hội nghị Đoàn Thanh niên Kosomol vào cuối năm 1950 và nhanh chóng trở nên thân thiết. Từ Georgia đến Stavropol chỉ một quãng đường ngắn và hai người này liên tục gặp gỡ trao đổi, thảo luận chính trị. Nhà nghỉ của Bộ Chính trị của Gorbachev ở vùng Pitsunda, một địa điểm khá đẹp và thơ mộng trên bờ Biển Đen thuộc Georgia, hai người luôn gặp gỡ trao đổi tại đây. Shevardnadze sau này trở thành Chủ tịch Đảng ủy của Georgia. Cả hai đều phản đối việc đưa quân vào Afghanistan. Khi giữ cương vị Bí thư phụ trách nông nghiệp trong Ban Chấp hành Trung ương, ông đã bảo vệ các cuộc thí nghiệm của Shevardnadze trong các khu vực nông nghiệp thuộc Georgia. Cả Gorbachev và Shevardnadze đều sử dụng tài liệu từ hàng loạt

các bài báo theo chỉ dẫn của Andropov, đồng thời tin rằng muốn xây dựng và duy trì chủ nghĩa cộng sản thì cần phải cải cách. Họ đã bị dao động trước nạn tham nhũng và suốt mùa đông 1984-1985, ở Pitsunda, Gorbachev đã nhất trí với cách đánh giá của Shevardnadze rằng mọi việc đều đang ở tình trạng hỗn độn. Carolyn McGiffert Ekedahl và Melvin A. Goodman, *The Wars of Eduard Shevardnadze* (Các cuộc chiến tranh của Eduard Shevardnadze), (London, Hurst, 1997), tr.29-33. Năm 1985, Gorbachev coi nhiệm vụ chính là cải thiện tình hình trì trệ trong xã hội và điều chỉnh các “khuyết tật” của chủ nghĩa xã hội. Sự thiếu nhận thức của Gorbachev về tác động của chiến lược tăng tốc đi kèm với quyết định của các nhà chức trách trung niên, với nhiều lý do không thể hiểu nổi, để tăng tốc trong khu vực luyện kim năm 1985. Một phóng viên đã tức giận viết: “Tôi thật sự lo lắng như một người mẹ, một người phụ nữ khi những đứa con gái của mình chấp nhận rủi ro để đi tìm người bạn đời. Con gái tôi thích đi sàn nhảy, nhưng khi trở về gương mặt lại ngấn nước mắt. Thử tưởng tượng, những chàng trai đến đây gào thét, hò hét cùng tiếng nhạc và rồi đánh nhau.” Ngày 9/3/1997, *Financial Times* (Thời báo Tài chính) đã trích dẫn một bản tin trên thông tấn xã Itar-Tass năm 1988. Việc này cho thấy chủ trương công khai được truyền tải bằng các hình ảnh âm nhạc năm 1988 và các ban nhạc này đã trở thành hiện tượng nổi tiếng. Một ngày sau, một trong những nhạc công Nga giải thích thành công của thể loại nhạc này như sau: “Với âm nhạc của chúng tôi, người hâm mộ có thể gào thét, nhảy múa, văng tục và làm nhiều hành động khác với ngày thường để thoát khỏi những áp lực mà họ phải chịu đựng. Chỉ khi nào làm được như vậy họ mới chịu về nhà và ngủ ngon.” Khu vực chế tạo máy là một lĩnh vực có thể mạnh truyền thống nhưng khu vực chế tạo thiết bị điện và điện tử lại đang trong tình trạng tụt hậu, vẫn còn là một điểm yếu nghiêm trọng. Tatyana Zaslavskaya, *Kommunist* (Chủ nghĩa cộng sản), tập 13, 1985. Cuốn sách này được Ban Bí thư Trung ương xuất bản, trong đó tác giả nói về sự lãnh đạo của Đảng và đã đưa ra hai cách diễn đạt, nhân tố con người và sự công bằng xã hội, nhận được sự ủng hộ rộng rãi của Gorbachev. Đầu tư vào khu vực chế tạo máy đã tăng lên 80%. Mikhail Gorbachev, *Perestroika: New Thinking for Our Country and the*

World (Perestroika: Một tư duy mới đối với đất nước và thế giới), (London, Collins, 1987), tr.19. Vào tháng 11/1988, ông thậm chí đã biết thu nhập quốc gia đang có chiều hướng suy giảm trong giai đoạn đầu những năm 1980. Trong cuốn Memoirs (Hồi ký), Gorbachev viết sự tăng trưởng kinh tế đã chấm dứt hoàn toàn cho đến đầu những năm 1980 (London, Doubleday, 1996), tr.216. Chương trình dự thảo, đăng trên tờ Pravda, ngày 7/3/1986, nhấn mạnh giai đoạn hiện tại của sự phát triển chủ nghĩa cộng sản như một phần không thể tách rời trong quá trình phát triển chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, giai đoạn này đã không được đề cập trong văn bản cuối cùng nói tới thời đại của những cải cách. Thuật ngữ chủ nghĩa xã hội căn bản là do Lenin khởi xướng nhưng các tác giả đã không thể hiểu nổi ý nghĩa thật sự của thuật ngữ này. Lenin đã sử dụng nó để miêu tả sự kết nối giữa bộ máy kinh tế thời chiến của Đức trong giai đoạn đó với chính quyền cách mạng Xô viết. V. I. Lenin, Polnoe Sobranie Sochinenii (Moskva, Gosizpolit, 1963), tập 36, tr.300; Mau, Political History (Lịch sử chính trị), tr.119 Một chương trình Đảng được điều chỉnh, áp dụng năm 1961, do Đại hội Đảng lần thứ 27 thông qua và như người ta mong đợi, đây sẽ là một chương trình cải cách hiệu quả trong tương lai. Một trong những khó khăn đã vượt qua là việc cấp cho mỗi hộ gia đình một căn hộ cho đến năm 2000. Tuy nhiên, không ai tính tới việc cam kết vôi vàng này khiến đất nước phải chịu phí tổn bao nhiêu. Trong một lúc nóng vội dẫn đến hậu quả Nhà nước không đủ sức chi trả cho gánh nặng đó. Điều này thông thường chẳng có vấn đề gì nhưng lời hứa bị lãng quên mới là chỗ nảy sinh vấn đề. Boldin, Ten Years That Shook the World (Mười năm làm chấn động thế giới), tr.69-70. Gorbachev đã đến trong chiếc xe sang trọng của Bộ Chính trị. Khi còn là bí thư thứ nhất của Moskva, Yeltsin chỉ đi bằng phương tiện công cộng và điều này đã giúp ông thêm nổi tiếng về sau. Boldin, sách cùng tên, tác giả nói rằng sau này ông đã thông báo với Raisa về chương trình chuyển viếng thăm của họ. Raisa đã không chú ý và nói cứ để mọi việc tự nhiên, bà đã tỏ ra rất tốt khi các quan khách tới nhà. Gorbachev, Hồi ký, tr.201, viết Ligachev (sau này trở thành cánh tay phải của ông) và Zimyaning (nhà tư tưởng hàng đầu) đã lần đầu đề nghị bài diễn văn được phát trực tiếp trên vô

tuyển và ông đã nghe theo lời khuyên của họ. Một đoạn bí mật trong Nghị quyết Đảng — Chính quyền về việc điều chỉnh số lượng rượu mạnh hàng năm giảm xuống. Nó là nét đặc trưng của thời kỳ mà những nghị quyết kiểu như vậy được coi là tối mật. Boldin, sách cùng tên, tr.110, đưa ra các bình luận sắc sảo của Yakovlev. Boldin cũng cho rằng Gorbachev thay đổi cà vạt hàng ngày và cả áo sơ mi nữa. Một ví dụ khác trong tính cách cá nhân của ông là việc tẩy cái bớt trên trán trong các bức ảnh chụp chính thức. Chikhi Gorbachev trở nên nổi tiếng thì ông mới để lại mà thôi. Diễn viên hài kịch Anh Bob Monkhouse từng nói: “Gorbachev liệu có phải là một tên đế quốc?” “Tất nhiên rồi!” “Tại sao?” “Ông ta có cả một bản đồ trên trán”. Mức độ của nhiệm vụ này có thể cảm nhận được từ sự thật Ligachev thông báo với Ban Chấp hành Trung ương tháng 4/1985 ngắn gọn trước khi triển khai chiến dịch, rằng năm 1984, 199 nghìn đảng viên và 370 nghìn đoàn viên đã bị chính quyền khiển trách vì sử dụng rượu mạnh. Stephen White, *Russia Goes Dry: Alcohol, State and Society* (Nước Nga sẽ cạn kiệt: Rượu mạnh, Nhà nước và Xã hội), (NXB Đại học Cambridge, 1996), tr.67. Người quan tâm nhất đến chiến dịch chống rượu mạnh là Ligachev, một người kiêng rượu, và Mikhail Solomentsev, một người nghiện rượu có tư tưởng cải cách. Một trong những sản phẩm phụ của chiến dịch này là Gorbachevka, một chất men khiến người ta nói không ngừng đến perestroika! Thất bại của cuộc cải cách trong việc cải thiện mức sống của nhân dân đã dẫn tới sự các cuộc xung đột trong giới lãnh đạo, vào tháng 10/1987 tại Ban Chấp hành Trung ương, Boris Yeltsin đã lên tiếng chỉ trích gay gắt Gorbachev về tiến trình cải cách và một số vấn đề khác. Hai bên đã không còn chung tư tưởng và phương thức thực hiện, Yeltsin đã bị thôi giữ chức bí thư thứ nhất trong ủy ban đảng Moskva ngay tháng sau đó. *Voprosy ekonomiki*, số 7, 1987, đã cung cấp nhiều chi tiết về tiền lệ này. Alec Nove, trong cuốn *An Economic History of the USSR 1917-1991* (Lịch sử kinh tế của Liên bang Nga 1917-1991), (London, NXB Penguin, 1992), tr.397. Các nguồn thu nhập có được từ buôn bán tiếp tục bị cấm. Luật đối với hoạt động cá thể, tháng 11/1986, đã hợp pháp hóa các hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, chính thức vào năm 1989, người có liên quan chỉ ở con số 300 nghìn.

Bước đột phá đối với hoạt động hợp tác xã xuất hiện tháng 5/1988, với việc thông qua luật hợp tác xã. Các HTX có thể thuê lao động ngoài biên chế không hạn chế số lượng thông qua việc ký hợp đồng. Do vậy, họ đã phát triển nhanh chóng thành các công ty tư nhân. Luật về thuê mướn bất động sản, 1989, và luật đất đai, 1990, mở rộng các hoạt động kinh tế của khu vực phi Nhà nước. Một ước tính về chi phí nhập khẩu thực phẩm, các thực phẩm khác và các hàng hóa tiêu dùng từ các nước phương Tây trong suốt những năm 1970 là 180 tỷ USD. E. hevardnadze, Moi vybor, Vzhashchitu demokratiii svobody (Moskva, Novosti, 1992), tr.107. Brown, The Gorbachev Factor, tr.123, coi phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 1/1987 như bước khởi đầu quan trọng cho cải cách chính trị. Gorbachev, Hồi ký, tr.230. Ông hiểu cần phải dũng cảm đương đầu với những khó khăn nhưng Bộ Chính trị lại quyết định tách việc cải cách giá cả và việc này sẽ hoãn lại cho tới khi có quyết định cuối cùng. Nó tương tự như việc châm một mớ bụi nhùi đang cháy leo lét âm ỉ. Gorbachev, Hồi ký, tr.244, người chỉ ra khát vọng lớn lao của ông và ham muốn quyền lực không có gì là sai trái. Tr.245, Gorbachev cho rằng kết luận cuối cùng mà người nào đó rút ra là sự thật Yeltsin không phải là một nhà cải cách. Nếu Gorbachev tin điều này vào thời điểm đó, nó đã là một đánh giá sai lầm nghiêm trọng. Matlock, Autopsy on an Empire(Xem xét về một đế chế), tr.115. Thuật ngữ“tôn sùng cá nhân” là thuật ngữ dựng cho cách lãnh đạo của Stalin. Sách cùng tên, tr.115. Ngày tiếp theo, George Shultz, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã gặp Gorbachev nhưng ông dường như không chú ý. Shultz phàn nàn với Matlock rằng Gorbachev đã gọi lại cho ông hình ảnh một đấu sĩ không bao giờ biết bị đánh bại là gì, một con người tự tin và biết đánh giá. Lúc đó ông hành động như một người đang giương buồm đẩy con thuyền ra khơi. Tại Đại hội Đảng lần thứ 27 (6/3/1986), người ta tự hào tuyên bố: vấn đề dân tộc, vấn đề còn sót lại từ quá khứ, đã được Liên bang Xô viết giải quyết trọn vẹn và thành công Cuộc chiến tranh tại Afghanistan đã khiến Liên bang Xô viết phải gánh chịu chi phí 3-4 tỷ rúp hàng năm (tương đương với 4-6 tỷ đô la). N. I. Ryzhkov, Perestroika, Istoriya predatelstv (Moskva, Novosti, 1992), tr.232. Casey biết CIA đang để rò rỉ

thông tin mật nhưng không biết Aldrich Ames, một nhân viên CIA đầy kinh nghiệm đã tiếp cận với KGB. Ames cung cấp cho Moskva rất nhiều thông tin quý giá trong suốt thời kỳ Gorbachev cầm quyền, cho phép KGB làm nhiều các nguồn tin của CIA về Liên bang Xô viết và cũng đã phản công ngược lại với các cơ quan tình báo Mỹ. Kryuchkov có nhiều bằng chứng cho Gorbachev thấy mạng lưới tình báo của người Mỹ. Người ta nghi ngờ Shevardnadze là người để lộ thông tin này. Shultz đã thấy ở Shevardnadze sự nồng nhiệt, trung thành và thân thiện. Shultz đã tổ chức một chuyến du thuyền tới Potomac, tấu lên khúc nhạc của vùng Giorgia với tiêu đề “Giorgia trong tâm trí tôi” và sắp xếp cho dàn hợp xướng Nga hát những bài đơn ca truyền thống của vùng Giorgia cho đoàn của Shevardnadze thưởng thức. Ở Moskva, khi các cuộc hượng lượng căng thẳng và khó khăn đang diễn ra, Shultz cùng ba người Nga ở đại sứ quán Mỹ biểu diễn khúc nhạc “Giorgia trong tâm trí tôi”. Việc này làm dịu bầu không khí căng thẳng. Ekedahl và Goodman, Wars of Eduard Shevardnadze, tr.106-107. Tháng 7/1987, Gorbachev phát biểu trước một đám đông: Chính sách công khai là một quá trình học tập lẫn nhau. Chúng ta không có truyền thống văn hóa thảo luận và luận chiến, ở đây con người tôn trọng ý kiến quan điểm của đối phương. Chúng ta là con người bằng xương bằng thịt, có tình cảm, có lý trí. Tôi không giả đò biết sự thật; chúng ta phải cùng nhau tìm hiểu sự thật. Doder và Branson, Gorbachev, tr.77. Ý nói đến chiến thắng của Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc tại Stalingrad, nay đổi là Volgograd, năm 1942-1943. Ước tính mức lương hàng năm của các nhà chức trách là 40 tỷ rúp (tương đương 60 triệu đô la), chiếm khoảng 10% ngân sách nhà nước, trước lúc lên tới đỉnh điểm được xem xét đánh giá. Alexander A. Danilov, The History of Russia: The Twentieth Century (Lịch sử nước Nga: Thế kỷ XX), (New York, NXB Heron, 1996), tr.327. Tuy nhiên, ông cắt giảm bộ máy Ban Chấp hành Trung ương còn 3 nghìn người. Mục đích là giảm số này xuống một nửa. Raisa bị chỉ trích tại các cuộc họp. Sau cuộc họp thượng đỉnh Reykjavik, một phát ngôn của Đảng được hỏi: “Có phải bà đã tự trả tiền vé không?” Các câu chuyện cười thời gian này nhằm vào Raisa và Mikhail Sergeevich. Các cuộc công kích vào Raisa đều nhằm vào

Mikhail Sergeevich, người không thể công kích công khai trước năm 1989. Matlock, *Autopsy on an Empire*, tr.264-265. Năm 1992, Starkov cảnh báo với đại sứ: “Nếu ông công nhận chính sách công khai của Gorbachev, ông sẽ xúc phạm tất cả chúng tôi — những người đấu tranh để có nó. Ban Chấp hành Trung ương Đảng luôn đứng sau chúng tôi chỉ đến 8/1991. Gorbachev không để chúng tôi thực hiện chủ trương công khai nhưng chúng tôi đã thực hiện nó.” Một trong những sản phẩm của nỗ lực này là các giáo sư trường Đại học Pedagogical thuộc Đại học Quốc gia Moskva có viết lại lịch sử nước Nga từ khi bắt đầu cho đến giai đoạn hiện đại. Một trong những thành quả của việc này là nó được Danilov dịch sang tiếng Anh, với tiêu đề *The History of Russia (Lịch sử nước Nga)*. Đây là một cuốn sách hay chứa đựng nhiều tư liệu quý giá. Nó phản ánh một thực tế là các học giả đáng kính này đã viết chân thực về lịch sử thời Marxist trước năm 1988 và cũng chính họ viết về giai đoạn lịch sử phi Marxist sau năm 1988. Alec Nove, *An Economic History of the USSR 1917-1991 (Lịch sử kinh tế của Liên bang Xô viết 1917-1991)*, (London, NXB Penguin, 1992), tr.404. Tháng 3/1989, Boris Gostev, Bộ trưởng Tài chính, tuyên bố chính phủ cần vay 63,8 tỷ rúp. Sự thâm hụt 100 triệu rúp năm 1989 tương đương với 11,7% tổng sản phẩm quốc nội (*Izvestiya*, ngày 30/3/1989). Gorbachev, Hồi ký, thừa nhận Moskva đã mất quyền kiểm soát ở hai nước cộng hòa này. Hiến pháp Estonia được sửa đổi và công nhận quyền tư hữu. Đất đai, không khí, khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên và các phương tiện sản xuất cơ bản đều được công nhận là tài sản của Estonia. Đây là quyền của người Xô viết trong Hiến pháp Liên bang Xô viết (1977). Gamsakhurdia bị lật đổ năm 1992 và Eduard Shevardnadze lên nắm quyền với sự giúp đỡ của người Nga. Boris Yeltsin, *The Struggle for Russia (Cuộc đấu tranh vì nước Nga)*, New York, NXB Random, 1994), tr.39. Khi Yeltsin cho rằng căn phòng có thể bị nghe trộm, những người khác đã phá lên cười. Gorbachev, Hồi ký, tr.642. Chỉ có ba Bí thư Ban Chấp hành Trung ương là Galina Semenova, Andrei Girenko và Egor Stroeov ủng hộ Gorbachev. Đa số trong Ban Bí thư và các cơ quan Đảng ở địa phương đều muốn phế bỏ vị Tổng Bí thư. Vadim Bakatin, *Izbavlenie ot KGB (Moskva, Novosti, 1992)*, tác giả phát hiện có

250 nghìn nhân viên KGB và người làm việc cho tổ chức Tháng 7/1990, ở Jurmala, Nga đồng ý dự thảo các hiệp ước với mỗi nước cộng hòa thuộc vùng Baltic, công nhận chủ quyền. Hiệp ước với Latvia và Estonia được ký vào tháng 1/1991. Hiệp ước với Lithuania bị hoãn vì các sự kiện tháng 2 và được ký ở Moskva ngày 29/7/1991, được Hội đồng Tối cao Lithuania phê chuẩn ngày 19/8/1991. Matlock, *Autopsy on an Empire*, tr.802. Sự trì hoãn của Gorbachev về các hoạt động của Đảng vào ngày 24/8 không được thực hiện bằng một lệnh cấm hợp pháp. Ông đã phản đối việc cấm đoán Đảng nhưng không vui vì việc cấm đoán các cơ quan Đảng. Matlock, sách cùng tên, tr.622. Vị đại sứ cũ cho biết người Mỹ đã vạch ra kế hoạch đặt các thiết bị nghe trộm ở đâu. Hãn (khan) là nhà cầm quyền của đế chế Mông Cổ, thống trị nước Nga giai đoạn 1240-1480. Sa hoàng Boris, tức Boris Godunov, người được tôn làm Sa hoàng năm 1598, không thuộc dòng dõi quý tộc và thất bại trong việc giải quyết nạn đói và bệnh truyền nhiễm năm 1601-1603. Sau đó, nước Nga rơi vào nội chiến và phải chịu sự can thiệp của nước ngoài, đây được coi là thời kỳ hỗn độn. Việc này chấm dứt với sự nắm quyền của triều đình Romanov vào năm 1613. Do vậy, trong tư tưởng người Nga, Sa hoàng Boris được gắn với chế độ quân chủ và sự hỗn loạn. Một tuần sau, năm mới được tổ chức và phát trên truyền hình với buổi lễ kéo dài khoảng ba tiếng tại một nhà thờ lớn ở Leningrad. Tức tên riêng của Brazauskas (BT). Pravada, ngày 26/12/1989. Ông chấp nhận logic của một Đảng Liên bang trong một quốc gia liên bang vào năm 1991, nhưng sau đó đã quá muộn. Trong bài diễn văn của mình, Gorbachev đã lấy cơ viện các mối quan hệ của Lithuania với đại sứ quán Mỹ ở Moskva, kết tội họ có âm mưu “quốc tế hóa” vấn đề. Đây là một sự chỉ trích kỳ quặc. Đại sứ Mỹ đã gặp gỡ thường xuyên các nhóm đến từ ba nước cộng hòa Baltic. Matlock. *Autopsy on an Empire*. Trong một cuộc phỏng vấn với cựu đại sứ Mỹ ngày 14/3/1992, Ryzhkov phát biểu ông đã không giữ lòng trung thành với Gorbachev nữa, một điều mà sau này ông cảm thấy hối tiếc, đồng thời bày tỏ ông có thể thẳng cử nếu ông có lập trường kiên định. Matlock, sách đã dẫn. Gorbachev, Hồi ký, tr.346. Một lý do chính để ước tính sự ủng hộ chính trị dành cho Yeltsin là cuộc cạnh tranh cá nhân gay gắt giữa hai chính

trị gia. Lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ, không một đoàn đại biểu nước ngoài nào được mời. Không có gì ở Đại hội về phong trào cộng sản thế giới và các bộ máy Đảng mới đã bỏ qua tuyên bố rằng Liên bang Xô viết là một phần của phong trào này. Gorbachev, Hồi ký, tr.369. Đây là một ví dụ khác về khả năng đánh giá tình hình của Gorbachev. Đầu năm 1990, Abalkin — chủ tịch ủy ban nhà nước về cải cách kinh tế và Maslyukov — chủ tịch Đoàn Thanh niên Cộng sản, đã soạn thảo một bản ghi nhớ về việc giải quyết khủng hoảng kinh tế. Ngày 17/2/1990, họ trình lên Ryzhkov hai hướng giải quyết: chuyển đổi hệ thống hành chính mệnh lệnh hay tăng cường chuyển đổi sang một nền kinh tế thị trường có kế hoạch. L. Abalkin, Neispolzovanny shans (Moskva, NXB Politizdat, 1991), tr.123. Manfred Wilke, “Hard facts” (Sự thật khó chịu), German Comments (Bình luận của người Đức), số 42, 4/1996, tr.24-25. Tình hình nghiêm trọng là Bộ Chính trị đã không thông báo cho các thành viên của Ủy ban Trung ương SED về bản báo cáo này. Các cuộc thương lượng với Tây Đức bắt đầu yêu cầu những người Tây Đức tài trợ 3 tỷ Đê-mác hàng năm. Tác giả đã tham gia một cuộc hội thảo ở Reichstag về “40 năm nước Đức chia rẽ” khi Bức tường sụp đổ, bất tín hiệu cho việc bắt đầu chấm dứt sự chia rẽ nước Đức. Thời gian này, Gorbachev là một trong những vị anh hùng. Những người tham gia nhận thấy ngày đáng ghi nhớ này là một trong những kết quả về đường lối chính trị mới của ông. Senn, Gorbachev’s Failure (Sự thất bại của Gorbachev), tr.130. Gorbachev đã ký một nghị định và nghị định này được gửi tới Vilnius dưới dạng một bức điện tín. Tư lệnh không quân Xô viết là Tướng Dzhokhar Dudaev, sau này là Tổng thống Chechnya. Ông này không cho phép có thêm quân Xô viết đổ bộ vào Estonia, do vậy không có bạo động ở Tallinn. Gorbachev, Hồi ký, tr.579. Gorbachev nói thêm rằng lúc đó ông vẫn rất tin Yazov. Chernyaev gọi các bài diễn văn của Pugo và Yazov tại phiên họp của Xô viết tối cao là “đần độn, hỗn láo và đầy giả dối”. Tschernajew, Die letzten Jahre einer Weltmacht, tr.344. Một số người Nga thân Xô viết quá thất vọng trước sự nổi lên của chủ nghĩa dân tộc ở Lithuania bắt đầu rời khỏi Lithuania. Năm 1990, dòng người khoảng 6.221 người rời đi nhưng năm 1991, con số này giảm xuống 5.504. Năm 1992,

con số này là khoảng 13.672 người. Lính mũ nồi đen thuộc Bộ Nội vụ. OMON đại diện cho đơn vị bán quân sự, có nhiệm vụ đặc biệt. Matlock, *Autopsy on an Empire*, tr.795. Sau này, ông thông báo với đại sứ Mỹ rằng lúc đó ông không có lòng tin tôn giáo. Song, ông dần dần tin vào Chúa và giá trị của những lời cầu nguyện sau khi ông có cuộc sống an nhàn sau cuộc đảo chính tháng 8/1991. Tschernajew, *Die letzten Jahre einer Weltmacht*, tr. 373. Kohl nói với Gorbachev rằng nếu ông tham gia cuộc gặp London với tư cách quan sát viên, ông sẽ trở thành thành viên chính thức trong cuộc gặp năm 1992 tại Munich. Matlock, *Autopsy on an Empire*, tr.538. Niềm tin của bà Thatcher vào Mikhail Gorbachev bị lung lay sau khi hai bên rời khỏi văn phòng. Năm 1992, Vladimir Bukovsky chỉ cho Thatcher bản sao một tài liệu có chữ ký của Gorbachev, cam kết chi 1 triệu đôla cho Hiệp hội Công nhân mỏ do Arthur Scargill lãnh đạo, trong khi thợ mỏ đang tiếp tục đình công chống lại chính phủ của bà. Gorbachev đã thú nhận với bà không hề có bất cứ một quỹ nào của Xô viết tài trợ cho công nhân mỏ Anh chống lại bà. Không chắc chắn quỹ này có số tiền đó hay không. Một số tác giả bản thảo tài liệu Gorbachev có đóng góp một phần trong nỗ lực khôi phục luật và trật tự bằng cách tách riêng văn phòng tổng thống với nội các của mình. Nội các của ông, được trao một số đặc quyền, sẽ đưa ra một vài cách thức mạnh mẽ để cứu lấy nhà nước Xô viết. Michael Urban, Vyacheslav Igrunov và Sergei Mitrokhin, *The Rebirth of Politics in Russia (Sự tái sinh các nền chính trị ở nước Nga)*, (Cambridge, NXB ĐH Cambridge, 1997), tr.247; Yu. Burtin, *Demokraticheskaya Rossiya (Nước Nga dân chủ hóa)*, 3/11/1991. 1. Elizabeth I (1533-1603): là Nữ hoàng Anh và Nữ hoàng Ireland từ 1558 cho đến khi băng hà. Bà trở nên bất tử với tên Faerie Queen trong thiên sử thi cùng tên của Edmund Spenser. 2. Hồng Y Richelieu (1585-1642): không là vua, mà là thủ tướng trong thời kỳ làm vua của người con trai bất tài của vua Henri IV là vua Louis 13. Từ năm 1624-1642, Hồng y Richelieu đã cai trị nước Pháp theo ý mình và muốn củng cố vương quyền trung ương và bành trướng các ảnh hưởng của nước Pháp qua khắp châu Âu. 3. David Lloyd George (1875-1945): là Thủ tướng Anh nhiệm kỳ 1916-1922. 4. Henri VIII (1491-1547): là một trong số những ông vua lớn nhất trong Lịch

sử nước Anh. 5. Abraham Lincoln (1809-1865), (còn được biết đến với tên Abe Lincoln, tên hiệu Honest Abe, Rail Splitter, Người giải phóng vĩ đại): là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 16, người đã dẫn dắt nước Mỹ qua cuộc khủng hoảng lớn nhất, cuộc Nội chiến Hoa Kỳ và chấm dứt chế độ nô lệ tại quốc gia này. 6. Lord George Gordon Noel Byron (1788-1824): là nhà thơ lãng mạn Anh, một trong những nhà thơ lớn của thế giới thế kỷ XIX. 7. Josephine de Beauharnais (1763-1814): là hoàng hậu nước Pháp, vợ đầu tiên của Napoleon. 8. Marie Walewska: người tình xứ Ba Lan, rất được Napoleon yêu chuộng. 9. Joe McCarthy: là thượng nghị sỹ Mỹ, đã từng phát động chiến dịch “săn lùng phù thủy” nhằm chống đảng cộng sản hồi những năm 1950. 10. Joseph P. Kennedy (1888-1969): rời bỏ làng New Ross ở hạt Wexford, Ireland đến Mỹ lập nghiệp. Ông trở thành một tay làm thùng phuy chứa dầu hỏa chuyên nghiệp và lập một cơ sở thương mại vững chắc. Ông kết hôn và có ba người con gái, một con trai – một Patrick mới. Patrick cha năm xuống. Patrick con lớn lên kết hôn với May Hiker và hạ sinh một trai cũng đặt tên Patrick. Đứa con trở thành Joseph Patrick Kennedy và tạo nên một đại gia đình Hoa Kỳ danh tiếng sau này... 11. Harry S. Truman (1884-1972): là Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1945-1953. 12. Herbert Clark Hoover (1874-1964): tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ (1929-1933), là một kỹ sư mỏ nổi tiếng thế giới và là một nhà cầm quyền theo chủ nghĩa nhân đạo. 13. Dwight David “Ike” Eisenhower (1890-1969): là Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ (1953-1961). Trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai, ông là Tổng tư lệnh quân Đồng minh ở châu Âu với quân hàm Thống tướng, và năm 1949 ông trở thành Tổng tư lệnh đầu tiên của NATO. 14. Là hệ thống lý luận kinh tế vĩ mô lấy tác phẩm Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ của nhà kinh tế học người Anh John Maynard Keynes (1883-1948) làm trung tâm và lấy nguyên lý cầu hữu hiệu làm nền tảng. 15. Kho dự trữ vàng quốc gia của Mỹ. 16. Adlai Stevenson: đảng viên Đảng Cộng hòa, từng thất bại trong cuộc chạy đua giành ghế tổng thống năm 1952 và 1956. 17. Nelson Aldrich Rockefeller (1908-1979): là cháu nội của nhà tỷ phú đầu tiên, John D. Rockefeller. Ông làm thống đốc tiểu bang New York gần bốn nhiệm kỳ (10 năm) rồi ra tranh

cử ứng viên tổng thống sơ tuyển trong Đảng Cộng Hòa. Năm 1974 ông là Phó Tổng thống dưới thời Tổng Thống Gerald Ford. 18. James Earl “Jimmy” Carter, Jr (sinh năm 1924) là chính khách và là Tổng thống thứ 39 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1977-1981, đồng thời là quán quân Giải Nobel Hòa bình năm 2002. 19. Chủ nghĩa này quan niệm các công dân sinh ra ở địa phương trội hơn những người nhập cư. 20. Carey Estes Kefauver (1903-1963): là đảng viên Đảng Dân chủ, được chọn làm ứng viên Phó Tổng thống trong cuộc bầu cử năm 1956. 21. Hành trình danh dự. 22. Martin Van Buren (1782-1862): là Tổng thống thứ 8 Hoa Kỳ (1837-1841), đảng viên Đảng Dân chủ. 23. James Buchanan (1791-1868): là Tổng thống thứ 15 của Hoa Kỳ (1857-1861). 24. Ulysses Simpson Grant, tên khai sinh Hiram Ulysses Grant (1822-1885): là tướng của quân đội Liên bang miền Bắc trong Nội chiến Hoa Kỳ và là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 18 (1869-1877). 25. James Knox Polk (1795-1849): là Tổng thống thứ 11 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1845-1849. 26. Stephen Grover Cleveland (1837-1908): là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 22 và 24, và là tổng thống duy nhất phục vụ hai nhiệm kỳ không liên tục nhau 1885- 1889 và 1893-1897. 27. Vào cuối thế kỷ XVIII, Đảng Whig đại diện cho quyền lợi của những người theo đuổi tư tưởng cải cách về bầu cử, nghị viện và công tác từ thiện ở Anh. Từ giữa thế kỷ XIX, Đảng Tự do (Liberal Party) nổi lên với tư cách là đảng kế tục Đảng Whig. 28. Arthur Neville Chamberlain (1869-1940), nhà hoạt động chính trị, nhà ngoại giao Anh. Từ 1918, là Hạ nghị sĩ; từ 1924-1929, nhiều lần tham gia chính phủ, giữ chức Bộ trưởng. Những năm 1937-1940 là Thủ tướng và thủ lĩnh Đảng Bảo thủ. 29. John Kenneth Galbraith: giáo sư kinh tế của trường Harvard, trước đây từng là Đại sứ tại Ấn Độ, được nhận huy chương của Tổng thống Hoa Kỳ. 30. Felix Frankfurter: nguyên Thẩm phán Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. 31. John Quincy Adams (1767-1845): là tổng thống Hoa Kỳ thứ 6 (1826-1829), là con trai đầu và là con thứ hai của vị tổng thống Hoa Kỳ thứ 2, John Adams (nhiệm kỳ 1797-1801) và Abigail Adams. tiêu chuẩn mà với tư cách một chính khách, Jack luôn cố gắng noi theo để hình thành phương pháp quản lý (Sự gắn bó về mặt tình cảm với đất nước Ailen xưa kia chưa bao giờ làm giảm thái độ này). Jack nhanh chóng hoàn thành bước

quá độ sang tuổi trưởng thành dưới áp lực của những ngày Hitler đẩy cả châu Âu và thế giới vào cuộc chiến tranh. 32. Tức là Đại Tây Dương, Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương. 33. Douglas MacArthur (1880-1964): là Tham mưu trưởng Quân đội Hoa Kỳ trong suốt thập niên 1930 và sau đó đóng vai trò quan trọng trên mặt trận Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Trái lại điều này càng tăng thêm sự tự tin vốn có của ông. 34. Bobby Kennedy, còn được gọi tên tắt là RFK: là một trong hai người em trai của tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy, với chức vụ tổng trưởng ngành luật pháp Hoa Kỳ từ 1961-1964. Ông là một trong những người cố vấn mà tổng thống Kennedy tin cậy nhất, và làm việc kề cận với tổng thống trong thời kỳ khủng hoảng vũ khí hỏa tiễn của Cuba. 35. Henry Cabot Lodge, Jr. (1902-1985): là một Thượng nghị sỹ Mỹ của bang Massachusetts, một Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng hòa, và là một ứng cử viên Phó Tổng thống Hoa Kỳ. năm 1956 không hề khôn ngoan. Nhưng Jack Kennedy phớt lờ tất cả những sự dẫn đo đó. Ông không chắc mình còn sống được bao lâu nên đối với ông, liều lĩnh là điều duy nhất có ý nghĩa. 36. Lý thuyết gia chính trị xuất sắc, tác giả cuốn Quân Vương đã được Alpha Books xuất bản. 37. Đạo luật về các quan hệ quản lý lao động của Mỹ được Quốc hội thông qua năm 1947, bất chấp sự phủ quyết của Tổng thống Truman. 38. Hội nghị Postdam: từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 2 tháng 8 năm 1945, tại cung điện Cecilienhof - Postdam, của các nhà lãnh đạo của phe Đồng minh là Harry S. Truman, Winston Churchill, Clement Attlee và Stalin để quyết định tương lai của nước Đức và châu Âu thời hậu chiến. 39. Robert Alphonso Taft II (sinh năm 1942): là thống đốc của tiểu bang Ohio thuộc Đảng Cộng hòa từ năm 1999 đến tháng 1/2007. 40. Henry Clay (1777-1852): là nhà hùng biện Mỹ thế kỷ XIX, người đại diện cho cả Nhà Trắng lẫn Thượng nghị viện. 41. Edmund Gibson Ross (1826-1907): là một chính khách biểu trưng cho bang Kansas sau Nội nước chiến Mỹ và sau trở thành thống đốc của New Mexico. 42. Liên Xô đã bắn hạ máy bay do thám U2 bay vào lãnh thổ của mình và tận dụng triệt để cơ hội vô giá này cho việc tuyên truyền. 43. Lúc đó, Martin Luther đang biểu tình ngồi ở một nhà hàng phân biệt chủng tộc. 44. George Catlett Marshall, Jr. (1880-1959): là

một nhà lãnh đạo quân đội Hoa Kỳ, Bộ trưởng Quốc phòng. Marshall là tổng tham mưu trưởng của quân đội và là một cố vấn quân sự cấp cao cho Tổng thống Franklin D. Roosevelt. 45. Dean Acheson (1893-1971): Cựu ngoại trưởng Mỹ. 46. Henry Alfred Kissinger (tên khai sinh: Heinz Alfred Kissinger sinh năm 1923) là một nhà ngoại giao người Mỹ-Đức gốc Do Thái, giành giải Nobel Hòa bình năm 1973. 47. Otto Eduard Leopold von Bismarck là thủ tướng nước Đức và Vương quốc Phổ thế kỷ XIX, được nhiều người gọi là “Thủ tướng thép” do đường lối quân chủ bảo thủ cũng như chính sách chính trị thực dụng. 48. Tháng 9 năm 1938, Hiệp ước Munich được ký kết giữa Anh, Đức, Pháp và Ý. Qua đó Anh Pháp đã chấp nhận để Đức đưa quân vào đồng minh của mình là Tiệp Khắc nhằm tránh chiến tranh với Đức. 49. Mùa xuân năm 1961, Liên Xô phóng tàu Sputnik và nhà du hành vũ trụ Gagarin trở thành người đầu tiên du hành trong không gian. 50. Walter Ulbricht là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước của Đông Đức. 51. Năm 1960, nước Pháp trở thành quốc gia thứ tư có kho vũ khí nguyên tử. Tổng Thống de Gaulle đã tuyên bố nước Pháp là một lực lượng nguyên tử độc lập thứ ba, sau Hoa Kỳ và Liên Xô. Ông cũng muốn phát triển nguyên tử thành một lực lượng đánh trả (force de frappe). 52. Từ của Harry Truman. 53. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vào tháng 7 năm 1944, tại hội nghị ở Bretton Wood, 44 nước tham dự (có cả Liên Xô cũ) đã thống nhất thông qua hệ thống tiền tệ Bretton Wood dùng đồng đô-la Mỹ làm tiêu chuẩn tiền tệ của thế giới. 54. Một trong những người chủ trương nổi tiếng nhất của Thuyết hội tụ – thuyết xã hội học tư sản, cho rằng chế độ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đang phát triển theo những con đường ngày càng xích lại gần nhau và cuối cùng sẽ hòa nhập vào nhau, hình thành nên một xã hội mới, trong đó kết hợp những tính chất tích cực của chế độ tư bản và của chế độ xã hội chủ nghĩa. 55. Ủy ban chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, xã hội và phúc lợi khác của Quốc hội 56. Kế hoạch xâm lược Cuba do Cục Hành động (hay còn gọi là Cục Mật vụ) của CIA vạch ra. Cục trưởng Cục Hành động của CIA lúc đó chính là Richard Bissell. Thất bại của vụ Vịnh Con Lợn mà Bissell là tác giả chính đã hủy hoại thanh danh của ông ta. 57. Mongoose là tên được mã hóa của kế hoạch bí mật nhằm lật

đô Castro. 58. Tổng thống, nhân vật tai tiếng, nhà độc tài quá khích của nước Cộng hòa Dominique từ năm 1930-1939 và từ 1942-1961. Bị một toán vũ trang lạ mặt ở khu ngoại ô Lachaise ám sát vào chiều tối ngày 30 tháng 5 năm 1961. 59. Richard Helms được đề cử làm Phó Giám đốc CIA vào tháng 4 năm 1965 và lên nắm quyền lãnh đạo CIA từ tháng 6 năm 1966 đến đầu năm 1973. Helms được coi là vị tổng giám đốc tài ba nhất. 60. Học thuyết là cơ sở của chủ nghĩa toàn Mỹ, tuyên bố ảnh hưởng của Hoa Kỳ tới các nước thuộc khu vực Trung Nam Mỹ. 61. Từ lỏng mà người Cuba dùng để chỉ người Mỹ. 62. Coretta Scott King: vợ của mục sư da đen Martin Luther King, người từ nhiều năm qua đã tiếp nối sự nghiệp đấu tranh của chồng cho quyền tự do và bình đẳng của con người. 63. Mahatma Gandhi (1869-1948), còn gọi là ông thánh Cam Địa: người chủ trương chống đối không bạo động. 64. Đảng 3 K, đảng cực đoan phân biệt chủng tộc. 65. Thước Anh, bằng 0,914 mét. 66. Một cách gọi khác của Đại học Mississippi. 67. Thành viên tích cực của Hiệp hội quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu, bị một kẻ lạ mặt bắn chết vào ngày 12 tháng 6 năm 1963 ngay trước cửa nhà riêng tại thành phố Jackson, bang Mississippi. 68. Mục sư, một thần tượng của phong trào chống phân biệt chủng tộc ở Birmingham, người cùng hoạt động rất tích cực với Martin Luther King. 69. Nhà sử học nổi tiếng, tác giả nhiều cuốn sách về cuộc đời của Martin Luther King. 70. Chủ tịch NAACP (Hiệp hội các quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu) 71. Trung tá bộ binh làm cố vấn sư đoàn 7BB tại vùng IV chiến thuật (miền Nam Việt Nam) từ năm 1962-1963. 72. Được hiểu là mối nguy về chủ nghĩa cộng sản. 1. Chiến tranh Bảy năm (1756-1763): Cuộc chiến xảy ra giữa hai thế lực gồm có Vương quốc Anh, Vương quốc Phổ và Hannover ở một phía và Pháp, Áo, Nga, Thụy Điển và Saxony ở phía kia. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sau này cũng bị cuốn vào chiến tranh, trong khi một lực lượng của nước trung lập Hà Lan bị tấn công tại Ấn Độ. Tại Bắc Mỹ, cuộc chiến được gọi là Chiến tranh Pháp và người Da đỏ. 2. Frederick North: Thủ tướng Anh giai đoạn 1770-1782. 3. Đảng Whig: Nay là Đảng Dân chủ Tự do, vẫn duy trì vị thế chính trị quan trọng cho đến thế kỷ XX. Đảng Whig ủng hộ việc khai trừ Công tước xứ York theo đức tin

Công giáo khôi quyền kế thừa ngai vàng của xứ Anh, Ireland và Scotland. Tên gọi được dùng để biểu thị sự khinh miệt: “whiggamor” là “đồ chăn bò” (cattle driver). Đảng này gần gũi với giới nghiệp đoàn, tài chính và chủ đất.

4 Nguyên văn: Glorious Revolution, một cuộc cách mạng không đổ máu nhằm lật đổ Vua James II, do Vua William III (1652-1702) lãnh đạo.

5 Hiệp hội thuộc Hội đồng địa phương, thường tổ chức các cuộc họp thường niên bàn về luật.

6 Chiến tranh Hoa Kỳ: Từ năm 1763, Anh trở thành đế chế thực dân lớn, kiểm soát rất nhiều thuộc địa. Cần chi phí cho cuộc Chiến tranh Pháp – người Da đỏ (1756-1763), chính phủ Anh và Vua George III đã áp đặt thuế cao ở 13 thuộc địa Bắc Mỹ, dẫn tới Cách mạng Hoa Kỳ (1775-1783) – cuộc cách mạng giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.

7 Công ty Đông Ấn là tên gọi chung một số công ty của châu Âu được phép độc quyền buôn bán với châu Á, đặc biệt là với Ấn Độ.

1. Cách mạng Pháp: Diễn ra từ 1789-1799, lực lượng dân chủ và cộng hòa đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế và cả Giáo hội Công giáo Roma tại Pháp cũng phải trải qua nhiều thay đổi. Cuộc cách mạng này đã xóa bỏ chế độ phong kiến trong xã hội Pháp và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, nhất là đối với các quốc gia theo chế độ phong kiến lúc bấy giờ.

2. Trung tâm hành chính của thành phố Canterbury, Tổng Giám mục của toàn Anh, nơi đứng đầu Giáo hội Anh và các nhóm đạo Anglican trên toàn thế giới.

3. Khủng hoảng Nootka là cuộc tranh chấp chính trị giữa Anh và Tây Ban Nha, do những sự kiện diễn ra trong mùa hè năm 1789 tại Eo biển Nootka, đảo Vancouver, tỉnh Canada khi đó thuộc Anh.

4. Ngày 1/6 Huy hoàng, còn được gọi là Trận chiến Ushant thứ Ba, là trận đánh hạm đội lớn nhất và là cuộc xung đột đầu tiên giữa Anh và Pháp trong giai đoạn Cách mạng Pháp.

5. Hội Tam điểm: Chính thức được mục sư Anderson thành lập ở Anh quốc năm 1717, ban đầu chỉ gồm những người thợ, những người trong cùng một ngành nghề, nhưng sau mở rộng và có đủ các thành phần xã hội tham gia: từ tiểu thương, học giả, giới bình dân, trí thức đến quý tộc và các quan chức nắm giữ những địa vị cao trong xã hội. Vì vậy, tư tưởng và đường lối rất phức tạp, nhiều biến tướng.

1. Prime Minister tức là Bộ trưởng thứ nhất và thường được gọi là Thủ tướng.

2. Một chức vụ cao trong chính phủ Anh giai đoạn từ giữa thế kỷ

XVI đến đầu thế kỷ XIX, là người chịu trách nhiệm về nguồn tài chính của Hải quân Hoàng gia Anh. Chức vụ này bị bãi bỏ năm 1836.

1. Các cuộc chiến tranh của Napoleon là một loạt các cuộc chiến xảy ra tại châu Âu, dưới thời hoàng đế Napoleon Bonaparte cai trị nước Pháp. Các cuộc chiến này tiếp nối các cuộc chiến do cuộc Cách mạng Pháp phát sinh, kéo dài suốt thời Đệ nhất Đế chế ở Pháp (một chế độ chính trị do Napoleon lập ra).
1. Isle of Dogs (Đảo Chó): Tên gọi này chính thức được dùng vào năm 1588, nguyên là một hòn đảo ở khu Đông London.
1. Toma Paine (29/1/1737-8/6/1809): Sinh ở Anh, nhập cư Mỹ trong thời gian nổ ra Cách mạng Hoa Kỳ, là nhà triết học, nhà cách mạng, người theo trường phái chủ nghĩa tự do cổ điển, một nhân vật nổi bật trong Phong trào Khai sáng. Ông ủng hộ sự độc lập của các thuộc địa Mỹ khỏi Đế quốc Anh và là người có ảnh hưởng lớn đến Cách mạng Pháp.
2. Nghệ thuật biếm họa: Một phát kiến của châu Âu có từ thời cổ đại, là thể loại thích hợp nhất cho việc thể hiện các diễn biến văn hóa và chính trị trong một hình thức cô đọng.
3. Sự phân liệt lần thứ hai của đạo Kitô vào đầu thế kỷ XVI dẫn đến sự ra đời của đạo Tin Lành. Cuộc cải cách này gắn liền với tên tuổi hai đại biểu là Martin Luther (1483-1546) và Jean Calvin (1509-1564). Thế kỷ XVI là thế kỷ mở đầu cho các cuộc cách mạng tư sản châu Âu. Martin Luther chịu ảnh hưởng của tư tưởng tự do tư sản, phản kháng lại những quy định khắc nghiệt của Công giáo. Những tư tưởng cải cách đó đã dẫn tới xung đột gay gắt quyết liệt với Tòa thánh Vatican và sự ra đời của đạo Tin Lành.
4. Thuế thập phân: một loại thuế do Giáo hội Thiên Chúa ở Tây Âu thời trung đại đặt và thu của các tìn đồ bằng một phần mười sản phẩm hàng năm của trang trại để ủng hộ giáo sĩ và nhà thờ.
5. Royal Exchange ở London: Được Thomas Gresham thành lập năm 1565, hoạt động như một trung tâm giao dịch của thành phố; đến năm 1576, được Elizabeth I chính thức đặt tên này.
6. Gọi tắt là Lloyd's, một bộ phận của Royal Exchange ở London, là khu vực riêng của những người ký nhận trách nhiệm thanh toán các hợp đồng bảo hiểm (nhất là về tàu thủy) và những người môi giới hợp đồng bảo hiểm.
7. Có nguồn gốc từ Đức, mở đầu bởi George Louis – cử tri của Hanover, người lên ngôi vua Vương quốc Anh với tước vị George I năm 1714. Triều đại

này được tiếp tục với George II, George III, George IV và kết thúc vào năm 1901, khi William IV qua đời. 1. Nguyên văn: United Provinces, là tên gọi khác của Cộng hòa Hà Lan (1581-1795), nay là Hà Lan. 2. Còn gọi là Hội nghị Quốc gia Pháp (French National Convention), họp từ ngày 20/9/1792 đến ngày 26/10/1795. Cuốn sách đã được Thái Hà Books xuất bản. ****HÌNH 12-5**** Cookie thứ nhất được đọc bởi vòng lặp. ****HÌNH 6-3**** Chạy ví dụ với hàm `isNaN()` trong câu điều kiện ghép. ****Hình 10-8**** Tạo mới và thêm các phần tử bằng vòng lặp `for` và `DOM`. 1. Key West: Một thành phố nằm ở cực Nam của Hoa Kỳ, còn có tên Mile O, tức là điểm bắt đầu của dặm Anh, tính theo chiều dọc của nước Mỹ. 1. Nhà Ronald McDonald (Ronald McDonald House): Chương trình từ thiện của thương hiệu thức ăn nhanh McDonald's, xây dựng những ngôi nhà gần các bệnh viện để cho trẻ em bị bệnh hiểm nghèo và thân nhân các em ở trong thời gian điều trị tại bệnh viện. Ngôi nhà Ronald McDonald đầu tiên được mở ở Philadelphia năm 1974 và hiện nay trên thế giới đã có khoảng 200 ngôi nhà như thế. 1. Stevie Wonder (tên thật Stevland Hardaway Judkins, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1950, sau đổi tên thành Stevland Hardaway Morris): Ca sĩ, nhạc sĩ, nhà sản xuất âm nhạc và nghệ sĩ chơi đa nhạc cụ người Mỹ. Ông là nghệ sĩ tiêu biểu cho âm nhạc đại chúng Hoa Kỳ nửa sau thế kỷ XX với 22 giải Grammy (nhiều nhất cho một nghệ sĩ solo). Bị mù từ nhỏ, Wonder ký hợp đồng trở thành ca sĩ chuyên nghiệp từ khi mới 11 tuổi. 1. Lourdes: Một thành phố nhỏ thuộc miền Nam nước Pháp, gần biên giới Pháp - Tây Ban Nha. 1. Puerto Vallarta: Một thành phố nổi tiếng về du lịch của Mexico, trải dài theo vịnh Banderas bên bờ Thái Bình Dương. này sang ngày khác. Quốc gia khởi nghiệp – Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel (tác giả: Saul Singer và Dan Senor) giới thiệu bức tranh toàn cảnh về những gì dân tộc Do Thái đã làm để nuôi dưỡng và vun đắp cho các doanh nhân khởi nghiệp, thông qua việc thu hút dòng tiền từ các nhà đầu tư mạo hiểm của phương Tây. Bản tiếng Việt đã được Công ty Cổ phần Sách Alpha (AlphaBooks) xuất bản và tái bản nhiều lần. IPL là một dự án giáo dục phi chính phủ, phi lợi nhuận và phi tôn giáo do các doanh nhân, trí thức tâm huyết và Trường Doanh Nhân PACE phối hợp sáng lập, triển khai thực hiện

từ năm 2007. Jack Ma (Mã Vân, sinh ngày 10/9/1964) là tỷ phú, doanh nhân thương mại điện tử người Trung Quốc. Ông là nhà sáng lập và là Chủ tịch điều hành Tập đoàn Alibaba. Ông cũng là doanh nhân Trung Quốc đại lục đầu tiên xuất hiện trên trang bìa của Forbes.

1. Diệp U Đàm: phiên âm tiếng Trung là Ye You Tan.
2. Đại phong cầm: loại đàn organ lớn với hệ thống nhiều ống sáo khổng lồ liên kết với đàn, thường chỉ sử dụng trong nhà thờ.
3. Mượn ý thơ của Lý Bạch. Ý muốn miêu tả lúc này là thời điểm đẹp nhất, hưng vượng nhất của mùa xuân, nhưng thời khắc tươi đẹp này cũng ngắn ngủi như hoa khói, nó chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian rất ngắn.
4. Chữ 色 (sắc): trên chữ này chính là chữ “đao” 刀, nghĩa là con dao. (*) SUV: Kiểu xe thể thao đa chức năng, được thiết kế để có thể vượt qua những địa hình xấu.

(1) Trường phái ấn tượng: Một trào lưu nghệ thuật bắt đầu tại Paris vào cuối thế kỷ 19, đánh dấu một bước tiến quan trọng của hội họa. Cái tên 'ấn tượng' do các nhà phê bình gọi theo một bức tranh nổi tiếng của Claude Monet: Impression soleil levant (Ấn tượng mặt trời mọc).

(2) Hệ thống định vị toàn cầu (Global Positioning System - GPS): Là hệ thống xác định vị trí dựa trên vị trí của các vệ tinh nhân tạo. Trong cùng một thời điểm, ở một vị trí trên mặt đất nếu xác định được khoảng cách đến ba vệ tinh (tối thiểu) thì sẽ tính được tọa độ của vị trí đó. Hệ thống định vị toàn cầu của Mỹ là hệ dẫn đường dựa trên một mạng lưới 24 vệ tinh được Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đặt trên quỹ đạo không gian.

(4) DJ: Viết tắt của Disc Jockey, có nghĩa là người chỉnh nhạc trên đài phát thanh, trong vũ trường hay quán bar. Với các thiết bị và kỹ năng phối trộn biến hóa, DJ ráp nhíp một cách tài tình các loại nhạc tạo thành mạch giai điệu đặc biệt sáng tạo.

(5) Home run: Thuật ngữ dùng trong môn bóng chày, chỉ cú đánh cho phép người đánh chạy quanh sân ghi một lúc nhiều điểm mà không phải dừng lại.

(6) Steve Jobs: Giám đốc điều hành của hãng máy tính Apple, hãng đi đầu trong ngành công nghiệp máy tính ở Mỹ với hàng loạt các sáng chế như hệ điều hành OSX, máy tính và sổ tay điện tử MAC, bàn phím. Hãng đã bán ra hơn 50 triệu máy nghe nhạc cầm tay Ipod trên toàn thế giới. Đây là một sản phẩm cách mạng trong kỷ nguyên âm nhạc kỹ thuật số.

(7) Vince Lombardi: Huấn luyện viên bóng bầu dục huyền thoại trong các giải vô

địch quốc gia Mỹ thế kỷ 20. Ông đã dẫn dắt đội Green Bay Packers đăng quang ngôi vô địch thế giới. (8) Tiger Woods: sinh năm 1975, là vận động viên đánh golf chuyên nghiệp số 1 thế giới người Mỹ. Với danh hiệu này, Woods trở thành tay golf chuyên nghiệp có mức thu nhập cao nhất thế giới (năm 2005 là 87 triệu đô-la). (3) Robert Frost (1874-1963) là nhà thơ nổi tiếng người Mỹ, được xem là một trong những nhà thơ sáng tác về đề tài thôn quê hay nhất trong thế kỷ 20. Ông đã bốn lần đoạt giải Pulitzer, từng được đề cử giải Nobel văn học năm 1953 và nhận được nhiều giải thưởng vinh dự và cao quý khác trong sự nghiệp thơ ca của mình.

3. Thuật ngữ Moat do Warren Buffett sáng tạo ra, ngụ ý một công ty có lợi thế cạnh tranh và tạo ra “hàng rào” ngăn cản sự cạnh tranh của các công ty khác.

1. Ở Việt Nam lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình khoảng 8%/năm. 2 Nơi có sàn giao dịch chứng khoán New York. Hình tượng rắn trên chùa Thái. Khố. Vùng đầm lầy. Tượng. Cúng cơm. Loại bánh mì dẹt tròn. Núi. Hình tròn mang tính biểu tượng cao quý dùng làm đối tượng thiền trong Phật giáo Đại thừa. Tranh vẽ tượng, đề tài tôn giáo. Hiện thân, hóa thân. Phật thiền. Bơ lọc dùng làm dầu ăn. Cây chùy biểu tượng. Một loại rượu ở Nepal, Tây Tạng. Dạ xoa. Thuốc lá làm từ lá thuốc non và đọt gai dầu. Chùa, tu viện ở Tây Tạng. Hoàng phái, phái mũ vàng. Nghĩa là bạn đạo, là một học vị Phật giáo Tây Tạng dành cho tăng ni. Ấn. Ni sư. Chất gây ảo giác, ma túy. Niết Bàn. Hành vi lễ bái hay tụng niệm. Pháp, phận sự. Binh sĩ Nepal trong quân đội Anh hoặc Ấn. Người Anh (1570-1606) thành viên nhóm tín đồ Công giáo có âm mưu ám sát vua James I của Anh. Khu vực ở đông nam Bangladesh và biên giới Ấn Độ với Miến Điện, là một quận của Bangladesh, cho đến năm 1984 thì bị chia thành ba quận. Trong thập niên 1970 và 1980, cư dân các bộ tộc này đã chống lại những cố gắng của chính phủ nhằm đưa dân Bengal đến đây sinh sống. (N.D) Vải dẹt tay. Tiền trà nước. Vâng, được. Biên nhận. Thiên minh sát Xá, hai tay chắp lại để tỏ ý cung kính. Tiếng Latin, nghĩa là chất liệu Ấn Độ. Y học Ấn Độ cổ đại, trị bệnh bằng thảo mộc, yoga, chế độ ăn. Chư thiên Diện kiến với đạo sư. Áo cà sa khoác bên ngoài. Một trong những đường chính dài nhất và xưa nhất châu Á, nối vùng đông và tây tiểu lục địa Ấn và nối Nam Á với Trung Á.

Ảo ảnh. Một dạng bánh mì của Ấn Độ. Rau xào. Đậu lăng. Kỳ an cư mùa mưa. Nhà nghỉ. Bánh mì dẹt chiên trong bơ loãng. Enthusiasm, từ tiếng Hy Lạp enthusiasmos. Pháp Tánh Ngữ Kinh, “Chương 1,” 6. [ITP18.] Tên một loại đá biến chất, đá phiến. Ống điều. Cây gai dầu. Như cái chén nhỏ xíu để uống trà. Ghat: bậc thềm dẫn xuống sông Hằng. Giovanni Antonio Canal (17/10/1697 - 19/4/1768), họa sĩ Ý chuyên vẽ phong cảnh Venice. Joseph Mallord William Turner (23/4/1775 - 19/12/1851), họa sĩ người Anh, vẽ tranh phong cảnh thuộc trường phái lãng mạn. Paul Jackson Pollock (28/1/1912 - 11/8/1956), họa sĩ nổi tiếng người Mỹ, là một gương mặt quan trọng trong trào lưu chủ nghĩa biểu hiện trừu tượng. Pieter Bruegel il Vecchio (1525 - 9/9/1569), họa sĩ Hà Lan. Điệu nhảy siêu phàm của thần Shiva. Biểu tượng sùng bái hình dương vật. Trống vỗ bằng tay. Bánh mì dẹt chiên phồng lên. Một dạng kẹo. 1. Ta là chúa tể của thế giới. 2. Hai câu thơ nằm trong bài thơ Hai mươi hai vần dâng tặng quan tả thừa họ Vi của Đỗ Phủ. 3. Trong Tứ tiểu Thiên hậu của dòng văn học lãng mạn hiện đại do độc giả Trung Quốc bình chọn, Phi Ngã Tư Tôn được mệnh danh là Thiên hậu bi tình, bởi lẽ bi kịch dường như đã trở thành dấu ấn riêng của chị. 4. Cô chiêu: trong “cậu ấm, cô chiêu”, con cái trong những gia đình giàu có, được nuông chiều. 5. Hành cung: cung điện cho vua ở tạm khi ra khỏi hoàng thành ở kinh đô. 6. Tianya: một trong những diễn đàn trực tuyến được yêu thích nhất tại Trung Quốc. 1. Shizuka: một nhân vật phụ trong bộ truyện tranh Hana Yori Dango (Boys Over Flowers) của Nhật. 1. Câu chuyện về người nông dân và con rắn độc là một câu chuyện thuộc tuyển tập Những câu chuyện ngụ ngôn của Aesop. 1. Củ dền: có tên khác là củ cải đường, được trồng nhiều ở vùng Bắc Mỹ, Trung Mỹ và Anh Quốc. 2. Two-tone: hai tông màu. 1. Mỗi một loài hoa đều mang những thông điệp riêng, dạ lan có nhiều màu, nhiều thông điệp. Màu tím của dạ lan tượng trưng cho nỗi buồn và nói thay lời xin lỗi: “Hãy tha thứ cho anh.” 1. Căn cứ theo thủ pháp vẽ, tranh Trung Quốc có thể chia thành tranh vẽ chi tiết và tranh tả ý. 2. Cá Napoleon: còn gọi cá hàng chài đầu to, được phát hiện ở các vùng nước Indonesia và Phillipines, rất được ưa chuộng ở Trung Quốc. 1. Olympiad: giải thi đấu mang tính quốc tế, đề thi thường rất khó, được chia

làm nhiều lĩnh vực: Toán, Lý, Hóa, Thể dục thể thao, Cờ vua... 2. Ôi, Romeo, Romeo! Sao chàng lại là Romeo chứ? 1. GMAT: viết tắt của Graduate Management Admission Test, là tiêu chuẩn đánh giá được phân phát bằng tiếng Anh, giúp cho các trường thương mại đánh giá khả năng của những người nộp đơn xin học thương mại và quản trị cấp cao. 2. Trần Viên Viên: một danh kỹ ở miền Giang Nam thời Minh mạt - Thanh sơ, là một trong những nhân vật dẫn đến sự sụp đổ của nhà Minh. 3. Một câu thơ trích trong bài Viên Viên khúc của Ngô Vĩ Nghiệp, Nguyễn Thị Bích Hải dịch. 4. Một loại rượu bình dân của Trung Quốc, nấu từ hạt ngũ cốc. 1. Sơn tra: còn có tên là cây chua chát, cây gan hay táo mèo, được dùng làm thuốc ở cả phương Đông và phương Tây hàng chục thế kỷ qua. Hiện nó được dùng rộng rãi tại nhiều nước châu Âu để trị bệnh tim mạch. Còn ở Việt Nam, Trung Quốc, sơn tra là thuốc chữa các chứng về đường tiêu hóa. 1. ICU: viết tắt của cụm từ Intensive Care Unit, khu chăm sóc đặc biệt, khoa hồi sức tích cực. 2. Theo quan niệm của người Đài Loan, sau khi tai qua nạn khỏi nên ăn mì móng giò để xua đuổi vận đen. Còn theo dân gian Trung Quốc lưu truyền bấy lâu nay, lá bưởi có thể mang lại may mắn, xua đuổi tà ma và những điều xấu. 1. Hồng lâu Nhị Vưu: chỉ Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư, hai nhân vật trong Hồng lâu mộng. Cả hai đều là những cô gái sắc nước hương trời. 2. Rukawa Kaede: một trong những nhân vật chính trong bộ truyện tranh Slam Dunk của Nhật. 3. Trương Vô Kỵ: nhân vật nam chính trong bộ tiểu thuyết Ý thiên Đồ long ký của nhà văn Kim Dung. 4. Quang Minh đỉnh: sào huyệt của Ma giáo mà Trương Vô Kỵ đã lần mò theo một ông hòa thượng leo lên. 5. Lầu Dật Phu là công trình kiến trúc được đặt theo tên của nhà tài trợ Thiệu Dật Phu. Thiệu Dật Phu được biết đến như một “ông trùm” của làng giải trí Hoa ngữ. Kể từ năm 1985, ông đã quyên tiền xây dựng nhiều công trình kiến trúc phục vụ cho khoa học giáo dục tại Đại lục, các công trình này thường được đặt theo tên của ông. 6. Hoa dạ hợp: hay còn gọi là hoa mộc lan Trung Hoa, có màu trắng hoặc phớt hồng. 1. Diêu Minh: ngôi sao bóng rổ thành công ở Mỹ và được cả Trung Quốc biết đến. 2. Minh Tường: vận động viên điền kinh đầu tiên của Trung Quốc từng giành ba danh hiệu: kỷ lục gia thế giới, vô địch thế giới và vô địch

Olympic. 3. Vận động Ngũ tú (hay còn gọi là Phong trào Ngũ tú): một phong trào đấu tranh rộng lớn của sinh viên, học sinh, công nhân, thị dân, trí thức Trung Quốc, vì nổ ra đúng vào ngày 4 tháng 5 năm 1919 nên được gọi là phong trào Ngũ tú. 4. Uống rượu độc chữa khát: ví với giải quyết khó khăn trước mắt mà không tính đến hậu quả về sau. 1. Chúc Doãn Minh (1460-1526): tên chữ là Hy Triết, hiệu Chi Sơn, là một thư pháp gia kiệt xuất đứng đầu Thư phái vùng Ngô trung, mọi người nhận định ông là thư pháp gia đệ nhất triều Minh. 2. Phê đấu: một thuật ngữ phổ biến trong thời kỳ “đại cách mạng văn hóa của Trung Quốc”, viết tắt của “phê phán” và “đấu tranh”. 3. Hai câu thơ trích trong Thấm viên xuân - Trường Sa của Mao Trạch Đông. 4. Diệt Thư: tên đầy đủ là Nghệ Diệt Thư, sinh năm 1946 tại Thượng Hải, là em gái của tác gia nổi tiếng Nghệ Khuông, cùng với Kim Dung và anh trai được xem là “tam đại kỳ tích” của giới văn đàn Hương Cảng. 1. Morphine: một loại thuốc giảm đau gây nghiện. 1. Em Lâm: chỉ Lâm Đại Ngọc, một trong ba nhân vật chính trong tiểu thuyết Hồng lâu mộng. 2. Squash: môn thể thao giống tennis, nhưng chơi trong phòng kín, vợt ngắn hơn và bóng cũng nhẹ hơn. Người chơi đánh bóng vào vách tường có gạch mức để làm chuẩn tính điểm, có thể chơi một mình. 1. Câu thơ trích trong bài thơ Thái tang tử của Tân Khí Tật, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn. 2. Từ thời La Mã, người ta vẫn cho rằng đà điểu ngốc nghếch đến nỗi chúng đối phó với hiểm nguy bằng cách giấu đầu trong cát. Hình ảnh này cũng trở thành ẩn dụ cho những ai trốn tránh thực tế, giống như đứa trẻ bịt tai lại và la toáng lên: “Tôi không nghe thấy gì cả”. 3. “Đồng Tuyết” phát âm gần giống với từ “bạn học”; 同学(tóngxué/bạn) và 童雪(tóng xuě/Đồng Tuyết). 1. Kaixin: một trong những trang mạng xã hội phổ biến ở Trung Quốc. 2. JP: viết tắt của từ 极品 (jipin) theo nghĩa tiêu cực tức là: người tệ hại không ai chịu nổi. 1. Alibaba Group là tập đoàn thương mại điện tử lớn nhất Trung Quốc, sở hữu công ty Alibaba.com và đồng thời sở hữu Taobao, Alipay, China Yahoo... 2. Taobao là một trong bốn hệ thống mua bán trực tuyến lớn nhất tại Trung Quốc. 3. Tencent: công ty cung cấp dịch vụ tin nhắn QQ cùng nhiều dịch vụ trực tuyến khác, rất phổ biến tại Trung Quốc. 4. Mã Hóa Đằng: chủ tịch kiêm tổng giám đốc

điều hành Tencent. 5. Mã Vân: người sáng lập và là tổng giám đốc tập đoàn Thương mại điện tử khổng lồ Alibaba. Khải Đạt từ năm 2005 bắt đầu cung ứng hộp bọ ngoài iPod cho Apple. Macintosh (hay Mac): Là một dòng sản phẩm máy tính cá nhân được thiết kế, phát triển và đưa ra thị trường bởi tập đoàn Apple. C2C (Consumer-to-Consumer): Là hình thức thương mại điện tử giữa những người tiêu dùng với nhau. Kỉ nguyên hậu PC: The Post-PC era Cây gậy và củ cà rốt (carrot and stick): Là khái niệm được dùng để chỉ một hành động đồng thời khuyến khích điều tốt (củ cà rốt) và trừng phạt điều xấu (cây gậy). Đây là một chính sách ngoại giao trong quan hệ quốc tế, thường được các nước lớn mạnh sử dụng nhằm thay đổi hành vi của các nước nhỏ hơn. “Cây gậy” tượng trưng cho sự đe dọa trừng phạt, còn “củ cà rốt” tượng trưng cho quyền lợi hay phần thưởng. Bong bóng Dot-com: ý nói những trang web của các công ty trên mạng lưới toàn cầu với tên miền là.com, là một bong bóng thị trường cổ phiếu khi các cổ phiếu của các công ty công nghệ cao, nhất là các công ty mạng được đầu cơ. Bong bóng này được sinh ra vào ngày 9/8/1995 – khi Netscape Communications bắt đầu niêm yết cổ phiếu của mình và vỡ vào ngày 10/3/2000 – khi chỉ số tổng hợp NASDAQ đạt đỉnh cao nhất. Bong bóng Dot-com đã góp phần cùng các nhân tố khác tạo nên sự thịnh vượng kinh tế của Mĩ cuối thập niên 1990 – thời kì mà nhiều người gọi là “Nền Kinh tế Mới”, còn Alan Greenspan gọi là “sự thịnh vượng bất thường”. Personal Digital Assistant: Thiết bị kĩ thuật số hỗ trợ cá nhân Tên một nhân vật trong truyện cho thiếu nhi có tên là Struwwelpeter. Rapid eye movements (chuyển động mắt nhanh) để chỉ một giấc ngủ sâu, trái ngược với NREM - giấc ngủ không sâu. Quasimodo: Anh gù trong tiểu thuyết Nhà thờ Đức Bà Paris, còn được biết đến với tên “Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà”. Hai nữ minh tinh nổi tiếng của thập niên 80, 90 thế kỷ trước. Hai người phụ nữ được biết đến với gương mặt không mấy xinh đẹp. Nê và Nghê là hai từ đồng âm. Nam uống hoócmon và chuyển đổi giới tính thành nữ. “Ăn dấm” còn có nghĩa bóng là “ghen”. “Trường hận ca” của Bạch Cư Dị.

Table of Contents

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

Lời nói đầu

Chú giải về Đảng và Chính quyền

CHƯƠNG 1 Bối cảnh: Đất nước bình yên

CHƯƠNG 2 Ngôi sao đang lên

CHƯƠNG 3 Perestroika giai đoạn I: 1985-1987

CHƯƠNG 4 Perestroika giai đoạn II: 1987-1989

CHƯƠNG 5. Chính sách perestroika giai đoạn III: 1990-1991

CHƯƠNG 6 Cuộc đảo chính và hồi kết

CHƯƠNG 7 Phần kết

CHÚ GIẢI

NIÊN BIỂU CÁC SỰ KIỆN